Lời Tựa

Quyển sách này được đánh lại từ các bài giảng trong lớp Giáo Lý Cơ bản. Nội dung bao gồm những kiến thức nền tảng của Phật Pháp mà một người cư sĩ cần thiết trên con đường tu học và hoàn thiện bản thân. Vì đánh máy lại lời giảng của Giáo thọ nên văn phong trình bày còn nhiều chỗ thiếu sót, mong quý vị hoan hỷ.

Mong rằng với những cố gắng nhỏ nhoi này có thể mang đến cho quý Phật tử hữu duyên những giá trị to lớn mà Thế Tôn đã để lại.

Kính chúc quý độc giả tìm được cho mình những hành trang cần thiết sau khi đọc quyển sách này.

TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 11 năm 2021

Ban Biên Tập.

MỤC LỤC

Bài 13: NGHIỆP .....

I. NGHIỆP VÀ MỐI QUAN HỆ VẬN HÀNH NHÂN QUẢ 15

1. Định nghĩa về nghiệp: 15

2. Mối liên hệ giữa nghiệp và nhân quả: 15

3. Quy luật vận hành của nghiệp: 16

4. Nguyên nhân tạo nghiệp: 17

II. PHÂN LOẠI NGHIỆP 27

1. Phân loại theo cách cho quả 27

1.2. Cận tử nghiệp: 29

1.3. Thường nghiệp.....38

1.4. Bất định nghiệp.....40

2. Phân loại theo thời gian 41

2.1. Hiện báo nghiệp.....42

2.2. Sanh báo nghiệp: 49

2.3. Hậu báo nghiệp: 49

2.4. Vô hiệu nghiệp:.....50

3. Phân theo phận sự:.....52

3.1. Sanh nghiệp.....52

3.2. Trợ nghiệp.....53

3.3. Chướng nghiệp 53

3.4. Đoạn nghiệp 53

4. Phân theo nơi cho quả.....55

4.1. Nghiệp bất thiện: 55

4.2. Nghiệp thiện Dục giới (nghiệp thiện ở cõi Dục)..55

4.3. Nghiệp thiện Sắc giới.....55

4.4. Nghiệp thiện Vô Sắc:.....56

Phần câu hỏi ôn tập:.....59

Bài 14: LUÂN HỒI.....

I. ĐỊNH NGHĨA 61

II. TỔNG QUAN 64

III. NGUYÊN NHÂN ĐƯA TA LUÂN HỒI? 84

iv. chấm dứt LuÂn Hồi 96

iv. Chết vÀ TÁi sanh 98

V. TÓM LƯỢC 116

Phần câu hỏi ôn tập: 119

Bài 15: TỤNG KINH .....

I. DẪN NHẬP 122

II. SƠ LƯỢC VỀ CÔNG PHU TỤNG KINH 123

III. LỢI ÍCH CỦA VIỆC TỤNG KINH 133

Phần câu hỏi ôn tập: 150

Bài 16: TỨ ÂN .....

I. TỔNG QUAN 151

II. SỰ VÔ ƠN VÀ LÒNG BIẾT ƠN 152

1. Có phải con người hay vô ơn? 153

2. Làm sao để là người biết tri ân, báo ân? 159

3. Sự biết ơn là nhân lành cho thiện pháp và thiện căn phát triển. 163

Tại sao con người vô ơn nhiều hơn người biết ơn? Vì chúng sanh sống với tâm bất thiện nhiều hơn. 163

II. TỨ ÂN 171

1. Ân Cha Mẹ 171

2. Ân Tam Bảo - Thầy Tổ - Sư trưởng.....182

3. Ân đất nước.....184

4. Ân chúng sanh 186

III. TÓM LƯỢC.....187

Phần câu hỏi ôn tập:.....188

Bài 17: BẢY LÝ DO NÊN HỌC PHẬT PHÁP.....

I. DẪN NHẬP 190

II. BẢY LÝ DO NÊN HỌC PHẬT PHÁP 191

1. Lý do thứ nhất: Vì ngôi Tam Bảo Phật – Pháp - Tăng rất hiếm gặp trong cuộc đời này.....192

2. Lý do thứ hai: Thời kì này còn sót lại những tinh túy của Giáo Pháp. 204

3. Lý do thứ ba: Thân người khó được, Phật Pháp khó nghe.....220

4. Lý do thứ tư: Vì Đức Phật cũng tôn trọng Pháp, cũng lấy Pháp làm ngọn cờ.....228

5. Lý do thứ năm: Có học mới hiểu, mới hành đúng 234

6. Lý do thứ sáu: Học Phật Pháp để thâm nhập chân lý, phát sanh trí tuệ, làm lợi ích cho chúng sanh 241

7. Lý do thứ bảy: Đây là thời điểm thích hợp để hành trì.....255

Phần câu hỏi ôn tập:.....261

Bài 18: ĂN CHAY - ĂN MẶN.....

I. ĐỊNH NGHĨA ĂN CHAY - ĂN MẶN.....265

1. Định nghĩa từ "Chay" theo Hán ngữ.....265

2. Định nghĩa từ "Chay" theo Phạn ngữ.....265

3. Đôi nét về ăn mặn.....266

II. QUAN NIỆM ĂN THỜI ĐỨC PHẬT.....266

1. Ăn chay tịnh chỉ mang ý nghĩa là ăn trước giờ Ngọ và được ăn các thứ thịt thanh tịnh (Tam tịnh nhục)266

2. Thuyết Tam Tịnh Nhục.....267

3. 10 loại thịt bị cấm.....269

4. Vì sao Đức Phật không quy định việc ăn chay?...270

III. NGUỒN GỐC ĂN CHAY CỦA PHẬT GIÁO BẮC TRUYỀN.....271

IV. MỤC ĐÍCH ĂN ĐỂ LÀM GÌ.....272

1. Kinh Nhất Thiết Lậu Hoặc, Trung Bộ Kinh.....274

2. Sự Tu Tập Khi Ăn Cần Quan Sát Ra Sao?.....276

3. 9 Khía Cạnh Nhờm Gớm Của Thức Ăn.....279

V. ĂN CHAY-ĂN MẶN THẾ NÀO CHO CÓ PHƯỚC? 283

1. Nguồn nào ra thực phẩm đó?.....283

2. Ăn bằng tâm gì?.....284

3. Nội Dung Kinh Hôi Thối – Tiểu Bộ Kinh (Hai vị Thượng Thủ Thanh Văn thời Phật Kassapa) 286

VI. VÌ SAO MÌNH ĂN CHAY? 292

1. Về mặt tâm linh 293

2. Về mặt sinh học 294

VII. BÀI HỌC.....295

VIII. TÓM LƯỢC.....298

Phần câu hỏi ôn tập:.....302

Bài 19: BÁT ĐOÁN PHẬT NGÔN.....

I. GIỚI THIỆU 304

II. PHÂN TÍCH BÀI KINH 307

1. Những pháp nào đưa đến ly tham, không đưa đến tham dục: 307

2. Những pháp nào đưa đến ly hệ phược, không đưa

đến hệ phược?.....312

3. Những pháp nào đưa đến không tích tập, không đưa đến tích tập?.....315

4. Đưa đến ít dục, không đưa đến dục lớn & 5. Đưa đến biết đủ, không đưa đến không biết đủ (ít dục và biết đủ).....316

5. Đưa đến nhàn tịnh, không đưa đến tụ hội 325

6. Đưa đến tinh tấn, không đưa đến biếng nhác.....331

7. Đưa đến dễ nuôi dưỡng, không đưa đến khó nuôi dưỡng.....340

III. TỔNG KẾT.....341

Phần câu hỏi ôn tập:.....342

Bài 20: NHỮNG CƯ SĨ HỘ PHÁP ĐẮC LỰC THỜI ĐỨC PHẬT .....

I. VUA TẦN-BÀ-SA-LA (BIMBISĀRA).....347

II. NGÀI CẤP CÔ ĐỘC (ANĀTHAPIṆḌIKA) 353

III. CÔ VISĀKHĀ.....358

IV. LƯƠNG Y JĪVAKA KOMĀRABHACCA.....362

V. VUA BA TƯ NẶC (PASENADI): 367

VI. VUA A DỤC (ASOKA).....380

Phần câu hỏi ôn tập:.....390

Bài 21: THỜ CÚNG .....

I. ĐỊNH NGHĨA 392

II. VÌ SAO NÊN CÚNG TẾ.....393

III. PHẨM VẬT CÚNG TẾ.....398

IV. SAU KHI CHẾT CHÚNG SANH, SANH VỀ ĐÂU VÀ HƯƠNG LINH NÀO NHẬN ĐƯỢC CÚNG PHẨM?.....405

V. CÁCH CỨU ĐỘ NGẠ QUỶ 417

Phần câu hỏi ôn tập:.....434

Bài 22: ĐỜI SỐNG CHƯ THIÊN 6 CÕI TRỜI DỤC GIỚI .....

I. XUẤT XỨ.....435

II. TỔNG QUAN VỀ CHƯ THIÊN.....436

1. Phật Thuyết Tuần Tự Pháp. 437

2. Hồi Hướng Cho Chư Thiên 437

3. Niệm Thiên.....440

4. Bốn Thái Độ Đối Với Chư Thiên.....440

5. Đại Hội Chư Thiên 455

6. Vật Thực Của Chư Thiên 458

7. Sự Chết Của Chư Thiên 459

8. Việc Thọ Hưởng Dục Lạc Của Chư Thiên Trong 6 Cõi Dục Giới 464

9. Cõi Người và Cõi Trời, Cõi Nào Nhiều Bậc Thánh Hơn? 467

10. Sự Tiến Triển Phật Giáo Trong Cõi Người Và Cõi Trời 472

11. Tuổi Thọ Cõi Trời Dục Giới.....473

12. Chánh Kinh Phật Dạy về Tuổi Thọ Của Chư Thiên Dục Giới 475

III. PHÂN TÍCH CHI TIẾT SÁU CÕI TRỜI DỤC GIỚI 487

1. CÕI TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG 487

2. CÕI ĐAO LỢI (CÕI TAM THẬP TAM THIÊN)503

3. CÕI DẠ MA.....535

4. CÕI ĐÂU SUẤT.....536

5. CÕI HÓA LẠC.....537

6. CÕI THA HÓA TỰ TẠI 538

Phần câu hỏi ôn tập:.....543

Bài 23: NHỮNG ĐIỀU CHỈ ĐỨC PHẬT MỚI CÓ.....

I. DẪN NHẬP 545

II. TÁM Ý NGHĨA NHƯ LAI 555

1. Nghĩa thứ nhất: Là Bậc đã đến như vậy. 555

2. Nghĩa thứ hai: là Bậc đã đi như vậy. 556

3. Nghĩa thứ ba: là Bậc đã đến với chân lý bằng con đường trí tuệ. 557

4. Nghĩa thứ tư: là Bậc đã chiến thắng. 559

5. Nghĩa thứ năm: là Bậc hiểu rõ chân lý. 560

6. Nghĩa thứ sáu: Là Bậc nói lời chân lý. 561

7. Nghĩa thứ bảy: Là Bậc có ngôn hành nhất quán. 561

8. Nghĩa thứ tám: Là Bậc Vô Thượng Y Vương. 562

II. PHÂN TÍCH 563

1. Sinh ra đem lại an lạc cho số đông.....564

2. Vì sao gặp Phật là khó?.....574

3. Sự xuất hiện một người vi diệu 579

4. Sự ra đi của một người được đa số tiếc thương...580

5. Một người không có đồng bạn, không có người ngang hàng.....588

6. Sự xuất hiện của mắt lớn, đại quang, đại minh, sáu vô thượng,… 590

III. BỐN ĐIỀU CHỈ PHẬT MỚI CÓ.....610

IV. VÌ SAO KHÔNG CÓ HAI VỊ PHẬT XUẤT HIỆN CÙNG LÚC?.....610

Phần câu hỏi ôn tập:.....615

Bài 24: NHỮNG ĐIỀU KHÔNG THỂ XẢY RA.....

I. CHẤP NHẬN CÁC HÀNH LÀ THƯỜNG CÒN ...622

II. Chấp nhận CÁC HÀNH LÀ lạc VÀ CHẤP NHẬN CÁC PHÁP LÀ NGÃ.....623

III. PHẠM NĂM TỘI NGŨ NGHỊCH VÀ THỐI THẤT NIỀM TIN NƠI ĐỨC PHẬT 624

IV. HAI VỊ CHÁNH ĐẲNG GIÁC XUẤT HIỆN CÙNG MỘT LẦN.....631

V. HAI VỊ CHUYỂN LUÂN VƯƠNG XUẤT HIỆN CÙNG MỘT LẦN.....641

VI. NĂM ĐIỀU KHÔNG THỂ XẢY RA VỚI MỘT NGƯỜI NỮ.....643

VII. QUẢ THỊ DỤC CỦA THÂN, KHẨU, Ý ÁC LẠI KHẢ LẠC, KHẢ HỶ, KHẢ Ý 646

VIII. QUẢ THỊ DỤC CỦA THÂN, KHẨU, Ý THIỆN LẠI KHÔNG KHẢ LẠC, KHẢ HỶ, KHẢ Ý.....648

IX. QUẢ THỊ DỤC CỦA THÂN, KHẨU, Ý ÁC LẠI SANH VỀ CÕI LÀNH 649

X. QUẢ THỊ DỤC CỦA THÂN, KHẨU, Ý THIỆN LẠI SANH VỀ CÕI DỮ.....650

XI. TỔNG KẾT 650

Phần câu hỏi ôn tập:.....652

Bài 25: HỘ NIỆM.....

I. NHỮNG BÀI KINH VỀ SỰ HỘ NIỆM 655

II. SỰ QUAN TRỌNG CỦA GIỜ PHÚT CẬN TỬ.....680

III. BA HIỆN TƯỢNG TRƯỚC KHI CẬN TỬ.....687

IV. NÓI GÌ VỚI NGƯỜI SẮP MẤT?.....692

Phần câu hỏi ôn tập:.....695

Bài 13: NGHIỆP

---

* NGHIỆP VÀ MỐI QUAN HỆ VẬN HÀNH NHÂN QUẢ
* PHÂN LOẠI NGHIỆP

Hôm nay chúng ta tiếp tục bài học với chủ đề "Nghiệp" hay nói rõ hơn là chủ đề "Nghiệp và Quả của nghiệp". Mục đích của bài học hôm nay là để bàn rõ, giải quyết những vấn đề khúc mắc về nghiệp và hiểu cho đúng để rút ra những bài học trong cuộc sống của mình. Nói đến Phật giáo, chúng ta thường rất hay nghe đến từ: nghiệp hoặc nhân quả. Hôm nay học để mình biết có bao nhiêu loại nghiệp căn bản, nghiệp nào quan trọng, nghiệp nào đừng bao giờ phạm vào, nghiệp thiện nào nên làm, nghiệp ác nào nên dừng, nghiệp ác nào đừng nên tạo, và nghiệp nào dẫn mình đi tái sinh kiếp kế tiếp.

I. NGHIỆP VÀ MỐI QUAN HỆ VẬN HÀNH NHÂN QUẢ

1. Định nghĩa về nghiệp:

Nghiệp có nghĩa là những hành động bằng thân, bằng khẩu, bằng ý (bằng tâm) mà có sự cố ý trong đó. Trong Kinh, Đức Phật dạy: ***"Tác ý chính là nghiệp"***, nói theo thuật ngữ thì tâm hành là nghiệp. Tâm hành nghĩa là tâm thiện và tâm bất thiện, tâm thiện thì tạo nghiệp thiện, tâm bất thiện thì tạo nghiệp xấu.

2. Mối liên hệ giữa nghiệp và nhân quả:

Có những cái nghiệp chính là nhân quả, nhưng có những cái có nhân quả nhưng không có nghiệp.

Ví dụ 1: Dùng lời nói bất thiện của mình để chửi người ta một câu thì đó là nghiệp bất thiện, từ đó sẽ đưa đến quả bất thiện. Việc làm chửi người khác chính là nhân, khi quả báo bị người ta chửi lại là quả. Vậy thì việc đó gọi là nhân quả, và việc làm chửi đó được gọi là nghiệp. Chính vậy, đó cũng là nghiệp và là nhân quả.

Ví dụ 2: Mình trồng cây xoài, hạt giống xoài rớt xuống đất là nhân, 2 - 3 năm sau nó cho quả

thì đó là nhân quả. Vậy quá trình đó không được gọi là nghiệp nhưng vẫn là nhân quả.

Cho nên khi nói đến nghiệp là nói đến nhân quả, nhưng có những cái có nhân quả chứ không có nghiệp. Vậy thì nói đến nghiệp là nói đến nhân quả (nghiệp nhân, nghiệp quả), nhưng có những cái nhân quả như: Nhân quả ở thực vật, nhân quả của tự nhiên nó không liên quan đến nghiệp thiện, bất thiện thì đó vẫn là nhân quả. Cho nên khi nói đến nghiệp cũng là nói đến quy trình nhân quả, nhưng chỉ nói đến nhân quả thì phải coi nhân quả của cái nào như nhân quả của tự nhiên: mưa thì mát, mặt trời lửa đốt thì nóng thì không có nghiệp. Như cùng một cái tay: mình đập xuống bàn một cái thì có nhân quả nhưng không có nghiệp, nhưng dùng cái tay đó đi đánh người kia một cái thì cái đó là nhân, và mình sẽ nhận một cái quả khác lại thì đó là quả - hành động đó là nhân quả và có nghiệp. Vì vậy, nên nói nghiệp là nói đến nhân quả, nhưng khi nói đến nhân quả thì coi nó có dính đến nghiệp hay không.

3. Quy luật vận hành của nghiệp:

Khi chúng ta tạo một nghiệp nhân nào đó thì sẽ có cái quả, nhưng cái quả có thể trổ đời này, đời sau, có khi trổ liền, có khi trổ trong 7 ngày, có

khi trổ trong cả trăm ngàn kiếp sau và có khi nó không trổ (vô hiệu nghiệp - nghiệp không có kết quả).

Trong kinh Pháp Cú, có câu kệ:

"Trong các pháp, tâm làm chủ, tâm dẫn đầu

Nếu với tâm ô nhiễm thì khổ não bước theo sau

Nếu với tâm thanh tịnh, an lạc bước theo sau."

Nên là khi mình làm một việc gì đó thì cái ý (tâm) vô cùng quan trọng. Mình chuẩn bị nói một lời ác khẩu, một lời phù phiếm thì lúc đó ý khởi lên thành ý nghiệp, nếu mình nói ra miệng thì thành khẩu nghiệp và nếu đánh người ta một cái qua cái thân thì gọi là thân nghiệp. Có những khi thân mình không làm gì hết, miệng mình không nói gì hết, nhưng tâm mình khởi ý bất thiện là ý nghiệp: Mình vẫn âm thầm, vẫn tự cao, vẫn tự đại, vẫn nghĩ xấu người khác, mình đố kỵ người khác thì đó là ý nghiệp.

4. Nguyên nhân tạo nghiệp:

Trong bài Luân Hồi chúng ta đã học, nguyên nhân đưa mình đi luân hồi là vô minh và tham ái.

Vô minh ở đây là không hiểu Tứ Đế, không hiểu chân lý, không hiểu Thập nhị nhân duyên, và khi mình không hiểu điều đó thì làm những điều bất thiện. Nói trong 12 nhân duyên là *"vô minh duyên hành"* tức là sự không hiểu biết về Tứ Đế rồi từ đó mình làm những điều bất thiện. Vậy nên ngày nào chúng ta còn vô minh, tham ái là ngày đó mình còn làm điều bất thiện.

Với Đức Phật, và với các vị Thánh A-la-hán thì đối với các Ngài không còn chuyện tạo nghiệp nữa. Ví dụ như các Ngài có nói một lời lành thì mình không nói đó là nghiệp lành, các Ngài dùng tay để giúp đỡ ai đó thì mình cũng không nói thân nghiệp của Ngài là nghiệp lành. Các vị A-la-hán và Đức Phật thì mình không nói chư vị tạo nghiệp dù điều đó là nghiệp lành. Còn chúng ta chưa thành Thánh thì nghiệp của mình là nghiệp thiện hoặc nghiệp ác. Tại sao các Ngài không còn tạo nghiệp? Vì còn tạo nghiệp là còn cho quả, nghiệp thiện cho quả thiện thì luân hồi tốt đẹp, nghiệp ác cho quả xấu thì luân hồi vào nơi hạ cấp. Vì vậy các Ngài không còn tạo nghiệp nên không còn luân hồi. Mà để không còn luân hồi, không còn tạo nghiệp như vậy thì phải là bậc Thánh A-la-hán hoặc là Đức Phật. Và những lời nói, hành động, ý

nghĩ của Đức Phật và bậc A-la-hán đó gọi là *"Duy tác nghiệp"* - không có nghiệp thiện ác gì ở trong đó, tâm Ngài không còn phiền não nữa. Còn nói theo Thắng pháp thì Ngài đã dùng *"Tâm tố"* - Tâm không cho quả. Còn phàm phu chúng ta dùng tâm bất thiện thì cho quả xấu, tâm thiện thì cho quả lành. Vì tạo nghiệp là còn vô minh và tham ái, Ngài không còn vô minh, tham ái nên không còn tạo nghiệp, mà không còn tạo nghiệp thì không còn đi luân hồi nữa.

Trong Kinh Tăng Chi, bài Kinh Không Thể Nghĩ Được, Đức Phật có dạy 4 điều, với cái trí phàm phu, với cái suy nghĩ trí tuệ của mình không bao giờ nghĩ được đó là*: "Phật giới, Thiền giới, Thế giới và Quả dị thục của nghiệp (Nghiệp quả)".*

"- Có bốn điều này không thể nghĩ đến được, này các Tỷ-kheo, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. Thế nào là bốn? Phật giới của các Đức Phật, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. Thiền giới của người ngồi Thiền, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ được, nếu nghĩ... thống khổ. Quả dị thục của nghiệp, này các Tỷ-

kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến... thống khổ. Tâm tư thế giới, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến thời có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ.

-Có bốn điều này không thể nghĩ đến được, này các Tỷ-kheo, nếu nghĩ đến, thời có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ."

(Trích Kinh Tăng Chi, Chương 4 Pháp, Phẩm Không Hý Luận, Bài Kinh Không Thể Nghĩ Được)

- *Phật Giới:* Cảnh giới của chư Phật, tâm của chư Phật chúng ta không thể biết được. Có câu chuyện như sau: Có một lần, Ngài Xá-lợi-phất *(Sariputta)* nghĩ về Đức Phật, Ngài mới nói rằng không có ai như chư Phật cả, Đức Phật mới hỏi lại*: "Tại sao ông biết tâm của chư Phật?* Ngài Xá-lợi-phất mới nói là con không biết tâm của chư Phật nhưng con biết chư Phật là vị nào cũng đắc được Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, đoạn 5 triền cái, đoạn những kiết sử. Cũng nghĩa là, ngay cả Ngài Xá-lợi-phất còn chưa biết được tâm của Chư Phật. Nên nếu ai hỏi quý vị là: *"Ai là người hiểu Phật nhất?"* thì chỉ có chư Phật hiểu chư Phật nhất thôi, ngay cả những bậc Thánh đệ tử như đệ nhất

về trí tuệ là Ngài Xá-lợi-phất cũng không hiểu hết được tâm chư Phật, cùng nhất là cũng chỉ hiểu được chừng mực nào đó đối với một bậc Thánh như Ngài thôi, còn ai hiểu được tâm chư Phật thì chỉ có chư Phật mới hiểu rõ nhất. Cho nên, Phật giới không thể nào đem cái trí phàm phu của mình mà hiểu được.

-*Thiền giới*: Là những người đắc Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền - đắc Thiền Sắc giới, Thiền Vô Sắc giới. Những phàm phu như mình chưa đắc làm sao biết được hoặc có kiếp nào mình đắc rồi nhưng hiện nay mình đang sống ở cái tâm không có đắc Thiền, mình sống đắm trong 5 dục, 5 triền cái nó chi phối mình - tham, sân, trạo hối, hôn trầm, nghi thì mình đang sống với cái phiền não. Còn đối với người đắc Thiền thì họ không có 5 triền cái đó thì làm sao mình biết được trạng thái của Thiền được. Trong khi bây giờ mình đang sống ở ngoài Thiền.

Này có những điều muốn nghĩ, nghĩ cũng không được, thông minh cỡ nào cũng không nghĩ được. Muốn nghĩ được thì phải đắc tới tầng Thiền đó thì hiểu được. Cho nên lỡ bữa nào quý đại chúng đọc bài Kinh khó quá, đem hết sự thông minh trí tuệ của mình ra mà nghĩ thì để lại đó hôm

nào gặp hỏi Thầy chứ chưa học tới đó làm sao quý vị nghĩ ra được. Có những điều không hiểu, tự nhiên học bài sau là hiểu bài trước, tránh được hiểu sai vấn đề.

-*Thế giới*: Tức là thế giới này có bao nhiêu trái đất, có bao nhiêu hành tinh sống. Hiện nay, 5 châu có những cái mình còn chưa biết, huống chi là còn bao nhiêu thế giới khác nữa. Cho nên Đức Phật nói với trí phàm phu là mình cũng không hiểu được.

-*Quả dị thục của nghiệp (Nghiệp quả)*: Khi từ một cái nhân nào đó, mình tạo một nghiệp thiện hoặc bất thiện thì cho quả. Trong quá trình trổ cái quả đó thì đem cái tâm phàm phu của mình mà muốn biết thì không biết được đâu. Như nhìn mình thấy người đó nghèo, mình nghĩ chắc người đó bỏn sẻn, tham lam, ích kỉ, chỉ có "hắc dô" mà không chịu "hắc ra" nhưng mà sự thật chưa chắc vậy. Nói thì mình đoán vậy thôi chứ thật ra người ta làm phước, rộng lượng, hào sảng khủng khiếp gấp cả ngàn lần mình nhưng trong khi cả ngàn lần họ làm như vậy, có 1 - 2 phút gì đó cái tâm họ bất thiện hoặc là họ thấy một hoàn cảnh nào đó khởi tâm bất thiện họ cản trở, ví dụ vậy nên bây giờ khổ

thì cái nghiệp đang trổ, mình thấy cái trước mắt vậy thôi.

Trong thời Đức Phật, có vị nữ cư sĩ Khujjuttarā, lưng cô bị gù, thân phận làm tỳ nữ cho Hoàng hậu. Nhìn cô này mình nói chắc thân phận thấp kém là do nghiệp đố kỵ. Đúng vậy, tiền nghiệp cô đố kỵ đã dùng quyền lực sai người khác nhưng lại sai vào vị đã chứng Thánh. Cho nên quý vị hạn chế đừng sai người khác. Cái gì trong khả năng của mình làm được thì làm, tại vì quý Phật tử có quyền nghĩa là có lực - là biểu hiện của có phước, bữa nào hết phước là hết quyền, hết lực.

Cô Khujjuttarā đã sai một vị Thánh nên quả ác nghiệp trổ, cô làm thân phận tỳ nữ. Cô bị gù là vì trong thời kì không có Phật, cô gặp các vị Phật Độc Giác, trong đó cô có nhận một vị như Sư phụ mình và hay hộ độ cúng dường cho vị này. Hôm đó cô gặp các bạn chơi chung với nhau, người bạn hỏi trong các vị Phật Độc Giác đó, vị nào là Thầy của cô, cô mới đứng lên cúi lưng làm vẻ gù gù, nói người có dáng vẻ như vậy là Thầy của mình, biểu diễn có một chút đùa giỡn trong đó. Tuy là tỳ nữ, lưng gù nhưng cô này là đa văn đệ nhất trong hàng cư sĩ, nghe Pháp qua là thuộc và có thể

thuyết pháp cho Hoàng hậu. Còn trong hàng Tỳ-kheo là Ngài A-nan *(Ānanda)*, đa văn đệ nhất.

Thầy kể ra để quý đại chúng thấy cái nghiệp mình nhìn vào như vậy cứ tưởng chắc cô này nhiều kiếp tạo ác nghiệp, thân phận này chắc khổ lắm nhưng không phải như vậy, cô là đa văn đệ nhất. Bên Myanmar có Ngài Sayadaw Mingun - Ngài Tam tạng số 1 Myamar, Ngài mất rồi. Người ta dò Ngài đọc sách, Ngài đọc 1 lần 16.000 trang sách, còn mình thì còn quá yếu kém. Người ta có câu: *"Con đây còn nặng nghiệp trần, tay thời niệm Phật tâm lần chuỗi thương. Nửa lòng đã dứt tơ vương, nữa kia còn để dành thương một người. Chân tâm tưởng kiến tánh rồi, mà nay chưa thuộc một thời Kim Cang. Tụng Kinh chữ cứ nhảy hàng, Phật ơi con niệm tên chàng trong Kinh!".* Có cô đi khóa tu quên chìa khóa, lỡ vào khóa tu rồi xin về không được, sợ ở nhà ai lấy chìa khóa của cổ. Thay vì bữa đó cứ niệm: Nam mô A Di Đà Phật thì cô lại niệm *"Nam mô chìa khóa Phật"*, niệm một hồi qua cái chìa khóa, tâm của mình nó kinh khủng khiếp vậy đó. Mình nghĩ gì thì hay bị như vậy. Cho nên cái thứ tư Đức Phật nói là Quả dị thục của nghiệp là cái nghiệp nó trổ như thế nào

là không suy tư được đâu, mình hay đoán đoán vậy thôi.

Cho nên trong bài Kinh Không Thể Nghĩ Được, có những cái mình không nghĩ được, nếu cứ cố nghĩ thì sẽ bị điên. Đường đi nước bước của nghiệp chỉ có Đức Phật mới hiểu rõ được, các vị Thánh vẫn thấy, nhưng chỉ thấy ở một mức độ nào đó thôi.

Trong Kinh Tăng Chi cũng như Kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt, Đức Phật nói về Nghiệp: "Ta là chủ nhân của nghiệp, ta là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa".

Ta là chủ nhân của nghiệp, ta là thừa tự của nghiệp: Ta làm ác thì ta phải chịu. Ông A làm ác thì ông A chịu. Ông B làm ác cũng không đổ thừa được qua cho mình. Có nghĩa là mình làm mình chịu. Quý vị làm lành thì hưởng quả lành, làm ác thì hưởng quả ác, chúng ta là chủ nhân của nghiệp. Không có việc ổng làm rồi đổ qua cho mình, không có chuyện đó. Ta làm thì ta chịu, không có ta làm rồi người kia chịu, hoặc người kia làm rồi ta chịu.

Nghiệp là thai tạng: Mình sinh ra từ bào thai của mẹ - đó là cái thấy trước mắt như vậy, nhưng nói kĩ hơn có phải từ nghiệp mà mình vào thai mẹ không? Mình phải có nghiệp gì đó rồi từ đó mới vào thai mẹ. Cho nên nghiệp là thai tạng tức nghĩa là mình sinh ra từ nghiệp, từ có cái nghiệp đó mới vào thai mẹ để mình sinh ra đây, mới có mình ở đây.

Nghiệp là quyến thuộc: Quyến thuộc của chúng ta là cha mẹ, ông bà, anh chị em huyết thống,…nhưng rồi quý Phật tử nghĩ coi, cũng sẽ đến lúc mình về 3 tấc đất thì ai theo chúng ta? Câu chuyện ông Trưởng giả cưới 4 bà vợ, đến lúc mà ổng mất, ổng hỏi bà có theo tui được không? Ông ơi, tui thương ông lắm nhưng tui đưa ông ra tới đầu cửa thôi. Có bà đi ra tới gần đường, bà thì đi ra tới mộ rồi về. Còn bà thứ 4 ông đi đâu, tui đi theo cùng trời cuối đất, ông có đi qua tới kiếp sau tui cũng đi theo ông mà trong khi bà này hằng ngày ổng không có để ý. Câu chuyện ẩn dụ thôi, ý muốn nói là nghiệp. Người thân quyến thuộc dù thương mình lắm nhưng đến lúc mình nhắm mắt, họ cũng để lại mình thôi. Chỉ có Nghiệp sẽ đi theo mình tiếp tục qua cõi khác.

Nghiệp là điểm tựa: Từ cái điểm tựa này mà mình có mặt ở trong cuộc đời này.

Bài này dạy cho quý vị ứng dụng rất là nhiều, Thầy sẽ vào phân tích nghiệp để chúng ta thấy là học về nghiệp khủng khiếp lắm. Đây là Thầy nói nhờ trí tuệ của Đức Phật nên mình học, căn bản là hiểu mình đang sống với những điều bất lực, sinh ra trong cuộc đời này có những điều mình bất lực lắm. Hôm qua Thầy nói, sinh ra trong cuộc đời này như là cái bia cho **nó** bắn vậy. "Nó" ở đây là những nghiệp thiện, nghiệp ác bắn. Mình bị động lắm.

II. PHÂN LOẠI NGHIỆP

1. Phân loại theo cách cho quả

Khi chúng ta đã tạo nghiệp rồi thì loại nghiệp nào ưu tiên cho quả trước.

1.1. Cực trọng nghiệp:

Là loại nghiệp mà mình hay nói là những nghiệp rất nặng, rất lớn. Có 2 loại: Cực trọng nghiệp thiện và Cực trọng nghiệp ác.

Cực trọng nghiệp ác: là ai phạm vào **1 trong 5 tội ngũ nghịch** và **tà kiến cố định** thì chắc chắn

kiếp kế tiếp là địa ngục. Có làm bao nhiêu điều thiện chăng nữa, chỉ cần phạm 1 trong 5 cực trọng nghiệp ác thì kiếp kế tiếp là đọa vào địa ngục trước rồi tính sau. Ở đây, cái chỗ mà cực trọng nghiệp là: 5 tội ngũ nghịch và tà kiến cố định. Nếu 2 cái này mà mình có thì kiếp sau là địa ngục. Tạo một ngàn điều thiện thì đủ duyên khác trổ, nhưng đời sau phải là địa ngục trước.

Năm tội trọng nghiệp ác: Phá hòa hợp Tăng; làm thân Phật chảy máu; giết bậc Thánh; giết Mẹ; giết Cha. Vào thời Đức Phật có Đề-bà-đạt-đa *(Devadatta)* phạm tội nặng nhất là phá hòa hợp Tăng và làm thân Phật chảy máu. Vua A-xà-thế *(Ajātasattu)* phạm tội giết Cha.

Tà kiến cố định*:* là chấp thường, chấp đoạn. Tà kiến đó đã trở thành xương máu, trở thành tư tưởng, trở thành đời sống của người đó luôn. Không chấp nhận chết là hết hoặc chết là thường còn. Người có tà kiến "chết là hết" nó khổ như này: Thầy học được trong Kinh, những người nghĩ chết là hết thì họ đọa vào địa ngục mà giống như địa ngục chấp không, cho nên rất là lâu ra khỏi địa ngục đó.

Cực trọng nghiệp thiện*:* Điều chắc chắn trước khi chết, tâm ở trong trạng thái Thiền thì người đó sẽ tái sinh ở cảnh giới Thiền: Sơ, Nhị, Tam, Tứ Thiền hoặc Tứ Không Thiền: Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ tương ưng với tầng Thiền đã đắc.

Các vị đã đắc quả Thánh thì không bao giờ còn tái sanh xuống địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh nữa. Nếu theo mức độ ưu tiên cho quả thì cực trọng nghiệp cho quả đầu tiên.

1.2. Cận tử nghiệp:

Là nghiệp trước khi mất. Cận tử nghiệp chính là nghiệp đưa mình đi đầu thai để tái sinh cảnh giới kế tiếp **với điều kiện không phạm vào cực trọng nghiệp**. Nếu đã phạm vào Cực trọng nghiệp rồi thì cận tử nghiệp không có hiệu lực đi đầu thai, còn nếu không phạm vào Cực trọng nghiệp thì Cận tử nghiệp mới là nghiệp đưa mình đi đầu thai để tái sanh cảnh giới kế tiếp.

Cận tử nghiệp là hình ảnh giống như cái chuồng bò: Khi mở cửa ra, con bò nào đứng sát chuồng thì nó chạy ra trước. Cũng vậy, người nào tâm cận tử nghiệp thiện hay ác thì nó dẫn mình đi

tái sinh cảnh giới tương ứng. Và cũng là hình ảnh chuồng bò, cực trọng nghiệp là con bò lớn nhất, khỏe nhất, khi mở cửa ra nó sẽ chạy ra trước. Mở cửa ra, nếu có con bò lớn (cực trọng nghiệp) thì nó chạy ra trước, nếu không có con bò lớn (cực trọng nghiệp) thì con đứng sát cửa chuồng (cận tử nghiệp) chạy.

Thời Đức Phật, có con ếch nghe Pháp nhưng không hiểu. Khi nghe Đức Phật dạy làm cho nó bình an hoan hỷ như vậy thôi chứ nó không hiểu. Có người đi chăn bò chống cái cây vào cái đầu con ếch, nó chết trong trạng thái tâm hoan hỷ nghe Pháp đó nên sau khi chết, con ếch sanh Thiên gọi là *"chư Thiên Ếch"*.

Sau thời Đức Phật, có một vị Thánh và cha của Ngài lúc trẻ là một thợ săn. Vào cuối đời, ông ta vào trong tu viện để tu. Trước lúc ông mất thì có những nghiệp: nghiệp tướng và thú tướng (nghe kĩ hơn trong bài giảng của Thầy: ***"Sự quan trọng của Cận Tử Nghiệp"***). Thú tướng có nghĩa là một người sắp chết, họ nằm nhắm mắt và la có người này, người kia, người này dí họ, người kia đánh họ, họ thấy cái này thấy cái kia, họ chỉ cái này, cái kia. Chúng ta hay nghĩ không có nhưng thật ra là có, chỉ có người đó thấy trong ý của họ

thôi. Và với cái Thú tướng đó là biểu hiện cảnh giới tái sinh của người đó. Ví dụ: Có một số trường hợp thấy những người dí đánh họ, có những con chó cắn, họ sợ hãi chạy,… là thú tướng của địa ngục. Nghĩa là xong kiếp đó, họ đi xuống địa ngục.

"Thú" là chỗ tái sanh; "tướng" là biểu hiện chỗ tái sanh, có những cái trong lúc đó chỉ có người đó thấy thôi. Vì lúc cận tử, bao nhiêu tỷ tỷ nghiệp nó muốn trổ quả lúc đó. Nên học tới mấy chỗ này, những người già mới sợ chứ mấy người trẻ không sợ lắm đâu. Còn hình ảnh lủi thủi buồn hiu đi một mình trong rừng dễ sanh làm ngạ quỷ. Thấy những căn nhà đẹp cơ bản thì được làm người. Thấy khu vườn đẹp có thể làm Chư Thiên. Đó là thú tướng biểu hiện cảnh giới tái sanh. Thì vị Thánh này thấy cha mình có thú tướng sẽ sanh vào cảnh giới xấu (lúc này ông chưa mất) thì Ngài mới cho cúng những tràng hoa xung quanh những tháp thờ Tam Bảo trong chùa, sau đó mới khiêng người cha ra và cho người cha thấy đây là con nhân danh của cha cúng dường lên Tam Bảo những tràng hoa. Và ông rất vui với việc cúng những tràng hoa đó. Tâm cận tử của ông vui và khi tâm vui như vậy, ông thay đổi không thấy lại

thú tướng lúc nãy nữa và lúc này ông thấy thú tướng của chư Thiên. Sau khi mất ông tái sinh làm chư Thiên. Tức là ông này có phước là có người con (bậc Thánh) nên biết, còn giờ mình không có nên phải lo thương mình, chuẩn bị cho ngày đó đi! Chúng ta không phải sống chờ chết, mà phải sống với tâm trạng ngày mai mình chết còn lưu luyến cái gì. Quý Phật tử còn lưu luyến cái phòng là sau khi chết cứ đi tới đi lui cái phòng đó. Tùy tâm của mỗi người chúng ta, lưu luyến cái gì là mình hay đắm vào cái đó lắm.

Có một vị vua, ông vua này rất là thiện lành, ổng thường cúng dường lên Tam Bảo và hay sớt bát cho quý Sư. Một lần đó, có người anh trai của ông chiếm ngôi, ông thất vọng đi vào trong rừng lánh nạn. Trong rừng lúc đó có ông, một người cận sự và một con ngựa. Người cận sự của ông mang theo một tô vật thực (đồ ăn) dành cho 3 người. Ông vua liền chia làm 4 phần. Ông, người cận sự, con ngựa là mỗi người 1 phần, nhưng đối với thói quen của ông là nghĩ rằng ở đâu cũng có những vị Sư - đệ tử của Đức Phật. Đại chúng biết lúc này ở trong rừng, đâu có vị Sư nào để ông cúng dường đâu. Với niềm tin của ông, ông nghĩ rằng bây giờ ông muốn cúng dường và sẽ nói lên lời

thỉnh cúng dường đó. Ông tin rằng sẽ có những vị có thần thông nghe được lời thỉnh của ông. Thật vậy, với phần phước của ông, ông thỉnh thì có một vị mới nghe thấy tiếng của ông và mới đi tới cho ông cúng dường. Và sau khi cúng dường xong, sau này khi quay về khôi phục được vương quyền thì ông còn tiếp tục làm rất nhiều điều thiện, và sau khi làm ông đều ghi lại những điều đó nhưng không phải ghi hết mà đa phần những việc thiện đặc biệt ông còn ghi lại. Vào cuối đời, lúc ông nằm trên giường bệnh, ông cho những người hầu cận đọc những điều thiện mà trong đời ông từng làm. Khi nghe tới đoạn mà ông lấy một phần vật thực cúng cho vị Tăng ở trong rừng lúc ông gặp nạn, ông rất hân hoan và ông hoan hỷ với thiện nghiệp đó. Và ông chết với cái tâm đó nên sanh Thiên. Thầy rất ấn tượng với câu chuyện này.

Ai hỏi Thầy có kỉ niệm nào ý nghĩa thì Thầy nhớ khi đi giảng Pháp, khoảng 8 - 9 năm trước, có một lần Thầy giảng trên chỗ Đức Trọng gần ngã ba Đại Ninh. Thầy nghĩ dưới đây bình thường xe chạy 5 - 6 tiếng, cho nên Thầy sắp xếp đi đoạn khoảng 11 giờ đêm, Thầy nghĩ 5 - 6 giờ sáng lên tới nơi, vào nghỉ ngơi lát rồi 7 giờ giảng. Mà thực tế xe nó chạy trong đêm mới có 2 - 3 giờ sáng là

tới rồi, đã vậy, xe còn thả ngay một cái đoạn vắng tanh không có một bóng người. Hôm đó Thầy với một em quay phim đi, mà Thầy đi đâu thì hay đơn giản lắm, không mang theo áo lạnh gì hết mà quên lên Đà Lạt nó lạnh quá, xung quanh tối thui không có nhà, mà khuya nửa đêm thì đâu có lên gõ cửa chùa Ni để vô ngủ qua đêm được. Lúc đó, Thầy xé cái bịch ni lông trong cái cặp quay phim, Thầy nằm cuộn tròn người lại, lấy nón len đội lên nằm sát đường Thầy ngủ. Sáng mai, khi trời đắt đầu sáng, Thầy chào Ni sư xong, Thầy xin ly nước ấm chứ Thầy nói hết nổi rồi. Lúc lên pháp tòa giảng, mặt của Thầy còn cấn những vệt của nón len đó. Thầy cho rằng, đó là một trong những chỗ ngủ và giấc ngủ ngon nhất của Thầy khi đi giảng.

Thầy cũng muốn nói là trong cuộc sống của chúng ta, ví dụ về mảng học Pháp, nghe Pháp. Chúng ta nên có những khoảng thời gian. Ví dụ như khoảng thời gian này, sau này có một tháng mà mỗi tối con dành thời gian ra con học, con hoan hỷ với việc học, giống như con cúng dường con cho Tam Bảo luôn, không cúng được hết đời thì cúng 1 tháng thôi. Thì một tháng này con dồn tâm, ngoài những việc lặt vặt xong, con dồn tâm học Pháp, sau này những giờ phút này chính là

những giờ phút ấn tượng trong cuộc đời của chúng ta. Hoặc là tờ giấy chứng nhận thì là tờ giấy thôi nhưng có giá trị về mặt tinh thần. Giống như ông vua, ông làm biết bao nhiêu điều thiện, mà ông lại vui chỗ cúng một miếng cơm cho vị Tăng, vì sanh tâm vui với việc đó nên ông sanh thiên. Nên Thầy nói quý vị nên chọn một hoặc vài cái thiện nghiệp gì đó ấn tượng trong đời mình, mà cứ mỗi lần nhìn tới, nhớ tới là chúng ta vui. Có thể là con về lạy Phật 100 lạy, bình thường lạy 10 lạy thôi nên con hạnh phúc vô cùng, có thể đau chân, đau lưng nhưng vấn đề đó không quan trọng, cái chính là trong lòng con dâng lên một niềm hoan hỷ, một niềm tôn kính. Quý Phật tử nhớ cái gì đó đại ý tùy người.

Ví dụ như quý vị bỏ tiền vào ống heo tiết kiệm 3 năm để cúng dường trai tăng, và lúc đó con quỳ dưới Phật trên Tam Bảo chứng minh, chư Tăng chứng minh cho con và buổi lễ đó con nhớ tới bây giờ. Đó là Thầy gợi ý, tự đại chúng phải tự coi, tự xét lại là cái nào là nhớ nhất. Những giờ phút cuối đời, mình nhớ được thì tâm cận tử này nó đưa mình về sanh cảnh giới lành. Nhưng Thầy nói không phải gần cuối đời, ngay cả trong cuộc sống đời thường của chúng ta đây, mỗi lần chúng

ta nhớ về những giờ phút đó mà vui được thì cũng là tâm thiện trong thiện Pháp, vẫn là có phước. Cho nên, đại chúng thấy được cái lợi của việc học Pháp là như vậy. Mình phải có những giờ phút đó. Thầy rất mong quý vị ráng sắp xếp thương mình thì phải có những thiện nghiệp gì đó, **không phải lớn nhỏ mà nó phải ấn tượng**. Cái nghiệp cận tử quan trọng lắm, nếu là cơ hội thì cũng chính là cơ hội cuối cùng.

Có Phật tử hỏi hôm trước là con làm phước thay Mẹ được không, Thầy mới trả lời là không có làm thay được, Mẹ tự phải làm, Thầy khuyến khích là nếu Cha Mẹ còn thì ráng khuyến khích cho Cha Mẹ làm. Nếu như Cha Mẹ nằm trên giường bệnh, không có khả năng tự làm phước được thì con cái lấy tài sản của Cha Mẹ làm giùm trước khi Cha Mẹ mất. Thì vậy, sáng hôm nay cô thay Mẹ qua cúng dường Trai Tăng bên chùa Thầy. Cúng lúc 11 giờ kém, thì 11 giờ 40 phút Mẹ cô đi. Tức là bà vừa xong nghiệp thiện cúng Trai tăng xong là đi luôn. Thật may, nếu qua ngày mai thì Mẹ không thể làm nữa mà chỉ chờ phước hồi hướng thôi và đó cũng là thiện nghiệp cuối cuộc đời bà, rồi bà nhẹ nhàng nhắm mắt.

Ở đây ai tóc muối nhiều hơn tiêu thì lo tranh thủ tạo thiện nghiệp. Thương vợ, thương chồng, thương con, thương ai đó cứ thương, nhưng luôn nhớ phải thương mình. Nhớ không? Thương mình, nhắm mắt rồi thì Cha Mẹ, chồng vợ, con cái mình,… Thầy nói là biền biệt không biết khi nào gặp lại mà có gặp lại thì cũng không biết đó là người thân. Cho nên thương mình thì ráng tạo thiện nghiệp, nhất là những thiện nghiệp nào mình ấn tượng. Vào cuối đời, lúc cận tử của mình thì cố gắng để cầm tay cái đó mà về cảnh giới lành, tiếp tục sanh những cảnh giới lành, làm tiếp tục những thiện nghiệp.

Còn nếu trả ơn cho Cha Mẹ thì sao? Thầy khuyến khích trong lúc Cha Mẹ còn sống ráng sắp xếp cho Cha Mẹ làm phước trong đời này và đặc biệt là trong những lúc cận tử, để Cha Mẹ cầm tay cái phước đó để đi tái sanh. Dĩ nhiên Cha Mẹ mất rồi thì mình vẫn cứ làm phước và hồi hướng nhưng lúc còn sống đây tranh thủ làm để hướng dẫn cho Cha Mẹ làm.

Thầy kể câu chuyện của ông vua và câu chuyện của một vị Thầy có người cha làm thợ săn, thay đổi nghiệp cận tử cuối đời, sanh cảnh giới lành, thì ở đây ai hỏi quý vị nghiệp nào dẫn mình

đi tái sanh, quý vị trả lời được giùm Thầy chưa? Đó là nghiệp cận tử.

1.3. Thường nghiệp:

Thường nghiệp tức là những nghiệp mình thường làm, hay làm trong cuộc sống hằng ngày này. Mình hay tụng Kinh, hay lễ Phật, niệm Phật, từ thiện, giúp người,… tức là những nghiệp nào mình thường làm hằng ngày. Nếu không có cực trọng nghiệp trước lúc mất, cũng không có cận tử nghiệp mà ở đây là thường nghiệp mình hay làm, thì lúc này cái thường nghiệp nó sẽ dẫn mình đi tái sanh, này là anh thứ 3. Nếu không có một cái cận tử nào đó đặc biệt, không có một cái cận tử nào trước lúc mất thì cái thường nghiệp này nó sẽ nhảy ra.

Ví dụ nhân vật nào? Đại chúng nhớ Thầy kể câu chuyện ông Cunda có 55 năm làm đồ tể giết heo không? Có nghĩa là ác nghiệp của ông là thường sát sanh và rồi chính thường nghiệp đó tạo thành nghiệp cận tử luôn. Cho nên ở đây có những vị sẽ thắc mắc: *"Ủa Thầy, người này họ làm nghiệp thiện trong đời quá nhiều mà tại sao cận tử nghiệp xấu thì họ về cõi xấu hả Thầy? Cuộc sống không công bằng gì hết!"*. Thầy nói đúng rồi,

nó là như vậy đó. Có nghĩa là những nghiệp thiện kia không hề mất, khi nào đủ duyên nó mới trổ quả. Có người hỏi ngược lại tiếp: *"Ông này làm quá trời điều xấu, dĩ nhiên không có vào cực ác, vậy mà vào cuối đời của ổng gặp Thầy lành bạn tốt, ổng gặp người hộ niệm, hoặc có người giúp cho ổng có cận tử tốt để tái sinh cảnh giới lành, trong khi cả đời ổng ác quá trời đó Thầy!"* Đúng rồi! Không có gì mà không công bằng hết, ông nhờ tâm cận tử đi tái sanh nhưng nghiệp ác không mất, đủ duyên quả ác nghiệp sẽ trổ. Mình phải hiểu chỗ này, nhưng mà có một điều thế này, thường chúng ta sống với thường nghiệp, mà thường xuyên sống với cái nghiệp đó nhiều thì cận tử của mình rất dễ như vậy.

Thầy ví dụ, bây giờ chúng ta rất thương Phật, thường kính Phật, thường niệm Phật, thì cuối đời mình niệm Phật nhất tâm mới dễ, đúng không? Nếu cả đời quý vị không niệm Phật mà cuối đời ai kêu niệm Phật thì sao quý vị niệm được. Cả đời mình không nghe Pháp, khi ngáp ngáp trên giường bệnh mà mở Pháp là mình khó chịu lắm. Lúc sắp mất rồi mở nhạc tình sầu đứt ruột thì mới thích. Cho nên chính thường nghiệp nếu mình sống với

nó nhiều thì nó dễ thành cận tử nghiệp cho mình, nhớ giùm Thầy chi tiết này.

1.4. Bất định nghiệp

Giả dụ như thường nghiệp không trổ thì loại nghiệp nào sẽ trổ để dẫn mình đi tái sanh? Đó là bất định nghiệp hay tích lũy nghiệp. Tức là những nghiệp mình tạo rải rác chứ không phải là thường xuyên. Vì thường xuyên là thường nghiệp rồi, không phải cận tử nghiệp, không phải cực trọng nghiệp. Cứ rải rác, rải rác ra trong đời này và ngay cả những đời trước và nó trổ giống như chúng ta biết hình ảnh trước lúc mất, cả tỷ, cả tỷ nghiệp nó tranh nhau trổ, nghiệp nào đủ duyên sẽ trổ.

Bất định nghiệp (tích lũy nghiệp) giống như hình ảnh những con bò tranh nhau để chạy ra khỏi chuồng, trong đó có thể có những con bò già yếu lắm, mấy con bò kia đẩy ra sao mà lọt ra phía trước. Hình ảnh này gợi nhớ câu chuyện của Hoàng hậu Mạt-lợi *(Mallikā)*. Bà sống cả đời thánh thiện lắm, nhưng chưa đắc Thánh Trong đời của bà có một lần làm điều bất thiện và với điều bất thiện đó, thay vì cuối đời của bà, bà nhớ biết bao thiện nghiệp thì lại không nhớ, tâm bà áy náy với duy nhất điều bất thiện đó và bà đi xuống cảnh giới xấu. Đó là tích lũy nghiệp (bất định nghiệp).

Tóm tắt chỗ này để Thầy qua nôi dung khác. Đầu tiên, phân loại nghiệp ở chỗ cho quả ưu tiên thì Cực Trọng Nghiệp là cho ưu tiên đầu tiên; nếu mình không phạm Cực Trọng Nghiệp thì Cận Tử Nghiệp đưa mình đi tái sanh; nếu Cận Tử Nghiệp không có thì Thường Nghiệp; Thường Nghiệp không có nữa thì Bất Định Nghiệp hoặc là Tích Lũy Nghiệp. Đó là chúng ta phân theo ưu tiên cho quả.

2. Phân loại theo thời gian

Khi có nghiệp rồi thì nghiệp nào cho quả trước và nghiệp nào cho quả sau? Nghiệp phân theo thời gian gồm: Hiện báo nghiệp, Sanh báo nghiệp, Hậu báo nghiệp và Vô hiệu nghiệp.

- Hiện báo nghiệp: những nghiệp trổ quả trong đời này, làm xong nó trổ luôn.

- Sanh báo nghiệp là cho quả đời kế tiếp. Ví dụ mình nói đời này là đời số 1 thì đời kế tiếp là đời số 2.

- Hậu báo nghiệp là những nghiệp không trổ đời này cũng không trổ đời kế tiếp mà nó trổ từ đời thứ 3 trở đi, có thể trổ cho tới đời vị đó đắc Thánh quả luôn. Nghĩa là trăm kiếp, ngàn kiếp đủ

duyên nó trổ, khủng khiếp chứ không đơn giản đâu.

- Vô hiệu nghiệp tức là nghiệp không có cơ hội cho quả.

2.1. Hiện báo nghiệp:

Là nghiệp cho quả trong đời này. Hôm trước Thầy nói, có những nghiệp mình tạo là trổ quả liền trong 7 ngày. Có vị hỏi: *"Thầy ơi con muốn làm nghiệp thiện này mà trổ quả liền trong 7 ngày được không Thầy?"*. Thầy nói là được, nhưng phải đủ 4 điều kiện:

Thứ 1: Cúng với tâm rất hoan hỷ. Hoan hỷ trong đủ 3 thời: trước lúc làm *(tư tiền)*, trong lúc làm *(tư hiện)* và sau khi làm xong *(tư hậu)*.

Thứ 2: Vật phẩm cúng dường thanh tịnh, tức là không phải vật phẩm nhiều hay ít mà phải thanh tịnh. Thanh tịnh ở đây là nghề chánh mạng tạo ra, dù là một bát cơm, một ly nước, một cái bánh,…có được bằng nghề chánh mạng của mình.

Thứ 3: Đối tượng nhận phần cúng dường phải là bậc Thánh A-na-hàm trở lên. Điều kiện thứ 3 thấy khó rồi đúng không? Tâm hoan hỷ, vật

phẩm thanh tịnh con đều có, nhưng điều kiện thứ 3 phải là bậc Thánh Tam quả trở lên.

Thứ 4: một vị Thánh mới nhập Diệt Thọ Tưởng Định và vừa xả định. Vị này nhập định 7 ngày.

Diệt Thọ Tưởng định là gì? Điều kiện để đắc, thứ nhất là vị này phải đắc định *(đắc được Tứ thiền Sắc giới và Tứ thiền Vô Sắc giới)*; thứ hai là về Thánh quả, vị này phải đắc A-na-hàm thì mới nhập được Diệt Thọ Tưởng Định. Nhập loại định này, đại chúng cứ hình dung vị này chết vậy đó, nói dễ hiểu là nhìn bên ngoài như một người chết, nhưng cơ thể vẫn còn hơi ấm. Trong 7 ngày không ăn, không uống. Vị đó chú nguyện trước, coi tuổi thọ có quá 7 ngày không thì mới nhập được, thứ hai là chú nguyện thân này 7 ngày không bị hư hoại, dù có lửa đốt, có động đất ngay đó thì thân cũng không sao; thứ ba là nếu Đức Phật hoặc chư Tăng cần thì vị này xuất định.

Với những điều kiện trên, một vị nhập định Diệt Thọ Tưởng trong 7 ngày. Sau 7 ngày, khi vị đó xả định thì cơ thể lúc này rất cần đồ ăn và thức uống, cho nên nếu chúng ta gặp được đúng lúc này là quá hợp thời. Với 4 điều kiện: tâm hoan hỷ

trong 3 thời, vật phẩm cúng thanh tịnh, cúng cho vị Thánh Tam quả và đắc định Diệt Thọ Tưởng thì có kết quả trong 7 ngày. Ai muốn mì ăn liền (quả trổ ngay) thì quý vị đưa đoạn này cho người đó nghe nha!

Thời Đức Phật có 7 trường hợp trổ quả liền ngay trong đời hiện tại và có khoảng 5, 6 trường hợp là quả bất thiện trổ liền. Những câu chuyện này Thầy sẽ giảng kỹ trong bài **"Nhân Quả"**. Giờ Thầy kể lướt, trong Kinh Mi Tiên Vấn Đáp có 7 trường hợp cho quả liền.

Về thiện trước:

Câu chuyện thứ nhất: ông cư sĩ bán hoa Sumana hàng ngày có nhiệm vụ đem hoa vào cung cho Đức vua Tần-bà-sa-la (Bimbisāra). Hôm đó cũng như thường lệ là ông sẽ đem hoa vào cung cho Đức vua nhưng ông mới thấy Đức Phật và Tăng đoàn, ông mới cúng dường tất cả hoa cho Phật và chư Tăng. Nhưng trước lúc cúng ông đắn đo lắm, ông nghĩ hoa này đem cho đức vua, mà giờ cúng rồi lấy gì đem vô, ông vua giận là giết chết. Sau đó ông nghĩ là thôi chết thì cũng chết nhiều kiếp rồi, cơ hội cúng không dễ có. Thế là ông thà bỏ mạng để cúng, nhưng sau khi cúng

xong, Vua Tần-bà-sa-la biết chuyện còn thưởng cho ông rất nhiều vàng, tài sản, người hầu, đất đai. Đó là phước trổ ngay kiếp hiện tại của ông Sumana.

Câu chuyện thứ hai: vợ chồng ông Bà-la-môn Cūḷekasātaka. Hai vợ chồng chỉ có một tấm áo choàng trên người. Cả hai thay phiên nhau mặc để ra ngoài. Khi nghe tin Đức Phật giảng tại Kì Viên Tịnh xá, hai vợ chồng bàn bạc: vợ mặc áo choàng nghe giảng ban ngày, chồng đi nghe giảng vào ban đêm. Khi nghe Phật giảng, ông phát sinh tâm hỷ lạc chưa từng có nên muốn cúng dường Đức Phật tấm áo choàng duy nhất của 2 vợ chồng. Nhưng tâm keo kiệt phát sinh nên ông vẫn còn do dự. Cứ như thế, tâm muốn cúng dường và tâm keo kiệt giằng co kéo dài từ canh đầu đến canh giữa đêm. Vào canh cuối, ông suy xét nếu ông không thắng tham tâm keo kiệt thì không thoát khỏi 4 cõi ác nên quyết định cúng dường áo choàng lên Đức Phật. Vua Ba-tư-nặc đang nghe Pháp biết được sự việc nên cho ông rất nhiều tài sản. Đại ý Thầy kể chung chung vậy, đó là làm phước cho quả liền.

Câu chuyện thứ 3: Cô cận sự nữ Suppiyā được Đức Phật tán thán là Đệ nhất săn sóc người bệnh. Cô có nguyện là hằng ngày vào dâng cúng

thuốc men, vật thực đến chư Tỳ-kheo. Hôm đó cô biết được trong Tăng đoàn có một vị Tỳ-kheo bị bệnh giống như bị sổ, nên cô mới hứa nguyện là nấu một bát canh thịt để cúng cho vị này. Nhưng hôm đó không mua được thịt, sợ bệnh của vị Tỳ-kheo trở nặng, và cô đã hứa rồi – lời hứa của người có trí là nặng như núi vậy, nên cô tự róc thịt đùi của mình đưa cho người hầu làm một bát canh thịt, đem vô cúng cho vị đó giùm. Người chồng đi làm xa về không thấy vợ đâu nên mới hỏi thị nữ thì biết được sự việc, lúc này cô Suppiyā đang bị sốt. Thay vì buồn giận thì người chồng vô cùng hoan hỷ, tán thán hạnh lành của vợ. Sau đó ông đến tinh xá thỉnh Đức Phật và chư Tăng thọ trai tại nhà ông. Hôm sau Tăng đoàn đến, Đức Phật không thấy cô cư sĩ Suppiyā ra như mọi ngày nên mới hỏi và anh chồng thưa lại sự việc. Sau đó Đức Phật dạy gọi người khiêng cô cư sĩ ra ngoài. Với lòng từ bi của Đức Phật khi nhìn vào vết thương của cô xong, tức khắc lành liền. Có nghĩa là cô cúng dường thịt của mình, chính vì tâm lành như vậy nên có quả lành trổ ngay. Từ câu chuyện này, Đức Phật ban hành giới luật cấm chư Tỳ-kheo không được ăn thịt người.

Câu chuyện thứ 4: Cô gái Mạt-lợi *(Mallikā)* cúng dường một bát cháo đến Đức Phật thì ngay chiều hôm đó được làm Hoàng hậu.

Câu chuyện thứ 5: một cô gái nhà rất nghèo nhưng có mái tóc dài và đẹp. Nhiều người trong làng muốn mua mái tóc của cô nhưng cô không đồng ý. Hôm đó Ngài Ca-chiên-diên *(Mahakaccāna)* cùng với chư Tỳ-kheo vào làng khất thực. Nhận thấy bát của quý Ngài vẫn còn trống nên cô phát tâm cúng dường, do nhà nghèo không có tiền mua vật thực nên cô đồng ý bán mái tóc dài của mình. Khi bán thì gặp người nhà giàu ép giá, chỉ bán được 8 đồng. Với số tiền này, cô mua vật thực cúng dường đến chư Tỳ-kheo. Khi cô vừa dâng thức ăn vào bát thì liền tức khắc, mái tóc dài của cô mọc lại như cũ. Sau khi vào cung, Ngài Ca-chiên-diên kể lại với đức vua và đức vua cho cô làm Hoàng hậu.

Câu chuyện thứ 6: vợ chồng ông Bà-la-môn Puṇṇa cúng dường Ngài Xá-lợi-phất *(Sāriputta*) sau khi Ngài vừa xả định Diệt Thọ Tưởng. Đất của hai ông bà bỗng biến thành vàng.

Câu chuyện thứ 7: liên quan đến người hầu của ông trưởng giả Cấp-cô-độc *(Anāthapiṇḍika)*.

Ông Cấp-cô-độc và bà Visākhā sau mùa hạ là sẽ thỉnh Đức Phật và Tăng đoàn về nhà để cúng dường nhưng Đức Phật không hứa. Cô gái tên Punnā này là nô lệ trong nhà ông Cấp-cô-độc, cô nói là để cô thỉnh cho. Ông Cấp-cô-độc nói là ông và bà Visākhā thỉnh còn không được, nếu cô thỉnh được thì ông sẽ nhận làm con gái. Sau khi cô đến tinh xá thỉnh thì Đức Phật đồng ý, vì Ngài biết cái duyên của cô này đắc đạo. Từ một thân phận nô lệ được ông Cấp-cô-độc nhận làm con gái.

Đó là một vài trường hợp là hiện báo quả lành. Bên cạnh đó cũng có những ác nghiệp cho quả liền. Ví dụ Đề-bà-đạt-đa phạm ngũ nghịch trọng tội là làm thân Phật chảy máu và phá hòa hợp Tăng. Vào cuối đời, ông bị đất rút, chết ngay trong Tinh xá.

Vua Thiện Giác (cha vợ của Thái tử Tất-Đạt-Đa) hận thù Đức Phật vì đã bỏ rơi con gái của ông mà đi xuất gia. Khi Đức Phật đi vào kinh thành khất thực thì Vua đã cho binh lính cản đường với tâm đầy căm hận. Bảy ngày sau, quả ác nghiệp trổ, Vua Thiện Giác đã bị đất rút chết ngay tại chỗ ở của mình.

Hoặc có một lần Thầy Xá-lợi-phất đang nhập Diệt Thọ Tưởng Định thì có một con quỷ Dạ-xoa đến đùa giỡn, nó dùng chày đánh vào đầu của Ngài. Vì đang nhập định nên Ngài không bị sao hết. Quỷ Dạ-xoa đó cũng bị đất rút ngay lập tức.

Một ông đại thần Bà-la-môn tên Vasakāra nói Ngài Ca-chiên-diên là trông giống con khỉ. Có người nói là ông xúc phạm bậc Thánh như vậy là sau khi chết ông sẽ tái sanh làm khỉ ở Tinh xá Trúc Lâm *(Veḷuvana)*. Bên ngoài ông ra vẻ không sợ nhưng trong lòng rất lo lắng. Vì vậy, ông trồng rất nhiều xoài trong Tinh xá để ra tái sanh làm khỉ ở Tinh xá Trúc Lâm. Hiện báo tức là quả báo trổ liền đời này.

2.2. Sanh báo nghiệp:

Là có những thiện nghiệp hay ác nghiệp cho quả ở đời kế tiếp.

2.3. Hậu báo nghiệp:

Có những nghiệp cho quả từ sau kiếp sau trở đi, nghĩa là kiếp này không trổ, kiếp tới không trổ mà sau đó nó mới trổ và có thể cả trăm ngàn kiếp sau mới trổ. Vấn đề là đủ duyên nó mới trổ, chứ không phải nghiệp nào nó muốn trổ là trổ. Tại sao? Có thể chúng ta tạo cả tỷ tỷ nghiệp trong vô lượng

kiếp luân hồi, vấn đề là nghiệp nào đủ duyên thì nó mới trổ.

2.4. Vô hiệu nghiệp:

Là nghiệp không có năng lực cho quả, nghĩa là chỉ tạo nhân chứ không trổ quả. Ví dụ Đức Phật hoặc là các bậc Thánh đắc A-la-hán. Sau khi Đức Phật đắc đạo năm 35 tuổi thì 80 tuổi Ngài nhập Niết-bàn. Trong 45 năm hoằng pháp của Ngài thì có mười mấy nghiệp trổ quả như đại chúng đã học ở bài Phật Nạn. Đó là quả ác nghiệp Đức Phật đã tạo trong vô lượng kiếp quá khứ, kiếp cuối cùng này đủ duyên nên quả trổ. Và năm 80 tuổi, khi Ngài nhập Niết-bàn thì tất cả những thiện nghiệp hay ác nghiệp chưa có cơ hội cho quả sẽ thành Vô hiệu quả nghiệp. Hoặc các bậc Thánh A-la-hán, các Ngài còn sống thêm 30 - 40 năm nữa, thì trong 30 - 40 năm đó, nghiệp nào đủ duyên thì trổ. Có thể các Ngài đã tạo cả tỷ nghiệp nhưng chỉ có khoảng 20 nghiệp ác đủ duyên trổ quả thôi. Sau khi các vị nhập Niết-bàn thì những nghiệp nào chưa có duyên trổ thì nó trở thành Vô hiệu nghiệp. Nói dễ hiểu như ngoài đời là con "chính thức xù nợ", có nhân mà không có quả. Cho nên ai muốn xù thì phải xù cỡ này luôn nha!

Tại sao Đức Phật và bậc Thánh A-la-hán nhập Niết-bàn thì các nghiệp còn dư sót gọi là Vô hiệu nghiệp? Vì sau khi các Ngài nhập Vô dư Niết-bàn rồi là không còn luân hồi, nghĩa là không còn có cơ hội cho nghiệp trổ nữa, thì nó thành Vô hiệu nghiệp. Đó là nghiệp vô hiệu thứ nhất.

Trường hợp Vô hiệu nghiệp thứ hai: ví dụ năm nay vị này 30 tuổi, năm 31 tuổi đắc Sơ thiền, vị này mất với tâm Sơ thiền đó thì sanh lên cõi Sơ thiền. Nhưng nếu vị này không chết năm 31 tuổi, tu tiếp tục và đắc Nhị thiền năm 32 tuổi, nếu chết với tâm Nhị thiền thì sanh cõi Nhị thiền. Nhưng vị này không chết năm 32 tuổi mà tu thiền định đến cuối đời đắc Tam thiền thì lúc đó với tâm Tam thiền, vị này tái sanh ở cõi Tam thiền. Vậy với nghiệp Nhị thiền, Sơ thiền đó nó có trổ không? Không! Nó thành vô hiệu nghiệp luôn. Khi đắc lên Tam thiền rồi thì quả Sơ thiền và Nhị thiền không trổ, không có kết quả. Vì tâm lúc này cao hơn là Tam thiền nên trổ quả Tam thiền. Chỗ này hơi khó, quý Phật tử cứ nghe thêm, Thầy giảng ở đây, quý vị lưu lại sau này học qua chỗ kia là tự nhiên nó hiểu lại chỗ này. Học Phật pháp nó lạ vậy đó! Bây giờ chưa hiểu thì cứ ghi vô đi, bữa nào học

chỗ kia quay lại hiểu chỗ này. Nếu giờ Thầy không nói chỗ này thì nó thiếu.

Trường hợp Vô hiệu nghiệp thứ ba: Có những nghiệp có khi trổ đời này, có những nghiệp trổ kiếp kế tiếp nhưng ví dụ đời này mình tạo một công đức lớn hay quá nhiều thiện nghiệp, mà làm cho cái nghiệp đáng ra trổ đời này không có cơ hội trổ luôn thì nó là vô hiệu nghiệp.

Vừa rồi Thầy đã nói Nghiệp phân loại theo thời gian có 4 loại: Hiện báo nghiệp cho quả đời này; Sanh báo nghiệp cho quả đời kế tiếp; Hậu báo nghiệp cho quả từ đời thứ 3 trở đi cho đến lúc nào mà đắc quả Thánh thì thôi và thứ 4 là Vô hiệu nghiệp.

3. Phân theo phận sự:

Có 4 nghiệp phân theo phận sự: Sanh nghiệp, Trợ nghiệp, Chướng nghiệp, Đoạn nghiệp.

3.1. Sanh nghiệp

Sanh nghiệp là nghiệp dẫn mình đi tái sanh. Nói dễ hiểu là nghiệp tạo ra tấm thân ngũ uẩn này (sắc, thọ, tưởng, hành, thức). Trước khi sanh ra thì mình ở trong bụng mẹ, sanh nghiệp tạo ra danh sắc, thân tâm ngũ uẩn này.

3.2. Trợ nghiệp

Sau khi sanh ra rồi thì mình muốn duy trì, bảo trì đời sống. Ví dụ quý vị sống đến 70 - 80 tuổi, vậy khoảng thời gian đó, thứ mà bảo trì đời sống, trợ duyên cho mình trợ nghiệp.

3.3. Chướng nghiệp

Chướng nghiệp này mới khủng khiếp. Tức là trong quãng đời sống của mình đã tạo ra những ác nghiệp, ví dụ mình sống được 60 - 70 tuổi mà trong giai đoạn đó mình có tà kiến cố định, phạm vào Năm tội ngũ nghịch,…đó là những chướng nghiệp gây khó khăn, cản trở cho đời sống hàng ngày của mình.

3.4. Đoạn nghiệp

Tức là nghiệp để đoạn, chặn đứng lại đời sống của chúng sanh. Thầy lấy ví dụ của ông Đề-bà-đạt-đa *(Devadatta)*:

Sanh nghiệp tạo ra tấm thân ngũ uẩn này. Nhờ sanh nghiệp mà ông sinh ra trong một gia đình hoàng tộc đầy đủ sung túc, quyền quý, giàu có. Ông rất thông minh và đã đắc Thiền. Nói theo nhà Phật, ông là một người Tam nhân với nhân vô tham, vô sân, vô si. Ông đủ duyên để đắc Đạo, sanh nghiệp của ông tốt như vậy.

Trợ nghiệp là nghiệp duy trì đời sống. Đề-bà-đạt-đa sống trong một cung điện với một cuộc sống đầy đủ.

Chướng nghiệp: khi trong vật chất đầy đủ như vậy, Đề-bà-đạt-đa đã âm mưu hại Phật muốn lãnh đạo Tăng đoàn, thả voi say, thuê sát thủ, lăn đá hại Phật,…đó là những chướng nghiệp. Giống như mình đang sống đây, người ta nói đang yên đang lành không chịu, răng đang đẹp như vậy bữa nào soi gương không thích nữa, đem đi thay răng khác thì vừa tốn tiền vừa mất răng gốc, đó là chưa nói bị này bị kia nữa. Quý vị có nghe: *"đất bằng dậy sóng chưa"*? Đang yên đang lành tự nhiên khởi lên bất thiện nghiệp. Mà nghiệp bất thiện quá lớn thì sao? Giống như là một chướng nghiệp, như Đề-bà-đạt-đa, ông có duyên lành, đắc thiền, có thần thông. Nếu sống ngoài đời là một vị vương giả mà ông phạm vào những tội như làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng thì đó là những chướng nghiệp. Hôm qua chúng ta học trong vòng luân hồi này, còn luân hồi là còn hồi hộp. Mình là phàm phu, còn tham ái và vô minh chi phối nên có thể tạo bất cứ ác nghiệp nào gây cản trở đến đời sống kiếp này và những kiếp sau. Đó gọi là chướng nghiệp.

Đối với Đề-bà-đạt-đa, chướng nghiệp của ông quá nặng là làm thân Phật chảy máu và phá hòa hợp Tăng cho nên ông bị đọan nghiệp và chấm dứt mạng sống của ông bằng cách: Sau khi sám hối và quy y với Đức Phật xong thì ông bị đất rút ngay tại tinh xá.

Những hình ảnh về Đề-bà-đạt-đa nói cho chúng ta về sanh nghiệp, trợ nghiệp, chướng nghiệp và đoạn nghiệp. Đó là 4 nghiệp phân theo phận sự.

4. Phân theo nơi cho quả

Ai muốn biết mình tạo nghiệp gì và sẽ đi đâu thì học chỗ này. Nghiệp phân theo nơi cho quả là tạo nghiệp nào thì quả nó cho mình đi chỗ nào.

4.1. Nghiệp bất thiện:

Đưa chúng sanh đi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A-tu-la, tức là 4 cõi xấu.

4.2. Nghiệp thiện Dục giới (nghiệp thiện ở cõi Dục)

Nghiệp thiện ở cõi Dục cho quả tái sanh ở cõi người hoặc 6 cõi Trời Dục giới.

4.3. Nghiệp thiện Sắc giới

Đắc Sơ, Nhị, Tam, Tứ thiền gọi là thiện nghiệp Sắc giới, sanh về 1 trong 16 cõi Sắc giới.

Tâm Sơ thiền sanh vào 1 trong 3 cõi Sơ thiền. Tâm Nhị thiền sanh vào 1 trong 3 cõi Nhị thiền. Tâm Tam thiền sanh vào 1 trong 3 cõi Tam thiền. Riêng Tứ thiền sẽ có 7 tầng thiền trong đó, nhưng có 5 tầng dành riêng cho bậc Thánh A-na-hàm và đắc Tứ thiền sanh vào.

4.4. Nghiệp thiện Vô Sắc:

Đắc các tầng thiền Vô Sắc giới gọi là thiện nghiệp Vô Sắc giới. Những chúng sanh cõi Vô Sắc không có sắc chỉ có tâm thức thôi. Có 4 cõi Vô Sắc: Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. *(mở bản đồ kèm theo)*

Ở đây, nghiệp phân chia theo nơi cho quả thì nghiệp bất thiện cho quả ở cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A-tu-la. Thiện nghiệp ở Dục giới cho quả ở cõi người và 6 cõi Trời Dục Giới (Tứ Đại Thiên Vương, Đao Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại). Thiện nghiệp Sắc giới tức là đắc tâm từ Sơ thiền đến Tứ thiền sanh vào 16 cõi Sắc giới. Thiện nghiệp Vô sắc là đắc 4 tầng thiền Vô Sắc, sanh vào 4 cõi Vô sắc, gọi là cõi chứ thực ra là có tâm mà không có sắc.

Tạm chung 16 nghiệp chia theo cách cho quả, theo thời gian, theo phận sự và nơi ưu tiên cho quả.

❖ Một vài nghiệp khác

+*Nghiệp môn:* Nói dễ hiểu tức là tam nghiệp ở Thân – Khẩu – Ý. Nghiệp nào diễn ra ở miệng thì gọi là khẩu nghiệp, ở tay chân, thân thể gọi là thân nghiệp, ở ý gọi là ý nghiệp.

Trong Thập thiện, thân nghiệp bao gồm thân nghiệp thiện và thân nghiệp ác. Thân nghiệp thiện đó là thân không sát sanh, không trộm cướp, không tà hạnh. Còn thân nghiệp ác là sát sanh, trộm cướp, tà hạnh.

Khẩu nghiệp có 4: Nói dối, nói lời hai lưỡi, nói lời ác độc, nói lời phù phiếm (nói thêu dệt). Đây là khẩu nghiệp bất thiện, khẩu nghiệp ác. Còn lời nói ngược lại với khẩu nghiệp bất thiện là khẩu nghiệp thiện (nói đúng, nói không thêu dệt, nói lời không hai lưỡi, nói lời không phù phiếm).

Ý nghiệp có 3: Không tham dục, không sân giận, không tà kiến gọi là ý nghiệp thiện (vô tham, vô sân, vô si). Tham dục, sân giận, tà kiến là ý nghiệp bất thiện.

Thân có 3, khẩu có 4, ý có 3, tổng thành 10 gọi là Thập thiện hay là Thập ác.

Qua bài Nghiệp này, đại chúng nên ghi nhớ rằng: có nghiệp nhân thì sẽ có nghiệp quả, để có nghiệp quả đó cũng tùy vào mức độ thời gian, có thể trổ đời này, có thể trổ đời sau hay rất nhiều kiếp sau mới trổ nhưng vẫn có chi tiết có thể trở thành Vô hiệu nghiệp được. Đó là khi đắc Thánh quả A-la-hán.

Nghiệp muốn trổ phải đủ duyên chứ không phải muốn trổ là trổ, như Đức Phật dạy, nếu chúng ta muốn suy tư về Nghiệp thì coi chừng bị điên, đó là một trong những điều bất khả tư nghì. Vì sao Đức Phật nói như vậy? Vì vốn dĩ sự vận hành của nghiệp quá kinh khủng khiếp như là ổ kén, ổ nhện thì làm sao mình suy tư bằng trí phàm phu của mình được.

Bài học rút ra: *"Ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp"*, mình tạo nghiệp thì mình chịu, không ai chịu giùm được, không có chuyện người ta tạo thì anh chịu và cũng không có chuyện anh tạo mà người ta chịu.

Trong cuộc sống hằng ngày từ nay về sau, khi mình chuẩn bị có Ý rồi, thì từ Ý mà qua Khẩu

rồi qua Thân luôn, dĩ nhiên có những cái mình không làm chủ được. Bây giờ quý vị tập dừng lại ở thân và ở khẩu, ở Ý thì bớt lại thôi chứ kêu dừng lại cũng khó. Từ từ mình tập kiểm soát tâm. Quý vị cứ nhớ mình là chủ nhân của nghiệp, nghiệp mình làm thì mình lãnh, nếu không lãnh đời này thì lãnh đời sau. Hiểu được điều này, chúng ta phải có trách nhiệm với đời sống của mình và ráng tu tập làm sao để đến một ngày mình gọi là Vô lậu nghiệp. Thực ra mượn từ để nói thôi chứ vô lậu là thanh tịnh, là giải thoát, là đắc Thánh A-la-hán nhưng chúng ta mượn để nói. Đức Phật và các bậc Thánh A-la-hán thì các Ngài dùng bằng tâm tố hay tâm duy tác chứ không còn tạo nghiệp thiện ác nữa, bởi nghiệp thiện ác là còn trả quả lành, quả xấu thì còn luân hồi. Riêng các Ngài là chấm dứt luân hồi luôn rồi.

(Buổi giảng ngày 18/09/2021)

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Nghiệp là gì? Nguyên nhân và nơi tạo nghiệp?

2). Hãy trình bày 16 loại nghiệp theo?

3). Hãy nêu 4 điều phàm phu không thể nghĩ thấu đáo được trong "Kinh Tăng Chi - Kinh Không Thể Nghĩ Được"?

4). Vì sao phàm phu không thể nghĩ thấu đáo được nghiệp của chúng sanh?

5). Hãy giải thích câu Kinh "Ta là chủ nhân của nghiệp, ta là thừa tự của nghiệp, Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa

6). Đức Phật có còn tạo nghiệp không, vì sao?

7). Khi Bậc Thánh A La Hán làm việc thiện, thì việc đó có được gọi là nghiệp thiện không, vì sao?

8). Nghiệp nào quyết định cảnh giới tái sanh?

9). Trường hợp nào thì nghiệp nhân không có cơ hội trổ quả nữa?

10). Khi còn luân hồi tái sanh, nghiệp đóng vai trò gì? Phật tử chúng ta nên làm gì, tạo nghiệp gì trong đời sống hiện tại?

Bài 14: LUÂN HỒI

---

* ĐỊNH NGHĨA
* TỔNG QUAN
* NGUYÊN NHÂN ĐƯA MÌNH ĐẾN LUÂN HỒI
* CHẤM DỨT LUÂN HỒI
* TÓM LƯỢC

I. ĐỊNH NGHĨA

Luân: là sự xoay vòng, đi lên đi xuống, đi tới đi lui, xoay vần, luân chuyển.

Hồi: là sự quay lại.

Định nghĩa dễ hiểu, Luân Hồi *(Saṃsāra)* là bánh xe sinh tử, diễn tả đường sinh tử không có đầu, không có đuôi, quay vòng vòng như bánh xe quay tròn không tìm thấy điểm khởi đầu. Luân hồi sinh tử tức là chúng sanh xoay vòng ở trong các cõi: Cõi xấu thì có Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Atula; cõi lành hơn một chút thì có cõi Người và cõi Trời Dục giới. Cao hơn nữa, chúng ta đắc

Thiền thì sanh lên cõi Sắc giới, cõi Vô Sắc Giới. Nói tóm lại, chúng ta đi xoay vòng trong Tam giới: Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới.

Có khi chúng ta đi lên, có khi đi xuống, có khi ở mãi dưới sâu, lâu lâu ngoi lên một chút, ngoi lên một chút rồi xuống lại, cứ đi vòng vòng. Bây giờ mình được làm Người, có thể kiếp sau sanh xuống loài Bàng sanh, kiếp tiếp theo lại sanh lên cõi Người, kiếp sau nữa lên cõi chư Thiên; có kiếp nào gặp Phật Pháp, đắc Thiền thì sanh lên cõi Trời Sắc giới; hoặc không gặp Phật Pháp mà chúng ta tu tập các đề mục về tầng Thiền Vô Sắc giới thì tái sanh lên cõi Vô Sắc giới. Sau đó, chúng ta có thể tái sanh xuống cõi Người rồi xuống lại Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh,… cứ đi vòng vòng như vậy.

Luân Hồi là một sự xoay vòng trong Tam Giới: Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới; có khi quý vị nghe nói là đi trong *Lục Đạo Luân Hồi*. Lục Đạo tức là 6 đường: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Trời, Người, Atula. Vậy nếu nói Lục đạo, tức là chỉ đang nói ở cõi Dục Giới thôi, nói rộng ra là phải nói đủ *Tam Giới*.

Dục Giới là một trong 3 cõi trong Tam giới, còn cõi Sắc giới và Vô Sắc giới nữa. Các vị đắc Thiền thì lên trên hai cõi đó, nhưng mà đắc Thiền rồi thì sao? Đắc Thiền thì vẫn có thể rớt xuống, chỉ có trường hợp đắc Thánh thì vòng Luân Hồi mới chấm dứt. Còn đắc Thiền thì ngày nào mà chúng ta hết đắc Thiền, hết thần thông thì vẫn có thể rớt xuống các cõi khác trong Tam giới.

Cho nên, mục đích cuối cùng của Đạo Phật không phải là đắc Thiền, cũng không phải là đắc thần thông, mà là để đắc Thánh, đoạn tận Vô Minh và Tham Ái, những kiết sử, phiền não, thì khi đó mới hết Luân Hồi.

Luân Hồi là đi lòng vòng trong Tam Giới, đi tới đi lui, đi lên đi xuống. Hôm nay chúng ta học bài Luân Hồi để có một cái đi nữa, đó là *Đi ra*. Bây giờ mình học để tìm cách đi ra! Đi ra đâu? - Đi ra khỏi 3 cõi! Tức là phải tu tập để chấm dứt cái gì đó đã đưa mình vào 3 cõi, khi chấm dứt cái đó thì mình sẽ đi ra 3 cõi, đó là *Vô Minh* và *Tham Ái*.

II. TỔNG QUAN

Luân Hồi gồm hai: Luân hồi vĩ mô và Luân hồi vi mô.

1. Luân hồi vĩ mô:

Chúng sinh sanh từ kiếp này qua kiếp khác, có kiếp làm Người, kiếp sau lên cõi chư Thiên, kiếp sau xuống Bàng sanh, rồi kiếp kế tiếp lên làm Người, kiếp sau đọa cõi Atula, kiếp sau đắc Thiền lên cõi Trời Sắc giới,…Thầy ví dụ như vậy. Mình sanh hết kiếp này qua kiếp khác, quanh lên quẩn xuống, cứ lên xuống như vậy nhưng thông thường thì **xuống nhiều hơn lên**. Quý vị cứ nghe nói lên xuống, lên xuống tưởng mừng! Không đâu, xuống nhiều hơn lên, rồi lâu lâu nhảy lên, rồi lọt xuống lại. Đừng nghe Thầy ví dụ lên xuống, lại tưởng mình dễ lên. Dù là luân hồi nhưng chúng ta dễ đi xuống hơn là đi lên. Chết kiếp này qua kiếp khác, kiếp này qua kiếp khác, việc dễ thấy như vậy thì đó gọi là: Luân Hồi Vĩ Mô.

2. Luân hồi vi mô:

Vi mô nghĩa là nhỏ. Từng ý niệm thiện – ác thay đổi liên tục trong tâm. Và chúng ta sống với những tâm niệm thiện - ác đó, chính từ những tâm niệm nhỏ đó mà mình sống nhiều với cái nào thì

nó dẫn mình đi luân hồi, tái sanh vào cõi tương xứng. Đó gọi là Luân Hồi Vi Mô.

Bài giảng Luân Hồi này, nếu giảng cho hết ý là mình phải nản, phải nhàm chán cõi đời này! *"Nhàm chán"* ở đây không có nghĩa bi quan yếm thế. Lát nữa Thầy sẽ cố gắng đọc chậm một chút mấy bài Kinh là lời Phật dạy cho quý vị thấy là khi chúng ta đã hiểu rồi thì ở trong cõi đời này, giàu hay nghèo cũng khổ, đẹp hay xấu cũng khổ, lên cõi chư Thiên còn khổ mà huống chi cõi Nhân loại này. Có nghĩa là ngày nào mình còn phiền não là ngày đó còn khổ, nhất là khi mình nhìn thấy xa, nhìn xa trông rộng, có ưu tư về tương lai nữa.

Chẳng hạn kiếp này mình tạm gọi là đủ, cũng có sức khỏe, cũng được thông minh, gia đình hạnh phúc, tiền bạc thì tạm gọi là dư giả…nhưng kiếp này chỉ mấy chục năm thôi. Khi quý vị biết nhìn xa, lo xa, thấy đường luân hồi phía trước nó mịt mù lắm, rồi đôi lúc mình sợ không dám nhìn, càng học càng thấy sợ vòng luân hồi sanh tử khổ đau này rồi bắt đầu mình biết suy tư, đắn đo, ưu tư cho những kiếp tương lai.

Một vài bài Kinh nói về Luân Hồi.

Trong ***Kinh Dây Thằng,*** Đức Phật nói về luân hồi như thế này:

VII. Dây Thằng (hay Dây Trói Buộc)

"1-2) Nhân duyên ở Sāvatthi…

3) Vô thỉ, này các Tỷ-kheo, là sự luân hồi này. Điểm bắt đầu không thể nêu rõ đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi.

4) Có thể có một thời, này các Tỷ kheo, biển lớn đi đến khô cạn, hoàn toàn đi đến khô kiệt, không có hiện hữu. Nhưng này các Tỷ kheo, Ta không có tuyên bố rằng, có sự chấm dứt khổ đau đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi.

5) Có thể có một thời, này các Tỷ-kheo, Sineru (Tu-di), Vua các núi, đi đến băng hoại, hoại diệt, không có hiện hữu. Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta không có tuyên bố rằng, có sự chấm dứt khổ đau đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi!

6) Có thể có một thời, này các Tỷ-kheo, đại địa đi đến băng hoại, hoại diệt, không có hiện hữu. Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta không có tuyên bố rằng, có sự chấm dứt khổ đau đối với chúng sanh

bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển luân hồi!

7) Ví như, này các Tỷ-kheo, có con chó bị dây thằng trói chặt vào một cây cột hay cột trụ vững trắc, chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh cây cột ấy hay cột trụ ấy. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu… không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã… quán thọ như là tự ngã… quán tưởng như là tự ngã… quán các hành như là tự ngã… quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Người ấy chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh sắc… thọ… tưởng… các hành… Người ấy chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh thức. Vì rằng người ấy chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh sắc… thọ… tưởng… các hành… người ấy chạy theo vòng theo, chạy tròn xung quanh thức; người ấy không giải thoát khỏi sắc, không giải thoát khỏi thọ, không giải thoát khỏi tưởng, không giải thoát khỏi các hành, không giải thoát khỏi thức, không giải thoát khỏi sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta tuyên bố rằng: "Vị ấy không giải thoát khỏi khổ đau".

8) Nhưng bậc Đa văn Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, được thấy các bậc Thánh… khéo tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là

tự ngã… không quán thọ… không quán tưởng… không quán các hành… không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Vị ấy không chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh thức. Vị ấy không chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh sắc… thọ… tưởng… các hành… không chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh thức. Vị ấy không chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh sắc… thọ… tưởng… các hành… thức; do không chạy vòng theo, chạy vòng tròn xung quanh thức, vị ấy được giải thoát khỏi sắc, được giải thoát khỏi thọ, được giải thoát khỏi tưởng, được giải thoát khỏi các hành, được giải thoát khỏi thức, được giải thoát khỏi sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói: "Vị ấy được giải thoát khỏi đau khổ".

VIII. DÂY THẰNG (HAY DÂY BUỘC)

1-2) Nhân duyên ở Sāvatthi…

3) — Vô thỉ, này các Tỷ-kheo, là sự luân hồi này. Điểm bắt đầu không thể nêu rõ đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi.

4) Ví như, này các Tỷ-kheo, có con chó bị dây thằng trói chặt vào một cây cột trụ vững chắc. Nếu nó có đi, nó chỉ đi tới cây cột hay cột trụ ấy. Nếu

nó đứng, nó chỉ đứng gần cây cột hay cột trụ ấy. Nếu nó ngồi, nó chỉ ngồi gần cây cột hay cột trụ ấy. Nếu nó nằm, nó chỉ nằm gần cây cột hay cột trụ ấy.

5) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu quán sắc: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", quán thọ… quán tưởng… quán các hành… quán thức: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi". Nếu người ấy có đi, người ấy chỉ đi tới năm thủ uẩn này. Nếu người ấy đứng, người ấy chỉ đứng gần năm thủ uẩn này. Nếu người ấy ngồi, người ấy chỉ ngồi gần năm thủ uẩn này. Nếu người ấy nằm, người ấy chỉ nằm gần năm thủ uẩn này.

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh".

7) Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy một bức họa gọi là danh họa không?

— Thưa có, bạch Thế Tôn.

— Này các Tỷ-kheo, bức danh họa ấy do tâm tư họa mà thành. Do vậy, này các Tỷ-kheo, tâm còn đa dạng hơn cả danh họa ấy.

8) Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si làm nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh".

9) Này các Tỷ-kheo, Ta không quán thấy một bộ loại nào khác lại đa dạng như tâm. Như các hữu tình thuộc loại bàng sanh; các hữu tình thuộc loại bàng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, do tâm tư duy (mà thành). Do vậy, này các Tỷ-kheo, tâm ấy lại đa dạng hơn các hữu tình thuộc loại bàng sanh ấy.

10) Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si làm nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh".

11) Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thợ nhuộm hay một họa sĩ, nếu người ấy có thuốc nhuộm, hay lạc, hay nghệ, hay màu xanh, hay màu

đỏ tía, hay một tấm gỗ khéo bào, hay một bức tường, hay một tấm vải. Người ấy có thể vẽ hình người đàn bà hay hình người đàn ông với đầy đủ tất cả chi tiết. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu, liên tục làm cho hiện hữu sắc… thọ… tưởng… các hành… liên tục làm cho hiện hữu thức.

12) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

— Vô thường, bạch Thế Tôn.

— Thọ… tưởng… các hành… thức là thường hay vô thường?

— Vô thường, bạch Thế Tôn.

13-14) — Do vậy, này các Tỷ-kheo… Thấy vậy… "… không còn trở lui trạng thái này nữa". Vị ấy biết rõ như vậy.

(Trích Tương Ưng Bộ III – Chương I: Tương Ưng Uẩn – Phẩm Hoa, Kinh Dây Thằng)

Vô thỉ là không có bắt đầu, nghĩa là quý vị không thể biết được kiếp bắt đầu vòng luân hồi, nghĩa là có quá nhiều kiếp mình đã đi qua. Khủng khiếp vậy đó. *"Điểm bắt đầu không thể nêu rõ đối với chúng sanh bị vô minh che đậy"*, ngày nào chúng ta còn vô minh che đậy, còn bị tham ái,

phiền não là mình cứ luẩn quẩn trong vòng luân hồi mà không có điểm kết thúc,*"bị khát ái trói buộc phải lưu chuyển luân hồi"*.

Và đây là bài Kinh trong Kinh Tương Ưng, Đức Phật nói về nước mắt:

"Các ông nghĩ thế nào, này các Tỳ-Kheo, cái gì là nhiều hơn?

Dòng nước mắt tuôn chảy do các ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các ông phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này hay là nước trong bốn biển lớn?

Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn thuyết Pháp, chúng con hiểu rằng, cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là ***dòng nước mắt tuôn chảy do chúng con than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này chớ không phải nước trong bốn biển lớn****.*

Lành thay, lành thay, này các Tỳ Kheo!

Lành thay, này các Tỳ Kheo, các ông đã hiểu như vậy Pháp do Ta dạy!

Cái này là nhiều hơn, này các Tỷ-kheo, tức là dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải lưu chuyển Luân Hồi trong thời gian dài này chớ không phải nước trong bốn biển lớn…"

(Trích Kinh Tương Ưng - Thiên Nhân Duyên - Tương Ưng Vô Thỉ - Nước Mắt)

Đức Phật đang nói với chư Tỳ-kheo, khóc lóc bởi những điều gì? Hội ngộ những điều mình không ưa, không thích; xa lìa những người mình thích,… Những giọt nước mắt đó trong nhiều kiếp luân hồi, nhiều hơn là nước trong bốn biển. Nói dễ hiểu là trong đời này, có thể quý vị khóc chưa được một xô. Mình nói: *"Trời, con khóc đời này cùng lắm cứ cho một xô đi, mà Phật nói nước mắt của con nhiều hơn bốn biển trong vòng luân hồi, sao con khó tin quá!"*

Lúc đầu Thầy đọc tới đây, Thầy cứ nghĩ chắc là Phật ví dụ vậy để cho mình thấy mình khổ nhiều, khóc nhiều. Nhưng không phải, đại chúng nghiệm lại đi, mỗi kiếp mình khóc, cứ cho là một xô nước mắt, nhưng vô thỉ kiếp trải qua, dù nó ít nhưng biết bao nhiêu kiếp như vậy cộng lại thành

ra rất nhiều. Trong khi nước biển nhiều nhưng nó cố định chừng đó, mình khóc một kiếp cứ cho một xô nước mắt, vô thỉ kiếp như vậy cộng lại có phải nhiều hơn bốn biển không? Từng giọt nước mắt, từng giọt nước mắt quá nhiều kiếp rồi, thì đến hôm nay những giọt nước mắt đó mà cộng lại còn nhiều hơn nước bốn biển, kinh khủng khiếp chưa! Cho nên những giọt nước mắt hôm nay quý vị khóc chẳng có xá gì đâu!

Sau này có duyên, đại chúng tìm đọc *Tích truyện về Ni Sư Paṭācārā*. Ngài khi chưa xuất gia là một tiểu thư con nhà giàu nhưng cô lại thương một người làm trong gia đình, cho nên mới trốn đi một nơi xa lập nghiệp. Khi có thai đứa con đầu lòng, cô Paṭācārā muốn về nhà mẹ đẻ để tiện việc chăm sóc nhưng người chồng ngăn cản. Sau đó cô trốn đi và sanh đứa con trong một lùm cây, trên đoạn đường về nhà cha mẹ ruột. Người chồng hay tin thì đi tìm cô trở về. Đến khi bắt đầu chuẩn bị sinh đứa con thứ 2, cô đã thuyết phục và được người chồng đồng ý cùng về nhà cha mẹ ruột. Trên đoạn đường đi đó, một buổi chiều tới một cánh rừng thì trời mưa, anh chồng mới nói: *"Thôi em ở đây với con nhỏ đi, anh vào rừng chặt một ít cây rồi làm cái chòi để trú nắng, trú mưa"*. Cô

ngồi đợi rất lâu mà không thấy chồng về. Trong đêm đó, cô sinh đứa con thứ hai. Một đứa thì bế trên tay, một đứa thì sinh trong rừng có một mình, quý vị thấy khổ khủng khiếp! Đợi tới sáng hôm sau cũng không thấy chồng về, một tay bế con nhỏ vừa sinh, một tay dắt con đi vào trừng để tìm chồng thì phát hiện ông chồng bị rắn cắn chết rồi. Cô khổ quá khóc hết nước mắt, thương chồng rồi thương con, nhưng cũng phải ráng đi về nhà.

Khi đi đến con sông Aciravatī, do trận mưa lớn hôm qua nên nước sông có chỗ ngập đến gối, đến hông. Bây giờ có hai đứa con, cô mới để đứa con lớn ở lại trên bờ, còn một tay thì cô bơi, một tay đỡ đứa con nhỏ mới sinh. Đang bơi qua nửa chừng, có một con diều hâu bay xuống gắp đứa con mới sinh vì đứa bé vẫn còn nghe mùi máu. Nó gắp đứa con mới sinh đi trong sự bất lực của người mẹ thương con. Cô quá đau khổ, cô hét la trong sự vô vọng, bất lực. Khi hét như vậy thì ở bờ bên kia, đứa con lớn nghe đang chờ trên bờ tưởng mẹ nó kêu. Nó đâu có đủ nhận thức, lại đi từ từ, từ từ xuống sông và dòng nước cuốn nó đi. Một bên là con chim bắt đứa con, trước mắt cô là đứa con từ từ bị dòng nước cuốn trôi đi trong sự bất lực, khủng khiếp khổ!

Mới hôm qua chồng chết, rồi bây giờ đến hai đứa con chết như vậy. Lúc này sắp điên rồi, cô ráng tiếp tục đi về. Bởi đã lâu chưa về nên cô phải hỏi thăm người trong thành về gia đình cô. Nhìn thấy phía xa có khói bốc lên, cô Paṭācārā mới hỏi: *"Tại sao ở đó khói bốc lên nhiều vậy?"* Những người xung quanh mới nhận ra cô là con của ông bà gia đình đó, họ nói: *"Thôi cô đừng có hỏi, cô đừng có hỏi nữa!"* Hỏi mãi thì có người báo cho cô biết, đám khói đang cháy là để thiêu xác gia đình cô, vì đêm qua có cơn bão lớn đã làm sập đổ căn nhà khiến cha mẹ và anh trai đều bỏ mạng. Như sét đánh ngang tai, cô ngã ra bất tỉnh. Đại chúng thấy khổ khủng khiếp, mới mất chồng xong, mất hai đứa con, nay cha chết, mẹ chết, anh trai chết. Một nỗi đau quá lớn, cô không chịu nổi nữa, và con người mình khi mà bị cú sốc quá lớn, thường nặng quá thì bị điên, cô bị sốc quá nên hóa điên luôn. Cô xé hết quần áo, không còn tự chủ nữa, đi dọc đường la hét giống như những người điên bây giờ.

Thầy kể tới đây, Thầy cảm nhận được trong cuộc đời mình, lâu lâu cũng gặp một vài chuyện khổ quá, mình chưa đến nỗi bị điên loạn nhưng đôi lúc cũng không làm chủ được mình. Duyên

lành của cô Paṭācārā như vầy, trong lúc đau khổ điên loạn như vậy, cô chạy vào Tinh xá Kỳ Viên (Jetavana). Những người xung quanh thấy vậy mới cho cô một chiếc áo choàng mặc vào để che thân. Với lòng từ bi của Đức Phật, cô thấy Ngài là lòng cô yên lại liền! Khi cô yên, cô quỳ xuống và khóc. Cô thưa: *"Kính bạch Ngài, chồng con chết, hai đứa con của con chết, cha mẹ của con chết, anh con chết, nhà con sập. Kính bạch Ngài, con quá đau khổ bởi những cái mất mát đó."* Đức Phật mới nói:

"Này Paṭācārā, những giọt nước mắt trong nhiều kiếp con đã rơi xuống vì mất chồng, mất con, vì mất gia đình, vì mất người thân, vì hội ngộ những điều không thích và vì xa lìa những điều con thích, những giọt nước mắt đó trong nhiều kiếp Luân Hồi còn nhiều hơn bốn biển, xá gì là những giọt nước mắt hiện tại của con."

Nghĩa là những giọt nước mắt đời này, con khóc vì mất chồng, mất con, mất gia đình là rất nhỏ, là rất ít so với những giọt nước mắt mà nhiều kiếp con đã khóc vì mất người thân. Vì vậy, đại chúng hay nghe câu: ***"Nước mắt chúng sanh nhiều hơn bốn biển"***, đó là xuất phát bài Kinh này. Sau khi nghe xong, Paṭācārā tỉnh lại, sau đó

cô xuất gia và đắc Thánh A-la-hán – *Vị Trì Luật Đệ Nhất*. Cuộc đời của Paṭācārā có thể nói là một câu chuyện buồn, quá buồn.

Cho nên ai mà hay than: *"Con khổ quá Thầy ơi!"*, Thầy nói: *"Nghe về cuộc đời cô Paṭācārā đi rồi than tiếp!"* Nghe xong thấy là cái khổ của mình chẳng là gì so với cái khổ của cô cả. Khổ điên luôn mà được duyên lành gặp Phật Pháp. Quý vị nghiệm lại, rồi từ từ trong cuộc sống của mình, mình gặp đủ thứ chuyện, Sanh, Lão, Bệnh, Tử - khổ, xa những người thương mến, cũng Khổ, người ghét mà gặp cũng khổ, cầu không được cũng khổ và đặc biệt là ngày nào mình còn để phiền não chi phối là còn Khổ. Kinh khủng khiếp như vậy!

Cũng trong bài Kinh này Đức Phật nói:

"...Trong một thời gian dài, này các Tỳ Kheo.

- *Các ông chịu đựng mẹ chết.*
- *Các ông chịu đựng con chết*
- *Các ông chịu đựng con gái chết,*
- *Các ông chịu đựng tai họa về bà con,*

- *Các ông chịu đựng tai họa về tiền của,*

Trong một thời gian dài, này các Tỳ Kheo, Các ông chịu đựng tai họa của bệnh tật. Cái này là nhiều hơn, là dòng nước mắt tuôn chảy do các ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì mình không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các ông phải chịu đựng tai họa của bệnh tật chớ không phải nước trong bốn biển.

Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỳ Kheo, bị tham ái trói buộc.

Cho đến như vậy, này các Tỳ Kheo, là vừa đủ để các ông nhàm chán, là vừa đủ để các ông từ bỏ, là vừa đủ để các ông giải thoát đối với tất cả các hành."

(Trích Kinh Tương Ưng - Thiên Nhân Duyên - Tương Ưng Vô Thỉ - Nước Mắt)

Những kiếp chúng ta đi qua, khóc vì mất mẹ, mất cha, mất vợ, mất chồng, mất con, bệnh tật, tai nạn, … đủ thứ cái hết - những giọt nước mắt đó nhiều hơn bốn biển. Hôm nay quý vị nghe chính Đức Phật nói như vậy, nghe những bài Kinh vừa rồi đã bắt đầu thấy nản chưa? Hy vọng nghe bài này xong, đại chúng ráng mà tinh tấn tu học.

Có một lần, chư Tỳ-kheo mới hỏi: *"Có bao nhiêu kiếp, bạch Thế Tôn, đã đi qua, đã vượt qua?"* nghĩa là Ngài đã đi qua bao nhiêu kiếp trong Luân Hồi rồi. Và Đức Phật có lấy ví dụ ở đây như vầy:

"Có thể được, này các Tỷ-kheo. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có bốn vị đệ tử, tuổi thọ một trăm tuổi, sống đến một trăm năm. Cứ mỗi ngày họ nhớ đến trăm ngàn kiếp, này các Tỷ-kheo, các kiếp được họ nhớ đến là vậy. Bốn đệ tử ấy tuổi thọ một trăm tuổi, sống đến một trăm năm, sau một trăm năm đi đến mệnh chung.

Nhiều như vậy, này các Tỷ-kheo, là những kiếp đã đi qua, đã vượt qua. Thật không dễ gì để có thể đếm chúng được là một vài kiếp, một vài trăm kiếp, một vài ngàn kiếp, một vài trăm ngàn kiếp."

(Trích Kinh Tương Ưng - Thiên Nhân Duyên -Tương Ưng Vô Thỉ - Các Đệ Tử)

Đức Phật ví dụ thế này: có 4 vị Tỳ-kheo, mỗi vị sống 100 năm. Một ngày thì một vị Tỳ-kheo nghĩ về 100.000 kiếp, mà vị này sống 100 năm. Bốn vị như vậy, đại chúng tính ra coi bao nhiêu kiếp? Một ngày thôi đã nghĩ 100.000 kiếp rồi, 1

năm có 365 ngày, mình nhân lên, rồi vị đó sống đến 100 tuổi, 4 vị như vậy. Đức Phật lấy ví dụ này để nói rằng: rất nhiều kiếp Ngài đã đi qua trong Luân Hồi. Hôm trước mình học thì biết Đức Phật đã đi qua: 20 A-tăng-kỳ và 100.000 Đại kiếp.

Nãy giờ chúng ta học về hình ảnh của nước mắt, bây giờ học về máu. Cũng trong Kinh Tương Ưng, Đức Phật dạy:

"... Trú ở Vương Xá, Trúc Lâm,

Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông lưu chuyển Luân Hồi trong thời gian dài này, hay là nước trong bốn biển lớn?

Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn thuyết pháp, chúng con hiểu rằng cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích, khi chúng con lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này, không phải là nước trong bốn biển lớn.

Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo! Lành thay, này các Tỷ-kheo, các Ông đã hiểu Pháp Ta dạy như vậy!

Cái này là nhiều hơn, này các Tỷ-kheo, tức là dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này, không phải là nước trong bốn biển lớn.

(Trích Kinh Tương Ưng - Thiên Nhân Duyên -Tương Ưng Vô Thỉ - Khoảng Ba Mươi)

Tiếp đến là hình ảnh về xương:

"…Trú tại Vương Xá, núi Linh Thứu,

Vô thỉ là Luân Hồi này, này các Tỷ-kheo …

Các xương của một người, này các Tỷ-kheo, lưu chuyển Luân Hồi có thể lớn như một đồi xương, một chồng xương, một đống xương, như núi Vepulla này, nếu có người thâu lượm xương lại, gìn giữ chúng, không làm chúng hủy hoại".

(Trích Kinh Tương Ưng - Thiên Nhân Duyên -Tương Ưng Vô Thỉ - Người)

Đức Phật nói nếu xương của mình gom lại trong vòng sanh tử này thì hơn cả một ngọn núi Vepulla; còn dòng máu chảy ra từ đầu bị thương khi làm bò, trâu, dê, nai, heo, gia cầm, kẻ

trộm,…trong suốt thời gian dài, nhiều hơn nước trong bốn biển. Bây giờ ta học đến hình ảnh mộ phần, lỡ nản thì nản cho tới luôn,

Trong bài Kinh Cỏ Và Củi, Đức Phật nói thế này:

"…Vô thỉ là Luân Hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển Luân Hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Cũng vậy, đã lâu ngày, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng khổ, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các mộ phần ngày một lớn lên."

"Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông nhàm chán, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông giải thoát đối với tất cả các hành."

(Trích Kinh Tương Ưng - Thiên Nhân Duyên -Tương Ưng Vô Thỉ - Cỏ Và Củi)

Đại chúng nghe câu quan trọng, câu này cũng là câu chốt của bài Pháp: *"Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông nhàm chán, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông giải thoát đối với tất cả các hành."* Nói dễ hiểu là

như vậy là quá khổ rồi, đủ nhàm chán luân hồi, - *"Này các Tỳ-kheo, như vậy là vừa đủ để nhàm chán."*

Thầy dẫn vài bài Kinh cho quý vị biết được sự đáng sợ của luân hồi. Chúng ta đã luân hồi bao lâu là không thể nhớ nổi, khi còn vô minh và tham ái là ta cứ tiếp tục luân hồi sanh tử. Chúng sanh đã luân hồi trong vô lượng kiếp; máu, nước mắt, xương, mộ phần của ta được Đức Phật ví là nhiều hơn núi và nước biển. Quá khủng khiếp với dòng luân hồi, và ở đây chúng ta đặt ra một câu hỏi lớn: Nguyên nhân nào đưa mình đi Luân Hồi?

III. NGUYÊN NHÂN ĐƯA TA LUÂN HỒI?

Có nhiều nguyên nhân đưa chúng sanh không thể thoát khỏi vòng luân hồi, gọn gàng nhất đó là: **Vô Minh và Tham Ái**. Nói dễ hiểu, hai phiền não này: vô minh – tham ái chính là cha và mẹ của chúng ta. Vô minh là cha, Tham ái là mẹ. Có phải khi nào mình còn ngồi đây là mình vẫn còn Vô Minh, Tham Ái không? Rõ ràng là như vậy! Có thể nói rộng ra là còn phiền não, kiết sử, nghiệp thiện – ác. Nhưng để nói dễ hiểu nhất, đó

chính là còn **Vô Minh và Tham Ái** dẫn ta đi luân hồi.

Và nói như trong Tứ Diệu Đế là: *Khổ - Tập - Diệt - Đạo*.

- Khổ Đế*:* là những cái khổ trong Tam Giới.

- Tập Đế*:* là nguyên nhân của luân hồi, là *Vô Minh và Tham Ái*.

- Diệt Đế*:* là Níp-bàn hay Niết-bàn *(Nibbāna)*.

- Đạo Đế: là con đường đưa đến chấm dứt Khổ Đế, đạt được Niết-bàn tức là Diệt Đế. Đạo Đế đó chính là Bát Chánh Đạo, Tứ Diệu Đế.

Nếu ai hỏi: *"Vì sao mình còn luân hồi?"* thì quý vị trả lời là do vô minh và tham ái. Vô minh chính là không hiểu Tứ Đế, không hiểu cuộc đời này là Khổ, mọi hiện hữu là Khổ. Và bởi không hiểu nên ta đam mê các hiện hữu này, đam mê trong các dục, dính mắc trong sự yêu thích, ghét thương trong Tam giới: Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới – là Tham ái và đó chính là nguyên nhân đưa mình đi vào Luân Hồi.

Thầy kể cho đại chúng nghe một câu chuyện có thật. Hôm đó, vị Sư này đến một Viện Bảo Tàng. Khi đến, Sư thấy có một cái lu nước, nhìn thì nó không có gì bắt mắt hay cổ kính gì hết, nhưng mà tại sao nó lại nằm ở đây? Khi đọc lý do thì là như vậy: trong một lần, nơi đó bị hỏa hoạn. Khi lửa cháy rụi, người ta vào cứu thì gần như ở đó bị cháy chết hết. Trong đó người ta thấy có cái lu này. Khi mở lu ra thì trong đó có nước, lửa có cháy nước được không? Không! Nhưng có đứa bé nằm chết trong cái lu. Mấy người kia thì bị lửa cháy, còn đứa bé này không bị lửa cháy, nó nhảy vô lu có nước. Và rồi lửa cháy xung quanh cái lu, nó cũng bị chết luôn.

Cũng vậy, ngày nào mình còn luân hồi, ví dụ luân hồi cõi Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh là quá khổ, gọi là *"Luân hồi kiểu hạ cấp"*. Nếu mình có phước một chút được làm Người, được làm Thiên, hay tu đắc Thiền Sắc giới, Vô Sắc giới được gọi là *"Luân hồi cấp cao, Luân hồi quý phái"*. Tam giới giống như một ngôi nhà lửa, ngôi nhà lửa này mình ở chỗ nào thì cũng khổ, ở trong ngôi nhà lửa thì có cái gì là bình an không? Ở lầu trên cũng chết, lầu giữa cũng chết, lầu dưới cũng chết, miễn là trong ngôi nhà lửa là còn khổ, ngôi nhà lửa đó

chính là: **NGÔI NHÀ LUÂN HỒI**. Học bài này, thay vì chúng ta cứ đi tới đi lui, đi lên đi xuống thì mình phải tìm cách **đi ra**, đi ra khỏi vòng luân hồi sanh tử này. Muốn đi ra thì phải đoạn tận cái đã đưa mình đi vào, mà thứ đã đưa ta đi vào chính là *Vô Minh và Tham Ái*. Cho nên, cứ còn trong luân hồi là còn khổ, là còn đáng sợ và không biết chuyện gì xảy ra ngày mai hết.

Thầy nói ví dụ: đời này mình tạo một nghiệp đố kỵ, vào đời sau, cứ cho là được làm Người mà là người thấp kém. Với nghiệp làm người thấp kém đó, nó đưa mình về một phương trời: là người thấp kém, nghèo khổ thì từ đó mình sẽ tạo bao nhiêu ác nghiệp nữa để mình lại đi xuống, đi xuống có thể là Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh gì đó. Lâu lâu, có Phước thì mình trồi lên lại có thể làm một người nghèo, từ cái nghèo đó lại đưa mình về một phương trời nào đó rồi tạo vô số nghiệp nữa, rồi mình làm một người xấu xí, bệnh tật. Và từ cái bệnh đó, mình lại làm bao nhiêu nghiệp xấu ác nữa như giết con này, con kia để tẩm bổ sức khỏe… Quý vị thấy khủng khiếp lắm! Cho dù hôm nay mình có được đẹp, được giàu, được khỏe, được thông minh… được gì đi chăng nữa, Thầy nói dù được làm Vua Chuyển Luân,

ngay cả làm vua cõi Trời đi chăng nữa thì sao? Nhớ giùm Thầy: *"Còn luân hồi là còn hồi hộp"*.

Chúng ta hồi hộp không biết chuyện gì ngày mai, không biết chết rồi mình đi đâu nếu không có phước. Người có phước thì **đi lên** chứ chưa có **đi ra**. Cho nên mục đích Thầy giảng bài này là: Mình còn có đi lên đi xuống nhưng mà phải tìm cách đi ra. Và cách đi ra đó, mấy bài sau chúng ta sẽ học về Bát Chánh Đạo, về Tứ Diệu Đế, đó là con đường để cho mình thoát ra cái Khổ.

Ví dụ bây giờ chúng ta lọt xuống đóng phân, thì nguyên đống phân đó nó có đáng nhờn gớm, có đáng ghê tởm không? - Vẫn đáng ghê tởm! Bây giờ không lọt xuống đóng phân nữa, trong người mình bị một chút xíu phân dính vô người thôi, thì chút xíu phân đó có đáng ghê tởm không? - Cũng đáng ghê tởm! Ở đây, Đức Phật nói, dù mình còn trong luân hồi mà ở những cảnh giới cao đi chăng nữa, cũng giống như còn một chút phân dính đó, vẫn là còn trong luân hồi, vẫn còn khổ thôi. Đức Phật dạy:

"Ví như, này các Tỷ-kheo, một ít phân có mùi hôi thúi. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta

không tán thán về hiện hữu dầu cho có ít thôi, cho đến chỉ trong thời gian búng ngón tay."

Này các Tỷ-kheo, một ít nước tiểu có mùi hôi thúi, một ít nước miếng có mùi hôi thúi, một ít mủ có mùi hôi thúi, một ít máu có mùi hôi thúi. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta không tán thán về hiện hữu dầu cho có ít thôi, cho đến chỉ trong thời gian búng ngón tay".

(Trích Kinh Tăng Chi – Chương Một Pháp - Phẩm Makkhali)

Hiện hữu nghĩa là còn luân hồi, tức là còn có nghiệp nên mình mới tái sanh vào Tam giới. Dù còn một chút hiện hữu bằng đầu ngón tay thì vẫn còn luẩn quẩn trong vòng sanh tử, vẫn khổ. Học bài này, quý Phật tử thấy thân phận kiếp người của mình chưa, có đáng là gì không để mà tự hào? - Không có cái gì để đáng tự hào cả! Còn luân hồi, còn hồi hộp, giống như ta sinh ra là một tấm bia - tấm bia cho đời bắn. "Đời" ở đây có thể là oan gia trái chủ, oán kết, nghiệp xấu, bất thiện, thị phi … đủ cái nó bắn hết. Những điều đó vẫn chưa sợ bằng:

"Kẻ thù hại kẻ thù,

Oan gia hại oan gia,

Không bằng tâm niệm tà,

Gây ác cho tự thân"

(Trích Kinh Pháp Cú – Phẩm Tâm)

Người kia hại mình coi vậy chứ không ghê bằng tâm niệm ác của mình. Người đó nói xấu mình coi vậy chứ không bằng tâm niệm bất thiện của mình đâu. Tâm niệm tà, tâm niệm bất thiện, tâm niệm tà kiến, tâm niệm xấu ác là thứ kinh khủng khiếp nhất. Dù người ta chửi nhưng mình vẫn có thể sáng sáng uống cà phê, tối tối uống cà phê. Đằng này người ta không chửi, mà họ khen mình, lúc đó khởi tâm niệm xấu thì mình mới khổ.

Bây giờ Thầy nói, người ta có ghét quý vị cỡ nào đi nữa, nhưng mà quý vị có phước, có tu tập thì đâu có khổ. Chuyện ghét là chuyện của người ta, quan trọng mình có bất thiện hay không. Từ đó để đại chúng thấy là ngày nào mình còn luân hồi là còn hồi hộp, giống như đi trong một ngôi nhà lửa thì có gì để mình tự hào.

Trong Tam giới: Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới, thì điểm gốc là điểm hút mình về, đó là Dục

giới, là điểm thấp nhất. Trong Dục Giới gồm những cõi: Trời, Người, Atula, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Vậy cõi nào là điểm gốc hút mình về? Thưa quý vị, đó là ba cõi: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Bữa nào Thầy giảng bài **HỒI HƯỚNG**, Thầy kể quý vị nghe Đức Phật nói: *"Ta thấy những chúng sanh sau khi mất từ thân người, sau khi mất rơi xuống Ngạ quỷ nhiều hơn là quay lại làm Người",* chưa nói xuống Súc sanh và Địa ngục, thân Người mà chết là rơi xuống Ngạ quỷ nhiều hơn.

Địa ngục là sân giận. Ngạ quỷ là đói khát, tham lam, bỏn xẻn, ích kỷ, nhỏ nhen. Súc Sanh là si mê, hưởng thụ. Đại chúng nhìn lại trong tâm mình, giữa Thiện và Ác thì điểm nào là điểm gốc? Quý vị nói "Thiện" thì thôi, Thầy tắt máy nghỉ luôn khỏi giảng, *"Điểm Ác là điểm hút mình về!"* Khi quý vị biết tu, sống đạo đức, có Thầy lành bạn tốt, có Pháp tu, tức là Thiện. Bạn nói mệt ơi là mệt, khuyên quá trời, vậy mà mình sao? Cũng lén lén lén đi về cõi Ác. Nói như vậy để chúng ta thấy, trong tâm mình thì cái gốc là tâm bất thiện, cái dễ hút mình về; còn trong Tam giới thì Dục giới là điểm gốc; trong Dục giới có Địa ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh là điểm gốc hút mình về.

Vì vậy, thứ nhất là ngày nào còn luân hồi thì ngày đó chúng ta dễ rớt xuống cõi xấu. Thứ hai, ngày nào còn luân hồi, chúng ta dễ tạo điều bất thiện nhiều hơn là điều thiện, ta dễ có những tư tưởng tà kiến. Tại sao Thầy nói như vậy?

"Không dễ để gặp Phật, Phật rất là khó có!"

Giả dụ chúng ta sinh ra lúc Phật ra đời đi chăng nữa thì mình gặp Phật trong hoàn cảnh nào? Ngay cả kiếp hiện tại này, giáo lý của Đức Phật vẫn còn, nhưng một người bệnh nằm trên giường thì khó gặp Phật Pháp. Chẳng hạn sanh ra trong thời Phật Pháp nhưng hai vợ chồng, người thì cố gắng tinh tấn làm thiện, người thì cố gắng tinh tấn làm ác, hoặc người rất tin Phật, người không tin Phật. Thầy nói đơn giản như vậy thôi cũng đủ cản trở quý vị. Rồi gặp Phật Pháp trong hoàn cảnh cơm không có ăn, áo không có mặc, ăn buổi sáng lo cho buổi trưa từng đồng, ăn buổi trưa lo cho buổi chiều, còn thời gian để nghĩ về Phật Pháp không? Có nghĩa là: còn Phật Pháp đó, mà bao nhiêu cái làm cho mình phải rời xa Phật Pháp.

Cho nên Thầy nói quý vị có nghèo hay giàu cỡ nào cũng nhớ tận dụng, tranh thủ cơ hội khi còn

Pháp mà học. Cho dù kiếp này mình có nghèo mà biết về Phật Pháp, biết lễ Phật, hành Thiền, tụng Kinh, làm phước… thì ngay đó quý vị đã nâng cuộc đời mình đi lên, nhắm mắt là những cái phước đó đưa mình đi lên rồi. Bây giờ chẳng qua kiếp này nó trổ một nghiệp bất thiện nào đó nên nghèo thôi. Vì vậy làm gì thì làm, trong tâm mình phải có Phật, có Pháp, những cái này là những cái tinh túy còn sót lại.

Chúng ta chưa biết lúc nào mình chấm dứt vòng luân hồi, ngày nào mình chứng Thánh, nhưng khi có duyên còn gặp Phật Pháp được phải tranh thủ gieo duyên. Có nhiều người nói: *"Thầy ơi con bệnh quá!" "Con bận quá!"*, rồi *"Con cái này, cái kia... quá!"*. Cuối cùng bỏ Phật Pháp, đó là đang còn trong thời kỳ có Phật Pháp. Cho nên, những người này rất dễ gặp tư tưởng Tà Kiến.

Đi trong luân hồi thì mình rất dễ gặp tư tưởng tà kiến. Có người không tin kiếp trước, kiếp sau, họ tin chết là hết, không tin gieo nhân thiện sẽ có quả lành, gieo nhân ác có quả xấu. Không phải dễ mà quý vị tin được điều đó đâu. Chẳng qua là chúng ta có một cái duyên lành nào đó, hoặc là từ nhỏ được cha mẹ, ông bà hướng dẫn, có duyên lành nào đó được học, được mở mang ra thì mình

mới hiểu những vấn đề này. Đến hôm nay, nhiều người vẫn không tin có kiếp trước kiếp sau. Trong Khóa II, Thầy sẽ giảng về bài **TÀ KIẾN**. Một trong những nguyên nhân đọa xuống Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh là Tà Kiến. Đi trong luân hồi rất dễ có tư tưởng tà kiến, rất dễ tạo điều bất thiện, và rất dễ lọt xuống ba cõi xấu. Đó là những điều khủng khiếp, đáng sợ trong vòng luân hồi.

Vua Ba-tư-nặc *(Pasenadi)* là Phật tử thuần thành, là một vị Phật Chánh Đẳng Giác tương lai. Có một lần, ông đi ngang đoạn đường đó thì thấy một cô gái, và ông đem lòng quý thương. Khi hỏi ra thì biết cô gái này có chồng rồi. Ông về tìm cách giết người chồng để lấy cô gái này về làm vợ. Thế là ông ra lệnh bắt người chồng này đi tìm miếng đất có cây bông súng đỏ và cho một khoảng thời gian rất ngắn để tìm. Nhưng Đức Vua lại cho lính đóng cổng thành lại thì làm sao mà ông chồng đó kịp chạy vào cung giao? Đại ý là ông đưa ra một cách để cho người chồng này về không kịp và ông mượn cớ đó để giết. Và trong đêm hôm đó, Đức Vua ngủ không được, ông trằn trọc không yên vì ông đã tìm cách để giết người chồng nhằm cướp vợ của người ta, ông chồng này là người nghèo nữa.

Trong đêm hôm đó ông ngủ không được, thì ông nghe thấy tiếng của 4 người thân quyến kiếp trước của ông. Sáng hôm sau thức dậy, ông cảm thấy sợ hãi. Hoàng hậu Mạt-lợi *(Mallikā)* dẫn ông vào gặp Đức Phật. Đức Phật nói bốn người này trong tiền kiếp từng tạo những điều bất thiện từ thời Đức Phật Ca Diếp *(Kassapa Buddha)* bị đọa xuống địa ngục lâu quá, ba mươi ngàn năm họ mới trồi lên được nói một lần, họ mới nói được có từng từ từng từ xong thì lại rớt xuống. Ông không hiểu, mới thưa với Đức Phật nguyên nhân là vì cả đêm qua ông thức, suy nghĩ làm sao để lấy được vợ người, làm sao để giết được ông chồng, một đêm trằn trọc như vậy. Người ta nói *"thức đêm mới biết đêm dài"*. Cho nên Vua Ba-tư-nặc mới thưa với Đức Phật là: ***"Đêm dài cho kẻ thức"***. Còn lúc này người chồng đang cố gắng, ông chạy nhưng không kịp vào thành, và ông vào trong Tinh xá. Ngay dịp này người chồng mới nói với Đức Phật**:*"Đường dài cho kẻ mệt".*** Tức là với ông, đoạn đường dài thật dài mà ông cố tìm cái mà vua Ba-tư-nặc yêu cầu. Lúc này, Đức Phật nói thêm hai câu như thế này: "*Luân Hồi dài, kẻ ngu - Không biết chơn diệu Pháp*"

"Đêm dài cho kẻ thức,

Đường dài cho kẻ mệt,

Luân hồi dài, kẻ ngu,

Không biết chơn diệu Pháp"

(Trích Kinh Pháp Cú – Phẩm Ngu)

Ngày nào chúng ta còn luân hồi là do còn si mê không thấy được Phật Pháp. Cho nên, để chấm dứt luân hồi là phải có Phật Pháp và ứng dụng Bát Chánh Đạo, Tứ Diệu Đế để thực tập, để đoạn trừ những kiết sử, phiền não thì mới chấm dứt luân hồi. Nếu không có giáo pháp của Phật, chúng ta không có chuyện chấm dứt luân hồi.

IV. CHẤM DỨT LUÂN HỒI

Nếu không có Đức Phật ra đời thì không có giáo pháp, không có Tứ Diệu Đế, không có Bát Chánh Đạo, không có Tứ Niệm Xứ, không có 37 Phẩm Trợ Đạo: Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lục, Thất Bồ Đề Phần và Bát Chánh Đạo, không có Phật Pháp thì không có những giáo lý này. Và đồng nghĩa với việc chúng sanh không có cách để chấm dứt luân hồi.

Trong Thời Kỳ Không Có Phật, Có Ai Chấm Dứt Luân Hồi Không?

"Thưa không, dĩ nhiên là trừ các vị Phật Độc Giác thôi." Cái nguyện của các Ngài, trừ các vị đó thì tuyệt nhiên không có ai có thể chứng Thánh để chấm dứt luân hồi cả, vì muốn chấm dứt luân hồi phải có con đường chấm dứt, đó là phải có Bát Chánh Đạo, Tứ Diệu Đế,…

Bát Chánh Đạo, Tứ Diệu Đế phải vào thời có Phật mới có.

Như lúc nãy Thầy nói, nếu không có Phật thì những người có tu đắc Thiền là *"Luân Hồi Quý Phái", "Luân Hồi Cao Sang"* thôi, nhưng vẫn phải luân hồi. Còn không chịu tu tập, không chịu tu Thiền đắc thiền, và trong thời kỳ không có Phật nữa thì *"Luân Hồi Hạ Cấp"*, luân hồi Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Chỉ khi Đức Phật thành Phật và khi Ngài dạy giáo pháp thì lúc đó mới có con đường chấm dứt Luân Hồi, đó chính là ***Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo.*** Quý Phật tử thấy hạnh phúc chưa, rồi từ từ chúng ta được học qua Tứ Diệu Đế là gì, Bát Chánh Đạo là gì, rồi 37 Phẩm Bồ Đề là gì.

IV. CHẾT VÀ TÁI SANH

BẢN ĐỒ 31 CÕI LUÂN HỒI

		Nhân tái sanh		Các cõi	Tuổi thọ	
VÔ SẮC GIỚI		Sau khi đắc tứ thiền, hành giả tu tiến với các kasiṇa chứng đắc tầng thiền Vô Sắc.		**31. PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ**	84 000 đại kiếp	THIỆN THỨ
				30. VÔ SỞ HỮU XỨ	60 000 đại kiếp	
				29. THỨC VÔ BIÊN XỨ	40 000 đại kiếp	
				28. KHÔNG VÔ BIÊN XỨ	20 000 đại kiếp	
SẮC GIỚI	Tứ Thiền Thiên	Tu tập một trong 12 đề mục sau để chứng Thiền: 10 đề mục kasiṇa / 1 đề mục vô lượng tâm / 1 đề mục niệm hơi thở	Ngũ Tịnh Cư Thiên là nơi ở của bậc Thánh nhân chứng quả A-na-hàm	**27. SẮC CỨU CÁNH THIÊN** Chư Phạm Thiên cõi này vượt trội hơn tất cả Phạm Thiên cõi khác về Giới đức-Định đức-Tuệ đức, sinh vào đây chắc chắn sẽ nhập Niết-bàn. (**TUỆ**)	16 000 đại kiếp	
				26. THIỆN KIẾN THIÊN Phạm Thiên cõi này có nhục nhãn, Thiên nhãn và tuệ nhãn thù thắng nên sự nhìn thấy được đầy đủ tốt đẹp. (**ĐỊNH**)	8 000 đại kiếp	
				25. THIỆN HIỆN THIÊN Chư Phạm Thiên cõi này rất đẹp, ai nhìn vào cũng cảm thấy an lạc hoan hỷ. (**NIỆM**)	4 000 đại kiếp	
				24. VÔ NHIỆT THIÊN Chư Phạm Thiên ở đây thường xuyên nhập quả định nên các phiền não không có cơ hội bộc khởi để gây bức nhiệt. (**TẤN**)	2 000 đại kiếp	
				23. VÔ PHIỀN THIÊN Chư Phạm Thiên ở cõi này không bị thất thoát mất mát các thiên sản, tuổi thọ… Họ sống trọn vẹn đến hết thọ mạng. (**TÍN**)	1 000 đại kiếp	
				22. VÔ TƯỞNG THIÊN Phạm Thiên ở cõi này không có sở hữu tưởng	500 đại kiếp	
				21. QUẢNG QUẢ THIÊN Phạm Thiên ở cõi này hưởng quả lành to lớn, kiên cố, đặc biệt và bất động nhờ năng lực thiền định.	500 đại kiếp	
	Tam Thiền Thiên	Tu tập một trong 14 đề mục sau để chứng Thiền: 10 đề mục kasiṇa / 3 đề mục vô lượng tâm Từ, Bi, Hỷ / niệm hơi thở.		**20. BIẾN TỊNH THIÊN** Tầng trời của vị Phạm Thiên toàn thân có hào quang chói lọi sáng như trăng rằm.	64 đại kiếp	
				19. VÔ LƯỢNG TỊNH THIÊN Tầng trời của vị Phạm Thiên có hào quang cực kỳ huy hoàng	32 đại kiếp	
				18. THIỂU TỊNH THIÊN Tầng trời của vị Phạm Thiên có hào quang kém xinh đẹp nhất trong cõi Tam Thiền	16 đại kiếp	
	Nhị Thiền Thiên	Tu tập một trong 14 đề mục sau để chứng Thiền: 10 đề mục kasiṇa / 3 đề mục vô lượng tâm Từ, Bi, Hỷ / niệm hơi thở.		**17. QUANG ÂM THIÊN** Tầng trời của vị Phạm Thiên có hào quang phát sinh từ thân mình với nhiều tia sáng rực rỡ do sắc quý tiết từ tâm lý trợ sinh.	8 đại kiếp	
				16. VÔ LƯỢNG QUANG THIÊN Tầng trời của vị Phạm Thiên có hào quang vô lượng	4 đại kiếp	
				15. THIỂU QUANG THIÊN Tầng trời của Phạm Thiên có hào quang ít rực rỡ nhất trong cõi Nhị Thiền	2 đại kiếp	
	Sơ Thiền Thiên	Tu tập 1 trong 25 đề mục để chứng Thiền: 10 kasiṇa / Niệm Hơi Thở / Từ / Bi / Hỷ / 10 Bất Mỹ / 1 đề mục niệm 32 Thể Trược		**14. ĐẠI PHẠM THIÊN** Tầng trời của vị Phạm chủ cai quản tất cả Phạm Thiên ở hai cõi Phạm Chúng và Phạm Phụ.	1 trụ kiếp	
				13. PHẠM PHỤ THIÊN Tầng trời của hạng Phạm Thiên phụ tá, cố vấn cho Đại Phạm Thiên	1/2 trụ kiếp	
				12. PHẠM CHÚNG THIÊN Tầng trời của hạng Phạm Thiên tùy tùng cho các vị Phạm Chủ	1/3 trụ kiếp	
DỤC GIỚI	6 Cõi trời Dục Giới	Nguyên nhân tái sanh: Thực hành thập thiện nghiệp, giữ giới và các đại thiện tâm cao quý		**11. THA HÓA TỰ TẠI THIÊN** Thiên chúng ở cõi đó muốn thụ hưởng thiên lạc nào tự nhiên có chư Thiên khác biết ý, hóa hiện ra cho hưởng thọ ngay. Ma Vương là chủ quản cõi này	16 000 năm = 9216 triệu năm nhân giới	ÁC THÚ / ĐỌA XỨ
				10. HÓA LẠC THIÊN Thiên chúng cõi này tự hóa hiện các vật chất khoái lạc để thụ hưởng	8 000 năm = 2304 triệu năm nhân giới	
				9. ĐẨU SUẤT THIÊN Cõi xã ly nhiệt não, là cõi Từ Bi vì có sự hiện diện của chư Bồ Tát sanh trú	4 000 năm = 576 triệu năm nhân giới	
				8. DẠ MA THIÊN Cõi này phát sáng rực rỡ không cần mặt trời phân chia ngày đêm	2 000 năm = 144 triệu năm nhân giới	
				7. ĐAO LỢI THIÊN Có 33 tầng trời và Thiên Vương Đế Thích là chủ quản	1000 năm = 36 triệu năm nhân giới	
				6. TỨ THIÊN VƯƠNG THIÊN Là lãnh địa của bốn vị vua Trời ở cõi thứ nhất trong 6 tầng trời Dục Giới: Trì Quốc Thiên Vương, Tăng Trưởng TV, Quảng Mục TV, Đa Văn TV	500 năm cõi trời = 9 triệu năm nhân giới	
	Vừa tạo nghiệp thiện mà cũng có thể tạo nghiệp ác			**5. NHÂN LOẠI** Là cõi có hạnh phúc và đau khổ lẫn lộn; gồm 4 đại châu lớn: Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Bắc Câu Lô Châu	10 tuổi≤ Tuổi thọ ≤ 100 000 tuổi	
	Nhân sanh vào: Tạo thập ác nghiệp, không giữ giới, sống tà vạy… **Bốn cõi này còn gọi là 4 Khổ cảnh hay 4 cõi đọa xứ** vì chúng sanh nào đã sinh vào đây đều phải chịu khổ; là nơi không có cơ hội thực hành thiện nghiệp.			**4. A-TU-LA** Hạng chúng sanh không có một đời sống sáng chói, huy hoàng như chư Thiên. Gồm 3 loại: ATL Thiên, ATL Nga Quỷ, ATL địa ngục	Tuổi thọ: Không xác định	
				3. SÚC SANH Khi sinh vào sinh chúng này, dầu đến cả vị Bồ Tát cũng không đủ trí tuệ chứng ngộ Thánh quả, vì Thánh trí bị ngăn che		
				2. NGẠ QUỶ Ngạ quỷ là một loài hữu tình có đời sống kém may mắn. Nói dễ hiểu, Ngạ quỷ là những chúng sanh quá vãng sống vất vưởng mà dân gian gọi là ma đói cô hồn.		
				1. ĐỊA NGỤC Là nơi không có sự tiến hóa an vui, không đáng để ước vọng mong mỏi, chúng sanh sanh vào đây phải bị nhiều sự thống khổ.		

Luân hồi là đi tới đi lui, đi lên đi xuống, cứ đi lòng vòng như bánh xe quay, miễn trong ba cõi,

trong lục đạo luân hồi. Vậy chết rồi mình sẽ đi đâu?

Tam giới gồm Dục giới, Sắc giới, và Vô Sắc giới. Nếu chia nhỏ 3 cõi này ra là 31 cõi.

Ở Dục giới nói gọn là 6 cõi, nói chi tiết là 11 cõi.

6 cõi gồm: Trời, Người, Atula, Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh. Nhưng riêng cõi Trời ở cõi Dục giới chia thành 6 cõi: cõi gần nhất với cõi Người là Tứ Đại Thiên Vương, trên là Đao Lợi, trên là Dạ Ma, trên là Đâu Suất, trên là Hóa Lạc và trên nữa là Tha Hóa Tự Tại. Vậy thì nếu nói chi tiết ra 6 cõi Trời Dục giới với cõi Người, Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh thì Cõi Dục Giới có 11 Cõi.

Và khi nào chúng ta sanh vào cõi Dục giới này? Trong 11 cõi Dục giới là có thiện có ác, thiện ác chỗ nào quý Phật tử để ý xem: được làm Người là có thiện, là quả lành, được làm Thiên ở cõi Trời Dục giới cũng là quả lành. Xuống Atula, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh là xấu, là ác. Dĩ nhiên ở cõi Trời và Người vẫn là còn trong luân hồi, nhưng là luân hồi "đỡ đỡ" một chút, không phải

dạng *"Luân Hồi Hạ Cấp"* như Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh.

Thầy nói ví dụ, **nhân** để quay lại làm Người thường là chúng ta biết bố thí, trì giới. Nhân để sanh cõi Trời cũng vậy: bố thí, trì giới hoặc Bát Quan Trai giới, hoặc làm các điều lành, Thập Thiện. Nhân sanh Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh là làm những điều bất thiện. Bất thiện nặng hay nhỏ là tùy ít nhiều và đối tượng mình tạo bất thiện là ai nữa, thường bất thiện nhiều sẽ xuống Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Đại ý chung chung là như vậy.

Trên cõi Dục giới là cõi Sắc giới. Cõi Sắc giới này nói chi tiết ra là có 16 Cõi. Nói dễ hiểu, cõi Sắc giới tức là cõi của những người đắc Thiền, ai đắc Thiền mới lên được cõi Sắc giới, mà là Thiền Sắc Giới, đó là ai chứng được Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền.

Tứ Thiền ở đây là Tứ Thiền Sắc Giới của Cõi Sắc. Là người chứng được tâm Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền, chứng như vậy thì sẽ sanh vào cõi tương ứng. Vị mất trong trạng thái tâm Sơ Thiền thì sanh vào cõi Sơ Thiền. Vị mất trong trạng thái tâm Nhị Thiền thì sanh vào Cõi Nhị Thiền…

Cõi Sắc giới gồm có 16 cõi: 3 cõi Sơ Thiền, 3 cõi Nhị Thiền, 3 cõi Tam Thiền, 7 cõi Tứ Thiền. Và trong 7 cõi Tứ Thiền này thì có 5 cõi gọi là 5 cõi Tịnh Cư. Năm cõi này chỉ dành cho vị đắc Tứ Thiền và là bậc Thánh A-na-hàm.

Vô Sắc Giới mình gọi là Cõi nhưng thực ra không có hình sắc, chúng sanh ở cõi này chỉ sống bằng tâm, không sống bằng hình sắc. 4 Cõi Vô Sắc là: Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

Những cái này một số người mới học là hơi đau đầu, nhưng quý vị cũng nên biết, biết coi mình đi đâu, đi loanh quanh trong 31 Cõi này trừ 5 cõi Tịnh Cư ra. 4 cõi Vô Sắc thì chúng sanh đắc Thiền và sống bằng tâm chứ không sống bằng thân thể.

Dục giới là thấp nhất, trên là Sắc giới, trên là Vô Sắc giới. Càng lên cao thì càng đơn giản, càng nhẹ nhàng, càng vi tế. Chư Thiên Dục Giới cũng có Thiên cung, ao hồ, quang cảnh, hào quang. Nếu như ở Dục giới, người ta gặp nhau thì ôm nhau một cái, chư Thiên Dạ Ma có thể người ta nắm tay một cái, chư Thiên Đâu Suất người ta cười một cái, tức là nó nhẹ hơn. Và lên Sắc Giới rồi thì tuyệt nhiên những điều Dục không còn nữa. Vì muốn

vào chư Thiên Sắc giới phải đắc Sơ Thiền trở lên. Muốn đắc Sơ Thiền là đoạn 5 triền cái: tham dục, sân, trạo hối, hôn trầm, nghi. Trong đó có tham dục, người đắc Sơ Thiền là họ đã đoạn tham dục rồi, tuy nhiên cái đoạn này không phải là đoạn hẳn, mà đoạn tạm thời. Tức là đắc Sơ Thiền thì không có 5 triền cái này, nhưng sau này họ có thể mất Thiền và rơi xuống cõi thấp lại, chỉ có khi nào đắc Thánh thì mới "đoạn cỏ tận gốc" thôi.

Thầy nói ví dụ cõi Người sống bao lâu thì là bất định? *"Bất định"* là tùy tuổi thọ của chúng sanh thời kỳ đó. Nhưng làm chúng sanh ở cõi Người, có những kiếp chúng sanh sống được 10 tuổi thôi, kinh khủng khiếp vậy đó! Và khi chúng sanh có ác nghiệp nặng chỉ sống 10 tuổi thì thời đó: thứ nhất, dịch bệnh mà chết, chết rất nhiều. Thứ hai, chiến tranh mà chết, đói khát mà chết, gặp ai cũng muốn chém, muốn giết hết, tự nhiên trở nên như vậy, tạo ác nghiệp quá thì tuổi thọ còn có 10 tuổi. Còn lại một số người có tâm lành, họ bắt đầu tu tập lại, có hiếu lại, biết điều lành lại, chứ lúc đó chưa có Phật pháp đâu, thì tuổi thọ lại tăng lên, tăng đến A-tăng-kỳ tuổi. Sau khi tăng đến A-tăng-kỳ tuổi rồi, sống lâu quá rồi họ lại dễ duôi, họ lại tạo những điều bất thiện và tuổi thọ hạ

xuống lại từ từ, hạ xuống tới 80,000 tuổi thì Phật Di Lặc *(Metteyya)* ra đời.

Cho nên từ nay cho đến thời Phật Di Lặc còn dài lắm, tha hồ để cho chúng ta đi lang thang trong vòng luân hồi. Bây giờ mình tranh thủ lo tu khi còn giáo pháp, đến khi giáo pháp mất rồi là phải đợi đến khi Phật Di Lặc ra đời, quý vị thấy kinh khủng dài. Vừa rồi Thầy nghe: *"Thầy, con nghe nói Phật Di Lặc sắp ra đời rồi Thầy?"* Thầy hỏi *"Ai nói?"*. Bây giờ tuổi thọ hiện tại của mình còn hơn 70, cứ 100 năm giảm 1 tuổi, mình đang trong kiếp giảm. 100 năm giảm một tuổi nữa, thì giảm khi nào đến 10 tuổi. Và khi 10 tuổi rồi thì cứ 100 năm tăng lên 1 tuổi, cứ 100 năm tăng lên 1 tuổi, tăng đến vô số tuổi, A-tăng-kỳ tuổi. Rồi từ A-tăng-kỳ tuổi đó cứ 100 năm giảm ngược 1 tuổi, 100 năm giảm 1 tuổi, cho đến khi 80,000 tuổi là Đức Phật Di Lặc ra đời, lâu không?

Đại chúng lấy máy tính còn không được vậy mà Thầy có nghe ai đó nói Phật Di Lặc sắp ra đời! Thầy nói: *"Yên tâm đi, còn thời gian cho quý Phật tử đi trong Luân Hồi dữ lắm!"* Quý vị thấy Phật ra đời khó chưa? Hôm nay mình hơi buồn một chút là mình không gặp Phật trực tiếp, nhưng mình vui là gì, hạnh phúc là gì, đó là vẫn còn giáo

pháp của Phật, vẫn còn chư Tăng. Giai đoạn này mà chúng ta không biết tận dụng Pháp để chấm dứt luân hồi thì không biết lúc nào. Nhưng mình phải có học Pháp để còn nghĩ đến việc chấm dứt luân hồi, nếu không có Pháp thì không biết gì đến việc chấm dứt luân hồi cả.

Vậy chết rồi ta đi về đâu? Quý vị trả lời tổng quan là đi về 3 cõi Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới; còn nói chi tiết ra là nếu sanh xuống Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh vì làm những điều bất thiện nhiều. Quay lại làm Người ít nhất phải biết Bố Thí, Trì Giới, làm thiện; lên cõi Trời thì hơn một chút, giữ Bát Quan Trai Giới hoặc cũng có Trì Giới, Bố Thí, Thập Thiện; còn lên Sắc giới, Vô Sắc giới là phải đắc Thiền, từ Sơ Thiền trở lên, nhưng rồi cũng loay hoay trong vòng luân hồi.

"Có ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chất chứa các thân hành có não hại, chất chứa các khẩu hành có não hại, chất chứa các ý hành có não hại. **Sau khi chất chứa thân hành có não hại, chất chứa khẩu hành có não hại, chất chứa ý hành có não hại, người ấy sanh trong thế giới**

có não hại. *Vì phải sanh trong thế giới có não hại, người ấy cảm giác các cảm xúc có não hại. Người ấy, vì cảm giác các cảm xúc có não hại, nên cảm giác các cảm thọ có não hại, nhất hướng đau khổ, như các chúng sanh ở trong địa ngục.*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người chất chứa thân hành không có não hại … chất chứa ý hành không có não hại. **Sau khi chất chứa thân hành không có não hại … chất chứa ý hành không có não hại, người ấy được sanh trong thế giới không có não hại**. *Được sanh trong thế giới không có não hại, người ấy cảm giác các cảm xúc không có não hại. Do cảm giác các cảm xúc không có não hại, người ấy cảm giác các cảm thọ không có não hại, nhất hướng lạc, như chư Thiên ở Biến Tịnh Thiên.*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người chất chứa thân hành có não hại và không có não hại … chất chứa ý hành có não hại và không có não hại. **Sau khi chất chứa thân hành có não hại và không có não hại … , sau khi chất chứa ý hành có não hại và không có não hại, được sanh vào thế giới có não hại và không có não hại.** *Được sanh vào thế giới có não hại và không có não hại, người ấy cảm giác các cảm xúc có não hại và không có não*

hại. Do cảm giác các cảm xúc có não hại và không có não hại, người ấy cảm giác các cảm thọ có não hại và không có não hại, xen lẫn lạc và khổ, ví như loài Người, một loại chư Thiên và một loại sanh trong đọa xứ.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời."

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương Ba Pháp - Phẩm Người, Bài Kinh Chất Chứa)

Người nào thân - khẩu - ý chất chứa những điều xấu, điều bất thiện thì sinh trong thế giới bất thiện, thế giới bất thiện đó là gì? *"Vì phải sanh trong thế giới có não hại, người ấy cảm giác các cảm xúc có não hại".* Vì sinh ra trong thế giới bất thiện, thế giới đau khổ, thì cảnh mình ở là trong cảnh khổ. Thầy lấy ví dụ làm Người, làm Người mà bệnh hoài quý vị khổ không? - Quá khổ! Sau kiếp Người xuống làm Quỷ: Quỷ đói. Trong Kinh kể, có những Ngạ quỷ biết bao kiếp không được ăn, có những Ngạ quỷ kinh khủng khiếp, thấy dòng nước đó nhưng là máu, thấy cơm đói khát người ta đem tới là lửa, mà cái nghiệp của Ngạ quỷ đó là như vậy; còn xuống Địa ngục thì khỏi nói rồi. Như loài Bàng sanh, đại chúng nhìn xem

gà, heo, bò, chó mà mình có thể thấy được, nó biết gì ngoài chuyện đến giờ là ăn, duy trì nòi giống và sợ chết. Chúng không biết gì ngoài những điều đó. Cho nên, người nào thường cảm xúc thân, khẩu, ý não hại chất chứa cái đó thì sanh về thế giới có não hại.

"Người ấy, vì cảm giác các cảm xúc có não hại, nên cảm giác các cảm thọ có não hại, nhất hướng đau khổ, như các chúng sanh ở trong địa ngục".

Tức là người mà có thân - khẩu - ý làm ác hoài, Đức Phật nói là đi về cõi Địa Ngục. Nói dễ hiểu của câu này là người nào thân, khẩu, ý làm điều bất thiện thì đi về cõi tương xứng: Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh.

"Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chất chứa các thân hành không có não hại, chất chứa các khẩu hành không có não hại, chất chứa các ý hành không có não hại. Sau khi chất chứa thân hành không có não hại, chất chứa khẩu hành không có não hại, chất chứa ý hành không có não hại, người ấy sanh trong thế giới không có não hại. Được sanh trong thế giới không có não hại, người ấy cảm giác các cảm xúc không có não hại. Do

cảm giác các cảm xúc không có não hại, người ấy cảm giác các cảm thọ không có não hại, nhất hướng lạc, như chư thiên ở biến tịnh thiên."

Nó quá tương ứng với những gì mình làm, tức là mình có thân khẩu ý lành, lành thôi chứ chưa hết luân hồi, thì sinh lên cõi chư Thiên.

"Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người chất chứa thân hành có não hại và không có não hại ... chất chứa ý hành có não hại và không có não hại." Tức là thân có làm thiện và có làm ác, khẩu có nói thiện và có nói ác: *"Đôi khi con cũng từ bi, đôi khi con cũng sân si bất ngờ - Đôi lúc con cũng dễ thương, đôi lúc con cũng ương ương khùng khùng"*; *"Con sáng nắng chiều mưa, trưa lâm râm, tối bão"*. Người có lúc miệng nói thiện, có lúc miệng nói ác, thân có hành thiện và có hành ác, ý có nghĩ thiện và có lúc nghĩ ác thì chuyện gì xảy ra? Đức Phật dạy:

"… cảm giác các cảm xúc có não hại và không có não hại, người ấy cảm giác các cảm thọ có não hại và không có não hại, xen lẫn lạc và khổ, ví như loài người, một loại chư thiên và một loại sanh trong đọa xứ."

Chính vì có Thiện và Ác, nếu Thiện nhiều hơn thì sanh Thiên hoặc cõi Người, hoặc cũng có khi xuống cõi xấu. Nãy giờ quý vị học thấy có bàn tay nào nhúng vào không? Có bàn tay Thần Linh, Thượng Đế hay Phật Thánh gì đưa vô đây mà ép mình không? Cho nên hiểu về Phật Pháp, mình cảm ơn Phật, thương Phật, lạy Phật là vậy đó. Đức Phật chỉ dạy cho chúng ta con đường, đường này đi đến thế gian, đường đi đến Niết Bàn, đường nào đến hạnh phúc, đường nào đến khổ đau. Phật dạy cho con chứ Ngài không làm giùm con được. Có người suy nghĩ thế này: con lạy Phật, theo Phật thì Phật giúp cho con, con không theo thì Phật phạt con. Thầy nói tuyệt nhiên không có cái đó! Học Phật Pháp là như vậy, mình phải có trách nhiệm với thân khẩu ý của mình. Quý vị thấy nãy giờ Đức Phật có nói ai tác động vào không? - Không! Chính thân khẩu ý của chúng ta.

Nếu quý vị sống với **Nước ở thể khí** thì tự động nó bốc lên, sống với **Nước ở thể lỏng** thì nó sẽ tự tìm chỗ thấp đi xuống. Nước thể lỏng giống như thân khẩu ý bất thiện, và Nước thể khí như thân khẩu ý thiện, Nước thể khí tự nó bay lên, Nước thể lỏng tìm chỗ thấp đi xuống. Quý vị sống với điều Thiện là tự nhiên cuộc đời mình đi lên.

Thầy nói giả dụ nhắm mắt một cái, khỏi cầu an, cầu siêu gì thì quý vị cũng đi lên. Từ điều này mình mới rút ra bài học, khi nhắm mắt là chúng ta đi theo nghiệp thiện ác của mình: Thiện nhiều - Nước thể khí tự nó bay lên; Ác nhiều - Nước thể lỏng rớt xuống. Mình không nói chuyện hồi hướng không có kết quả, không phải không có; nhưng để kết quả hồi hướng có được không phải dễ đâu. Hôm nào học qua bài HỒI HƯỚNG CẦU SIÊU mới thấy, thật ra cầu siêu không phải không có kết quả mà không phải dễ, người một khi đã mất rồi, biền biệt, khó lắm!

Mới sáng nay thôi, có một cô Phật tử ở bên nước ngoài gọi về cho Thầy. Cô nói mẹ bị bệnh Covid, hai phổi đen hết rồi, bây giờ chuẩn bị không biết gì. Cô dự định sắp tới sẽ về Việt Nam làm mừng thọ cho Mẹ 100 tuổi. Bà cách đây 2, 3 năm xuống thăm Thầy, 97 tuổi mà đi ào ào, nói giọng khỏe lắm. Cô sợ Mẹ đi trong lúc này nhiều khi làm lễ đám còn không được, huống chi cô về được. Thầy nói chuyện và khuyến khích vì bà cũng biết Phật Pháp. Thầy mới nói với cô: *"Mình thương Mẹ thì nên tranh thủ làm cái Phước gì đó cho Mẹ mình, lúc Mẹ còn!"* Thầy nói tiếp, *"Thay vì cô làm cho Mẹ thì bây giờ cô nói sao đó, cái gì*

của Mẹ, để Mẹ làm!" Hôm trước Thầy có giảng chỗ **"sòng phẳng"**, quý Phật tử nhớ không? Nếu Cha Mẹ hay người thân không có tịnh tài để làm phước thì con cái cho, nghĩa là phần tịnh tài đó đã thuộc về Cha Mẹ, sau đó mình khuyến khích Cha Mẹ tự làm, nếu không còn khả năng để tự làm thì đưa cho ai đó làm giùm, vì đó là **tài sản của Cha Mẹ nên phần phước đó là Cha Mẹ hưởng**.

Mình thông minh là phải như vậy, khéo léo một chút. Vì nhắm mắt rồi, chúng sanh nhận được phước từ Hồi Hướng của mình phải là Ngạ quỷ, mà không phải tất cả Ngạ quỷ đều nhận được phước từ hồi hướng. Thầy nói giả dụ, mình có người thân tên là A, người đó chết rồi đọa xuống Súc Sanh, quý vị có làm một tỉ việc thiện thì quý vị hưởng, hoặc là người thân quyến nào đó của mình, cha mẹ thân quyến nhiều kiếp của mình nhận. Nhưng mà người A đó họ không nhận được, vì họ xuống Súc sanh rồi. Nếu muốn giúp cho người A mà người A đó ở Địa ngục, làm Súc Sanh hay quay lên làm Người thì người A cũng không nhận được. Người A đó phải ở Ngạ Quỷ mới có thể nhận được và không phải là Quỷ nào cũng nhận được, quý Phật tử thấy tỉ lệ nhận phước từ việc hồi hướng dễ hay khó? Quá khó phải không?

Vậy thì quý vị tranh thủ đi, lúc còn sao không làm, không giúp đi, cứ đợi khi tỉ lệ rất mong manh thì mình làm.

Không phải Thầy nói hồi hướng thì không có kết quả. Ví dụ người A đó không nhận được thì thân quyến của mình nhiều kiếp có bên cạnh thì hưởng được Phước đó chứ không phải không được. Nhưng bây giờ mình rất thương người A đó thì mình phải tranh thủ giúp cho người A đó khi người đó còn sống. Nhắm mắt rồi biết đi đâu, Địa ngục, Súc sanh hay quay lại làm Người đều không nhận được, chỉ xuống Ngạ quỷ thôi. Giả dụ quý vị thương cha, thương mẹ, thương chồng, thương con thì phải cho người đó có phước để làm hành trang cầm tay đi trong Luân Hồi. Mình nói rằng: *"Thôi, để khi nào người đó mất con làm đám, cúng Trai Tăng."* Thầy nói thật, tấm lòng đó quá tốt! Nhưng mà chết rồi, quý vị cúng có chắc gì người đó nhận được, vì họ đi đâu rồi, đâu phải dễ để người đó nhận. Tuy nhiên buổi lễ vẫn có Phước, người A không nhận thì người khác nhận, nhưng mình đang muốn người A có Phước thì phải tranh thủ làm khi người A còn sống.

Vì vậy, đại chúng nên hiểu chỗ này để lo mà tích lũy Thiện nghiệp. Dĩ nhiên không thể nào nói

một kiếp mà làm Thánh được, chấm dứt luân hồi được, thì ít nhất trong các lời hồi hướng mà Thầy hồi hướng mỗi tối sau khi kết thúc buổi dạy: *"Là duyên lành trước hết là chúc phúc cho mình được năm phước báu: tài sản, sắc đẹp, sức khỏe, an vui, trí tuệ."* Chứ bây giờ nghèo quá cũng khó học Pháp, bệnh quá cũng khó học Pháp. Và *"Là duyên lành cho con được gặp Phật Pháp, minh Sư, Thầy lành, Bạn tốt."* Cái này quan trọng dữ lắm, quý vị sanh ra giàu ơi là giàu mà ác ơi là ác thì cảnh giới gì đang chờ đợi? Quý Phật tử đẹp mà ác, thông minh mà không có đạo đức thì biết là cảnh gì rồi. *"Và là duyên lành cho con được đắc Thiền đắc Thánh"*, đó mới là mục đích cuối cùng.

Vì đại chúng là cư sĩ, còn đời sống gia đình, phải cơm áo, gạo tiền, cuộc sống mưu sinh. Càng là người Phật tử, phải càng lo cho gia đình tốt. Là người vợ phải lo cho chồng, làm chồng phải lo cho vợ, cha mẹ phải lo cho con, con phải lo cho cha mẹ. Đúng đạo làm con, đúng đạo làm vợ, đúng đạo làm chồng, đúng đạo làm bạn… bất cứ chỗ nào mình tới là phải làm trọn bổn phận. Càng làm Phật tử càng phải làm đúng bổn phận! Tuy nhiên ngoài những bổn phận căn bản đó, chúng ta còn phải có cái gì đó siêu suốt, cao siêu, tuyệt vời

trong đầu mình nữa, có thể một kiếp này mình không có duyên đi sâu vào thực hành, nhưng những cái duyên lành đó mình làm để hướng về cái đó, có thể là một kiếp nào đó. Bây giờ đời Cư sĩ mà nói chuyện tu để chấm dứt Luân Hồi nhiều khi không khéo nghe bài này quý Phật tử nản.

Thôi có một chút nản, và có một ý niệm nào đó: "À thì ra Thầy dạy là phải đoạn tham ái, vô minh, đắc các Thánh quả, thì mới hết luân hồi. Thôi thì bây giờ con nguyện vậy thôi, chứ con không biết khi nào con đắc được, mà trong vòng luân hồi, con mong *"Luân Hồi Quý Phái*" một chút. Chứ luân hồi xuống Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh là chỉ có trả nghiệp thôi!"

Quý Phật tử nhớ: ở Cõi Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh là chỉ có trả ác nghiệp. Ở cõi Trời thì hưởng thiện nghiệp, ác nghiệp không trổ, hết tuổi thọ đi đâu tùy duyên thôi. Con gà, con bò, con mèo không biết làm phước đâu, sinh vô kiếp đó rồi, ví dụ tái sanh vô kiếp làm chó săn hay con hổ đi trong rừng, rồi từ kiếp làm hổ đó lại tạo bao nhiêu ác nghiệp nữa. Khủng khiếp, quá kinh khủng, không nói được! Rồi từ từ Thầy kể những câu chuyện của các vị Thánh, quý vị nghe sẽ thấy sợ việc luân hồi. Thôi thì những công đức của mình

làm, nếu như chưa đắc Thánh được với mục đích xa xôi đó, thì ít nhất luân hồi "*cao cao một chút*", mà trong luân hồi đó phải nguyện có duyên gặp Phật Pháp - *"Luân Hồi Quý Phái"*.

Có một vị ở thời Đức Phật, vị đó nguyện hay lắm: *"Con nguyện là con sinh ra ở kiếp nào, khi con muốn làm Thiện thì không có thiếu điều kiện"*, câu nguyện này mới trí tuệ, nhìn không thấy giàu, nhưng con muốn làm thì có cái để con làm. Thứ nhất, có những người nghèo quá muốn làm phước nhưng không có điều kiện. Thứ hai, có một số người giàu quá mà không chịu làm. Nhưng vị này nguyện:*"khi con muốn làm thiện thì không có thiếu điều kiện"*, vị này không nguyện giàu, nhưng muốn làm là có. Cuộc đời này có những người như vậy, lạ lắm! Có những người họ có phước gì đó, không bao giờ bị thiếu ăn, dù mình thấy đồ ăn của họ có chừng đó thôi nhưng đi đâu họ cũng có đồ ăn, mình nói vui là "có lộc ăn", người này có thể hay nấu cơm từ thiện, việc nấu cơm từ thiện cho người ta ăn là quý vị đi đâu cũng không bao giờ đói hết. Rồi từ từ Thầy sẽ giảng về: công đức của việc cúng cơm, công đức của việc cúng cháo, công đức của việc cúng hoa, công đức của việc bố thí thức ăn.

V. TÓM LƯỢC

Luân hồi là đi xuống đi lên, đi tới đi lui, lên cõi Trời, xuống cõi Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Hôm nay chúng ta học về Luân Hồi, quý vị phải nhớ bài học quan trọng của mình đó là **đi ra khỏi luân hồi.**

Một khi chúng ta còn ở trong ngôi nhà lửa, ngôi nhà 3 tầng đó cháy, ở trên tầng 3 nó cũng Khổ, tầng 2 cũng Khổ, tầng 1 cũng Khổ. Bây giờ chui vô cái tủ lạnh cũng Khổ, vì cái tủ lạnh nằm trong cái nhà cháy. Tầng 3 là Vô Sắc giới, Tầng 2 là Sắc giới và Tầng 1 là Dục giới, ở trong nhà này là Khổ, "*còn luân hồi, còn hồi hộp"*. Còn luân hồi là còn cơ hội để cho bao nhiêu ác nghiệp nó trổ. Ví dụ bây giờ mình tái sanh vào một kiếp nghèo, sinh làm một người nghèo, cứ một đời lo kiếm miếng ăn, không còn gì lo cho tâm linh nữa. Sinh làm một kiếp thấp kém – do một nghiệp đố kỵ trổ thì đi đâu cũng không có danh phận, suốt ngày lụm khụm lo cho miếng ăn. Sinh về loài Súc sanh, Địa ngục, Ngạ quỷ nữa thì thôi khỏi bàn, khủng khiếp như vậy!

Lúc nãy Thầy dẫn chứng một vài bài Kinh Phật nói, nước mắt và máu của mình nhiều hơn bốn biển, mộ và xương của mình chất lại thì hơn

núi. Và sau đó Đức Phật có nói 1 câu: *"Như thế là quá đủ, như thế là quá đủ cho mình nhàm chán cái Luân Hồi này".*

Với mong muốn là sau bài này, các công đức quý vị làm được, ngoài việc mong cho mình còn trong Luân Hồi có một chút Phước (mà Phước quan trọng nhất vẫn là còn gặp Phật Pháp, minh Sư, Thầy lành, Bạn tốt). Quý vị hồi hướng những phước này và phát nguyện cho bản thân có duyên nào đó để đến ngày cuối cùng đắc Thánh, mới là đích đến cuối cùng. Đắc Thánh thì mới chấm dứt được luân hồi, và muốn tu đắc quả Thánh thì phải có pháp Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo.

Tại sao Thầy nói là gặp Phật Pháp là hạnh phúc? Vì chỉ có trong thời kỳ Đức Phật mới có Bát Chánh Đạo, Tứ Diệu Đế, đây mới là giáo pháp đưa cho chúng ta đi ra khỏi luân hồi. Trong thời kỳ không có Phật vẫn có rất nhiều người rất giàu, vẫn làm được những điều tốt, ngay cả là việc đắc Thiền, nhưng để chấm dứt luân hồi là không có, trừ một số vị có nguyện của các Ngài là chứng quả vị Phật Độc Giác, còn gần như không có, lúc đó chỉ có *"Luân Hồi Quý Phái"*, không có chuyện chấm dứt Luân Hồi.

Vòng luân hồi đáng sợ như vậy: ***"Như vậy là quá đủ cho các ông nhàm chán."*** Nếu còn đầu tư vào tham, sân, si, buồn giận là còn lòng vòng trong luân hồi, cứ *"còn đầu tư là còn đầu thai"*, Thầy mong đại chúng ý thức được điều đó. Học được bài này, từ nay trở đi trân trọng hạnh phúc mình đang có là còn gặp Phật Pháp và ráng làm thật nhiều điều công đức, và đặc biệt là có công đức liên quan đến Phật Pháp.

Những giáo lý này nếu không ngồi yên, không tịnh tâm để học sẽ khó có cơ hội để nghiệm ra lắm, nên chúng ta tranh thủ mỗi tối học là như vậy, những giờ phút ngồi như thế này mới nghiệm ra được những đạo lý cao siêu này. Có những bài giảng gần gũi nhưng cũng có những bài giảng cao siêu là vậy đó. Thầy mong quý vị cảm thấy hạnh phúc khi được là Phật tử, là con của Phật, cố gắng tạo nhiều công đức nhiều nhất có thể. Xin cảm ơn quý Phật tử!

(Buổi giảng 17/9/2021)

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Luân hồi là gì? Luân hồi vĩ mô và vi mô là gì?

2). Tam giới là gì? có bao nhiêu cõi trong tam giới?

3). Những nguyên nhân nào khiến mình luân hồi trong tam giới?

4). Làm sao chấm dứt được luân hồi sanh tử?

5). Tại sao phải sanh tâm nhàm chán? Mà nhàm chán là chán những cái gì?

6). Ở đời sống hiện tại, nếu một người không biết tu thì sau khi chết sẽ về đâu?

7). Tu nhân gì để sau khi chết được quay lại làm người, làm Chư Thiên? Tu gì để được giải thoát luân hồi?

8). Đức Phật dạy gì về xương, máu và mộ phần của chúng sanh trong vòng luân hồi?

9). Vì sao Đức Phật không tán thán hiện hữu?

10). Trong thời kỳ không có Phật, có vị nào tu tập chấm dứt được luân hồi không?

Bài 15: TỤNG KINH

---

* DẪN NHẬP
* SƠ LƯỢC VỀ CÔNG PHU TỤNG KINH
* LỢI ÍCH CỦA VIỆC TỤNG KINH

Trước tiên Thầy kể về một kỷ niệm năm Thầy 14-15 tuổi, câu chuyện mà Thầy ấn tượng về một bà cụ lớn tuổi lắm rồi mà bà thuộc trọn bộ Kinh Pháp Hoa. Do nhà gần chùa nên Thầy hay vào chùa tụng Kinh, lúc đó mỗi tối chùa tụng Kinh Pháp Hoa, với hình ảnh Hòa thượng trụ trì, chư tăng, các Phật tử và mỗi lời Kinh cũng như tiếng mõ, tiếng chuông thỉnh lên là dấu ấn trong Thầy rất lớn. Thầy rất tôn kính Pháp, tôn trọng Pháp và cảm thấy một điều gì đó tôn kính, linh thiêng dù Thầy không hiểu gì lúc đó!

I. DẪN NHẬP

Hôm nay Thầy giảng bài **Tụng Kinh** vì Thầy biết có một số Phật tử do chưa học giáo lý, quanh đi quẩn lại trong cuộc sống, trên con đường tâm linh của mình chỉ một vài bài Kinh. Ví dụ như quý vị muốn cầu siêu thì thường tụng Kinh Di Đà hay Kinh Địa Tạng, khi cầu an thì tụng Kinh Dược Sư hoặc Kinh Phổ Môn. Mình luây huây chỉ tụng được một số Kinh đếm trên đầu ngón tay thôi. Chúng ta biết giáo Pháp của Đức Phật có 84 ngàn pháp môn mà mình thuộc có mấy bài kinh thì quá ít! Lúc quý vị thọ Tam quy trong đó có câu:

"Tự quy y Pháp - Đương nguyện chúng sanh - Thâm nhập Kinh tạng - Trí tuệ như biển"

Mình mong trí tuệ như biển mà học có vài bài thì sao như biển được, chúng ta cần phải "Học đa văn" (học rộng nghe nhiều). Như Thầy đã nói, khi đại chúng có trí văn, học được nhiều bài Kinh, thứ nhất là hiểu biết có chánh kiến, thứ hai là khi có chánh kiến thì tà kiến mất đi. Dĩ nhiên tà kiến nặng thì lâu mất, nhưng những tà kiến lặt vặt thì mình giải quyết được nó nhẹ nhàng. Hôm trước Thầy nói, quý vị không cần phải xua tan bóng tối mà chỉ cần bật đèn lên cho có ánh sáng, nghĩa là bật đèn trong tâm mình cho có ánh sáng trí tuệ (chánh kiến) thì bóng tối (tà kiến) sẽ tự mất.

II. SƠ LƯỢC VỀ CÔNG PHU TỤNG KINH

Qua bài Tụng Kinh này chúng ta sẽ hiểu được Kinh là gì.

Kinh là những lời dạy của Đức Phật.

Đại chúng nhớ thật kỹ giùm Thầy: các vị Tổ nói ra cũng không được gọi là Kinh. Ví dụ quý Phật tử thấy ai đó rất giỏi, sau này viết lại những lời Phật dạy nhưng pha chế thêm theo tư tưởng của vị đó và gom nhiều nguồn rồi học lại, viết ra lại thì không được gọi là Kinh. Nếu gọi đó là Kinh thì sau này mạnh ai nấy viết tràn lan hết. Khi nói đến Kinh thì phải là lời Phật dạy.

Thầy mong quý vị học thật nhiều bản Kinh, dĩ nhiên khi mình học, có những bản Kinh gọi là Kinh ruột, là bảo bối của mình. Vì sao? Vì Kinh đó hợp với mình; thứ hai là đôi lúc đời sống tinh thần của mình cần những bản Kinh đó.

Thầy ví dụ với người hay giận, quý Phật tử nên thuộc bài **Kinh Diệt Trừ Phiền Giận** của Thầy Xá-lợi-phất *(Sāriputta)* dạy, khi giận thì chúng ta nên làm gì? Mình phải nhìn người đó và suy xét: người đó nói không dễ thương nhưng hành động dễ thương; Hoặc người đó hành động không dễ thương nhưng nói chuyện dễ thương. Người đó nói không dễ thương và hành động cũng

không dễ thương nhưng lại có suy nghĩ dễ thương. Nếu người đó nói không dễ thương, hành động và suy nghĩ cũng không dễ thương thì người này sẽ đi về cõi khổ đau, mình nghĩ như vậy mà thương người ta. Còn trường hợp người đó tất cả đều dễ thương từ hành động, lời nói, suy nghĩ mà mình không thương được thì phải coi lại mình có bị miễn nhiễm với thiện pháp hay không. Thiện pháp mà mình không nhiễm được thì coi chừng đại họa tới với mình. Lỡ quý vị hay giận thì nên học bài Kinh này vì bài đó hợp với mình. Hoặc vị nào có tính hễ làm được cái gì là ở trên chín tầng mây, đó gọi là "tu hạnh cột điện" (ngã mạn, tự cao). Vậy quý vị nên học bài **Kinh Hạnh Của Đất** vì nó hợp với mình.

Vì vậy Thầy khuyến khích đại chúng nên học nhiều bài Kinh, mỗi bài Kinh như một thang thuốc chữa bệnh tâm của mình, tâm mình nhiều bệnh, nhiều phiền não nên cần phải học nhiều để coi bài Kinh nào hợp thì mình lấy chữa bệnh. Cũng như các bài giáo lý Thầy dạy bữa giờ, có những bài người này thích mà người kia không thích, bài này thấy hợp với mình, bài kia không hợp, Thầy giảng bài này hay nhất trong các bài nhưng khi hỏi người khác thì người ấy không đồng ý, họ thấy bài kia mới hay... Tại sao vậy? Vì bài đó hợp với mình,

hợp với căn bệnh của mình, như mình uống đúng thuốc, bài Kinh như thang thuốc của mình vậy.

Quý Phật tử ráng học thêm nhiều bài Kinh, phần đông mình chỉ tụng Kinh Di Đà, Kinh Phổ Môn, Kinh Pháp Hoa, Kinh Địa Tạng, Kinh Dược Sư... như vậy là ít. Quý vị nghe các bài giảng của Thầy từ đầu khóa đến giờ, đôi khi chỉ trong một bài mà Thầy giảng cho lớp cả chục bài Kinh, trong đó có nhiều lời dạy của Đức Phật. Ví dụ khi bị oan, nếu không học giáo lý thì mình hay nói *"Oan ức không cần biện bạch"*, thế là mình ngồi im luôn. Giả sử đi ngang nhà người ta, lát sau họ bị mất đôi dép, người ta hỏi mình có lấy không. Mình học loáng thoáng câu *"Oan ức không cần biện bạch"* thế là mình ngoe nguẩy đi không trả lời. Quý Phật tử chưa kịp đi là người ta lôi mình lại đánh rồi, nếu người ta không đánh thì cũng nghi ngờ.

Bây giờ chúng ta có học giáo lý, gặp trường hợp như vậy thì nhớ trong Kinh Trường Bộ, Đức Phật dạy không phải im lặng, mà nói *"Tôi không làm cái đó", "Tôi không lấy cái đó", "Cái đó không có ở tôi"*. Còn chuyện người ta tin hay không là chuyện của họ. Câu *"Oan ức không cần biện bạch*" là sau này chư Tổ nói thêm. Dĩ nhiên có những trường hợp oan ức không cần biện bạch

nhưng không phải trường hợp nào bị oan cũng im, phải tùy trường hợp. Khi quý vị đã học Phật pháp thì mình biết chỗ nào nên áp dụng bài Kinh nào.

Thầy biết có Phật tử đi chùa, quỳ trước Phật đảnh lễ Tam bảo là tâm thiện phát triển, thánh thiện, đạo đức thêm nhưng có người vô chùa lễ Phật, nhìn Phật riết rồi thấy quen. Họ không giác ngộ, không hiểu cuộc đời là vô thường nên không cần cố gắng tu nhưng một hôm đi ngang qua bàn thờ hương linh thì giác ngộ, nhìn Phật không ngộ mà nhìn mấy hủ cốt mới ngộ được: Thì ra cuộc đời là như vậy, rồi ai kết thúc cuộc đời cũng 3 tấc đất. *"Vị nhập tam thốn thổ, nan bảo bá niên thân. Dĩ nhập tam thốn thổ, nan bảo bá niên phần"* (chưa vào 3 tấc đất, chớ nói đời người là trăm năm).

Cũng vậy, ý Thầy muốn nói ở đây là khi học bài Kinh này mình không ngộ nhưng học bài Kinh kia thì mới ngộ. Vậy muốn biết những bài Kinh kia thì chúng ta phải học, phải học thật nhiều, coi những bài Kinh đó như những thang thuốc trị bệnh. Vì vậy, Thầy khuyến khích quý Phật tử học nhiều, có ai nói tà kiến, khác những lời Kinh dạy là quý vị có thể nhận định ngay.

Hôm trước có ngươ hỏi Thầy là cô có nghe người kia nói nên thờ Quan Âm ngồi chứ đừng thờ

Quan Âm đứng vì Quan Âm ngồi là Ngài mới trụ ở nhà mình, còn Quan Âm đứng là Quan Âm đi, không ở nhà mình nên không phù hộ cho mình được. Nếu người chưa hiểu đạo thì sẽ bị rối và suy nghĩ như vậy vì đứng giống như đi, còn ngồi là ở lại.

Ví dụ có người nói: *"Em đừng trì Chú Đại Bi vì Chú Đại Bi chỉ dành cho người tâm tịnh mới trì, tâm em tịnh chưa mà em trì Chú Đại Bi?"*. Sau đó Phật tử này tìm Thầy thưa đã bỏ trì Chú Đại Bi vì tâm chưa tịnh, trong lòng thấy thiếu thiếu cái gì đó. Thầy hỏi: *"Thay vì mình nói tâm chưa tịnh nên chưa trì Chú Đại Bi, sao mình không nói ngược lại là trì Chú Đại Bi để tâm được tịnh?"* Vấn đề ở đây là vì tâm chưa tịnh nên mới trì, mới niệm Phật, mới tụng Kinh. Bởi vì không học Phật pháp nên chúng ta tin những lời nói không đúng.

Khi không học Phật pháp thì ai nói gì quý Phật tử cũng sợ. Tuy nhiên mình hay nghe câu *"Trên đầu 3 tấc có thần linh", "Ông Thiện ông Ác ở 2 bên vai"*. Thầy hay nói, chỉ có những người gan lỳ lắm mới dám xúc phạm tới tâm linh, còn người hiểu là họ né đi chứ không dám đụng đến. Ở Việt Nam hay bỏ rác bừa bãi nhưng quý vị thử đem bàn thờ không có hình và đem nhang ra cắm chỗ đó đều đều, những người hay bỏ rác bừa bãi

thấy là sợ, họ thấy chỗ này có bàn thờ thì họ cũng né bàn thờ ra. Cho nên quậy ở đâu thì quậy, nhưng né chùa, gốc cây, đền đình. Tóm lại, Thầy khuyến khích đại chúng phải học thật nhiều bài Kinh để phân biệt được đúng sai, chánh kiến, tà kiến và có bài Kinh ruột như phương thuốc trị bệnh riêng cho mình.

Chúng ta nên nhớ Kinh phải là do Phật nói, bản thân mình nói không được gọi là Kinh, Thầy nói không được gọi là Kinh, ngay cả chư Tổ nói cũng không được gọi là Kinh, đó là những bộ luận sau này. Khi quý Phật tử đọc, niệm, ôn tụng lại lời dạy của Đức Phật gọi là tụng Kinh.

Kinh Cái Chốt Trống *(Āṇisuttaṃ)*

"...Trú ở Sāvatthī,

Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, dân chúng Dasārahā có một cái trống tên là Āṇaka.

Khi cái trống Āṇaka bắt đầu nứt ra, dân chúng Dasārahā đóng vào một cái chốt khác. Cho đến một thời gian, này các Tỷ-kheo, cả cái thùng ván của trống Āṇaka biến mất và chỉ còn lại những cái chốt tụ tập lại.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo sẽ thành trong tương lai.

Những bài kinh nào do Như Lai thuyết, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến không, họ sẽ không nghe khi các kinh ấy được thuyết giảng, họ sẽ không lóng tai, họ sẽ không an trú chánh tri tâm, và họ sẽ không nghĩ rằng các pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải thấu đáo.

Còn những bài kinh nào do các thi sĩ làm, những bài thơ với những danh từ hoa mỹ, với những câu văn hoa mỹ, thuộc ngoại điển, do các đệ tử thuyết giảng, họ sẽ nghe khi các kinh ấy được thuyết giảng, họ sẽ lóng tai, họ sẽ an trú chánh tri tâm và họ sẽ nghĩ rằng, các pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải học thấu đáo. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các kinh do Như Lai thuyết, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến không sẽ đi đến tiêu diệt.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Những bài kinh nào do Như Lai thuyết giảng, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến không, chúng tôi sẽ nghe khi các kinh ấy được thuyết giảng, chúng tôi sẽ lóng tai, chúng tôi sẽ an trú chánh tri tâm. Và chúng tôi sẽ nghĩ rằng, các pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải học thấu đáo".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

(Trích Kinh Tương Ưng II - Chương IX: Tương Ưng Thí Dụ - Kinh Cái Chốt Trống)

Ở đây, Phật dạy ban đầu cái trống Āṇaka nguyên bản, khi thay cái chốt trước rồi người ta thay từ từ, cuối cùng chỉ còn những cái chốt tụ tập lại, cả cái thùng ván cũng mất nhưng vẫn được gọi là cái trống Āṇaka. Cũng vậy, Kinh điển theo thời gian, cứ thêm bớt một chút rồi dần dần nguyên bản gốc không còn nữa. Cho nên, nhờ có lớp giáo lý này, Thầy đọc những bản Kinh gốc do Đức Phật dạy cho quý vị nghe. Có một số bài Kinh mình học ở bài giáo lý này, nếu không đọc thì sau này qua bài học khác thì ít có khi được đọc lại những bài Kinh này. Vì vậy Thầy dành thêm thời gian chút xíu mà Thầy đọc để quý Phật tử nhớ. Có lúc quý vị nghe không rõ hay chưa hiểu, học 10 ý nhưng chỉ hiểu 1 ý cũng không sao, sau này mình học sẽ hiểu thêm, những bản Kinh vẫn còn lưu lại trên video giảng này.

Và rồi theo thời gian, nếu đại chúng học không đúng pháp, khi nghe câu đó viết hay, hoặc lời đó nói hay thì mình nói là Kinh. Hôm nay nghe lời Thầy, quý vị không được như vậy nữa. Chúng ta đã học hiểu giáo lý rồi, khi nghe câu nào dù là

hay nhưng của một vị triết gia nào đó nói thì mình nói đó nói là của vị đó chứ không được nói là lời Kinh, ngay cả những lời dạy của những đệ tử Đức Phật nói cũng không được nói là Kinh nói, đó là bản luận sau này thôi. Kinh phải là lời Phật dạy, đó là điều cần nhớ ở chi tiết này.

Thầy A-nậu-lâu-đà *(Anuruddha)* là vị Thánh đệ tử có Thiên nhãn đệ nhất thời Đức Phật Thích Ca. Ngài có thể nhìn thấy cả thế giới này như trong lòng bàn tay. Có lần Ngài thấy cả cõi trời và thấy những cõi giới xấu dưới địa ngục. Ngài thấy nữ nhân đa phần sau khi mất đọa lạc tại cõi xấu nhiều hơn là sanh cảnh giới lành. Ngài mới hỏi Đức Phật: *"Kính bạch Đức Thế Tôn, con không biết vì lý do gì mà nữ nhân sau khi mất đọa lạc nhiều hơn là về cảnh giới lành?"* (Câu trả lời này Thầy sẽ giảng trong bài NỮ NHÂN ở khóa 3). Quý Phật tử còn là phàm phu tu chưa tới, chưa đủ khả năng mới thấy những điều này quá sức tưởng tượng của mình chứ việc Ngài thấy các cõi là điều bình thường. Thầy dẫn câu chuyện trong Kinh Pháp Cú, vào mỗi buổi sáng Ngài A-nậu-lâu-đà thường tụng Kinh Pháp Cú. Khi Ngài đọc Kinh thì thấy có hai mẹ con của quỷ Dạ-xoa, khi Dạ-xoa con khóc thì Dạ-xoa mẹ dỗ con:

"Này con! Chớ có sanh tiếng động, vị Tỷ Kheo đang tụng những lời về pháp cú, nếu chúng ta biết được, học được pháp cú này rồi như phát tâm hành trì, chúng ta được lợi ích không sát hại sinh vật, không cố ý nói láo, tự học tập giới luật, chúng ta thoát ngạ quỷ".

(Trích Kinh Tương Ưng Bộ I - Thiên Có Kệ - Chương X - Tương Ưng Dạ Xoa- Piyankara)

Trong vòng luân hồi, chúng ta không thể nói trước được chuyện gì, không biết được ngày mai mình sẽ ra sao, còn luân hồi là còn hồi hộp, là còn khổ đau, chỉ đến ngày nào mình đắc Thánh thôi. Bây giờ quý vị tạm được sức khỏe một chút, thông minh một chút, giàu có một chút, ... thì nghĩ là đầy đủ rồi, đó là đích đến rồi. Bậc trí nhìn những thứ đó như đang ở trong sa mạc, ngày nào còn trong sa mạc ngày đó còn nguy hiểm.

Giống như tu tập vậy! Tu tập là trong đời sống chúng ta nhận ra những thân phận của mình trong vòng luân hồi. Thầy ví dụ như đến lúc ăn, không biết quý vị có cảnh này không? Có lúc Thầy đang làm việc mà phải dừng lại ăn, tại đói quá, Thầy ráng làm mà bỏ bữa, bỏ được vài bữa

thì bị đau bao tử, đến lúc ăn Thầy nói: *"Ước gì không ăn mà vẫn khỏe, ăn vô phải tốn thời gian, ăn xong tốn thời gian tiêu hóa...vì mình có cái thân này nên mình phải ăn"*. Cho nên đại chúng thấy mình đang lo cho bản thân mình là lo cho cục nợ! Quý Phật tử phải nhớ đừng vì cục nợ này mà làm cho chúng sanh khác rơi máu lệ (sát sanh). Nếu quý vị không muốn ăn nữa thì ráng tu có phước lên cõi Trời, còn lên cõi Phạm Thiên chỉ cần 3 căn chính: mắt, tai, ý thôi, lúc đó thức ăn là "Thiền". Trên cõi chư Thiên không có già, không có bệnh, hết tuổi thọ thì chết. Còn mình thì nghiệp trổ nhất là nghiệp sát sanh trổ là bệnh triền miên. Quý vị nên nhớ thân phận kiếp người đừng bao giờ nghĩ như vậy là đủ, ngày nào chưa chứng Thánh là ngày đó còn hồi hộp, không biết được sẽ sanh vào cảnh giới nào sau khi chết đâu. Học Phật pháp là mình phải biết ưu tư, biết lo xa mà phải học nhiều Kinh thì mới có trí tuệ, mới biết được những điều đó.

III. LỢI ÍCH CỦA VIỆC TỤNG KINH

Trong Kinh Tăng Chi, Đức Phật dạy:

"Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất. Thế nào là năm?

1/ Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Không hỏi tự nói, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Trí giải hay Phương quảng. Đây là pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất.

2/ Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo thuyết pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp an trú, không hỗn loạn và không biến mất.

3/ Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo để cho các người khác nói pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp an trú, không hỗn loạn và không biến mất.

4/ Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ tư,

này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp an trú, không hỗn loạn và không biến mất.

5/ Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ năm, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất."

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương Năm Pháp - Phẩm Diệu Pháp)

Thầy giải thích thêm cho quý Phật tử dễ hiểu. Năm pháp này giúp giáo pháp của Đức Phật không bị hỗn loạn mà còn có mặt ở cuộc đời (Không bị Mạt pháp nếu có năm pháp này).

- Thứ nhất: Các Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp (có nghĩa ngày nào còn có người học thuộc lòng pháp, đó là cách giữ cho giáo pháp còn có mặt ở cuộc đời).

- Thứ hai: thuyết pháp rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng (học thuộc

lòng pháp, thuyết pháp, học thuộc lòng rồi thuyết pháp).

- Thứ ba: Tạo duyên để cho người khác nói pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học (khuyến khích, tạo duyên cho người khác thuyết pháp như người đó đã được học, như đã được nghe).

- Thứ tư: Đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học (tụng Kinh, tụng lại các pháp đã được học, tụng lại lời dạy của Đức Phật). Một trong những cách giữ cho giáo pháp được trường tồn đó là: **Tụng Kinh**. Quý Phật tử tụng Kinh, thuộc Kinh, hiểu Kinh tùy theo mức độ của mỗi người, đó là cách duy trì pháp.

- Thứ năm: các Tỷ-kheo với tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học (là thường sống với pháp). Ngày nào người nào cũng như vậy thì ngày đó Phật pháp còn ở lại thế gian.

Đến hôm nay khó có ai thuộc lòng Kinh dài 100 trang nhưng hiện tại trên thế giới còn khoảng 11 vị thuộc lòng hết Tam tạng Kinh - Luật - Luận, các vị không những thuộc mà còn hiểu

nghĩa Kinh. Có một số người đọc một bài Kinh, đôi lúc lật trang 50 ra xem là bỏ quyển Kinh đó vì không hiểu nghĩa nhưng nếu người đó chịu khó lật sang trang 51 thì hiểu, lại có duyên với quyển Kinh đó. Ở người hiểu đạo, khi gặp một số bài Kinh, đọc câu Kinh đó xong thì đau đầu choáng váng, do không hiểu nghĩa nhưng muốn hiểu thì họ chịu khó đi tìm ở những quyển Kinh khác sẽ hiểu câu Kinh này.

Thầy vẫn khuyên quý Phật tử, nếu muốn nghe các bài giảng khác thì chịu khó nghe 30 bài giảng đầu tiên ở Khóa 1 và Khóa 2 trước. Quý vị nên nghe để có nền tảng giáo lý trước, sau đó sẽ hiểu những bài giảng sau nhẹ nhàng hơn. Với tấm lòng của Thầy, Thầy rất mong chúng ta dành khoảng thời gian này tranh thủ học giáo lý căn bản, có căn bản rồi quý Phật tử học tới đâu là hiểu tới đó, trừ trường hợp khó quá thì ghi chú lại để gặp Thầy hoặc gặp quý Thầy, Sư Cô hỏi chứ đừng cố gắng hiểu những bản Kinh không hiểu mà quá sức của mình, đừng "cố quá" thành "quá cố". Người ta nói về con bò: *"Tôi là bò, sáng phải rống. Còn bạn là người sống phải ráng"* – buổi sáng con bò rống là bản năng của nó; con người thì không sống hoàn toàn theo bản

năng, ngoài những bản năng ra mình sống cần phải cố gắng, cần phải siêng năng học tập, cần có Pháp, có những đạo lý hướng dẫn mình, làm thiện pháp… Vì vậy con bò sáng phải rống, còn mình thì sống phải ráng. Thầy đã nói là làm thiện không dễ đâu, ai mà nói: *"Trời ơi người ta làm thiện mà còn phá người ta nữa"*. Thầy cho quý Phật tử biết, bị phá khi làm thiện là chuyện bình thường vì làm ác là không cần ai phá, không ai dụ dỗ mà mình tự làm luôn. Thiện có nhiều đẳng cấp, nhiều tầng lớp, tùy mức độ thiện cho nên làm thiện rất khó, học Pháp cũng rất khó, nên quý Phật tử xem lại hiện có bao nhiêu người chịu học Pháp?

Khi quý vị ở nhà hoặc đến chùa, mình tập trung vào lời Kinh tụng dù chưa hiểu gì nhưng khi thành tâm vào buổi tụng thì cũng cảm thấy rất an lòng. Có câu chuyện thế này: Trong một ngôi chùa có Sư huynh và Sư đệ, vị Sư huynh rất giỏi về tụng Kinh và tụng rất hay, còn Sư đệ từ lúc đi tu là tập trung hành thiền không tụng Kinh, nhưng trước khi đi tu thì vị Sư đệ đã thuộc các bài của đạo Lão, đạo Khổng. Ngày hôm đó Sư huynh đi xa, chỉ còn Sư đệ ở nhà thì có một thí chủ đến, cô ấy mới mất chồng, cô đau khổ quá,

cô lên xin Sư tụng một thời Kinh, vì lúc này Sư huynh đi vắng nên Sư đệ ra tụng dùm nhưng Sư đệ không thuộc bài Kinh nào. Vị Sư đệ với tâm từ muốn giúp cho cô Phật tử này bớt lo sợ nên lấy bài của đạo Lão mà lúc chưa đi tu có học để tụng một cách thành kính. Khi cô này nghe xong hoan hỉ thưa: *"Con cảm ơn Sư, những lời Kinh của Sư giúp lòng con bình yên trở lại."* Khi ra về, cô thấy vị Sư huynh trở về thì cô cảm ơn thêm lần nữa và khen Sư đệ của Sư tụng kinh hay quá, lòng cô rất bình an. Vị Sư huynh vô hỏi Sư đệ tụng bài Kinh nào, Sư đệ nói tụng bài của đạo Lão trước khi đi tu thuộc nên giờ tụng đại. Quý Phật tử thấy cô này rất an, giống như mình vậy đó, tụng Kinh không hiểu gì hết nhưng lòng mình an. Vậy cái bình an nó ở đâu? Bình an là do đức tin của mình, mình tin đây là lời Phật dạy và thành tâm tập trung vào tụng lời Kinh đó dù không hiểu gì nên sinh ra tâm bình an.

Câu hỏi được đặt ra là tụng Kinh mà không hiểu gì thì có phước không? Thầy trả lời là tụng Kinh mà không hiểu vẫn có phước nhưng với điều kiện phải tôn kính Phật Pháp Tăng, quý vị đọc lại lời Phật dạy vẫn có phước nhưng phước này chỉ ở niềm tin chứ không thuộc về trí tuệ.

Thầy khuyến khích đại chúng tụng Kinh, dù không hiểu nhưng vẫn cứ tụng, nhưng để cho trọn vẹn thì nên chọn bài Kinh nào vừa tụng vừa hiểu nghĩa Kinh đó luôn, tức là hiểu lời Phật dạy vì hiểu thì mình mới có chánh kiến, mới hiểu biết, có trí tuệ...những bài Kinh đó khi chúng ta vừa thành tâm tụng vừa hiểu là có phước về niềm tin và cả trí tuệ. Đó là lý do Thầy kêu gọi quý Phật tử chép Kinh Pháp Cú.

Lý do thứ nhất là khi quý vị ngồi chép Kinh thì ít nhiều gì mình cũng đã tôn trọng Phật, tôn trọng Pháp. Mỗi giờ quý Phật tử chép là phước sanh lên. Lý do thứ hai là Kinh Pháp Cú gồm những câu ngắn gọn, dễ hiểu. Dĩ nhiên không phải câu nào quý vị cũng hiểu nhưng đa phần trong 423 câu Kinh thì ít nhiều gì mình đọc sẽ hiểu được. Vậy Thầy muốn chúng ta chép bản Kinh này là vừa có phước về niềm tin vừa có phước về trí tuệ. Điều cần nhớ khi chép Kinh đó là phước ở chỗ từng tâm niệm tôn kính, từng câu chữ nắn nót, sự tôn kính của mình khi chép từng câu Kinh.

"Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo;
Nếu với ý ô nhiễm,

Nói lên hay hành động,
Khổ não bước theo sau,
Như xe, chân vật kéo."

(Kinh Pháp Cú – Phẩm Song Yếu)

Với lòng tôn kính nên mình viết từng chữ trong Kinh Phật dạy và hiểu luôn ý của câu Kinh này nghĩa là: thiện và ác quan trọng ở "Ý". Vậy là mình vừa có phước trí tuệ và có phước ở niềm tin nữa. Hoặc câu:

"Kẻ thù hại kẻ thù,
Oan gia hại oan gia,
Không bằng tâm hướng tà,
Gây ác cho tự thân."

(Kinh Pháp Cú – Phẩm Tâm)

Câu này nghĩa là kẻ thù hay oan gia hại mình, người này, người kia hại mình cũng không bằng chính tâm xấu của chính bản thân ta. Đây là quý Phật tử vừa chép Kinh mà còn hiểu luôn nghĩa là vừa có niềm tin và có trí tuệ luôn. Hoặc câu:

"Với hận diệt hận thù,
Đời này không có được.

Không hận diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu."

(Kinh Pháp Cú – Phẩm Song Yếu)

Ở đây khi viết câu này, quý vị hiểu là nếu nắm giữ hận thù kéo dài thì khi nào vòng oán kết mới chấm dứt đây? *"Người kia nóng giận nói ồn ào, chẳng lẽ ta đây cũng thế sao? Họ đã cọc cằn thêm ta nữa, thành hai người dại giống như nhau!"*. Khi suy xét về ý nghĩa câu này có phải đó là trí tuệ của quý vị chưa? Vừa tôn kính vừa có trí tuệ. Đó là lý do tại sao Thầy muốn quý Phật tử chép Kinh Pháp Cú, Thầy muốn quý vị trọn vẹn được cả hai phần phước về niềm tin và trí tuệ. Ở đây Thầy nói không phải chép 10 quyển hay 20 quyển Kinh mà có phước. Phước là ở chỗ **"Từng tâm niệm tôn kính và hiểu biết về Tam bảo, về lời dạy của Đức Phật"**. Sau này đủ duyên Thầy sẽ chọn một ngày, Thầy mời đại chúng về chùa tụng 7 bộ Kinh Pháp Cú. Sau khi tụng xong mình sẽ cúng dường cho Tam bảo. Đó là lòng tôn kính Tam bảo, phước là ở chỗ đó. Vì vậy ai hỏi quý vị tụng Kinh có phước hay không dù không hiểu gì? Quý vị cứ trả lời là "có" nhưng với điều kiện là lòng tôn kính Pháp và để

cho trọn vẹn thì tìm những bản Kinh đọc và hiểu nghĩa nữa.

"Tích 500 con dơi đeo trong động: *Thời kì Đức Phật Ca Diếp, có 2 Ngài trưởng lão vừa đi kinh hành vừa tụng ôn Tạng Vi Diệu Pháp tại hang động nơi có 500 con dơi sống, hằng ngày chúng đều lắng nghe âm thanh Pāḷi mà không hiểu ý nghĩa. Sau khi chết, nhóm 500 con dơi hóa sinh làm chư Thiên suốt từ thời Phật Ca Diếp đến thời Phật Thích Ca, nhóm chư Thiên tái sinh làm người và xuất gia. Đức Phật nhập hạ thứ 7 tại cung trời Đao Lợi thuyết tạng Vi Diệu Pháp. Mỗi ngày Đức Phật hóa Nimmitabuddha (Đức-Phật hoá) tiếp tục giảng tại cung trời. Đức Phật thật đi khất thực và giảng lại tóm tắt cho Ngài Xá Lợi Phất. Sau đó Ngài Xá-Lợi-Phất dạy lại nhóm 500 tỳ kheo bằng cách khai triển. Suốt 3 tháng hạ, nhóm Tỳ-kheo thông thuộc Tạng Vi Diệu Pháp và đắc Thánh quả A Ra Hán."*

(Trích Nền Tảng Phật Giáo – Quyển V: Phước Thiện – TK. Hộ Pháp)

Loài dơi là loài bàng sanh ("bàng" là bằng, "sanh" là súc sanh) - là loài xương sống nằm ngang không phát triển về trí tuệ, chỉ có bản

năng là ăn và duy trì nòi giống đến hết đời. Cho nên 500 con dơi này không hiểu ý nghĩa của Tạng Vi Diệu Pháp nhưng chúng thấy bình an vì quý Ngài đọc tụng bằng tâm từ. Vì vậy sau khi chết, chúng chuyển kiếp tái sanh lên cõi trời làm chư Thiên.

Qua câu chuyện này, quý Phật tử thấy nghe Kinh, tụng Kinh là một điều hạnh phúc trong cuộc sống của mình, thay gì quý vị ở nhà nghe nhạc hay xem hài làm mất thời gian vô ích thì chúng ta nghe pháp hoặc nghe Kinh, có những bản Kinh mình nghe bằng niềm tin, có những bản Kinh nghe bằng trí tuệ.

Tích Cận sự nữ Uttarā – Bộ Chú giải Kinh Pháp Cú: Cận sự nữ Uttarā là bậc Thánh Nhập Lưu, con gái của ông phú hộ Puṇṇa, chồng của cô không có đức tin nơi Tam bảo. Đại chúng nên nhớ, dù đắc Sơ quả hay Nhị quả nhưng vẫn còn lòng dục chứ không phải là hết, dĩ nhiên là vị này không còn tà dục, không còn phạm các điều giới mà vị ấy đang giữ. Vì chồng không có niềm tin nơi Phật pháp cho nên khi cô đi làm phước, cúng dường Tam bảo và nghe pháp thì chồng cô cứ cằn nhằn, nhăn nhó, khó chịu hoài. Sau đó cô Uttarā thuê mướn kỹ nữ Sirimā đẹp như hoa khôi

là em của lương y Jīvaka phục vụ chồng của cô suốt 15 ngày đêm. Thế là thời gian dần trôi, cô kỹ nữ này coi người chồng như chồng chính thức của mình và coi người vợ như người hầu trong nhà luôn (như trong Kinh diễn tả về cô Uttarā thì cô rất giản dị, bình dân lắm). Có một hôm, cô kỹ nữ này nổi giận, khi thấy cô Uttarā chăm sóc chồng thì cô lấy chảo bơ nóng tạt vào cô vợ, nhưng do cô vợ đã đắc Sơ quả rồi nên tâm cô rất từ bi. Với sự việc như vậy mà cô Uttarā không oán giận mà còn cảm ơn cô kỹ nữ này với lý do: *"Nhờ cô chăm sóc cho chồng của tôi mà tôi có thời gian làm việc thiện, tôi cúng dường lên Tam bảo, lên Đức Phật và chư Tăng*". Do cô Uttarā có tâm từ nên khi chảo bơ nóng tạt vào người liền biến thành những giọt nước mát, nó không làm bỏng người cô. Với lòng mát mẻ, với tâm từ như vậy thì những gì nóng bức bên ngoài khi tới chỗ cô thì tự nhiên nó mát mẻ, cô không bị phỏng. Không phải chuyện gì mình cũng nói là phải giải thích theo Khoa học!

Đức Phật tán thán cô Uttarā là người cư sĩ Đệ nhất tu thiền. Thầy kể câu chuyện này vì có liên quan đến việc Tụng Kinh. Mỗi sáng cô hay dậy sớm tụng Kinh bằng tấm lòng thành kính.

Hôm đó, một trong Tứ Đại Thiên Vương đi ngang, nghe được cô tụng Kinh (vị này có tâm tôn kính Phật) nên cảm ơn về buổi tụng Kinh. Sau đó vị này nói với cô là sáng hôm nay có Ngài Xá-lợi-phất *(Sāriputta)*, Ngài Mục-kiền-liên *(Mahāmoggalāna)* cùng 500 vị Tỳ-kheo đi ngang đây, vì vậy cô sắp xếp cúng dường lên quý Ngài. Cô có tâm tôn kính nên nghe vậy rất vui mừng và chờ đón. Sau đó cô thỉnh Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Mục-kiền-liên ngày hôm đó về nhà để cúng dường trai tăng, các Ngài mới hỏi vì sao cô biết hôm nay quý Ngài đi ngang đây mà thỉnh. Cô mới trả lời là được một vị trong Tứ Đại Thiên Vương cho hay. Sau này vị Tứ Đại Thiên Vương cho cô một điều ước, do cô thấy ở vùng kia cứ lâu lâu người ta bị đói nên cô ước là mỗi lần người dân ở đó bị đói thì cứ tới bồn thóc của cô lấy thóc mà ăn. Mỗi khi trăng tròn cô lại nguyện ước như vậy thì cô có lúa để cho mà không hết.

Nói tới đây, nếu như mình không hiểu pháp thì mình nói giống như "mê tín", nhưng đối với những người có phước thì đó là chuyện bình thường, còn mình không có phước thì thấy lạ. Hoặc như có người ngủ một đêm trong khách sạn bằng người ta làm một đời, và có những bữa ăn

của một người bằng người khác làm một đời. Có những người họ nói ra một câu gì đó mà có thể cả triệu người, cả tỷ người bị ảnh hưởng bởi câu nói đó. Còn quý vị thử đứng ra nói xem có ai bị ảnh hưởng không? Vì sao vậy? Vì phước của mình không nhiều, từ đó quý Phật tử cứ nhân lên, vì phước mình ít thì ảnh hưởng ít.

Qua những câu chuyện Thầy kể, Thầy mong đại chúng tụng Kinh với lòng tôn kính của mình, vừa có phước về đức tin vừa có phước về trí tuệ, biết đâu đó có các ngạ quỷ, Dạ xoa, ngay cả chư Thiên ở trong nhà của mình, xung quanh nhà mình...các vị nghe như vậy cũng là lợi ích, lợi ích cho mình và cũng lợi ích cho họ hoặc những người thân quyến của chúng ta. Thời Đức Phật có một vị Sa-di nổi tiếng tụng Kinh rất hay, mỗi lần tụng Kinh chú hay hồi hướng cho cha mẹ thân quyến nhiều đời nhiều kiếp mà chú không biết bên cạnh chú có một ngạ quỷ là mẹ kiếp trước của chú. Người mẹ đó hằng ngày được nghe chú tụng Kinh với tâm thành kính nên được có phước. Sau này lớn lên chú muốn ra đời, không muốn tu nữa nên chú về nhà mẹ định nói với mẹ. Hôm đó mẹ chú xuống nhà bếp làm đồ ăn, chú định sau khi mẹ nấu xong sẽ nói nhưng

ngạ quỷ đó tác động vô tâm ý của chú, lúc đó thành người mẹ quá khứ nói chuyện với người mẹ hiện tại. Khi chú tỉnh dậy và nghe mẹ kể thì chú quyết tâm đi tu lại và sau này đắc Thánh Quả. Như vậy, việc tụng Kinh vừa có lợi ích cho mình và cho mọi người xung quanh hoặc quý Phật tử tổ chức buổi tụng Kinh cho người này người kia gieo duyên Phật Pháp, đó là điều nên làm.

Câu hỏi được đặt ra là nên tụng những bản Kinh nào? Có những bản Kinh quý vị tụng bằng niềm tin, tụng với lòng tôn kính thì có phước ở niềm tin. Có những Kinh chúng ta hiểu và tụng thì có phước về trí tuệ. Lâu nay mình muốn cầu siêu thì tụng Kinh Di Đà, Kinh Địa Tạng... cầu an thì tụng Kinh Dược Sư, Kinh Phổ Môn... Còn Kinh Vu Lan Báo Hiếu thì tụng trả ơn Cha Mẹ ngày rằm tháng 7...và còn rất nhiều bản Kinh khác. Ví dụ trong giai đoạn dịch bệnh này, để cầu an có những bản Kinh Hộ Trì *(Parittapāḷi)*: Kinh Hạnh Phúc *(Maṅgalasutta),* Kinh Châu Báu hay gọi là Kinh Tam Bảo *(Ratanasutta)*. Thời Đức Phật có thành phố Vesālī bị dịch bệnh, Đức Phật dạy Ngài A-nan *(Ānanda)* bài Kinh Châu Báu này. Sau đó Ngài A-nan tụng niệm

suốt 3 canh, khắp 3 vòng thành Vesālī và Đức Phật chúc phúc nên dịch bệnh được tiêu trừ.

Quý vị nên nhớ có rất nhiều bài Kinh chứ không phải chỉ vài ba bản Kinh đâu. Có câu *"Cầm vàng mà lội qua sông, rớt vàng không tiếc, tiếc công cầm vàng".* Đức Phật dạy mấy chục ngàn bài Kinh, 84 ngàn Pháp môn, chúng ta cần phải tư duy, hiểu biết, cả một bầu trời Kinh điển rộng lớn. Kinh điển Phật dạy trong giai đoạn này nhưng rồi cũng đến một quy luật như trong câu chuyện "Cái chốt trống", mất cái chốt vẫn gọi là Trống Āṇaka...rồi sau này không còn lời Phật dạy nữa nhưng người ta vẫn nói là lời Kinh Phật dạy. Thầy mong quý Phật tử học được lời gốc của Phật dạy để sau này ai nói đó là lời Phật dạy thì quý vị hỏi ngược lại *"Phật nào nói? Kinh nào nói?"*. Mình học Phật pháp thì biết Kinh là lời của Phật.

Thầy mong đại chúng học được càng nhiều bài Kinh càng tốt, mỗi bài Kinh đó như là phước báu của mình để cuộc đời mình vừa có phước đức, vừa có trí tuệ.

(*Bài Giảng ngày 20/09/2021*)

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Kinh là gì? Tụng kinh là đọc tụng những gì?

2). Lợi ích của việc tụng kinh là gì?

3). Hiện nay trên thế giới có ai thuộc lòng Tam Tạng không?

4). Đọc tụng mà không hiểu Kinh có Phước không?

5). Chép Kinh có Phước không, vì sao?

6). Làm gì để thời tụng Kinh có nhiều công đức, lợi ích?

7). Hãy kể "Tích 500 con dơi đeo trong động" nghe pháp?

8). Hãy kể câu chuyện Cô Uttarā tụng Kinh buổi sáng được Chư Thiên báo có Ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên cùng 500 Tỳ Kheo đi qua đây?

9). Phật tử nên tụng những Kinh nào?

10). Bài học rút ra?

Bài 16: TỨ ÂN

---

* TỔNG QUAN

* TỨ ÂN

* TÓM LƯỢC

I. TỔNG QUAN

❖ Tứ ân hay Tứ trọng ân gồm:

1. Ân Cha mẹ
2. Ân Tam Bảo - Thầy tổ - Sư trưởng
3. Ân Tổ quốc (Quốc gia)
4. Ân Chúng sanh.

Ai muốn thấm được ý nghĩa của bài này là phải từng bị vô ơn, bạc bẽo. Quý Phật tử đã từng giúp đỡ ai đó, hết lòng với ai đó, dành thời gian, công sức, sức khỏe, tiền bạc chưa? Có người thì nói: "con dành cả cuộc đời của con, hy sinh cuộc đời của con cho người đó rồi cũng bị quay mặt".

Ai từng bị phản bội, bị vô ơn hoặc bị *"ăn cháo đá bát"* thì nghe bài này mới thấm.

Cuộc đời này, chúng sanh sống với tâm bất thiện nhiều hơn cho nên chuyện gì cũng xảy ra được. Chúng sanh ở cõi Trời là đang hưởng quả lành, thiện nghiệp, không tạo ác nghiệp, còn chúng sanh dưới Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh là quả ác đang trổ, khó có cơ hội làm thiện. Kiếp người của chúng ta thì thiện cũng có, ác cũng có, đầy đủ thiện ác hết mà tỷ lệ ác nhiều hơn, tâm bất thiện nhiều hơn. Trong Tam giới (Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới) thì Dục giới là điểm gốc hút mình về, trong Dục giới có Trời, Người, Atula, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Trong đó, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh là điểm gốc dễ bị đọa.

Chúng ta hãy nhìn lại tâm mình, giữa tâm thiện và tâm bất thiện thì tâm bất thiện rất dễ có mặt trong mình. Nếu không có Phật pháp, không tu tập, không đạo lý, không phương pháp, sơ hở là mình bị tâm bất thiện hút mình về luôn, quý vị xét lại coi có phải vậy không?

II. SỰ VÔ ƠN VÀ LÒNG BIẾT ƠN

1. Có phải con người hay vô ơn?

Hôm nay chúng ta học về "**Tứ Ân"** nhưng Thầy muốn nói với Đại chúng về sự *"vô ơn"* và *"lòng biết ơn"* của cuộc đời. Thầy mong quý vị nghe qua bài này sẽ đỡ buồn khi chúng ta gặp những người vô ơn với mình, mình cảm thấy sao bất công, sao phũ phàng, sao bẽ bàng... thay vì than Trời trách đất thì Đại chúng phải nhớ rằng: tự mình làm tự mình chịu. Mình giúp người ta những điều tốt, điều thiện thì đó là phước của mình, còn mình làm điều bất thiện thì đó là phần tội, phần ác nghiệp của mình chứ không có ai đưa bàn tay để chịu tội giùm hay hưởng phước của mình.

Trong Kinh Tăng Chi, Đức Phật dạy:

"Có hai hạng người này, này các Tỳ-kheo, khó tìm được ở đời. Thế nào là hai? Người thi ân trước và người biết nhớ ơn đã làm. Hai hạng người này, này các Tỳ-kheo, khó tìm được ở đời.

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương Hai Pháp - Phẩm Các Hy Vọng).

Có hai hạng người khó tìm ở đời:

- Hạng thứ nhất: Người thi ân trước (là giúp đỡ người khác trước).

- *Hạng thứ hai*: Người biết ơn.

Trên cuộc đời này, những chúng sanh vô ơn thì nhiều hơn những chúng sanh biết ơn, mình phải chấp nhận sự thật, dù muốn dù không cũng phải chấp nhận.

Thầy đã kể câu chuyện Đức Phật lấy nắm đất trong lòng bàn tay, mới hỏi quý Thầy: đất trong lòng bàn tay với đất ngoài địa cầu, đất ở đâu nhiều hơn. Dĩ nhiên quý Thầy trả lời là đất ngoài địa cầu nhiều hơn. Đức Phật mới nói đất ngoài địa cầu nhiều như vậy giống như những chúng sanh không biết ơn, còn chúng sanh biết tri ân thì ít như đất trong lòng bàn tay.

Cho nên chúng ta không ngạc nhiên là vì sao cuộc đời này, người ta sống với sự vô ơn nhiều, vì những chúng sanh biết ơn rất ít. Hôm nay, quý Phật tử chịu ngồi nghe pháp, chịu học Pháp thì cũng biết nhiều về chuyện biết ơn thì cuộc đời của mình bắt đầu biết ơn nhiều hơn. Khi Thầy học Phật Pháp, từ từ những người Thầy đối diện trong đời, khi Thầy buồn giận một người nào đó hoặc Thầy nghĩ về người nào đó thì Thầy

hay nghĩ về người đó đã giúp đỡ cho mình một việc gì, để bớt buồn, bớt giận họ.

Vậy có một cách để chúng ta bớt bất mãn, bớt trách móc cuộc đời đó là nên *"biết ơn"*, hãy nghĩ về điều tốt đẹp để cuộc đời đẹp hơn, để mình đỡ đòi hỏi, bất mãn bằng cách phải thấy được điều ân nghĩa người đó dành cho mình, mà khi chúng ta thấy được điều đó thì mình mới biết ơn họ và ngừng trách móc, giận hờn, đòi hỏi. Có khi những người gọi là bạn bè hay thậm chí người thân khi mình trắng tay, thất bại thì họ cũng bỏ mình, bạc bẽo với mình lắm.

Đôi khi có những thất bại trong cuộc đời, quý vị mới nhận ra đâu là người thương mình, cho nên chúng ta cùng chấp nhận sự thật là dù không muốn nhưng những người sống vô ơn, bạc bẽo nhiều hơn những người sống biết ơn. Đó là trí tuệ của Đức Phật đã thấy được chúng sanh vô ơn nhiều hơn, gần như một *"căn bệnh"* của chúng sanh.

Hôm nay quý vị biết ơn cha mẹ, biết ơn thầy bạn, biết ơn Phật Pháp, biết ơn thầy cô giáo là quý vị đã có đạo đức, có trí tuệ, có đạo lý. Thầy dạy, cô giáo dạy, Cha Mẹ dạy, bạn bè dạy

cho chúng ta để hôm nay biết được những điều đó mới có lòng biết ơn như vậy. Trong chùa quý Thầy thường nguyện *"Thượng báo tứ trọng ân. Hạ tế tam đồ khổ"* (Con nguyện trên đền bốn ơn nặng: ơn Cha Me, ơn Tam Bảo, ơn Đất nước, ơn chúng sanh. Dưới cứu khổ tam đồ: ba đường Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh). Đó là nguyện của một người tu tập, Đại chúng hiểu Tứ trọng ân như là lời nguyện để đền ơn và cứu khổ cho những người đang gặp khổ.

Nếu ai hỏi Thầy là ngày nào ngày vui nhất trần gian và ngày nào là ngày buồn nhất trần gian thì Thầy sẽ trả lời: Ngày vui nhất là ngày Đức Phật đản sanh hoặc ngày Đức Phật thành đạo. Còn ngày buồn nhất là ngày Đức Phật nhập Niết-bàn. Trong Kinh kể ngày Đức Phật nhập Niết-bàn không chỉ có loài người khóc mà còn có chư Thiên rơi lệ, chấn động cả địa cầu. Trong kinh miêu tả ngày Đức Phật Đản sanh và thành đạo giống như hình ảnh *"con voi"* bước xuống thuyền mà thuyền này nhỏ quá nên chiếc thuyền bị chông chênh, chông chênh. Cũng như giờ phút đó làm cho Trái đất rung động, có một con người tuyệt vời, vĩ đại đã đản sanh đã thành đạo. Và ngày Ngài nhập Niết-bàn cũng là hình ảnh *"con*

voi" bước lên lại trên mặt đất, một lần nữa thuyền bị chông chênh, chông chênh, con người tiếc nuối, chư Thiên thương tiếc. Lúc Thầy đọc trong kinh *"Đại Bát Niết Bàn"* đến đây Thầy khóc vì thương Phật. Mình còn là phàm phu nên khóc, còn bậc Thánh dù thương kính Phật nhưng các Ngài không còn phiền não nữa thì không rơi lệ.

Khi Đức Phật nhập Niết-bàn, Ngài Đại Ca-diếp *(Mahā Kassapa)* đi bộ về Kusinārā để dự lễ trà tỳ. Trên đường về, Thầy gặp vị Tỳ-kheo *Upananda* mới gia nhập Tăng đoàn không bao lâu. Người ta nghe tin Đức Phật tịch diệt Niết-bàn thì buồn lắm nhưng vị Tỳ-kheo này lại vui. Thầy Kassapa hỏi lý do vui thì vị này trả lời là từ nay sẽ không còn ai rầy la, kiểm soát hay bắt phải tu thế này thế kia nữa vì Đức Thế Tôn đã không còn.

Lý do phía sau là như thế này: Tỳ-kheo Upananda cùng với người Cha trước khi đi tu là làm nghề hớt tóc. Sau khi tu rồi thì có một lần Đức Phật về quê chỗ vị này thì vị này muốn cúng dường đến Đức Phật nhưng lúc đi tu thì không có tiền. Vì vậy Tỳ-kheo Upananda mới ra chỗ làng để hớt tóc miễn phí. Dù là miễn phí nhưng ai muốn cho tiền thì cho, Tỳ-kheo này mới lấy số tiền hớt tóc đó nấu bữa ăn thịnh soạn cúng dường Đức Thế

Tôn. Khi biết chuyện Ngài đã rầy la vị Tỳ-kheo. Đại chúng nên nhớ chi tiết này, thời Đức Phật chỉ cho Tỳ-kheo đi khất thực thôi, cho nên trường hợp hai Cha con này hớt tóc để kiếm tiền rồi đem tịnh tài đó nấu như vậy dù biết là nấu với tâm tôn kính nhưng Đức Phật không hoan hỷ. Sau đó vị này bỏ Phật, chỉ tu theo Thầy Kassapa thôi. Đại chúng thấy không, dù từng kính, tin, thương Phật như vậy, nhưng chỉ bị rầy la một chút thì giận bỏ Ngài.

Cho nên, Đại chúng giúp ai mà bị người ta quay mặt lại thì hãy nhớ câu chuyện này, cả Đức Phật khi Ngài mất còn có người vui. Ngài Đại Ca-diếp có tính nghiêm khắc, Ngài tu hạnh đầu đà, sống đơn giản và là tấm gương của biểu tượng *"Ly dục"*. Khi quý vị thọ Quy y Tam Bảo có đoạn: Quy y Phật - Lưỡng túc tôn; Quy y Pháp - Ly dục tôn; Quy y Tăng - Chúng chung tôn. Lý tưởng cao tột của Phật pháp là "**Ly dục"**. Ly tham ở cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

Ngài Ca-diếp là ngọn cờ biểu hiện sự Ly dục. Có lần Ngài dạy một người đệ tử rồi bị đệ tử giận, đốt luôn cái cốc của Ngài. Khi Thầy đọc đến đoạn *"Chúng sanh vô ơn nhiều hơn"* là Thầy

chấp nhận liền. Vì mình quán xét và thấy rõ lắm, chúng sanh vô ơn nhiều, dễ quên ơn lắm.

2. Làm sao để là người biết tri ân, báo ân?

Đức Phật dạy có ba chỗ hay ba điều một người không được quên: nơi xuất gia, nơi được học Tứ Diệu Đế và nơi đắc Thánh quả.

"...Này các Tỳ-kheo, có ba Pháp này, một Tỳ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ. Thế nào là ba?

Tại chỗ nào, này các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa; xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; đây là Pháp thứ nhất, này các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, tại chỗ nào, Tỳ-kheo như thật biết rõ: "Đây là khổ", như thật rõ biết: "Đây là khổ tập", như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt", như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt"; đây là Pháp thứ hai, này các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, tại chỗ nào, môt Tỳ-kheo, sau khi đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải

thoát; đây là Pháp thứ ba, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.

Ba pháp này, này các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ".

(Trích Kinh Tăng Chi – Chương III Pháp – Phẩm Người Đóng Xe – Kinh Ba Chỗ)

Trong bài Kinh này, Thế Tôn đã dạy cho các Tỳ-kheo có ba chỗ không được quên. Ở đây, nói rộng ra là có ba chỗ, ba điều mà cả hàng xuất gia và cư sĩ tại gia phải nhớ đó là:

• Nơi xuất gia hay vị Thầy làm lễ thế phát xuất gia (đối với Tăng Ni). Với cư sĩ là nơi Quy y Tam bảo, vị Thầy đã làm lễ Quy y cho mình – người đưa mình vào Đạo, vào con đường liên quan đến Phật Pháp, để cho mình có điểm tựa tâm linh. Giờ phút mà quý vị quỳ trước Tam bảo là giờ phút mình được sinh ra lần thứ hai, đó là những giây phút thiên thu theo ta trọn đời. Cho nên, nếu quý vị không muốn lấy ngày Cha Mẹ sinh ra làm ngày sinh nhật mà lấy ngày Quy y Tam Bảo làm ngày sinh nhật cũng được. Cha mẹ sinh ra ta tấm thân tứ đại này, nhưng lúc Quy y Tam bảo là giờ phút mình được sinh ra lần nữa trong đời sống

Tâm linh. Trong đời sống huyết thống mình có ông bà Cha Mẹ, tổ tiên. Trong đời sống Tâm linh mình có: Trên có Phật, có chư Thánh, có các vị đệ tử của Đức Phật, các vị tổ sư, gần nhất với mình là quý chư Tăng chư Ni là Thầy của mình, gần nhất là các bạn đồng tu, đó là những vị trong ngôi nhà Tâm linh của mình. Còn xét cho sâu nữa, nếu quý vị Quy y với Thầy thì Thầy còn có Sư phụ của Thầy; Sư phụ của Thầy thì có Sư phụ của nữa... cứ thế... lên nữa, lên nữa... Đối với người xuất gia như Thầy thì không được quên giờ phút quý báu đó và không được quên những người đã giúp cho Thầy xuất gia.

- Vị Thầy dạy cho ta giáo lý Tứ Diệu Đế hoặc chỗ cho mình học được Giáo lý Tứ Diệu Đế. Vị Thầy ấy là người dạy Pháp - Giáo lý của Đức Phật. Giáo lý Đức Phật ở đây là giáo lý Tứ Diệu Đế, Tứ Niệm xứ, Bát Chánh Đạo, Giới Định Tuệ,… và những nền tảng Giáo lý quan trọng mình không được quên vì khi biết được những Giáo lý đó như con đường giác ngộ bắt đầu mở ra. Cho nên trong giờ phút này mọi người thay vì lo sự đời, hay chuyện nọ kia mà dành thời gian học Giáo lý, Thầy cảm thấy yên tâm hơn.

- Nơi và người giúp cho chúng ta hiểu rốt ráo, hiểu trọn vẹn Tứ Diệu Đế (tức là ngày quý vị đắc Thánh).

Thầy tin rằng ít nhiều gì sau khóa Giáo lý này, những Tà kiến nó rụng bớt trong lòng quý Phật tử, có lẽ bữa giờ cũng rụng được một ít thì phải! Việc của Thầy thì Thầy cứ trồng hoa thơm cỏ lạ cho đầy khu vườn, tức là hoa thơm cỏ lạ trong lòng quý vị. Thầy giảng toàn là Giáo lý, toàn là Chánh kiến, tự nhiên những cái tà kiến nó rụng hết chứ Thầy không ép quý vị phải bỏ cái này, bỏ cái kia,... nếu có thì là Thầy khuyến khích thôi. Việc của Thầy là cứ nói "*Hoa thơm cỏ lạ trong đạo lý",* rồi tự nhiên một ngày nào đó, Đại chúng tự thấy điều nào cần bỏ, lúc đó là mình đã có trí tuệ, Chánh kiến. Cho nên học lớp Giáo lý như vậy, Thầy tin rằng sau này quý vị có cái gì đó là *"lập trường"* (Lập trường là được soi sáng cái Chánh kiến, soi sáng bởi lời Phật dạy). Sau này ai nói gì đó là chúng ta lấy lại Giáo lý Thầy đã giảng trong 4 khóa để nói. Cái gì không phải lời Phật nói là không tin, không nghe theo. Chúng ta theo Pháp, theo lời Phật chứ không theo số đông.

3. Sự biết ơn là nhân lành cho thiện pháp và thiện căn phát triển.

Tại sao con người vô ơn nhiều hơn người biết ơn? Vì chúng sanh sống với tâm bất thiện nhiều hơn.

Tam giới gồm Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới. Điểm gốc trong Tam giới là Dục giới; điểm gốc trong Dục giới là Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh; điểm gốc trong tâm là tâm bất thiện nhiều hơn. Phàm phu chúng ta sống với tâm bất thiện nhiều hơn thì mình vô ơn nhiều hơn.

Đại chúng khi biết nhiều về Phật pháp, tu càng giỏi thì có phải lòng biết ơn của quý vị càng lớn phải không? Tự nhiên gần đây mình biết Phật pháp, mình nhìn về Cha Mẹ với cái nhìn khác trước, biết ơn Cha Mẹ nhiều hơn trước, thương kính Cha Mẹ nhiều hơn, sâu sắc hơn trước kia, biết ơn Thầy cô đã dạy cho mình cái nghề, biết ơn Thầy dạy Pháp cho mình, biết ơn bạn bè,… bắt đầu nhìn với lòng biết ơn nhiều hơn xưa. Đó là sự tiến bộ. **Ngày nào còn biết ơn là ngày đó còn hạnh phúc**. Càng biết ơn bao nhiêu thì đạo đức càng cao, nhân cách càng lớn. Cũng như sự biết ơn là duyên lành để cho các cơ hội thiện

Pháp được phát triển. Chúng ta cần sống trong thế giới biết ơn, nếu tu tập giỏi nữa thì bất cứ trường hợp nào cũng là bài học cho mình hết.

Ví dụ một người tới giúp mình thì đó là ân nhân của mình. Nếu quý vị giỏi hơn nữa, đối với một người đã hại mình, khi quý vị vượt qua nỗi hận thù với họ được rồi thì họ cũng là ân nhân của mình (nhờ người đó hại mình mà mình có sự kiên cường như vậy). Ta biết ơn người đó vì họ mà nay ta vững chãi như vậy, ngày xưa mình yếu đuối, việc gì cũng dựa, nay mình có hiểu biết rồi, đã hiểu từ "dựa dẫm, nhờ vả" nghĩa là dựa thì bị dẫm, nhờ thì bị vả. Mọi cái sẽ đổi thay nên tìm cho mình chỗ dựa cho xứng đáng. Với người đã hãm hại, bỏ rơi mình trong lúc khó khăn đó thì họ đã giúp cho mình mạnh mẽ hơn, phải biết ơn họ.

Bây giờ quý vị có tu học rồi, lỡ có một ngày đang đi chợ thì bị một người tranh cãi với mình ở chợ thì sao? Nếu như lúc trước là phải ăn thua đủ lại. Rồi về nhà nhớ lại thấy mình thua người ta,…. Vì mình nhớ lời Thầy dạy: *"Hơn thua so với chính mình, chính mình phải hơn mình hôm qua"* vậy mà mình không hơn mình, lại đi hơn thua với người đó, tối về ngủ mới thấy ngủ

không được vì đang ôm "cục giận", ăn không ngon, ngủ không yên. Qua đó mình rút kinh nghiệm: *"Người kia giận nói ồn ào, chẳng lẽ ta đây cũng thế sao? Họ đã cọc cằn thêm ta nữa, thành hai người dại giống như nhau"*. Từ đó, nhờ người mà giận mình đó mà từ từ ta có được sự kham nhẫn.

Nếu khéo tu tập thì mình sống được trong thế giới *"biết ơn"*. Quá trình tu học, quá trình hoàn thiện bản thân, càng tốt đẹp bao nhiêu, càng đi xa bao nhiêu thì càng gặp nhiều chướng ngại bấy nhiêu chứ không bao giờ đi xa mà cứ từ từ đâu. Có ai học Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ mà sướng đâu, phải vất vả tìm tài liệu, tư liệu nghiên cứu để soạn bài, viết tiểu luận rất vất vả chứ đâu phải là không có chướng ngại. Cho nên *"Vô ma chướng bất thành Phật đạo"*, càng lên cao phải có những chướng ngại. Chư Tổ dạy: *"Đạo cao một gang - Ma cao một tầm. Đạo cao một tầm - Ma trên đầu ta"* nghĩa là mỗi trường hợp, quý vị đứng ở chỗ nào đều có khó khăn của nó hết, đứng phương diện nào, đẳng cấp nào, công việc làm ăn hay đời sống tâm linh cũng có khó khăn tương tự và ngay cả khi quý vị tu tập, như Thầy là người xuất gia, còn nói rộng ra là trong quá

trình hoàn thiện bản thân mình để trở thành người đạo đức, trở thành người trí tuệ thì gặp khó khăn là chuyện bình thường.

"Này Kassapa, ai nói một cách chơn chánh như sau: "Người sống Phạm hạnh phải chịu đựng những hiểm nạn của Phạm hạnh. Người sống Phạm hạnh phải bị bức não bởi những áp bức của Phạm hạnh".

Nói như vậy, này Kassapa, là nói một cách chơn chánh. Người sống Phạm hạnh phải chịu đựng những hiểm nạn của Phạm hạnh. Người sống Phạm hạnh phải bị bức não bởi những áp bức của Phạm hạnh".

(Trích Kinh Tương Ưng II - Thiên Nhân Duyên - Chương V - Tương Ưng Kassapa)

Đó là lời Đức Phật dạy trong Kinh Tương Ưng, nghĩa là người sống Phạm hạnh, như Thầy là đời sống xuất gia còn quý Phật tử là đời sống cư sĩ sống đời sống Phạm hạnh, đời sống hoàn thiện bản thân, nhân cách của mình, đạo đức, Giới - Định - Tuệ của mình mà trong quá trình đó phải bị áp bức, gặp những hiểm nạn của đời sống Phạm hạnh. Nói dễ hiểu hơn là trong quá trình tu tập là sẽ gặp khó khăn, gặp những

chuyện chướng ngại, bất như ý,… đó là chuyện phải xảy ra. Vậy muốn có đời sống Phạm hạnh rất khó (nếu dễ quá thì mọi người tu nhiều lắm, dễ quá người ta làm Thánh hết).

Nếu ai hỏi Thầy làm Thánh dễ hay khó. Dĩ nhiên là vô cùng khó, mình muốn đắc Thiền còn khó huống chi đắc Thánh. Cho nên đại chúng phải nhớ là muốn được điều gì cũng có chướng ngại, đi lên càng cao thì càng gặp chướng ngại càng lớn. Có lần Thầy đọc được một câu rất hay, làm cho Thầy nghĩ về đời tu sĩ có ba khía cạnh: Vị ngọt của đời tu, vị đắng của đời tu và sự tẻ nhạt của đời tu.

- Vị ngọt của đời tu là thường gặp những điều như ý.

- Vị đắng của đời tu là gặp những khó khăn như bệnh tật, chỗ ở, Pháp môn.

- Sự tẻ nhạt của đời tu là điều nguy hiểm nhất. Tẻ nhạt là sáng mai ngủ dậy mà không biết ngày nay nên làm gì, ngày mai mình nên làm gì, Pháp học cũng không có, pháp tu cũng không có, không có đời sống an lạc trong đời tu. Như vậy mà không tu nữa cũng khổ mà tu nữa thì không an lạc thì gọi đó là sự tẻ nhạt.

Nếu quý Phật tử học Giáo lý mà cảm thấy tẻ nhạt, không có gì vui, không có gì lợi ích thì quý vị cũng không học. Ví dụ có một người ở cạnh Chùa, vị đắng của họ là có thể họ không đầy đủ và bị bệnh tật, thiếu thốn nhưng mà vẫn có thể qua Chùa vì họ còn cảm thấy học Giáo lý an lạc và lợi ích. Nhưng đến một ngày nào đó, họ không bệnh tật, mọi thứ đủ điều kiện nhưng họ qua Chùa hay tu tập không còn cảm thấy vui nữa thì mình gọi là sự tẻ nhạt, họ sẽ không đi Chùa nữa. Đại chúng ráng làm sao đó đừng để cho mình bị tẻ nhạt với đời sống Tâm linh, đời sống Phật Pháp (ở một khía cạnh Phật pháp thì gọi là sự vô phước của mình).

Nói đến đây, Thầy có làm bài thơ về Đời tu sĩ:

"Đời tu sĩ như con cua càng gãy,

Vỏ bọc nào che chắn giữa oan khiên

Được mất, buồn vui sao tránh lụy phiền?

Thế sự muôn trùng khó vừa hết thảy.

Sống sao cho hợp lòng người

Ở rộng người cười, ở hẹp người chê.

Đời tu sĩ như bò sừng đã gãy

Còn chi núm níu sự công bằng,

Lưới nhân gian ai khéo vẽ, khéo giăng,

Bài học cũ về quả nhân còn đó".

"Đời tu sĩ như con cua càng gãy"- đây không phải lời của Thầy mà Đức Phật dạy trong Kinh, nếu nói rộng ra thì chính là Phật tử khi tu như con cua sữa, dễ bị tổn thương lắm. Ngoài đời quý vị có tiền, có quyền, có sức khỏe, còn có gia đình bảo vệ, còn Thầy đi tu thì lấy gì bảo vệ Thầy đây? Thầy nói một lời nào đó, dù đúng, sai chưa biết, nhưng Thầy mà cãi thì đúng cũng thành thua. Tu mà còn cãi! Hôm nào quý vị ra chợ mà mặc áo lam, người ta cân cá thiếu cho mình, rồi mình cự cãi với người ta. Họ sẽ nói: *"Nghĩ sao mặc áo lam đi Chùa mà dữ như quỷ"*, trong khi đó người ta sai rõ luôn. Cho nên trong đời sống Phạm hạnh, chính phước đức, đạo đức mới bảo vệ cho mình.

Đời tu sĩ nhiều hiểm nguy khốn khó

Ngược dòng đời nên vất vả đau thương

Biển trầm luân máu lệ đã bao lần

Sầu vương đó xin một lần dừng lại.

Thầy tự nhắc, sống đời tu sĩ là mình đã xác nhận đi ngược dòng, phải gặp khó khăn, biết vậy thì đừng cãi, đừng hơn thua chi để thêm oan trái.

Đời tu sĩ độ sanh hay ẩn dật

Cũng không vừa miệng thế giữa khen chê.

Người xuất gia thường giảng Pháp, mở đạo tràng, làm từ thiện, làm nhiều cách để hướng dẫn quý Phật tử biết Phật Pháp đó là *"độ sanh"*, còn "*ẩn dật"* nghĩa là vị đó không đi giúp người này người kia mà thường ở trong cốc, trong liêu hoặc trên núi tu.

Những người không hiểu biết thì nói:*"Tu gì mà không giúp người, lo tu một mình, ích kỷ, cá nhân"*. Còn nếu đi độ sanh, đi giúp người thì bị nói: *"Tu gì mà nhiều chuyện, lo ngồi tập trung tụng Kinh, niệm Phật hoặc hành Thiền đi, ở đó mà lo hết chuyện này chuyện kia…"*

Chỉ mong sao người giữ trọn lời thề

Chân vững bước, vẹn con đường cao đẹp".

Đây cũng có sự liên quan đến sự *"vô ơn"* của cuộc đời, Đại chúng đừng mong người khác

đối xử với mình tốt, sự mong mỏi đó sẽ khổ lắm. Bài học được rút ra: Mình làm điều tốt cho ai đó là điều nên làm và làm rồi thì nó là điều thiện, đó là cái phước của mình, làm được thì làm và đừng mong người ta trả ơn, nếu quý vị làm với cái tâm *"Thi ân - Cầu báo"* thì khổ lắm. Vì mình mong người ta trả ơn mà chúng sanh đâu phải ai cũng biết báo ơn. Cho nên, thấy điều đó cần làm thì làm, cần giúp thì giúp rồi thôi, họ biết ơn hay không là chuyện của họ, còn việc của mình cần làm thì cứ làm. Chúng ta hãy làm theo tinh thần nhà Phật: *"Thi ân bất cầu báo"* (giúp không mong cầu sự báo ân).

II. TỨ ÂN

1. Ân Cha Mẹ

Đây là bốn ân mà Đức Phật giảng rãi rác trong Kinh Tăng Chi, Túc Sanh Truyện, Kinh Báo hiếu phụ mẫu ân, Kinh Đại phương tiện Phật Báo ân. Còn riêng Bốn Ân này được Đức Phật dạy trong Kinh Bản Sanh Tâm Diệu Quán.

Khi nghĩ đến ơn Cha Mẹ, chúng ta chỉ cần nhớ điều này được Đức Phật dạy trong Kinh: ***"Cha mẹ là người đưa ta vào đời."*** Chỉ cần nhớ

một điều này thôi là mình trả ơn Cha Mẹ không hết thì hà cớ gì mà mình giận hờn, oán trách Cha Mẹ. Nói theo cách dễ hiểu là: *"Hôm nay anh là ai, anh được cái gì, anh thành công như thế nào là do có Cha Mẹ mới có anh!"*.

Một cô Phật tử liên lạc với Thầy để nói về câu chuyện giữa hai cha con. Cô này giận người Cha vì lúc sinh cô ra thì bỏ cô ở lại với Mẹ. Mẹ phải vất vả nuôi cô lớn khôn, đến thời gian gia đình tạm ổn, cô lập gia đình và có điều kiện hơn trước thì người Cha mới quay lại. Cô cũng lo cho Cha nhiều lắm nhưng càng lo bao nhiêu thì Cha cô không chịu làm ăn mà cứ đem tài sản làm những việc không tốt. Vì vậy cô sinh ra tâm giận Cha, cơn giận nhiều sinh ra hận.

Có lần Cha gặp nạn rất nặng và nếu cô không giúp thì có lẽ Cha cô qua đời trong lần gặp nạn đó, không biết do có duyên sao mà cô nghe pháp Thầy giảng và có số điện thoại. Cô gọi cho Thầy và xin ý kiến: hiện tâm trạng cô thù oán, giận Cha như vậy, theo Thầy thì cô có nên giúp Cha không. Thầy có gợi ý với cô, nếu cô xét thấy những việc mà cô giúp không phải là điều bất thiện để tạo cái duyên cho Cha làm điều bất thiện thì cô nên giúp cho Cha. Cô hãy nhớ đến ngày

hôm nay, nhờ đâu mà cô có mặt ở cuộc đời. Đó là nhờ có Cha, dù ông có tạo bao nhiêu điều bất thiện đi chăng nữa thì là nghiệp của ông, ông làm thì ông chịu. Dĩ nhiên mình không muốn Cha làm những điều bất thiện nhưng chỉ cần nhớ một điều thôi: *"nhờ có Cha mới có mặt con trên cuộc đời này"*. Thầy khuyên vậy thôi, cô muốn lo, muốn giúp bao nhiêu thì giúp, đừng có giận Cha Mẹ mình, vì họ không ở với mình bao lâu nữa đâu.

Thêm một câu chuyện về đứa bé, nó giận Cha Mẹ nên bỏ nhà đi bụi đời. Bạn bè không lo nổi cho nó, hôm đó hết tiền, đói bụng, đứa bé thấy có quán phở, nó tới quán rồi đứng mấp mé bên ngoài. Cô chủ quán thấy thương nên cho nó vào ăn. Khi ăn xong, cô này không lấy tiền, nó vòng tay cảm ơn cô và nói: *"Cô biết không, cô là người dưng mà cô thương con, cho con ăn không lấy tiền. Còn mẹ con, con xin có chút tiền mà mẹ lại không cho"*. Cô chủ quán mới nói: *"Cô cho con có một tô phở mà con biết ơn cô như vậy đó, con có biết từ nhỏ đến giờ, mẹ đã cho con biết bao nhiêu thứ không? Tại sao con không nhớ, con chỉ nhớ đến mẹ con không cho tiền thôi?"* Đó là bài học mà cô này dành cho đứa bé.

Học Phật Pháp quý vị nên nhớ, khi Cha Mẹ qua đời rồi không biết khi nào mình được gặp lại, nhắm mắt rồi là Cha Mẹ đi theo vòng luân hồi. Rồi đến mình nhắm mắt cũng đi luân hồi. Giả sử kiếp sau mà gặp Cha Mẹ, liệu mình có biết người đó là cha mẹ mình không? Cho nên quý vị hãy cố gắng tận dụng thời gian Cha Mẹ còn mà báo ơn.

Riêng Thầy thì có người phụ nữ mà Thầy tôn kính, biết ơn số 1 đó là Thánh Ni Da-du-đà-la *(Yasodharā)*. Dĩ nhiên có nhiều vị Thánh khác nhưng khi đọc về cuộc đời của Da-du-đà-la thì Thầy thương kính vô cùng. Khi bà đi xuất gia, từ một vị Hoàng hậu cao sang mà đi xuất gia với đời sống Tam y Nhất bát. Hôm đó Thầy La-hầu-la *(Rāhula)* đi qua thăm thì gặp bà đang bị khó tiêu, lúc này bà bị bệnh mà không có một loại thuốc để chữa bệnh. Thầy La-hầu-la thương Mẹ thì mới về thưa với Ngài Xá-lợi-phất: "Bạch Thầy! Mẹ con bị bệnh như vậy, chỉ cần loại thuốc này uống sẽ hết bệnh".

Còn người phụ nữ mà Thầy tôn kính ở đời là Mẹ của Thầy. Mỗi người có một cái duyên, có cách thương Mẹ và báo hiếu khác nhau nhưng Thầy tin một điều mà Thầy hay nói với quý vị,

trong cuộc sống không biết chuyện gì xảy ra, đời là vậy. Thầy tin: "*Nếu một ngày nào đó không còn ai thương Thầy, không còn ai kính Thầy, không còn ai che chở hoặc giúp đỡ cho Thầy thì Thầy tin rằng, khi Thầy trở về sẽ có một người dang rộng vòng tay đón thầy đó là Mẹ!"*. Không phải không có người Mẹ không thương con nhưng tỷ lệ đó, những trường hợp đó rất ít, giống như có oan trái gì đó giữa Mẹ con thôi, chứ đa phần là Mẹ thương con là bản năng, giống như nước mắt phải chảy xuôi.

Quý Phật tử để ý sẽ thấy, khi có con thì người Mẹ sẽ thương con nhiều hơn thương Mẹ của mình. Lý do vì đứa con đó là tác phẩm, là hình bóng của người Mẹ, bóng dáng của Mẹ có trong đứa con đó, nếu nói theo Phật Pháp thì **đứa con là thân kiến của người mẹ**. Vì cho rằng nó là tôi, nó là của tôi, là tài sản, là thừa tự, là hình bóng, ước mơ, hoài bảo của tôi. Đôi khi những ước mơ người Mẹ chưa làm được thì gửi gắm cho đứa con làm tiếp thay mình. Đa phần chúng ta hay quên cội nguồn và có sự vô ơn trong đó. Vì vậy mới nói, mình luôn thương con của mình hơn Mẹ mình.

Thời Đức Phật, công tử Subha là con trai ông phú hộ Todeyya trong thành Sāvatthī. Phú hộ Todeyya giàu có nhưng nổi tiếng rất keo kiệt. Đến lúc gần chết, ông sanh tâm tham tiếc tài sản nên sau khi chết, quả của ác nghiệp ấy cho quả tái sanh làm con chó trong nhà của ông. Trước khi chết thì ông Todeyya có để lại một hũ vàng chôn phía sau nhà nhưng công tử Subha không biết. Vì thế khi tái sanh làm chó, con chó ấy cứ luẩn quẩn phía sau vườn chỗ chôn hũ vàng.

Đức Phật biết là nhà này có duyên với Phật pháp, hôm đó Ngài đi ngang thì con chó chạy ra sủa. Đức Phật nói: *"Này Todeyya! Ngươi không biết thân phận làm kiếp chó của ngươi mà còn sủa Như Lai. Kiếp sau ngươi còn phải tái sanh vào Địa ngục Avīci nữa!"* Sau khi nghe Đức Thế Tôn dạy, con chó vô cùng buồn bã nên chạy ra góc bếp nằm. Đến khi công tử Subha về, con chó không chạy ra mừng nên anh mới hỏi người làm thì biết được là sau khi Đức Phật đi ngang nhà và nói gì đó với con chó mà giờ nó như vậy. Anh Subha đi đến Jetavana tìm gặp Đức Phật để trách Ngài vì sao lại nói con chó là cha của anh. Sau khi Ngài xác nhận đúng là như vậy, vì Tham tâm còn lưu luyến những tài sản chôn phía sau vườn

đó nên tái sanh làm chó. Về nhà, công tử Subha đào chỗ con chó hay nằm thì đúng như vậy, có một hũ vàng lớn được chôn nơi ấy. Đến lúc đó thì anh mới chịu tin Phật và Quy y Tam bảo. Thầy nói nếu quý vị không đắc Thiền, không đắc Thánh thì đường phía trước hồi hộp lắm, còn luân hồi là còn hồi hộp, mình học Phật Pháp để biết vòng luân hồi đáng sợ như thế nào mà lo cho bản thân.

Đức Phật dạy trong Kinh Tăng Chi về công ơn lớn lao của Cha Mẹ mà con cái khó có thể đáp đền:

"Có hai hạng người, này các Tỳ-kheo, ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và Cha. Nếu một bên vai cõng Mẹ, này các Tỳ-kheo, nếu một bên vai cõng Cha, làm vậy suốt trăm năm, cho đến trăm tuổi; nếu đấm bóp, thoa xức, tắm rửa, xoa gội, và dầu tại đấy, Mẹ Cha có vãi tiểu tiện đại tiện, như vậy, này các Tỳ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ Mẹ và Cha. Hơn nữa, này các Tỳ-kheo, nếu có an trí Cha Mẹ vào quốc độ với tối thượng uy lực, trên quả đất lớn với bảy báu này, như vậy, này các Tỳ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ Mẹ và Cha. Vì có sao? Vì rằng, này các Tỳ-kheo, Cha Mẹ đã làm nhiều cho con cái,

nuôi nấng, nuôi dưỡng chúng lớn, giới thiệu chúng vào đời này.

Nhưng này các Tỳ-kheo, ai đối với Cha Mẹ không có lòng tin, khuyến khích, hướng dẫn an trú các vị ấy vào lòng tin; đối với Mẹ Cha theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện giới; đối với Mẹ Cha xan tham, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào bố thí; đối với Mẹ Cha theo ác trí tuệ, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào trí tuệ. Cho đến như vậy, này các Tỳ-kheo, là làm đủ và trả ơn đủ Mẹ và Cha".

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương Hai Pháp - Phẩm Tâm Thăng Bằng - bài Kinh Đất)

Là người con Phật, chúng ta phải biết công ơn Cha Mẹ lớn như vậy để biết trả ơn. Cách trả ơn sòng phẳng gần như chỉ có một cách, Đức Phật dạy trong nhiều bài Kinh, cho dù vai trái cõng Cha, vai phải cõng Mẹ đi cả trăm năm, lo cho Cha Mẹ đầy đủ như một vị vua cũng chưa trả được hết công ơn.

Và chỉ duy nhất có một cách gồm 4 từ: Tín - Thí - Giới - Tuệ.

- **Tín**: giúp Cha Mẹ có niềm tin nơi Đức Phật, nơi Tam bảo, biết quy y Phật – Pháp – Tăng.

- **Thí**: hướng dẫn và tạo điều kiện cho Cha Mẹ sống với bàn tay rộng mở, sống với tâm hào sản, biết san sẻ biết bố thí, biết làm phước, biết cúng dường, biết từ thiện, biết giúp đỡ bằng tâm hào sản. Cha Mẹ làm phước thì Cha Mẹ hưởng. Nếu quý vị có thương Cha Mẹ hay vợ chồng, con cái mình thì tạo điều kiện cho họ có tài sản mang theo, đó là nghiệp thiện, là phước, còn làm điều bất thiện là tội, là nghiệp bất thiện.

- **Giới** là những điều đạo đức. Chúng ta hướng dẫn Cha Mẹ biết giữ Năm Giới.

- **Tuệ** là trí tuệ, là Chánh kiến; hướng cho Cha Mẹ hiểu Phật Pháp, bỏ những Tà kiến.

Như Đại chúng đang ngồi đây đã làm Cha làm Mẹ, vị nào có người con hiểu đạo là mừng lắm. Và ai đang học lớp Giáo lý này, có Cha Mẹ cũng đang học, nghe Pháp hoặc hiểu Phật pháp thì thật là vui, vậy mới yên lòng. Còn ngược lại, nếu quý Phật tử đang học, tin và hiểu Phật Pháp

mà Cha Mẹ lại đang sống với những điều bất thiện thì buồn lắm. Mình biết đây là bất thiện nhưng nói thì bị la: *"Mày con tao mà dám dạy đời tao hả?"*, lúc đó là mình im luôn, hết dám nói gì.

Bốn điều: Tín - Thí - Giới - Tuệ là tùy khả năng mà quý vị hướng dẫn cho Cha Mẹ. Chúng ta tự xét lại là Cha Mẹ đã quy y chưa – Tín; giữ năm giới chưa - Giới; biết làm phước chưa - Thí; biết Phật Pháp, tin nhân quả, tội phước, Nghiệp và Quả của nghiệp chưa - Tuệ (Chánh kiến).

Đại chúng cứ hình dung từ số 1 đến số 10, tùy cấp độ coi Cha Mẹ biết được bao nhiêu? Ví dụ cấp độ 10 là cao nhất thì quý Phật tử phải đưa Cha Mẹ tới cấp độ 10 tức chỗ cao nhất mới là trả xong, chứ không phải Mẹ quy y rồi, có giữ Năm Giới... vậy là con trả ơn xong cho Mẹ rồi, không phải vậy đâu. Nếu **làm trọn vẹn** bốn điều này thì Cha Mẹ chứng Sơ quả, vì niềm tin về Đức Phật bất động, kiên cố thì không bao giờ thối lui. Như Đức Phật thuyết tạng Vi Diệu Pháp vào mùa Hạ thứ 7 trên cung trời Đao Lợi để độ thân mẫu đang là Thiên Nam cõi Trời Đâu Suất *(Tusita)* và Ngài độ cho Vua Cha là Vua Tịnh Phạn (*Suddhodana*) đắc quả A-na-hàm trước khi mất;

Ngài Xá-lợi-phất *(Sāriputta)* độ Mẹ đắc Sơ quả trước khi Ngài nhập Niết-bàn,… Chỉ có một cách duy nhất để trả ơn Cha Mẹ rốt ráo đó là giúp Cha mẹ đắc Thánh quả, đó mới là trả ơn trọn vẹn.

Trong Kinh Tăng Chi, Đức Phật dạy*: "Cha Mẹ có danh hiệu là Phạm Thiên (Brahmā'ti adhivacanaṃ), vì Cha Mẹ luôn luôn có tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả với con cái như vị trời Phạm Thiên có Tứ Vô Lượng Tâm".* Đây là cái ân rất lớn của Cha Mẹ dành cho con cái, cho nên phận làm con đừng bao giờ xúc phạm đến Cha Mẹ mình. Nếu Cha Mẹ làm sai là nghiệp của Cha Mẹ, bổn phận của con cái là phải giúp đỡ cho Cha Mẹ ráng cố gắng đừng làm sai. Và giả dụ Cha Mẹ có sai thì mình đừng vì vậy mà bất hiếu, bất hiếu là tội rất nặng.

Thầy nhắc lại, có 3 hạng người mà quý vị đừng bao giờ xúc phạm vì xúc phạm 3 hạng người này là chúng ta sẽ đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh:

1. Người mình mang ơn, mang ơn nặng nhất trên cuộc đời là Cha Mẹ, Thầy tổ.

2. Người đức độ, người có trí tuệ, đạo đức. Các vị càng đức độ nhiều mà mình xúc phạm thì

sẽ rớt xuống cảnh giới xấu. Phước của họ càng lớn thì tội mình càng nặng, xúc phạm trúng bậc Thánh nữa là hết phước làm người. Một phút xúc phạm thì có một tỷ kiếp dưới Địa ngục, còn nếu được làm người lại thì đi đâu cũng bị người ta chửi, xúc phạm.

3. Những tập thể, nhất là tập thể Phật Pháp – tu Giới Định Tuệ hoặc đang làm thiện Pháp mà mình phá vỡ sự hòa hợp của họ hay làm cho tập thể đó tan rã.

Cha Mẹ là người chúng ta mang ơn, dù thế nào đi chăng nữa, quý vị có thương Cha thương Mẹ, ráng lo được bao nhiêu thì lo, báo ơn được bao nhiêu thì báo chứ đừng bao giờ bất hiếu với Cha Mẹ, thường nhận những ác nghiệp rất nặng. Trong năm tội ngũ nghịch thì có hai tội dẫn xuống Địa ngục là tội giết Cha và giết Mẹ.

2. Ân Tam Bảo - Thầy Tổ - Sư trưởng

Chư Tổ có dạy:

"Ân giáo dưỡng một đời nên huệ mạng

Nghĩa ân sư muôn kiếp khó đáp đền".

Ân Tam bảo là ân Phật, ân Pháp, ân Tăng. Có khi nào quý vị quỳ trước Tam bảo cảm ơn

Đức Phật chưa? Đây là câu chuyện có thật trong mùa dịch bệnh này: một cô Phật tử nhờ Thầy cúng dường Trai tăng, Thầy hỏi cô làm lễ Trai tăng với tâm nguyện gì? Cô nói muốn làm lễ trai tăng vì biết ơn Đức Phật. Thầy nghe mát lòng lắm. Tâm nguyện của quý Thầy giảng sư khi đi giảng là đưa quý vị về với Đức Phật. Qua những bài giảng này, Thầy mong muốn chúng ta về với Đức Phật chứ không phải đưa về với bản thân Thầy. Ví dụ vị đó có duyên về tu tập với Thầy thì cứ về. Đó chính là đạo đức, là nhân cách và cũng chính là lòng từ, Thầy còn phàm phu mà phàm phu thì không phải điều nào cũng hiểu đúng, không phải lúc nào cũng dễ thương. Có câu:

"Con là một đứa con lai,
Nửa kia còn lại, con lai Ta bà,
Con là một trái me già,
Nửa kia còn lại thì là chôm chôm
Cuộc sống con thích ôm đồm
Hai tám ngày mặn, hai hôm muối mè"

Đại chúng có hướng dẫn ai tu tập thì nhớ đưa họ về với Phật, không đưa về bản thân mình. Khi hướng dẫn quý Phật tử Quy y Tam bảo, Thầy đều dặn: *"Trên hết là Đức Phật, Thầy chỉ*

là người đại diện đứng ra Quy y cho quý vị thôi, Thầy của quý vị là Đức Phật". Chính Đức Phật dạy cho con Giáo Pháp để chấm dứt luân hồi, nếu không có Giáo Pháp của Phật thì con sẽ như thế nào? Có lẽ con tạo bao nhiêu ác nghiệp. Nhờ giáo pháp của Phật mà con biết tu tập, gieo nhân lành để cuộc đời mình đi lên, an vui từ kiếp này và an vui ở kiếp sau. Ơn Tam bảo lớn như vậy. Thầy mong trong danh sách biết ơn, quý vị nhớ kỹ: Cha Mẹ cho con thân tứ đại này nhưng nếu không có Phật Pháp dạy cho con giác ngộ thì con còn muôn kiếp Trầm luân, Ngài dạy cho con Giáo Pháp để chấm dứt luân hồi.

3. Ân đất nước

Đức Phật có dạy trong Kinh Tăng Chi về Năm thời tranh thủ tu tập, để tinh cần:

"1/ Thời tuổi trẻ (Daharo hoti)

2/ Thời khoẻ mạnh, ít bệnh (Appābādho hoti)

3/ Thời tạm no đủ, dễ kiếm sống (Subhikkhaṁ hoti)

4/ Thời con người sống trong hoà bình, không chiến tranh loạn lạc (Manussā samaggā viharanti)

5/ Sống trong thời Tăng chúng hoà hợp, có Phật Pháp để tuyên dương (Saṇgho samaggo viharati)

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương Năm Pháp - Sợ hãi trong tương lai)

Thời điểm thứ tư là chúng ta đang sống trong thời kỳ hòa bình, không có chiến tranh. Thời này mà có chiến tranh liệu quý Phật tử có học được không? Không được đâu. Quý vị thấy một số nước bây giờ trên thế giới đang loạn lạc, bất ổn vậy hỏi làm sao ngồi yên mà mình tu học được. Thầy đọc lịch sử Phật giáo Việt Nam có những thời kỳ thăng trầm. Lịch sử Phật giáo cũng vì vậy mà thăng trầm theo lịch sử của đất nước mình. Có những giai đoạn chiến tranh khốc liệt, muốn tu tập rất khó. Một số vị lớn tuổi đang học hôm nay sẽ biết sự khó khăn của việc tu học cách đây 20 năm trở về trước. Bây giờ là thời buổi công nghệ phát triển cho nên dễ dàng cho việc ngồi học Giáo lý. Và chúng ta đang được học trong lớp này cũng là nhờ công ơn của những người đi trước, những người đang ở tuyến đầu phòng chống đại dịch và những người đang làm việc tại nơi biên cương, hải đảo để bảo vệ Tổ quốc.

Quý Phật tử thấy rằng điều thiện và điều bất thiện ở trong đời này rất nhiều, nếu dành một

kiếp người để nói về điều thiện thì nói hoài không hết và ngược lại, dành một kiếp người chuyên đi nói xấu cũng không hết, nhưng rồi sau điều thiện, điều xấu là gì? Chúng ta còn phải nhắm mắt ra đi, nếu mình cứ sống trong điều bất thiện thì khổ trong kiếp hiện tại và kiếp tương lai. Vậy sao ta không thông minh một chút, chuyện gì là điều thiện thì nói, điều gì là thiện thì làm, học. Chúng ta phải sống có ý nghĩa, có đạo đức là ta đã trả ân cho Tam Bảo, dưới nữa là ân Cha Mẹ, ân Tổ quốc. Hằng ngày quý vị phải tích cực, không mỏi mệt làm những việc tốt như quan tâm đến bệnh nhân nghèo, trẻ mồ côi... Điều đó thể hiện được ta đang sống *"Tốt đời đẹp đạo"*.

4. Ân chúng sanh

Nhiều kiếp trong vòng luân hồi mà chúng ta đi qua, mỗi kiếp như vậy mình mang ơn Cha Mẹ, Thầy tổ, vợ chồng, con cái, anh chị em, bạn bè,… mỗi kiếp như vậy mình mang rất nhiều ân. Quá nhiều ân nghĩa như vậy chỉ có một cách để trả, người hiểu chuyện, người có trí trả bằng cách là ráng tu tập cho tốt. Chính những sự tu tập tốt đó, trí tuệ, đạo đức đó là cách trả ơn cho những chúng sanh đã lo cho mình trong bao nhiêu kiếp đã qua. Mỗi giờ cơm trưa tại Chùa, quý Thầy hay

nguyện trước khi ăn: *"Cơm ngày ba bữa thường nhớ công khó nhọc của kẻ đem cho; Thân mặc ba y thường nhớ sự nhọc nhằn của người may dệt; Thuốc thang, giường, chõng do sự nhín ăn, bớt mặc của đàn na; Học đạo tiến tu bởi do lòng từ dạy răn của Thầy Tổ"*. Chúng ta nhìn quanh là cả một bầu trời ơn nghĩa. Khi hiểu đạo rồi thì mình nhìn đâu cũng thấy sự biết ơn, còn khi chưa hiểu đạo thì nhìn đâu cũng thấy sự bất mãn, đòi hỏi và khó chịu.

III. TÓM LƯỢC

Hôm nay Đại chúng học về chủ đề "TỨ ÂN", trong đó Thầy giảng chính 2 ân đó là: ân Cha Mẹ và ân Tam Bảo. Ngoài ra, phần đầu Thầy giành thời gian để nói về sự biết ơn, đền ơn, vô ơn ở cuộc đời này để cho quý Phật tử biết rằng:*"để làm một người biết ơn, biết đền ơn hoặc tri ân trước là không có dễ đâu!"*. Nếu quý quý vị đang biết ơn là mình đang thuộc vào nhóm người khó tìm. Nếu không có Phật Pháp soi đường dẫn lối thì quý vị sẽ dễ thành người vô ơn. Thầy nói vậy để Đại chúng biết để trở thành người biết ơn là tâm thiện, là tâm tốt khó tìm.

Thầy mong quý Phật tử hiểu được sự biết ơn của mình đến Tam Bảo, đến Cha Mẹ, đến chúng sanh, đến đất nước cũng như cả cuộc đời này, nhìn đâu cũng thấy sự biết ơn và chỉ có một cách duy nhất đó là sống có tu tập, làm những điều thiện nhiều nhất có thể, đó là sự trả ơn đến những ân nhân đã giúp mình trong tiền kiếp cũng như trong kiếp này.

(Buổi giảng ngày 21/09/2021)

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Định nghĩa Tứ Ân?

2). Có phải phần đông chúng sanh hay vô ơn?

3). Có 3 chỗ 3 người không nên quên ơn là ai?

4). Phật dạy 2 hạng người khó tìm là ai?

5). Để tri ân cha mẹ một cách trọn vẹn chúng ta nên làm gì?

6). Tri ân Tam bảo, chúng ta nên làm gì?

7). Để trả ơn quốc gia, chúng ta nên làm gì?

8). Để trả ơn chúng sanh, chúng ta nên làm gì?

9). Là người Cư sĩ, chúng ta nên sống như thế nào để xứng đáng với những ân nghĩa mà cuộc đời đã dành cho ta?

10). Bài học rút ra?

Bài 17: BẢY LÝ DO NÊN HỌC PHẬT PHÁP

---

* DẪN NHẬP

* BẢY LÝ DO NÊN HỌC PHẬT PHÁP

I. DẪN NHẬP

Hôm nay là buổi giảng cuối cùng của Khóa 1. Bài giảng này Thầy đặt chủ đề là: "Bảy Lý Do Nên Học Phật Pháp". Quý đại chúng biết bài này Thầy phải soạn hết mấy tháng không? Có những bài giảng Thầy chỉ soạn 15 phút hay nửa tiếng là xong. Có những bài Thầy soạn đến mấy ngày. Còn bài này là trước khi Thầy mở lớp Giáo lý, Thầy đã lưu trong thư mục ghi chú riêng của Thầy rồi. Thầy đọc tới đâu mà thấy lợi ích của Phật Pháp mang đến cho mình thì những nguồn tư liệu đó, những bài Kinh đó Thầy lưu lại vào trong mục này.

Từ khi Thầy mở lớp Giáo lý, Thầy đã nghĩ nên học bài này vào buổi cuối cùng trong Khóa 1. Với lý do là từ đầu khóa đến giờ, các bài giảng ít nhiều có nội dung khác nhau, nhưng quý đại chúng luôn nghe Thầy nói là phải nên ráng học Phật Pháp. Trong bài giảng nào Thầy cũng khuyến khích quý vị ráng học Phật Pháp. Vậy trong bài giảng này Thầy chỉ nói tổng quan về lý do vì sao ta học Phật Pháp thôi. Quý Đại chúng biết không? Trong lòng Thầy muốn bài này Thầy viết thành một bài văn hoàn chỉnh. Như vậy bài cũng dài khoảng 10 – 20 trang A4, nhưng do còn loay hoay công việc nhiều nên Thầy vẫn chưa có thời gian viết ra. Tuy nhiên, Thầy soạn thành từng đoạn ngắn để giảng cho quý vị thì Thầy soạn xong rồi cho nên tối hôm nay mình sẽ có câu trả lời. Bài Pháp này giống như một câu hỏi, và trong bài này sẽ có bảy câu trả lời như bảy ý chính. Thầy soạn trong bài này nhiều Kinh lắm, để chứng minh cho bảy ý mà Thầy đưa ra.

II. BẢY LÝ DO NÊN HỌC PHẬT PHÁP

Vì sao ta nên học Phật Pháp? Có bảy lý do như sau:

1. Lý do thứ nhất: Vì ngôi Tam Bảo Phật – Pháp - Tăng rất hiếm gặp trong cuộc đời này.

Thưa quý Phật tử, để nói đúng hơn nữa thì lý do thứ nhất là hiếm gặp và thứ hai là gặp rồi lợi ích cho mình rất nhiều. Vì vậy ngày chúng ta quy y gọi là Quy y Tam Bảo - quy y nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng. Đức Phật rất hiếm gặp vì phải lâu lắm mới có một vị Phật xuất hiện trên thế gian. Từ khi phát tâm tu đến khi Ngài thành Phật trải qua 20 A-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp Trái đất. Còn từ lúc Ngài gặp Đức Phật Nhiên Đăng *(Dipankāra)* đến khi thành đạo là 4 A-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp. Trong khoảng thời gian rất dài như vậy thì mới có một vị Phật xuất hiện. Khi Phật xuất hiện, Ngài sẽ tuyên dương Giáo Pháp và có chúng đệ tử là Tăng đoàn. Với Tăng đoàn và Giáo Pháp của Ngài sẽ làm lợi lạc cho chúng sanh rất nhiều. Cho nên, thật sự rất may mắn khi chúng ta sinh ra lúc này, tuy không còn gặp Đức Phật trực tiếp nhưng vẫn còn Tăng đoàn và Giáo Pháp của Ngài và khi gặp rồi sẽ lợi ích cho chúng ta rất nhiều. Nếu mình có niềm tin và có thực tập ít thì lợi lạc ít, thực tập nhiều thì lợi ích nhiều. Thầy sẽ chứng minh cho lời Thầy vừa nói, thứ nhất là hiếm và thứ hai là lợi ích. Đây là bài Kinh Đức Phật dạy trong Kinh Tăng Chi, chương Một Pháp, phẩm Một Người:

"Một người, này các Tỳ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Một người ấy là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính một người này, này các Tỳ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

- Sự xuất hiện này, này các Tỳ-kheo, là khó gặp được ở đời.

- Khi xuất hiện ở đời là xuất hiện một người vi diệu.

- Sự mệnh chung của vị ấy được đa số thương tiếc.

- Khi xuất hiện ở đời, là xuất hiện một người, không hai, không có đồng bạn, không có so sánh, không có tương trợ, không có đối phần, không có người ngang hàng, không có ngang bằng, không có đặt ngang bằng, bậc Tối thượng giữa các loài hai chân.

- Là sự xuất hiện của mắt lớn, của đại quang, của Đại minh, của sáu Vô thượng, là sự chứng ngộ

bốn Vô Ngại giải, là sự thông đạt của nhiều giới, là sự thông đạt của các giới sai biệt, là sự chứng ngộ của minh và giải thoát, là sự chứng ngộ quả Dự Lưu, quả Nhất Lai, quả Bất Lai, là chứng ngộ quả A-la-hán".

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương Một Pháp - Phẩm Một Người.)

Đoạn Kinh này nghĩa là sao quý thiện hữu? Nghĩa là một người khi xuất hiện ở cõi đời thì đem lại hạnh phúc cho đa số, đem lại sự an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng mà đem lại hạnh phúc cho cả chư Thiên và loài Người chứ không phải riêng loài Người. Vị ấy chính là Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác. Đó là lợi ích khi có Phật xuất hiện. Sự xuất hiện của vị này là khó gặp ở đời. Khi xuất hiện ở đời là một sự xuất hiện vi diệu và sự mệnh chung của vị ấy được đa số thương tiếc. Tức là khi Ngài Đản sanh là sự xuất hiện vi diệu. Khi Ngài nhập Niết-bàn là ngày mà đa số chúng sanh thương tiếc. Cho nên hôm trước Thầy có nói với quý Đại chúng, nếu ai hỏi Thầy: *"Ngày vui nhất của trần gian và ngày buồn nhất của trần gian là ngày nào?"* Thầy trả lời: Ngày vui nhất của trần gian là ngày Đức Phật Thích Ca đản sanh hay là ngày Đức Phật thành đạo. Và ngày

buồn nhất của trần gian chính là ngày Ngài nhập Niết-bàn ở xứ *Kusinārā* (Câu-thi-na) dưới hai cây *Sālā* (Song long thọ). Giờ phút Đức Phật nhập Niết-bàn, vô lượng chư Thiên, vô số chúng sanh đã rơi lệ vì sự ra đi của một con người vĩ đại. Sự ra đi của Ngài làm cho Trái đất rúng động. Ngày Ngài Đản sanh như hình ảnh một con voi bước lên chiếc thuyền làm cho chiếc thuyền chông chênh. Những lúc Ngài thuyết Pháp, những bài Pháp vi diệu quan trọng từ lúc Ngài thành đạo đến giờ phút Ngài nhắm mắt giống như hình ảnh con voi bước ra khỏi chiếc thuyền khiến cho chiếc thuyền chông chênh thêm một lần nữa. Những khoảnh khắc Đức Phật đản sinh, Đức Phật thuyết Pháp, Đức Phật nhập Niết-bàn, đấy là những giây phút mà Trái đất này rung động. Trong Kinh nói có một số lần Trái đất bị rung động, trong đó có việc Đức Phật Đản sinh, Đức Phật thuyết Pháp, và Đức Phật nhập Niết-bàn. Vì vậy sự xuất hiện của Ngài là sự xuất hiện vi diệu, là sự xuất hiện có một không hai, không có đồng bạn, không có so sánh, không có tương trợ, không có đối phần, không có người ngang hàng, không có ngang bằng, không có đặt ngang bằng, Ngài là Bậc tối thượng giữa loài hai chân.

Ngài là bậc Vô Thượng Sĩ *(Anuttaro)* nên không bao giờ có trường hợp có hai Đức Phật xuất hiện cùng một lúc. Phải là một Đức Phật trước xuất hiện, khi Giáo Pháp của vị đó vào thời Mạt pháp rồi hết sạch không còn Phật Pháp nữa, rồi vắng đi một thời gian. Do phước duyên của chúng sanh ở kiếp Trái đất đó có tu tập, làm phước… thì mới đến vị Phật khác xuất hiện. Vì vậy không có ai ngang hoặc bằng với Ngài, Ngài có đức hạnh không ai sánh bằng vì vậy ta mới xưng tán Ngài là bậc Vô Thượng Sĩ *(Anuttaro)*.

Trong *Kinh Tương Ưng Bộ (Saṃyutta Nikāya)* có câu Phật ngôn như vầy:

"Như Lai chẳng thấy trên thế gian này, luôn cả Chư Thiên, Ma vương và Phạm Thiên, trong thế hệ này luôn cả đạo sĩ, Bà-la-môn, vua chúa và nhân loại, có chúng sanh nào đức hạnh cao thượng hơn Như Lai".

Trong các vị đại đệ tử của Đức Phật có Thầy Xá-lợi-phất *(Sāriputta)* trí tuệ đệ nhất, Thầy Mục-kiền-liên *(Mahāmoggallāna)* thần thông đệ nhất. Thầy
La-hầu-la *(Rāhula)* ham học đệ nhất, Thầy Phú-lâu-na *(Puṇṇa)* thuyết Pháp đệ nhất, Thầy A-nan *(Ānanda)* đa văn đệ nhất, ... nhưng so với Đức Phật thì tất cả công hạnh không vị nào bằng Ngài

được. Chính vì lí do đó nên không có hai vị Phật xuất hiện cùng một lúc.

Trong cuộc vấn đạo giữa Tỳ-kheo Na Tiên và Đức vua Mi-lan-đà có đoạn Đức vua hỏi Thầy Na Tiên câu hỏi:

Tại sao không có hai Đức Phật xuất hiện một lần?

"– Thưa Đại đức! Trẫm nghe rằng, các Đức Phật giác ngộ những điều giống nhau, thuyết những Pháp giống nhau, giới luật ban hành cũng giống nhau…, có phải thế không ạ?

– Tâu, vâng!

– Một vị Phật xuất hiện ở thế gian như thế, cuộc đời sẽ rất đẹp, hoàn thiện và tươi sáng thêm lên, có phải thế không ạ?

– Tâu, vâng!

– Thế tại sao hai bậc Toàn Giác không xuất hiện một lúc để cùng hỗ trợ cho nhau, tương trợ nhau để xiển dương Chánh Pháp? Nếu vậy thì cuộc đời này sẽ tốt đẹp gấp đôi, hoàn thiện gấp đôi, và xán lạn tươi đẹp cũng gấp đôi! Và như thế thì đạo Phật sẽ huy hoàng, lan tràn trong hoàn vũ, tế độ được gấp bội chúng sanh Trời, người hơn nữa. Xin đại đức chỉ giáo cho điều này?

– Tâu Đại vương! Đức Phật dạy rằng, thế gian này có mười ngàn thế giới. Mười ngàn thế giới ấy chỉ có khả năng nâng đỡ một vị Phật mà thôi. Nói cách khác, mười ngàn thế giới chỉ có thể chịu đựng sự hiện hữu của một vị Phật. Nếu hai vị Phật cùng xuất hiện một lúc thì mười ngàn thế giới này sẽ bị chấn động, bị rung chuyển, bị nghiêng lệch đi, sẽ bị hủy diệt, bị tiêu vong!

Ví như một chiếc thuyền nhỏ chỉ chở được một người, nếu hai người cùng quá giang thì thuyền ấy sẽ không chở nổi, sẽ bị chìm. Chiếc thuyền chính là mười ngàn thế giới, khách quá giang là một vị Phật. Ví dụ này đại vương nên hiểu để tự trả lời và tìm hiểu lý do tại sao cho câu hỏi của mình.

– Thưa, vâng.

– Ví như hai chiếc xe chất hàng hóa với trọng tải vừa đủ để chuẩn bị cho lộ trình xa. Với lý do nào đó, người ta lấy bớt một xe, sớt hàng hóa xe ấy sang xe kia. Đại vương thấy thế nào? Một chiếc xe mà chở nặng một số hàng hóa với trọng tải gấp đôi, thì số phận chiếc xe ấy sẽ như thế nào?

– Bánh xe ấy sẽ gãy hoặc trục xe ấy sẽ vỡ lìa từng đoạn!

– Mười ngàn thế giới này cũng sẽ gãy đổ hoặc vỡ lìa tan nát ra như thế, nếu sức nặng của hai vị Phật đồng ngự đến một lần, tâu Đại vương?

– Trẫm đã hiểu nhờ hai ví dụ ấy.

– Ngoài ra, biết bao điều tai hại do tranh chấp, do chia rẽ, do chấp thủ, do bảo vệ, rằng là "đây là Phật của tôi, kia là Phật của anh"; và thế là phân thành hai nhóm, sẽ tranh đấu với nhau bằng binh khí miệng lưỡi, binh khí đao gậy. Nói tóm là những điều nguy hại cho Giáo Pháp sẽ xảy ra.

– Vâng! Ví như trong triều đình của Trẫm đây, nếu trẫm có hai vị quan cận thần có tài đức và công lao ngang nhau, đều được Trẫm sủng ái. Quan lại trong triều đều phân làm đôi ủng hộ hai vị quan ấy. Chuyện gì sẽ xảy ra? Dĩ nhiên là sẽ có chuyện tranh chấp cãi cọ lôi thôi, sẽ có sự chia rẽ, mất hòa khí khi "Ông quan này của chúng tôi, ông quan kia của các anh!" Thật là khó xử cho Trẫm đấy. Trong triều không thể để cho hai ông quan có tài đức ngang nhau, công lao ngang nhau, quyền lực ngang nhau... như thế nào thì mười ngàn thế giới này cũng không nên tồn tại hai vị Phật, thưa Đại đức!

– Vâng, mong rằng Đại vương đã hiểu. Và có thể có những tế toái, phức nhiễu khác nữa. Ngay chính những hồng ân, danh hiệu, sự tôn xưng của thế gian đối với chư Phật sẽ có cái gì không được ổn cho lắm.

Ví dụ, Đức Phật là bậc tối thượng giữa muôn loài. Chữ tối thượng kia phải xét lại. Tối thượng là chỉ có một người, duy nhất, tại sao ở đây lại có hai người?

Lại ví dụ, Đức Phật là bậc đáng tôn trọng, cao quý nhất trong Tam giới. Dùng chữ cao quý nhất ấy không còn thích đáng nữa.

Cũng thế, chẳng hạn, Đức Phật là bậc tiến hóa đệ nhất giữa chốn chư Thiên và loài người. Chữ "đệ nhất" ấy cũng sẽ không còn dùng được. Ngoài ra, tỉ như, Vô thượng sĩ, Thế Tôn, Thiên nhân sư v.v… đều phải sửa đổi lại.

Còn nữa, tâu Đại vương! Trên đời này, những cái to lớn, vĩ đại thường chỉ có một: quả đất, mặt trời, mặt trăng, biển cả, hư không, núi Tu di, Hy mã lạp sơn… Còn các giống hữu tình lớn như Ma Vương, Đế thích, Đại Phạm Thiên cũng chỉ có một. Tương tợ thế ấy, giữa thế gian chỉ có một đức Chánh Đẳng Giác mới gọi Ngài là vĩ đại, quý báu, tôn quý, cao thượng, vô thượng, tối

thượng v.v… Như thế, trong một thời kỳ nhất định, giữa mười ngàn thế giới này chỉ có một vị Phật Đản sanh, không thể có hai vị được, tâu Đại vương!"

(Trích MI TIÊN VẤN ĐÁP số 147 – Milindapañha - Dịch giả Hòa Thượng Giới Nghiêm)

Sự xuất hiện của Đức Phật thật hiếm gặp và gặp rồi rất có lợi ích vì vậy khi có duyên gặp Tam Bảo rồi, chúng ta phải tận dụng cơ hội này để ứng dụng lời của Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng thì sẽ được lợi ích và bây giờ chúng ta đang có điều đó. Trong **Kinh Tương Ưng V**, Đức Phật dạy rằng:

"Này các Tỳ-kheo, thật khó là được làm người. Thật khó, là được Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thật khó, là Pháp và Luật này do Thế Tôn thuyết giảng, chiếu sáng trên đời".

Một lần Ngài A-nan thưa với Đức Phật: *"Thật may mắn đại hạnh cho con khi được làm đệ tử có Đạo Sư như Thế Tôn"*. Thầy Udāyi nói Thầy A-nan dư lời khen "phò mã tốt áo". Đức Phật dạy: *"Nếu đời này Ānanda không chứng A-la-hán vô sanh thì niềm tin trong tích tắc khi tán thán Thế*

Tôn cũng khiến Ānanda đủ Phước 36 lần làm Đế Thích, Chuyển Luân Vương và vô số lần làm Vua các Quốc độ".

Vào thời Đức Phật Thắng Liên Hoa *(Padumuttarā)* cách đây 100 ngàn đại kiếp, Ngài có dạy cho đạo sĩ Nanda là tiền thân của Thầy Tu-bồ-đề *(Subhūti)*:

"Ngươi hãy tu tiến Buddhānussati (tuỳ niệm Phật), một đề mục tu tập thù thắng hơn các đề mục khác, tu tiến tuỳ niệm Phật sẽ khiến cho tâm được an lạc trong thiên giới suốt 30.000 kiếp, sẽ được làm thiên chủ thọ hưởng thiên sản 80 lần, sẽ được làm Chuyển Luân Vương chúa của nhân loại 1.000 lần và được rất nhiều lần làm Vua Đại quốc. Đây là quả của việc tu tiến niệm Phật và trong vòng luân hồi sanh tử sẽ làm người sung túc tài sản, không thiếu kém tài sản, đây là quả của việc tu tiến niệm Phật..."

(Trích Lời Vàng Bậc Thánh – Sớ giải Trưởng Lão Tăng Kệ - Kệ ngôn của Trưởng lão Subhūti)

Đức Phật Thắng Liên Hoa dạy đạo sĩ Nanda nên hành Pháp Niệm Ân Đức Phật. Với quả thiện lành này thì Ngài được 30 000 đại kiếp sinh ra ở cõi Trời, 1000 kiếp làm Chuyển Luân Vương và

vô số kiếp làm vua các nước nhỏ. Từ thời Đức Phật Thắng Liên Hoa đến thời Đức Phật Thích Ca, đạo sĩ Nanda luôn được sinh vào những dòng dõi cao quý. Đây là công đức của niệm nhớ ân đức và tôn kính Đức Phật.

Có những con người chỉ cần chúng ta nhớ đến là có rất nhiều phước báu, nhưng tâm lí của chúng sanh không như vậy cho nên có một câu thơ thế này:

"Mai sau anh gặp một người

Đẹp hơn người cũ anh thời quên tôi"

Nay Thầy giới thiệu một người đẹp nhất mà quý Đại chúng không nên quên đó chính là Đức Phật. Để mỗi lần nhớ đến Ngài, mọi người được bình an và có phước.

Khi Đức Phật gần nhập diệt, du sĩ Tu-bạt-đà-la *(Subhadda)* đến yết kiến Phật để hỏi về những điều nghi: *"Bạch Ngài, có con đường nào trên không trung? Có người nào được gọi Sa-môn khi ở ngoài Chánh Đạo? Pháp hữu vi có trường tồn?"*. Phật dạy ông những việc ấy không thể có, Ngài giảng bằng bài kệ:

"Hư không, không dấu chân,
Ngoài chánh đạo, không Sa-môn.

Chúng sanh thích hý luận,
Như lai, hý luận trừ.

Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa-môn.
Các hành không thường trú,
Chư Phật không dao động".

(Tích Truyện Pháp Cú - Viên Chiếu, Phẩm XVIII. Cấu uế - Hư Không Có Dấu Chân?)

Như vậy, sự xuất hiện của Tam Bảo là hy hữu khó gặp, đời này chúng ta được gặp, được thân cận học hỏi là một diễm phúc to lớn. Vậy lý do thứ nhất trả lời cho câu: Vì sao nên học Phật Pháp đó là vì ngôi Tam bảo Phật - Pháp - Tăng rất hiếm gặp trong cuộc đời này.

2. Lý do thứ hai: Thời kì này còn sót lại những tinh túy của Giáo Pháp.

Giáo pháp còn lại chính là những vết tích, là những tinh hoa mà Đức Phật dạy cho mình còn sót lại đến ngày hôm nay. Cho nên chúng ta học được bao nhiêu thì học, hiểu được bao nhiêu thì hiểu, thực tập được bao nhiêu thì thực tập, nhớ được bao nhiêu thì nhớ. Ở đời này, nếu mình hữu duyên thì đắc Quả, không thì đắc Thiền, còn không nữa thì là duyên lành cho mình ở đời này cũng như những

kiếp vị lai. Thầy dùng từ *"còn sót lại"* vì Đức Phật đã nhập Niết-bàn cách mình hơn 2.500 năm rồi.

Nếu bây giờ Thầy nói Đại chúng lên mạng tự học Phật Pháp mà không có vị Thầy hướng dẫn, thì lên mạng cả một rừng Kinh, không biết Kinh nào là Kinh gốc của Phật. Nhiều cái hay hay người ta sáng tác ra cũng gọi là Kinh. Quý vị nên nhớ: Kinh phải là do Phật nói, bản thân mình nói không được gọi là Kinh, Thầy nói không được gọi là Kinh, ngay cả chư Tổ nói cũng không được gọi là Kinh, đó là những bộ luận sau này. Càng về sau nếu không có những người tu tập chân chính thì không còn ai biết đâu là Kinh thật, đâu là Kinh giả mà hành trì theo, lại cứ nghĩ là Kinh thật cho nên người xưa có câu:

"Cuộc đời như buổi chợ đông

Có khi vàng đổi cái không phải vàng".

Quý Phật tử nghe thấy có buồn không? Chúng ta đem cả tấm lòng của mình, sự chân thật, sức khỏe, thời gian, đem hết con người của mình để sẵn sàng học. Có nghĩa là đem cả tấm lòng vàng mà ai ngờ đổi được thứ không phải vàng, chỉ là đồ giả, Kinh giả! Đại chúng thấy khủng khiếp chưa? Bởi vì do mình học không có khéo. Rồi từ từ Thầy sẽ hướng dẫn mấy bài Kinh cho quý vị thấy. Điều

bắt buộc thứ nhất khi học Phật Pháp là phải thân cận người lành. Mà người lành là ai? Đó là quý Thầy, quý Sư Cô, đó là những người bạn đạo, là một quyển sách, một bài Kinh hoặc là một Giáo lý nào đó… nhưng đầu tiên phải là người lành.

Sau khi thân cận rồi bắt đầu mình mới đọc, nghe, học rồi mới hiểu và mới có một đời sống tác ý. Suy nghĩ hợp với Phật Pháp, hợp với chân lý rồi từ đó mới có một nếp sống Chánh niệm, tỉnh giác. Nhờ vậy đời sống Tâm linh của mình mới tốt. Quý thiện hữu nhớ giùm Thầy là phải thân cận người lành, phải gần gũi bậc thiện tri thức, đó là công thức đầu tiên.

Cho nên bây giờ mà nói để con tự học là rất khó. Ví dụ có người nói với Thầy: "*Thầy ơi, bây giờ con ráng học Phật Pháp thôi, tuổi con lớn rồi, con cũng không có điều kiện và thời gian nên con tự học*". Thầy nghe thì Thầy mừng nhưng mừng một vế thôi, mừng ở chỗ là tự túc, mình muốn tự do thì phải tự lo. Tức là khi anh muốn bớt phiền não, anh phải tự lo là đúng, nhưng mà phải coi anh đã hiểu tới đâu thì anh mới tự túc được. Ban đầu là chúng ta phải nhờ Thầy nhờ bạn trước. Giống như hôm nay Thầy dạy lớp giáo lý này, từ bữa giờ đến hết khóa, Thầy như đưa cho quý Đại chúng một nền tảng. Khi tất cả có được nền tảng căn bản

rồi, sau này thích thực hành chuyên một pháp môn nào thì quý Đại chúng cứ học riêng với vị Thầy, vị Sư Cô hoặc người bạn đạo để đi sâu vào. Khi Thầy cho một nền tảng căn bản thì quý vị đi tới đâu cũng không bị Tà kiến. Nay mai qua Khóa 2, Thầy sẽ giảng bài **Tà Kiến**, coi chừng tâm chúng ta đang len lỏi dẫn mình đi vào Tà kiến. Học bài đó thì quý vị mới thấy ghê sợ, cái Tà kiến nó khủng khiếp lắm, khi có Tà kiến là Địa ngục đang đợi mình. Có những Tà kiến nghe Pháp xong là hết, có những tà kiến nhẹ nhàng chưa gọi là xương máu, chưa gọi là cốt tủy của mình. Những tà kiến đó mọi người bật đèn (có trí tuệ) là nó hết. Nhưng có những Tà kiến khủng khiếp lắm, chúng ta khó bỏ, bỏ không được.

Lời Đức Phật Thắng Liên Hoa *(Padumuttarā)* dạy cho đạo sĩ Nanda là tiền thân của Thầy Tu-bồ-đề *(Subhūti)*: *"Chỉ trong thời kỳ có Phật Pháp mới có Bát Chánh Đạo, có Bát Chánh Đạo là có Tứ Quả Sa Môn".* ***(Kinh Trường Bộ bài 16)***

Ở đây Thầy xin nhắc lại, Giáo Pháp của Đức Phật là những tinh hoa, những tinh túy còn sót lại. Cho nên đại chúng phải cố gắng học được bao nhiêu thì học, ứng dụng được bao nhiêu thì ứng dụng để lợi ích trong hiện tại. Cho dù đời này

không đắc Thánh hay không lợi ích cho đời này thì sẽ lợi ích và hạnh phúc cho những kiếp tương lai. Đây là lý do nên học Phật Pháp, thưa mọi người!

Thời Đức Phật có trường hợp Vua A-xà-thế *(Ajātasattu)* phạm tội giết Cha là Vua Tần-bà-sa-la *(Bimbisāra)*. Sau khi được Mẫu hậu là bà Vi-đề-hi *(Vaidehī)* kể về tình thương của Vua cha dành cho mình, Vua A-xà-thế cảm thấy rất áy náy, ăn năn và buồn chán. Sau này, khi ông hiểu Phật Pháp rồi, ông biết phạm tội giết Cha quá nặng nên ông nói: *"Bây giờ cái vương quyền này có lợi ích gì khi mà Cha ta không còn nữa?"*. Mà ông lại chính là người giết Cha. Sau đó ông quay lại Phật Pháp và có một chi tiết về vua A-Xà-Thế cảm động lắm. Ông biết đến Phật Pháp lần đầu tiên do sau khi giết Cha, ông buồn quá nên được Lương y Jīvaka (thầy thuốc chữa bệnh cho Đức Phật và chư Tăng) hướng dẫn đi gặp Đức Phật. Thầy Jīvaka nói với ông là: *"Đại Vương hãy vào gặp Đức Phật đi, Đức Phật sẽ chỉ cách để cho Đại Vương vượt qua khó khăn này"*. Lúc đầu ông sợ nhưng Thầy Jīvaka nói không sao, Đức Phật từ bi lắm. Quý Đại chúng biết không, trong lúc Thầy Jīvaka cùng ông đi tới khu vườn xoài, ông nghe im phăng phắc, xung quanh yên tĩnh, không có một tiếng động nào. Do sự yên tĩnh này nên vua A-xà-thế thấy

không được thoải mái, và sự nghi ngờ Thầy Jīvaka sinh lên trong tâm ông: *"Jīvaka nói với ta rằng có 1.250 vị Tỳ-kheo trong vườn xoài nhưng ta không hề nghe thấy tiếng hắt hơi, hắn nói dối ta. Muốn chiếm đoạt ngai vàng nên hắn lừa ta, đưa ta ra khỏi thành, sắp đặt mai phục phía trước và sắp bắt ta".* Thầy thuốc Jīvaka biết được nỗi lo của vua nên trấn an: *"Thưa Đại vương, Ngài chớ sợ. Tôi không phản Ngài, tôi không lường gạt Ngài, tôi không nạp Ngài cho kẻ thù. Thưa Đại Vương, hãy đi thẳng tới".* Quý Phật tử biết đi thêm chút nữa chuyện gì xảy ra không? Ông nhìn thấy một thiền đường lớn với hơn một ngàn vị Tỳ-kheo ngồi bên trong mà không có một tiếng động. Lúc đó vua A-xà-thế mới nói lên câu này: *"Bạch Đức Thế Tôn, nhìn thấy Tăng đoàn của Đức Thế Tôn, con có niềm tin nơi Chánh Pháp của Đức Thế Tôn".*

Mọi người thấy đấy, chỉ là nhìn thấy Đức Phật và quý Thầy ngồi thôi là ông khởi lên lòng tin nơi Tam Bảo. Thầy hay nói vui vui là còn người ta thấy mình thôi là họ hết muốn đi Chùa. Nếu chúng ta thực tập dễ thương, có an lạc, có Chánh niệm thì người ta nhìn mình là họ muốn đi Chùa, muốn tu tập liền. Quý Đại chúng thực tập rải Tâm Từ, có lòng từ, có phước đức, có đạo đức thì tự nhiên người khác nhìn mình sẽ thấy an lạc, thấy thương, cảm mến và kính mình. Qua mình là

một nhịp cầu để đưa họ về Phật Pháp. Cho nên ở nhiều trường hợp Thầy không giảng Pháp được mà quý Phật tử phải giảng. Ví dụ Thầy làm sao ra chợ giảng được, đó là việc của quý vị. Bây giờ mọi người đi đến công ty làm việc, Thầy không thể giảng ở đó được. Nhưng cách quý Phật tử đi, nói, cười, làm... quý vị có Tâm Từ, có Chánh niệm, có đạo đức, đôi lúc quý Phật tử làm cho người ta cảm động.

Có một chị Phật tử hay đi mua dầu để tặng cho những người nghèo, rồi tặng cho những người buổi tối không có nhà phải ở trên vỉa hè. Có một lần chị mua rất nhiều dầu, nhìn khuôn mặt của chị, quý vị biết không? Lạ lắm! Nhìn khuôn mặt chị ấy một cái thôi là giống như chị có tu từ kiếp nào rồi. Hôm đó chị ấy đến mua dầu của chị Phật tử Tâm Phúc Tường. Chị Tâm Phúc Tường cũng đang làm thiện rất nhiều, và nhìn thấy chị này tự nhiên thấy cảm mến luôn. Có nghĩa là chỉ mua đồ thôi mà sao thấy người này dễ thương quá vậy, hiền lành như vậy. Ý Thầy muốn kể chuyện này cho Đại chúng thấy là khi chúng ta tu tập xong tự nhiên người ta nhìn mình là họ cảm thấy dễ thương, dễ mến, toát lên một cái gì đó mà mình gọi là duyên.

Cho nên xin thưa quý thiện hữu! Khi vua A-xà-thế gặp Đức Phật, ông lạy Đức Phật, ông thưa: *"Kính lạy Đức Thế Tôn nhìn thấy Tăng đoàn của Đức Thế Tôn con có niềm tin nơi Giáo Pháp của Đức Thế Tôn".* Sau này khi ông nghe tin Đức Phật nhập Niết-bàn, ông xỉu lên xỉu xuống năm lần. Mọi người nghĩ xem, ông là vua của một nước, quyết định sự sống chết của người dân một nước, thế mà khi nghe tin thì ông xỉu lên xỉu xuống như vậy, quý vị nghĩ coi ông thương Đức Phật cỡ nào. Tuy ông phạm tội giết Cha, và Đức Phật biết ông coi như đã lỡ một chuyến đò rồi, ông không thể đắc được Thánh quả ở kiếp này nhưng Đức Phật đã tạo duyên cho ông làm những duyên lành rất nhiều. Sau này khi Đức Phật nhập Niết-bàn được 3 tháng 4 ngày, Ngài Đại-ca-diếp *(Mahākassapa)* chủ trì Kì Kết Tập Kinh Điển lần thứ nhất và vua A-xà-thế đã hỗ trợ Tăng đoàn trong suốt 7 tháng của Kì Kết Tập Kinh Điển này. Ông hỗ trợ để xây dựng các tháp Xá Lợi... Nói chung ông làm rất nhiều công đức. Vua A-xà-thế sẽ là Đức Phật Độc Giác tương lai.

Thầy đưa ra thêm một ví dụ nữa. Một thời, Đức Thế Tôn trú tại thành Vương Xá *(Rājagaha)*. Sáng hôm ấy Ngài cùng chư Tỳ-kheo đi khất thực ngang qua một nhóm các đứa bé đang chơi ở bãi cát. Có một cậu bé tên là *Jaya*. Khi chơi ở bãi cát

thì cậu bé này xây được một tòa lâu đài, là lâu đài bằng cát thôi nhưng với cậu là cả gia tài. Khi Đức Phật đi ngang qua thì đứa bé lấy nắm cát từ lâu đài đó cúng dường lên Đức Phật. Nếu như mình thì mình nói đó là chuyện trẻ con, nhưng không phải vậy. Đức Phật biết đứa bé này khoảng 200 năm sau sẽ là một vị vua hỗ trợ cho Phật Pháp rất nhiều và dĩ nhiên Phật Pháp sẽ rất nhiều người được lợi ích. Cho nên Đức Phật nói với Thầy A-nan đem nắm cát này về rải lên đường đi Thiền hành và trát lên Tịnh thất của Ngài. Quý Phật tử thấy đứa bé có phước chưa? Chỉ là một nắm cát thôi nhưng là cả tấm lòng của nó, là cái đẹp nhất mà nó cúng. Đứa bé *Jaya* chính là Tiền thân của vua A-Dục *(Asoka)* đó mọi người. Sau này, Vua A-Dục không những đem Giáo Pháp của Đức Phật truyền bá và áp dụng trong đời sống của toàn dân Ấn Độ, mà còn truyền Giáo Pháp của Ngài đến nhiều nước khác bên ngoài Ấn Độ. Sau khi vứt bỏ thanh gươm chinh phạt chém giết đầy tội lỗi, nhà Vua đã quay đầu về Phật Pháp, từ bỏ đời sống của một vị Vua hung tàn, trở thành một trong những vị Vua nổi danh nhất trong lịch sử của nhân loại. Vua A-Dục đã phát tâm đi đảnh lễ tất cả các thánh tích của Phật giáo, đồng thời cho người kiến lập vô số các Bảo Tháp, Tu viện, Chùa chiền, Trụ đá, Bia kí… để hoằng dương chánh Pháp. Lịch sử cho biết

có đến 84 000 ngôi Bảo Tháp được kiến tạo trên toàn lãnh thổ Ấn Độ. Và ông cũng là người bảo trợ cho Kỳ Kết Tập Kinh Điển lần thứ ba tại Ấn Độ.

Quý Phật tử thấy không, có những vị được gặp Đức Phật, được chứng ngộ chân lý và đắc Thánh nhưng có những vị không chứng ngộ thì là duyên lành cho mai sau. Vì vậy thời Đức Phật, khi Ngài đã gặp người nào thì một là người đó đắc Thánh, hai là duyên để đời sau, đời sau nữa, và có khi là hôm nay gặp để hôm nào đó đắc bởi vì không có hôm nay thì không có duyên để ngày sau đắc. Có những trường hợp Đức Phật biết ba năm nữa mới đắc nhưng phải có ngày hôm nay.

Và đây là một trong những lí do khi Ngài thành đạo dưới cội Bồ đề tại Bồ Đề Đạo Tràng *(Bodhgaya)*, sau đó hai tháng, Ngài thuyết **Bài Pháp đầu tiên –**

Kinh Chuyển Pháp Luân *(Dhammacakkappavattana Sutta)* trong Khu rừng phóng sinh nai *(Lộc Uyển – Isipatana)* ở Sarnath, Varanasi. Quý Phật tử biết từ Bồ Đề Đạo Tràng đi đến Vườn Nai khoảng 250 km, với thần thông của Ngài chỉ trong tích tắc là Ngài có mặt tại Vườn Nai. Nhưng Ngài không dùng thần thông, Ngài đi bộ vì Ngài biết rằng trên đoạn đường đi Ngài sẽ

gặp một vị du sĩ và đúng như vậy. Vị du sĩ ngoại đạo này tên *Upaka*, ông thấy Đức Phật đẹp quá nên hỏi Phật là ai. Đại ý Phật trả lời Ngài là **Người Chiến Thắng**. Và ông du sĩ Upaka gọi Phật là bạn của ông. Sau khi nói chuyện xong thì ông đi, ông không có giác ngộ gì cả. Nhưng trong Tâm niệm của ông, ông có một người bạn và người bạn đó tên là Người Chiến Thắng.

Sau đó ông thực tập khổ hạnh, hằng ngày ông đi khất thực thức ăn trong làng. Có một gia chủ thường hay cúng dường đồ ăn cho ông. Hôm đó hai ông bà đi vắng mới dặn người con gái: *"Con ơi! Con ở nhà khi vị du sĩ đó đến, con nhớ cúng dường vào bát cho vị đó".* Sau khi ông bà đi, vị du sĩ đó đến khất thực thì cô con gái ra cúng dường. Người con gái xinh đẹp tên Cāpā. Ông thấy cô này giống như đã có cái duyên xưa làm sao, ông cảm thấy thương mến cô Cāpā này. Sau khi nhận bát cơm đó về xong, ông thương nhớ cô gái nên ông không tu tập được. Lúc này vị tu sĩ tu theo ngoại đạo thôi chứ không phải tu theo Đức Phật.

Một tuần sau khi ông bà về mới hỏi con gái: *"Con ơi! Bữa giờ có cúng dường cho vị du sĩ đó không?"*. Cô gái trả lời: *"Dạ con cúng dường có một lần, bữa giờ không thấy vị ấy đến nữa"*. Thế

là ông bà này mới đi vào rừng, quý Phật tử biết chuyện gì không? Cái bát cơm thì thiu mất. Vị du sĩ Upaka ngồi buồn, ông nói: *"Bây giờ ông bà có giúp tôi không, ông bà phải gả con gái cho tôi, không là tôi chết"*. Nghe giống như ông thương cô này quá nên ông bố mới nói: *"Con gái tôi là tiểu thư, còn ngài là du sĩ không có nghề nghiệp gì hết, bây giờ lấy con gái tôi về thì sao lo cho con tôi được"*. Vị du sĩ mới nói là ông có nghề chặt củi đốt than. Và cuối cùng du sĩ Upaka và cô gái Cāpā cũng nên duyên vợ chồng. Ông làm nghề đốn củi, đốt than nuôi sống cả nhà nên mặt mày rất nhem nhuốc. Khoảng thời gian sau, người vợ sinh được một người con gái. Ở nhà cô vợ mới ru con thế này:

"Ầu ơ... ru con, con ngủ cho ngoan
Cha con ẩn sĩ lượm thịt săn giữa rừng
Ầu ơ... ẩn sĩ rớt bát nửa chừng
Vì con, vì vợ còng lưng tháng ngày!"

Nghe được, Upaka tức giận nói: *"Này nàng Cāpā! Nàng nói ta "ẩn sĩ lượm thịt săn, ẩn sĩ rớt bát!" Nàng chế nhạo ta vừa vừa thôi chứ! Ta không có cúi đầu, còng lưng mãi ở trong cái ngôi nhà này đâu! Nói cho nàng biết, chẳng phải ta là kẻ tứ cố vô thân không nơi nương tựa đâu. Ta có*

một người bạn. Bạn của ta là "Bậc Chiến Thắng Bất Diệt". Ta sẽ đến ở với bạn của ta!"

Sau đó ông giận và bỏ đi tìm Đức Phật. Sớm hôm ấy, tại Kỳ Viên Tịnh xá *(Jetavana)*, chư Tăng ai cũng lấy làm ngạc nhiên, tò mò khi thấy một người thợ săn, râu ria xồm xoàm, bước ào vào cổng hỏi vị này, vị kia, cũng chỉ một câu hỏi: *"Bậc chiến thắng bất diệt, bạn của ta, giờ ở đâu?"*. Hay tin, Đức Phật mỉm cười, bảo Tỳ-kheo thị giả: *"Hãy bảo người ấy vào gặp Như Lai!"*. Sau khi gặp Phật xong, ông xuất gia và đắc quả Thánh. Thầy kể tóm tắt như vậy nhưng đại ý Thầy muốn nói là lúc đầu gặp Phật thì ông này không đắc, nhưng Đức Phật biết phải nhờ cơ duyên này mới có những duyên lành kế tiếp.

Thầy đưa ra thêm câu chuyện về duyên lành của Voi Nāḷāgiri. Sau khi Đề-bà-đạt-đa *(Devadatta)* nhiều lần hại Phật không được nên ông kết hợp Vua A-xà-thế *(Ajātasattu)* cùng bày mưu kế cho một con voi say gọi là hung tượng Nāḷāgiri *(Đồi Lau)* hại Phật. Hôm đó Đề-bà-đạt-đa ra lệnh cho người quản tượng chuốc say con voi bằng 16 hũ rượu để nó mê loạn Tâm trí. Sáng hôm ấy, Đức Phật cùng chư Tỳ-kheo đang ngự vào thành Vương-xá *(Rājagaha)*, Thầy A-nan đi trước Đức Phật, khi thấy con voi chạy đến nhưng

Thầy A-nan không né ra vì sợ Đức Phật gặp nguy hiểm, bây giờ con voi có ủi thì ủi chết Thầy chứ Thầy không để cho nó làm hại Đức Phật. Đức Phật nói: *"Này Ānanda! Con né ra một bên!".* Nhưng Thầy A-nan không né, Thầy không muốn cãi lời Đức Phật nhưng vì Thầy thương Phật quá. Đức Phật lại nói lần thứ hai, lần thứ ba: *"Này Ānanda, con hãy lui ra!"* nhưng Thầy A-nan vẫn không lui. Lúc này Đức Phật đã dùng thần thông làm Thầy A-nan đứng sau Ngài trong khi con Voi kia vẫn đang hung hăng lao đến. Với lòng từ của Đức Phật, Tâm Từ bi của Ngài thể hiện qua ánh mắt, Ngài nói: *"Này Nāḷāgiri, ta là Thầy của Trời người, con là Chúa tể của các loài Voi, người ta đã cho con uống 16 hũ rượu để con mê loạn Tâm trí mà hại Như Lai – Con là Phật sẽ thành. Hãy đến đây với Như Lai".* Voi Nāḷāgiri hung ác nghe giọng phạm âm ngọt ngào trìu mến của Đức Phật, liền mở mắt, ngẩng đầu nhìn thẳng thấy kim thân Đức Phật tỏa ra ánh từ bi, thì lập tức cơn say điên cuồng tan biến mất, tâm thức tỉnh. Do nhờ oai lực tâm từ của Đức Phật, voi Nāḷāgiri hạ vòi xuống, ngoan ngoãn đi lần đến, quỳ một cách cung kính dưới đôi bàn chân của Đức Phật. Từ đó về sau, voi Nāḷāgiri trở thành voi hiền lành dễ mến cho đến trọn đời của nó. Đức Phật nói: *"Con là Phật sẽ thành"* nghĩa là voi Nāḷāgiri tương lai

sẽ thành Phật Chánh Đẳng Giác. Quý Phật tử thấy đó, chú voi đã có duyên lành được gặp Đức Phật ở kiếp này dưới thân súc sanh nhưng ở kiếp vị lai, Voi Nāḷāgiri sẽ đắc Đạo, đắc Quả và trở thành Phật Chánh Đẳng Giác.

Sau hàng loạt những âm mưu sát hại Đức Phật và chia rẽ Tăng đoàn, Đề-bà-đạt-đa *(Devadatta)* bị mọi người khinh bỉ, chửi rủa, bỏ rơi, sống trong lo âu triền miên và bệnh tật đau đớn. Ý thức được rằng, mạng căn đã hết, phút giây thọ tử đã gần kề, Devadatta khởi tâm muốn quay về sám hối với Đức Phật do những tội lỗi đã gây tạo. Ông muốn trở về sám hối với Đức Phật nhưng không đi nổi nên đành nhờ người cáng đi. Khi về đến Kỳ Viên Tịnh xá, dẫu sức lực cùng kiệt, nhưng Devadatta muốn tự mình xuống cáng để sám hối với Đức Phật nhưng không nổi. Niệm cuối cùng trong đời của ông là Quy y Phật. Sau khi chết, Devadatta rơi ngay vào Địa ngục Vô gián *(Avīci)*. Sau hàng vạn đại kiếp thọ khổ trong Địa ngục, Devadatta sẽ trở thành một vị Phật Độc Giác, hiệu là *Atthissara*. Như vậy, mặc dù tạo trọng tội dường như không thể rửa sạch, thế nhưng do thiện niệm hồi tâm sám hối và quy hướng Tam Bảo lúc lìa đời mà Devadatta đọa lạc ngắn hơn.

Thưa quý Phật tử, hôm nay mình được học những tinh túy còn sót lại đó, chúng ta học được bao nhiêu thì cố gắng học, học được bao nhiêu hành trì bấy nhiêu, được một chút đó cũng là lợi ích cho mình ở hiện tại, và cũng là duyên lành cho mình ở những kiếp tương lai. Vì Phật Pháp chính là dấu vết còn sót lại của Đức Thế Tôn.

"Phật tại thế thời ngã trầm luân
Kim đắc nhân thân Phật diệt độ
Áo não thử thân đa nghiệp chướng
Bất kiến Như Lai kim sắc thân.
Thuở Phật ở đời con chìm đắm
Nay được thân người Phật diệt độ
Buồn thay thân này nhiều nghiệp chướng
Không thấy thân vàng Đức Như Lai"

Giáo lý là một phần, là mảnh nhỏ của cái gọi là tinh hoa tuệ giác của một vị Chánh Đẳng Giác mà hàng triệu ức tỷ kiếp mới có một vị Phật ra đời. Nay ta có phước duyên mang được thân người, lại nhằm lúc Giáo Pháp vẫn còn đó. Chúng ta có tâm đắc với pháp môn nào đi nữa, có hành trì với pháp môn nào đi nữa, nhưng với Giáo lý còn lại nên trau dồi được bao nhiêu hay bấy nhiêu. Vì sao vậy? Vì cứ biết thêm một vấn đề Giáo lý là mình gỡ rối được một số vấn đề của bản thân, bớt được một cái vô minh, bớt được một cái u mê... thì nó

giải quyết được nhiều vấn đề lắm. Bởi vì chúng ta là những con bệnh mà! Những con người mang nhiều căn bệnh trầm kha.

3. Lý do thứ ba: Thân người khó được, Phật Pháp khó nghe.

Trước giờ mọi người hay nghe câu: *"Thân người khó được"*, câu này là ở trong Kinh Hiền Ngu *(Bālapaṇḍitasuttaṃ)* thuộc Trung Bộ Kinh và trong Kinh Tương Ưng cũng có câu này. Thầy đọc chi tiết cho quý Phật tử nghe:

Đức Phật dạy: "Được làm người khó như một con rùa chột mắt, cứ mỗi trăm năm mới ngóc đầu lên khỏi mặt biển một lần, và tìm cách chui đầu vào lỗ nhỏ của một khúc gỗ trôi lềnh bềnh trên mặt nước, bị gió Đông, gió Tây, gió Nam, gió Bắc thổi trôi dạt hết phương này đến phương khác". Cũng vậy ở đời, một người không có Pháp hành, Chánh hành, Thiện nghiệp, phước nghiệp, một khi đã rơi vào đọa xứ muốn làm người trở lại sẽ khó thể được như con rùa chột mắt đó muốn chui qua được lỗ nhỏ của khúc gỗ như thế.

(Trích Kinh Tương Ưng V, 485)

Thầy nói đại ý là có một con rùa mù, thời gian 100 năm mới ngoi lên mặt biển một lần, không gian là biển cả. Ví dụ Thầy nói có một lu

nước thôi, 5 - 10 phút nó chồi lên còn khó rồi. Nó vừa mù, biển cả mênh mông mà thời gian thì 100 năm mới trồi lên một lần. Đại chúng nghĩ xem, đừng nói là 100 năm, chỉ một phút trồi lên một lần đã khó rồi trong không gian biển cả rộng lớn như vậy. Ý Thầy nói là sự kinh khủng khiếp của việc khó làm thân người là như vậy.

Nghe tới đây nhiều vị sẽ hỏi: *"Thân người khó được vậy tại sao dân số thế giới càng ngày càng tăng?"* Với con mắt phàm phu của mình, được làm thân người, ở kiếp người nên mình thấy vậy thôi. Quý Phật tử thử so sánh với chúng sanh ở ngoài biển thì nhiều vô kể. Nhà mình 10 - 20 người thì thấy đông chứ ra sau vườn có biết bao nhiêu chúng sanh ở ngoài đó. Con kiến, con mối, con gián... nó đông hơn mình biết bao nhiêu. Một số chúng sanh có phước mới được quay lại cõi Người. Quý vị đừng nói là cõi Người nhiều, khi mình có phước, mình đang sống trong phước thì không thấy. Cho nên hôm nay mình được làm người, Đức Phật nói còn khó hơn con rùa mù nữa. Quý Phật tử nghe chính xác trong Kinh. Đó là Kinh Hiền Ngu thuộc Kinh Trung Bộ và trong Kinh Tương Ưng V. Ở đây, Đức Phật lấy một ví dụ khác nữa trong Kinh Tương Ưng Bộ, phần Đầu Ngón Tay:

"...Trú ở Sāvatthi.

Rồi Thế Tôn lấy một ít đất trên đầu móng tay và nói với các Tỳ-kheo:

Này các Tỳ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Cái gì nhiều hơn, chút đất này Ta lấy trên đầu móng tay, hay quả đất lớn này?

Cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là quả đất lớn này và ít hơn là chút đất mà Thế Tôn lấy trên đầu móng tay. Không thể đi đến ước tính, không thể đi đến so sánh, không thể đi đến một vi phần, khi so sánh quả đất lớn với chút đất mà Thế Tôn lấy trên đầu móng tay.

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, rất ít là chúng sanh được tái sanh làm người! Còn rất nhiều là những chúng sanh phải tái sanh ra ngoài loài Người!

Do vậy, này các Tỳ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ sống không phóng dật".

Như vậy, này các Tỳ-kheo, các Ông cần phải học tập".

(Trích Kinh Tương Ưng Bộ II - Chương 9 - Phần Đầu Ngón Tay)

Đức Phật dạy chúng sanh được tái sinh làm người ít như đất ở trên đầu móng tay. Những chúng sanh đoạ vào cảnh giới xấu nhiều như đất ngoài Trái đất vậy. Cho nên thấy được những điều này, chúng ta mới thấy hôm nay mình được làm người là cái gì đó phần phước quá rồi. Khổ nỗi khi được làm người mà không biết Phật Pháp, mình đem thân sinh tử này tiếp tục đầu tư cho một kiếp sinh tử khác. Quý Phật tử coi có phải không? Tức là mình đem thân sinh tử này, lời nói hành động của mình để đầu tư cho một cái thân sinh tử khác. Kiếp người của mình nó bi thảm vậy đó mọi người. Đầu tư cho một cái thân sinh tử khác nhưng chắc gì cái thân sinh tử đó đã lại được làm người. Nếu không có Phật Pháp, chúng ta có thể đầu tư cho một thân sinh tử ở Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Tỉ lệ đó nó cao hơn tỉ lệ quay lại làm người hoặc làm chư Thiên. Nên Thầy hay nói vui vui: *"Ngày nào còn đầu tư, ngày đó còn đầu thai"*. Trong "thân sinh tử" chúng ta lại đi tìm "nhân sinh tử", cứ thế mà trầm luân. Vòng luân hồi là đi lên, đi xuống, đi tới, đi lui. Bây giờ mình tu tập ngoài khái niệm đó, ta phải có một khái niệm nữa đó là **đi ra**.

Trong Kinh Tăng Chi, chương 6 pháp, phẩm Lợi Ích có đề cập đến Sáu sự kiện khó tìm gặp ở đời:

"Này các Tỳ-kheo, sự xuất hiện của sáu sự kiện khó tìm được ở đời. Thế nào là sáu?

Sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác khó tìm được ở đời; sự xuất hiện của người thuyết giảng Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết khó tìm được ở đời; sự tái sanh trong Thánh xứ khó tìm được ở đời; không khiếm khuyết các căn khó tìm ở đời; không si mê, không câm ngọng khó tìm ở đời; ước muốn thiện pháp khó tìm được ở đời.

Này các Tỳ-kheo, sự xuất hiện của sáu sự kiện khó tìm được ở đời".

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương 6 pháp - Phẩm X. Lợi Ích)

Trong Kinh Tương Ưng V, Đức Phật dạy rằng:

"Thật khó được vậy, này các Tỳ-kheo, là được làm người. Thật khó được vậy, này các Tỳ-kheo, là được Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thật khó được vậy, này các Tỳ-kheo, là Pháp và Luật này do Thế Tôn thuyết giảng, chiếu sáng trên đời".

Làm người khó, học Phật lại càng khó hơn. Vì sao? Vì chân lý của vũ trụ xưa nay như vậy, dù

có bày ngay trước mắt nhưng với bản chất phàm phu của chúng ta, chỉ là con rùa mù trăm năm trồi đầu một lần, để kiếm lấy bọng cây nổi trôi dạt trên biển, sao có thể hiểu rõ vạn Pháp mà không nhờ Thầy chỉ dạy. Chỉ có Đức Phật Chánh Đẳng Giác và Đức Phật Độc Giác mới tự mình giác ngộ không Thầy chỉ dạy, còn các bậc Thanh Văn đệ tử, các Ngài cũng phải nhờ lắng nghe chánh Pháp, học hỏi và thực hành mới chứng đắc được Thánh quả, huống gì là phàm phu chúng ta!

Xin thưa tất cả! Thầy đọc cho Đại chúng một bài Kinh, Đức Phật có nói về: **Tám kiếp sống bất hạnh nhất trong vòng sanh tử luân hồi *(Saṃsāra).***

Trong (*Kinh Thập Thượng (Dasuttara Sutta) thuộc Trường Bộ Kinh (Dīghanikāya) và Chú giải Tăng Chi Bộ Kinh (Aṅguttaranikāya Aṭṭhakaṭhā))* ghi rõ tám kiếp sống thật vô cùng bất hạnh hay không may mắn vào lúc Đức Phật Toàn Giác xuất hiện trên thế gian này. Bất hạnh vì khi có Đức Phật xuất hiện thì những chúng sanh đó không được đang làm người để gặp Phật hay nghe, học được Giáo Pháp của Đức Phật. Tám kiếp sống bất hạnh đó là:

1) Kiếp sống liên tục đau khổ và đày đọa trong Địa ngục, không làm được điều gì công đức vì đang liên tục chịu những cực hình đau đớn.

2) Kiếp sống Súc sanh, luôn luôn sợ hãi và không làm được điều gì công đức, vì không có tri giác để biết được điều gì tốt, xấu.

3) Kiếp sống Ngạ quỷ *(Peta)* hay 'hồn ma', không thực hiện được điều gì công đức, vì luôn luôn chịu đau khổ vì đói và khát liên tục của kiếp quỷ đói.

4) Kiếp sống của chúng sanh vô thức *(asanna-satta)* ở cõi Trời Phạm Thiên và không làm được việc gì công đức hoặc có thể nghe được giáo Pháp *(Dhamma)*, vì không còn thức hay tri giác, ngoài sắc thân.

5) Kiếp sống của một Trời Phạm Thiên ở cõi Vô Sắc giới và không thể gặp được Đức Phật hay nghe được Giáo Pháp của Đức Phật, bởi vì những chúng sanh này không có các căn như mắt, tai, mũi, lưỡi và thân.

6) Kiếp sống ở những vùng xa xôi hẻo lánh không tiếp cận được Tăng Đoàn hay bất cứ một đệ tử nào của Đức Phật để được nghe giáo Pháp và vì thế cũng không thực hiện được việc công đức nào.

7) Kiếp sống của người luôn dính chấp vào Tà Kiến (cách nhìn hay quan điểm sai lầm, lạc lối). Đây có thể gọi là một kiếp sống bất hạnh nhất trong 8 kiếp sống bất hạnh đang nói. Vì sao? Vì những người này đang sống ngay giữa trung tâm thế gian này thậm chí ngay giữa "Miền Phật Giáo" (kể cả những xứ Miền Trung Bắc Ấn Độ vào thời có Đức Phật tại thế đi thuyết giảng), nhưng vì dính chấp vào Tà kiến mà cũng không được nghe Giáo Pháp (Dhamma) hay làm được những việc công đức ngay lúc Đức Phật truyền dạy khắp đất nước.

8) Kiếp sống của những con người tật nguyền, hay những Thiên thần, quỷ thần dị dạng trong cõi trời Tứ Đại Thiên Vương *(Catumahārājikā devā)*, đó là những chúng sinh mang Thức tái sinh không có căn thiện, vì vậy họ không thể nào hiểu được hay thực hành Giáo Pháp Đức Phật, ngay cả khi họ đang sống giữa "Miền Phật Giáo" và không hề bị dính chấp vào Tà Kiến sai lạc. Chỉ đơn giản là trong Thức tái sinh của họ không có gốc rễ hay căn hướng thiện.

Cho nên được làm thân người có đầy đủ thiện duyên để học Phật Pháp là một điều rất đáng trân trọng. Sau khi quý Phật tử cùng Thầy đọc qua các bài Kinh rồi, bây giờ có được thân người mong tất

cả hãy trân trọng từng phút đó là phần phước, là cõi lành để cố gắng học Pháp.

4. Lý do thứ tư: Vì Đức Phật cũng tôn trọng Pháp, cũng lấy Pháp làm ngọn cờ.

Đức Phật đã thành tựu vĩ đại như vậy mà Ngài cũng tôn trọng, tôn kính Pháp, lấy Pháp làm ngọn cờ, lấy Pháp làm điểm tựa, nhờ Pháp mà thành đạo thì huống chi là chúng ta. Giáo Pháp đưa Ngài đến Phật quả, Phật trí. Để Thầy kể Đại chúng nghe: Sau khi Đức Phật thành đạo, Ngài bắt đầu xem xét có chúng sanh nào hơn Ngài để Ngài tôn kính và đảnh lễ không. Xin thưa quý Phật tử, Ngài không tìm ra được người nào trong Tam giới, trong cuộc đời này hơn Ngài cả. Sau đó, Ngài mới tìm xem có những ai bằng Ngài thì Ngài cũng không tìm ra có ai là người bằng Ngài. Vì vậy Đức Phật mới quán xét ba đời chư Phật mười phương thì các Ngài nương vào đâu? Tựa vào đâu? Thầy xin mời quý Phật tử nghe trong Kinh Đức Phật dạy thế này:

"Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đúng Pháp, vị Pháp vương, y cứ Pháp, tôn kính Pháp, kính trọng Pháp, tôn trọng Pháp, lấy Pháp làm tràng phan, lấy Pháp làm ngọn cờ, lấy Pháp làm tăng thượng, sắp đặt một sự phòng hộ, bảo vệ, chế ngự đúng pháp giữa các hàng Tỳ-kheo".

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương 5 pháp, XIV. Phẩm vua/133)

Không một ai hay điều gì có thể hơn Đức Phật về tất cả công đức, từ bi, trí tuệ và công hạnh của Ngài cả vậy mà Ngài vẫn hướng về Pháp, sống theo Pháp huống chi là mình. Đức Phật dạy về **Bốn Hạng Người hiện hữu ở đời**:

1/ Bốn hạng người này, này các Tỳ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- Kính trọng phẫn nộ, không kính trọng Diệu Pháp.

- Kính trọng gièm pha, không kính trọng Diệu Pháp.

- Kính trọng lợi dưỡng, không kính trọng Diệu Pháp.

- Kính trọng cung kính, không kính trọng Diệu Pháp.

Bốn hạng người này, này các Tỳ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

2/ Bốn hạng người này, này các Tỳ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- Kính trọng Diệu Pháp, không kính trọng phẫn nộ.

- Kính trọng Diệu Pháp, không kính trọng gièm pha.

- Kính trọng Diệu Pháp, không kính trọng lợi dưỡng.

- Kính trọng Diệu Pháp, không kính trọng cung kính.

Bốn hạng người này, này các Tỳ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương IV Pháp - Phẩm Rohitassa - Phần Phẫn nộ)

Quý Phật tử nhớ giùm Thầy, mình phải đi trong vòng luân hồi này, nó đắng cay, mỏi mệt và mịt mù phía trước lắm. Nếu không có Pháp để nương thì chúng ta khổ khủng khiếp. Cho nên Thầy dặn như vầy, thương ai thì quý vị cứ thương, nhưng hãy nhớ rằng mình là chủ nhân của nghiệp. Vì vậy lo cố gắng làm phước, chưa có chứng đắc được quả Thánh thì trong luân hồi mà mình có phước một chút cho đỡ khổ.

Ở đây, Đức Phật và chư Phật ba đời đều lấy Pháp làm ngọn cờ, đó là lí do ta nên học Phật Pháp. Khi nghe câu chuyện này Đại chúng mới thấy cảm động: Có những lúc Ngài Xá-lợi-phất *(Sāriputta)* có trí tuệ đệ nhất mà ngồi nghe chú Sadi thuyết Pháp. Ở đây Ngài nghe những bài

Pháp do Đức Phật đã dạy, chú Sadi chưa đủ trình độ để dạy cho Ngài Xá-lợi-phất mà đây là vì chú Sadi đang nói Pháp. Thứ nhất là Đức Phật còn tôn trọng Pháp huống chi là các bậc Thánh. Thứ hai là khi chú Sadi nói Pháp, Thầy Xá-lợi-phất đã được học qua những điều đó rồi nhưng giống như một lần nữa Ngài được sống lại trong Pháp. Điều này đặc biệt lắm, cả Đức Phật cũng vậy. Một lần Đức Phật ngự tại Trúc Lâm Tịnh xá *(Veḷuvana)* bị bệnh nặng khổ thân hành hạ, Đức Phật truyền Ngài MahāCunda tụng **Bảy pháp giác chi**. Sau khi Ngài trưởng lão tụng Bảy Pháp Giác Chi mà Đức Phật đã thuyết giảng, Đức Phật phát sinh duy tác tâm vô cùng hoan hỷ trong Bảy Pháp Giác Chi ấy và khỏi bệnh ngay lập tức và không còn tái phát nữa *(Kinh Tương Ưng Bộ)*.

Đây là một câu chuyện cảm động nữa: Một đêm nọ, Thầy Nanda ngồi thuyết Pháp tại giảng đường từ đầu hôm cho đến sáng trọn đêm suốt 3 canh. Hôm đó Thầy thuyết bài Pháp hơi dài, khi Đức Phật tới thì Thầy Nanda với đại chúng không biết. Mà trong Kinh diễn tả dễ thương lắm, Đức Phật tới mà Ngài đứng ở ngoài. Ngài im lặng cứ để cho Thầy thuyết, sau khi Thầy thuyết xong Đức Phật tằng hắng một tiếng thì lúc này Thầy Nanda mới biết Đức Phật đang đứng ở ngoài. Thầy mới ra đảnh lễ Đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, Ngài ngự đến đây từ khi nào? Bạch Ngài.

- Này Nanda! Như Lai ngự đến đứng nơi đây từ khi con bắt đầu thuyết Pháp.

- Kính bạch Đức Thế Tôn, Ngài là Đức Phật tối thượng đã làm điều thật khó làm.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này Nanda! Nếu con có thể thuyết pháp suốt kiếp thì Như Lai cũng đứng nghe Chánh Pháp suốt kiếp được.

Nghĩa là khi các Thầy đang thuyết Pháp, Đức Phật sẽ đứng nghe dù bài Pháp có dài, và sau đó Phật dạy: ***"Này các Tỳ-kheo, khi các người hội họp lại thường có hai việc phải làm: một là đàm luận về Phật Pháp, hai là giữ im lặng của bậc Thánh".*** Tức là gặp nhau có nói thì nói trong chánh Pháp, còn sự im lặng ở đây là hành Thiền. Đại ý là như vậy, sau khi Đức Phật dạy Thầy Nanda xong thì Đức Phật đã dạy câu này.

Khi Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, Ngài có lời nhắn nhủ với các đệ tử như sau:

"Này Ānanda, sau khi Ta diệt độ, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình y tựa chính mình, không y tựa một cái gì khác, dùng

Chánh Pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh Pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một Pháp gì khác…"

(Trích Kinh Đại Bát Niết Bàn - Kinh Trường Bộ)

Chư Thánh Tăng Trưởng Lão dù thông tuệ vẫn siêng năng học Pháp. Quý thiện hữu biết Thầy A-nan *(Ānanda)* rồi, Thầy là Bậc Đa Văn đệ nhất trong hàng đệ tử của Đức Phật nhưng Thầy vẫn tinh cần học và thâm nhập Giáo Pháp cho đến cuối đời. Thầy La-hầu-la *(Rāhula)* mọi người nhớ không? Thầy là bậc tối thắng trong hạnh ưa thích học tập, luôn siêng năng học Pháp. Mỗi sáng Thầy dậy thật sớm, bốc lên tay một nắm cát tung lên không trung rồi phát nguyện rằng: *"Ngày hôm nay sẽ học được nhiều lời dạy của các Thầy như bao nhiêu cát đây"*. Thầy Xá-lợi-phất *(Sāriputta)* trí tuệ có thể đếm được từng hạt mưa trên Trái đất trong suốt một kiếp Trái đất này mà vẫn phải học Pháp. Khủng khiếp chưa quý Phật tử? Chúng ta nghe vậy thì hỏi làm sao đếm được hạt mưa hả Thầy? Mình đừng lấy tâm phàm phu của mình so sánh với trí tuệ của bậc Thánh. Vậy mà quý Thầy vẫn học, vẫn tôn trọng Pháp. Ngay cả Đức Phật và các bậc Thánh cũng lấy Pháp làm ngọn cờ, làm

Tràng phan và cũng là điểm tựa của các Ngài. Đó là câu trả lời vì sao chúng ta nên học Phật Pháp.

5. Lý do thứ năm: Có học mới hiểu, mới hành đúng

Vì sao ta nên học Phật Pháp? Vì có học Pháp thì mới hiểu Pháp, mà hiểu đúng rồi thì mới hành đúng được thưa Phật tử. Tổ Khánh Anh có nói thế này:

"Tu mà không học là tu mù

Học mà không tu là cái đãy đựng sách".

Tổ dạy như vậy đó, bây giờ mình bàn với nhau một chút. Ai gặp Thầy mà nói: *"Thầy ơi con thích tu thôi con không có học"*. Thầy nghe mà trong lòng mừng, nhưng chỉ mừng một vế thôi, mừng vế là ham học thôi. Mà Thầy sực nhớ lại: *"Ủa rồi tu làm sao? Tu là phải có Pháp để tu mà không học thì tu làm sao?"*. Cái đó gọi là tu đại, tu mù. Quý Phật tử thấy có một người đi ngoài đường vì không thấy đường nên dễ bị lọt ổ gà. Vậy nếu tu đại thì mọi người nghĩ chuyện gì xảy ra? Việc không hiểu Pháp giống như Đức Phật dạy trong Kinh Trung Bộ, bài Kinh Ví Dụ Con Rắn:

"...Chư Tỳ-kheo, ở đây có một số người ngu si học Pháp, như Kinh, Ứng tụng, Giải thuyết, Kệ

tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bổn sanh, Vị tằng hữu Pháp, Phương quảng. Sau khi học các Pháp này, họ không quán sát ý nghĩa những Pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy, vì ý nghĩa không được trí tuệ quán sát, nên không trở thành rõ ràng. Họ học các Pháp chỉ vì lợi ích, muốn chỉ trích người khác, chỉ vì lợi ích, muốn khoái khẩu biện luận, và họ không đạt được mục tiêu mà sự học Pháp hướng đến. Những Pháp ấy vì nắm giữ sai lạc nên đưa họ đến bất hạnh, đau khổ lâu dài. Vì sao vậy? Này các Tỳ-kheo, vì nắm giữ sai lạc các Pháp.

Chư Tỳ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước, đi khắp chỗ để tìm rắn nước. Người đó thấy một con rắn nước lớn, và người đó bắt con rắn ấy ở lưng hay ở đuôi. Con rắn ấy có thể quay lại cắn người đó nơi tay, nơi cánh tay hay ở một phần nào khác của cơ thể, và người đó có thể do nhân này mà bị chết hay bị đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỳ-kheo, vì nắm bắt con rắn một cách sai lạc. Cũng vậy này các Tỳ-kheo, ở đây, một số người ngu si học Pháp... Chư Tỳ-kheo, vì sự chấp thủ các Pháp sai lạc.

Ở đây, này các Tỳ-kheo, một số Thiện nam tử học Pháp… Sau khi học các Pháp này, họ quán

sát ý nghĩa những Pháp ấy với trí tuệ. Những Pháp ấy, vì ý nghĩa được trí tuệ quán sát, nên trở thành rõ ràng. Họ học Pháp không vì lợi ích, muốn chỉ trích người khác, không vì lợi ích, muốn khoái khẩu biện luận, và họ đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những Pháp ấy, vì khéo nắm giữ, nên đưa họ đến hạnh phúc, an lạc lâu dài. Vì sao vậy? Này các Tỳ-kheo, vì khéo nắm giữ các Pháp.

Chư Tỳ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước đi khắp chỗ để tìm rắn nước. Người đó thấy một con rắn nước lớn. Người đó có thể khéo đè con rắn nước với cây gậy có nạng. Sau khi khéo đè với cây gậy có nạng, người đó có thể khéo nắm giữ cổ rắn. Chư Tỳ-kheo, dầu cho con rắn nước ấy có thể cuốn thân nó xung quanh tay, hay cánh tay, hay một thân phần nào khác, người đó cũng không vì nhân duyên ấy đi đến chỗ chết hay đến sự đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỳ-kheo, vì khéo nắm giữ con rắn nước vậy.

Cũng vậy, chư Tỳ-kheo, ở đây, một số Thiện nam tử học Pháp... chư Tỳ-kheo, vì khéo nắm giữ các Pháp vậy. Do vậy, này các Tỳ-kheo, hãy hiểu rõ ý nghĩa lời Ta thuyết giảng và thọ trì như vậy. Nếu có ai không hiểu rõ ý nghĩa lời Ta thuyết

giảng thì ở nơi đây, các Ông hãy hỏi Ta hay hỏi những bậc Tỳ-kheo trí thức".

(Trích Kinh Trung Bộ số 22 - Kinh Ví Dụ Con Rắn (Alagaddūpama sutta))

Khi chúng ta đi bắt rắn, chắc mọi người hiểu để mình bắt rắn mà nó không cắn thì nên bắt sao? Mình bắt ngay cái đầu của nó thì nó không cắn mình, nhưng nếu quý Phật tử bắt ngay cái đuôi của nó là nó quay lại cắn mình. Học Phật Pháp cũng vậy. Đó là trong Kinh Đức Phật nói, học Phật Pháp mà Đại chúng không biết cách tiếp nhận Phật Pháp thì chuyện gì sẽ xảy ra? Đôi lúc chúng ta hiểu sai lời Phật dạy. Vì vậy có một lần Đức Phật thuyết về **Quán Bất Tịnh**. Có một số Tỳ-kheo Quán bất tịnh xong, các vị thấy thân này bất tịnh quá nên tự tử chết hết luôn mấy trăm vị. Thật ra Quán bất tịnh để thấy thân mình bất tịnh nên không chấp vào cái thân này, nhưng vì hiểu sai, các vị ấy thấy cái thân bất tịnh quá nên thôi chết luôn, bỏ thân luôn.

Cho nên Thầy thưa Đại chúng ở điểm này. Thầy vô cùng kính mong tất cả thực tập, thực hành nhưng mà trước nhất như hôm trước Thầy có nói đó là mọi người nhớ: Văn - Tư - Tu. Khi quý Phật tử không hiểu Pháp Học thì sao có Pháp Hành và Pháp Thành được. Bây giờ chúng ta muốn có tư

duy, trí tuệ để tu tập, nhớ giùm Thầy là phải có trí văn. Trí văn tức là nghe học. Chúng ta đang học lớp giáo lý này là có Trí văn. Những hiểu biết của quý vị, trí tuệ do nghe, do học, do đọc mà có thì cái đó gọi là Trí văn. Bây giờ mình muốn tư duy, mình muốn tu nhưng vốn Phật pháp ít quá thì làm sao Đại chúng tư duy đúng được? Ví dụ người ta nói chai dầu này là Vô thường, quý Phật tử phải hiểu ít nhiều về chai dầu này, thì quý vị mới biết Vô thường như thế nào được. Khi đã thấm vô thường rồi thì chúng ta thấy một chiếc lá rơi cũng thấy được sự Vô thường:

"Cảm ơn chiếc lá lìa cành

Cho ta thấy được mong manh cuộc đời".

Đại chúng đã hiểu cuộc đời này là Vô thường, chai dầu này cũng như chiếc lá vậy đó, mình nhìn cái gì cũng ra Phật Pháp hết. Nhưng bây giờ trong đầu mọi người không có Phật Pháp thì làm sao mà nhìn ra được, sao mọi người tư duy được, đúng không? Rồi làm cách nào mọi người ứng dụng tu tập được? Cho nên là mình phải học, Thầy nói ít nhất là phải học Giáo lý căn bản giùm Thầy.

Ví dụ mình muốn tu Pháp Niệm Ân Đức Phật, thì mình phải biết Phật là ai, Niệm Ân đức là gì? Nếu chưa biết Phật là ai, mình đang nghĩ Phật là người có Thần thông biến hóa, hay đến giúp những người nghèo khó, ai ăn hiếp mình thì Phật sẽ bảo vệ. Nếu nghĩ như vậy thì sao niệm Phật được? Quý Phật tử thấy nguy hiểm chưa? Cho nên nhớ giùm Thầy, chúng ta phải học Phật Pháp để hiểu Giáo lý cho đúng, hiểu căn bản rồi từ đó mình mới hành đúng được. Trong Kinh Trường Bộ, Kinh Đại Duyên, Đức Phật dạy:

"Này Ānanda, chính vì không giác ngộ, không thâm hiểu Giáo Pháp này mà chúng sanh hiện tại bị rối loạn như một ổ kén, rối ren như một ống chỉ, giống như cỏ munja và lau sậy babbaja không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử".

(Trích Kinh Trường Bộ I - Kinh Đại Duyên)

Khi có Văn tuệ, Tư tuệ, Tu tuệ chúng ta sẽ hiểu được vì đâu mà có mình ngồi ở đây. Dù chưa hiểu rõ nhưng cũng biết do Thiện nghiệp nào đó trổ quả nên mình mới ngồi ở đây, và do một ác nghiệp nào đó nên mình đang gặp phải chuyện gì đó. Xin thưa đại chúng, Phật Pháp dễ học hay khó học? Bây giờ Thầy nói là Phật Pháp khó học lắm là quý Phật tử không dám học, nhưng nói học dễ

ợt là người ta tu đã đắc đạo quả hết rồi. Cho nên chỗ đó là quý vị phải học Tuần tự Pháp. Có khi Đức Phật giảng về bố thí, có khi Ngài giảng về phước đức sinh cõi chư Thiên, có khi Ngài giảng về Trì giới, có khi Ngài giảng về quả lành, sự nguy hiểm của năm dục và cũng có khi Ngài giảng về quả Thánh, tu tập đắc Thánh. Cho nên tu tập có từng cấp bậc nha quý Phật tử, vấn đề ở đây là căn cơ người đó đến đâu. Chúng ta có học giáo lý mới biết: *"Đường nào đi đến Niết-bàn. Đường nào dẫn đến thế gian tội tình"*. Có học thì chúng ta mới biết đâu là Thiện và Bất Thiện. Và thiện cũng có nhiều cấp độ (thiện Dục giới, thiện Sắc giới, thiện Thiền, thiện Vô Lậu) và Bất Thiện cũng vậy.

Vị nào sơ cơ vào đây mà Thầy nói: *"Ráng tu đi con, buông hết đi con, tu tập để đắc đi con"*. Thầy nói vậy là ba bữa sau vị đó có gặp Thầy là né Thầy luôn đó mọi người. Cho nên trong lớp giáo lý của mình có nhiều câu hỏi nhưng Thầy không muốn trả lời là vậy. Vì nếu Thầy trả lời là quý Phật tử bị rối, Thầy để đại chúng học từng bậc từng bậc. Những bài ở khóa cuối là những bài tinh túy của Phật Pháp. Từ từ chúng ta học và hiểu Phật Pháp, rồi ứng dụng vào đời sống sẽ thấy rất thiết thực và gần gũi. Dĩ nhiên càng học càng đi sâu sẽ có những giáo lý khó và mình cũng biết rồi, cái gì

cũng có giá của nó. Phía sau ánh hào quang là bao nhiêu nước mắt hy sinh.

Đức Phật cho đến hôm nay Ngài đã cho những gì khó cho, Ngài làm những điều khó làm, Ngài tu những điều khó tu nên Ngài đắc những gì khó đắc. Ngài cho những gì khó cho vì thân của Ngài mà Ngài vẫn sẵn sàng cho. Ví dụ người ta có chửi Ngài, có giết Ngài thì Đức Phật cũng không nói lại một câu ác khẩu với họ. Ngài làm những điều khó làm, bao nhiêu khó khăn Ngài vẫn làm. Ngài tu những gì khó tu, còn mình thì kiếm gì dễ dễ mình tu. Đây là câu trả lời thứ năm cho câu hỏi "Vì sao nên học Phật Pháp?"

6. Lý do thứ sáu: Học Phật Pháp để thâm nhập chân lý, phát sanh trí tuệ, làm lợi ích cho chúng sanh

Câu trả lời này rất dài và ý rất rộng. Chúng ta học Phật Pháp, thứ nhất là để có trí tuệ, được an lạc, hiểu về Thân tâm của mình. Thứ hai, học Phật Pháp để làm lợi ích cho chúng sanh, mình muốn giúp ai thì cũng phải biết mới giúp được. Ví dụ người ta nói: *"Tâm em hay giận thì em tu làm sao?"* Vậy mình phải biết người hay giận thì tu phương pháp nào, đó là hướng dẫn cho họ Niệm rải tâm từ. Có người hỏi*: "Chị ơi em hay sợ quá em hay bất an, hồi hộp, sợ hãi thì em tu pháp*

nào?" Vậy quý vị chỉ cho người đó tu pháp Niệm Ân Đức Phật. Chẳng hạn tâm người này hay nhảy lung tung thì mình hướng dẫn họ pháp Niệm Ân Đức Phật, hay theo dõi hơi thở. Đó là lợi ích cho mình, lợi ích cho người. Học Phật Pháp để chúng ta hiểu về sự vận hành của thân tâm mình, để chúng ta có trí tuệ, có an lạc. Những câu trả lời này rất lớn và rộng, đại ý học Phật pháp là mình có rất nhiều lợi lạc.

Đầu tiên Thầy nói về trí tuệ trước. Học Phật Pháp để có trí tuệ, Đức Phật dạy có Bốn pháp đưa đến trí tuệ tăng trưởng. Trong Kinh Tăng Chi, chương 4 Pháp, Trí Tuệ Tăng Trưởng:

"Bốn Pháp này, này các Tỳ-kheo, đưa đến trí tuệ tăng trưởng. Thế nào là bốn?

Thân cận bậc Chân nhân, nghe diệu pháp, như lý tác ý, thực hành Pháp tùy Pháp.

Bốn Pháp này, này các Tỳ-kheo, đưa đến trí tuệ tăng trưởng.

Bốn Pháp này, này các Tỳ-kheo, giúp ích nhiều cho vị sanh ra làm người. Thế nào là bốn?

Thân cận bậc Chân nhân, nghe Diệu Pháp, như lý tác ý, thực hành Pháp tùy Pháp.

Bốn Pháp này, này các Tỳ-kheo, giúp ích nhiều cho vị sanh ra làm người".

(Trích Kinh Tăng Chi – Chương IV Pháp – Phẩm XXV – Trí Tuệ Tăng Trưởng)

Ngoài những điều Thầy hay nói là Văn-Tư-Tu thì ở đây, Đức Phật dạy có Bốn pháp đưa đến trí tuệ tăng trưởng: Đầu tiên là phải thân cận bậc thiện tri thức, bậc chân nhân.

"Hương các loài hoa thơm

Không bay ngược chiều gió

Nhưng hương người đức hạnh

Ngược gió khắp tung bay

Chỉ có bậc chân nhân

Tỏa khắp mọi phương trời"

(Kinh Pháp Cú - Phẩm Hoa)

Trước tiên quý thiện hữu phải gần Thầy lành bạn tốt. Thứ hai là lắng nghe Diệu Pháp. Thứ ba là như lý tác ý. "Như lý tác ý" nghĩa là khi nghe Pháp mình hiểu, rồi mới suy tư, những điều của mình làm đúng là thiện, đúng với chân lý đó là như lý tác ý. Thứ tư là thực hành Pháp, tùy Pháp.

Nghĩa là quý Phật tử thực hành những lời dạy của Phật, sống với Pháp.

Học Phật Pháp để hiểu mình, hiểu về sự vận hành của thân tâm mình. Ở đây Thầy gợi ý, chỗ này bắt đầu nó hơi khó, quý Phật tử chịu khó học một chút. Chúng ta học Phật Pháp mới biết thân này cấu tạo từ đâu, rồi tâm chúng ta cấu tạo từ đâu. Tâm mình gồm những tâm nào. Thân mình có sắc nào, bao nhiêu loại sắc, bao nhiêu loại tâm mà mình mới có mặt ở đây. Quý vị có học mới biết hành tướng của tâm thiện, tâm bất thiện. Chúng ta thuộc căn tánh nào để tu tập đề mục nào.

Thưa quý Phật tử, Ngài Thiền Sư Ajahn Chah có câu nói thế này: *"Cuốn sách đáng đọc nhất đó là Tâm của chính mình"*. Thật vậy, cuốn sách tâm là cuốn sách khó đọc nhất, đọc hoài không hết. Biết như vậy nên chúng ta quay về mà giở từng trang Kinh để mình học, để từ từ mình hiểu tâm mình ra sao. Quý vị có học Giáo lý thì mới biết mình từ đâu đến và chết sẽ đi về đâu, điều gì là quan trọng nhất trong đời sống của chúng ta.

Hôm rồi có vị Phật tử hỏi Thầy: *"Thưa Thầy! Phật Pháp học bao giờ mới hết?"* Thầy mới trả lời là Phật Pháp lạ lắm, cũng một bài Kinh đó, ví

dụ bài Kinh một ngàn chữ, nhưng một trăm người họ sẽ hiểu một trăm mức độ khác nhau. Lạ vậy đó Đại chúng! Tùy vào kiến thức, Trí văn của quý Phật tử tới đâu, tùy vào công đức Ba-la-mật của quý vị tới đâu mà hiểu biết về Phật Pháp tới đó. Có rất nhiều duyên để mọi người hiểu khác nhau, nhưng các vị chứng quả Thánh thì có những cái hiểu giống nhau. Ngày nào mình chưa làm Thánh, còn ở phàm phu thì mình hiểu đủ kiểu. Ví dụ là một người họa sĩ thì quý vị nhìn mây, nhìn gió… nhìn gì nó cũng ra tranh vẽ. Cũng vậy, ai mà có tâm hồn ăn uống thì nhìn lên mây cũng thấy đây là con gà, đây là con heo, con này là con vịt,… nó cũng là món ăn của mình, là cái đĩa mồi của mình. Mình có tâm hồn thơ ca thì khi nhìn hoa, ngắm mây… cũng thấy các vần thơ. Nên học Phật Pháp là vậy đó, cùng là bài Kinh đó mà trí tuệ, công phu, Ba-la-mật của mình tới đâu mà hiểu những bài Kinh đó khác nhau.

Nên Thầy thưa với Đại chúng, Kinh thì có từng đó thôi, dĩ nhiên rất là nhiều, nhưng để hiểu cho hết bài Kinh, trọn vẹn hết ý Phật là gần như không có. Chỉ có Đức Phật mới hiểu hết ý của Ngài thôi. Còn phàm phu mình tùy theo trình độ mà hiểu bài Kinh đó. Phật Pháp là vậy. Cho nên,

ai học Phật Pháp mà tu tập rồi đi vào con đường nội tâm của mình. Thầy có đọc được câu thơ thế này:

"Con nhìn vào trang kinh
Rồi nhìn lại chính mình.

Con thấy bao lầm lỗi

Của nhiều kiếp Vô minh".

Cho nên Đại chúng có học mới thấy mình sai, còn không học mình tưởng nó đúng là vậy đó. Tất cả xem có phải không? Trước giờ mình thấy người ta thành công, mình khó chịu, mình tưởng chuyện đó là chuyện bình thường thôi. Bây giờ quý vị học rồi mới biết đó là tâm đố kỵ âm thầm. Lâu nay chúng ta cảm thấy tự mãn, mình có một gia đình hạnh phúc, có một người chồng, một người vợ thương mình, có những đứa con ngoan, có nhà để ở, có cuộc sống kinh tế ổn định, Ba Mẹ còn mạnh khỏe, con cái học hành đàng hoàng... Thầy chỉ nói chừng đó thôi, đó là một gia đình gương mẫu của một kiếp người rồi đúng không? Nhưng học Phật Pháp rồi đại chúng mới thấy, những hạnh phúc đó, thứ nhất là phước quá khứ trổ, là *"ăn mày dĩ vãng"*. Thứ hai mới khủng khiếp! Chắc gì chồng mình, con mình, Cha Mẹ của mình ngày mai sẽ như vậy nữa. Đó là một cái lo thường trực, mà rõ

ràng là vậy thôi! Ba thương mình không có nghĩa là sẽ không có một ngày Ba mình mất. Dĩ nhiên là Ba sẽ mất, nhưng không bao giờ mình nghĩ đến. Quý Phật tử thấy kinh khủng khiếp không? Rồi ngày đó đến bất ngờ nếu chúng ta không có tu tập, quý vị sẽ sốc lắm.

Thầy kể cho mọi người nghe câu chuyện vui thế này: Có một bà cụ để dành tiền mua vé số, sau đó bà trúng cả trăm triệu đô. Mà bây giờ con cái nghèo quá, không dám nói cho bà biết là bà trúng số vì sợ bà bị sốc, bà chết. Cho nên họ mới mời bác sĩ tâm lý trị liệu đến nói làm sao mà bà chấp nhận là bà có số tiền đó mà bà không bị sốc. Đầu tiên ông hỏi bà nếu có một nghìn đô thì bà làm gì? Bà bảo tôi mua cái này, mua cái kia! Bác sĩ hỏi tiếp vậy mười ngàn đô thì bà làm gì? Bà nói bà mua những cái lớn hơn. Vậy bà có một triệu đô thì bà làm gì? Bà nói tôi mua nhà, mua xe, mua biệt thự, mua kim cương... Ông cứ hỏi vậy hoài. Một lúc sau ông hỏi nếu bây giờ bà có một trăm triệu đô bà làm gì? Lúc này bà chịu hết nổi rồi, bà quá bực rồi, ông lải nhải hoài nên bà mới nói: *"Tôi mà có trăm triệu đô, tôi cho ông năm chục triệu đô!"* Quý Phật tử biết chuyện gì không? Nghe bà nói xong câu đó ông bác sĩ ngã ra chết mất tiêu luôn. Vì lâu nay đi làm bác sĩ tâm lý ông đâu có nghĩ rằng mình được cho năm chục triệu đô đâu nên

ông bị sốc. Ông đi trị liệu cho người ta ai ngờ ông chết trước.

Ý Thầy muốn nói ở đây là học Phật Pháp có những điều về Phật Pháp thôi mà Đại chúng thấy mình bị sốc rồi đó. Rồi trong đời thường của quý Phật tử, có nhiều cái mình nghĩ không có. Như chúng ta đang sống trong một gia đình hạnh phúc, nhưng hôm trước Thầy có nói: **Hành Khổ**, rồi hạnh phúc đó nó phải Vô thường, vô ngã rồi phải đổi thay. Gặp những điều này trong trạng thái không có tu thì mọi người hồi hộp lắm, còn luân hồi là còn hồi hộp. Ba Mẹ mình đang còn bên mình đó, rồi Ba Mẹ cũng sẽ đi. Con mình đó, nó ngoan vậy đó, chưa chắc đâu bữa nào nó bất hiếu rồi nó quậy phá. Hoặc một hôm nào con mình bị cái gì đó, không nói trước được điều gì đâu.

Đại chúng thấy không, nếu chúng ta không tu tập để chuyển tâm đón nhận thì mình sống trong bốn bức tường của khổ đau. Bây giờ biết Phật Pháp, thay vì cứ lo cho người này người nọ, lo việc nọ việc kia, quý Phật tử cứ lo nhưng phải lo về thiện ác của họ, lo về tội và phước của họ, giúp cho người đó có phước. Giả dụ một ngày nào đó Ba hoặc Mẹ mình đi thì Ba Mẹ cũng có phước cầm tay để đi. Chứ bây giờ các vị cứ lo kiểu con có hiếu rồi nấu món này món kia cho họ ăn. Thầy tán

thán việc đó nhưng cái đó chỉ là lo trong giai đoạn ngắn này thôi, còn vòng luân hồi phía trước thì sao? Cho nên, Thầy thưa quý vị là có những điều khi học Phật Pháp rồi mình mới thấy.

Chúng ta học Phật Pháp để giúp cho Chánh Pháp được trường tồn. Trong Kinh Tăng Chi, Kinh Diệu Pháp Hỗn Loạn, Đức Phật dạy:

"...Năm Pháp này, này các Tỳ-kheo, đưa đến Diệu Pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo cẩn trọng nghe Pháp; cẩn trọng học thuộc lòng pháp; cẩn trọng thọ trì Pháp; cẩn trọng quan sát ý nghĩa các pháp được thọ trì; cẩn trọng thực hành Pháp và tùy Pháp sau khi hiểu ý nghĩa và hiểu Pháp.

Năm Pháp này, này các Tỳ-kheo, đưa đến Diệu Pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất".

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương Năm Pháp - Phẩm Diệu Pháp – Kinh 154: Diệu Pháp Hỗn Loạn)

Thật vậy, khi quý Phật tử học Pháp, thực hành đúng theo Giáo Pháp sẽ góp phần giúp Chánh Pháp tồn tại lâu dài trên thế gian.

Quý vị học Phật Pháp để có chánh tín và làm tăng trưởng lòng tin. Trong bài Kinh Kālāma thuộc Tăng Chi Bộ Kinh, Đức Phật đã dạy:

"Đừng nên tin bất cứ điều gì chỉ vì điều ấy từng được nghe nói đến. Đừng nên tin bất cứ điều gì chỉ vì điều ấy được quảng bá rộng rãi, do truyền thống để lại, được Kinh điển truyền tụng, do một vị giáo chủ nói ra, do suy đoán, suy luận, chỉ vì mình thấy điều đó có lý, chỉ vì điều đó phù hợp với thành kiến, quan điểm nhận thức của mình, do thầy mình nói ra. Nhưng chỉ khi nào tự mình biết rằng những điều đó là không đúng, không chính đáng, những điều đó bị người hiền trí phê phán, và khi chấp nhận, khi thực hành sẽ đưa đến tai hại và khổ đau thì các ngươi hãy từ bỏ những điều đó. Khi nào chính các người biết rằng những điều đó là chân chính, những điều đó không bị chê trách, những điều đó được người hiền trí khen ngợi, những điều đó khi được chấp nhận và thực hành sẽ dẫn đến an lạc hạnh phúc, thì các người phải nỗ lực thực hành".

(Trích Kinh Tăng Chi - Kinh Kālāma)

Nội dung Kinh nói lên tinh thần giác ngộ của đạo Phật. Chúng ta muốn giác ngộ thì phải có trí tuệ, mà trí tuệ là thành quả của sự nghe học *(Văn)*,

suy nghĩ *(Tư)* và thực nghiệm *(Tu)*. Vì nếu nghe lầm và tin mê thì rất có hại. Chúng ta phải biết từ bỏ những điều bất thiện gây ra đau khổ cho mình và người khác. Ngược lại, chúng ta chấp nhận và thực hành những điều thiện sẽ mang đến hạnh phúc và an vui cho mình và người.

Quý Phật tử học Phật Pháp để làm tăng trưởng lòng tin. Trong Kinh Tăng Chi, bài Kinh Sự Kiện, Đức Phật dạy về Ba sự kiện được biết là một người có lòng tin:

"Do ba sự kiện, này các Tỳ-kheo, một người được biết là có lòng tin. Thế nào là ba?

Ưa thấy người có Giới hạnh; ưa nghe diệu pháp; với tâm ly cấu uế của xan tham, sống trong nhà, bố thí rộng rãi với bàn tay sạch sẽ, ưa thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, thích phân phát vật bố thí. Do ba sự kiện này, này các Tỳ-kheo, một người được biết là có lòng tin.

Thích thấy người Giới hạnh
Muốn được nghe Diệu Pháp
Nhiếp phục uế xan tham
Vị ấy gọi có tin"

(Trích Kinh Tăng Chi – Chương Ba Pháp – Phẩm V – Tiểu Phẩm – Kinh Sự Kiện).

Bây giờ Thầy tóm tắt lại nội dung câu trả lời thứ sáu này cho Đại chúng để chúng ta qua nội dung cuối cùng.

- Học Phật Pháp để có trí tuệ.

- Học Phật Pháp để hiểu được chân lý.

- Học Phật Pháp để hiểu chính mình.

- Học Phật Pháp có thể giúp cho Chánh Pháp trường tồn.

- Học Phật Pháp để có chánh tín, tăng trưởng lòng tin.

- Học Phật Pháp để mình tu tập cho sâu sắc.

- Học Phật Pháp để giúp chúng sanh.

Ở ý cuối, học Phật Pháp để giúp chúng sanh. Thầy muốn tất cả hiểu giùm Thầy thế này. Mình đừng bao giờ nghĩ là điều đó hay thì giữ cho riêng mình. Cuộc đời này nó lạ vậy đó. Muốn người ta tốt với mình thì ngay lúc đó tâm mình phải tốt trước đã. Thứ hai là quý Phật tử cứ lo cho cuộc sống của người khác trước đã đi, một ý nghĩa kiếp người gọi là mãn nguyện là khi bữa nào mà quý vị biết mình sắp đi, quý vị nghĩ đến những tháng ngày vừa rồi, mình sống có giúp đỡ cho người này người kia. Như Thầy nói, mình giúp cho họ biết

Phật Pháp mới là rốt ráo. Chúng ta có thể cho họ bữa cơm, cho họ quần áo... quý Phật tử cứ giúp nhưng phải cho họ Phật Pháp. Vì vậy mỗi khi Thầy đi từ thiện thì Thầy đều thuyết Pháp. Ngoài tặng quà, mỳ gói, gạo đường… Thầy còn cho họ một thời Pháp thoại và đôi khi Thầy hướng dẫn Quy y Tam bảo để họ kết duyên lành với Phật Pháp. Để cho cuộc đời người khác đi lên thì mình giúp người vào an trú trong Pháp.

Trong Kinh Đức Phật có dạy, khi thương người là phải giúp họ an trú vào trong Pháp, trong Tăng hoặc là trong Thiện nghiệp. Ở đây Thầy gợi ý cho Đại chúng thế này: khi mình làm được cái gì, dĩ nhiên mình phải cố gắng thực tập để mình được an lạc rồi nhưng luôn luôn nghĩ là mình chia sẻ điều tốt ấy đến người khác. Khi Thầy đọc được bản Kinh phù hợp với đề tài bài giảng là Thầy nhớ lại để bữa nào giảng đến Phật tử cho đúng. Khi Thầy đọc được bài thơ nào hay hoặc câu chuyện hay là Thầy ráng nhớ để kể lại cho quý Phật tử nghe, để làm gì? Để có khi nào Thầy kể cho quý vị nghe những câu chuyện đó, biết đâu trong lúc Thầy kể có thể có vị nào đó sẽ giác ngộ qua câu chuyện này.

Cho nên trong lớp Giáo lý này, Thầy biết mọi người nghe Thầy giảng từ 46 tỉnh thành. Sẽ có

những người Thầy không gặp ngoài đời đâu, mà nghĩ đến quý vị học Pháp, nghe Pháp thì Thầy vui lắm. Khi kết thúc khóa học, không học lớp giáo lý này nữa, Thầy biết có khi cả đời cũng không gặp quý Phật tử đang học ở trong Zoom này nữa. Nhưng khi nghĩ về việc quý vị chịu học Pháp, Thầy cho tạm mọi người cái gì đó mà cuộc sống của quý Phật tử tốt lên là Thầy thấy vui rồi.

Quan trọng là Thầy muốn gợi ý cho chúng ta: sống là phải nghĩ cho cái lớn hơn. Đức Phật cũng vậy. Tại sao Ngài tu thành Phật? Vì lợi ích cho số đông, vì lợi ích cho thân quyến và Ngài muốn làm lợi ích cho chúng sanh, đắc được quả vị Phật để có Pháp dạy cho chúng sanh. Nghĩa là Ngài luôn nghĩ đến cái lớn hơn và rộng hơn. Quý Phật tử nhớ giùm Thầy, đối với các bậc vĩ nhân, các vị Đại nhân, các bậc Thánh: thứ nhất là rộng hơn, thứ hai là lớn hơn, to hơn. Điều gì cao lớn hơn là trong lòng của các Ngài. Cho nên nếu mình nhỏ bé thì tương xứng với những cái nhỏ bé, mây tầng nào gặp mây tầng đó, đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu, ngưu tầm ngưu mã tầm mã. Ông bà ta nói: Nồi nào úp vung nấy, mình có phước lớn thì sinh ra đứa con có phước. Mình là người đạo đức, là người trí tuệ, là người phước đức thì dễ gặp người vợ hay người chồng như vậy. Bây giờ mình qua nội dung cuối cùng.

7. Lý do thứ bảy: Đây là thời điểm thích hợp để hành trì.

Xin thưa quý Phật tử, câu trả lời cuối cùng cho câu hỏi: Vì sao nên học Phật Pháp đó là vì thời điểm này là thời điểm thích hợp để mình tu học. Tại sao Thầy lại nói ý này thưa đại chúng? Đây là một ý ở trong Kinh và bài kinh này Đức Phật dạy về Năm thời tranh thủ tu tập, thời để tinh cần:

"1/ Thời tuổi trẻ (Daharo hoti)

2/ Thời khoẻ mạnh, ít bệnh (Appābādho hoti)

3/ Thời tạm no đủ, dễ kiếm sống (Subhikkhaṁ hoti)

4/ Thời con người sống trong hoà bình, không chiến tranh loạn lạc (Manussā samaggā viharanti)

5/ Sống trong thời Tăng chúng hoà hợp, có Phật Pháp để tuyên dương (Saṇgho samaggo viharati)

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương Năm Pháp - Sợ hãi trong tương lai)

Phật dạy có năm thời điểm thích hợp cho mình học Pháp, tu học. Thứ nhất là khoảng thời

gian tuổi mình còn trẻ. Cái này thì trong lớp có một số vị hơi già đúng không? Không sao!

"Bảy mươi chưa phải là già,

Bảy mươi chỉ mới mặn mà chút thôi.

Tám mươi chưa phải là già,

Tám mươi chỉ mới tuổi hoa cuộc đời".

Cho nên vị nào lỡ có già cũng đừng buồn! Đức Phật nói thời điểm thích hợp thứ nhất là tuổi còn trẻ. Tại sao? Vì tuổi trẻ minh mẫn, tinh tấn, năng lượng còn nhiều. Có một bài Kinh, Đức Phật nói về những trở ngại của tuổi già khi vào đạo. Tuổi già khi vào đạo có những chướng ngại về thân thể và đầu óc. Thân thể tiếp nhận chậm hơn, và rồi những oai nghi nhiều khi ở đời thành thói quen nên khi vào đạo khó bỏ. Trong Kinh Tăng Chi, chương Năm Pháp, bài Kinh Khó tìm được, Đức Phật dạy tuổi già có năm chướng ngại:

"(59) Khó Tìm Được (1)

1. Này các Tỳ-kheo, thật khó tìm được một người xuất gia lớn tuổi lại thành tựu năm Pháp này. Thế nào là năm?

2. Thật khó tìm được, này các Tỳ-kheo, một người xuất gia lớn tuổi lại tế nhị; thật khó tìm được một người có uy nghi tốt đẹp; thật khó tìm

được một người nghe nhiều; thật khó tìm được một người thuyết Pháp; thật khó tìm được một người trì luật.

Này các Tỳ-kheo, thật khó tìm được một người xuất gia lớn tuổi lại thành tựu năm Pháp này.

(60) Khó Tìm Được (2)

1. Này các Tỳ-kheo, thật khó tìm được một người xuất gia lớn tuổi lại thành tựu năm Pháp này. Thế nào là năm?

2. Thật khó tìm được, này các Tỳ-kheo, một người xuất gia lớn tuổi lại khéo nói; thật khó tìm được một người có khả năng nắm giữ cái gì khéo nắm giữ; thật khó tìm được một người có cử chỉ tốt đẹp; thật khó tìm được một người thuyết Pháp; thật khó tìm được một người trì luật.

Này các Tỳ-kheo, thật khó tìm được một người xuất gia lớn tuổi lại thành tựu năm Pháp này".

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương Năm Pháp - Phẩm 59, 60 - Khó tìm được)

Thời Đức Phật có hai vợ chồng giàu có nhưng không chí thú làm ăn, họ dính vào rượu chè nên cuối đời phải đi ăn xin. Đức Phật dạy nếu còn

trẻ, hai người chịu làm ăn sẽ trở thành người giàu số một. Nếu trung niên, hai vợ chồng biết làm ăn thì trở thành phú hộ giàu số hai. Ở tuổi lão niên chịu làm ăn thì thành người giàu số ba. Đức Phật dạy tiếp, cũng hai vợ chồng này, nếu trẻ biết tu tập, người chồng chứng quả A-la-hán, người vợ chứng quả A-na-hàm. Tuổi trung niên chịu tu, chồng là A-na-hàm, vợ là Tư-đà-hàm. Nếu ở tuổi già biết tu, chồng chứng Tư-đà-hàm, vợ chứng Tu-đà-hoàn. Nhưng đến cuối đời do rượu chè, không chịu tu tập, hai vợ chồng trong đạo không chứng quả nào, ngoài đời thì trắng tay, trở thành người ăn xin.

Thời điểm thích hợp để tu tập thứ hai là khoảng thời gian này mình còn khỏe mạnh, ít bệnh. Thầy dùng từ *"ít bệnh"* chứ không dám nói là không bệnh. Quý Phật tử thấy may mắn chưa? Nếu bị bệnh thì quý vị có ngồi học ở đây được không? Khó lắm! Hoặc là mình bị bệnh nào mà đau nhức là khó ngồi lắm.

Thời điểm thứ ba là trong khoảng thời gian cuộc sống tạm gọi là no đủ. Mọi người thấy chữ *"tạm"* rõ ràng không? Tạm gọi là no đủ thôi. Phước mình đâu có nói được. Phước trổ thì như vậy, nhưng nghiệp bất thiện trổ cũng khó nói lắm. Trong thời điểm này tuổi mình còn trẻ, còn ít

bệnh, cuộc sống tạm gọi là no đủ, mưu sinh, cơm áo, gạo, tiền gọi là dễ kiếm chứ không đến nỗi quá đói.

Thời điểm thứ tư là chúng ta đang sống trong thời kỳ hòa bình không có chiến tranh. Thời này mà có chiến tranh liệu quý Phật tử có học được không? Không được đâu. Quý vị thấy một số nước bây giờ trên thế giới đang loạn lạc, bất ổn vậy hỏi làm sao ngồi yên mà mình tu học được.

Thời điểm thứ năm thích hợp cho việc tu đó là vì chúng ta đang còn sống trong thời kỳ Tăng chúng còn hòa hợp, có Phật Pháp để tuyên dương. Đây là một câu chuyện buồn mà nó phải có theo quy luật nha mọi người! Tăng chúng còn hòa hợp nghĩa là sao? Khi Đức Phật còn tại thế cũng đã có những chuyện manh, mất đoàn kết xảy ra rồi. Càng ngày càng về sau, từ từ sẽ có những chuyện mà trong Tăng chúng không hoà hợp. Quý Phật tử không học Phật Pháp mới đặt câu hỏi thế này: *"Ủa đi tu mà quý Thầy cũng không hòa hợp hả?"* Khi mình hiểu rồi mình mới thấy như thế này. Chư Tăng là đệ tử của Phật, là đoàn thể tu tập theo giáo Pháp của Đức Phật. Xin thưa quý Phật tử! Mình mà có cơ hội lễ lạy, tôn kính, cúng dường chư Tăng mà trong đó có những bậc Thánh, hoặc không phải bậc Thánh mà các vị đắc Thiền, có đạo

đức, có đức độ thôi là phước của mình cũng ngút ngàn rồi. Tuy nhiên việc Tăng chúng không hòa hợp đó là quy luật, sau một thời gian nữa là chư Tăng từ từ cũng mất hòa hợp thôi. Rồi dần dần giáo pháp mất dần và cuối cùng Giáo Pháp mới biến mất khỏi thế gian. Hôm trước Thầy có nói, đầu tiên là chỉ có Pháp Hành mất, chỉ có người hành chứ không có người đắc. Rồi sau đó chỉ có người học thôi, không có người hành nữa, sau đó không còn ai học luôn. Càng về sau không còn ai giữ giới, không còn gì hết và cuối cùng là hình tướng người tu mất luôn. Theo Thầy được học thì hình tướng cuối cùng của người tu là chỉ còn *"vắt một cái khăn trên vai"* thôi, khác với người đời chút xíu là vắt cái khăn thôi thì đó là người tu. Rồi sau đó mất luôn Phật Pháp. Đến thời Đức Phật Di Lặc *(Metteyya)* xuất hiện thì mới có Phật Pháp, mới có chư Tăng lại nha Đại chúng.

Khi có cơ hội được học Giáo lý thì quý Phật tử mới thấy mình hạnh phúc, còn không quý vị không thấy được đường xa. Thầy có nói hôm trước đó, nó lạ lắm, mình mà có phước lớn, tự nhiên mình ưu tư về những điều này. Hoặc mình có duyên phước khi học đến bài này, mình mới có cái gì đó chạm tới cái sâu xa với mình. Thầy nói giả dụ khi ngồi đây, quý Phật tử biết kiếp trước mình là ai nghĩa là mình cũng thấy mình tu có tiến

bộ rồi. Mình nhìn người đó mà biết được tại sao người này bệnh? Tại sao người này giàu? Tại sao người này nghèo? Chúng ta thấy được như vậy là công phu lớn lắm rồi đúng không? Nhưng đối với các bậc Thánh thì những cái thấy biết đó không hề lớn. Chúng ta tu tập có Thần thông là có tiến bộ rồi đó, nhưng quý Phật tử nhớ giùm Thầy: mọi người tu tập phải đi đến cái đích đến cuối cùng đó là chấm dứt luân hồi và chứng quả Thánh là cái đích đến cuối cùng đó.

Buổi giảng tối hôm nay, Thầy gửi đến quý Phật tử pháp thoại với chủ đề: "**Bảy Lý Do Nên Học Phật Pháp"** và Thầy đã trả lời cho Đại chúng bảy lý do như trên. Đó là những điều rất trân quý, những lý do mà chúng ta nên học Phật Pháp./.

(Buổi giảng ngày 25/09/2021)

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Vì sao chúng ta nên học Phật Pháp? Hãy nêu các lý do?

2). Học Phật Pháp để đi đến sau cùng là gì?

3). Tôn trọng pháp nghĩa là sao? Phải thường xuyên tâm niệm thế nào?

4). Kiếp sống khổ trong luân hồi gồm những kiếp nào?

5). Ngay Thời điểm này nếu không đủ duyên để học Phật Pháp thì nên làm gì gieo duyên với tam bảo?

6). Nếu một ngày không còn tồn tại Giáo lý Phật Pháp thì chúng sanh có còn biết sự giác ngộ sự giải thoát không?

7). Vì sao thân người khó được, Phật pháp khó nghe?

8). Hãy kể 8 kiếp sống bất hạnh?

9). Hãy kể 5 thời điểm nên tinh tấn tu tập?

10). Kể 5 chướng ngại của người tuổi già vào đạo theo "Kinh Tăng Chi, Chương Năm Pháp, Kinh Khó tìm được"?

Bài 18: ĂN CHAY - ĂN MẶN

---

* ĐỊNH NGHĨA ĂN CHAY - ĂN MẶN

* QUAN NIỆM ĂN THỜI ĐỨC PHẬT

* NGUỒN GỐC ĂN CHAY CỦA PHẬT GIÁO BẮC TRUYỀN

* MỤC ĐÍCH ĂN ĐỂ LÀM GÌ

* ĂN CHAY-ĂN MẶN THẾ NÀO CHO CÓ PHƯỚC?

* VÌ SAO MÌNH ĂN CHAY?

* BÀI HỌC

Chúng ta tiếp tục lớp giáo lý cơ bản Khóa I với chủ đề "ĂN CHAY - ĂN MẶN" một chủ đề rất gần gũi, bình dân và Phật tử chắc cũng đã nghe quý Thầy giảng nhiều rồi. Coi vậy chứ chuyện ăn nó tốn nhiều thời gian của mình lắm. Có một số vị hiểu chuyện ăn thế này và đã kể Thầy nghe: *"Thầy biết không, con ăn chay trường, vậy mà hôm bữa con tới nhà bạn, nó lấy*

cái chén mà trước kia nó từng để đồ mặn, thịt cá này nọ rồi giờ nó đem ra đãi con, con rầu bữa giờ luôn Thầy!". Thầy mới hỏi là cái tô, cái chén đó đã rửa chưa – Dạ có rửa rồi nhưng trước kia từng đựng thịt cá!!! Đại chúng trong lớp mình có ai có suy nghĩ sai lầm về việc ăn chay, ăn mặn như cô này không? Có nhiều người nói: *"Ăn chay thành Phật"*; và cũng có người nói: *"Ăn chay, ăn mặn không có quan trọng!"* Ăn chay mà thành Phật, thành Thánh thì con bò nó ăn cỏ đó, nó có thành gì không? Thầy chỉ cho quý vị cách trả lời khi gặp người hỏi câu này, đó là: Con bò ăn cỏ là vì **nghiệp** của nó; còn chúng ta ăn chay là bằng **trí tuệ** mà mình lựa chọn.

Trong bài giảng hôm nay, Thầy sẽ phân tích cho Đại chúng về chuyện "Ăn", ăn mặn - ăn chay nghĩa là gì, nguồn gốc từ đâu, mục đích ăn để làm gì và ăn chay như thế nào cho có phước, ăn mặn như thế nào cho có phước. Đa phần chúng ta nghĩ chỉ ăn chay mới là có phước thôi, còn mấy người ăn mặn không có phước. Thầy giả dụ như mình nói "Ăn chay" là có phước, quan niệm của chúng ta về ăn chay tức là không ăn thịt, không ăn máu chúng sanh. Vậy Thầy hỏi: Có những người họ nghèo quá nghèo, họ không có tiền mua thịt, mua cá, quanh năm chỉ ăn cơm với muối tiêu, vậy họ có phước không? Chẳng hạn cả tuần nay con không ăn thịt, không ăn cá gì hết, con toàn ăn rau muống thôi, ngày nào con

cũng đi qua vườn của ông hàng xóm hái trộm rau muống về ăn. Đó cũng là ăn chay nhưng có phước không? Cho nên Thầy sẽ giải thích chỗ này cho quý vị.

I. ĐỊNH NGHĨA ĂN CHAY - ĂN MẶN

Thật ra từ "Ăn chay – Ăn mặn" đã được đọc trại giọng rồi. Tiếng "Trai" đọc trại thành "Chay"; "Mạng" đọc trại thành "Mặn".

1. Định nghĩa từ "Chay" theo Hán ngữ

"Ăn chay" theo tiếng Hán gọi là "thực trai", đây có nghĩa là miếng ăn trong sạch. "Ăn" là thực; "chay" là trai.

"Trai" nghĩa là tinh khiết, trong sạch, thanh tịnh. Thực trai (ăn chay) là trong sạch với miếng ăn, ăn không có tâm Tham đắm vào đồ ăn ngon, không có Tâm sân khi đồ ăn dở, ăn chỉ cho có sức khỏe, ăn với Tâm thanh tịnh.

2. Định nghĩa từ "Chay" theo Phạn ngữ

Trong tiếng Phạn, "Chay" là Upavasatha, có hai ý nghĩa: thứ nhất là ăn đúng thời, ăn trước giờ Ngọ. Đức Phật chế định chư Tỳ-kheo thọ trai trước Ngọ. Ý nghĩa thứ hai là thanh tịnh. Sau này với tinh thần từ bi, chúng ta chuyển "trai thực" thành "tố thực". Tố thực nghĩa là không ăn thịt chúng sanh.

3. Đôi nét về ăn mặn

Đối lập với chữ ăn chay là ăn mặn – "mặn" đọc trại từ chữ "mạng": mạng sống của chúng sanh.

Ăn mặn ở đây không phải là ăn nhiều muối, nhiều nước mắm. Chúng ta hiểu "ăn mặn" là ăn thịt của chúng sanh; còn "ăn chay" là không ăn thịt của chúng sanh.

Bây giờ quay ngược thời gian, Thầy mời quý vị tìm nguồn gốc ở thời Đức Phật là ăn như thế nào?

II. QUAN NIỆM ĂN THỜI ĐỨC PHẬT

1. Ăn chay tịnh chỉ mang ý nghĩa là ăn trước giờ Ngọ và được ăn các thứ thịt thanh tịnh (Tam tịnh nhục)

Có một lần, Thầy giảng đến bài: "NHỮNG THÁNG NGÀY CUỐI CÙNG CỦA ĐỨC PHẬT", Thầy nói buổi thọ trai cuối cùng của Đức Phật là Ngài ăn bát cháo do ông Cunda cúng dường. Các vị Bắc tông dịch là "bát cháo nấm", bên Nam tông dịch là "bát cháo thịt heo". Khi Thầy nói Đức Phật ăn "cháo thịt heo" thì có người đưa tay lên trong bài giảng: *"Thầy ơi! Phật cũng ăn thịt nữa hả Thầy?"*, thì hôm nay Thầy mời Đại chúng cùng quay lại thời Đức Phật để học về quan niệm ăn ở thời Đức Phật ra sao. Không phải chúng ta nghe Pháp là nghe những gì

mình mong muốn, mà Pháp đó phải như thế nào, lịch sử đó như thế nào thì mình nghe sự thật phải như vậy! Chứ mình đừng đem cái của mình có sẵn trong đầu: *"Thầy nói sao cho đúng ý con!"* Nếu vậy thì đi ngủ cho rồi chứ làm sao Thầy giảng theo ý mọi người được, Thầy cứ giảng đúng lịch sử là vậy đó! Đại chúng nhớ là thời Đức Phật, Phật tử cúng gì thì Tăng đoàn ăn nấy, ngay cả cúng thịt ăn thịt. Bữa đó đi khất thực mà được cúng cho trái dưa hấu mà không cúng đồ ăn thì ăn dưa hấu thay cơm. Hôm nào cư sĩ chỉ cúng trái dừa thì uống nước dừa; cúng cơm ăn cơm; cúng rau ăn rau; cúng thịt ăn thịt. Có người đặt câu hỏi: *"Vậy người ta cúng thịt gà ăn thịt gà, cúng thịt heo ăn thịt heo luôn hả Thầy?"* - Dạ vâng! Cúng thịt ăn thịt luôn! Nhưng mà thịt gì, thịt như thế nào?

2. Thuyết Tam Tịnh Nhục

"Này Jīvaka, những ai nói như sau: "Vì Sa môn Gotama, họ giết hại các sinh vật. Và Sa môn Gotama tuy biết thế vẫn dùng các loại thịt được giết vì mình, được làm cho mình", những người ấy không nói chính lời của Ta, họ xuyên tạc Ta, không như chân, không như thật. Này Jīvaka, Ta nói trong ba trường hợp, thịt không được thọ dụng: thấy, nghe và nghi (vì mình mà giết). Này Jīvaka, Ta nói trong ba trường hợp này, thịt không được thọ dụng. Này Jīvaka, Ta nói trong ba trường hợp, thịt được thọ dụng: không thấy,

không nghe và không nghi (vì mình mà giết). Này Jīvaka, Ta nói trong ba trường hợp này, thịt được thọ dụng".

(Trích Kinh Trung Bộ II - Kinh số 55: Jīvaka sutta)

Đoạn Kinh này, Đức Phật dạy Tỳ-kheo: cư sĩ tại gia cúng gì thì các vị ăn nấy; nhưng ở đây, cúng thịt là thịt Tam tịnh nhục – Không thấy, không nghe, không nghi. "Tam" là ba, "nhục" là thịt. **Việc ăn chay không phải là giới điều bắt buộc trong Tăng đoàn**. Đức Phật cho phép người xuất gia được dùng Tam Tịnh Nhục, đó là:

- *Thịt ăn mà mình không thấy người giết **(không thấy)***. Ví dụ ngày hôm đó người ta cúng quý Thầy món cá chiên, các vị ấy không thấy cảnh người ta giết con cá để làm món ăn cho mình, gọi là "không thấy".

- *Thịt ăn mà mình không nghe nói gì về con vật bị giết **(không nghe)***. Lâu nay quý vị cứ nghĩ "không nghe" tức là không nghe được tiếng kêu của con vật bị giết, phải không? Thầy hỏi vậy con cá, con lươn hay con ốc nó kêu làm sao? "Không nghe" ở đây là không nghe người ta bàn tán về chuyện giết con vật đó cho mình ăn, "không nghe" là như vậy.

- *Thịt ăn mà mình không nghi ngờ người ta giết cho mình* ***(không nghi)***. Dù có chút nghi ngờ nào dù là nhỏ thì chư Tăng cũng không được phép thọ nhận.

Quý Thầy được ăn những loại thịt thuộc Tam Tịnh Nhục vẫn gọi là ăn thanh tịnh. Thanh tịnh ở chỗ là ăn trước giờ Ngọ. Thời Đức Phật, chư Tỳ-kheo chỉ ăn một buổi và ăn trước giờ Ngọ, ăn Tam Tịnh Nhục. Ngoài ra, còn có thuyết Ngũ Tịnh Nhục, tức Tam Tịnh Nhục vừa kể trên cùng với thịt của các con vật tự chết và thịt mà các loài thú khác ăn xong còn dư - hai loại thịt này chư vị vẫn được ăn.

Vậy đại chúng có đi qua các Chùa bên Nam Tông, quý vị mà thấy các Sư ăn thịt (Tam Tịnh Nhục), mình cũng bình thường chứ đừng có gì phải sốc. Có nhiều vị nói: *"Thầy ơi sao con thấy mấy Sư ăn thịt?"* Hôm nay học bài này thì thấy bình thường, quý Sư giữ truyền thống từ thời Đức Phật đến giờ. Tuy nhiên vẫn có một số vị ăn chay, còn vị ăn mặn là ăn thịt Tam Tịnh Nhục, ăn trước Ngọ, ngày ăn một buổi. Hôm nay chúng ta học được nguồn gốc rồi, vậy là không còn thắc mắc sao quý Sư ăn thịt nữa!

3. 10 loại thịt bị cấm

Tuy nhiên, ăn thịt Tam Tịnh Nhục nhưng có 10 loại thịt Đức Phật không cho ăn, đó là: thịt người, voi, ngựa, chó, rắn, cọp, báo, sư tử, linh

cẩu, gấu. Những loại thịt này mà ăn, con vật nó nghe mùi thì nó dễ tấn công. Việc cấm ăn thịt người là xuất phát từ sự việc cô cận sự nữ Suppiyā chăm vị Tỳ-kheo bị bệnh mà cô không tìm ra thịt nên đã nấu món cháo thịt đùi của cô, Đức Phật biết chuyện nên cấm chư Tỳ-kheo không được thọ nhận thịt người. Còn việc cấm ăn thịt rắn, có một loài là Chúa tể của loài rắn tới thưa với Đức Phật là có một số loài rắn nó còn có cái Tâm độc, Tâm trả thù, Tâm sân hận, quý Thầy ăn thì các con còn lại còn sân sẽ tìm cách cắn trả thù.

4. Vì sao Đức Phật không quy định việc ăn chay?

- Hằng ngày, quý Sư đi khất thực cho nên thức ăn bị phụ thuộc vào người thí chủ. Ở đây là Thầy đang nói thời Đức Phật, vật phẩm hằng ngày của chư Tăng phụ thuộc vào sự tự nguyện cúng dường của thí chủ, các vị không chủ động được.

- Thức ăn khất thực tùy thuộc vào điều kiện xã hội lúc đó, có những giai đoạn bị mất mùa, hạn hán,... thì thức ăn làm sao mà đáp ứng được, vì điều kiện, thời tiết rồi xã hội, văn hóa, dịch bệnh,… việc thọ thực của quý sư là như vậy, không chủ động được.

- Khó có thể lựa chọn lối ăn chay trong khi vị thí chủ và địa phương đó ăn mặn. Giả dụ như các vị đi khất thực tới khu đó, làng đó,... mà nơi ấy người ta toàn ăn mặn mà mình ăn chay, vậy rồi mình chết đói hay sao? Cho nên, cũng khó mà có thể lựa chọn ăn chay nếu chỗ đó toàn người ăn mặn.

III. NGUỒN GỐC ĂN CHAY CỦA PHẬT GIÁO BẮC TRUYỀN

Tại Trung Hoa, vào Thế kỷ thứ VI Tây Lịch, Vua Lương Võ Đế ra một sắc lệnh, cấm tất cả thức ăn bằng thịt tại các bữa tiệc trong cung, ra các sắc chỉ buộc Tăng Ni phải triệt để ăn chay, không được dùng súc vật để tế tự, cấm các thú y dùng súc vật làm thuốc trị bệnh, kể cả trị bệnh cho quốc Vương. Còn xa hơn nữa là khi Phật giáo truyền qua Trung Hoa, thì bên Trung Hoa người ta có tu theo đạo Lão. Người tu theo đạo này thường sống tu tập để được Trường sanh bất tử, sống lâu, sống khỏe nên họ thường ăn thức ăn thực vật, ăn những thức ăn không liên quan đến thịt, không liên quan đến mạng sống chúng sanh, chỉ liên quan đến thực vật thôi. Còn sau này, đến thời Vua Lương Võ Đế, ông ra sắc lệnh là Tăng Ni ăn chay luôn. Đó là vào Thế kỷ thứ VI.

Sau đó, vào thời nhà Minh - Thế kỷ XVII, Ngài Vân Thê Châu Hoằng dựa vào các bản Kinh Đại Thừa như Kinh Lăng Già, Kinh Lăng

Nghiêm, Kinh Đại Bát Niết Bàn để khuyến khích cho việc ăn chay và xem đó là hình thức giữ giới không sát sanh và thực hành hạnh Từ bi.

Đến hôm nay, quý vị ăn chay là tốt, mà ăn chay với tâm niệm là để chấm dứt việc sát sanh, thực hành hạnh Từ bi thì quá tốt. Việc giết một con kiến là mình cũng không nên giết nữa. Vậy từ Nguyên thủy thời Đức Phật là ăn Tam Tịnh Nhục; khi Phật giáo truyền qua Trung Hoa, nhất là đến thời Vua Lương Võ Đế là ông ra sắc lệnh ăn chay, đến thế kỷ XVII đời nhà Minh, có ngài Vân Thê Châu Hoằng dựa vào một số bài kinh Phát Triển (Kinh Đại Thừa) để cổ vũ việc ăn chay. Từ việc ảnh hưởng bởi Phật giáo Trung Hoa rồi sau đó chúng ta ăn chay. Đó chính là nguồn gốc của việc ăn chay của Phật giáo Bắc Truyền tại Việt Nam chúng ta.

Vấn đề ăn chay không chỉ là nét đặc thù riêng của Phật giáo Bắc Truyền. Vào thời vua A Dục *(Asoka)*, nhà vua đề cao lòng từ bi và sự tôn trọng tuyệt đối với đời sống con người lẫn vạn vật: *"Không nên lấy sự sống nuôi sự sống. Cho đến rơm rạ nếu còn côn trùng trong ấy, cũng không nên đốt"* (Trích Bia ký vua A Dục)

IV. MỤC ĐÍCH ĂN ĐỂ LÀM GÌ

Chúng ta càng tu tập là xem chuyện ăn không quá quan trọng nữa, chỉ ăn cho có sức khỏe thôi, ngoài ra đừng bao giờ khổ vì chuyện ăn giùm Thầy! Quý vị mà khổ vì chuyện ăn hoặc

ngay cả khi mình còn tham ăn là đừng có mơ mà đi xa trên con đường tu tập. Vì chuyện ăn là cái dục về miếng ăn, dục ở Vị trần, khó đắc Thiền, muốn đắc Thiền là phải đoạn 5 Triền Cái: Tham dục, Sân, Hôn trầm, Trạo hối và Nghi. Trong đó có Tham dục là tham qua 5 Trần cảnh: sắc, thanh, hương, vị, xúc - tham qua mắt, qua tai, qua mũi, qua lưỡi, qua thân. Vậy việc tham ăn thôi là khó tu tập tiến bộ lắm, khi nói về vấn đề này, chỉ cần nhớ một ý mấu chốt quan trọng nhất đó là: ***"ăn để có sức khỏe"***, chứ không phải ăn không quan trọng rồi quý vị ăn muối với chuối, ăn chay trường rồi bữa nào chuyển qua chay bò.

Thầy khuyến khích Đại chúng nên ăn uống cho có sức khỏe, ăn đầy đủ chất nhưng tác ý của mình là ăn để có sức khỏe thôi. Nếu ăn mà ngon quá thì khởi tâm tham, ăn không như ý mình thì nổi tâm sân,… Và đặc biệt là tốn nhiều thời gian vào chuyện ăn uống, hôm nay nói tới bài này, bắt đầu mấy cô bị nhột, mấy cô mấy dì rất mất thời gian về chuyện ăn lắm. Là một người Phật tử, ăn thức ăn đủ chất để có sức khỏe tu tập, Thầy ủng hộ đúng tinh thần của Phật nhưng đừng suốt ngày cứ lo loanh quanh lo cho cái nhà bếp, lo cho cõi sống của bao tử, trong khi chúng ta có mấy chục năm lại không lo cho cõi sống của trí tuệ, của não bộ, của từ bi. Không khéo là mấy cô sáng cứ loay hoay ăn rồi đi chợ , đi chợ về nghỉ ngơi chút xíu, coi tivi hay đọc sách gì đó thì lại

nấu ăn. Nấu ăn xong, dọn dẹp rửa chén, chút chiều lại nấu ăn,… Đừng tốn thời gian như vậy! Dĩ nhiên ăn cho đầy đủ, ăn cho đủ chất nhưng mà hạn chế thời gian và đừng có khổ vì cái chuyện ăn. Nãy giờ Thầy nói đại ý ăn để làm gì là như vậy. Bây giờ Thầy dẫn Kinh mà Đức Phật dạy về mục đích ăn.

1. Kinh Nhất Thiết Lậu Hoặc, Trung Bộ Kinh

"Vị ấy như lý giác sát, thọ dụng món ăn khất thực không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ phạm hạnh, nghĩ rằng: 'Như vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn'".

(Trích Kinh Trung Bộ - Bài Kinh số 2: Kinh Tất Cả Các Lậu Hoặc)

Đoạn Kinh này Thầy đã giảng trong bài "BẢY CÁCH ĐOẠN TRỪ PHIỀN NÃO" *(Bài 8, Khóa 3)* - có những lậu hoặc, những phiền não do Tri kiến mà đoạn trừ, có những lậu hoặc do phòng hộ, do thọ dụng, do Kham nhẫn, do tránh né, do trừ diệt, do kham nhẫn mà đoạn trừ. Hôm nay chúng ta bàn về chuyện ăn nên mình nói đến chỗ: có những phiền não do thọ dụng mà đoạn trừ.

- *"Vị ấy như lý giác sát, thọ dụng món ăn khất thực không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng…*" Đại chúng không ăn 1 tuần hay 10 ngày, nửa tháng rồi xuống sức, bệnh, nằm một chỗ thì sao có sức tu tập? Rồi quý vị trả lời là đang trả nghiệp, cái này không phải trả nghiệp mà là vô minh, chấp trước, do hiểu không đúng Pháp!

- *"…Để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn".* Nếu chúng ta là Phật tử tu tập thì mình ăn để thân thể có sức khỏe, có sức khỏe sẽ hỗ trợ cho mình việc thực hành Phạm hạnh, đó là lý tưởng tu học của chúng ta.

Qua đoạn Kinh này, Đại chúng đã hiểu được việc nhẹ nhàng trong chuyện ăn chưa? Đôi lúc mình chấp việc ăn, mình nghĩ việc không ăn chay là không thành Phật, ăn mặn thì không đắc đạo này kia, không phải như vậy! Chuyện đắc đạo đắc quả không phải chỗ chuyện ăn chay ăn mặn. Giả dụ như Thầy là một tu sĩ của Phật giáo Phát Triển, Thầy ăn chay và Thầy ủng hộ việc ăn

chay nhưng Thầy không chê người ăn mặn. Lâu nay Thầy cũng khuyến khích quý vị ăn chay nhưng Thầy nói thế này: *"Quý vị chưa ăn chay được thì mình ăn mặn nhưng tuyệt đối, ráng cố gắng đừng sát sanh dù một con kiến!"*, lâu nay Thầy hay nói vậy, đúng không? Một con kiến Thầy cũng kêu quý vị đừng giết, còn ăn chay chưa được thì ăn mặn nhưng mà ăn đừng sát sanh giùm Thầy. Ăn chay được thì cứ ăn, ăn để có sức khỏe, để nhẹ nhàng thân tâm, hành hạnh từ bi,… nhưng đừng nghĩ chuyện ăn chay để thành Phật hay thành Thánh gì đó là không nên. Ăn là để cho mình có sức khỏe thôi, cái thân tứ đại này mà không có dưỡng chất là nó bệnh, nó nằm xuống và từ cái bệnh rồi là quý vị tu không được đâu, cho nên mục đích của mình là ăn để khỏe.

2. Sự Tu Tập Khi Ăn Cần Quan Sát Ra Sao?

Thầy đã dạy kỹ về sự tu tập khi ăn trong bài "TỨ THỰC" *(Bài 3, Khóa IV)*. Bài này là một trong những bài mà Thầy tâm đắc nhất và Thầy khuyến khích quý vị nên nghe hay đọc lại bài này. Tứ Thực là bốn nguồn dinh dưỡng, bốn nguồn dưỡng tố tạo nên hình hài của tất cả chúng sanh; là nguồn nhựa sống đã kích thích, gây tạo, vẽ nên cuộc hành trình sanh tử của chúng sanh trong ba giới bốn loài. Tất cả chúng sanh từ Thai sanh, Thấp sanh, Noãn sanh, Hóa sanh có mặt ở cuộc đời là do bốn nguồn năng lượng này. Tứ

Thực gồm Đoàn thực, Xúc thực, Tư niệm thực và Thức thực. Trong đó, Xúc thực, Tư niệm thực và Thức thực là thức ăn của tâm; còn Đoàn thực là thức ăn vo tròn mà mình đưa vào miệng để nuôi thân tứ đại này. Nói dễ hiểu về chuyện ăn chay, ăn mặn của mình nó nằm ở chỗ Đoàn thực. Vậy là một người tu sĩ hoặc là một người Phật tử cư sĩ đang thực hành lời Phật dạy thì mình nên quán sát như thế nào về việc ăn? Ở đây, dù là quý vị đang ăn chay hay ăn mặn (không sát sanh) thì cũng đều nên quán sát việc ăn như lời Đức Phật dạy trong Kinh Tương Ưng, bài Kinh Thịt Đứa Con. Đức Phật dạy rằng, vị Tỳ-kheo khi thọ nhận thức ăn phải tâm niệm rằng mình giống như một người Mẹ bất đắc dĩ phải ăn thịt đứa con ở ngoài sa mạc.

*"Và này các Tỳ-kheo, **đoàn thực** cần phải nhận xét như thế nào?*

Ví như, này các Tỳ-kheo, hai vợ chồng đem theo một ít lương thực đi qua một quãng đường hoang dã, với một đứa con khả ái, thương mến.

Rồi này các Tỳ-kheo, trong khi hai vợ chồng ấy đang đi trên con đường hoang vu, số lương thực ít ỏi ấy đi đến hao mòn, khánh tận. Và một vùng hoang vu còn lại chưa được họ vượt qua.

Rồi này các Tỳ-kheo, hai vợ chồng người ấy suy nghĩ: "Đồ lương thực ít ỏi của chúng ta đã bị hao mòn, khánh tận; còn lại vùng hoang vu này chưa được vượt qua; vậy chúng ta hãy giết đứa con một, khả ái, dễ thương này, làm thành thịt khô và thịt ướp, ăn thịt đứa con và vượt qua vùng hoang vu còn lại này, chớ để tất cả ba chúng ta đều bị chết hại…

...Họ vừa ăn thịt con, vừa đập ngực, than khóc: "Đứa con một ở đâu? Đứa con một ở đâu?"

Này các Tỳ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Họ ăn món ăn có phải để vui chơi? Hay họ ăn món ăn để tham đắm? Hay họ ăn món ăn để trang sức? Hay họ ăn món ăn để béo tốt?

- Thưa không phải vậy, bạch Thế Tôn.

- Có phải họ ăn các món ăn chỉ với mục đích vượt qua vùng hoang vu?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Ta nói đoàn thực cần phải nhận xét như vậy. Này các Tỳ-kheo, khi đoàn thực được hiểu biết, thời lòng tham đối với năm dục trưởng dưỡng được hiểu biết. Khi lòng tham đối với năm dục trưởng dưỡng được

hiểu biết, thời không còn kiết sử, do kiết sử này, một vị Thánh đệ tử bị trói buộc để phải sanh lại đời này".

(Trích Kinh Tương Ưng II - Tương Ưng Nhân Duyên – Phẩm 7 - Kinh Thịt Đứa Con)

Điều Đức Phật dạy là khi quý Phật tử ăn hay uống phải tâm niệm rằng mình giống như một người Mẹ bất đắc dĩ phải ăn thịt đứa con ở ngoài sa mạc. Hai vợ chồng ăn có phải để vui, để đam mê, hưởng thụ, làm đẹp không? Họ ăn chỉ để có sức khỏe bảo toàn mạng sống đi qua sa mạc. Cũng vậy, là người con Phật, ở vấn đề Đoàn thực, chúng ta tu là ăn phải có tâm niệm như vậy. Thầy không nói sau bài giảng này Đại chúng phải ăn đồ dở, Thầy nói quý vị phải ăn đồ dinh dưỡng và với chủ ý là có sức khỏe tu tập, nuôi dưỡng thân này làm các thiện Pháp. Khi nghe giảng xong là từ nay mọi người nhẹ nhàng chuyện ăn uống. Còn ai mà sát sanh cho việc ăn uống thì làm ơn làm phước dừng lại giùm Thầy.

3. 9 Khía Cạnh Nhờm Gớm Của Thức Ăn

Thực phẩm có thể ăn được (Đoàn thực) nên được thẩm sát bằng phương thức của 9 khía cạnh nhờm gớm (bất tịnh) của nó. Thế nào là chín? Vị tu sĩ thọ dụng thực phẩm quán tưởng:

1. Sự đáng ghét của việc phải đi ra ngoài (trì bình khất thực)

2. Về việc phải đi tìm kiếm (về thực phẩm bỏ bát)

3. Về việc thọ dụng nó

4. Sự đáng ghét về dịch tiết thuộc bộ phận cơ thể (đang khi ăn vào)

5. Về túi chứa đựng thực phẩm của cơ thể

6. Về tình trạng đã được tiêu hóa

7. Và tình trạng không được tiêu hóa của nó (ở trong dạ dày);

8. Về sự vấy bẩn

9. Và sự bài tiết

(Trích Thanh Tịnh Đạo Luận)

Nội dung quán tưởng của 9 điều này cũng chỉ một mục đích: ăn để có sức khỏe, ăn là đừng tham đắm, chấp trước, tham sân vào cái miếng ăn,… 9 khía cạnh này Thầy nói lướt thôi, nó cho mình thấy và quán xét việc ăn, chẳng có cái gì mà để tham đắm hết; và Thầy cũng nhắc lại một lần nữa: *"Ai còn tham đắm trong việc ăn là tu không đi xa được, nói rộng ra chút là việc ăn, ngủ, mặc, ở,..."*. Có vị hỏi Thầy: *"Vì sao mình tham ăn, tham mặc, tham ngủ thì mình không tu tập tiến xa được?"*. Tiến xa là tiến đến chỗ đắc

Thiền, xa hơn nữa là đắc Thánh. Vị muốn vào Sơ Thiền là phải đoạn 5 Triền Cái: Tham dục, Sân, Trạo hối, Hôn trầm, nghi - trong 5 Triền Cái đó thì Triền Cái Tham dục là tham qua mắt, qua tai, qua mũi, qua thanh, qua sự xúc chạm nào đó; hễ ta còn đam mê một mùi vị nào đó, một cái sắc Trần nào đó, hoặc đam mê một cái miếng ăn nào đó thì con đường đắc Thiền còn xa vời vợi! Hôm nay Thầy chỉ nói đến chuyện ăn thôi, nói rộng ra là chuyện mặc, ngủ, ở. Ví dụ mình ở trong một ngôi nhà, gọi là trú xứ để che nắng, che mưa, để khỏi phải bệnh, để có sức khỏe tu; mặc là để che nắng, che mưa, che ruồi muỗi, để tránh thời tiết nóng lạnh, để mình cũng giữ sức khỏe thôi; ăn cũng vậy, *"miếng ăn là miếng tồi tàn, ăn mà không được lộn gan lên đầu"*, có nhiều người đau khổ vì miếng ăn, hơn thua nhau một chút vì miếng ăn. Là Phật tử, chúng ta cố gắng nhẹ nhàng giùm Thầy chuyện ăn uống, ai tranh giành miếng ăn đó với mình thì thôi bỏ qua đi, họ ăn được cho họ ăn, tự nhiên đi cãi nhau làm gì!

Hôm đó có 4 người lên bàn ăn, có 4 miếng đậu hũ, 4 miếng là mặc định mỗi người 1 miếng, mà người bạn đó không dễ thương, ăn luôn miếng đậu hũ của mình. Vậy là từ ngày họ ăn phần của mình, mình giận người đó 3 năm chưa bỏ: *"Người gì mà không biết điều, không có lịch sự, tế nhị, tử tế gì hết,…!"*. Không biết người ta có thật sự tế nhị hay không nhưng mình giận tới

3 năm, tự nhiên việc nhỏ xíu như vậy mà mang tâm sân hận đến 3 năm, với chuyện ăn mà mình đi giận người ta là tệ lắm! Để bản thân phải khổ vì chuyện ăn uống là mình phải coi lại.

"Ăn uống mỗi ngày của những ai.

Dở ngon tuỳ phận miễn no thôi

Nuốt vô trong miệng thành chi đó

Sao chẳng tỉnh hồn nghĩ lại coi".

(Tổ Khánh Anh)

Bây giờ Thầy nói về một sự thật rất phũ phàng, Đại chúng nhớ lại lúc trước khi vô lớp học mình đã ăn gì? Bánh canh, hủ tíu, bún riêu,... Quý vị nuốt vô trong bụng rồi, thức ăn qua khỏi cổ xuống tới bao tử giống như có cái bọc mình đeo trước ngực. Quý vị dám nhìn nó không? Khi quán chiếu được sự bất tịnh, dơ dáy, đáng gờm của thức ăn mới thấy ghê. Rồi tối lên giường ngủ lấy mền đắp lên, đó là mình đang đắp sự bất tịnh của đồ ăn mà qua tấm thân tứ đại này không thấy được cái ghê gớm đó. Vậy chúng ta khổ vì miếng ăn có đáng không?

Có những buổi Thầy đang nhập tâm soạn bài thì đến giờ ăn cơm, nếu không ăn thì cái bụng nó đói, nhưng Thầy đang tập trung cao độ soạn bài, để qua đoạn đó rồi thì soạn lại rất khó. Có nhiều khi Thầy đắm vô việc soạn bài luôn để xong một bài giảng, soạn xong là đến giờ giảng

mà đói bụng, nhưng nếu ăn no là khó tập trung giảng bài, *"căng da bụng, chùng da mắt"*, bắt đầu phải đi lòng vòng,… đó là lý do mà Thầy cứ bỏ bữa là vậy. Cho nên Thầy nói, chuyện ăn ráng để ý, chỉ cần vô miệng mình một cái, nó là cái bọc đeo trước ngực. Đó là Thầy chưa nói đến một số người nặng nề hơn nữa, vì tranh giành miếng ăn đó mà tạo bất thiện nghiệp, khổ lắm! Hôm nay học bài này xong là Đại chúng nhớ nhẹ nhàng về chuyện ăn, ăn chỉ để có sức khỏe thôi.

V. ĂN CHAY-ĂN MẶN THẾ NÀO CHO CÓ PHƯỚC?

Để việc ăn chay – ăn mặn cho có phước, chúng ta xét ở hai khía cạnh: Nguồn nào ra thực phẩm đó – Nguồn từ Chánh Mạng; Ăn bằng tâm gì – Tâm Chánh niệm, Kham nhẫn, phòng hộ các căn.

1. Nguồn nào ra thực phẩm đó?

Lâu nay chúng ta hiểu đồ ăn bất tịnh là đồ ăn có thịt, cá là bất tịnh, là không chay tịnh, đúng không? Không phải vậy! Ở đây, Thầy không nói chuyện sát sanh, Thầy nói thịt động vật chết rồi. Đồ ăn bất tịnh không phải ở chỗ thịt cá hay ở chỗ rau, đậu hũ, nước tương,... Đồ ăn bất tịnh là ở chỗ nguồn nào mà ra đồ ăn đó. Ví dụ người này ăn cá, là cá chết, không phải sát sanh, trộm cắp hay lừa gạt mà ra, đồ ăn do họ làm từ nghề Chánh mạng thì đó là thức ăn thanh tịnh. Ngược

lại, người này ăn cơm với rau muống, nhưng bó rau muống đó do họ sát sanh mà có, do trộm cắp, có được do làm từ nghề Tà mạng thì đó là thức ăn bất tịnh. Vậy, thức ăn bất tịnh hay chay tịnh là chúng ta xét vào **nguồn từ đâu mà ra**.

2. Ăn bằng tâm gì?

Giả dụ hai món ăn là thịt cá và rau đều có được từ Chánh mạng (không sát sanh, không trộm cắp, không lừa gạt,…) thì được gọi là thanh tịnh. Và thêm khía cạnh xét thức ăn đó có thanh tịnh, hay bất tịnh là ở chỗ chúng ta ăn với tâm gì. Quý vị dù ăn cơm với rau muống, đậu hũ, nước tương mà ăn bằng Tâm tham, Tâm hưởng thụ, Tâm sân thì đó là bất thiện. *"Trời ơi nay đồ ăn gì mà nhạt quá, đắng quá, cay quá,…!"*. Sau khi ăn với tâm bất thiện rồi làm những điều bất thiện là bất thiện nối tiếp bất thiện. Vậy chúng ta nên ăn bằng tâm gì? Dù ăn thịt cá (Chánh mạng) mà ăn với tâm Chánh niệm, Kham nhẫn, Tâm Từ bi, trí tuệ, ăn với tác ý là chỉ để có sức khỏe tu tập, và khi ăn rồi thì mình làm điều thiện, tu học, làm phước,… là thiện, là có phước, coi thức ăn là phương tiện giúp mình hành thiện Pháp.

Thầy chốt cho Đại chúng hai điểm này, ăn có phước hay không là ở chỗ: nguồn có từ đâu và ăn với tâm như thế nào. Chuyện ăn chay – ăn mặn không thể được xét là chay tịnh hay bất tịnh. Quan trọng là nguồn gốc món ăn từ đâu, đó là từ Chánh mạng; và ăn với tâm gì, đó là ăn bằng tâm

Chánh niệm, trí tuệ. Vậy nếu ai hỏi quý vị là ăn chay hay ăn mặn có phước? Quý vị đã trả lời được chưa? Đừng trả lời là ăn mặn là không có phước nha, mình ăn chay thì nói ăn mặn không có phước. Nếu nói vậy thì không lẽ các Sư tu bên Nam Tông ăn mặn là không có phước hay sao? Nói vậy là không đúng, chúng ta phải hiểu nguồn cơn chứ! Quý Sư ăn Tam Tịnh Nhục, ăn một ngày một buổi, ăn trước Ngọ. Nếu đại chúng chưa ăn chay được thì nhớ ăn thức ăn bằng đồ chết, đừng sát sanh, rồi ăn bằng Tâm Từ, ăn bằng tâm tỉnh giác, tâm Chánh niệm; sau khi ăn thì làm các điều thiện. Còn vị nào có duyên ăn chay thì cứ ăn chay, riêng Thầy thì Thầy ủng hộ việc ăn chay, lát nữa Thầy sẽ nói lý nào Thầy ủng hộ việc ăn chay; nhưng mà Thầy không chê, không khinh, không có tự đại việc mình ăn chay, không chê người ăn mặn.

Vừa rồi Thầy gửi đến đại chúng hai ý là mấu chốt của vấn đề ăn: Một là nguồn thức ăn đó từ đâu ra, không từ nguồn sát sanh, không từ nguồn trộm cắp, không từ Tà mạng. Hai là mình ăn bằng Tâm thiện, Tâm trí tuệ, Tâm tỉnh giác, Tâm Chánh niệm, Tâm Từ, Tâm bi; ăn rồi làm những điều thiện thì phước vô cùng! Còn quý vị cho dù ăn rau quả hay thịt cá gì đó mà từ nguồn của Tà mạng, từ nguồn trộm cắp và ăn bằng cái Tâm tham chấp, Tâm tham luyến, cứ chấp kẹt vô đó và ăn bằng cái Tâm Sân Si; ăn rồi làm những

việc bất thiện nữa thì không có phước mà lại thêm tội. Đó là mấu chốt của bài giảng hôm nay. Vậy sau này, mình có bê chén cơm lên thì phải biết cách nào ăn sinh phước và nhẹ nhàng cái chuyện ăn, chứ bữa nào vô Chùa thấy rầy rầu, Thầy hỏi thì nói mấy hôm nay không ăn uống được gì. Thầy mới nói ăn không được thì uống thuốc, kiếm gì đó ăn lót dạ chứ đừng để cái chuyện ăn làm cho mình khổ. Đường tu của mình lớn và nhiều chuyện lắm, quý vị phải thoáng đạt, phải phóng khoáng, phải mạnh mẽ, phải kiên cường nhiều lắm, chứ đâu thể vì mấy chuyện lặt vặt mà đau khổ, phiền não được. *"Thầy nghĩ sao, con vô chỗ đó, người ta bán cho con tô bún 20 ngàn mà có chút xíu thịt, ăn xong con rầu ghê, con tiếc tiền,…!"* - Thôi ăn xong thì bỏ đi, mai mốt đừng ghé vô đó ăn nữa, ăn chỗ khác, tiền không tiếc mà tiếc cái tâm bất thiện nãy giờ, mất hết khúc thời gian buồn, giận đó!

3. Nội Dung Kinh Hôi Thối – Tiểu Bộ Kinh (Hai vị Thượng Thủ Thanh Văn thời Phật Kassapa)

"Đức Phật Kassapa:

242. Sát sanh và hành hình,
Đả thương và bắt trói,
Trộm cắp và nói láo,
Man trá và lừa đảo,

Giả bộ kẻ học thức,
Đi lại với vợ người,
Đây là đồ ăn thối,
Ăn thịt không phải thối.

243. Ở đời, các hạng người,
Không chế ngự lòng dục,
Đam mê các vị ngon,
Liên hệ đến bất tịnh,
Theo chủ nghĩa hư vô,
Bất chánh khó hướng dẫn,
Đây là ăn đồ thối,
Ăn thịt không phải thối.

244. Ai thô bạo, dã man,
Sau lưng nói gièm pha,
Phản bạn không từ bi,
Lại cống cao ngạo mạn,
Tánh không có bố thí,
Không cho ai vật gì,
Đây là ăn đồ thối,
Ăn thịt không phải thối,

245. Phẫn nộ và kiêu mạn,
Cứng đầu và chống đối
Man trá và tật đố,
Nói vô ích, huênh hoang,
Kiêu mạn và quá mạn,
Thân mật với kẻ ác,

Đây là ăn đồ thối,
Ăn thịt không phải thối,

246. Ác giới, nợ không trả,
Làm người điểm chỉ viên,
Làm những nghề dối trá,
Ở đây, kẻ giả vờ,
Ở đây người bần tiện,
Những người làm ác nghiệp,
Đây là ăn đồ thối,
Ăn thịt không phải thối.

247. Ở đời đối hữu tình,
Người không biết kiềm chế,
Lấy cướp sở hữu người,
Chú tâm làm hại người,
Ác giới và tàn nhẫn
Ác ngữ, thiếu lễ độ,
Đây là ăn đồ thối,
Ăn thịt không phải thối,

248. Hạng tham ô, thù nghịch,
Tìm cách để giết hại,
Luôn luôn hướng về ác,
Sau chết sanh tối tăm,
Chúng sanh ấy rơi vào,
Địa ngục đầu xuống trước.
Đây là ăn đồ thối,
Ăn thịt không phải thối,

249. Không phải do cá thịt,
Cùng các loại nhịn ăn,
Không phải do lõa thể,
Đầu trọc và bện tóc,
Không do tro trét mình,
Mặc da thú khô cứng,
Không phải do săn sóc,
Nuôi dưỡng lửa tế tự,
Không do nhiều khổ hạnh,
Để được chứng bất tử,
Không bùa chú tế tự,
Các tế đàn thời tiết,
Làm con người trong sạch,
Nếu nghi hoặc chưa đoạn.

250. Do sống hộ trì căn,
Với các căn nhiếp phục,
Vững trú trên Chánh pháp,
Thích chân trực, hiền hòa,
Vượt khỏi các Tham ái,
Đoạn tận mọi khổ đâu,
Bậc trí không nhiễm dính,
Điều được thấy, được nghe.

251. Nhiều lần, Thế Tôn thuyết,
Ý nghĩa lời dạy này,
Bậc bác học kệ chú,
Thâm hiểu ý nghĩa ấy.
Bậc ẩn sĩ nói lên,
Với những kệ tuyệt diệu,

Bậc không ăn đồ thối,
Độc lập, khó hướng dẫn.

252. Nghe xong những lời dạy,
Lời Thế Tôn khéo nói,
Chấm dứt ăn đồ thối,
Đoạn tận mọi khổ đau,
Vị ấy đảnh lễ Phật,
Với tâm ý nhún nhường,
Thỉnh cầu được cho Pháp,
Xuất gia tại nơi đây.

(Trích Tiểu Bộ Kinh – Chương 2 – Tiểu Phẩm - Kinh Hôi Thối Amagandha)

Thầy tóm tắt nội dung bài Kinh Hôi Thối: đây là câu chuyện kể về hai vị Thượng Thủ Thanh Văn thời Đức Phật Ca Diếp *(Kassapa)*. Sau thời của Đức Phật Ca Diếp là Đức Phật Thích Ca *(Gotama)*, mỗi vị Phật Chánh Đẳng Giác đều có nhị vị Thượng Thủ Thanh Văn, như cánh tay trái và cánh tay phải đắc lực của Đức Phật. Thời Phật Thích Ca có Ngài Xá-lợi-phất *(Sāriputta)* là Đệ nhất trí tuệ - cánh tay phải của Đức Phật; và Ngài Mục-kiền-liên *(Mahā Moggalāna)* Đệ nhất Thần thông – cánh tay trái của Đức Phật. Phật Ca Diếp sau khi thành đạo cũng có hai vị Thượng thủ Thanh Văn như vậy.

Sau khi Ngài xuất gia và tu thành Phật thì Ngài mới nghĩ đến hai người bạn xưa, hai người

này chính là những vị công tử bạn trước đó của Ngài, khi Ngài nghĩ về hai người bạn này thì hai vị đã kẹt vào việc ăn chay, tức là không ăn mạng chúng sanh. Nói dễ hiểu là hai vị này không ăn thịt và cho đó là cái rốt ráo, họ chấp vào cái đó, trong khi không phải vì chuyện chay, mặn mà mình thành Thánh, mà ở chỗ Giới Định Tuệ, Bát Chánh Đạo, Tứ Niệm Xứ. Thầy đã giảng nhiều lần rồi, dù quý vị có ăn chay một ngàn đời mà quý vị không có Bát Chánh Đạo, Tứ Niệm Xứ, Giới Định Tuệ thì sao quý vị chứng Thánh được! Nếu nói ăn chay thành Phật, vậy trước thời Phật có bao nhiêu người họ cũng không ăn thịt nhưng tại sao họ không thành đạo được. Chúng ta phải hiểu đó là một cực đoan, nếu mình hiểu lời Phật thì sẽ không nói như vậy. Ăn chay là tốt, tốt ở đây là ăn từ cái nguồn ở đâu ra, ăn với tâm thiện rồi thực hành hạnh từ bi, ăn chay là để không gieo oán kết với chúng sanh,… nhưng không có chuyện ăn chay mà chứng Thánh!

Thầy quay lại nội dung, hai người bạn của Đức Phật Ca Diếp, lúc này là tu hạnh ăn chay, Phật Ca Diếp muốn độ hai người này nên cố ý ăn miếng thịt trước mặt họ, mục đích là để phá cái "chấp" trong tư tưởng của hai vị này. Bởi vì họ nghĩ ăn thịt cá thì không thể nào thành Phật được. Nhưng hai người bạn rất tôn kính và có niềm tin nơi Phật Ca Diếp, sau khi nghe Ngài

thuyết Pháp thì họ đắc quả A-la-hán và trở thành hai vị Thượng Thủ Thanh Văn.

Bài Kinh mà Ngài thuyết tên là Kinh Hôi Thối *(Amagandha Sutta)*, nội dung như nãy giờ Thầy đã giảng, thức ăn bất tịnh hay không bất tịnh thì không phải từ đồ ăn đó là thịt cá hay rau quả mà chính là nguồn đồ ăn đó từ đâu ra, nếu từ nguồn sát sanh, trộm cắp, Tà mạng là thức ăn bất tịnh; nếu từ nguồn Chánh mạng là thiện, chay tịnh. Thứ hai là ăn với Tâm Từ, Tâm bi, tâm Chánh niệm là thiện; còn ăn với tâm tham đắm, tâm sân hận là bất thiện, đó là nội dung của Kinh Hôi Thối.

VI. VÌ SAO MÌNH ĂN CHAY?

Như đã nói, Thầy ăn chay và cũng khuyến khích quý vị ăn chay nhưng hãy nhớ giùm Thầy là nếu mình ăn chay, tốt nữa là chay trường, nhưng đừng cảm thấy tự cao, tự hào, tự mãn gì hết, không đáng gì để mình tự hào. Khi quý vị nhìn người ăn mặn: *"Tu gì mà ăn chay không được, tu vậy sao tiến bộ,...?"* hoặc mình nói: *"Tu gì mà còn ác, ăn mặn, không có từ bi"*,… không nên nói những câu nói đó. Chúng ta chỉ nhớ là mình ăn chay được, hợp với cơ thể mình thì mình cứ ăn, và không khinh thường người không ăn chay được. Thầy khuyến khích quý vị ăn chay, vậy vì sao chúng ta ăn chay?

1. Về mặt tâm linh

Đại chúng nhớ là việc ăn chay với việc sát sanh là khác nhau. Sát sanh thì là bất thiện rồi, một con kiến, một con ruồi mình giết cũng là bất thiện, là nghiệp sát; còn ăn chay là để thực tập hạnh từ bi, hạnh không sát sanh, mở rộng lòng từ, tránh sát sanh tạo nên oán kết, bất thiện.

Khi ăn chay, thân tâm sẽ nhẹ nhàng, trợ duyên cho việc tu tập. Nếu chúng ta ăn mặn sẽ cảm thấy cơ thể nặng nề, thức ăn lâu tiêu,… từ đó gây cản trở cho quá trình tu tập.

"Mọi người sợ hình phạt,

Mọi người sợ tử vong.

Lấy mình làm ví dụ

Không giết, không bảo giết.

Mọi người sợ hình phạt,

Mọi người thương sống còn;

Lấy mình làm ví dụ

Không giết không bảo giết".

(Kinh Pháp Cú kệ 129, 130 – Phẩm Hình Phạt)

2. Về mặt sinh học

Điểm này không nói lên tôn giáo gì hết, do cơ địa, hình tướng, cấu trúc con người hợp cho việc ăn chay, không phù hợp cho việc ăn mặn vì:

- *Cấu trúc hàm răng*: con người có hàm răng bằng và đều, dùng để nhai và nghiền thức ăn, không có răng nanh; loài thú mới có răng nanh để cắt và xé thịt.

- *Về móng*: con người có móng mềm và yếu, không có móng vuốt; con vật ăn thịt thì có móng vuốt để nó xé thịt đó ra.

- *Lượng dung dịch axit trong dạ dày*: con người có một lượng rất ít về dung dịch axit để tiêu hóa thức ăn, ít hơn con vật. Chúng ta thấy con vật nó ăn những loại thịt sống mà vẫn không sao, không bị đau bụng nhưng loài người mình ăn thì hay bị đau bụng là do dung dịch axit để tiêu hóa nó không nhiều, bao tử của những con vật có nhiều cho nên cơ địa của con người ăn chay thích hợp hơn.

- *Hệ thống đường ruột:* con người có ruột dài hơn ruột của những con thú cho nên khi mình ăn những thức ăn như thịt vào nhiều, để lâu thì nó dễ sanh bệnh hơn, vì ruột của con người dài, lâu tiêu hóa thịt, chỉ phù hợp với việc tiêu hóa rau quả.

Còn động vật ăn thịt có đường ruột rất ngắn, phù hợp việc bài tiết nhanh chóng chất thải ra ngoài.

- *Về mặt sức khỏe*: Thầy nhớ là khoảng hơn 10 năm nay, phong trào ăn chay nổi lên khá đông, người ta ăn chay không phải vì tu theo Phật pháp, Tâm linh gì hết mà họ ăn chay là vì lý do sức khỏe. Ngày nay, các căn bệnh như nhồi máu cơ tim, tai biến mạch máu não, đột quỵ, ung thư,… xuất hiện nhiều đối với người ăn quá nhiều thịt và các sản phẩm từ thịt như trứng, bơ, sữa.

Quý vị có ăn chay vì lý do sức khỏe, Thầy ủng hộ, rồi ăn chay về mặt Tâm linh của mình luôn để có thêm lòng từ, mình dừng việc sát sanh, không muốn kết oán với chúng sanh,... đó là một số lý do mà Thầy khuyến khích chúng ta ăn chay dù nãy giờ Thầy giảng vấn đề chay mặn, thanh tịnh hay bất tịnh là xét nguồn gốc thức ăn từ đâu và ăn bằng tâm gì.

VII. BÀI HỌC

- Những điều nên tránh của người ăn chay: không kiêu mạn, cho là mình giỏi, hay hơn người khác, coi khinh người chưa ăn chay được, vì sẽ gây ác cảm với người khác, làm tổn đức của mình; không ép xác, kiêng khem quá mức mà chọn thức ăn chay có đầy đủ chất dinh dưỡng, ăn các loại

rau, đậu,…; không có tư tưởng ăn chay sẽ dẫn đến chứng Thánh, đắc đạo vì con đường đưa đến đạo quả giải thoát là thực hành Bát Chánh Đạo, Tứ Diệu Đế, Giới Định Tuệ.

- Đừng quá đòi hỏi và nặng nề về việc ăn uống, thức ăn dễ tìm một chút, đừng câu kỳ và mất thời gian quá. *"Đưa đến dễ nuôi dưỡng, không đưa đến khó nuôi dưỡng. Này Gotamī, hãy thọ trì nhứt hướng rằng: "Đó là Pháp, đó là Luật, đó là lời dạy của bậc Đạo sư". (Kinh Tăng Chi, chương 8 pháp, phẩm Gotamī, (53) Pháp Tóm Tắt).*

- Chúng ta tập ăn làm sao mà ăn cái gì cũng ngon chứ đừng cái ngon mới ăn. Ăn cái gì cũng ngon không giống với thấy cái gì ngon cũng ăn. Mà thấy cái gì ngon cũng ăn còn đỡ hơn thấy cái gì ngon mới ăn.

- Việc ăn uống là có sức khỏe để tiếp tục tu học, là phương tiện độ sanh. Ăn cái gì lành không nhất thiết ăn cái gì ngon. Mình tu không cần sang, không cần đẹp mà cần sạch và cần thích hợp trong chuyện tu học. Y phục không cần đẹp, không cần sang nhưng mà cần thoải mái. Thực phẩm không cần ngon, nhưng mình cần nó lành cho sức khỏe.

- Thức ăn ảnh hưởng đến tinh thần, nên có chọn lọc trong việc ăn uống.

- Chuyện chay - mặn là tuỳ duyên và theo truyền thống tu tập của mỗi người. Vì vậy, người ăn chay không chê người ăn mặn là ăn mặn không có từ bi; và ngược lại, người ăn mặn không chê người ăn chay là ăn giờ của Ngạ quỷ (vì ăn giờ chiều).

- Chúng ta đừng để *"lương thực vượt qua lương tâm"*, miếng ăn là miếng tồi tàn, mình có thể đói nhưng đừng vì miếng ăn mà đánh mất lương tâm, tạo bao ác nghiệp.

- Khi quý vị nói Pháp cho ai đó như đang tặng cho người đó viên ngọc quý, nhưng nếu nói Pháp với mục đích vụ lợi, mong cầu lợi dưỡng, mong được cho món ăn ngon lạ thì giống như mình trao cho người ta viên ngọc mà muốn nhận lại bãi nước bọt vậy.

- Được sanh làm người là khó, gặp Phật Pháp và tu tập theo đúng Chánh Pháp còn khó hơn, nếu Đại chúng dành toàn thời gian cho việc ngủ nghỉ, hưởng thụ, ăn uống, suốt ngày lo cho cõi sống của cái bao tử thì quá uổng phí, vậy cõi sống trái tim và khối óc ở đâu?

- Chúng ta khác súc sanh ở chỗ có trí tuệ, nếu ăn không chọn lựa, muốn ăn gì thì ăn, luôn khổ vì cái ăn thì khác gì loài súc sanh luôn đắm chìm vào việc nuôi bao tử.

- Một khi còn ham ăn, ham uống (tạo bao ác nghiệp) thì không thể đắc Thiền và đi xa trên con đường tu tập giải thoát.

- Đức Phật dạy chúng ta phải quán chiếu được sự bất tịnh, dơ dáy, đáng gờm của thức ăn để không đắm chìm, dính mắc vào việc ăn uống.

- Là người con Phật là phải dễ nuôi, không dễ duôi. Dễ nuôi là ăn gì cũng được, miễn là thức ăn sạch và đủ chất. Dễ duôi là ăn vô tội vạ hoặc khó khăn, cầu kì trong miếng ăn.

- Khi biết tu là phải ăn với tâm thế như người Mẹ ăn thịt đứa con của mình (không tham đắm, không hưởng thụ, …).

VIII. TÓM LƯỢC

Về vấn đề chay - mặn: từ "ăn chay" là do trại từ "ăn trai". "Trai" này nghĩa là thanh tịnh, mà ăn như thế nào mới là thanh tịnh? Thời Đức Phật, ăn thanh tịnh là ăn trước giờ Ngọ và ăn Tam Tịnh Nhục. Sau này, từ "thực trai" mình nói trại thành "ăn chay" từ lý tưởng từ bi, thực hành hạnh từ bi, mình mới chuyển việc ăn chay qua việc không sát sanh, không ăn gì có dính dáng đến mạng sống của chúng sanh. Từ "Ăn mặn" nói trại từ "Ăn mạng", chứ không phải ăn mặn là bỏ thêm nhiều muối, mà ở đây chính là ăn mạng

sống của chúng sanh. Nghĩa của từ "ăn chay, ăn mặn" là như vậy.

Nguồn gốc: từ thời Đức Phật thì là ăn Tam Tịnh Nhục: Không thấy, không nghe và không nghi; thí chủ cúng gì ăn cái đó và ăn trước Ngọ; sau này ảnh hưởng bởi Phật giáo Trung Hoa từ thời Vua Lương Võ Đế, sau đó đến thời nhà Minh có Ngài Vân Thê Châu Hoằng cổ vũ các bộ Kinh Phát Triển như Kinh Lăng Già, Kinh Đại Bát Niết Bàn, Kinh Lăng Nghiêm,… khuyến khích việc ăn chay, hành hạnh từ bi, sau đó mình mới có việc ăn chay đến bây giờ.

Chúng ta rút ra bài học trong đoạn Kinh Thịt Đứa Con: mục đích ăn và ăn như thế nào cho có phước? Mục đích ăn là ăn cho có sức khỏe, cứ nhớ hình ảnh của người Cha, người Mẹ đi qua sa mạc vì đói nên phải ăn thịt của đứa con. Chuyện ăn không phải để tham đắm, không phải để vui đùa, ăn không phải để làm đẹp. Tâm trạng của Cha Mẹ đi qua sa mạc ăn thịt đứa con của mình thì sao mà vui nỗi, sao mà tham đắm nổi,… Mục đích duy nhất của việc ăn trong nhà Phật, dù quý vị đang ăn mặn hay ăn chay đều là để có sức khỏe. Có sức khỏe để làm gì? Để hỗ trợ quá trình thực hành Phạm hạnh, bây giờ không có sức khỏe thì làm sao chúng ta tu!

Thầy mong qua bài Pháp này, đại chúng nhớ giùm Thầy là nhẹ nhàng chuyện ăn, không đau khổ, không tham đắm vì chuyện ăn, và đặc

biệt là không quá mất thời gian vào chuyện ăn. Vì buổi học hôm nay có mấy cô nên Thầy nhắc về việc mất thời gian, cứ lo loanh quanh nấu món này, món kia thì làm ơn để thời gian đó nghe Pháp giùm Thầy, chỉ có nghe Pháp, chỉ có đọc Kinh hoặc nghe từ một vị thiện tri thức nào đó mới mở mang được cái đầu của mình thôi, đó gọi là trí tuệ do Văn (Văn Tuệ), không có trí tuệ do Văn thì khó có trí tuệ do Tư duy (Tư Tuệ) rồi tu tập (Tu Tuệ). Cho nên đầu tiên là có trí Văn trước, quý vị ráng cố gắng ăn uống nhẹ nhàng giùm Thầy.

Trước giờ mình nhìn thấy mấy người ăn mặn, nhìn bằng ½ con mắt, mặc dù mình đang đi Chùa. Học bài hôm nay xong thì Đại chúng bỏ tư tưởng này đi. Hôm nay là mình học tới gốc, tới nguồn rồi đó. Giả dụ như hôm nào quý vị có ăn chay trường được thì cứ ăn, hoặc chưa ăn chay trường được thì chay kỳ gì đó, rồi ăn chay ngày, chay bữa,… hoặc cố gắng trong tháng đó mình ăn được 10 ngày, 6 ngày, 4 ngày,… tùy khả năng của mình.

Ăn thế nào cho có phước? Thứ nhất, nguồn thức ăn đó phải từ Chánh mạng mà ra. Thứ hai là phải ăn bằng Tâm Từ, Tâm Chánh Niệm, Tâm tỉnh giác, Tâm Kham nhẫn rồi từ đó mà làm các thiện Pháp thì có phước là ở chỗ đó. Còn bất thiện không phải ở chỗ người đó ăn thịt mà không ăn rau củ quả, không ăn đậu hũ, nước

tương,… mà thức ăn bất tịnh hay không là do từ cái nguồn. Quý vị ăn chay được thì Thầy ủng hộ và khuyến khích quý vị ăn chay vì cơ thể của mình nó hợp với việc ăn chay, rõ ràng chúng ta thấy việc ăn chay nhẹ nhàng hơn việc ăn mặn. Riêng Thầy thì ăn chay từ nhỏ rồi, ăn chay trước khi đi tu mấy năm. Khi quý vị ngoài đời mà thấy có những lúc mình ăn mặn, sau đó ăn chay vô thì mình thấy nhẹ nhàng lắm. Như Thầy có giảng ở phần trên, ruột của con người chứa nồng độ dung dịch axit tiêu hóa thức ăn thấp hơn động vật, vì vậy con vật nó ăn không nặng nề, còn mình ăn thì nặng nề do phải tiêu hóa lâu, nó ăn không đau bụng mà mình ăn bị đau bụng là do ruột của chúng ta dài cho nên nó giữ cái thịt đó lại làm cho chúng ta nặng nề lắm, con người không có móng vuốt,… Cơ địa của con người thích hợp với việc ăn thức ăn chay hơn, Thầy vẫn khuyến khích đại chúng ăn chay, nhưng giả dụ chưa ăn chay được thì cũng đừng có gì phải buồn, cứ tập ăn từ từ, mà khi ăn được rồi cũng đừng khinh người ta.

Thầy biết bài Pháp này quý Thầy cũng đã giảng nhiều rồi, hôm nay Thầy muốn thống kê lại, tóm tắt lại. Nhất là Thầy muốn nói vài bản gốc trong Kinh để quý vị có thêm niềm tin, bỏ đi một vài cái cực đoan là ăn mặn thì không tu được hoặc ăn chay là quá giỏi trên đường tu tập. Nhiều người nói: *"Ăn chay là pháp môn tu tối*

thượng!”. Thầy nghe mà rầu ghê, ăn chay tốt lắm mà đừng nói tối thượng. Chỉ có tu tập theo giáo lý Bát Chánh Đạo, Tứ Diệu Đế mới giúp chúng ta đắc Đạo Quả. Còn việc ăn chay mà đắc là không có. Quý vị ăn chay được thì cứ ăn, mình tránh việc sát sanh, tránh hận thù thì quá tốt nhưng đừng nghĩ người không ăn chay được là người ta không tu được, ăn mặn họ tu cũng được, ăn chay tu cũng được, còn phước hay không phước là chỗ lúc nãy Thầy nói. Thầy có vài lời gửi đến quý Phật tử, mong quý vị nhẹ nhàng việc ăn, ăn là để khỏe thôi, khỏe để trợ duyên cho bước đường tu học./.

(Buổi giảng ngày 28/03/2022)

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Định nghĩa ăn chay, ăn mặn?
2). Nguồn gốc ăn chay?
3). Quan niệm về thức ăn thời Đức Phật?
4). Có phải ăn chay có Phước, ăn mặn có tội?
5). Ăn như thế nào cho có Phước?
6). Mục đích ăn để làm gì theo “Kinh tất cả lậu hoặc - Kinh Trung Bộ”?
7). Khi ăn cần quán sát ra sao theo “Kinh Tương Ưng, Kinh thịt đứa con”?
8). Trình bày tổng quan bài Kinh Hôi Thối?

9). Vì sao nên ăn chay?

10). Lợi ích của việc ăn chay?

Bài 19: BÁT ĐOÁN PHẬT NGÔN

---

*GIỚI THIỆU
* PHÂN TÍCH BÀI KINH
* TỔNG KẾT

I. GIỚI THIỆU

"Bát" là tám (số 8).

"Phật ngôn" là lời dạy của Phật.

"Bát đoán Phật ngôn" là Tám lời dạy của Đức Phật.

Chủ đề này chỉ cho chúng ta tám điều mà dựa trên đó ta biết được đó là lời Phật dạy. Những ai, những giáo lý nào mà nói ngược lại với tám điều này là mình biết đó không phải là lời Đức Phật dạy.

Để tìm hiểu rõ thêm về chủ đề này, Thầy sẽ đi vào bài Kinh Đức Phật dạy. Trong **Kinh Tăng Chi - Chương 8 Pháp - Phẩm Gotamī - Kinh Pháp Tóm Tắt.** Duyên sự Phật thuyết bài Kinh này là như vầy: Có một lần Bà Gotamī tới đảnh

lễ Đức Phật, xong Bà đứng một bên, rồi bạch với Đức Thế Tôn thế này:

"Lành thay, Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết Pháp vắn tắt cho con, sau khi Thế Tôn thuyết Pháp, con sẽ sống một mình an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần."

Tức là sau khi Thế Tôn thuyết Pháp cho con, con sẽ nương lời Pháp, lời Phật để con sống, sống một mình và sống an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, tỉnh giác. Sau khi bà Gotamī thưa như vậy, Đức Phật nói thế này:

Này Gotamī, những pháp nào bà biết: "Những pháp này đưa đến tham dục, không phải ly tham; đưa đến hệ phược, không đưa đến ly hệ phược; đưa đến tích tập, không đưa đến không tích tập; đưa đến dục lớn, không đưa đến ít dục; đưa đến không biết đủ, không đưa đến biết đủ; đưa đến tụ hội, không đưa đến nhàn tịnh; đưa đến biếng nhác, không đưa đến tinh tấn; đưa đến khó nuôi dưỡng, không đưa đến dễ nuôi dưỡng". Này Gotamī, hãy thọ trì nhất hướng rằng: "Đó là không phải Pháp, đó là không phải Luật, đó là không phải lời dạy của bậc Đạo sư".

Trên đây là 8 cơ sở để mình dựa trên đó mà biết không phải lời Phật dạy. Vậy để biết đúng là lời Phật dạy thì phải đúng với 8 điều sau đây. Đức Phật nói tiếp:

Và này Gotamī, những pháp nào bà biết: "Những pháp đưa đến ly tham, không đưa đến tham dục; đưa đến ly hệ phược, không đưa đến hệ phược; đưa đến không tích tập, không đưa đến tích tập; đưa đến ít dục, không đưa đến dục lớn; đưa đến biết đủ, không đưa đến không biết đủ; đưa đến nhàn tịnh, không đưa đến tụ hội; đưa đến tinh tấn, không đưa đến biếng nhác; đưa đến dễ nuôi dưỡng, không đưa đến khó nuôi dưỡng". Này Gotamī, hãy thọ trì nhất hướng rằng: "Đó là phải Pháp, đó là phải Luật, đó là lời dạy của bậc Đạo sư".

(*Hệ phược* là trói buộc.)

Phật ngôn	**Không phải Phật ngôn**
1. đưa đến ly tham	*1. đưa đến tham dục*
2. đưa đến ly hệ phược	*2. đưa đến hệ phược*
3. đưa đến không tích tập	*3. đưa đến tích tập*
4. đưa đến ít dục	*4. đưa đến dục lớn*
5. đưa đến biết đủ	*5. đưa đến không biết đủ*
6. đưa đến nhàn tịnh	*6. đưa đến tụ hội*
7. đưa đến tinh tấn	*7. đưa đến biếng nhác*
8. đưa đến dễ nuôi	*8. đưa đến khó nuôi*

dưỡng	*dưỡng*

II. PHÂN TÍCH BÀI KINH

1. Những pháp nào đưa đến ly tham, không đưa đến tham dục:

Pháp của Phật là càng tu càng đưa đến ly tham. Tham là gì? Chúng ta ôn lại bài cũ. Có 3 cõi: Dục giới, Sắc giới, và Vô sắc giới.

a) Cõi Dục giới

Ở cõi Dục như mình thì gọi là tham dục. Những cái tham ở cõi Dục thì gọi là tham dục, bao gồm *tham qua sắc, thanh, hương, vị, xúc***.** Tức là tham qua năm căn: tham hình sắc qua mắt, tham âm thanh qua tai, tham mùi hương qua mũi, tham vị ngon của đồ ăn qua lưỡi, và tham sự xúc chạm qua thân.

b) Cõi Sắc giới

Tham ở cõi Sắc, ý muốn nói những người tham ở cõi Sắc giới, những người đắc Sơ thiền đến Tứ thiền, tham chấp vào các tầng thiền, gọi là tham Sắc.

c) Cõi Vô Sắc giới

Tham Vô Sắc là những người đắc Tứ Không thiền (Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ) tham chấp vào các tầng thiền Vô Sắc gọi là tham Vô Sắc.

Quý vị hãy luôn nhớ rằng Pháp của Phật, càng tu tập càng đưa mình đến ly tham. Càng học Phật Pháp mới thấy khó khủng khiếp. Dễ thì cũng có những bài giảng căn bản cho mình tu. Nhưng càng tu tập là càng thấy sâu xa, vi diệu, chứ không phải dễ thực hành. Nếu mà dễ thực hành thì nhiều người đắc thiền, đắc Thánh lắm!

Ở cõi Dục mình, người mà ly dục được là ai? Ly dục ly rốt ráo, tận gốc phải đắc Thánh quả A-na-hàm. Còn lìa tham dục tạm thời là phải đắc các tầng Thiền từ Sơ thiền trở lên, lìa trong lúc đắc thiền. Dễ hay khó? Quá khó! Nó khó vì đời sống của người cư sĩ cứ quanh quẩn trong 5 dục, như cá sống trong nước, rất dễ đắm vào 5 dục! Cho nên, quý vị thấy lời dạy nào dạy cho mình xa lìa, bỏ lòng tham, bớt sự tham dục đi, bớt đắm trong 5 dục đi, thì gọi là pháp ly tham.

Thời Đức Phật, một vị Thánh đại diện cho ngọn cờ Chánh Pháp là Ngài Đại Ca Diếp (Mahā Kassapa) - Đệ nhất hạnh đầu đà. Bậc Thánh từ A-na-hàm trở lên là đều đã ly dục, nhưng do

Ngài Ca Diếp thực hành đủ 13 hạnh đầu đà suốt đời, nên Ngài được xem là ngọn cờ đầu về hạnh ly dục.

Nếu không có duyên lành với Phật Pháp, không có Ba-la-mật để tu tập những cái xa hơn, cao hơn, sâu hơn, thì gần như tuyệt đại đa số chúng sanh như mình có cái gì là dính vô cái đó. Rất là khủng khiếp. Đẹp một chút là chết trong sắc đẹp, giàu một chút là chết trong tài sản, có căn nhà cấp 4 là chết trong cái nhà cấp 4, có biệt thự là chết trong biệt thự, có uy quyền là chết trong uy quyền, có sức khỏe là chết trong sức khỏe,… Chúng ta - những chúng sanh ở cõi Dục, gần như chỉ quanh quẩn, chìm đắm trong những gì mình có, như con giòi thì nó chết trong đống phân, con chuột rơi vào hũ gạo thì chết trong hũ gạo. Vì còn tham dục nên mình mới cứ quay lại cõi Dục này.

Để tránh sự quay trở lại này, Phật dạy cho chúng ta lìa dục từ từ rồi ly dục hoàn toàn. Lìa dục thì mình mới đắc thiền, ly dục mới vào Đạo vào Quả. Còn Pháp nào dạy cho mình đắm vào tham dục: "Cứ tận hưởng đi, cuộc sống có bao lâu đâu, chúng ta chỉ sống có một đời thôi, phải tranh thủ mà hưởng thụ đi, ai rồi cũng chết mà, nay mai gì cũng chết nên ăn được món nào thì ăn, đi được

nơi nào thì đi, hưởng thụ được cái gì hưởng thụ chứ,…" là mình biết đây không phải là Phật Pháp.

Một Phật tử hỏi Thầy câu: "Sống không vì mình, trời tru đất diệt" có đúng không? Tức là chúng ta phải sống vì mình chứ, lúc nào mình cũng phải sống vì mình trước chứ, mình không sống vì mình thì trời không dung đất không tha, cái gì mình cũng phải vì mình trước, chết rồi mới tính đến người khác. Nghe qua thì có vẻ hay, và thậm chí có người còn nói là đây là lời Phật dạy trong Kinh Thập Thiện! Tuy nhiên, **trong Kinh Thập Thiện không có đoạn nào Phật nói như vậy**. Cuối cùng Thầy mới phát hiện ra là có một vị Thầy khi giảng Kinh Thập Thiện, có nhắc câu này, chứ không phải Kinh Thập Thiện nói, không phải nha!

Khổng Minh là nhà chỉ huy quân sự xuất chúng. Nhưng trong một lần đánh trận với cha con Tư Mã Thiên và Tư Mã Ý, Khổng Minh đã phải ngửa mặt lên trời, mà thốt lên rằng: *"Nhơn nguyện như thử như thử, Thiên lý vị nhiên vị nhiên!"* Nghĩa là mưu sự tại nhân, thành sự tại Thiên, hay: người muốn như vậy như vậy, nhưng mà trời muốn như vậy như vậy. Vì sao? Trong trận chiến đó, ông đã đẩy cha con Tư Mã Thiên,

Tư Mã Ý vào một cái hang, dự tính sẽ cho đốt lửa lên và khói sẽ làm hai cha con họ chết ngạt. Ở khu vực đó 9 tháng liền trời không mưa, nhưng khi nổi lửa lên thì trời ập mưa xuống!

Nếu xét theo góc nhìn của Phật Pháp thì câu: *"Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên"* rất ý nghĩa, nó phản ánh tính vô ngã trong đời. Tức là mình sắp xếp, chuẩn bị mọi việc, còn thành hay bại, được hay không lại không phải chỉ do mình mà còn tùy thuộc vào rất nhiều cái duyên khác. Ví dụ, quý vị chuẩn bị bánh trái nước non, mọi cái xong hết, mời bạn bè tối nay tới nhà, tính ra ngoài sân vườn ngồi đốt lửa trại, nhưng sắp đến giờ thì mưa. Hay ngày mai con quyết tâm đi Chùa để tham dự Khóa tu một ngày, con hoàn tất công việc công ty, việc chồng con, sắp xếp mọi việc hết rồi, sáng mai chỉ có đến giờ là đi thôi, ai ngờ sáng mai đứa con nó bị đau bụng, phải đưa nó vô bệnh viện, thế là kế hoạch tan thành mây khói. Cho nên, mình phải đổi lại một chút: *"Mưu sự tại nhân, thành sự tại duyên",* chứ không phải là thành hay không là do Trời.

Quý vị có thấy rất nhiều chuyện trong đời xảy ra như vậy không? Mình muốn như vậy đó, cố gắng hết sức có thể, nhưng nó đâu có xảy ra như ý mình. Tương tự, giảng mà tới chỗ rốt ráo vấn đề

Ly Dục này cho người cư sĩ thì khó lắm. Dĩ nhiên, người cư sĩ vẫn có thể đắc thiền, đắc Sơ, Nhị, Tam, Tứ thiền nhưng người cư sĩ có nhiều cái khó khăn hơn người xuất gia. Các điều kiện, các duyên không thuận bằng người xuất gia. Người cư sĩ dễ quanh quẩn trong cơm áo gạo tiền, trong chuyện gia đình, dễ đắm vào dục, mà đắm vào dục thì chuyện đắc thiền rất khó.

Thầy tóm tắt ý chính phần này. Pháp của Phật là dạy cho mình ly dục, ly tham. Tham ở đây bao gồm tham ở cõi Dục gọi là tham dục, tham ở cõi Sắc gọi là tham Sắc, tham ở cõi Vô Sắc là tham Vô sắc. Một khi đã đoạn tận tham tức là đắc đạo, đắc quả. Việc ly dục, ly tham khó lắm!

2. Những pháp nào đưa đến ly hệ phược, không đưa đến hệ phược?

"Ly" là xa lìa, đoạn trừ. Hệ phược là trói buộc. Pháp của Phật đưa đến ly hệ phược là dạy chúng ta tu tập sao cho mình không còn bị trói buộc. Không bị trói buộc trong cái gì? Trói buộc trong luân hồi sinh tử, trói buộc trong Tam giới, trói buộc trong phiền não, trói buộc trong triền cái, trói buộc trong kiết sử. Ngày nào mình còn bị những cái này trói buộc, bị tham, sân, si trói buộc thì ngày đó mình còn khổ. Vì sao? Vì còn bị trói buộc trong luân hồi là còn hồi hộp, còn nhiều rủi ro, còn nhiều bất trắc.

a. Bất trắc về cảnh giới tái sanh: nhắm mắt rồi, có ai biết mình tái sanh cảnh giới nào không?

- ✓ Một là phạm ngũ nghịch đại tội thì xuống địa ngục là chắc chắn.
- ✓ Hai là đắc thiền, từ Sơ thiền trở lên, mới chắc sẽ tái sanh lên cõi Phạm Thiên.
- ✓ Ba là đắc Thánh mới chắc chắn là không còn đọa xuống địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A-tu-la.

Ngoài ba khả năng này ra, bất trắc lắm, mà thường cái tỉ lệ đi xuống nó cao hơn nhiều.

b. Bất trắc do rất dễ gặp Thầy tà bạn xấu:

Chúng ta nghe Pháp, được soi rọi bởi những lời Phật dạy để có chánh kiến. Vậy mà nghe vị nào đó nói bùi tai, dù ngược với lời Phật dạy, là bỏ hình Phật xuống, thờ cái vị đó, chứ không thờ Phật nữa! Chúng ta học với quý Thầy, có Thầy nào nói bỏ Phật xuống thờ quý Thầy không? Thầy dặn quý vị, ai là Phật tử, quy y Tam Bảo rồi, thì có hai trường hợp đứt Quy y, nghĩa là không còn là Phật tử nữa: một là mình chết; hai là mình đi theo Thầy tà bạn xấu, một vị có tà kiến, tà sư nào đó mà mình nghĩ và tin rằng vị đó có thể giúp cho mình ra khỏi luân hồi sanh tử. Còn nếu như mình chỉ quen biết thầy tà kiến, tà sư nào đó, chỉ quen vậy thôi, thì chưa có đứt Quy

y. Mọi người cũng nhớ giùm rằng trong vòng luân hồi này, tỉ lệ mình gặp thầy tà bạn xấu nó cao khủng khiếp lắm.

Nhớ lại lời nguyện Thầy dạy trong bài trước không? *"Nguyện cho những công đức con làm được, xin cho con, khi có Phật, có Thánh ra đời, thì con được gặp các Ngài; nếu không gặp thời Đức Phật Chánh Đẳng Giác thì xin cho con gặp các vị đắc thiền, đắc Thánh, các vị hiểu nghiệp và quả của nghiệp, gặp Thầy lành bạn tốt."* Tại sao? Vì tuy các vị đó có thể không phải là bậc Thánh nhưng mà trong vòng luân hồi, gặp được các vị đó đỡ hơn là gặp tà sư nhiều. Mình phải nguyện nha, chứ không nguyện, cái tần số *"đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu," "nồi nào úp vung nấy"*, đủ duyên là mình gặp mấy vị tà sư, là mình đi theo con đường tà kiến, khủng khiếp vậy đó.

c. <u>Bất trắc do khuynh hướng bất thiện thường nổi trội:</u>

Trong vòng luân hồi, giữa tâm thiện và tâm bất thiện thì mình thường rất dễ xuôi theo cái bất thiện. Lý do vì từ vô lượng kiếp, vô minh, ác nghiệp, tham, sân, si đã quá sâu dầy; vì xung quanh mình hầu hết chúng sanh cũng bị vô minh, tham dục che mờ; vì những thói quen bất thiện đã được huân tập quá lâu rồi, v.v.. Tất cả như

một lực quán tính khổng lồ cứ đẩy mình về phía bất thiện.

Tóm lại, ngày nào mình còn trôi nổi trong vòng luân hồi thì những bất trắc, rủi ro luôn chờ đợi mình. Ba cái bất trắc lớn là: không biết mình sẽ đi về cảnh giới nào; mình rất dễ gặp thầy tà, bạn xấu; và mình thường có khuynh hướng duyên theo sự bất thiện. Giáo Pháp của Phật dạy cho mình lìa, ly hệ phược là cởi trói cho mình, để chúng ta không còn bị trói buộc trong phiền não, trong đau khổ, trong tham sân si, trong Tam giới, trong triền cái, trong kiết sử, không còn bị trói buộc trong cái vòng đau khổ luân hồi sanh tử này. Giáo pháp nào dạy cho mình những điều này thì đúng là Giáo Pháp của Phật.

3. Những pháp nào đưa đến không tích tập, không đưa đến tích tập?

"Tích tập" có nghĩa là dung chứa. Dung chứa cái gì? Dung chứa cái nhân của khổ đau, dung chứa cái nhân của tham ái, cái nhân của vô minh, cái nhân của sinh tử, luân hồi, dẫn đến việc tiếp tục vô minh, phiền não, khổ đau, luân hồi triền miên. Đó gọi là tích tập.

Không tích tập, tức là Giáo Pháp của Phật đưa đến đoạn trừ vô minh, phiền não, luân hồi, tham ái, khổ đau. Có phải tu tập là ngày càng đi đến cái chỗ đó không? Bây giờ mình chưa được thôi, nhưng có phải mình đi đến cái chỗ đó không, cái

chỗ mà không có tích tập cái nhân của sanh tử, luân hồi, không có tích tập, không có dung chứa cái nhân của vô minh, của tham ái không?

4. Đưa đến ít dục, không đưa đến dục lớn & 5. Đưa đến biết đủ, không đưa đến không biết đủ (ít dục và biết đủ)

Thầy từng đọc câu này, quý vị còn nhớ không?

"Cái đáng để khoe nhất là lòng không muốn khoe.
Cái đáng để muốn nhất là lòng không muốn gì."

Hai câu thơ này hiểu rồi chúng ta mới thấy hạnh phúc, mới thấy nó ý nghĩa đến như thế nào. "Lòng không muốn gì" là hết dục rồi mới hết muốn, mà hết dục là đắc A-na-hàm! "Lòng không muốn khoe" là đã hiểu có gì nữa đâu mà khoe! Ví dụ, Phật tử mình có cái gì để khoe không? Học bài "Sân" Thầy dạy rồi *(Khóa 3, bài 21)*, mình mà được đẹp, được giàu, được khỏe, được thông minh, được uy quyền, được này, được kia thì giống như người bị bệnh đang chữa bệnh, chưa có hết được trọng bệnh đâu, hay như người đang đi qua sa mạc, chưa có qua khỏi sa mạc đâu. Mình vẫn đang ở trong nhà tù Tam giới mà. Thế thì có cái gì đâu để cho mình khoe? Hôm nay mình chỉ thuận duyên, chỉ có phước một chút thôi, không

có gì để khoe hết. Nhưng trên cái căn bản đó, tiếp tục làm những cái phước mới nữa.

Là người tu tập, là đệ tử Phật, chúng ta tu sao không biết, nhưng càng ngày phải càng ít muốn, biết đủ mới là tu đúng. Khi không có nhiều nhu cầu, khi ít muốn biết đủ rồi, quý vị hạnh phúc lắm. Mình vẫn phải ăn, mặc, ngủ, nhưng chỉ là những cái rất cần thiết thôi thì sẽ thấy cuộc sống rất nhẹ nhàng, khỏe lắm. Chúng ta để ý đi, "càng lắm ham muốn, càng nhiều khổ đau". Lúc nhỏ mới đi tu, Thầy học câu này không có thấm tại vì lúc đó Thầy mới vô Chùa đâu có cái gì đâu. Thầy thắc mắc, muốn được cái này, cái kia, được thì sướng chứ tại sao mà khổ? Nhưng sau này càng lớn lên, càng chiêm nghiệm, càng thấy nó đúng. Càng nhiều tham muốn thì càng đau khổ vì những cái muốn của mình nó không được như ý. Tỉ lệ bất toại nó quá cao. Muốn mà không được là thấy khổ rồi. Cứ cho là muốn mà được thì sau đó một thời gian, còn được bao nhiêu phần trăm như ý? Ví dụ được10% như ý đi, rồi 10% đó có thay đổi không?

Hôm trước Thầy giảng cảnh trần là bất toại, là vô thường, vô ngã và khổ, là biến hoại, mọi cái bị thúc đẩy, phải tiến về phía trước. Cho dù có được đi chăng nữa rồi nó cũng phải thay đổi, cứ tiếp

tục, tiếp tục như vậy. Tu tập chắc quý vị đã có cảm nhận là ngày nào mà lòng mình muốn càng nhiều là ngày đó mình khổ nhiều. Do tham càng nhiều, rồi không được, bất như ý, thì càng khổ, mà nếu được thì muốn giữ, giữ cũng mệt, mà đâu có giữ được mãi đâu, nên cũng khổ. Cho nên Đức Phật dạy ít muốn, biết đủ.

Ngày xưa thời Đức Phật, những nhu cầu căn bản như ăn mặc, ngủ nghỉ đơn giản lắm. Ăn là khất thực, không lo chuyện nấu nướng, không tốn thời gian. Sau này Phật Pháp truyền vào nhiều nơi mới có sự thay đổi, như bây giờ có chuyện nấu ăn. Đại chúng thấy trong áo của quý Thầy mặc có cái túi ngay trước bụng không? Đó là để khi các Thầy bỏ cái gì vô đây, là nó phồng lên, ý muốn nhắc là: ít muốn lại con, con muốn càng nhiều nó càng ù lên đó. Áo của người tu gài 6 nút ý dạy là: nhớ phòng hộ 6 căn nha con, cẩn thận nha con, hở một cái là dính vô tham muốn liền. Con người mình ở cõi Dục là rất dễ dính vào tham dục.

Ngày xưa Phật dạy quý Thầy, mặc chỉ có ba y, và chỗ ở cũng đơn giản lắm. Các Thầy không lo về trú xứ vì ở rừng, ở núi, ở gốc cây, ở hang đá, ở ngôi nhà trống, nó rất là khỏe. Sau này khi có nữ nhân xuất gia thì phải lo chuyện trú xứ. Mà có trú xứ thì phải tốn thời gian chăm sóc, chuẩn bị, sửa

sang, v.v. và đặc biệt là cái chuyện thủ đắc trú xứ, dính mắc vào trú xứ phát sinh. Khi chưa đắc Thánh quả, mình đừng tin tâm mình vì có cái gì là dễ dính vô cái đó. Phải nhắc mình khi thọ dụng cái gì cũng phải cẩn thận, cái gì mà như ý, vừa lòng là mình dễ dính vô tâm tham, cái gì mà bất như ý, mình dễ dính vô tâm sân liền.

Pháp của Phật dạy cho chúng ta tu làm sao để ít muốn, biết đủ. Khi mà càng muốn ít rồi thì vào thiền tu tập mới dễ đắc thiền, nếu không thì không vào thiền được. Vào Sơ thiền là phải ly dục. Muốn đủ thứ hết sao mà ly dục được? Tham nhiều quá, ngồi thiền tâm không yên được. Ngồi xuống là tâm tham nó quấy trong đầu, muốn điên loạn luôn.

Quý vị để ý có đúng không, người nào mà càng nặng về hình thức bao nhiêu thì đời sống tâm linh của người đó càng cạn lắm. Bên ngoài mà quý vị muốn đủ thứ, hết cái này đến cái kia, cứ suốt ngày chăm sóc cho cái bên ngoài, không chăm sóc cái nội tâm là cái đời sống tâm linh nó nông cạn, hời hợt lắm. Mà lạ lắm, ai có chăm sóc cho đời sống tâm linh của mình, lo tu tập, thường quay về nội tâm, sống một đời sống chánh niệm, tỉnh giác, thì tự nhiên sẽ bớt ham muốn những cái bên ngoài, sẽ sống một đời sống đơn giản lắm.

Càng đơn giản là càng hạnh phúc, càng thanh thản, nhẹ nhàng tại vì chỉ có những nhu cầu rất căn bản thôi thì càng ít tốn thời gian, ít lo, ít tham, ít muốn, ít đắm, ít chấp đủ thứ cái hết. Nói ít muốn, biết đủ đơn giản vậy, chứ quý vị thấy tu dễ hay khó? Chừng này thôi là thấy choáng ngợp rồi, đúng không? Rất là khó. Dĩ nhiên đời sống trong chùa nó dễ hơn, nó thuận duyên hơn. Người cư sĩ ở ngoài thì khó hơn. "Thôi thì thôi thế, thế thì thế thôi." Kệ nó, tu được nhiêu cứ tu, nghe, học được bao nhiêu cứ học. Biết đâu có những người cư sĩ có duyên lành với Phật Pháp nhiều. Quý vị cũng học chừng đó, tu chừng đó, mà quý vị đi nhanh, đi xa. Đừng mặc cảm! Pháp của Phật không có phân chia cư sĩ hay tu sĩ. Vấn đề là cái duyên quý vị học, tu tới đâu thôi. Cư sĩ hay người tu khi tu học Phật Pháp thì cũng đạt được như nhau hết.

Đời sống của một người tu thường là "Tam thường bất túc", nghĩa là ba cái thường là cái ăn, cái mặc, cái ngủ nên thiếu một chút vì cái gì mà dư dư một chút là mình đắm vô nó liền. Thầy nói đi nói lại mấy trăm lần cái câu này rồi: người mà không có duyên lành với Phật pháp, không có phước về Phật Pháp thì có cái gì là chết trong cái đó, là cứ quanh quẩn trong chuyện cơm áo gạo tiền, gia đình, sự nghiệp, hết ngày, hết tháng, hết năm, đến lúc chết là hết một đời người.

Có chị đó bên Quận 2 hẹn đưa Mẹ qua thăm Thầy. Mẹ chị nói là: *"Thầy ơi, con gái của con nó có cái nghiệp là đi trễ. Đi chuyện gì nó cũng trễ nải hết, thậm chí đi phỏng vấn đi Mỹ cũng trễ hẹn! Nó sợ trễ chứ đâu phải không sợ, dậy sớm lắm mà cứ đi ra, đi vô, đi tới, đi lui rồi chuẩn bị đi thì vướng cái này, vướng cái kia, rút cuộc là lúc nào cũng trễ."* Mà thật vậy, bữa xuống gặp Thầy cũng trễ cả tiếng luôn! Khi Thầy khuyến khích chị này tu tập, rảnh về chùa, thì chị than: *"Con bận dữ lắm Thầy ơi."* Nhưng sau này Mẹ chị có nói: "*Trời ơi, nó có bận gì đâu Thầy. Nó ở nhà, đi ra, đi vô, quét nhà, rửa chén vậy thôi, chứ nó có làm cái gì đâu mà bận Thầy."*

Rất nhiều người cũng than con bận dữ lắm Thầy, công việc của con bận lắm, con bận từ sáng đến trưa, đến tối, bận quanh năm suốt tháng, lúc nào cũng bận. Muốn sắp xếp thì ráng sắp xếp thôi, chứ nếu mà bận thì quanh quẩn bận hoài, có phải không? Có nhiều người không làm gì hết, bận đi ra, đi vào, cũng hết ngày. Vì vậy, quý vị nên coi lại. Khi nào làm phước được thì tranh thủ mà làm. Thầy nói quanh quẩn trong cái nhà $50m^2$ của mình, một đời cũng không xong hết việc đâu. Nó đủ thứ chuyện, buồn phiền, lo lắng, bất an, sợ hãi, tham vọng,… cũng trong cái nhà $50m^2$ đó.

Đây là kinh nghiệm của Thầy. Lúc Thầy mới đi tu, Thầy không có nhớ nhà cửa gì hết trơn, lo tu thôi. Tu một thời gian xong, Thầy bắt đầu nghĩ đến gia đình, thương Mẹ thương Cha. Thầy mới liên lạc với Cha Mẹ. Cha Mẹ thì quý thương Thầy, lâu lâu có việc gì là gọi cho Thầy để Thầy đóng góp ý kiến, em Thầy cũng nghe lời Thầy. Thế là cứ vài bữa lại gọi, *'Con ơi chuyện này mình nên làm sao?'* Và Thầy lại đóng góp ý kiến! Rồi Thầy chợt nhận ra, *"Ôi sao kì vậy ta! Sao mình nhớ là nhà có mấy chục mét mà sao cứ có chuyện phải giải quyết hoài vậy ta?"* Tự nhiên Thầy rút ra bài học là chuyện thế gian là không bao giờ hết. Thầy mới nói, thôi, từ nay trở đi, đừng bao giờ nói với Thầy nữa. Mười mấy năm nay Thầy không nghe nữa. Ai muốn giải quyết gì đó thì giải quyết, muốn làm gì thì làm, đừng thông báo cho Thầy. Thầy lo tu tập thôi, không nghe chuyện thế gian nữa.

Cho nên quý vị cũng nên coi lại. Thấy cần làm phước thì sắp xếp mà đi làm, chứ quý vị bận là bận cả một đời, khi nào lên giường ngáp ngáp rồi, ước gì lúc đó đi làm phước, ước gì tháng ngày đó đi tu tập. Đó mới là hành trang mang theo. Mình không quyết tâm là cứ loay hoay, cứ bị cái nghiệp nó xoay, nó khiến cho mình như vậy, nó dắt dẫn trong cái dòng thác cuộc đời, gọi là "vòng xoay nghiệp chướng". Rồi nó dắt mình lên giường hấp

hối luôn. Nhìn lại cả đời mình cứ bị nghiệp che. Mình cứ quanh quẩn trong những chuyện bất thiện mà không hề biết. Khổ lắm! Nếu muốn làm thì ráng tranh thủ mà làm thôi, chứ nếu chờ đến lúc rảnh thì đến lúc nào? Ai cũng có cái để bận hết. Bận gì? Bận ngủ, bận ăn, bận xem phim, bận lướt facebook, bận gặp bạn bè,… Đúng không?

Đức Phật dạy cho mình ít muốn lại. Ít muốn cái bên ngoài là để có thời gian chăm sóc cho nội tâm, thì đời sống mới được đơn giản, nhẹ nhàng. Mình chỉ quan tâm cái gì thật sự cần thì thôi. Còn những cái lặt vặt, cái gì buông được thì buông cho khỏe. Có thêm một cái gì là có một cái để lo. Có cái này là phải mất cái kia. Quý vị ráng nhớ vậy đó. Giống như quý vị có 500.000, mình lấy 100.000 mua một món gì đó, đồng nghĩa rằng đã mất đi 100.000. Đã mua cái vật đó rồi thì không mua được một vật khác với 100.000 đó. Cũng vậy, quý vị phải cân nhắc, quyết định thời gian của đời mình dành cho cái này thì sẽ không dành cho cái khác được. Mình tập trung vào cái này thì không tập trung về cái khác được. Nếu mình dành cho đời sống tâm linh, đời sống nội tâm, chánh niệm, tỉnh giác, biết đủ thì tự nhiên những cái ham muốn đời thường của mình nó bớt từ từ. Rồi mình sẽ cảm nhận rằng một đời sống đơn giản thật là hạnh phúc.

Đối với Thầy một người đẹp, dù là nam hay nữ, là người mặc bộ đồ lam, hay bộ đồ nâu vì Thầy thấy đẹp nhất là đời sống đơn giản. Càng đơn giản càng đẹp. Nói vậy không có nghĩa là mình đi vô chùa mà không đánh răng, không rửa mặt, không được phép trang điểm. Nếu muốn thì chỉ trang điểm thật nhẹ nhàng thôi. Tốt nhất là mình trang điểm cho bản thân bằng Giới trong sạch, bằng chánh niệm, tỉnh giác trong mọi oai nghi, bằng nếp sống giản dị. Người tu quanh năm suốt tháng chỉ có vài bộ đồ màu nâu, vàng với lam. Đời sống của người tu đẹp là đẹp vậy đó. Còn nếu không tu thì trong tủ của mình có bao nhiêu bộ đồ? Bấy nhiêu đó quý vị đã thấy đủ chưa? Không bao giờ biết đủ hết. Quý vị nghe nè: *"Muốn đủ liền đủ, đợi đủ đến bao giờ mới đủ? Muốn an liền an, đợi an đến bao giờ mới an?"* Đúng không? Muốn đi chùa mà đợi đến lúc đủ duyên mới đi thì đến bao giờ?

Tóm lại, việc ít muốn, biết đủ, nghe nó đơn giản vậy đó, nhưng thực hành khó khủng khiếp lắm. Ai mà không biết đủ là không tu nổi đâu. Suốt ngày lo cho đời sống bên ngoài thì không có cơ hội để lo phát triển đời sống nội tâm. Cứ loay hoay trong chuyện ăn, mặc, ngủ, gia đình, công việc… Chúng ta nên chiêm nghiệm để ngày càng thấy thấm là 'đa dục vi khổ,' hay 'càng ham

muốn lắm, càng đau khổ nhiều', càng có thêm cái gì là chồng chất thêm những nỗi lo, là càng mệt, càng không có thời gian để tập trung tu tập, càng phân tâm, càng khó cột tâm lại để hành thiền. Nhất là những người có cái tính hay lo nữa là thua luôn. Vì vậy, Đức Phật dạy chúng ta phải ít muốn, biết đủ.

5. Đưa đến nhàn tịnh, không đưa đến tụ hội

Pháp của Phật là đưa đến nhàn tịnh, không đưa đến tụ hội, nghĩa là càng tu tập theo Phật thì càng thích sống một mình.

Sống một mình, độc cư, hay sống viễn ly có hai nghĩa: thứ nhất, về hoàn cảnh bên ngoài là một mình; thứ hai là trong tâm không có phiền não. Nói dễ hiểu là sống với tâm định, sống với chánh niệm, sống với trí tuệ được gọi là sống một mình hay gọi là đời sống độc cư ở trong tâm.

Rất lạ là, càng tu tập, quý vị sẽ thấy những cuộc vui, những lần tụ hội, những đám đông, những lúc ngồi chơi vô ích, mình từ từ ấn số de, phải không? Nhiều khi bạn bè nhận xét sao mình không ngồi chơi, chia sẻ chuyện này, chuyện kia, sao có vẻ xa cách vậy! Thôi thì việc mình làm mình biết. Trong cuộc sống này người ta thích xáp vô với nhau lắm, mà xáp vô thì dễ làm chuyện xấu, nói chuyện xấu lắm. Mình phải

quyết liệt, mạnh mẽ, phải có lập trường, can đảm mới không tụm 5 tụm 3 nói chuyện trên trời dưới đất, rồi bàn tán, nói xấu chuyện này, người kia, toàn chuyện vô ích. Nó vừa bất thiện vừa dễ mất chánh niệm lắm. Người con Phật là khi rảnh, khi có cơ hội là lo quay lại tu tập.

Đức Phật dạy trong **Trường Bộ Kinh – Kinh Thánh Cầu,** khi gặp nhau có hai phận sự nên hành:*"...Khi các Người hội họp với nhau, có hai việc cần phải làm: luận bàn đạo Pháp hay giữ sự im lặng của bậc Thánh."* Nghĩa là nếu có nói, thì chỉ nên bàn về Phật pháp thôi, ví dụ về việc học Giáo lý, về bài Pháp đang học, về đề mục đang tu, về việc thực hành giáo Pháp trong cuộc sống. Nếu tụ tập như vậy thì quá tuyệt vời! Còn không thì im lặng. Nên im lặng vì dễ chánh niệm hơn, vì không phải với ai, lúc nào mình cũng nói về Phật Pháp được, và vì cái hiểu biết của mình về Giáo Pháp còn nông cạn lắm.

Thích sống một mình không có nghĩa là mình không tham gia những buổi thuyết Pháp, khóa thiền, lớp học có đông người. Mình vẫn tham gia, vẫn gặp Thầy, gặp bạn đạo. Những hoạt động này rất lợi ích. Nhưng mình tập trung học xong là liền trở về cốc liêu, về cái đơn của mình (đơn là cái giường nhỏ, có hộc đựng đồ, chư Tăng Ni dùng

trong chùa), lo về nhà, quay về với chính mình, quay về chánh niệm, quay về sự tỉnh giác của mình, quay về cái đề mục mình tu. Nếu không thì tâm mình nó nhảy liên miên. Chúng ta luôn có khuynh hướng đi tìm người này, người kia để nói chuyện, để xáp vô vì tâm mình như con rắn cứ tìm hang chui xuống, như con cá chực nhảy về nước, như con khỉ hở ra là chuyền cành, như con chim sổ lồng là vụt bay lên trời. Quý vị coi lại xem có đúng vậy không? Nó khủng khiếp lắm!

Người đệ tử Phật là phải có cái gan liều, dám sống một mình. Nói ra nó phũ phàng, nhưng trong cái vòng luân hồi này, mình cô độc lắm. Ai trong chúng ta rồi cũng phải đi một mình hết. Nên từ giờ phải chấp nhận cái sự thật này, và tập sống một mình đi. Thực ra khi tập sống được một mình là quý vị mạnh mẽ lắm. Thường người yếu đuối rất sợ sống một mình lắm. Họ sợ sự trống vắng, sợ ở một mình trong không gian một mình, cho nên lúc nào cũng phải có người thân, bạn bè, cũng phải có những hoạt động như xem Tivi để lúc nào mắt cũng nhìn, tai cũng nghe cái gì đó. Nếu không có người bên cạnh thì gọi điện nói chuyện. Đến khi nào mệt quá đi ngủ mới thôi.

Thầy nói vui mà có thật. Ở trong chùa nếu không có đời sống an lạc của người tu thì y như một cực hình. Nếu bắt người không biết tu ở trong phòng một mình và không được làm gì hết, thì dù cho họ được ăn no, ngủ đã, cũng chẳng khác nào giết họ từ từ, giết không gươm không đao. Họ không biết làm gì hết với sự buồn chán cực độ và trạo cử bất tận trong tâm! Còn với người biết tu, ở trong phòng một mình, có người lo cho mình ăn, là cơ hội quý giá để tu, là quay vô đề mục thiền liền. Thầy nhắc lại, là đệ tử Phật thì nhớ là lúc nào cần theo thời khóa chung của chúng thì họp chúng, xong là về gốc riêng của mình, để cột tâm vào đề mục mình đang tu, phải sống trong đề mục Tứ Niệm Xứ hay đề mục thiền định của mình.

Quý vị phải nhớ dùm Thầy: một mình là phải một mình để tu! Đúng là có nhiều người có khuynh hướng tâm lý là thích một mình, không thích tiếp xúc nhiều. Nhưng vấn đề là *một mình để làm gì*? Một mình để ngủ, một mình để chơi, một mình để xem phim, hay một mình để lướt Facebook? Cũng một mình đó, nhưng nếu không có phước thì sau này cũng được một mình, mà sinh làm loài vật nào đó ở trong hang một mình. Khủng khiếp không?

Thầy nói thêm một chút ở đây. Thứ nhất, khuynh hướng tâm lý có ảnh hưởng đến sự trổ quả của nghiệp. Ví dụ, một người có khuynh hướng thích ăn ngon. Nếu người đó có phước thì sinh ra có lộc ăn, nếu không có phước thì dễ sinh làm các loài ăn tạp. Người thích đẹp mà không có phước là sau này sinh làm loài bàng sanh có ngoại hình bắt mắt như con bướm xinh, con cá xinh. Nếu người đó có phước thì được sinh làm người có ngoại hình đẹp. Cho nên quý vị hãy cẩn trọng với những gì mình thích và phải ráng mà lo tu. Thứ hai, ban đầu, từ "mỹ nhân" là chỉ cho người có đức tính đẹp; nhưng về sau này, mình hay dùng từ "mỹ nhân" để chỉ người con gái đẹp.

Học Pháp xong, chúng ta phải quyết tâm, phải dám tập sống một mình. Hôm nào rảnh, quý vị thử tắt hết điện thoại, Tivi, nhạc, cắt hết liên lạc với bên ngoài, trừ khi mở cửa lấy thức ăn, thử đóng cửa ở trong phòng suốt ngày xem sao. Lúc đó mình thấy đó là một cực hình hay là hạnh phúc? Câu trả lời sẽ cho mình biết bản thân có nắm được pháp tu hay không.

Càng tu, quý vị cũng nên né những tụ hội mất thời gian và nhất là tụ hội mà bất thiện, như nhậu nhẹt, nói chuyện phiếm. Quý vị có biết đời mình còn bao nhiêu thời gian nữa không?

"Một tấc thời gian một tấc vàng,
Vàng không mua được tấc thời gian.
Tấc vàng mất đi dễ kiếm lại,
Thời gian qua mất khó lòng tìm."

Chúng ta không còn bao nhiêu thời gian nữa đâu. Lo học Pháp đi. Lo nắm Pháp để mà tu tập đi. Quý vị mà nắm được 100 bài giảng trong lớp Giáo Lý Căn Bản này là Thầy yên tâm rồi đó. Nếu mình tranh thủ thời gian, thức khuya dậy sớm học Pháp, hành thiền, mà có bị ai chọc sao dạo này ít thấy vậy, hay bị chê sao dạo này xuống sắc quá vậy, thì cũng kệ họ đi. Việc mình mình lo. Còn bạn mình mà quý Pháp, mình nói Pháp cho bạn nghe. Gặp nhau không có gì đẹp để trao tặng nhau bằng món quà Pháp hết. Thầy là tặng quà Pháp cho quý vị. Mà hạnh phúc là quà Pháp xài không có hao, dùng không có hết. Thậm chí, quà Pháp càng dùng nó càng nhiều, giống nồi cơm Thạch Sanh vậy. Như đề mục "Niệm Ân Đức Phật" hay đề mục hành thiền hơi thở mà Thầy đã hướng dẫn trong cái bài trước, có phải càng tu, càng thực hành là quý vị thấy niềm hạnh phúc càng lớn không? Đặc biệt không? Phật Pháp là vậy đó. Càng tu là càng rõ hơn, càng an lạc hơn.

Thầy cũng báo cho quý vị hoan hỷ là với sự hỗ trợ, hùn phước ấn tống của mọi người, Thầy đã

tặng cả ngàn bộ sách Giáo Lý Căn Bản với 60 chủ đề Phật Pháp. Sắp tới đây, 40 chủ đề mà Thầy tiếp tục giảng trong năm nay sẽ được bổ sung vào bộ Giáo Lý Căn Bản này. Thầy và ban edit sách đang tích cực làm việc để sớm hoàn thiện bộ sách này. Đây sẽ là món quà Giáo Pháp vô cùng ý nghĩa cho mọi người. Mọi người nên thường xuyên ôn lại để làm hành trang cho mình.

6. Đưa đến tinh tấn, không đưa đến biếng nhác

Nói đến biếng nhác là ai cũng có hết. Hôm trước, chúng ta học được cái câu:

"Khổ nào thì cũng sẽ qua,

Khổ trong Tam giới chưa tha ngày nào."

Nghĩa là ngày nào mình còn luân hồi sanh tử trong Tam giới này thì không khổ kiểu này cũng khổ kiểu khác thôi. Hôm nay mình học thêm câu này:

"Buồn nào rồi cũng sẽ qua,

Chỉ có buồn ngủ không tha ngày nào."

Ở đây có ai bị vậy chưa? Muốn tinh tấn nghe Pháp, hành thiền mà không nổi vì buồn ngủ quá, vì lười quá.

Gần đây Thầy có nghe vị Sư đọc một câu thơ. Không biết quý vị nghe thì cảm thấy thế nào, chứ Thầy đọc mà Thầy thầy thấm thía và có gì đó chạnh lòng. Thầy đọc lúc nửa đêm, đọc xong chạnh lòng mà một hồi lâu sau mới ngủ được. Câu thơ thế này:

"Nghĩ mà tội kẻ hoằng dương,
Độ sanh giấc mộng hoang đường ngu ngơ."

Kẻ hoằng dương là người hoằng Pháp, độ sanh, là người viết sách, in sách, dịch Kinh, mở khóa tu, giảng Pháp, giảng dạy. "Giấc mộng hoang đường ngu ngơ" không phải ý nói là cái chuyện độ sanh là không tốt, mà muốn nói việc độ sanh khó lắm. Nhiều khi Thầy giảng cho cả trăm, vài trăm phần tử, vậy mà rồi cũng thấy có người theo tà kiến, theo thầy tà, bạn xấu. Vì thương, Thầy nhắc tới, nhắc lui, giảng khô cổ luôn, vậy mà lát hỏi: *"Hiểu gì không con?"* - *"Dạ cũng hay á Thầy."* Thầy hỏi lại: *"Vậy có hiểu gì không?"* - *"Thầy vui tính quá. Thầy biết rồi còn hỏi nữa. Con là học hạnh 'quá khứ đã qua rồi' mà Thầy còn hỏi nữa. Quá khứ đã qua lâu rồi, con không nhớ gì hết trơn!"*

Cái chuyện độ sanh, giúp đưa người về với chuyện tu tập khó khủng khiếp. Cần phải kiên nhẫn, phải kham nhẫn dữ lắm. Có người thắc mắc: *"Sao Phật tử tới tu một thời gian rồi họ*

không tu nữa vậy Thầy?" Đó là chuyện bình thường, còn họ mà tiếp tục tu nữa mới là bất thường đó! Chúng sanh đến với bất thiện dễ lắm, đến với thiện mới khó.

Có bao giờ quý vị nghĩ, nếu không có Thầy, nếu không có bạn, nếu không có lời Phật, chắc ngày nay mình không có dễ gì tin ai đâu, không dễ đâu mà thay đổi được con người mình? Cha mẹ với con cái mà còn: *"Cha mẹ sinh con, trời sinh tánh"*. Ba mẹ nói, con thương, con nghe vậy thôi, chứ nhiều cái Ba mẹ đâu có dạy được con. Không ít người lúc chưa học Đạo tưởng mình như trung tâm vũ trụ, con nghĩ là con tài, con giỏi, cái gì con cũng nhất hết. Nếu không có lời Phật dạy, thay đổi đời mình thì không biết mình đang như thế nào, cứng đầu lắm, khó độ lắm. Chúng sanh khó độ, khó dạy mà.

Vị Sư đó nói: *"Độ sanh giấc mộng hoang đường ngu ngơ,"* nghĩa là tội cho cái người hoằng Pháp lắm. Bỏ công sức cả trăm cả ngàn, nhưng nhiều khi cái thành quả gặt được nó ít ỏi, mong manh lắm. Ví dụ các Thầy đi giảng vất vả lắm. Nhiều khi đi ra tới Nha Trang, hay ra tới miền Trung, đi về cả ngàn cây số, thậm chí hơn 2.000 km, ra giảng 1- 2 bài pháp, mỗi bài có một tiếng đồng hồ. Các Thầy hy sinh nhiều lắm, vất vả dữ lắm. Dĩ nhiên đó là điều tốt. Quý Thầy đi với cái tâm là muốn Phật tử nghe Pháp, thay đổi, có chánh

kiến, tinh tấn tu tập. Nhưng mà rồi với cái dòng đời, cái nghiệp của chúng sanh, loay hoay, loay hoay họ lại xuôi theo dòng đời!

Khi Phật giác ngộ, việc của Phật xong rồi, nhưng tại sao Phật đi nơi này, nơi kia giảng Pháp? Vì Phật biết có những chúng sanh khi mà Ngài đem ánh sáng vào nơi đó thì những chúng sanh "có mắt" sẽ thấy đường đi. Cũng vậy đó, có những người có duyên với Pháp, mình không giảng thì họ không biết. Cho nên để họ nghe Pháp, thôi thì các Thầy cứ cố gắng gieo duyên lành với chúng sanh bằng cách này, cách khác. Nói như vậy để cho quý vị hiểu rằng ngay cả quý Thầy hoằng Pháp độ sanh cũng khó khăn lắm. Cho nên quý vị mà có độ ai mà độ không được thì quý vị cũng hiểu nha, cũng đỡ buồn, đúng không? Nhiều khi mình chưa độ họ, mà họ độ lại mình, mình chưa hoằng Pháp với họ mà họ đã 'quằn quại' lại mình rồi!

Chuyện hoằng Pháp độ sanh rất là khó. Để quý vị hiểu ra một điều gì đó rồi tinh tấn tu tập, nó khó khủng khiếp. Bao giờ mình cũng phải đối diện với sự lười biếng ở trong mình. Một khi lười biếng rồi, Phật nói trong Kinh, có trăm ngàn cái để mình đổ thừa. Trời nóng quá, nên lười. Vậy trời lạnh quá có lười không?

"Hôm nay trời nhẹ lên cao,
Con lười chẳng biết vì sao con lười."

Thường thì chúng ta hay lười làm thiện lắm. Nó lạ vậy đó. Làm điều bất thiện đâu có lười đâu, hưởng thụ đam mê đâu có lười đâu. Tại vì trong mình cái bất thiện nó quá nhiều. Cái gì mà bất thiện, nó như có sức hút từ bên trong, cộng thêm cái sức hút của bất thiện bên ngoài, nên nó rất mãnh liệt.

Trên bước đường tu tập, tinh tấn rất quan trọng. Tứ Chánh Cần là gì? Điều ác chưa sanh, đừng cho sanh; điều ác sanh rồi thì dừng lại; điều thiện chưa sanh làm cho sanh; điều thiện sanh rồi thì phát triển.

- *Điều ác chưa sanh, đừng cho sanh* tức là sao? Là khi sáu Căn tiếp xúc sáu Trần, đừng nắm giữ tướng chung, tướng riêng.
- *Điều ác sanh rồi thì dừng lại* là khi trong tư duy của mình có tà tư duy, có tư duy về tham dục, tư duy về sân, tư duy về hại, thì phải dừng nó lại, đoạn trừ nó.
- *Điều thiện chưa sanh làm cho sanh* là làm cho sanh Thất Giác Chi.
- *Điều thiện sanh rồi thì phát triển* tức là mình tu tập có tiến bộ, có những định tướng hiền thiện, có sự phát triển trong đời sống tu tập, tiếp tục phát triển những điều đó.

Đường tu nó khó lắm. Nhưng chúng ta nhớ là:

"Cuộc hành trình tuy xa vạn dặm,
Điểm khởi đầu từ một bước chân."

Mình thấy cái đường nó xa, nó dài như vậy nhưng nếu mình không có đi từ những buổi ban đầu thì sao đi hết được con đường, phải không? Một ngôi nhà xây dựng lên thì cũng phải từ những viên gạch đầu tiên. Đừng nói ai đâu xa. Ngay bản thân quý vị, từ những bài học Giáo Lý Căn Bản đầu tiên đến giờ, quý vị có thay đổi trong nhận thức nhiều không? Đôi lúc sống 60 - 70 năm rồi, nhưng chưa thay đổi được mình. Nhưng nhờ chịu học Giáo Lý mà thay đổi nhận thức cái rẹt luôn. Đôi lúc cuộc đời mê ngộ như phản chưởng đó quý vị. Người có duyên lành nghe quý Thầy giảng pháp, dự khóa tu, học được Pháp tu, rồi họ cứ nương vào đó mà tu.

Trên bước đường tu tập, tu làm sao không biết, mà càng ngày càng tinh tấn nha. Chứ càng ngày càng dễ duôi, càng ngày càng lui sụt thì không ai cứu được mình. Bắt buộc là phải tinh tấn, phải cố gắng. Tu làm sao thấy càng ngày càng tinh tấn thì biết Pháp của Phật tu đúng rồi đó, chứ tu sao mà đi 3 bước lùi 1 bước là thấy có vấn đề rồi đó. Tinh tấn đều đặn dễ hay khó? Khó lắm. Khó khủng khiếp! Có đủ thứ chướng ngại hết. Tinh tấn làm thiện khó vô cùng. Nhiều khi tu chưa thấy vui đâu mà thấy khổ quá hà! Ví dụ như mấy

Thầy ở trong chùa ăn uống cũng vất vả, đời sống cũng vất vả, ngủ nghỉ cũng vất vả.

Nhiều người nói tu sướng. Thầy chỉ cần nói một câu, *"Sướng thì mời anh vô chùa."* Hàng ngày anh không làm gì hết, đến giờ anh ăn, rồi anh đi ngủ, rồi anh lên tụng Kinh thôi. Hồi nãy Thầy nói rồi, ở trong chùa mà không có tu, không có an lạc, thì nó là cực hình, chứ sướng gì? Nhất là những buổi chiều ở chùa vùng quê hay trên núi, thêm mưa gió sấm chớp nữa, trong phòng một mình biết làm cái gì bây giờ? Không có tu tập, tâm của mình là tâm hoang vu, cô đơn, buồn tủi khủng khiếp lắm, khổ lắm. Trong vòng luân hồi sanh tử, ai rồi cũng phải đối diện những giây phút cô đơn đó mà đi đó. Không có Pháp để mà tu, không có Pháp để nương tựa là khổ khủng khiếp khổ, là lạc lõng lắm. Đời mình rồi sẽ đi đâu? Thì cứ đi theo dòng đời thôi, cứ cuốn đi theo dòng đời thôi.

Hôm qua Thầy mới nhận tin, bà ngoại của một Sư Cô mới mất. Tội lắm quý vị. Thầy nói để cho quý vị thương ông bà, cha mẹ của mình. Bà đã xuất gia làm sư cô rồi, có con gái và 2, 3 người cháu cũng xuất gia, có chùa luôn. Hồi còn trẻ, vì nghèo khổ quá, bà đi mò cua, bắt óc để nuôi các con, để lo cho các cháu, toàn dính vào nghiệp sát sanh không. Mình nghĩ mà thương cho bà lắm. Sau này khi các con, các cháu lớn lên, lập gia

đình, qua cái giai đoạn khổ đó rồi, thì bà đi tu. Biết cái nghiệp mình lỡ gieo, những tháng ngày cuối đời, bà tinh tấn tu khủng khiếp lắm, tụng kinh, hành thiền, niệm Phật cả ngày, cả đêm. Nhưng nghiệp nó trổ, bà cũng bị tiểu đường, rồi bị này bị kia, tội nghiệp lắm. Cái gì rồi cũng đi qua nhưng những cái tháng mình tạo nghiệp nó còn đó. Tối hôm qua thì người cháu báo tin cho Thầy là bà mới mất, chụp cho Thầy cái hình. Thầy nói thế là hết một đời. May là những ngày tháng cuối đời, những phút cận tử, bà biết tu nên nó cũng đỡ.

Trong cuộc đời của quý vị, lúc còn trẻ, do không biết, mình tạo nghiệp bất thiện nhiều lắm. Bây giờ mình không lo tu nữa thì đợi đến lúc nào nữa đây? Chết đến bất ngờ rồi sao? Rồi cũng hết một đời. Phải thương mình chứ. Thương những người xung quanh và thương mình nữa. Một cách để thương mình, thương những người xung quanh là cố gắng tu tập để mình có mặt ở đâu là có lợi ích cho người ở đó.

Thầy coi trên Facebook có một clip về một người đàn ông khổ lắm. Anh bệnh nhưng không có người chăm sóc. Hằng ngày, anh lết đi, lết đi, để bán từng cái bánh hay cái gì thì trưa mới có bữa cơm, chiều lại lết đi bán tiếp để tối có bữa cơm. Không đi bán thì chết đói. Khổ không ? Rồi cũng phải sống cho hết một kiếp người. Nó vậy đó. Có

những người sống là để trả nghiệp, nhưng phải sống, phải đi cho trọn một kiếp người.

Mình là con Phật, quý vị phải nhớ là dù khổ cỡ nào đi chăng nữa, mình cũng phải đi cho trọn kiếp người của mình, là khi nào hết tuổi thọ, hết nghiệp nó đi thôi. Mình cũng nên thông minh một chút, bao nhiêu năm có mặt ở cuộc đời này, phải lo mà tận dụng tạo thiện nghiệp nhiều nhất có thể. Mình biết Đạo là phần phước, là may mắn. Thầy hay nói hoài vậy đó. Nhiều vị hỏi: *"Sao Thầy cứ phải nói tụi con 'phần phước may mắn'. Tụi con thấy việc tụi con học Phật Pháp cũng bình thường mà."* Tại quý vị học nên thấy nó bình thường. Bữa nào quý vị hỏi lại những người không học Giáo Lý hoặc là ngay cả bạn đạo xem. Đến nay một số người vẫn chưa tin nhân quả nữa, hoặc có tin Phật Pháp thì tin bằng đức tin, bằng tín ngưỡng thôi chứ không hiểu gì về Phật pháp đâu, hay là vô chùa để cúng dường lễ Phật rồi đi về, chứ không biết gì, không nắm vững về cách hành thiện, cách tu tập, cách niệm Phật, cách theo dõi hơi thở, hay Tứ niệm xứ, thiền Chỉ, thiền Quán. Mà Thầy nói, mấy cái này khó lắm, phải có duyên với Phật Pháp lắm, có Thầy, có bạn mới học được. Nên ráng tinh tấn nha. Cũng không biết mình còn được mấy ngày, không biết trong phòng học của chúng ta ai lên bàn thờ ăn chuối trước đâu quý vị. Người già hay

người trẻ, không nói trước được ai sẽ đi trước hết.

7. Đưa đến dễ nuôi dưỡng, không đưa đến khó nuôi dưỡng

Pháp của Đức Phật là dạy cho mình càng tu càng dễ nuôi, không phải càng tu càng khó chịu, cái này không ăn, cái kia không chịu. Thầy cũng khuyến khích Phật tử nấu ăn ngon, nhưng bản thân Thầy rất là nhẹ nhàng cái chuyện ăn uống. Phật tử nấu được gì thì Thầy ăn đó. Ví dụ, ai không vui mà nói vô chùa sao Thầy không cho ăn ngon, thì thôi đừng có gặp Thầy nữa. Vô chùa để ăn hả con, hay là vô chùa học Pháp vậy con? Vô chùa có hôm đãi ngon thì ăn, còn bữa nào không có thì có gì ăn đó, xuống kiếm mì gói mà ăn. Bữa giờ chắc nghe Thầy giảng mấy cái bài này, nghe Thầy chiếu tướng hoài, chắc cũng đỡ rồi phải không? Nếu còn khổ vì miếng ăn, lo sám hối đi. Trước kia con chưa biết, con khổ vì miếng ăn suốt ngày. Con để cuộc đời của con dính vô cái bao tử không à. Từ bây giờ bỏ đi, nâng trình độ lên nha, tu để phát triển từ tâm, trí tuệ. Cũng kiếm đồ ngon, đồ bổ ăn cho đủ chất, nhưng đừng tốn thời gian, đừng đau khổ, đừng tham đắm, đừng sân vì miếng ăn. Nói đến ăn là nhớ dùm Thầy lời Phật dạy trong Kinh Nhất Thiết Lậu Hoặc:

"Vị ấy như lý giác sát, thọ dụng món ăn khất thực không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn".

(Trích Trung Bộ Kinh - Kinh Nhất Thiết Lậu Hoặc)

Cho nên, càng tu tập theo Giáo Pháp của Phật là càng trở nên "dễ nuôi", chứ không phải "dễ duôi", phóng dật, lười biếng. "Nuôi" với "duôi" nó cùng vần nhưng khác nhau một trời một vực đó.

III. TỔNG KẾT

Thầy hi vọng sau khi học xong bài Kinh: Pháp Tóm Tắt trong Kinh Tăng Chi, chương Tám Pháp này, chúng ta phân biệt được đâu là lời Phật dạy. Trong bài Kinh này, Đức Phật nói cho bà Gotamī về 8 điều, mà qua 8 điều này mình biết được đó là lời Phật dạy, đó là Pháp của Phật, vì có nội dung đưa đến ***ly tham, ly hệ phược, đưa đến không tích tập, đưa đến ít muốn, đưa đến biết đủ, đưa đến***

nhàn tịnh, đưa đến tinh tấn và đưa đến dễ nuôi dưỡng. Sau này, quý vị nhìn vô giáo pháp nào, bài giảng nào, trang sách nào, hay nghe ai đó nói mà ngược lại những điều này, quý vị có thể biết đó không phải là lời Phật dạy. Thầy cũng hi vọng là qua bài Pháp này, quý vị biết thêm một số cái để củng cố chánh kiến cho mình.

Dù cỡ nào đi chăng nữa, mình là con Phật, mình đi cho trọn kiếp người của mình là khi nào hết tuổi thọ, hết nghiệp nó đi thôi, mình thông minh một chút, bao nhiêu năm trời có mặt ở cuộc đời này, phải lo mà tận dụng, tạo cái thiện nghiệp nhiều nhất có thể, mình biết đạo là phần phước là may mắn.

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Định nghĩa Bát Đoán Phật Ngôn? Xuất xứ?

2). Trình bày nội dung "Những pháp đưa đến ly tham"?

3). Trình bày nội dung "Đưa đến ly hệ phước, không đưa đến hệ phược"?

4). Trình bày nội dung "Đưa đến không tích tập, không đưa đến tích tập"?

5). Trình bày nội dung "Đưa đến ít dục, không đưa đến dục lớn"?

6). Trình bày nội dung "Đưa đến biết đủ, không đưa đến không biết đủ"?

7). Trình bày nội dung "Đưa đến nhàn tịnh, không đưa đến tụ hội"?

8). Trình bày nội dung "Đưa đến tinh tấn, không đưa đến biếng nhác"?

9). Trình bày nội dung "Đưa đến dễ nuôi dưỡng, không đưa đến khó nuôi dưỡng"?

10). Bài học rút ra?

Bài 20:
NHỮNG CƯ SĨ HỘ PHÁP ĐẮC LỰC THỜI ĐỨC PHẬT

---

* VUA TẦN-BÀ-SA-LA (BIMBISĀRA)
* NGÀI CẤP CÔ ĐỘC (ANĀTHAPIṆḌIKA)
* CÔ VISĀKHĀ
* LƯƠNG Y JĪVAKA KOMĀRABHACCA
* VUA BA TƯ NẶC (PASENADI):
* VUA A DỤC (ASOKA).

Chúng ta tiếp tục lớp Giáo lý cơ bản, chủ đề tối hôm nay thầy gửi đến đại chúng là NHỮNG CƯ SĨ HỘ PHÁP ĐẮC LỰC THỜI ĐỨC PHẬT. Thời Đức Phật có rất nhiều vị cư sĩ hộ độ cho Tam Bảo và bảo trợ cho Tăng đoàn, từ những giai cấp đứng đầu trong xã hội thời đó như Vua, quan cho đến những vị thương gia, những luận sư thành công từ ngoài đời đến trong đạo, trong số đó thì có một số vị rất là nổi trội. Thành công ngoài đời tức là các vị này là những vị quyền thế, có quyền

lực, có tài sản, có uy tín, và trong đạo về vấn đề tu học thì các vị này cũng đạt được những quả vị Thánh. Trong bài Pháp hôm nay thầy giảng tổng quan về sáu vị, đó là: Vua Tần-bà-sa-la, ngài Cấp Cô Độc, cô Visākhā, Vua Ba-tư-nặc, lương y Jīvaka và Vua A Dục. Trong sáu vị này thì có ba vị là Vua, còn lại là hai vị đại thí chủ là cô Visākhā và ông Cấp Cô Độc, còn lương y Jīvaka giống như là một vị thần y chữa bệnh cho Đức Phật và Tăng đoàn.

Chúng ta thấy một điều thế này, thời gian rồi cũng trôi qua, ai sống trên cuộc đời này rồi cũng đến lúc phải ra đi. Mình chỉ hiện diện ở cuộc đời có mấy chục năm, dù quyền thế cỡ nào đi chăng nữa, như các vị Vua: Vua Tần-bà-sa-la, Vua Ba-tư-nặc, Vua A Dục ... thì cũng phải đến lúc ra đi. Giàu có như cô Visākhā và ông Cấp Cô Độc, hoặc những vị đại phú thời đó đi nữa thì cũng phải đến lúc ra đi. Và chính Đức Phật, vĩ đại như Đức Phật, trí tuệ như Đức Phật, từ bi như Đức Phật, công đức như Đức Phật rồi cũng phải có ngày Ngài về Kushinagar. Dù là chúng ta có thành công ở phương diện nào trong đời thì đến lúc nào đó mình cũng phải ra đi, tất cả đều phải như vậy. Khi các

vị này ra đi thì họ sẽ mang theo cái gì? Tóm tắt lại trong hai từ là mang theo "tội - phước", hay là "thiện ác". Và nếu vị đó mà biết gieo những cái thiện nghiệp, thì có khi gieo trong một đời mà có thể hưởng phước cả trăm đời, cả ngàn đời. Và cũng trong một đời, nếu tạo cái bất thiện nghiệp quá nặng thì có lúc phải trả giá bằng cả trăm ngàn đời ở trong những cõi đoạ, cõi xấu. Cho nên, không phải làm bất thiện trong mười phút thì trả quả trong mười phút, "tội lỗi là một đổi một triệu tội lỗi". Anh có thể phạm lỗi là một thôi, nhưng cái quả báo phải trả có thể là trăm ngàn kiếp. Và cũng có những lần chúng ta tạo một cái thiện nghiệp nào đó chỉ trong năm, bảy phút thôi, mà quả có khi là đến trăm ngàn kiếp ở các cõi lành. Vấn đề là mình làm cái điều lành đó với tâm gì, đối tượng làm là ai, và tuỳ việc gì mà nó có cái phước lớn nhỏ khác nhau.

Những vị cư sĩ này có thể gọi là phước đức lớn khủng khiếp, có những vị đã chứng Thánh như: Vua Tần-bà-sa-la, ông Cấp Cô Độc, cô Visākhā, Jīvaka. Còn Vua Ba-tư-nặc thì tương lai sau này chính là một vị Phật Chánh Đẳng Giác. Bây giờ chúng ta sẽ qua chi tiết từng vị.

I. VUA TẦN-BÀ-SA-LA (BIMBISĀRA)

Vua Tần-bà-sa-la có duyên với Đức Phật như thế này, khi Đức Phật chưa thành Phật, Ngài còn là Thái tử Tất-đạt-đa đi tầm đạo thì lúc đó Ngài đã gặp Vua Tần-bà-sa-la. Khi đó Vua Tần-bà-sa-la đã ngỏ ý muốn nhường cho Ngài một nửa giang sơn, mà trong khi Thái tử thì bỏ giang sơn, bỏ địa vị làm Vua để đi tu cho nên Ngài nào có cần, nhưng Ngài hứa rằng sau này khi thành Phật thì Ngài sẽ quay lại gặp Đức vua. Sau này khi thành Phật, những năm đầu tiên thì Đức Phật độ năm anh em ngài Kiều Trần Như, rồi Yasa và những người bạn Yasa, rồi sau đó là ba anh em ngài Ca Diếp thờ lửa và cả ngàn đệ tử của anh em ngài Ca Diếp, tất cả đều đắc Thánh quả.

Khi Vua Tần-bà-sa-la biết Thái tử Tất-đạt-đa thành Phật rồi, thì ông dẫn rất nhiều Vua, quan, dân đến đảnh lễ Đức Phật và nghe Pháp. Hôm đó ông được gặp Đức Phật và cả ngàn vị Thánh, và trong cái lần nghe Pháp đó ông đắc Thánh quả cùng với rất nhiều vị quan, dân. Trong những người đó có nhiều vị sau này xuất gia. Có nguồn tư liệu nói nhà Vua đắc Sơ quả và có nguồn là Nhị quả. Và vua Tần-bà-sa-la chính là người xây ngôi

chùa đầu tiên trong Phật giáo, đó là Tinh xá Trúc Lâm để nhà Vua cúng dường lên Đức Phật. Ông hộ độ cho Tam bảo rất nhiều, ông thương Phật, ông kính Phật lắm, một vị mà đã đắc quả Tu-đà-hoàn rồi thì lòng tin về Đức Phật là bất động. Có một lần Đức vua đi cùng với nhiều vị đến đảnh lễ Đức Phật và ngài Ca Diếp, lúc này thì có nhiều người chưa biết ai là Đức Phật, ai là ngài Ca Diếp thờ lửa. Các vị đó phân vân, không phân biệt được, lúc này Đức Phật mới hỏi ngài Ca Diếp là vì sao ngài Ca Diếp không thờ lửa nữa. Ngài Ca Diếp mới trả lời rằng thờ lửa là con đường không đi đến lợi ích. Nương theo câu chuyện thì người ta mới phân biệt được đây là Đức Phật và đây là ngài Ca Diếp.

Có một câu chuyện buồn trong cuộc đời của vua Tần-bà-sa-la là thế này. Ông có một người người con chính là A-xà-thế. A-xa-thế phạm vào hai tội ngũ nghịch, thứ nhất là tội giết cha và người cha này tức là Vua Tần-bà-sa-la đã đắc quả vị Thánh rồi, cho nên A-xà-thế phạm thêm tội ngũ nghịch là giết bậc Thánh. A-xà-thế nghe lời của Đề-bà-đạt-đa, Đề-bà-đạt-đa thì muốn lãnh đạo Tăng đoàn thay Đức Phật, còn A-xà-thế thì muốn

lãnh đạo đất nước thay Vua cha. Vua Tần-bà-sa-la bản thân là Vua cha mà ông còn là một vị Thánh nữa, cho nên ông không làm những điều bất thiện, ông cũng thương con và đã chuẩn bị sắp xếp giao ngai vị cho A-xà-thế. Nhưng chưa kịp thì A-xà-thế đã có cái ý giết cha. A-xà-thế bắt Vua cha nhốt trong ngục không cho ai đến thăm. Thì lúc này Hoàng hậu thương quá, hàng ngày bà mang cơm vào ngục cho Vua ăn, A-xà-thế biết được và không cho mang cơm vào. Sau đó, Hoàng hậu mới trét mật ong, trét sữa lên người, lên tóc để Vua liếm mật ong đó mà có thể sống được qua ngày. Rồi sau này A-xà-thế cũng biết chuyện này và cấm luôn. Cuối cùng là trước khi giết Vua Tần-bà-sa-la, A-xà-thế tắm rửa thay đồ cho Vua cha, xong ông cho người cắt gót chân. Sau lần đó Vua Tần-bà-sa-la chết.

Tại sao Vua Tần-bà-sa-la bị cắt gót chân, rồi bị con giết, nó liên quan đến tiền nghiệp quá khứ của nhà vua. Có một lần Vua Tần-bà-sa-la vào trong chánh điện Phật, biết nơi đó là không được mang giày dép vào nhưng nhà Vua vẫn bất kính cố ý mang giày dép vào. Thầy ví dụ như mình không biết, mình lỡ hay vô tình, còn ở đây là ông

biết chỗ đó là nơi tôn nghiêm thờ Tam bảo mà ông còn cố ý đi giày dép vào nên bị cái nghiệp nặng. Do vậy mà ông bị cái nghiệp bị cắt gót chân. Ở Myanmar, khi đi lên các tháp thờ Phật thì người ta được yêu cầu là phải bỏ giày dép ở bên ngoài, họ tôn kính lắm, và vì họ biết những câu chuyện như thế này.

Tại sao Vua Tần-bà-sa-la đã sắp xếp để chuẩn bị truyền ngôi cho con rồi, nhưng mà A-xà-thế vẫn không đợi được mà lại đi giết cha mình? Nó cũng có cái nghiệt duyên của nhà Vua. Khi Vua Tần-bà-sa-la lấy hoàng hậu rồi mà ông vẫn chưa có con, thì ông mới đi hỏi những vị xem tướng là sắp tới ông có con không. Vị đó cho hay là sắp tới là Đức vua sẽ có hoàng tử, nhưng mà Vua nghe nói thấy thời gian lâu quá, cuối cùng nhà Vua hỏi luôn ai chính là người sẽ tái sanh vào làm con ngài. Người xem tướng này giỏi lắm, ông biết được người sẽ tái sanh vào làm con Vua là một vị tiên nhân tu thiền. Sau khi mất xong rồi vị này sẽ theo cái dòng nghiệp mà tái sanh vào làm con của Đức vua. Thay vì nhà Vua biết và đợi đến ngày người đó chết, nhưng ông không đợi, ông cho người giết chết vị đó sớm để vị đó sớm quay lại

làm con nhà Vua. Sau khi mất thì vị đó đúng là tái sanh vào làm con Vua, chính là A-xà-thế. A-xà-thế sau này cũng biết là chuẩn bị làm Vua rồi mà vẫn giết cha chết sớm.

Những ngày tháng cuối cùng trong ngục khi A-xà-thế chuẩn bị giết Vua cha, thì cũng là ngày mà vợ của A-xà-thế sinh con. Khi A-xà-thế nhìn thấy đứa con thì thương con lắm, khi đó ông mới chạy vào hỏi mẹ ông, mẹ ơi, ngày trước cha con có thương con như là con thương con của con bây giờ hay không? Hoàng hậu mẹ ông mới nói: "Con có biết không, cha của con thương con lắm. Ngày xưa khi mang thai con mẹ bị một chứng bệnh rất lạ là mẹ thèm máu, mà lại là máu của cha con. Có một lần tay của mẹ là bị cái mụt nhọt, để cho cho mẹ đỡ đau thì cha con mới ngậm cái mụt mủ ở trong miệng, lúc đó nó vỡ luôn máu mủ ra trong miệng thì cha con ngậm và nuốt luôn, vì thả ra thì sợ mẹ đau. Tên con là A-xà-thế (A-xà-thế có nghĩa là vị sanh oán, kẻ thù chưa sanh), lúc mẹ mang thai con thì những người xem tướng đã nói với cha mẹ là sinh con ra sau này con sẽ cướp ngôi và giết cha. Dù biết như vậy nhưng mà cha con vẫn thương con và giữ con lại." Sau khi mà nghe

mẹ kể như vậy thì ông chạy vào ngục để thả Vua cha ra, nhưng lúc này Vua Tần-bà-sa-la đã chết rồi. Và từ lúc đó thì A-xà-thế rất hối hận về việc của mình làm.

Trong Kinh Sa Môn Quả kể rằng, hôm đó sau khi Đức Phật thuyết xong bài Kinh Sa Môn Quả, lúc đó Vua A-xà Thế đi về rồi, Phật mới nói với đại chúng Tỳ-kheo: "Này quý Thầy, nếu Vua A-xà-thế trong đời này không phạm vào tội giết cha thì sau bài Pháp này Vua A-xà-thế đã đắc được Sơ quả."

Vậy thì quý vị thấy không, Vua A-xà-thế là người tam nhân, người tam nhân mới có đủ duyên để đắc quả, và A-xà-thế đủ luôn cái duyên để đắc Sơ quả. Nhưng mà cuối cùng bởi vì gặp thầy không lành, bạn không tốt, và có cái tà kiến, cái tham vọng, cuối cùng đi theo Đề-bà-đạt-đa. Đề-bà-đạt-đa thì muốn thống lĩnh Tăng đoàn, hại Phật, vu oan Phật, còn A-xà-thế thì giết cha. Mà nếu ai phạm vào ngũ nghịch tội thì đời đó không thể nào đắc thiền, đắc Thánh quả được, và đời kế tiếp sẽ là địa ngục. Dù anh có làm tỷ tỷ cái điều thiện đi chăng nữa, mà nếu anh phạm vào một

trong năm tội ngũ nghịch thì tỷ tỷ cái điều thiện chắc chắn nó sẽ trổ quả vào kiếp khác, còn kiếp kế tiếp của anh phải là địa ngục. Cho nên, quý vị thấy thời gian rồi cũng qua, ai cũng phải bỏ lại mà đi. Vua A-xà-thế đã phạm vào cái tội giết cha và ông đã bỏ lỡ một cơ hội đắc đạo. Theo Kinh điển thì tương lai sau này Vua A-xà-thế sẽ trở thành một vị Phật Độc Giác.

II. NGÀI CẤP CÔ ĐỘC (ANĀTHAPIṆḌIKA)

Thời Đức Phật có năm triệu phú giàu nhất thời đó, ông Cấp Cô Độc rất giàu có nhưng ông không phải là người giàu nhất thời đó. Cấp Cô Độc thương Đức Phật lắm và ông hộ trì cho Tăng đoàn rất nhiều. Ông tên là Cấp Cô Độc vì ông có cái nguyện, cái hạnh trong đời là sẽ luôn cung cấp, hỗ trợ cho những người nghèo khổ, khó khăn, cô độc. Ông Cấp Cô Độc là một vị đã chứng Thánh. Và cứ nhắc đến ông Ông Cấp Cô Độc là gắn liền với một sự kiện, đó là ông cúng dường Tinh xá Kỳ Viên cho Đức Phật và Tăng đoàn. Và trong 45 mùa an cư kiết hạ thì Đức Phật đã an cư tại Tinh xá Kỳ Viên là 19 mùa hạ.

Tại sao gọi là Kỳ Viên? Khu vườn thì ông cúng mà cây thì của Thái tử Kỳ Đà cúng. Tinh xá Kỳ Viên chính là ông lát vàng mà mua đất để cúng dường lên Đức Phật. Cái ngày mà ngài Xá-lợi-phất cùng ông Cấp Cô Độc đi xem đất đai để chuẩn bị xây dựng Tinh xá Kỳ Viên, thì ngài Xá-lợi-phất mới dùng thần thông cho ông Cấp Cô Độc nhìn lên trời và thấy những lâu đài ở các cõi trời rất là lộng lẫy. Ông Cấp Cô Độc mới hỏi ngài Xá-lợi-phất là những lâu đài này là của ai, ngài Xá-lợi-phất trả lời rằng nó là của ông đó, ở dưới đây ông đang đào đất cúng dường thì trên đó có lâu đài cho ông rồi. Quý vị thấy hạnh phúc chưa, qua câu chuyện của ông Cấp Cô Độc đây, có những cái phước mà quý vị làm ở đây là trên kia đã có cái chỗ cho mình rồi, nhưng mà ông Cấp Cô Độc được may mắn là ngài Xá-lợi-phất dùng thần thông cho ông nhìn thấy.

Cái duyên ông gặp Đức Phật cũng rất đặc biệt. Đó là có một lần ông đi thăm người anh vợ. Thường khi ông đến họ tiếp đón ông nồng nhiệt lắm, nhưng hôm đó thì mọi người không tiếp đón ông mà cứ lo ở nhà bếp chuẩn bị thức ăn. Ông Cấp Cô Độc mới hỏi là làm gì vậy, họ nói vì ngày mai

là cúng dường lên Đức Phật và chư Tăng. Sau khi nghe từ "Đức Phật", trong lòng ông tự nhiên dâng lên một niềm tôn kính vô cùng, tôn kính một cách lạ kỳ, ông định là đi nghỉ rồi ngày mai sẽ đến đảnh lễ xin làm đệ tử Đức Phật. Nhưng trong đêm hôm đó, ông cứ trằn trọc, trằn trọc mãi mà không ngủ được vì ông cứ nhớ nghĩ đến "Đức Phật", ông cảm giác đây chính là vị thầy của mình. Và ông quyết định là sẽ đi đến đảnh lễ Đức Phật ngay trong đêm đó. Đoạn đường đi đến chỗ Đức Phật phải băng qua một khu rừng, nơi người ta hay lâm táng người chết nên ông cũng sợ, hơn nữa ông lại là người giàu có nên sợ bị cướp bóc. Nhưng rồi vì lòng tôn kính Đức Phật nên ngay trong đêm ông đã đi đến gặp Phật.

Cả đời của ông Cấp Cô Độc hộ độ, cúng dường cho Tam bảo rất nhiều. Trong nhà ông lúc nào cũng có trên 500 chỗ dành cho chư Tăng và ông nguyện là cứ mỗi một ngày trong suốt cuộc đời ông sẽ cúng dường đến 500 vị. Có những lúc ông cứ mãi cúng dường, làm ăn thất bại nên có khi ông bị khánh kiệt tài sản. Thì trong nhà ông có một vị Dạ xoa, vị này không tin vào Tam bảo và mới nói với ông là: lúc trước đã nói với ông rồi, vì

cúng dường Tam bảo mà bây giờ như vậy đó, đừng có cúng nữa. Ông Cấp Cô Độc là một vị Thánh, ông tôn kính Đức Phật, tôn kính Tam bảo nên khi nghe như vậy thì ông không cho vị này ở trong nhà ông nữa. Vị Dạ Xoa này dọn đi nơi khác, nhưng đi nơi khác thì các vị Chư thiên khác cũng không có cho ở, họ hỏi tại sao lại bị đuổi thì vị Dạ Xoa này mới kể lại. Cuối cùng vị Dạ Xoa này gặp một vị Chư Thiên, vị Chư Thiên này khuyên là thôi bây giờ đi chuộc lỗi với ông Cấp Cô Độc đi. Vị Dạ Xoa này mới chuộc lỗi bằng cách là dùng thần thông đi tìm lại tài sản cho ông Cấp Cô Độc: một số ông để quên thì vị này nhắc cho ông nhớ, một số bị nước cuốn trôi thì vị này tìm lại cho ông, một số thì nợ ông mà không trả thì vị này tác động để người đó đến trả nợ cho ông.

Phần lớn cuộc đời ông Cấp Cô Độc thành công lắm, và ông dành tài sản của mình để cúng dường Tam bảo rất nhiều. Gia đình ông cũng rất hạnh phúc, ông có ba người con gái và một con trai, đặc biệt là cả bốn người con đều đắc đạo, đắc Thánh. Thì ông có một người con gái đắc Nhị quả Tư-đà-hàm, còn ông và hai cô con gái kia đắc Sơ quả thôi. Trước khi chết, cô con gái mới xưng với

ông là "chị - em", ông là em, còn cô là chị. Nghe vậy ông buồn lắm và mới đi hỏi Đức Phật: sao con gái của con, nó tôn kính Tam bảo mà sao tự nhiên cuối đời nó bị lãng hay sao, tự nhiên nó kêu con là em của nó. Thì Đức Phật mới nói trong chứng Đạo quả thì con gái của ông là Nhị quả, ông mới có Sơ quả, nó nói "chị" ở đây ý là như vậy.

Và ông có một đứa con trai tên là Kāla, anh này thì không chịu đi chùa mà chỉ thích tiền thôi, ông mới nói thôi bây giờ mỗi ngày con đến nghe một bài Pháp, rồi con về nói lại ý đó cho cha, cha sẽ đưa tiền cho con. Anh này thích tiền mà, nên cứ đi nghe. Đức Phật mới dùng thần thông làm cho anh này nghe xong thì nhớ, mà cứ bước ra là quên, vài lần như vậy và cuối cùng bữa đó anh nghe xong thì đắc Thánh luôn. Khi về nhà nói lại cho cha thì ông Cấp Cô Độc đưa tiền cho anh, anh không lấy nữa, tại vì lúc này anh Kāla đã có Thất Thánh Tài rồi nên không còn thích tiền nữa. Và ông Cấp Cô Độc có một người con dâu, Đức Phật có thuyết một bài Kinh là Kinh Bảy Loại Vợ là thuyết cho cô này. Cô con dâu này không tin vào Tam bảo, và rất hỗn với gia đình chồng, sau khi

được nghe Đức Phật thuyết bài Kinh Bảy Loại Vợ thì cô quy hướng về Tam bảo.

Cuối đời khi ông Cấp Cô Độc nằm trên giường bệnh, Thầy Xá-lợi-phất và Thầy A-nan đến thăm và thuyết cho ông nghe bài Kinh Độ Người Bệnh. Ông là một cư sĩ đắc Thánh, vừa thành công ở đời mà vừa thành công ở đạo nữa. Có thể nói, ông Cấp Cô Độc giữ một vị trí rất quan trọng trong việc hộ trì Tam bảo thời Đức Phật, và đặc biệt ông được Đức Phật tán thán là đứng đầu trong việc bố thí, cúng dường cho Tam bảo rất nhiều.

III. CÔ VISĀKHĀ

Cứ nhắc đến những người cư sĩ hộ độ nổi tiếng nhất trong Phật Pháp thì cô Visākhā và ông Cấp Cô Độc gần như là biểu tượng. Cư sĩ nam là mình hay nhắc đến ông Cấp Cô Độc, cư sĩ nữ là mình hay nhắc đến Visākhā. Visākhā sinh ra trong một gia đình cực kỳ giàu có, ông nội cô là một trong năm người giàu nhất Ấn Độ thời bấy giờ. Visākhā từ nhỏ có một cái phước rất đặc biệt, bà rất đẹp và trong sử diễn tả lại bà có những cái tướng rất khả ái, như tóc, răng, thịt, xương, da đều

rất đẹp, lúc nào nhìn bà cũng rất trẻ, đặc biệt là bà rất khỏe, bà có thể vật ngã một con voi. Bà cũng là người có trí tuệ vô cùng, năm Visākhā bảy tuổi cô đi theo ông ngoại đến chùa nghe Pháp rồi đắc Sơ quả. Vì đắc Sơ quả rồi nên là lòng tôn kính của bà về Tam bảo lớn lắm, bà hộ độ cho chư Tăng rất nhiều. Có một lần bà vào trong Tinh xá, bà mặc một cái áo choàng rất là giá trị và khi đi về bà để quên mất. Bà cho người hầu quay lại kiểm tra xem cái áo còn ở đó không, nếu còn thì bà xin mua lại, và bà đã dùng số tiền đó xây một Tinh xá cúng dường lên Đức Phật và chư Tăng.

Khi Visākhā còn trẻ, cô cùng những người bạn đi ra ngoài biển chơi thì lúc đó trời bất ngờ đổ mưa. Thầy ví dụ như khi đang đi ngoài đường mà bất chợt mưa thì quý vị sẽ làm sao? Mình nháo nhào lên và chạy đi tìm chỗ trú phải không? Và lúc đó trời mưa thì mọi người cũng nháo nhào lên chạy tìm chỗ trú, còn cô thì không, cô cứ từ từ mà đi. Trong lúc đó thì có một nhóm người đang đi tìm một cô gái để về làm vợ cho con một ông tỷ phú. Họ nhìn thấy giữa bao nhiêu người nhốn nháo như vậy thì cô Visākhā lại rất từ tốn, đức hạnh bước đi như vậy. Họ hỏi thăm thì cô mới nói

thế này, mưa ướt cái áo này thì mình thay được, nhưng mà nếu chạy như vậy nó mất đi cái oai nghi, cái đức hạnh thì cái đó thay làm sao.

Nhưng mà cuộc đời nó khắc nghiệt như vầy, bà là Sơ quả, gia đình giàu có nhưng mà bà lại được gả vào một gia đình ngoại đạo, không tin Phật. Và thầy hay nói cái câu "ăn mày dĩ vãng" là liên quan đến câu chuyện này. Gia đình chồng Visākhā tin vào các nhóm Ni Kiền Tử tu theo đạo lõa thể (loã thể là không mặc đồ), cha chồng bà thường cúng dường, hộ độ cho các vị này, còn Visākhā thì bà thấy trường hợp đó giống như mình hay nói là "chướng tai gai mắt" lắm. Bà là vị Sơ quả nên bà chỉ hướng về Đức Phật thôi. Và có một lần quý Thầy đi ngang nhà, ông không cúng dường mà ông chỉ cúng cho những người đạo loã thể thôi, thì bà mới nói: Quý Thầy ơi, quý Thầy đừng ở đây, cha của con không có cúng đâu, cha con chỉ ăn đồ cũ không à. Ông nghe thấy và ông nổi giận lên, Visākhā mới giải thích rằng những cái phước này là những cái phước cũ của cha đang trổ, cha đang dùng nó mà cha không tạo thêm phước mới. Sau chuyện đó thì cha chồng bà mới ngộ ra và ông thỉnh Đức Phật về thuyết Pháp, ông

quy hướng nơi Tam bảo. Thầy hay nói là "ăn mày dĩ vãng", "xài đồ cũ" là từ câu chuyện của Visākhā độ cho người cha chồng.

Trong nhà bà luôn sắp xếp chỗ để mỗi ngày cúng dường khoảng 500 vị, giống như ông Cấp Cô Độc vậy. Bà rất có công với Phật Pháp, và Đức Phật đồng ý cho bà tám đặc ân trong việc hộ độ, cúng dường đến chư Tăng:

1. Dâng y tắm mưa đến chư Tăng,
2. Cúng dường những vị khách Tăng mới đến,
3. Cúng dường các vị Tăng sắp rời khỏi,
4. Dâng vật phẩm đến những vị Tăng đau bệnh,
5. Dâng thực phẩm đến những vị Tăng nuôi bệnh,
6. Dâng thuốc men đến vị Tăng bị bệnh,
7. Dâng cháo sáng đến chư Tăng,
8. Dâng y đến chư Tỳ-kheo Ni.

Visākhā bà sống đến 120 tuổi, và đặc biệt tuy là 120 tuổi nhưng nhìn bà rất trẻ và rất khoẻ, bà có rất nhiều con cháu. Cuộc đời Visākhā rất đặc biệt,

giàu có, thành đạt từ đời đến đạo. Có thể nói bà là một hình mẫu cư sĩ lý tưởng, tuổi trẻ là một cô gái vừa đẹp, vừa đức hạnh, giàu có, trí tuệ, và suốt cả cuộc đời bà đã hỗ trợ, thương Phật, thương chư Tăng, có công với Phật Pháp.

IV. LƯƠNG Y JĪVAKA KOMĀRABHACCA

Quý Phật tử nào mà học ngành thuốc thì nên đọc về ngài Jīvaka. Thần y Jīvaka là con của một kỹ nữ, khi mẹ ông sinh ra ông thì bỏ ông bên đường. May mắn là một vị hoàng tử con của Vua Tần-bà-sa-la đem Jīvaka về nuôi. Gọi là may mắn nhưng thực ra đó là cái phước, đứa bé này giống như nó có phước chưa đến lúc chết vậy, nó chưa đến lúc hết tuổi thọ hay hết nghiệp. Khi Jīvaka lớn lên thì ông học về ngành y, và như là cái duyên của ông, ông rất giỏi. Ngay cả vào thời đó y học chưa tiến bộ thì ông đã chữa được rất nhiều bệnh. Có một vị Vua ông bị đau đầu kinh niên, Jīvaka đã mổ cho vị Vua này hết bệnh. Thời đó chưa có đủ điều kiện hay dụng cụ như bây giờ mà ông đã mổ được rồi, có lần Vua A-xà-thế đã giới thiệu ông đến mổ cho các vị Vua. Cho nên, Phật tử nào mà làm về ngành y và chữa bệnh thì nên đọc về cuộc đời của Jīvaka.

Ông cũng là người chăm sóc sức khỏe cho Đức Phật và Tăng đoàn. Khi Đức Phật bị cái nạn là Đề-bà-đạt-đa lăn đá, thì ngón chân cái của Ngài bị máu bầm, Đức Phật đã cho phép Jīvaka mổ sống ngón chân của Ngài và chảy máu bầm ra. Thật ra thì quý vị nhớ là không ai có thể hại Phật, không ai làm cho Phật chảy máu được, nhưng mà bây giờ chúng ta hay nói "Phật bị chảy máu" tức là bầm ngón chân Đức Phật. Đây là vì trong tiền nghiệp Ngài lấy một hòn đá quăng vào chân của một vị nên Ngài bị cái quả nghiệp như vậy.

Jīvaka thương Đức Phật lắm, có một lần Đức Phật bị bệnh đau bụng, và ông không nỡ làm chén thuốc cho Phật uống vì nó khó uống quá. Ông mới lấy thuốc tán nhỏ ra và để vào trong hoa sen, ông đưa cho Đức Phật cầm ngửi bông hoa đó là Phật hết đau bụng. Không rõ có cái duyên gì mà ông giỏi đến như vậy đó. Jīvaka là một vị chứng Sơ quả, khi ông mất rồi thì ông tái sanh lên cõi trời. Có một lần, một số Tỳ-kheo bị đau bụng mà không biết phải dùng bài thuốc nào hết, thì ngài Mục-kiền-liên mới dùng thần thông lên cung trời hỏi Jīvaka. Ông mới nói là bị cái này thì ăn cháo hết, rồi ngài Mục Kiền Liên xuống nói lại với quý Thầy, và quý Thầy dùng xong thì hết bệnh. Ông

còn là một người rất là có công với Phật Pháp, có rất nhiều câu chuyện trong tạng Luật liên quan đến ông.

Sau khi Vua A-xà-thế giết cha thì ông rất buồn, ông nói, bây giờ vinh quang, ngai vàng, địa vị để làm gì nữa khi mà cha của ta đã không còn. Jīvaka thấy như vậy và ông mới dẫn A-xà-thế đến gặp Đức Phật. Khi Vua A-xà-thế bước vào Tinh xá thì không thấy nghe một tiếng động nào hết, ông bước đi thêm một chút nữa thì đến giảng đường, ông thấy Đức Phật và cả ngàn chư Tăng đang hành thiền trong một không gian yên ắng không một tiếng động. Nó đẹp và trang nghiêm thanh tịnh vô cùng, ai cũng uy nghiêm hành thiền. Khi nhìn thấy hình ảnh này, Vua A-xà-thế phủ phục thưa với Đức Phật: "Kính bạch Đức Thế Tôn, nhìn thấy Tăng đoàn của Đức Thế Tôn, con có niềm tin nơi chánh Pháp của Đức Thế Tôn." Nghĩa là ông chỉ cần nhìn thấy Đức Phật và quý Thầy ngồi thôi là ông đã có niềm tin và sự tôn kính, cả ngàn người mà không có một tiếng động. Thầy thích câu chuyện này lắm, kể câu chuyện này xong rồi mà lòng thầy vẫn đầy hoan hỷ, đến nỗi bây giờ trong các khóa tu ở chùa là thầy nói giữ im lặng hết, lúc nào cần nói chuyện thì nói mà

đến giờ ăn cơm, giờ nghe Pháp, hành thiền là phải im lặng. Cái đó thầy rất khắt khe, cái hình ảnh 500 người mà không có một tiếng động, chùa làm được tự nhiên thầy cũng cảm thấy hạnh phúc. Thầy đang giảng Pháp mà ai nói chuyện là thầy không giảng, mình không có sự tôn trọng Pháp. Ở nhà mình có năm người ngồi ăn cơm nói chuyện là thành cái chợ rồi, mà ở đây đến mấy trăm người thì ra làm sao, cho nên những giờ hành thiền, những giờ nghe Pháp, những giờ ăn cơm, giờ tu tập là phải im lặng. Ví dụ như như ai đang đi ngoài đường, nhìn vào trong chùa thấy cả mấy trăm người mà không có tiếng động, hoặc họ bước vào mà thấy vậy tự nhiên cũng làm cho họ cảm động. Cho nên, nhiều lúc mình chỉ cần ngồi ăn, ngồi thiền, ngồi nghe Pháp thôi là mình độ người ta đó. Ngồi cho đẹp, ăn cho đẹp, im lặng đúng chỗ, cái oai nghi đó cũng độ được người ta. Thầy học được cái oai nghi này từ câu chuyện này.

Jīvaka thường ưu tiên chữa bệnh cho Đức Phật và Tăng đoàn. Ông chữa bệnh quá giỏi đến mức mà có rất nhiều người giả đi xuất gia để được chữa bệnh, bởi vì quá đông người bệnh cần đến Jīvaka. Sau này, ông thưa lên Đức Phật cần hạn chế những người bị bệnh, đặc biệt những bệnh

truyền nhiễm, lây nhiễm đi xuất gia. Jīvaka là một người cư sĩ rất đặc biệt và Đức Phật tán thán là Đệ nhất dân chúng kính mến, ông là một người từ tâm, chữa bệnh cứu giúp không biết bao nhiêu người.

Ngài Jīvaka là thần y chữa bệnh, còn có một vị là không bao giờ bị bệnh, đó là ngài Bạc-câu-la (Bakkula). Ngài Bạc-câu-la là vị Thánh đệ tử của Đức Phật sống đến 160 tuổi, ngài đi tu năm 80 tuổi, tu thêm 80 năm và ngài nhập niết-bàn năm 160 tuổi, ngài không bao giờ bị bệnh dù là bị cảm. Bởi vì cái phước trong kiếp trước của ngài đã từng chữa bệnh cho Đức Phật và chư Tăng, nên bây giờ nó trổ cái quả này. Cho nên, tội lỗi một đổi một triệu thì cái phước của mình cũng vậy. Mình làm phước đúng chỗ thì hưởng biết bao nhiêu đời, như ngài Bạc-câu-la ngài chữa bệnh cho Đức Phật và Tăng đoàn là nhiều kiếp ngài không có bệnh. Còn có những con người mà mình chỉ cần xúc phạm người đó một câu là nhiều kiếp mình ở dưới đó. Cũng là một câu mà nhiều khi con chó nhà mình nó làm gì đó, quý vị giận quá chửi nó thì nó cũng thành một cái nghiệp bất thiện. Cũng một câu đó mà mình giận con rồi la mắng nó, hay là xúc phạm xem thường một ông hàng xóm, sự tổn phước nó

khác. Cũng một câu đó mà quý vị chửi một vị đức độ, đắc thiền, đắc Thánh thì con đường phía trước là mịt mù, không biết khi nào mới lên lại được làm người.

Còn bây giờ chưa hết nghiệp, chưa hết tuổi thọ thì sống thêm 5-10 năm, 20- 30 năm nữa. Nhưng với cái nghiệp xúc phạm bậc Thánh, xúc phạm bậc đạo đức này mà đi xuống là đi xuống luôn, không biết khi nào mới ngóc đầu lên. Cho nên ý thức được điều này, phải rất là cẩn thận. Không phải là mình làm bất thiện chừng nào, là trả quả bất thiện chừng đó đâu. Quả bất thiện có thể phải trả trong nhiều kiếp.

Ngài Jīvaka ngoài là vị chữa bệnh, còn là một vị Thánh. Và đặc biệt là ông rất là lo cho Đức Phật, Tăng đoàn.

V. VUA BA TƯ NẶC (PASENADI):

Là vị vua mà Thầy hay kể trong các bài Pháp thoại. Ông thương Phật đến nỗi khi mà rảnh được việc triều chính, một ngày ông vào thăm Phật năm lần. Mỗi lần vào thăm Phật, là ông cúi đầu xuống ông lạy và hôn chân Đức Phật. Mà

trong khi vua Ba Tư Nặc trạc tuổi với Đức Phật và ông là người đứng đầu một đất nước vô cùng rộng lớn, không có thiếu cái gì. Mà từ ngày ông quý kính, quy y với Phật, ông coi như Đức Phật là Thầy của mình. Đức Phật mới nói Đức vua cũng trạc tuổi với Đức Phật, rồi đức vua cũng lãnh đạo cả một đất nước như vậy, mà sao đức vua lại tôn kính Phật như vậy?

Ông mới nói: Dạ, kính bạch Ngài, con cũng trạc tuổi như Ngài. Con lãnh đạo một đất nước như vậy nhưng mà con không có được như Ngài. Ngài muốn an thì an, muốn yên thì yên. Người ta ở gần Ngài người ta được thanh tịnh, bình an. Còn con không có được như Ngài.

Kính lạy Đức Thế Tôn, Ngài là Thầy của con.

Trước khi ông gặp Phật, ông cho người theo dõi Phật tận 7 năm, rồi ông mới tin theo. Cứ chuyện gì mà trong triều đình bắt đầu có vấn đề, bắt đầu rắc rối… là ông thường vào hỏi Phật. Có lần hoàng hậu mới sinh con gái cho ông, mà ông thì muốn con trai, thế là ông buồn. Phật mới hỏi: *"Sao hôm nay đức vua có chuyện gì mà đức vua buồn như vậy?"* Ông trả lời: *"Con thì muốn con*

trai mà hoàng hậu lại sinh con gái", thì Đức Phật mới nói là: *"Có bao nhiêu người anh hùng, bậc vĩ nhân, ngay cả rất nhiều vị Thánh ở cõi đời này, các vị đó đều từ người mẹ sanh ra. Mà có nhiều người con gái đức độ, trí tuệ nữa. Cho nên vua không có gì buồn".*

Và vua ăn uống vô độ nhiều quá, trở thành mập mạp, nặng nề lắm. Thì Đức Phật mới khuyến khích ông là ăn uống có chừng mực lại, đừng có để mập quá, nặng nề quá, không có được nhẹ nhàng lắm.

Ông thương Phật đến nỗi trong triều có việc gì quan trọng, ông đều vào hỏi Phật. Ông cũng có cúng dường ngôi tịnh xá Rāja- gahārāma đến Đức Phật. Thời Đức Phật tại thế, Vua Ba Tư Nặc không có đắc Thánh Quả, vì ông là sẽ là Phật Chánh Đẳng Giác tương lai.

Vua Ba Tư Nặc đâu có thiếu thứ gì đâu và có một lần ông muốn cúng dường cho Đức Phật chư Tăng, nhưng mà phải rất là đặc biệt. Có nghĩa là không có một cái buổi lễ cúng dường nào như vậy hết. Khi đó, Đức Phật về xứ của đức vua Ba Tư Nặc, đức vua cúng cái gì là người dân người ta tập trung, gom lại cúng y như vậy. Nhiều

người dân họp nhau, gom lại cúng Đức Phật như đức vua, thì ông rầu rĩ lắm. Và khi đó, ông lại cúng nhiều hơn nữa. Ông nghĩ *"chẳng lẽ là ta đứng đầu đất nước mà bây giờ ta không có cúng cái gì được hơn các thần dân này hay sao?"* Mà ông cứ cúng cái gì là người ta gom lại cũng cúng vậy. Thế là ông mới tâm sự với hoàng hậu Mạt Lợi (Mallikā), bà mới tư vấn cho ông. Và cuối cùng, ông mới tổ chức được buổi lễ cúng dường mà dân chúng theo không kịp, phải nhượng bộ. Và buổi lễ cúng dường này, được gọi là "đại lễ vô song thí". Là buổi lễ cúng dường mà trong thời Đức Phật không có buổi lễ nào như vậy cả.

Tại buổi lễ cúng dường, thỉnh Đức Phật và 500 vị Thánh. Mỗi vị Thánh đều có một cái lọng để che. Ai là người cầm cái lọng đó che cho bậc Thánh? Đó là 500 con voi dùng vòi của mình cầm lọng che cho các Ngài. Đặc biệt là lúc đó chỉ tìm ra được 499 con, thiếu một con. lúc này còn một con voi, nó chưa có được thuần, hung dữ lắm. Và hoàng hậu dặn riêng con voi hung dữ, chưa có thuần này, cứ cho đứng hầu Ngài Vô Não (Aṅgulimāla). Vì do oai lực của Ngài Aṅgulimāla, con voi này chưa có được thuần, tới chỗ Ngài là tự nó thuần. Theo ghi chép lại, Ngài

Aṅgulimāla có sức mạnh quật ngã được mấy con voi. Cho nên con voi mà chưa có được thuần, hôm đó cầm lọng che cho Ngài như bình thường. Vậy thì chúng ta nhớ, thời Đức Phật có một buổi "đại lễ vô song thí", mà thí chủ là vua Ba Tư Nặc. Và người tư vấn, sắp xếp để cúng dường, đó là hoàng hậu Mạt Lợi.

Ông thương hoàng hậu Mạt Lợi lắm. Duyên sự mà ông gặp hoàng hậu Mạt Lợi là như thế này. Xuất thân bà là con của một nhà thương nhân bán hoa, cũng không giàu có đặc sắc gì. Thì hôm đó, bà cùng với những người bạn nữ đi vào trong rừng chơi, có đem theo một ít cháo. Buổi sáng gặp Đức Phật và Thầy A Nan (Ānan), với lòng tôn kính, bà cúng dường bát cháo đó cho Đức Phật. Sau khi nhận xong, Đức Phật cười. Mà Ngài A Nan hiểu có chuyện gì đặc biệt, Phật mới cười, chứ không có chuyện tự nhiên Phật cười. Thầy A Nan mới thưa với Đức Phật: *"Kính bạch Đức Thế Tôn, nhân duyên gì mà Đức Thế Tôn cười?"* Đức Phật mới nói một câu thế này: *"Trong ngày hôm nay, cô gái này sẽ làm hoàng hậu."*

Chúng ta nghĩ coi, nếu mà không phải Đức Phật nói, mình tin nổi không? Thời đó, trong các dòng dõi, giai cấp cao quý, đứng đầu là Bà La Môn xong đến Sát Đế Lợi (dòng dõi vua chúa), sau đó mới đến là Phệ Xá (những người buôn bán, thương gia), và cuối cùng là nô lệ. Mà bà Mạt Lợi trong dòng dõi Phệ Xá. Thời kỳ đó phân biệt giai cấp lắm, làm sao mà trong một ngày mà cô gái này làm hoàng hậu được. Thì khi đó vua Ba Tư Nặc đánh trận thua với người cháu, là A Xà Thế. Ông buồn, cho nên thay vì đi thẳng về cung vua, thì ông đi băng qua đường rừng. Ông tới đó mệt quá, mới thấy bà Mạt Lợi, thì ông có cảm tình ngay. Sau đó thiu thiu, ông ngủ một giấc gần bên chỗ bà. Khi ông tỉnh dậy, thì ông hỏi rất là khéo, bà đã có gia đình chưa. Bà trả lời chưa, thì khi ông về cung, ông cho người quay lại mời thỉnh Mạt Lợi vào trong cung và phong cho bà là hoàng hậu, trong ngày đó luôn. Ông thương hoàng hậu lắm, việc lớn, việc nhỏ gì ông cũng hay tâm sự với bà.

Bà là một người rất là đức hạnh, từ, bi, trí tuệ và làm vô số công đức. Vậy mà trong cuộc đời Mạt Lợi, có một lần bà tạo một cái bất thiện nghiệp. Mà éo le, khắc nghiệt thay, là cận tử nghiệp của

Mạt Lợi, thì bà lại nhớ việc bất thiện đó. Và bà nhớ với cái tâm hối tiếc. Giống như cho dễ hình dung, là trong đời, bà làm 1000 điều thiện, mà có làm 1 điều bất thiện. Lúc trước khi mất, thì bà lại nhớ lại cái điều bất thiện đó với tâm hối tiếc. Mà cận tử nghiệp, nó quyết định cảnh giới kế tiếp của mình. Và với cái tâm bất thiện đó, bà đoạ xuống cõi xấu. Sau khi bà mất, xót thương bà quá, ông rất buồn rầu. Ông mới tới thưa với Đức Phật là: *"Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Đức Thế Tôn cho con hỏi là Mạt Lợi mất rồi, bà sanh về đâu?"* Đức Phật mới không trả lời. Ngài dùng thần thông cho đức vua quên đi. Cứ như vậy bảy ngày sau, Đức Phật mới trả lời vua Ba Tư Nặc là Mạt Lợi sanh lên cõi trời rồi. Chúng ta hiểu tại sao không? Nếu như mà lúc đó, Đức Phật mà trả lời bà xuống cõi đọa rồi, thì ông vua sẽ buồn thêm biết bao nhiêu. Nhưng mà với trí tuệ của Đức Phật, Ngài biết là Mạt Lợi chỉ trả cái nghiệp ở cõi đoạ này trong bảy ngày thôi. Nên khi nghe Mạt Lợi lên cõi trời thì ông vua mừng lắm. Ông tự nhủ: *"Đúng rồi, Mạt Lợi làm công đức như vậy lên cõi trời đúng rồi."* Ông hẹn sau này lên cõi trời để gặp lại bà trên đó.

Một cái bài học của mình chỗ này là gì? Trong cuộc đời của quý vị, mình sống và cố gắng làm những thiện nghiệp nhiều nhất có thể, nhất là những cái chuyện mà liên quan đến tu học, đến tam Bảo. Tại vì như vậy mới có cái duyên để đưa mình đến giác ngộ, giải thoát và có duyên để cho mình gặp Phật Pháp. Ở đây, bà Mạt Lợi làm rất là nhiều công đức. Nhưng mà khổ thay, cuối đời bà lại nhớ lại cái điều bất thiện. Đây là một cái bài học sâu sắc. Nhớ là những tháng ngày cuối đời, mình phải chuẩn bị kỹ càng, cư an tư nguy. Bây giờ mình sống yên lành nhưng mà mình phải nhớ đến những tháng ngày sau này có thể gặp nguy hiểm, rủi ro, bất trắc, vô thường. Nó có thể đến bất cứ lúc nào trong cuộc đời của mình. Nhớ như vậy để luôn cố gắng làm phước, tu tập nhiều nhất có thể. Và rồi sẽ đến một ngày, những thời điểm trước lúc ra đi của mình, những cái giai đoạn gần nhất đó gọi là cận tử(Cận tử nghiệp cho quả lúc cận tử), những lúc đó, mình nhớ Phật, nhớ Pháp, nhớ Tăng, nhớ đến những cái điều thiện mà trong những tháng ngày mình đã làm.

Giống như là khi mình niệm ân Đức Phật lâu nay, rồi lúc đó ráng nắm vào điều đó. Hoặc là quí vị đang hành thiền đề mục hơi thở, nhớ giữ tâm

có niệm vào hơi thở đó mà đi. Dễ có cơ hội sanh vào các cõi lành. Chứ lúc đó đừng buồn chuyện con cái của mình: *"Trời ơi, mẹ nằm đây mà 2 đứa con chưa gì nó tranh giành, nó chia tài sản rồi"*. Buồn vì *"Trời ơi, tôi sắp đi rồi mà sao cái bà đó bà chưa có trả nợ cho tôi. Tôi đi rồi ai đòi tiền nợ đây?"* Thầy nói lúc đó là cơ hội cuối cùng trong cái kiếp người của mình. Lúc đó phải thông minh một chút *"Thôi, đâu còn có đó. Bây giờ mình mà dại trong lúc này là khổ những cái kiếp sau"*. Giả dụ như xuống cảnh giới đoạ, lúc đó muốn đi lên cũng đâu có lên được nữa, phải không? Những cõi đọa, trả nghiệp hết mới được lên. Chứ lúc đó dù muốn làm phước cũng không được. Nên giờ phút quan trọng trong đời mình là cận tử nghiệp. Ví dụ như quí vị có tài sản, thì khéo léo sắp xếp trước đó đi. Cái nào cho con thì cho, cái nào cho gia đình thì cho, cái nào cúng dường làm phước thì làm phước… Có nghĩa là giải quyết cho nó ổn, chứ đừng mà nằm trên cái giường bệnh mà nói: *"Chết rồi, tiền bạc phải làm sao?"*

Đến hôm nay Thầy nghe trực tiếp mấy câu chuyện kể lại. Dưới Biên Hoà có bà cụ đó, bà giàu ơi là giàu, con cái giàu ơi là giàu. Nhưng

cuối đời không ai chăm bà được. Cuối cùng phải tự mò nấu từng bữa cơm mà ăn. Lạ lắm, con cháu của bà rất là giàu, nó tới chăm, mà bà cứ sợ lấy tiền của bà. Bà đuổi đi, tâm lý cứ sợ mất tiền. Rồi giả dụ những trường hợp như vậy. Chết với cái tâm như vậy, dễ làm ngạ quỷ xung quanh đó lắm.

Cho nên nếu hiểu, vợ chồng, con cái, anh em … không thương, mình phải biết tự thương. Thời điểm đó là những cái giờ phút quan trọng. Lúc đó nắm vô cái đề mục tu của mình, tuỳ mình đang tu cái đề mục nào. Tập trung vào cái đề mục đó để hoan hỷ, an lạc mà đi. Vì giờ phút đó, nhắm mắt một cái rồi, đi về đâu còn lâu mới biết. Gia đình vẫn là phàm phu sao biết mình đi đâu mà giúp. Cùng lắm, thương lắm thì cúng trai Tăng, hồi hướng cho mình. Tiếp nữa hồi hướng, mình có nhận được không? Nếu mà xuống bàng sanh, xuống địa ngục cũng không nhận được. Chỉ có một loại ngạ quỷ là nhận được. Vậy chẳng lẽ mình muốn xuống thành ngạ quỷ sao?

Cho nên bây giờ do duyên nào đó có gia đình, vợ chồng, con cái… với bổn phận, trách nhiệm thương họ, thì tạo duyên cho họ tu tập. Và chính

bản thân cũng biết tu tập. Đường sinh tử này, hồn ai nấy giữ. Có duyên đi với nhau mấy chục mấy, mà nhắm mắt một cái là không biết đi đâu hết. Bây giờ, qúy vị hỏi: *"Mẹ mất rồi, giờ đi đâu?"* Trả lời được không? Không biết được mẹ ở đâu. Quý vị có thương mẹ không? *"Mẹ con, con thương lắm chứ"*. Con muốn giúp mẹ không? *"Dạ, con muốn giúp chứ"*. Con giúp làm sao? *"Dạ, con cũng đâu biết giúp làm sao ngoài việc con làm phước hồi hướng"*. Bây giờ học rồi, biết hướng dẫn cho mẹ khi còn sống làm phước, để mẹ mình đi lên. Rồi từ đó cũng rút ra cái bài học cho bản thân mình. Ráng làm những cái điều thiện cho thật nhiều. Cứ sống với điều thiện, với từ bi, với trí tuệ, với kham nhẫn, với công đức, với niệm, với định, với tuệ nhiều. Điều thiện nhiều, giống như nước mà ở thể khí, khỏi cần cầu siêu gì, tự đi lên. Nhắm mắt cái, là nó bay về trời, nó bay lên trên, về cái cõi lành. Còn bất thiện nhiều, thì là nước ở thể lỏng, dễ rơi xuống.

Cho nên đôi lúc, Thầy có dặn, nếu được, chúng ta cứ ghi lại những sự kiện ấn tượng trong đời. Ấn tượng với công đức nào, ghi công đức đó kỹ lại. Để mỗi lần nhớ đến cái công đức đó là chúng ta vui. Như Thầy, mỗi lần mà nghĩ đến những

tháng ngày mùa dịch bệnh, Thầy dạy giáo lý cho quý vị là Thầy vui lắm. Và bây giờ Thầy cũng có quà tặng cho mọi người nữa. Đó là ai muốn học giáo lý Thầy sẽ chia sẻ qua. Thích nghe, Thầy giới thiệu bài giảng. Còn thích đọc, Thầy chỉ cần chia sẻ từ zalo qua, cho mà đọc. Nghĩ đến giờ phút đó, thì Thầy vui lắm. Thời gian đó, tuy mệt, bận bịu, suốt ngày loay hoay soạn bài và giảng bài, mà hạnh phúc lắm.

Làm nhiều thiện nghiệp, nhưng mà có một vài thiện nghiệp nào đó, mình phải nhớ rất kỹ. Nhớ đến cái đó cũng là một cách niệm Thí. Hoặc là nắm vào đề mục tu tập Thiền. Thay vì lúc đó nhớ vợ, nhớ chồng, nhớ con cái, nhớ anh chị em, nhớ tiền, nhớ bạc, nhớ nhà, nhớ cửa… Đừng có dại nhớ mấy cái đó, lưu luyến mấy cái đó. Giờ phút đó quan trọng, mình phải biết thương mình chớ không ai thương mình bằng chính mình hết. Hiểu cái nguyên tắc này, và cái giờ phút đó là những giờ phút quan trọng trong cuộc đời của mình.

Quay lại chuyện Vua Ba Tư Nặc, trước đó là ông có giết nhầm một vị tướng, người mà rất trung thành và thương ông. Nhưng vì nghe phải những lời xàm tấu mà ông giết nhầm. Xong ông cũng ăn

năn, hối hận lắm. Và sau này cuối đời của ông, lần đó ông thăm Đức Phật xong. Thì ở trong triều bị đảo chính, chiếm ngôi của ông. Và trong cái lần đó, ông chết một cách cô đơn trong một ngôi nhà nhỏ, bên cạnh có một người hầu. Một vị vua đầy đủ, đứng đầu trong thiên hạ, mà chết ở một cái nơi lạnh lẽo, bên cạnh không có người thân như vậy. Mình nghe thì thấy tội lắm. Nhưng mà hiểu Phật Pháp rồi, mới thấy chết ở đâu không quan trọng, mà chết với cái tâm như thế nào mới quan trọng. Chết một cái chết có công đức hay không nữa? Tuy thấy cuối đời của ông, chết trong một ngôi nhà nhỏ lạnh lẽo, cô độc như vậy. Nhưng nhắm mắt cái, là ông lên trên cõi trời.

Thì một đời của mình cũng ráng vậy. Tạo những thiện nghiệp nhiều nhất có thể. Và đặc biệt là những giờ phút cận tử của mình, đi với tâm thiện, tâm lành, để nhắm mắt thì mình còn tiếp tục tu. Đường luân hồi, nó còn dài lắm. Mà mỗi người không biết tu tập các ba la mật, tu thiền chỉ, thiền quán… để làm ngắn lại, dừng lại đường luân hồi này, thì chỉ có mịt mù thôi. Có phước một chút, thì luân hồi thượng cấp, cao

sang, quý phái … một chút. Còn không có phước, thì luân hồi hạ cấp, xuống địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nhưng mà cũng chỉ có đi lên, đi xuống, đi tới, đi lui… Chỉ hôm nay biết Phật Pháp, mới có đường đi ra thôi. Tận dụng cơ hội biết Phật Pháp học Bát Chánh Đạo, Tứ Niệm Xứ, Giới - Định – Tuệ,… Không có con đường nào đi ra, ngoài con đường Phật Pháp hết. Và chúng ta chỉ biết con đường này trong thời kỳ có Phật xuất hiện thôi.

VI. VUA A DỤC (ASOKA)

Qua tới **vị cư sĩ hộ Pháp cuối cùng**, đó là vua A Dục (Asoka). Vua A Dục sống ngay sau thời Đức Phật tại thế khoảng 200 năm. Lúc nhỏ, vua có tướng không được đẹp lắm. Không được vua cha tin tưởng, những người anh, chị, em khác cũng đố kị với ông. Sau này, khi mà vua A Dục lên ngôi, ông nhớ lại chuyện xưa, ông tìm cách giết những người nào trước kia đố kị ông. Có câu chuyện kể khi làm vua, ông ác lắm. Có làm một cái khu vườn, gọi là khu vườn "có vào mà không có ra". Ông nói ai mà vô đó là giết hết. Trước khi làm khu vườn, ông trồng những loài hoa đẹp, hoa

quý ở xung quanh. Còn các loài cỏ dại ông trồng ở giữa. Những người cung nữ trong cung, trước kia ghét ông. Thấy vua làm vậy, khó chịu rồi nói xấu sau lưng. Ông kiếm cớ giết hết. Và khi mà ông làm khu vườn đó xong, thì có một Tỷ kheo có thần thông tới. Mình chưa biết vị này đắc Thánh chưa. Nhưng theo luật của vua là vào khu vườn đó, phải bị giết. Nhưng vị này nói *"Cho tôi sống thêm 7 ngày nữa rồi hãy giết"*. Thì sau 7 ngày, đủ duyên, vị này hóa độ được cho vua A Dục. Sau khi được hóa độ, vua A Dục mới quy y Phật Pháp.

Trước kia vua A Dục ác lắm, có một lần ông đánh xứ Kalinga. Người chết thây chất thành núi, máu chảy thành sông… Sau này khi biết về Phật Pháp, ông quay lại. Cũng là ông vua trước kia, nhưng ông đem bao nhiêu lợi ích cho Phật giáo. Ông cho xây những cái tháp Xá lợi. Ông cho người tìm ra những tháp Xá lợi vào thời Đức Phật. Vào thời Đức Phật, tiền kiếp vua A Dục là một đứa bé. Hôm đó đang chơi, xây một lâu đài cát, thấy Đức Phật, quý kính Đức Phật quá, đứa bé cúng cho Ngài tòa lâu đài cát đó, cúng hết lòng lắm. Nhưng mà lúc cúng, tay đứa bé dơ, nên nó cúng chưa có được trọn vẹn. Cho nên sau này,

tướng mạo của vua A Dục không có được đẹp. Và khi ấy, Đức Phật biết đây là sẽ là một vị vua hộ Pháp sau này.

Sau khi Đức Phật Niết bàn, Ngài Ma Ha Ca Diếp (Mahā Kassapa) kết hợp với vua A Xà Thế (Ajātasattu) để xây và sắp xếp những tháp Xá lợi thờ Đức Phật và các vị Thánh Tăng. Thì lúc đó có một cái tháp Xá lợi, Ngài Mahā Kassapa để vào trong đó Xá lợi của Đức Phật và của các vị Thánh Tăng. Và trong tháp có để hoa tươi, những ngọn đèn thắp sáng, những trầm hương,…Ngài chú nguyện. Hoa để trong này không có héo, những ngọn đèn này không có tắt, trầm này vẫn không có hết mùi. Và sau khi chú nguyện, Ngài viết những điều đó lên thỏi vàng, và để trong cái tháp đó, đợi đến khi nào vua A Dục ra đời, để vua A Dục sẽ thấy được cái tháp và miếng vàng này. Đến hơn 200 năm sau, khi mà vua A Dục tìm ra những cái tháp và thấy lại được thỏi vàng mà Ngài Ma Ha Ca Diếp ghi lại đó. Rồi từ đó, niềm tin của vua càng ngày càng sâu sắc, càng tôn kính tam Bảo. Và ông mới cho xây rất nhiều ngôi tháp thờ Xá lợi.

Đến hôm nay, nhờ công vua A Dục để lại những bia ký. Mà các nhà khảo cổ học tìm lại và biết

được rằng Đức Phật Thích Ca của mình là một con người lịch sử. Do công của vua A Dục rất là nhiều. Những cái bia ký tại nơi đản sanh, thành Đạo, thuyết Pháp, Niết bàn... mà vua để lại đã được tìm thấy. Nhờ đó, mọi người mới tin Đức Phật là vị Phật lịch sử có thật, chứ không là họ cứ nghĩ là Đức Phật là huyền sử thôi. Vua A Dục là một vị vua hộ trì Phật Pháp rất là lớn.

Vào thời vua A Dục, ông tôn kính Phật lắm. Mọi người xuất gia rất là đông. Và những người xuất gia đó được hưởng rất nhiều những đặc quyền, sự cung kính, lợi dưỡng. Và chính vì vậy, có nhiều người họ giả đi tu. Họ đi vào Chùa chứ không có tu, chỉ để được hưởng cung kính, lợi dưỡng… Thì lúc này, vua A Dục mới sắp xếp với các vị Trưởng lão thời đó để thanh lọc lại những vị giả tu. Sau đó, đức vua còn bảo trợ cho kì kết tập kinh điển thứ 3. Sau khi mà vua ngộ rồi, ông khuyến khích cho người em, con trai và con gái đi xuất gia luôn. Và ông cho 9 phái đoàn truyền Phật Pháp từ Ấn Độ tới Sri Lanka, và qua khắp nơi trên thế giới… Có thể nói ông là một cái vị vua có ảnh hưởng Phật Pháp rất là nhiều. Nhờ công của vua A Dục mà Phật Pháp đến hôm nay truyền đi khắp nơi trên thế giới.

"... Vương ngắm đôi tay: tay đầm những máu

Vương ôm hồn gục xuống giữa hoang vu

và Chùa xa chuông vẳng tiếng vi vu ...

đầu gục trên niềm hối tiếc

tay buông nhẹ hết triều nghi

chắp lại một lời tha thiết

Con nguyền sám hối qui y

Gươm giáo đó sẽ là chuông là tượng

Thân tâm này sẽ là bát là y

Con thành kính dưng lên niềm tin tưởng

Trên khung đời tạc lại nét từ bi

«Nam Mô Thích Ca Mâu Ni ! »

---o0o---

2

Đây chồi Bồ Đề

Đây ngọc Xá lợi

Đây ba Tạng Pháp Bảo Pa Li

Trẫm cung kính trao về chư Đại Đức

Đây muôn đời thông điệp của Từ Bi

…

Và Pháp Phật tràn lan như sóng nước
Và Bồ Đề bóng ngả mát mười phương
Từ kinh kỳ ra hải ngoại
Pháp nào là chẳng Pháp Phật ?
Tâm nào là chẳng tâm thương ?
Tung ra thì Đạo mở muôn đường
Khép lại thì bặt từng mảy bụi

Ai ngàn xưa mở núi

Ai ngàn sau hành hương

Thấy chăng trong nhịp hoằng dương

Bóng Người Hộ Pháp lồng khuôn Phật Đà"

(Trường ca Kalinga, Trúc Thiên)

Trong trận đánh Kalinga, ông thấy thây chất như núi, máu chảy như sông. Nhờ Phật Pháp ông giác ngộ, mà từ cái vị vua mà trước kia ác bao nhiêu mà giác ngộ rồi ông thiện bấy nhiêu. Với quyền lực và tất cả những gì ông có, ông hỗ trợ Phật Pháp. Có thể nói là sau khi giác ngộ xong là cả một đời của ông dành cho Phật Pháp hết. Ông không mong vương quyền gì nữa hết, vì ông đứng đầu trong thiên hạ, có thiếu gì nữa. Nhưng thật ra nó không có bình an, bão tố, phong ba lắm. Ông nguyện chỉ mong một điều thôi. Trong vòng luân hồi này, làm chủ tâm của mình. Mà làm chủ tâm của mình là Quả vị bậc Thánh A La Hán, chứ không có dễ đâu.

Chúng ta thấy cuộc đời của một vị vua khi mà hiểu đạo rồi là như vậy đó. Mình không có giống với vua, vì cuộc đời mỗi người, mỗi duyên đều khác nhau. Nhưng Thầy cũng mong quý vị học xong cuộc đời của vua A Dục, để thấy trước kia, khi mình chưa hiểu đạo, mình đã từng làm nhiều điều bất thiện, mỗi người mỗi khác nhau. Trong đời này mà ai dám nói mình không có bất thiện. Bây giờ mình hiểu đạo rồi, thì bất thiện cũng đã làm rồi. Trong bài thơ có nói là *"Gươm giáo đó sẽ là chuông là tượng, Thân tâm này sẽ là bát là*

y”. Trước kia cũng đôi tay này, cũng thân tâm này mà mình tạo những cái điều bất thiện. Thì bây giờ biết tu tập rồi, học gương của vua A Dục quay lại biết tu tập, biết hỗ trợ cho Phật Pháp. Để cho mình làm những điều đẹp nhất có thể. Mà trong cuộc đời này, không có điều gì đẹp nhất ngoài chuyện là biết tu tập, làm đệ tử của Đức Phật. Và nếu là cương vị của Phật tử, không có gì đẹp bằng thêm một việc, là quý vị hộ trì cho tam Bảo, làm cho Phật Pháp, làm cho tam Bảo được nhiều người biết đến. Thì đó cũng chính là ước mơ của Thầy.

Hôm nay, Thầy giảng bài này để làm gì? Hay là Thầy dạy lớp giáo lý để làm gì? Gần nhất là để cho những Phật tử đang nghe đây, để quý vị hiểu Pháp, có lợi ích. Còn xa hơn nữa, Thầy mong cho những người mà được nghe lại, đọc lại những bài Pháp này, những cái bài giảng này, để họ biết tới Phật Pháp. Cuộc đời của họ nương Phật Pháp là không có cái gì đẹp, hạnh phúc bằng nữa. Bây giờ, tùy chúng ta hiểu Phật Pháp tới đâu thì cảm nhận tới đó. Nhưng rồi từ từ sẽ thấy trong cuộc đời này, không có gì hạnh phúc bằng làm đệ tử Phật và ứng dụng lời Phật trong

cuộc sống hàng ngày. Nên mình mới hiểu, vua A Dục không mong gì ngoài làm chủ tâm.

"Với tặng phẩm nầy, Trẫm không mong sanh vào cảnh giới của chư Thiên hay của Phạm Vương, càng ít muốn vinh quang của vương quyền nhưng bất ổn như biển đầy sóng. Mà bởi vì Trẫm cúng dường với niềm tin, Trẫm chỉ mong nhận kết quả từ tặng phẩm nầy một thứ gì không thể bị ăn cắp, được tôn vinh bởi các bậc Thánh và an nhiên trong tất cả mọi lay động: Đó là quyền làm chủ được tâm của mình"

Lời nguyện của vua A Dục.

Ở đây muốn có quyền làm chủ được tâm của mình, là mình phải tu tập. Mình phải có cái lực gì đó để mới có thể làm chủ được tâm mình. Và nói theo trong chuyên môn một chút đó là phải đắc Đạo, đắc Quả, chúng ta mới làm chủ được tâm của mình. Học cuộc đời của vua A Dục, mình thấy cả một cuộc đời lo cho Phật Pháp, phụng sự cho Phật Pháp đẹp lắm, quý lắm. Hôm nay mình biết ơn vua A Dục, học đến vua A Dục là những đóng góp, công ơn của ông cho Phật Pháp. Một

vị vua mà để cho mình bao nhiêu bài học, nhờ đóng góp của ông và gia đình Phật Pháp mới lan truyền đi khắp nơi trên thế giới.

Kết bài:

Hôm nay mình học bài **Các vị cư sĩ hộ Pháp đắc lực thời Đức Phật.** Học về vua Ba Tư Nặc (Pasenadi) , vua Tần Bà Sa La (Bimbisāra), vua A Dục (Asoka), trưởng giả Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika), thần y Jīvaka, đại thí chủ Visākhā. Một số vị tiêu biểu thôi, mà chúng ta thấy toàn là những vị đại gia, tỷ phú, vua, quan… mà làm những việc hộ trì tam Bảo. Còn bản thân mình, tuy không được như các vị này, nhưng mình cũng hạnh phúc. Quan trọng nhất là hạnh phúc ở đây không phải là có vương quyền hay là anh giàu có. Mà hạnh phúc ở đây, là có Phật Pháp. Không có hạnh phúc nào bằng có Phật Pháp bên đời của mình hết.

Thầy mong chúng ta đọc qua những cái gương này, nhắc nhở thêm cho mình. Ngày hôm nay mình chưa có gì, mới giàu, mới đẹp, mới khỏe, thông minh hơn người có một chút; đã nhìn mọi người bằng nửa con mắt. Các vị kể trên tuy giàu có, quyền lực, … mà mấy ông rất là khiêm hạ,

cung kính Phật. Những hình ảnh, những con người đó đẹp lắm. Thầy mong quý vị có thêm được những cái bài học hay trong cuộc đời của mình để ứng dụng trong cuộc sống qua cái bài Pháp thoại hôm nay, xin cảm ơn quý Phật tử.

(Bài giảng ngày 25/03/2022)

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Hãy kể tổng quan về cuộc đời Đức Vua Ba Tư Nặc?

2). Hãy kể tổng quan về cuộc đời Đức Vua Tần Bà Sa La?

3). Hãy kể tổng quan về cuộc đời Cư Sĩ Cấp Cô Độc?

4). Hãy kể tổng quan về cuộc đời Cư sĩ Visākhā?

5). Hãy kể tổng quan về cuộc đời Lương y Jīvaka?

6). Hãy kể tổng quan về cuộc đời Đức Vua A Dục?

7). Để trở thành những vị đại thí chủ hộ trì Tam Bảo, các vị này cần những điều kiện gì?

8). Trong 6 vị kể trên, vị nào đã đắc Thánh, vị nào thành Phật Chánh Đẳng Giác tương lai?

9). Ngoài những vị này ra, hãy kể thêm 3-5 vị Cư sĩ có ảnh hưởng thời Phật?

10). Bài học rút ra?

Bài 21: THỜ CÚNG

---

* ĐỊNH NGHĨA

* VÌ SAO NÊN CÚNG TẾ

* PHẨM VẬT CÚNG TẾ

* SAU KHI CHẾT CHÚNG SANH, SANH VỀ ĐÂU VÀ HƯƠNG LINH NÀO NHẬN ĐƯỢC CÚNG PHẨM?

* CÁCH CỨU ĐỘ NGẠ QUỶ

I. ĐỊNH NGHĨA

Chúng ta tiếp tục với lớp Giáo Lý Cơ Bản và chủ đề tối hôm nay Thầy xin gửi đến Đại chúng với chủ đề là **"Thờ Cúng"**.

Thờ cúng là cúng tế hay còn gọi là lễ tế đàn. Thờ cúng tùy vào tập tục văn hóa và tín ngưỡng tôn giáo của mỗi nơi có nghi lễ thờ cúng khác nhau. Vì vậy, việc thờ cúng, tế đàn, tế lễ, cúng tế diễn ra ở các nhiều nước trên thế giới. Đến nay, vẫn

có nhiều nước khi tổ chức lễ tế đàn hay cúng tế thì họ giết rất là nhiều sinh mạng, giết các con vật để làm lễ cúng tế Thần linh nào đó. Hôm nay, chúng ta học trong tinh thần của nhà Phật với cái nhìn trí tuệ của Đức Phật, Đức Phật dạy cho mình về việc cúng tế như thế nào? Việc thờ cúng ra sao?

Và đối tượng mục đích chính trong bài giảng tối hôm nay Thầy muốn giảng đến các đối tượng thờ cúng gồm các vị Vong linh, các vị Hương linh, những người đã khuất, mình sẽ thờ cúng như thế nào để có lợi lạc. Và người đó được những lợi ích tốt nhất.

II. VÌ SAO NÊN CÚNG TẾ

Bây giờ, chúng ta sẽ đặt ra một câu hỏi là vì sao chúng ta nên thờ cúng? Tổ chức hiến cúng cho ai? Trước tiên, mình trả lời như thế này. Theo lời Phật dạy trong Kinh Tăng Chi là người Phật Tử chúng ta có năm bổn phận là:

Trong Kinh Đức Phật nói về việc hiến cúng, tế lễ nên có năm loại hiến cúng:

– *Thứ nhất*: Đó là hiến cúng cho bà con, tức là tài sản của mình, những tài sản của mình

giành được, thì trong đó có một phần để mình tổ chức cho việc hiến cúng.

- *Thứ hai*: Là hiến cúng cho khách.
- *Thứ ba*: Là hiến cúng cho các Vong linh quá khứ, tức là những người khuất mặt là đối tượng mình học trong bài hôm nay.
- *Thứ tư*: Là hiến cúng cho Vua.
- *Thứ năm*: Là hiến cúng cho Chư Thiên.

Trong Kinh Đức Phật có nói bổn phận của người Phật tử về việc hiến cúng hay thờ cúng nghĩa là sẽ dành ra một phần để lo năm việc hiến cúng.

Nếu nói tổng quan, trong Kinh Tăng Chi, chương Bốn Pháp, phẩm Nghiệp Công Đức, kinh Bốn Nghiệp Công Đức. Đức Phật có dạy, về một người Phật tử lý tưởng, tài sản của mình chia làm bốn phần. Thầy biết để chọn về bốn điều này là rất khó đối với Phật tử.

Phần thứ nhất, quý vị làm gì?

- Trong Kinh có nói: ***Phần thứ nhất*** là quý vị lo cho Cha Mẹ, lo cho gia đình, lo cho vợ con, lo cho người phục vụ, để ý là lo cho gia đình, cho những người xung quanh mình. Một phần đó là như vậy.

- ***Phần thứ hai*** của tài sản là để mình đề phòng rủi ro. Đề phòng rủi ro có thể quý vị gửi Ngân hàng, hay là mua đất,v.v… Quý vị để dành, đề phòng rủi ro mà rủi ro đến từ đâu? Rủi ro có thể đến từ nhiều khía cạnh, Đức Phật nói có thể đến từ lửa cháy, từ nước trôi, từ vua quan, từ ăn trộm hoặc cũng có thể từ con hư. Tức là Đức Phật nói đó là năm tài sản nó có thể mất quanh 5 vấn đề đó. Vậy một là mình để dành tài sản để mình lo cho những người thân, Cha Mẹ, gia đình, vợ chồng và con. Hai là một phần để đề phòng rủi ro hay gửi ngân hàng hay tiết kiệm gì đó hay mình mua vàng gì đó.
- ***Phần thứ ba*****:** là mình để một phần để dành vào việc hiến cúng. Thì ở đây việc hiến cúng đó sẽ là năm đối tượng này.
- ***Phần thứ tư*****:** Đó là một phần để mình cúng dường, là người Phật tử làm phước, đi cúng dường, việc này khó để dành lắm. Nhưng quý vị xét lại xem chính nhờ một phần mình đi làm phước, làm phước ở đây nghĩa là đi cúng dường, đi bố thí, đi từ thiện, quý vị để ý chính nhờ phần bố thí đó, mà hôm nay mình mới có tài sản. Nếu người chưa hiểu đạo thì mình nói là cho hết lấy gì ăn. Còn người hiểu đạo mình nói là ăn hết lấy gì cho? Quý vị thấy khác không? Trong bốn phần tài

sản quý vị là một Phật tử lý tưởng, trong đó có một phần để dành để đi làm phước, đi bố thí, đi từ thiện, đi cúng dường thôi và mình biết rằng chính một phần đó, nó lại sanh cho mình sau khi quả trổ thì lại tiếp tục có phước báu về vật chất. Vậy tài sản chia làm bốn phần, một phần để dành cho việc hiến cúng và hiến cúng cho năm đối tượng: Hiến cúng cho bà con tức là hiến tặng cho bà con, hiến tặng cho khách, hiến tặng cho Vua, hiến tặng cho Chư Thiên. Và trong đó có hiến tặng cho những người khuất mặt. Mình gọi là Ông Bà Cha Mẹ Cửu Huyền Thất Tổ, các vị Hương linh, Vong linh. Vậy việc thờ cúng là một trong những bổn phận của mình. Đó là câu trả lời thứ nhất, thứ hai trong Kinh Trường Bộ, Kinh Phúng Tổng quý vị nhớ câu này:

"Tất cả các loài hữu tình tức là loài chúng sanh có tình thức, chúng sanh dưới Địa ngục, dưới Ngạ quỷ, dưới Bàng sanh, hay Chư Thiên, Chư Thiên Dục giới, Chư Thiên Sắc giới. Tất cả các loài hữu tình trong Tam giới này trong cuộc đời này. Muốn tồn tại được thì phải nhờ vào thức ăn".

Muốn tồn tại được thì phải nhờ vào thức ăn. Tuy nhiên, ở mỗi cõi thì thức ăn khác nhau, cõi người thức ăn là đoàn thực. Đoàn thực là gồm các loại

như: thức ăn, ăn cơm, ăn cháo, ăn rau ăn củ,… thức ăn gọi là đoàn thực vo tròn lại bỏ vào miệng, được gọi là thức ăn ở cõi người. Một số Chư Thiên Dục giới cũng có những thức ăn giống như mình dễ nhìn nó tế hơn mình nhưng mà vẫn là ở cõi dục thì vẫn có những thức ăn thực tế hơn mình và những chúng sanh ở cõi Trời Sắc giới tức là những chúng sanh đắc Thiền các vị đó cũng có những thức ăn riêng của các vị đó, thức ăn của họ là Thiền. Chúng sanh ở Địa ngục có thức ăn của Địa ngục, ở Ngạ quỷ có thức ăn của Ngạ quỷ, Bàng sanh có thức ăn của Bàng sanh. Nói dễ hiểu hơn là tất cả các loài chúng sanh muốn tồn tại được thì phải có thức ăn. Đó là trong Kinh Phúng Tụng. Vậy thì đối tượng hôm nay đang giảng về thờ cúng cũng phải có thức ăn. Có những chúng sanh thức ăn của họ là nghiệp, thức ăn của họ là Thiền, mình phải thấy như vậy. Chính vì vậy mình nên cúng tế. Để hồi hướng phước, cho cõi Ngạ quỷ, cõi Ngạ Quỷ hay còn gọi là cõi vô hình hay cõi người đã khuất.

Đó là câu trả lời thứ hai vì sao nên cúng tế, kế tiếp là việc thờ cúng.

III. PHẨM VẬT CÚNG TẾ

Nhiều người hỏi thầy: Ông bà, Tổ Tiên của con mất lâu rồi, con có nên cúng giỗ không? Con có nên làm lễ giỗ không? Rồi con có nên làm bàn thờ cúng không? Theo quý vị có nên không? Nên lắm chứ, nên cúng giỗ, nên thờ cúng lắm, tại sao? Thứ nhất quý vị nhớ, "Cây có cội mới nẩy mầm xanh lá, nước có nguồn mới tỏa khắp rạch sông".

"Con người có tổ có tông, như cây có cội như sông có nguồn" đúng không? Chúng ta ngồi ở đây đâu tự nhiên mình có mặt đâu, có một số chúng sanh đó do hóa sanh không có Cha Mẹ, có những trường hợp đó.

Sắp tới, Thầy sẽ chia sẻ cho Quý Phật tử bài "Tam Chướng" bài này rất hay. Bài này quý vị mới thấy thế nào bản thân mình cũng dính vô một trong *ba chướng như :* ***"Phiền não chướng, nghiệp chướng, hỏa chướng"*** *để biết nó cản mình cỡ nào. Kế tiếp, Thầy sẽ dạy cho quý vị bài "Đời sống của Chư Thiên sáu cõi trời Dục giới". Đọc bài xong quý vị sẽ thấy đời sống của Chư Thiên như thế nào? Làm sao sanh lên Chư Thiên, tuổi thọ Chư Thiên, rồi Chư Thiên sinh hoạt như thế nào sau tầng trời Dục giới và những nhân vật*

mình gọi là cộm cán cõi Dục giới này là những nhân vật nào cộm cán, phước đức ngút ngàn của các vị đó là ai. Và sắp tới quý vị sẽ được học trong bài "Đời Sống Sinh Hoạt của Chư Thiên", sống ở trời Dục giới.

Việc thờ cúng là nhớ đến ngày giỗ, nhớ đến ngày xưa ông bà Tổ Tiên của mình mất, là biểu hiện tinh thần tri ân, biết ơn. Quý vị nghĩ con người sống trên đời không biết ơn thì con người nó sẽ như thế nào? Gần nhất là Cha Mẹ mình, bạn bè mình, Thầy tổ mình, xa hơn nữa là ai? Xa hơn nữa là ông bà mình, có ông bà mới có Cha Mẹ mình, cho nên việc thờ cúng Ông Bà Tổ Tiên. Đó là biểu hiện của phẩm chất đạo đức là long biết ơn, đền ơn, tri ân của người Phật tử. Cho nên việc thờ cúng là việc phải nên làm. Đó là thứ nhất.

Thứ hai quý vị để ý xem, những ngày thờ cúng hay là những ngày giỗ, thì con cháu có cơ cơ hội ngồi lại với nhau, đúng không? Nhiều khi Cha Mẹ còn, ông bà còn, thì bản thân chúng ta còn có cơ hội để gặp lại con cháu. Nhiều khi cha mẹ mất rồi, mỗi đứa nó đi một hướng, có khi nào ngồi gặp lại đâu, hiếm lắm. Nên khi đến ngày giỗ của ông bà Tổ Tiên, ngày giỗ đó con cháu ngồi lại

với nhau có cơ hội quây quần lại và để nói về những chuyện gì đó,… để nói về những đức hạnh những đức độ những lời dạy của ông bà của Tổ Tiên mình dạy cho mình để mình nhớ lời dạy của ông bà Tổ Tiên để mình sống cho thật xứng đáng là con cháu của ông bà Tổ Tiên và ngày giỗ cũng là ngày gì? Nếu là người Phật tử là người hiểu đạo quý vị nên làm phước. Người hiểu đạo chính là vậy. Những ngày giỗ của ông bà Tổ Tiên Cửu Huyền Thất Tổ quý vị nên làm phước hồi hướng cho ông bà.

Sắp tới, Thầy sẽ giảng những nghi lễ quan trọng trong đời của mình đó là những nghi lễ như: Ngày thôi nôi, ngày sinh nhật, ngày đám cưới, ngày tang lễ, đó là những ngày lớn, ngày tang lễ, ngày chết. Những ngày đó mình nên làm gì cho có lợi ích theo tinh thần Đức Phật. Vậy thì khi đến một ngày giỗ, mình nên thờ cúng, thờ cúng là tổ chức giỗ. Và người hiếu đạo thì quý vị nên làm phước trong ngày về dự lễ giỗ đó. Bằng cách nào? Bằng cách quý vị tụng kinh, bằng cách quý vị hành Thiền, bằng cách quý vị bố thí, bằng cách quý vị cúng dường, bằng cách quý vị từ thiện, bằng cách quý vị giữ Giới, nghĩa là quý vị làm những điều gì mà nó sanh phước, sau đó quý

vị hồi hướng phước đó cho Cửu Huyền Thất Tổ ông bà Cha Mẹ, người thân đã khuất của mình. Thì việc đó là việc nên rất cần thiết phải nên làm không?

Và sẵn đây Thầy chia sẻ với quý vị một vài điều về việc thờ cúng, tức là về phẩm vật thờ cúng. Tốt nhất quý vị nên cúng chay. Tốt nhất là cúng chay. Và bây giờ Thầy nói giả dụ nếu không cúng chay được thì sao? Thì cúng mặn cũng được nhưng đồ ăn mặn đó phải sao? Ví dụ quý vị cúng thịt gà, cúng thịt heo. Ở một số nơi còn tục lệ vẫn cúng mặn thì thôi bây giờ cúng mặn cũng được. Nhưng đồ mặn đó phải là đồ chết rồi chứ đừng có mua đồ sống. Tốt nhất nếu được thì nên cúng chay. Tức là: " Cúng gì đó nhưng không có trên sinh mạng, cắt đứt sinh mạng của chúng sinh".

• Vào thời Phật, có một lần Vua Ba-Tư-Nặc, ông nằm mơ, ông thấy những tiếng khóc thét la, ông sợ. Ông mới nói với các vị dự đoán những điềm tướng. Sau đó các vị đó sắp xếp giết rất là nhiều con vật. May là hoàng hậu Mạc Lợi mới đưa vua Ba-Tư-Nặc vào gặp Đức Phật, Đức Phật không có khuyến khích việc cúng tế bằng sinh mạng của người khác.

Cho nên điều này ở Việt Nam, Thầy biết đâu đó vẫn còn có một số trường hợp đến ngày cúng giỗ, lễ giỗ, thờ cúng là sát sanh. Nhiều khi nói thời người đó còn sống, ăn con đó, thích con đó, bây giờ mình cúng con đó (ví dụ: Thầy nói là người đó ăn thịt gà). Bây giờ mình chưa cúng chay được, quý vị lỡ cúng thịt gà cũng được, nhưng mà mua con gà, mua thịt gà chết cho Thầy, nghĩa là đừng có liên quan đến chuyện sát sanh, làm đau khổ cho chúng sanh là không nên rồi.

Có trường hợp, ngày cúng giỗ mà sát sanh cúng sẽ tội cho người chết, người chết sẽ tội còn nặng hơn. Phải vậy không? Bây giờ Thầy giải thích cho quý vị như thế này. Tội nặng hơn hay không chưa biết nhưng người sống mà sát sanh là người sống tội trước, đúng không? Anh sát sanh anh phải tội, sát sanh là can thiệp vào cắt đứt mạng sống của chúng sanh phạm vào tội sát sanh rồi. Còn người chết có tội hay không là ở chỗ này. Người chết đó có hoan hỷ với lại việc sát sanh đó không? Có tuỳ hỷ với việc sát sanh của người sống nữa hay không? Chứ người nào làm người đó chịu. Người sống làm người sống phải chịu, nhưng mà nếu người mất họ cũng tùy hỷ với việc

sát sanh đó thì người mất đó cũng có tội. Thầy nói tốt nhất là cúng chay cho khỏe. Nếu như chưa cúng chay được thì cúng đồ chết. Nắm giùm Thầy mấu chốt chỗ đó, đừng có cúng trên sự đau khổ, cắt đứt sinh mạng của chúng sinh khác. Và tốt nhất những ngày đó quý vị nên làm phước, nói tổng quan là nên làm phước.

Trong Phật Pháp cúng một buổi lễ trai Tăng thật là quá tốt nếu được tốt hơn nữa quý vị nên làm, trường hợp quý vị không đủ phước để mà cúng một lễ trai Tăng thì quý vị có thể làm các công đức gì đó rồi quý vị hồi hướng cho người thân đã mất, nhất thiết là phải có chi tiết hồi hướng mới được. Trường hợp, quý vị làm nhưng mà quý vị không hồi hướng thì sao? Thì ai nhận phước đó? Mình nhận đó quý vị mình làm mình không hồi hướng là mình nhận thôi. Vì vậy, muốn hồi hướng cho người mất mà người mất nhận được thì thứ nhất là phải hồi hướng giống như là cho phước hướng về người đó. Và sau khi mình hồi hướng phước cho người đó thì mình phải nói thêm câu mong những người đó hoan hỷ, Thầy dặn nhiều và đã dạy nhắc đi nhắc lại nhiều lần rồi, cho nên quý vị chịu khó đọc lại dùm Thầy, Cha Mẹ mình sinh ra, mình dễ thương như vậy,

mình đẹp trai như vậy, mình đẹp gái như vậy, mình phong độ như vậy, mà mình không thật, mình để đầu mình nó cứ loay hoay trong tà kiến là khủng khiếp lắm. Tà kiến là một trong những phiền não rất khó trị.

Hôm sau quý vị sẽ nghe Thầy giảng bài "Phiền Não Chướng ". Trong những phiền não chướng thì tà kiến là khủng khiếp nhất. Để quý vị thấy mình không có học Phật Pháp, mình không có khai mở tâm trí của mình thì có lẻ một kiếp người của mình mong manh lắm. Có mấy chục năm mình để cho Tà kiến nó dẫn đường của mình là coi như xong rồi, " Còn chi đâu em ơi". Lúc đó coi như cả một cuộc đời của mình toàn là bất thiện không.

Nếu vậy thì quý vị nhớ thật kỹ lại là đến ngày giỗ của ông bà cha mẹ cũng Cửu Huyền Thất Tổ, Tổ Tiên tốt nhất làm chay. Nếu không làm chay mà làm mặn thì thịt đó phải là đồ chết sẵn đừng có sát sanh. Giả dụ tốt nhất thì làm những phước và hồi hướng cho người thân đã mất. Cho nên việc thờ cúng như vậy là biểu hiện lòng biết ơn và nhờ buổi cúng như vậy mình có cơ hội ngồi lại hòa hợp với nhau, anh em nói chuyện với nhau. Và nhắc nhở nhau làm phước để hồi hướng

cho người thân, chính vì một vài lý do đó chúng ta nên làm việc cúng tế và nên làm việc thờ cúng.

Bây giờ chúng ta sẽ nói về phẩm vật cúng tế. Thực ra phẩm vật cúng tế là nãy giờ Thầy đã nói lướt qua rồi, và trong dàn bài mà Thầy gởi cho quý vị phẩm vật cúng tế gồm có mấy chi tiết chính như sau:

Là đừng có tước đoạt trên mạng sống của chúng sanh. Tức là đừng có giết chúng sanh mà cúng. Và nếu như đã lỡ có cúng mặn thì đồ đó là đồ chết, còn nếu được thì trong Kinh nói là những phẩm vật rất là nhẹ nhàng, rất là thanh tịnh. Phẩm vật cúng tế của mình đừng làm trên sự đau khổ của người khác. Nếu được mình làm từ chánh mạng của mình. Và mình mua những phẩm vật thanh tịnh để cúng tế, để thờ cúng, những ngày giỗ, ngày lễ của người thân đã mất.

IV. SAU KHI CHẾT CHÚNG SANH, SANH VỀ ĐÂU VÀ HƯƠNG LINH NÀO NHẬN ĐƯỢC CÚNG PHẨM?

Trước tiên, nói ở con người của mình sau khi mất mình sanh về đâu? Và khi mình cúng thì những người khuất mặt nào nhận được phần cúng đó hay nhận được phước hồi hướng. Tại vì chúng ta

đang nói về đối tượng thờ cúng đó là người khuất mặt. Những vong linh, những vị đã mất hay mình nói là những Cửu Huyền Thất Tổ những người thân đã mất. Ở đây sẽ đặt ra một câu hỏi là sau khi chết chúng sanh, hay là cõi người của mình sẽ sanh về đâu thì thưa với quý vị thế này: Ai nói với quý vị một người mất sanh về đâu thật là khó nói hoặc khó nói cho rõ ràng, tại vì sao? Vì mình không biết chúng sanh sẽ sanh về đâu. Tự bản thân mình thật sự hỏi mình sắp tới đây mình chết sẽ sanh về đâu chắc chắn sẽ không biết. Chỉ có những trường hợp này mới biết chắc chắn thôi là người đã sanh về đâu.

Một là người đó phạm vào ngũ nghịch tội. Ngũ nghịch tội tức là 5 tội nặng nhất:

- Tội giết mẹ,
- Giết cha,
- Làm thân Phật chảy máu,
- Giết bậc Thánh,
- Phá hòa hợp Tăng.

Năm tội này mới biết chắc chắn sẽ đọa Địa ngục. Quý vị cứ thấy phạm vào một trong năm tội này thì kiếp kế tiếp chắc chắn là Địa ngục. *Thứ hai* nếu người nào đắc Thiền, đắc được Sơ, Nhị,

Tam, Tứ Thiền hoặc Tứ không Thiền khi mất chắc chắn sanh về cõi Trời Sắc giới, nếu vị đó đắc từ Sơ đến Tứ Thiền và sanh về cõi Vô Sắc nếu đắc các tầng Thiền Vô Sắc. Đó là chắc chắn. *Trường hợp thứ ba*: Nếu vị đó đắc Thánh, đắc Thánh Sơ quả trở lên thì chắc chắn không còn đọa xuống Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Đó mình phải thấy như vậy.

Nhưng thật ra để biết người đó có đắc Thiền đắc Thánh mình biết được không? Gần như là không biết. Gần như chúng ta không biết được. Làm sao biết người đó đắc tầng Thánh nào? Muốn biết vị đó đắc Thánh, mình phải đắc Thánh mình mới biết vị đó đắc Thánh hay không? Mình phải đắc cao hơn vị đó thì mới biết được. Cho nên rất khó để biết những vị nào đắc Thiền đắc Thánh. Tuy nhiên, mình thấy những ai ngũ nghịch trọng tội thì biết là vị đó kế tiếp sẽ vào Địa ngục. Còn ngoài ra, thì chúng sanh sau khi mất sanh về đâu, gần như chúng ta không biết. Vì thế, mình biết được tổng quan qua lời Kinh của Phật. Biết được rằng chúng sanh sau khi mất đọa lạc nhiều hơn sanh về cõi lành. Đọa lạc ở cõi Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh nhiều hơn là cõi Người, cõi Trời.

• Để được sanh vào cõi Người, Đức Phật ví dụ trong Kinh: "Một con rùa ở giữa biển cả, mà nó trồi lên gặp mấy bọng cây thì rất là khó" câu chuyện đó Đức Phật có nói trong Kinh, được thân người là rất khó. Lên Chư Thiên càng khó hơn nữa.

Đó như vậy, mình thấy để được làm thân Người là khó. Và trong đây Thầy có gửi cho quý vị một bài Kinh, Kinh Tương Ưng, quý vị đọc ý số một. Ở phần bốn lớn, sau khi chết sanh về đâu, thì với tuệ giác của Đức Phật sau khi mất thân người, khả năng sanh vào loài Ngạ quỷ chiếm một tỷ lệ rất cao. Quý vị đã đọc qua chưa? Đọc tới để sợ chứ không có gì hết, Thầy mời quý vị đọc nguyên văn Kinh trong Chánh Kinh.

• *Kinh Tương Ưng Phật dạy thế này: "Này các Tỳ kheo! Ít hơn là các chúng sinh sau khi chết từ thân người, được tái sanh làm người lại". Tức là một chúng sinh mà làm người, sau khi mất để tái sanh làm người trở lại, thì là rất ít. Phật nói như vậy. Rồi Phật mới nói tiếp: "Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết, từ thân người phải tái sanh vào cõi Ngạ quỷ".*

Sợ chưa quý vị? Tức là thế nào? Tức là những chúng sanh ở cõi người sau khi mất xuống Ngạ quỷ nhiều hơn là quay lại làm người. Đó là mới nói có Ngạ quỷ thôi. Chưa có nói qua Bàng sanh. Chưa nói qua Địa ngục. Khủng khiếp vậy đó.

Trong Kinh Tương Ưng đây là Phật nói. Quý vị đừng có nghĩ Thầy dọa quý vị, kinh Tương Ưng Phật nói đó. Từ thân người này khi mất đi, tỷ lệ xuống Ngạ quỷ nhiều hơn quay lại làm người, để mình thấy mà sợ, cho nên với một kiếp sống của mình nó mong manh, được thân người, đó là phước. Trong lúc mình được thân người, mình không biết làm phước nữa, cái này rất dễ rơi vào những cõi đọa lắm. Mong manh và nó khổ, cho nên tu khó lắm.

Có nhiều người nói: "**Thầy ơi sao con tu khó quá vậy Thầy?**"

Có nhiều trường hợp lạ thế này, quý vị ăn chơi không sao hết, quậy phá, bài bạc, rượu chè không sao hết, mà đi Chùa, làm Phước, học Pháp, hành Thiền nó mới có sao. Quý vị để ý xem phải vậy không? Có thể là đâu đó một tiền nghiệp nào đó mình chuyên phá người tu, chuyên quậy người tu, người ta tu không cho tu. Bây giờ

đến lúc mình tu nghiệp trổ rồi đó, anh bất thiện, anh làm ác không sao hết trơn, anh rượu chè, bài bạc, nhậu nhẹt, anh làm bao nhiêu điều bất thiện không sao hết. Nhưng đến một ngày nào đó, anh muốn vô Chùa, anh học Pháp, anh tập ăn chay, anh tập đi Chùa, tập hành Thiền là bắt đầu cản trở đủ thứ cản rồi chưa nói, còn bệnh tật này kia, bị cản đủ đường hết. Có nghĩa là mình làm thiện cũng không được. Mình sửa mình cũng không được, tốt không được, còn điều xấu thì dễ rồi đó khủng khiếp không? Đó là một dạng chướng đó, đó gọi là báo chướng. Hay là hỏa chướng đó quý vị. Mà do đâu? Có thể là do một tiền nghiệp nào đó của mình, mình phạm, cứ ai tu là mình không cho người đó tu. Ai học mình không cho người đó học, mình cản người ta đó. Bây giờ đến khi mình học lại thì học không được. Khủng khiếp như vậy, vòng luân hồi nó khủng khiếp như vậy.

Đức Phật nói trong Kinh Tương Ưng. Những chúng sanh từ cõi người, sau khi mất, xuống Ngạ quỷ nhiều hơn là quay lại làm người. Đọc tới đây để cho quý vị rùng mình để quý vị sợ. Mình sợ và tranh thủ học Phật Pháp học xong lại có đường có hướng đường đi rõ ràng. Việc của mình là cố gắng thực tập để mà tu tập, để được sanh về

những cõi lành hoặc cao nhất là đạo quả thôi. Thầy mời quý vị đọc qua ý số 3. Một số loài Ngạ quỷ trong Kinh Tương Ưng. Tức là cúng là cúng cho ai, thờ cúng hướng về là hướng về cho ai? Thì trong bài giảng này như Thầy đã nói về chính là những người khuất mặt. Thật ra thì từ thờ cúng, mình gọi là thờ rồi cúng, cúng dường, hay là cúng tế, cúng Đức Phật cũng được, cúng Chư Thiên cũng được luôn. Nhưng mà ở đây đang nói chính là đối tượng người khuất mặt.

Ở nhà quý vị, Thầy khuyến khích thế này, quý vị nên làm một bàn thờ Phật. Bàn thờ Phật đơn giản cũng được, nếu có không gian quý vị làm một phòng riêng tư, yên tĩnh để quý vị thờ Đức Phật, chỗ đó là chỗ gì? Chỗ đó là chỗ sanh phước. Chỗ bàn thờ Phật của quý vị là chỗ sanh phước. Là chỗ để quý vị tĩnh tâm, là nơi để quý vị lột xác, là nơi để nâng cấp con người của mình lên, nơi chỉnh sửa thân tâm của mình, đó là nơi mình đi lên, nhờ chỗ đó để đi lên các cõi cao hơn. Vậy đó, thường có nhiều lý do để mình không có bàn thờ lắm. Nhà con nhỏ lắm Thầy ơi. Mà đâu phải nhà nhỏ đâu, nhà cũng to lắm nhưng mà các phòng nó đều có công dụng hết rồi. Phòng này để hát karaoke, phòng này ăn, phòng này chơi

thể thao, phòng này ngủ, phòng này làm, phòng này phòng khách, phòng này phòng kia,... Cuối cùng, không có phòng thờ Phật mà mình không biết rằng đâu đó có thể nhờ lời Phật dạy hoặc mình đâu có biết lợi ích của một bàn thờ Phật như thế nào phải không.

Ngày xưa thời Đức Phật Thầy hay nói cho quý vị đó là trong nhà người ta lúc đó Đức Phật còn ở thế gian, họ chưa có thờ hình Phật nhưng họ để một chỗ trang trọng nhất và chỗ trang trọng đó là dành cho Đức Phật vì họ họ nghĩ rằng, họ hy vọng rằng, họ mong muốn rằng họ ước ao rằng đến một ngày nào đó Đức Phật có thể ghé ngang nhà họ một lần dù họ biết là cơ hội nó rất là mong manh nhưng mà họ vẫn dành một chỗ đó để dành cho Đức Phật đó.

Thời Đức Phật là như vậy có những Phật tử họ tha thiết họ thành tâm như vậy, còn là người hiểu đạo Thầy khuyến khích quý vị nên có một bàn thờ Phật trang nghiêm. Đơn giản thôi, nhìn trang nghiêm nhìn vô làm sao mà cảm thấy tôn kính Đức Phật. Nhìn vô đó cảm thấy mình rất là sự tàm quý mình sợ tội. Là dạy cho mình những lời nói, lời dạy của Đức Phật cho nên phải biết thực tập theo lời Phật mấu chốt là ở chỗ đó bàn thờ

vật đơn giản thôi. Không có không gian thì quý vị làm bàn Phật nhỏ lại một chút. Còn có không gian thì làm trang nghiêm một chút. Việc mà quý vị thờ cúng ông bà Tổ Tiên là việc nên hết.

Ngay cả Chư Thiên quý vị nhớ trong Kinh Đại Bát Niết Bàn không? Trước khi Đức Phật niết bàn có một khoảng thời gian Đức Phật dạy cho mình rất nhiều ý Kinh. Trong đó có một bài Kinh Phật nói mình đối xử với Chư Thiên thế nào thì Chư Thiên đối xử lại với mình như vậy. Ở nhà của quý vị, quý vị nghe Pháp xong, quý vị tụng kinh xong, quý vị hành Thiền, quý vị làm phước, quý vị nhớ hồi hướng phước đến các vị Chư Thiên. Thiện thần ở tại nhà của mình khi quý vị hồi hướng đến cho các vị đó, các vị đó hoan hỷ, các vị đó an lạc cảnh giới của các vị đó, các vị đó cũng gia hộ lại cho mình. Rồi sau đó quý vị cũng hồi hướng phước lại cho Cửu Huyền Thất Tổ, Cha Mẹ thân quyến nhiều đời, nhiều kiếp của mình, quý vị hồi hướng lại cho những người khuất mặt ở trong đất đai của mình, mình đối xử với các vị đó bằng tâm từ thì các vị đó đối xử lại với mình bằng từ tâm. Đó người con Phật là hiểu vậy đó. Mình có phước gì làm được cứ hồi hướng đến các vị đó. Thường các vị khuất mặt

họ nhờ vào phước hồi hướng của mình thôi, mình có thể lập bàn thờ để thờ cúng Đức Phật, cúng dường Đức Phật. Trong ngày quý vị thờ là thắp lên Đức Phật một cây nhang thôi, một nén nhang với lòng tôn kính, với đức tính, phước không? Có phước đó chứ, hôm rồi Thầy dạy mấy bài về đức tin rồi?

Nghe Thầy giảng lại ba bài về đức tin và các bạn trong bộ phận làm sách đang cho viết sách mình sẽ ra được quyển sách riêng về Đức Tin, quyển sách riêng về Khẩu Nghiệp. Quyển sách riêng về sự *"Sân Giận*", đó những bài mà chủ đề hay sẽ cho ra sách riêng. Thì trong đó bài về đức tin Thầy giảng gần 30 bài Kinh về đức tin, quý vị nên nghe là người con Phật thì mình ít nhiều mình cũng tin Tam Bảo. Nhưng niềm tin của mình phải cho sâu và niềm tin của mình có trí tuệ. Niềm tin của mình mới vững được. Thì cũng vậy, khi thờ Phật, thờ vì lý do nào mà thờ Phật? Chúng ta phải đặt lại câu hỏi. Vì sao mình thờ Phật? Sự sâu sắc nhất của Phật là gì? Thờ Pháp để làm gì? Thờ Tăng để làm gì? Con thờ Phật là để con học theo hạnh Phật mình phải đặt ra câu hỏi là vì sao mình thờ Phật? Là để học theo hạnh phúc. Hiểu được mười ân đức của Phật. Vì sao

thờ Pháp? Mấu chốt sâu sắc của thờ Pháp. Không phải là mua quyển Kinh về để trên tủ đâu. Để trên tủ có quyển Kinh tốt không? Tốt chứ.

Nhưng đó không phải là sâu sắc của việc thờ Pháp. Thờ Pháp là gì? Thờ Pháp là hiểu lời Phật dạy, gọi là thờ Pháp, đó là tôn kính Pháp. Phật nói tin ta mà không hiểu ta là phỉ bán ta? Cho nên bây giờ, quý vị đang học Kinh, đang học Kinh Phật dạy, đang học những bài Pháp Thầy dạy có phải là quý vị đang thờ Pháp không phải không? Đó đang thờ Pháp đó. Đang học để hiểu Kinh, là đang thờ Pháp đó. Sâu sắc của việc thờ Pháp chính là hiểu lời Phật dạy. Còn thờ nguyên bộ Kinh mà không hiểu gì hết để làm gì? Cũng tốt đó nhưng mà chỉ là tin thôi chứ không có trí tuệ trong đó đúng không. Thờ Tăng là thờ lý tưởng, hòa hợp. Thờ lý tưởng tỉnh thức, thờ Tăng là thờ lý tưởng ly dục đó. Chúng ta hiểu được ý nghĩa thờ Phật Pháp như vậy, nó rất là sâu sắc. Vậy ở đây trong ba ý số 3 đây.

Thầy có trích trong Kinh Tương Ưng: Đức Phật có nói về một số loài Ngạ quỷ trong Kinh Tương Ưng. Ở trong đây dĩ nhiên là có nhiều loại lắm

quý vị. Nhưng mà trong đoạn Kinh này thì Đức Phật có nói đến hình thức: "*Có hai mươi mốt loại loại quỷ khổ, hai mươi mốt loại với hình tướng khác nhau*".

Có một lần ngài Mục Kiền Liên đi từ trên núi Linh Thứu đi xuống thành Vương Xá, Ngài thấy nhiều loại khổ quỷ được liệt kê như sau: Thứ nhất là thân hình như bộ xương, do tiền nghiệp là đồ tể giết trâu bò, có Ngạ quỷ hình dạng như một đống thịt cũng là đồ tể giết trâu bò. Tiếp đến những thân hình như miếng thịt do săn bắt chim. Những Ngạ quỷ thân hình như cái bị da là do trước đây làm nghề giết dê. Có những Ngạ quỷ thân hình có lông như đao kiếm là do trước đây làm nghề giết heo. Có những Ngạ quỷ có lông bằng những cây lao là kẻ trước đây làm nghề thợ săn. Đó đọc qua mấy này mình sợ. Có những Ngạ quỷ có lông bằng những mũi tên là kẻ trước đây làm nghề tra tấn. Và có thân hình có lông bằng những cây kim là kẻ trước đây làm nghề điều phục các loài thú. Nói đại ý ở đây thì có hai mươi mốt loại khổ quỹ. Chúng ta nhớ trong đoạn Kinh này có hai mươi mốt thôi là hình tướng của các khổ quỷ nhiều hình tướng khác nhau lắm. Hôm trước Thầy có giảng cho quý vị trong thời

kỳ tập Kinh điển lần thứ nhất, có một Ngạ quỷ có một mái tóc dài rất là đẹp. Nhưng miệng thì uống nước không được. Khát nước trên năm mươi năm, không có uống nước được và mỗi khi bà uống nước thì nước chỗ đó biến thành máu. Trong lúc đang kết tập kinh điển lần thứ nhất ở tại Ấn Độ. Thì do đâu? Do lúc bà còn sống bà thấy con của bà cứ mỗi lần cúng dường cho Tam Bảo là bà ngăn cản. Có một lần, con bà cúng bà hoan hỷ bà cúng mấy cọng lông công vào trong làm đẹp Chánh điện thì sau này phước trổ nên bà có một mái tóc rất là đẹp nhưng bù lại có nhiều lần bà cản có một lần bà thấy con bà cúng dường đến chư Tăng bà mong muốn cho mấy đồ cúng biến thành máu hết đi. Cho nên bà là một Ngạ quỷ có mái tóc đẹp nhưng mà bị khát nước, nghiệp của Ngạ quỷ nó khiến như vậy đó. Cứ mỗi lần chuẩn bị xuống sông Hằng uống nước thì nước chỗ đó nó biến thành máu. Khổ lắm.

V. CÁCH CỨU ĐỘ NGẠ QUỶ

Nhiều Ngạ quỷ đói khổ khác nhau lắm. Và có một lần có một Ngạ quỷ ở phía dưới Thầy có kể câu chuyện vua A Xà Thế hồi hướng cho Ngạ quỷ. Câu chuyện cuối cùng trong bài Thầy gửi là câu chuyện nói về vua A Xà Thế hồi hướng cho

Ngạ quỷ bỏn xẻn khi còn sống. Chuyện "Tiểu Chủ Ngân Khố" chú giải Ngạ quỷ sử, tập hai thì lúc này là vua A Xà Thế phạm vào tội giết Cha, và khi Vua A Xà Thế phạm vào tội giết Cha quý vị biết rằng khi ông hiểu đạo ông buồn lắm tại vì ông đã phạm vào ngũ nghịch. Vua A Xà Thế đủ duyên để ông đắc Thánh. Nhưng ông phạm vào tội giết Cha tức là một trong năm tội ngũ nghịch nặng nhất cuộc đời. Cho nên khi ông giết Cha xong thì ông có vương quyền, ông lên làm Vua nhưng khi ông hiểu đạo rồi ông mới nói ta làm Vua để làm gì khi mà Cha của ta không còn. Và ông cứ áy náy, cắn rứt như vậy, có những lúc ông ngủ không được. Ông là Vua mà, cho nên điều kiện của ông đầy đủ lắm. Tối đêm đó ông ngủ không được. Ông lên trên sân thượng, ông đang đi dạo ở trên sân thượng, và trong lúc ông đang đi dạo ông có thấy một Ngạ quỷ bay ngang qua chỗ ông, hình thù rất là khổ, hình thù trong trong Kinh diễn tả mà Thầy có giảng trong bài cách đây hơn một tháng, hồi hướng cho người mất. Ông thấy Ngạ quỷ này đi ngang với hình tướng rất là xấu xí đói khổ gầy guộc như vậy thì ông hỏi Ngạ quỷ này: "Ông là ai? Và tại sao lại như vậy?" Ông này ổng kể khi ổng còn sống, ổng là một người rất giàu có. Nhưng ổng lại không có

có tin tưởng Tam Bảo và ông thường bón xẻn, ông thường tham lam, ông ích kỷ lắm. Và quý vị biết rồi, mình sống mà mình cho đi mới là còn. Cuộc đời nó lạ vậy đó. mình gom vô mình giữ, mình xài cho mình đâu còn đâu. Mà cho đi hoặc làm phước thì lại còn. Những công đức tu tập mình giữ Giới, hành Thiền Định, Thiền quán, bố thí, làm phước, thì những thứ đó nó còn. Ông này là Ngạ quỷ nhưng lúc ông còn sống, ông là giống như một đại gia, rất là giàu có. Việc giàu có của ông, một phần do ông làm việc và một phần là do phước tiền kiếp trước của ông nữa, nó trỗ cho nên ông được giàu nhưng mà ông lại không hiểu đạo, ông không hiểu về phước của việc bố thí, cho nên ông sống rất là keo kiệt. Và quý vị biết rồi, nhắm mắt xong thì cái gì còn lại mình phải bỏ lại mà đi thôi.

Chỉ cần quý vị nhớ Thầy có bốn Chánh tín của Phàm phu, nhớ cho kỹ ở chỗ đó Phàm phu của mình là có bốn điều nhớ khắc cốt ghi tâm tin ở nghiệp. Nghiệp đó, nó suy ra muôn hình vạn trạng mọi cái do nghiệp sắp xếp con người có liệt có ưu là do nghiệp.

Thứ hai là tin quả của nghiệp. Khi mình gieo một nghiệp này rồi nó sẽ có quả.

Và tin thứ ba là tin gì? Nghiệp chính là tài sản của mình, chỉ có nghiệp là tài sản của mình thôi. Nghiệp có nghiệp thiện, nghiệp ác. Chỉ cần quý vị nhớ dùm Thầy câu: "Nghiệp là tài sản của mình". Nghiệp mới chính là mình mang theo sau khi mất. Vậy người thông minh, phải làm nghiệp thiện, đúng không? Còn không hiểu đạo, thì làm nghiệp bất thiện. Là tài sản của mình, thông minh hiểu đạo, tranh thủ làm thiện. Nói tới đây Thầy kể cho quý vị nghe.

Tuần mười ngày trước Thầy về thăm ba Thầy những ngày cuối đời. Thầy ở bên cạnh ba được một tuần. Ngày thứ ba Thầy về, thứ ba tuần sau là ba Thầy mất. Thầy ở bên ba được một tuần, trong một tuần cuối đời. Thầy để ý thấy ba Thầy yếu từng chút, từng chút, từng chút đi. Ngày đầu về ba Thầy còn ăn được. Buổi chiều, trong một đêm, sáng ngày mai là không ăn được nữa, là chỉ bỏ nước thôi, bỏ nước một hai ngày sau hết uống được luôn, chỉ còn truyền nước thôi. Mới hôm nay còn thấy đường sáng hôm sau mắt nhắm luôn. Trong một tuần trước khi mất mấy ngày đó mắt ba nhắm thôi rồi chân tay còn giơ lên giơ xuống bắt đầu mấy ngày sau chân hết giơ được, rồi đến tay hết giơ được luôn, rồi từ từ là chỉ còn

đúng hơi thở. Quý vị thấy cuối cùng chỉ còn hơi thở thôi, nằm trên giường bệnh như vậy đó. Lúc đó có má Thầy, có các em Thầy ở bên cạnh. Ba Thầy nằm đó. Thầy có thương ba Thầy làm gì cho ba Thầy được? Thầy thương ba Thầy, Thầy chỉ có thể ngồi đó, lâu lâu nói với ba: "Ba ơi ba nhớ niệm Phật, ba đừng có buồn lo chuyện gì, các con lớn hết rồi, mọi chuyện ổn hết rồi, ba đừng có lo chuyện gì hết, rồi ba nhớ ba niệm Phật, để ba nhẹ nhàng ba ra đi, ba đừng có lưu luyến chuyện gì, ba đừng có vướng kẹt chuyện gì". Lâu lâu nói với ba chút thôi. Cơ thể ba đau bị tai biến, nó đau nó nhức, Thầy đâu có chịu giùm ba Thầy được. Nhớ đến câu nói của một nhà thơ: "Dù em thương chị mười phần, nhưng không ngăn nổi một lần chị đi". Mình thương người đó mười phần, nhưng không ngăn nổi một lần người đó đi, một lần đó là gì mà nó mạnh dữ vậy, đó chính là nghiệp của người đó đó. Bây giờ Thầy thương ba, thấy mẹ Thầy thương ba, thấy các em thương ba Thầy cỡ nào rồi ba Thầy cũng phải đi theo nghiệp thôi. Nằm trên giường bệnh lúc đó còn nói gì nữa không? Lúc đó tiền có giá trị gì nữa không? Lúc đó quyền lực có giá trị gì nữa không? Công danh sự nghiệp có giá trị gì nữa không? Tài sản sắc đẹp có giá trị gì nữa

không? Rồi lúc đó cái gì mới giá trị? Một là phước đúng không? Cái phước cái tội là nghiệp của mình lúc đó mới giá trị.

Thứ hai là do tâm tư của mình. Mình điều tâm của mình như thế nào nó mới giá trị lúc đó. Rồi đến cuối đời của mình ai cũng phải đối diện với nó hết. Khủng khiếp, thấy lúc đó mình mới thấy rõ ràng, là ta đi với nghiệp của ta. Ba Thầy nhắm mắt rồi ba Thầy đi theo nghiệp của ba Thầy. Thầy chỉ có thể trợ duyên cho ba, các em có thể trợ duyên cho ba, quý Thầy thắp nén nhang trợ duyên cho ba hồi hướng phước cho ba, còn ba phải đi theo nghiệp của ba.

Bốn Chánh Tín của phàm phu mà hôm trước Thầy dạy rất là kỹ: "*Tình nghiệp, tình quả của nghiệp, tình nghiệp"* là tài sản của ta. Và thứ tư là tin Đức Phật là bậc giác ngộ, là có mười ân đức, đó là bốn chánh tín của phàm phu. Còn là phàm phu mình tin bốn điều đó. Chỉ cần phải nói điều thứ ba, quý vị tin rằng: "Ta đi với nghiệp của ta" thôi quý vị thấy mọi chuyện trong đời nó khác liền. Mình cứ tham lam bỏn xẻn, ích kỷ nhỏ nhen. Đến một ngày nào đó nhắm mắt xuống Ngạ quỷ đói khổ. Và lúc đó rồi đâu có làm phước được, cũng khó tu lắm. Nhờ ai đó hồi hướng

phước thì may ra có hồi hướng phước thì sớm sanh cảnh giới lành. Biết buông bỏ thì sớm sanh cảnh giới lành. Ở đây Thầy đang kể câu chuyện ông mới thấy có một Ngạ quỷ bay ngang trên sân thượng ông mới hỏi: Tại sao ông này hình tướng của ông như vậy? Ổng mới kể rằng: Khi ổng còn sống, ổng là một người giàu có. Nhưng quá bỏn xẻn cho nên là bây giờ mất thì đọa làm Ngạ quỷ. Vua A Xà Thế hỏi: "Vậy bây giờ ông đang đi đâu?" Ổng mới nói rằng: Ổng mới nghe con gái của ổng sắp sửa cúng dường cho các vị Bà La Môn và ổng tới ổng chờ con gái của ổng cúng dường cho các vị Bà La Môn xong, ổng chờ hồi hướng phước, bây giờ con gái của ổng hồi hướng phước cho ổng, cho nên ổng đang bay tới đó, ổng đợi con gái ổng hồi hướng phước cho ổng, vua A Xà Thế mới thôi bây giờ ông đi đi. Nhưng nếu ông tới đó xong ông cần tôi giúp gì thì ông cứ nói tôi giúp cho. Vua A Xà Thế nói vậy. Sau đó Ngạ quỷ này mới chào vua A Xà Thế là bay đi khi ổng tới chỗ người con gái của ổng, người con gái của ổng không có phải tin Phật. Cũng cúng dường nhưng mà cúng cho các vị Bà La Môn và các vị đó giống như mình nói chưa đủ đức hạnh, chưa có xứng đáng cho nên ông không có nhận được phước như ông trông đợi và thế là khi ông

không nhận được phước thì ông không có thoát khỏi Ngạ quỷ. Bây giờ ông mới quay lại ông nhờ Vua A Xà Thế và xin vua A Xà Thế giúp cho ông và Vua A Xà Thế mới thưa với Đức Phật là thỉnh Đức Phật và thỉnh Chư Tăng lúc đó không thỉnh được Đức Phật, chỉ thỉnh được Chư Tăng và cúng dường đến chư tăng và hồi hướng cho ông Ngạ quỷ này ông thoát khỏi nghiệp Ngạ quỷ.

Quý vị rút ra bài học khi sống ở đây không phải chỉ có kiếp cõi này không, mà còn phải sống với những điều không biết rất là nhiều. Và những cõi khác gọi là cõi vô hình đó, Chư Thiên là vô hình, A Tu La là vô hình. Hôm sau quý vị sẽ học tới một cõi gọi là cõi Tứ Đại Thiên Vương. Có thể nói là cõi mình rất là lộn xộn, rất là nhiều thành phần ở trên đó. Cõi Tứ Đại Thiên Vương này, cõi trời mà gần nhất với mình là có Dọa Xoa, có Càn Thát Bà ở trên đó, có rồng, có Kim Súy Điểu... Có nhiều loại ở trên lắm.

Hôm sau sẽ học được cõi đó mình mới biết là trong vũ trụ này, trong Tam giới này, trong cuộc đời này có nhiều hình tướng khác nhau lắm. Đâu đó quý vị biết không? Ở trên một ngọn cỏ, có thể là một lâu đài, có một chúng sanh nào đó. Trong thời Phật có một trường hợp có một Thầy Tỳ

kheo, Thầy mới đi chặt cây để Thầy làm thất của Thầy. Rồi xong sang cây đó có có hai mẹ con của một Ngạ quỷ ở, ngài mới làm trúng đến con của Ngạ quỷ làm nó giận lên. Ngạ quỷ Mẹ giận lên định xúc phạm vị Tỳ Kheo này. Nhưng vị đó nói là nếu bây giờ mình xúc phạm như vậy thì giống như sau này người Ngạ quỷ khác cũng xúc phạm như vậy. Cho nên vị đó tới thưa với Đức Phật. Đức Phật nói không cho quý Thầy chặt cây là vậy đó. Và nếu quý Thầy ở trong Chùa hay ở đâu có chặt những cây gì để cần thiết làm những việc quan trọng thì thường cũng phải xin phép, phải cúng. Ở trong Chùa cũng vậy làm cây cối gì cũng phải cúng. Tại vì có thể trên cây đó là lâu đài hay là ngôi nhà của một chúng sanh vô hình nào đó của một Ngạ quỷ nào đó, của một Chư Thiên nào đó, hay một phi nhân nào đó... Có những Chư Thiên ở trên cây gọi là hoặc là vị Thọ Thần ở trên cây, Ngạ quỷ nào đó hoặc phi nhân nào đó họ ở trên cây mình tới mình xúc phạm cây ở đó thì phải thưa. Mình phải thỉnh: "Dạ, bây giờ vì công việc nên chúng con xin chặt cây này mong các vị hoan hỷ cho con xin mời các vị qua các những cây bên cạnh kế bên". Chắc Thầy nghĩ quý vị cũng nhiều lần nghe có những gốc cây đã xảy ra rất là nhiều chuyện đúng không nói theo

Phật Pháp mấy chuyện này có rất là nhiều. Ở đây đối tượng về Ngạ quỷ là nói chung thì trong Ngạ quỷ đó thì có ai? Có thể có Cha Mẹ thân quyến của mình và Đức Phật nói là trong loài Ngạ quỷ lúc nào cũng có người thân quyến của mình là Ngạ quỷ hết. Nhớ vậy đó.

Khi ông Bà La Môn ổng tới hỏi Đức Phật là phần hồi hướng phước. Thầy sẽ trả lời cho việc là chúng sanh nào khi mình hồi hướng phước có thể nhận được? Đó là Ngạ quỷ, Địa ngục không có nhận được. Tái sinh làm người cũng không có nhận được, còn Ngạ quỷ thì nhận được. Ngạ quỷ nhận được, khi ông Bà La Môn ông hỏi Đức Phật chúng sanh ở cõi nào nhận được Phật nói ở cõi Ngạ quỷ. Ổng mới hỏi tiếp thế này: Nếu ổng hồi hướng cho Ngạ quỷ đó, ví dụ như Ngạ quỷ tên A. Ngạ quỷ tên A đó tái sanh về cảnh giới khác rồi, thì phước đó ai nhận? Đức Phật mới nói là người thân quyến khác nhận. Ví dụ như nói mình hồi hướng cho bà của mình: Bà Nguyễn Thị A. Mà bây giờ bà Nguyễn Thị A tái sanh về cõi người rồi, cõi trời rồi, tôi nói ví dụ vậy, thì Đức Phật nói là người thân quyến khác nhận. Ông Bà La Môn hỏi tiếp: Vậy người thân quyến khác, lỡ không có người thân quyến nào luôn thì sao?

Thì Phật mới trả lời là: "Không có trường hợp đó."

Nghe kỹ chỗ này không có trường hợp đó có nghĩa là sao? Có nghĩa là luôn luôn lúc nào trong cảnh giới Ngạ quỷ cũng có người thân quyến của mình. Cho nên việc quý vị thờ cúng, cúng kiếng nghi lễ làm phước hồi hướng có cần thiết hông? Cần thiết lắm. Đó là sự từ bi của mình đó, đó là sự Từ Tâm của mình. Nếu nói gần nhất là ở trong một mảnh đất nào mình biết ơn mảnh đất đó, những người đi trước để giữ lại cho mình mảnh đất đó và trong mảnh đất đó mình ở đó phải biết tôn trọng biết kính trên, biết nhường dưới, biết tôn trọng những người vô hình. Những chúng sanh vô hình là có thể là vị Chư Thiên, vị địa Thần, vị Thọ Thần. Những cô bé khuất mặt, khuất mày, ở trong đất đó, bằng cách nào? Bằng cách mình làm phước, mình hồi hướng cho các vị đó. Nên thời Phật, Phật đã dạy những bài Kinh như vậy rồi. Hoặc trong bài Kinh Ngoài Bức Tường đó. Phật dạy hồi hướng phước cho Ngạ quỷ có nhiều đoạn Kinh Thầy đã giảng trong những bài khác. Hôm nay quý vị học tới chỗ những chúng sanh nào nhận phước hồi hướng thì trả lời đó là Ngạ quỷ. Nhưng không phải Ngạ

quỷ nào cũng nhận được phước hồi hướng đâu. Quý vị nhớ.

Ngạ quỷ nào mới nhận được phước hồi hướng? Đó là Ngạ quỷ: **"Tha thí hoạt mạng Ngạ quỷ".** Tức là Ngạ quỷ sống bằng sự hồi hướng của người thân, mới nhận được. Chứ không phải Ngạ quỷ nào cũng nhận được đâu cứ đói khổ trả hết nghiệp thì mới hết Ngạ quỷ. Khủng khiếp không? Bây giờ xuống Ngạ quỷ có những trường hợp này: Bữa nào đến khi mình không khéo là mình vô Ngạ quỷ đó. Nhân của Ngạ quỷ, Tham lam, bỏn xẻn, ích kỷ, nhỏ, nhen, lúc nào cũng khát khao, không bao giờ biết đủ. Thấy chưa đó là nhân của Ngạ quỷ đó. Không bao giờ biết đủ dù là mình quá dư rồi nhưng mà mình không bao giờ biết đủ hết trơn, lúc nào cũng khát khao tham lam, bỏn xẻn, ích kỷ... Thì với những nghiệp giống như ông hồi nãy Thầy kể đó ông chuyện Tiểu Chủ Ngân Khố, ông rất là giàu có. Ông đâu có thiếu đâu. Nhưng với tham lam bỏn xẻn, ích kỷ, nhỏ nhen của ổng, khát khao của ổng. Ổng chết ổng làm Ngạ quỷ, thì đó là nhân của Ngạ quỷ là một. Với trường hợp thứ hai, có thể là người này họ hào sảng lắm, họ làm phước lắm, họ có phước. Nhưng trước khi mất họ lưu luyến

chuyện gì đó, họ chấp chước quá, họ lưu luyến quá, họ không đi được. Ví dụ như Thầy nói có một số người người mẹ, mất trẻ quá. Còn các đứa con còn nhỏ quá, thương chồng, thương con, đi không được, lưu luyến. Hoặc có một số trường hợp người này mới làm được nhà xong, lâu nay nghèo khổ mới làm ăn bắt đầu được kha khá một chút, vừa làm nhà chưa kịp ở được mấy ngày nữa mới lên đi xuống cầu thang té sao chết, lưu luyến nhà, có người lưu luyến xe, thấy khủng khiếp không? Có người lưu luyến nhà, có người lưu luyến xe, có người lưu luyến áo quần, những người Thầy nói là những người Thầy được nghe trực tiếp không đó. Trong Kinh cũng có nói nhiều lắm,... Lưu luyến xe ở nhà để xe trùm khăn vậy không có đụng vô được đâu, chết rồi có mấy bộ đồ xịn, gọi là đồ mắc tiền, con nó đem làm từ thiện, tối về báo mộng, để nguyên đó cho tao, mày để nguyên đó. Đâu cho con ổng đi làm phước đâu quý vị, thấy khủng khiếp không? Chết rồi mấy bộ đồ không cho. Có khi họ chấp vào hũ cốt hoặc chấp vào mồ mã đụng tới mồ mã là có chuyện. Có một số trường hợp phá mồ mã cũng không có chuyện gì hết, tại có thể họ đi mất tiêu rồi đi là không còn. Có một số trường hợp họ còn, họ coi mồ mã giống như nhà của họ vậy đó.

Nên phá mồ mã của họ là có chuyện. Có những hũ cốt đụng vô một cái là có chuyện. Tức là họ còn họ coi mồ mã hay hũ cốt là của họ, của cái ta, nên mình đụng tới mình phá tới đó là có chuyện. Nên có những người họ đi rồi.

Thì hiểu như vậy để phải biết mà thương mình, chuẩn bị cho mình. Một là đừng có sống với tâm tham lam, ích kỷ nhỏ nhen, bỏn xẻn, sống hào sảng lên, đó là nhân của Ngạ quỷ, tập sống hào sảng lên. Thứ hai là có gì mà có lưu luyến trước lúc mất thì biết rằng rồi hơi thở nó cũng bỏ mình thì còn gì mà không bỏ. Phải biết rằng chính nghiệp nó mới là tài sản của mình trong vòng luân hồi. Chuyện sống chết của mình cũng giống như là một hạt cát giữa sa mạc của sinh tử này thôi.

Cho nên giờ phút cận tử đó nó quan trọng lắm. Nếu được dặn dò thì dặn dò hết đi để niệm ân Đức Phật hay niệm Phật hoặc theo dõi đề mục đó đi cho nó nhẹ nhàng chứ không cứ con lưu luyến, vợ lưu luyến, chồng lưu luyến, lưu luyến đến nhà, lưu luyến xe,... chấp trước gì đó, là dễ ở lại chỗ đó lắm. Có nhiều người đã chết xong quanh quẩn trong nhà không lưu luyến nhà, lưu luyến cái xe, lưu luyến chỗ mình chết,... nó khủng

khiếp vậy đó. Họ lưu luyến bên cạnh người thân của mình. Đó là nhân của Ngạ quỷ. Có những người họ có phước chứ không phải họ không có nhưng mà tâm của họ chấp vô đó.

Họ cứ lưu luyến chỗ đó hoài. Khi nào có ai đó khai thị cho họ, họ hoan hỷ, họ buông bỏ thì họ họ tái sanh, hết làm Ngạ quỷ. Còn có một số chúng sinh là họ mắc vô nghiệp Ngạ quỷ thôi. Trả năm chục năm, một trăm năm có Ngạ quỷ trả một ngàn năm. Quý vị thấy, có câu chuyện trong bài kinh Ngoài Bức Tường, có những Ngạ quỷ trải qua nhiều thời Đức Phật luôn đừng có nói một trăm ngàn năm tỷ tỷ tỷ nào mà vẫn làm Ngạ quỷ chứ đâu phải giỡn đâu. Nghiệp nó khủng khiếp như vậy. Những chúng sinh nào nhận được phước hồi hướng? Mình trả lời là những chúng sanh ở Ngạ quỷ, Ngạ quỷ tha thí hoạt mạng Ngạ quỷ. Chứ có một số chúng sanh họ không biết hoặc họ không hoan hỷ. Thầy nói ví dụ, sống cả đời đâu có tin Phật Pháp, không có tin nhân quả, không có tin phước hồi hướng gì hết, họ đâu có tin đâu, xuống chỉ có trả nghiệp thôi, có ai đó ai hồi hướng phước cho họ, họ cũng đâu có hoan hỷ đâu. Tới cả đời họ không có tin phước báu gì đâu. Họ có tin tùy hỷ, hoan hỷ gì đâu đúng

không? Vì vây, chỉ trả đến khi nào hết nghiệp Ngạ quỷ thôi. Nó khủng khiếp như vậy nên quý vị hay nghe nói trong Kinh nói quỷ đói đó. Thực ra Ngạ quỷ nó có nhiều hình tướng, trong đó thường gọi là Ngạ quỷ là quỷ đói là như vậy, thiếu thốn đói khát, những chúng sinh đó có hy vọng, có cơ hội để hồi hướng, khi mình làm việc thờ cúng, mình có bàn thờ cúng ở trong nhà, quý vị có thờ cúng thì Thầy dặn đó là thờ cúng về vật phẩm thanh tịnh, cúng chay. Còn cúng không cúng chay được thì cúng mặn nhưng mà đồ là đồ chết. Tốt nhất là quý vị làm phước, hồi hướng cho Ngạ quỷ, cho người thân quyến của mình, người khuất mặt, những vong linh, Cha Mẹ thân quyến nhiều đời, nhiều kiếp của mình.

Hôm nay Thầy giảng đến quý vị bài Thờ Cúng nói rộng ra đó là thờ cúng Tam Bảo là cúng Đức Phật và thờ cúng Chư Thiên. Còn đối tượng mình thường thờ cúng đó là Cửu Huyền Thất Tổ của mình hoặc là những người thân đã mất của mình. Mình làm sao đó mình hồi hướng phước, phải nắm được mấu chốt đó là những người thân đã mất, là họ hưởng phước. Nhớ không? Hưởng phước mình hồi hướng và Ngạ quỷ như hồi nãy Thầy nói, Ngạ quỷ có hai trường hợp: Mắc vô

nghiệp tham lam bỏn xẻn, ích kỷ mà họ làm Ngạ quỷ. Trường hợp thứ hai là họ hào sảng, họ có phước lắm, nhưng trước lúc mất họ chấp chước, họ lưu luyến một cái gì đó. Cho nên họ không có thoát được thân Ngạ quỷ. Thì có ai khai thị cho họ thoát được thân Ngạ quỷ.

Việc thờ cúng đặt lại câu hỏi có nên không? Tại vì sao phải thờ cúng? Vì mỗi chúng sanh, ở mỗi cõi tồn tại được thì phải có thức ăn, Ngạ quỷ có thức ăn của Ngạ quỷ. Bằng cách mình hồi hướng phước cho họ. Và thờ cúng như vậy là biểu hiện lòng biết ơn. Thờ cúng như vậy đó cũng là bổn phận của mình như hồi nãy Thầy nói. Một trong bốn phần tài sản của mình để dành cho việc hiến cúng. Trong việc hiến cúng đó là hiến cúng cho Vua, hiến cúng cho khách, hiến cúng cho bà con, hiến cúng cho Chư Thiên, và hiến cúng cho Ngạ quỷ. Thì đó việc thờ cúng như vậy giống như là bổn phận của mình. Cho nên mình cần nên làm. Nhưng mình làm sao cho nó đúng lời Phật dạy nó mới có kết quả.

Đó là bài hôm nay Thầy gởi đến cho quý vị bài Pháp với chủ đề là: **"Thờ Cúng".**

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Vì sao người Phật tử nên thực hành cúng tế?

2). Các loài hữu tình do yếu tố gì mà tồn tại?

3). Hãy kể 5 loại hiến cúng?

4). Hãy trình bày việc Phật tử chia tài sản làm 4 phần?

5). Cúng tế đến người đã mất, có phải là biểu hiện của sự tri ân báo ân không?

6). Phẩm vậy cúng tế gồm những gì?

7). Đối tượng nào nhận được phẩm vật cúng tế?

8). Kể tên 21 loài ngạ quỷ Ngài Mục Kiền Liên thấy trong Kinh Tương Ưng?

9). Trình bày cách cứu độ ngạ quỷ?

10). Bài học rút ra?

Bài 22: ĐỜI SỐNG CHƯ THIÊN 6 CÕI TRỜI DỤC GIỚI

---

* XUẤT XỨ
* TỔNG QUAN VỀ CHƯ THIÊN
* PHÂN TÍCH CHI TIẾT
SÁU CÕI TRỜI DỤC GIỚI

Chúng ta tiếp tục lớp Giáo lý cơ bản với chủ đề: "Đời Sống Chư Thiên 6 Cõi Trời Dục Giới". Trong bài hôm nay sẽ nghe nhiều câu chuyện hay và có nhiều kiến thức mới cho quý vị.

I. XUẤT XỨ

Tam giới gồm: Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới.

- Dục giới gồm: cõi Người, Atula, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, và tầng 6 tầng Trời Dục giới.
- Sắc giới gồm 16 tầng Trời.

- Vô sắc giới gồm 4 tầng Trời.

Hôm nay chúng ta chỉ nói về 6 tầng Trời dục giới gồm:

- Tứ Đại Thiên Vương *(Cātummahārājikā)*
- Đao Lợi *(Tāvatiṃsa)*
- Cõi Dạ Ma *(Yāma)*
- Cõi Đâu Suất *(Tusita)*
- Cõi Hóa Lạc *(Nimmāmuratī)*
- Tha Hóa Tự Tại *(Paranimmitavasavatī)*

Quý vị sẽ được nghe nhiều chuyện giống như chuyện kiếm hiệp, chuyện phong thần, vì chúng ta đang nói về cõi chư Thiên. Mà chư Thiên cõi Dục giới với hình tướng là sắc tế nên mình nương vào những bản Kinh để nói. Ở đây, Thầy nương vào bản Kinh Trường Bộ, Kinh Tương Ưng, Tiểu Bộ Kinh cũng như nương vào bảng Chú giải Người Và Cõi, để giảng bài này.

II. TỔNG QUAN VỀ CHƯ THIÊN

Trước khi vào phân tích, học kỹ về 6 cõi Trời dục giới. Thầy mời quý vị đi một vòng tổng quan về các cõi chư Thiên, trước khi mình đi vào từng cõi.

1. Phật Thuyết Tuần Tự Pháp.

Trong ***(Kinh Trường bộ - Kinh Amatrú),*** Phật nói Pháp là tùy căn cơ và nhân duyên của chúng sanh. Ban đầu Phật hay thuyết về bố thí, cúng dường, rồi sau đó Phật thuyết về phước báu của việc giữ giới. Tiếp đến Phật thuyết về sự an lạc của đời sống chư Thiên, sau nữa là Phật mới thuyết về sự nguy hiểm của 5 dục. Và sau đó Phật thuyết về sự xuất ly, Bát Chánh Đạo, Tứ Diệu đế,… Pháp đó gọi là tuần tự Pháp, từ thấp đến cao. Dĩ nhiên là trong cuộc đời của Đức Phật, tùy nhân duyên của mỗi người mà Đức Phật thuyết khác nhau.

Trong tuần tự Pháp mà Đức Phật thuyết thì có chi tiết thuyết về các cõi Trời, nay Thầy cũng muốn quý vị được học kỹ về đề tài này một chút, chúng ta hay nghe quý Thầy giảng Pháp hoặc đọc Kinh sách, mình nghe về các cõi Trời rất là nhiều nhưng mà mình ít có cơ hội để học kỹ về cõi Trời, trong bài học hôm nay chúng ta học về những lời dạy của Đức Phật về các cõi Trời.

2. Hồi Hướng Cho Chư Thiên

Trong tuần tự Pháp mà Đức Phật thuyết thì có chi tiết thuyết về các cõi Trời. Thật ra thì mình hay nghe quý Thầy giảng pháp hay đọc Kinh sách, mình nghe về các cõi Trời rất nhiều nhưng mình ít có cơ hội để học kỹ về cõi Trời. Trong kinh Đức Phật có nhắc về các cõi Trời và việc hồi hướng phước cho chư Thiên. Thầy cũng khuyến khích quý Phật tử khi làm các công đức, tu tập, làm phước cũng nên hồi hướng phước cho chư Thiên.

"Tại chỗ nào người sáng suốt lấy làm chỗ trú xứ.

Hãy nuôi dưỡng người giữ giới và người phạm hạnh.

Và san sẻ công đức với chư Thiên trú tại chỗ ấy.

Được tôn kính, chúng sẽ tôn kính lại.

Được trọng vọng, chúng sẽ trọng vọng lại.

Chúng sẽ mến thương người ấy như người mẹ thương mến con.

Và những ai được thiên thần thân mến luôn luôn được thấy may mắn."

(Kinh Đại Bát Niết bàn – Tụng phẩm I)

Phật nói ở chỗ nào mình hồi hướng phước đức cho chư Thiên, khi mình tôn kính chư Thiên thì chư Thiên tôn kính lại mình, mình trọng vọng chư Thiên thì chư Thiên trọng vọng lại mình, nơi nào mình hồi hướng phước cho chư Thiên thì các Ngài thường sẽ gia hộ cho mình. Đọc được đoạn này, quý vị sẽ thấy hoan hỉ về việc mình hồi hướng cho chư Thiên.

Nói tổng quan, chúng ta mà hồi hướng phước cho chư Thiên, đối xử với chư Thiên bằng tâm nào thì chư Thiên đối xử lại với mình bằng tâm đó. Dĩ nhiên mình phải biết cái gốc của cuộc đời mình, cái mấu chốt chính là thiện pháp, là phước đức, là công phu tu tập, phải do mình nỗ lực tinh tấn, hành trì đúng pháp nhưng chúng ta cũng không phủ nhận chuyện được sự gia hộ của Tam bảo, sự gia hộ của chư Thiên.

Trong đoạn Kinh này, Đức Phật dạy mình hồi hướng phước đến chư Thiên thì các vị Thiên sẽ hoan hỷ và đối xử tốt lại với mình, tôn kính lại mình, cũng như các vị ấy sẽ che chở cho mình. Tất nhiên chúng ta phải là người có phước thì nhiều khi đâu đó trong cuộc đời của mình, mình cũng được chư Thiên gia hộ, hộ trì cho mình tai qua nạn khỏi.

3. Niệm Thiên.

Quý vị đã có học bài: "Niệm Phật, Niệm Pháp, Niệm Tăng, Niệm Thí, Niệm Giới, Niệm Thiên", trong đó có Niệm Thiên. Đây là Pháp tùy niệm, nghĩa là suy xét rằng để được về các cõi Dục Thiên cao cấp thì ta phải thành tựu các công đức căn bản như Tín – Thí - Giới - Trí Tuệ. Những điều đó có trong ta không? Nếu có tức là ta đang cộng trú với chư Thiên các cõi. Chư Thiên có những Pháp lành đó và ta cũng có. Khi có sự suy niệm như vậy thì mình tự nâng tầm cấp của mình để tiến lên mà không bị tuột xuống khỏi cảnh giới nhân thiên, chứ không phải vì suy nghĩ như vậy để kiêu ngạo, tự hào. Niệm Thiên là tách mình ra khỏi bốn cảnh giới sa đọa, không bị rơi xuống cõi đọa.

4. Bốn Thái Độ Đối Với Chư Thiên.

- **Đối với chư Thiên như nô lệ.**

Tức là có những người khi nghĩ về chư Thiên, họ quỳ lạy xin chư Thiên gia hộ cho cái này, cho cái kia: *"Xin chư Thiên gia hộ cho con trúng số, cho con mua may bán đắt, được người ta nhìn con, người ta mến con, xin chư Thiên gia hộ cho con thi đậu,…"* Nói chung xin chư Thiên rất là nhiều, giống như nô lệ cho chư Thiên vậy đó.

Vào thời Đức Phật, cô gái Sujātā – người đã dâng cúng bát sữa cho Thái tử Tất-đạt-đa sau khoảng thời gian hành khổ hạnh. Ban đầu cô cúng cho một vị thần, vị Thiên dưới gốc cây trong rừng để mong sinh được con trai, cô lấy được người chồng đàng hoàng. Sau khi sinh xong thì cô mới vào rừng dâng bát cháo sữa tạ lễ và gặp được Thái tử.

Chúng ta là cương vị của người Phật tử, mình không đối với chư Thiên như mình là một người nô lệ, không phải chuyện gì cũng xin chư Thiên, tại vì có những người luôn tới quỳ lạy van xin, người Phật tử mình không nên như vậy.

- **Thứ 2 là thái độ như người bạn:**

Chúng ta như người bạn của chư Thiên và chư Thiên như người bạn của mình. Chuyện này trong Kinh Pháp Cú có một câu Pháp cú rất nổi tiếng:

"Hận thù diệt hận thù;

Đời này không thể được,

Không hậnthù diệt hận thù

Là định luật ngàn thu"

(Kinh Pháp Cú – Phẩm Song yếu)

Thầy có giảng câu Pháp cú này rồi. Duyên sự câu Pháp cú này là trong thời quá khứ, có một cặp vợ chồng mà khổ nỗi là người vợ không sinh con được. Người vợ này mới thấy tình hình không ổn rồi, bà cố ý đi tìm cho chồng người vợ thứ hai. Bà kiếm vậy chứ thật ra là bà sợ lắm. Bởi vì nếu người vợ hai mà sinh con thì tài sản thuộc về người vợ hai. Bà mới làm hòa với người vợ hai, bà nói: *"Khi nào em mang thai, em nhớ nói chị biết nha."* Bà nói chuyện rất dễ thương, nhưng thật ra là bà có ác tâm.

Khi người vợ thứ hai bắt đầu mang thai, bà âm thầm bỏ thuốc độc vào trong cháo. Người vợ hư thai và mất đứa con. Lần thứ hai, người vợ hai cũng thật thà, cũng nói cho bà biết. Bà cũng bỏ thuốc độc vào cháo. Chết đứa con lần thứ hai. Đến lần thứ ba, những người xung quanh nghi ngờ mới nói: *"Thôi, em đừng có nói!"* Và người vợ thứ hai giấu không nói. Nhưng đến khi bụng bự rồi, bà vợ đầu phát hiện ra, bà lại âm thầm bỏ thuốc độc vào trong cháo. Khi người vợ hai ăn cháo, lúc này bào

thai lớn rồi, thì lần đó là đứa con trong bụng chết và người vợ hai chết luôn. Trước khi chết, với tâm tức tối, bà vợ hai đã phát một lời thề rất là độc. Bà thề là: "*Mày giết con tao ba lần, tao sẽ giết mày và giết con mày."* Với cái tâm uất hận như vậy, người vợ thứ hai chết và tái sanh làm con mèo ngay trong nhà đó.

Sau khi người chồng biết ra như vậy, ông giận quá và đánh chết luôn người vợ đầu. Cái vòng duyên nghiệp khủng khiếp như thế này, bà vợ đầu cũng tái sanh làm con gà ngay trong nhà đó. Mỗi khi con gà (tiền thân là người vợ đầu) đẻ trứng thì con mèo (tiền thân là người vợ hai) cứ tới ăn. Lần thứ hai, con mèo cũng ăn. Lần thứ ba con mèo cũng đến ăn trứng con gà. Con gà nói: *"Mày ăn trứng, là con tao. Tao sẽ giết mày, tao sẽ giết lại con mày."* Sau đó, con gà bị mèo ăn luôn.

Con gà chết, nó tái sanh làm con beo. Còn con mèo chết, nó tái sanh làm con nai. Thế là khi con nai đẻ con ra, con beo đến ăn ba lần, sau đó nó ăn luôn con nai. Trước khi con nai chết, nó lại thề độc: *"Mày giết con tao, rồi tao sẽ giết mày, tao giết con mày."* Cứ ân oán như vậy, đến thời Đức

Phật Thích Ca thì con nai nó tái sanh làm con quỷ Dạ xoa có thần lực, có thần thông. Còn con beo nó tái sanh là một cô gái. Cô gái sinh ra hai đứa con đều bị quỷ Dạ xoa bắt ăn. Đến đứa con thứ ba, bắt đầu cô sợ, cô mới đi về nhà chồng. Trên đường đi đến gần tinh xá, khi cô xuống tắm ở hồ nước thì con quỷ Dạ xoa đến, nó chuẩn bị bắt đứa con thứ ba. Cô sợ quá, cô ôm con chạy luôn vào tinh xá Đức Phật. Cũng là cái duyên, cô cúng dường đứa con cho Đức Phật, cô nói: *"Kính bạch Đức Thế Tôn, quỷ Dạ xoa ăn hết hai đứa con của con, và giờ định ăn đứa này nữa. Đứa con này, con xin cúng dường Đức Thế Tôn."*

Lúc đó, Đức Phật cho gọi quỷ Dạ xoa vào và Phật mới kể lại câu chuyện giữa hai bên. Ngài hóa độ để giải quyết xong vấn đề, sau khi nghe pháp xong thì quỷ Dạ xoa này chứng Quả. Phật mới nói với cô gái, con đưa đứa con cho quỷ Dạ xoa đi. Cô không dám đưa, cô sợ quỷ Dạ xoa còn ác tâm. Sau khi hiểu ra thì cô mới đem Dạ xoa này về cho ở nhà của mình. Và đến mùa làm nông, nắng thì nên trồng gì, mưa thì nên trồng gì, quỷ Dạ xoa dùng thần thông báo trước cho cô gái. Vì vậy mà từ kẻ thù, Dạ Xoa này trở thành bạn (đây là Dạ Xoa chư Thiên), cô gái này đối xử với chư Thiên như người

bạn. Sau đó Phật nói một câu Pháp cú rất nổi tiếng trên.

Vào những ngày Thập trai, quý vị thường làm phước, thường ăn chay, giữ giới, nghe Pháp, Trong Chánh Kinh có nói: Giai đoạn đầu chư Thiên đi xuống cõi nhân loại của mình vào ngày mùng 8, ngày 14, ngày 15 - là đi 3 ngày. Mùng 8 là các vị Thiên chúng đi, ngày 14 là các vị Thiên tử đi và ngày 15 là Tứ Đại Thiên Vương đi. Sau này nói rộng ra là 10 ngày thập trai, khi chư Thiên đi xuống cõi nhân loại này, các vị thấy nơi nào hoặc chỗ nào có phong trào học Phật, có phong trào giữ giới, có phong trào nghe Pháp, có phong trào hành thiền, có phong trào bố thí, có phong trào tu tập, chư Thiên rất hoan hỷ. Là vì các Ngài biết rằng, rồi đây trên Thiên giới sẽ đông dân số hơn, sẽ có thêm chư Thiên.

Tâm chư Thiên hào sảng là vậy, thấy có người làm tốt thì mừng lắm. Còn mình thấy người ta tốt, nhìn mặt thấy ghét, cho nên mình đâu có sanh Thiên, mình đâu có Pháp chư Thiên đâu. Mình có Pháp của ngạ quỷ, mình có Pháp của Dạ Xoa, chút là giận, chút là buồn, chút là đố kị, chút

là tham lam, bỏn xẻn, khi tâm mà tham lam bỏn xẻn là mình có Pháp của ngạ quỷ. Mình suốt ngày ăn, ngủ, hưởng thụ, toàn là hình ảnh của bàng sanh trong mình. Cũng như cái cây nghiêng về hướng nào thì nó ngã về hướng đó, trong tâm mình có nhân của ngạ quỷ nhiều thì nhắm mắt là về ngạ quỷ, có nhân chư Thiên nhiều, nhắm mắt là về chư Thiên. Quý vị biết có ngày thập trai là như vậy.

- **Đối xử với chư Thiên như người mẹ:**

Đức Phật có dạy rằng:

"... thật khó để tìm trong vòng luân hồi này một ai chưa từng làm cha làm mẹ của mình".

Trong cuộc đời này những con vật mình nhìn thấy: con heo, con bò, con chó, con gà đã từng làm cha làm mẹ mình rồi. Trong vòng luân hồi, chúng ta đã đi rất nhiều kiếp. Cứ nghĩ tới đó thôi, quý vị còn muốn hành hạ ai, làm cho ai đau khổ không? Bây giờ thay đổi kiếp sống, mình nhìn nhận vị đó, mình không biết là ai, nhưng mà mình học được Phật Pháp, mình biết trong một kiếp nào đó, người

đó đã từng có nhân duyên là người thân của mình, nên giờ đây ta đâu có muốn làm người đó khổ.

Phật nói tiếp:

"*14. Mẹ*

... Trú ở Sāvatthi.

—Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo ...

Này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm mẹ ...

Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo ... là vừa đủ để được giải thoát đối với tất cả các hành.

15. Cha

... Trú ở Sāvatthi.

—Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo …

Này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm cha …

16. Anh

… Trú tại Sāvatthi.

—Này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm anh …

17. Chị

… Trú ở Sāvatthi.

—Này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm chị …

18. Con Trai

... Trú ở Sāvatthi.

—Này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm con trai ...

19. Con Gái

... Trú ở Sāvatthi.

—Vô thỉ là luân hồi, này các Tỷ-kheo. Khởi điểm không thể nêu rõ, đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm con gái.

Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo. Khởi điểm không thể nêu rõ, này các Tỷ-kheo, đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Như vậy, trong thời gian này, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng khổ, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, mộ phần càng ngày càng lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để từ bỏ, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành."

(Trích Kinh Tương Ưng - Tương Ưng Vô Thỉ - Phẩm Thứ 2 - Phần Mẹ Cha)

Một bài Kinh khác Đức Phật dạy:

"1.Người hằng mong an tịnh

Nên thể hiện Pháp lành

Có khả năng, chất phác

Ngay thẳng và nhu thuận

Hiền hòa, không kiêu mạn.

2. Sống dễ dàng, tri túc
Thanh đạm, không rộn ràng
Lục căn luôn trong sáng
Trí tuệ càng hiển minh
Chuyên cần, không quyến niệm.

3.Không làm việc ác nhỏ
Mà bậc trí hiền chê
Nguyện thái bình an lạc
Nguyện tất cả sinh linh
Tròn đầy muôn hạnh phúc.

4. Chúng sanh dù yếu mạnh
Lớn nhỏ hoặc trung bình
Thấp cao không đồng đẳng
Hết thảy chúng hữu tình
Lòng từ không phân biệt.

5. Hữu hình hoặc vô hình
Đã sinh hoặc chưa sinh
Gần xa không kể xiết
Nguyện tất cả sinh linh
Tròn đầy muôn hạnh phúc.

6. Đừng lừa đảo lẫn nhau
Chớ bất mãn điều gì
Đừng mong ai đau khổ
Vì tâm niệm sân si
Hoặc vì nuôi oán tưởng.

7. Như mẹ giàu tình thương
Suốt đời lo che chở
Đứa con một của mình
Hãy phát tâm vô lượng
Cùng tất cả sinh linh.

8. Từ bi gieo cùng khắp

Cả thế gian khổ hải

Trên dưới và quanh mình

Không hẹp hòi oan trái

Không giận hờn oán thù.

9. Khi đi, đứng, ngồi, nằm

Bao giờ còn thức tỉnh

Giữ niệm từ bi này

Thân tâm thường thanh tịnh

Phạm hạnh chính là đây.

10. Ai xả ly kiến thủ

Giới hạnh được tựu thành

Chánh tri đều viên mãn

Không ái nhiễm dục trần

Thoát ly đường sanh tử."

(Karaṇīya Mettā Sutta - Kinh Tâm Từ).

Tức là khi rải tâm từ đến với chư Thiên giống như người mẹ thương con vậy, quý vị có thương con mình không? Thương! Có mong muốn con mình tu tốt học tốt, có đạo đức, có trí tuệ, thành danh nên người không? Muốn! Cũng vậy, chúng ta hồi hướng phước đến chư Thiên như một người mẹ thương con. Mong cho chư Thiên mọi việc được tốt đẹp.

Có một câu chuyện thế này: Một vị Thánh ở trong khu rừng, Ngài ở đó tu tập một thời gian. Ngày hôm sau, Ngài đi một nơi khác, tối hôm đó, Ngài thấy chư Thiên quỳ trước cốc của Ngài khóc, Ngài mới hỏi là tại sao khóc, chư Thiên nói là: "*Trước kia tụi con ở đây, có một vài sự bất hòa, từ lúc Ngài ở đây thì tụi con được hưởng sự an lành của Ngài, từ tâm của Ngài và tụi con cũng không còn sự bất hòa đó nữa. Nhưng mà từ ngày mai, Ngài đi nơi khác rồi cho nên tụi con buồn, tụi con mất sự hiện diện của Ngài, tụi con xin Ngài, Ngài có thể quán nhân duyên ở đây với tụi con không, để tụi con được lợi ích."* Sau đó vị Thánh quán nhân duyên, Ngài chọn ở nơi đó đến khi Niết-bàn luôn".

Cho nên quanh mình có nhiều cái để học lắm, mình đang sống với những điều không biết rất là nhiều.

- **Đối xử với chư Thiên như một người Thầy:**

Tức là như Đức Phật thuyết Pháp cho chư Thiên nghe như một người Thầy.

Tổng kết: Vậy là Phật tử, chúng ta đối với chư Thiên như thế nào? Thái độ như nô lệ, thái độ như bạn, thái độ như người mẹ, thái độ như Thầy? Là người con Phật, mình không có thái độ với chư Thiên như nô lệ được, không có xin xỏ gì ở chư Thiên, hồi hướng phước cho chư Thiên thôi, phải nắm mấu chốt là mình đối xử với chư Thiên tâm nào thì chư Thiên đối xử mình tâm đó.

5. Đại Hội Chư Thiên

Trong Kinh Trường Bộ nói về Đại hội của Chư Thiên như sau: "*...rồi Thế Tôn nói với các Tỳ kheo. Này các Tỳ kheo! Phần lớn Chư Thiên 10 phương thế giới tụ họp để chiêm ngưỡng Thế Tôn và chúng Tỳ kheo. Này các Tỳ kheo! Những vị nào*

trong thời quá khứ đã là bậc A La Hán Chánh Đẳng Giác, những vị này được một thiên chúng tối thắng tụ hội xung quanh như ta hiện nay vậy. Này các Tỳ kheo! Những vị nào trong thời vị lai là bậc A La Hán Chánh Đẳng Giác, những vị này cũng sẽ được một thiên chúng tối thắng tụ hội xung quanh như ta hiện nay vậy. Này các Tỳ kheo! Ta sẽ tuyên bố danh tánh của Chư Thiên. Này các Tỳ kheo! Ta sẽ cáo tri danh tánh của Chư Thiên. Này các Tỳ kheo! Ta sẽ giảng thuyết danh tánh của Chư Thiên. Hãy nghe và khéo tác ý, ta sẽ giảng. - Xin vâng! Bạch Thế Tôn. Tỳ Kheo vâng lời Thế Tôn."

Trích đoạn này, đại ý Đức Phật nói tất cả các bậc Chánh Đẳng Giác đều có Chư Thiên hội tụ về nghe Pháp, quá khứ cũng vậy và tương lai cũng vậy. Bây giờ Phật sẽ nói về những danh gọi là cáo tri danh tánh của Chư Thiên, sẽ giảng thuyết danh tánh của chư Thiên. Trong lần Đại hội này, Đức Phật nói là có Chư Thiên Phạm Thiên, Chư Thiên Tứ Đại Thiên Vương, Chư Thiên Đao Lợi, Chư Thiên Dạ Ma, Chư Thiên Đâu Suất, Chư Thiên cõi Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền. Có một số người không thấy được chư Thiên. Chư Thiên cõi thấp không thấy được chư Thiên cõi cao. Chư Thiên Tứ Đại Thiên Vương không thấy được chư Thiên Đao Lợi, chư Thiên Đao Lợi không thấy

được chư Thiên Dạ Ma, chư Thiên Dạ Ma không thấy được chư Thiên Đâu Suất, chư Thiên Đâu Suất không thấy được chư Thiên Hóa Lạc, chư Thiên Hóa Lạc không thấy được chư Thiên Tha Hóa Tự Tại, chư Thiên Tha Hóa Tự Tại không thấy được chư Thiên ở cõi Sơ thiền,… Đó là lý do mà Đức Phật nói danh tánh Chư Thiên. Thời Đức Phật có một đại hội gọi là đại hội Chư Thiên hay gọi là sự tập trung Chư Thiên.

Thời Phật có thêm đại hội Thánh Tăng xảy ra vào Rằm tháng Giêng. Riêng về ngày Rằm tháng Giêng có ba sự kiện: sự kiện thứ nhất là ngày đại hội Thánh Tăng; thứ hai là ngày Đức Phật thuyết bài Kinh Giải Thoát Giáo và thiết lập phạm hạnh; thứ ba là ngày Đức Phật hứa khả với Ma Vương sẽ nhập Niết-bàn sau 3 tháng nữa. Ba sự kiện này không phải xảy ra đúng một năm nhưng nó xảy ra vào ngày Rằm tháng Giêng. Trong những tháng ngày hóa độ của Đức Phật, Đức Phật hứa với Ma Vương là 3 tháng sau (tính từ ngày Rằm tháng Giêng), Ngài nhập Niết-bàn, cũng tức là ngày Rằm tháng Tư – ngày Phật Đản. Vesak là lễ kỷ niệm ba sự kiện trọng đại của Đức Phật: đản sanh, thành đạo, Niết-bàn.

Đại hội Thánh Tăng này có 1.250 vị tham dự. Đặc biệt thứ nhất là các vị Thánh Tăng này đều là

bậc Thánh A-la-hán (Thánh thì có Thánh Sơ quả, Thánh Nhị quả, Thánh Tam quả, Thánh Tứ quả). Điều đặc biệt thứ hai là các vị này đều có thần thông, lục thông (Quý vị nhớ là không phải vị Thánh nào cũng có thần thông. Vị Thánh nào mà đắc thiền Định (tức thiền Chỉ) thì thường vị Thánh đó có thần thông. Do có những vị Thánh không tu qua thiền Chỉ mà đi thẳng qua thiền Tuệ, thiền Quán luôn rồi đắc Thánh thì vị đó thường không có thần thông. Vị đắc Định rồi (tức đắc các tầng thiền) mà đắc Thánh thì mới có thần thông). Đặc biệt trong Đại Hội Thánh Tăng lần này là các vị Tỳ-kheo đều có lục thông. Đó là: thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, thần túc thông, túc mạng thông và lậu tận thông. Các vị đều là Thiện Lai Tỳ-kheo *(Ehi Bhikkhu)*, Phật nói thiện lai tỳ kheo là râu tóc tự rụng. Đặc biệt nữa là những vị Thánh này không mời mà đến. Đức Phật khởi ý xong là các Ngài đến, các Ngài tự đến, không mời mà đến.

6. Vật Thực Của Chư Thiên

Thức ăn ở cõi người của mình gọi là đoàn thực, là thức ăn vo tròn rồi bỏ vào miệng mà ăn. Thức ăn của Chư Thiên là tịnh thực, khi vào cơ thể sẽ tan biến tất cả rồi lan khắp cơ thể, không

lưu cặn bã như người địa cầu và không hề bị bệnh như nhân loại. Mình ăn xong phải có tiểu tiện, đại tiện, còn dư lại những chất cặn bã. Còn chư Thiên không có vậy, vì mỗi cõi có cái phước tương xứng. Vật thực của chư Thiên là tịnh thực, tịnh sắc cho nên chư Thiên ăn vào thành dưỡng chất chứ không như mình nó lưu lại cặn bã rồi mình phải đi tiểu tiện, đại tiện.

Và Chư Thiên không có bệnh. Ở cõi Đao Lợi, Thiên nữ 16 tuổi cứ đẹp như 16 tuổi, còn Thiên nam là 20 tuổi, hình sắc cứ 20 tuổi. Các vị Thiên cõi Đao Lợi cứ đẹp cho đến khi nào hết phước làm chư Thiên, hết phước thì chết, mà trước khi chết có báo hiệu.

7. Sự Chết Của Chư Thiên

Chư Thiên có chết khi bị hết tuổi thọ, và có chư Thiên sân quá mà chết, có chư Thiên mải mê hưởng dục lạc quá mà chết. Nếu trước khi mất, mình già hay bệnh rồi nằm một chỗ, rồi hơi thở thoi thóp đến hơi thở cuối cùng thì mình chết, con người mình dễ thấy cái sự chết. Còn chư Thiên trước khi chết có biểu hiện nói về điềm nghiệp, cõi chư Thiên vẫn có hiện tượng báo tử của vị Thiên. Cõi chư Thiên, cái thân rất là vi tế nhưng vẫn có

điềm báo trước khi vị đó chết. Những điềm báo như: vòng hoa trang điểm héo (Chư Thiên thường có vòng hoa trang điểm); thứ hai là y phục bị bạc màu thành cũ; thứ ba là hào quang từ thân bị phai nhạt, hào quang sáng rộng đến bao nhiêu thôi; thứ tư là mồ hôi từ nách chảy ra (bắt đầu chảy ra mồ hôi); thứ năm là tâm rã rượi sầu muộn vì vị Thiên sắp chết.

Khi vua trời Đế Thích bắt đầu biểu hiện những cái tướng chết của Đế Thích thì Ông xuống cõi Người để quy y Tam Bảo nơi Đức Phật. Sau khi quy y Tam Bảo xong, Chư Thiên Đế Thích chết *(trong Kinh Trường Bộ - kinh Đế Thích Sở vấn)*. Nhờ phước quy y Tam Bảo, tích tắc ông quay lại làm Đế Thích liền luôn. Chỉ Ông biết và Phật biết thôi, người ngoài nhìn không biết. Vua Trời Đế Thích - ông hiện nay là bậc Sơ quả.

Nhân sanh lên cõi Chư Thiên, nhiều phước sanh lên Chư Thiên lắm! Ở đây thì Thầy nói vài cái căn bản thôi. Giữ năm giới có thể sanh lên chư Thiên, giữ tám giới (Bát Quan Trai giới) có thể sanh lên chư Thiên, mình càng giữ nhiều giới dễ sanh lên chư Thiên cao hơn. Càng giữ giới thì mình càng ly dục. Giữ năm giới thì ly dục ở việc sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, nói dối, uống rượu. Giữ tám giới là không nằm giường cao ghế đẹp,

không cố ý xem nghe múa hát hoặc là không ăn phi thời thì ly dục thêm ở cái chuyện ăn phi thời, ly dục ở chỗ trang điểm làm đẹp, ly dục ở chỗ cố ý xem, nghe qua lỗ tai, qua con mắt, ly dục ở chỗ xúc chạm giường cao ghế đẹp. Càng ly dục nhiều thì mình càng nhẹ, càng nhẹ thì dễ đi lên, giữ giới càng nhiều mà giữ cho trọn vẹn thì cái phước để mình sanh cõi chư Thiên càng cao. Muốn sanh lên các cõi Thiên cao, phải giữ giới nhiều, ly dục nhiều. Nhân sanh lên Thiên giới, đó là giữ năm giới, tám giới, thập thiện: không sát sanh, không trộm cướp, không tà hạnh, không nói dối, không nói thêu dệt, không nói hai lưỡi, không nói phù phiếm, không tham dục, không sân giận và không tà kiến. Còn Thập Phúc Hành hay là Phúc Hành Tông thì là mười loại phước, đó là những cái nhân chính. Dĩ nhiên bố thí cũng có thể lên cõi chư Thiên. Nhân loại không thể thấy được chư Thiên vì chư Thiên có xác thân vi tế, ngoại trừ vị Thiên ấy hóa thành xác thân thô thì mới thấy được. Tức là mình không thấy được chư Thiên nhưng chư Thiên muốn cho mình thấy thì sẽ hóa ra thân thô để cho mình thấy.

"Một thời Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá), núi Gijjhakāta (Linh Thứu). Bốn Thiên vương sau khi sắp đặt trấn giữ bốn phương với đại quân Yakkha (Dạ-xoa), đại quân Gandhabba (Càn-

thát-bà), đại quân Kumbhanda (Cưu-bàn-trà) và đại quân Nāga (Na-già), án ngữ bốn phương, bảo trì bốn phương, trong đêm tối thâm sâu, với hào quang tuyệt diệu chói sáng toàn thể núi Linh Thứu, đến tại chỗ Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Các vị Dạ-xoa, có vị đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có vị nói lên những lời chúc tụng, hỏi thăm, rồi ngồi xuống một bên; có vị nói lên tên họ rồi ngồi xuống một bên; có vị im lặng, rồi ngồi xuống một bên.

Sau khi ngồi xuống một bên, đại vương Vessavana (Tỳ-sa-môn) bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có những thượng phẩm Dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn; bạch Thế Tôn có những thượng phẩm Dạ-xoa tin tưởng Thế Tôn; Bạch Thế Tôn, có những trung phẩm Dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn; bạch Thế Tôn, có những trung phẩm Dạ-xoa tin tưởng Thế Tôn; bạch Thế Tôn, có những hạ phẩm Dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn, có những hạ phẩm Dạ-xoa tin tưởng Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, nhưng phần lớn các Dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn. Thế Tôn thuyết pháp để từ bỏ sát sanh, thuyết pháp để từ bỏ trộm cắp, thuyết pháp để từ bỏ tà dâm, thuyết pháp để từ bỏ nói láo, thuyết pháp để từ bỏ không uống các loại rượu. Bạch Thế Tôn, tuy vậy phần lớn các Dạ-xoa đều không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cắp, không từ bỏ tà dâm,

không từ bỏ nói láo, không từ bỏ uống các loại rượu. Đối với họ, Pháp ấy không được ưa thích, không được đón mừng. Bạch Thế Tôn, có những đệ tử của Thế Tôn, sống trong chốn thâm sâu cùng cốc, ít tiếng, ít động, có gió mát từ ngoài đồng thổi, che dấu không cho người thấy, thích hợp tịnh tu. Tại chỗ ấy, có những thượng phẩm Dạ-xoa không tin tưởng lời dạy Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, hãy học chú Atānātiyarakkha (A-sá-nang-chi Hộ Kinh) để học được lòng tin, để các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ có thể sống an lạc, được che chở, được hộ trì không bị tại họa.

Thế Tôn im lặng chấp thuận.

Rồi đại vương Vessavana, biết được Thế Tôn đã chấp thuận, trong giờ phút ấy, đọc lên bài Atānātiya Hộ Kinh."

(Trích Trường Bộ Kinh - Kinh A-sá-nang-chi (Atānātiya sutta)

Atānātiya là tên của một tòa thành ở trên cung trời Tứ Đại Thiên Vương. Một lần, các vị Tứ Đại Thiên Vương xuống gặp Đức Phật, bạch với Phật rằng trong các vị Thiên, các vị Dạ xoa, các vị quỷ Thần, không phải vị nào cũng có chánh kiến, cũng tin tưởng Tam Bảo, có những vị não hại người tu, có khi não hại người đời, có khi phá hoại như một

vài trường hợp nhập, phá, hành xác, có những trường hợp tác động lên người. Cho nên, khi những đệ tử của Thế Tôn mà ở nơi xa, bị các vị đó phá thì xin Ngài hãy dạy điều này cho các vị đệ tử Ngài. Đọc bài kệ này, thỉnh vị đó về vị đó sẽ hỗ trợ cho. Bởi vì vào thời Đức Phật có những vị ở trong rừng rú, gốc cây, trong hang đá, trong ngôi nhà vắng. Những nơi có các vị Thiên, phi nhân các Ngài thương thì các Ngài hộ trì, các Ngài có cảm tình. Còn có một số chỗ, các vị không có cảm tình thì các vị sẽ phá. Mình nói dễ hiểu là ở khu đó có nhiều người trộm cắp, cướp giật, mất an ninh. Thì những người làm an ninh mới xuống nói với vị cai quản ở đó: *"Bây giờ chú ở đây, khi nào mà có xảy ra chuyện gì mất an ninh, chú cứ gọi cho con theo số này. Đây là số của con".*

8. Việc Thọ Hưởng Dục Lạc Của Chư Thiên Trong 6 Cõi Dục Giới

Chư Thiên ở cõi Sắc Giới là Phạm Thiên, muốn sanh lên cõi Phạm Thiên Sắc Giới thì phải đắc Sơ, Nhị, Tam, Tứ thiền. Đại ý là muốn sanh vào cõi Sắc giới thì phải đắc Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền. Đắc Sơ thiền sanh lên Phạm Thiên Sơ Thiền, một trong ba cõi Phạm Thiên Sơ Thiền. Đắc Nhị thiền sanh lên một trong ba cõi

Phạm Thiên Nhị Thiền. Đắc Tam thiền sanh ở một trong ba cõi Phạm Thiên Tam Thiền. Cõi Tứ thiền gồm 7 cõi, nếu đắc Tứ thiền thì sanh vào một trong hai cõi Tứ thiền. Nếu đắc Tứ thiền và đắc Thánh A-na-hàm trở lên thì sanh vào một trong năm cõi Ngũ Tịnh Cư Thiên trong cõi Tứ thiền.

Vậy thì chư Thiên ở cõi Phạm Thiên là phải đắc thiền mới sanh lên. Còn chư Thiên ở cõi Dục giới là không đắc thiền, nghĩa là trong đời của vị Thiên đó, vị đó có thể tụ tập để đắc thiền, để sinh lên cõi Phạm Thiên thì có, nhưng cái nhân để sanh lên chư Thiên Dục giới này thì không phải do nhân đắc thiền, tại vì đắc thiền thì đã sanh lên Phạm Thiên. Trong 6 cõi Trời Dục giới, chư Thiên vẫn có hưởng dục như mình nhưng hưởng dục của chư Thiên Dục giới khác với hưởng dục thô như phàm phu chúng ta.

Đây là một số ý kiến, luận thuyết của một số vị giáo sư. Các vị này cho rằng, vì hưởng dục của chư Thiên cõi Tứ Đại Thiên Vương và cõi Đao Lợi Thiên, hai nhóm Thiên này khi hành xử giống như người vậy, tức là giống như là dục tính (dục nam nữ) có những cái giống như là người.

Chư Thiên cõi Dạ Ma hưởng dục bằng cách ôm hôn và xúc chạm thân lẫn nhau mà thôi.

Chư Thiên cõi Đâu Suất hưởng dục chỉ cần chạm tay, vì lên càng lên cao thì dục nó càng nhẹ.

Cõi Hóa Lạc hưởng dục là chỉ cần nhìn và mỉm cười. Có cõi gặp nhau, ôm nhau, có những cõi là chỉ cần chạm tay thôi và có những cõi chỉ nhìn và mỉm cười thôi. Chúng ta phải hiểu muốn lên cao thì phải càng ít dục. Nên muốn đắc thiền thì phải ly dục, nếu ly dục càng nhiều thì sanh ở cõi Trời càng cao và muốn lên Phạm Thiên bắt buộc phải ly dục.

Cõi Tha Hóa Tự Tại là cõi Trời thứ sáu thì khi hưởng dục, chỉ cần ánh mắt chạm nhau, chỉ có nhìn nhau. Hai vị Thiên hưởng dục với nhau là chỉ cần nhìn nhau, vị đó tiếp tục tu đắc thiền nữa, lên nữa là Phạm Thiên là không còn dục.

Cho nên Phạm Thiên Sắc Giới, thân là thân nam, vì không còn dục nữa. Phạm Thiên sắc giới có thân nam là sao? Là khi các vị đó xuống gặp Phật nghe pháp thì các vị đó hiện thân thô là thân nam. Và trong Kinh hay nói là Phạm Thiên dáng chuẩn, ngay cả giọng nói cũng giọng Phạm Thiên, dáng cũng dáng Phạm Thiên, mà trong Tam giới thì Phạm Thiên là dáng chuẩn. Phạm Thiên thì thường dùng ba căn: căn mắt, căn tai và căn ý. Còn mình thì thường dùng căn sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Tại sao mình dùng nhiều căn? Bởi vì

Dục mình còn nhiều, dục ở mắt, dục ở tai, dục ở mũi, dục ở lưỡi, dục ở thân, dục ở ý. Phạm Thiên đã hết dục, hết ở đây là hết tạm thời, hết dục rồi thì các Ngài dùng có ba căn vì để các Ngài còn nghe Pháp, đi đảnh lễ Đức Phật. Tại sao mà Phạm Thiên ít dùng các căn? Vì các Ngài ly dục rồi không cần dùng các căn khác. Giống như bây giờ trong một nhà giàu không có chiếc xe đạp, không phải là không có tiền để mua chiếc xe đạp, mà vì trong cái nhà giàu đó, họ không cần chiếc xe đạp. Còn mình nhà nghèo, mà mình không có là vì mình không có tiền mình mua, chứ không phải là mình có sẵn mà mình không cần. Cõi Phạm Thiên dùng ba căn là như vậy, tại vì các Ngài đã thanh tịnh, đã ly dục, lên Phạm Thiên là đã đắc Sơ thiền.

9. Cõi Người và Cõi Trời, Cõi Nào Nhiều Bậc Thánh Hơn?

Trong Kinh đáp rằng: trong Thiên Giới bậc Thánh nhiều hơn, trong cõi Trời bậc Thánh nhiều hơn, vì rằng trong thời Đức Phật, những cư sĩ và bậc xuất gia thành Sāvatthī và thành Rājagaha, thành Vesalī, Kosambi, Kapilavatthu,... có rất là nhiều cư sĩ và người xuất gia. Những người này sau khi nghe pháp của Đức Phật dạy thì họ chứng được Sơ quả (Thánh Dự lưu, Thất Lai), có vị

chứng được Nhị quả (Thánh Nhất Lai) và được sanh lên các cõi Trời Dục giới.

Tại sao không nói về vị đắc Thánh quả A-na-hàm (Tam quả)? Vì vị đắc Tam quả A-na-hàm mà **không đắc Tứ thiền** thì sanh vào cõi Sơ Thiền; Còn nếu vị đắc Tam quả A-na-hàm và **có đắc Tứ thiền**, nếu mất thì sanh lên cõi Ngũ Tịnh Cư thuộc cõi Tứ thiền. Không phải vị Thánh nào cũng đắc Tứ thiền. Vị đắc được Tam quả A-na-hàm là lìa được tận gốc thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham dục và sân. Vậy vị đắc A-na-hàm mà không đắc tầng thiền nào hết thì mặc định là vị đó là sanh ở 1 trong 3 cõi Sơ thiền, vì vị đó đã ly tham dục và sân, hết tham dục, hết sân rồi thì đâu còn hạt giống để sinh vào cõi Dục giới nữa. Bậc A-na-hàm được gọi là Thánh Bất Lai, "bất lai" là không quay lại cõi Dục. Cho nên ở đây, mình chỉ nói các vị chứng Sơ quả với Nhị quả thôi, vì Tam quả đã lên ít nhất là Sơ thiền ở cõi Phạm Thiên rồi.

Ở cõi Trời có nhiều bậc Thánh hơn tại vì trong thời Đức Phật rất nhiều vị cư sĩ và người xuất gia chứng Thánh Sơ quả, Nhị quả sanh lên các cõi Trời. Thầy khuyến khích quý Phật tử tu tập rốt ráo, đích đến cuối cùng là đắc được Thánh quả hay Niết-bàn, chấm dứt tử sanh, nhưng con đường này còn dài lắm! Vì tùy duyên nghiệp của mỗi

người, Ba-la-mật của mỗi người, nếu chưa đắc thì mình đi đâu? Nếu tu tập thiền Định thì đắc Sơ, Nhị, Tam, Tứ thiền - chắc chắn nhắm mắt lại là lên cõi Phạm Thiên. Còn nếu chưa đắc Sơ, Nhị, Tam, Tứ thiền thì mình nguyện sanh lên các cõi Trời dục giới có bậc Thánh. Có những tầng Trời hưởng dục nhiều lắm, sanh cõi Chư Thiên là hưởng dục, trên ấy toàn là vườn hoa, cây cối. Ở cõi Đao Lợi là vườn Nanda, nhiều cung cảnh,.... Cũng có Chư Thiên tu nhưng khi lên trên đó mà quên tu tập, toàn hưởng dục, hưởng đến khi nào báo hiệu năm cái sự chết là chết thôi.

Thầy kể cho quý vị nghe câu chuyện đặc biệt trong Kinh Tương Ưng. Đêm hôm đó có rất là nhiều chư Thiên, cả ngàn chư Thiên hào quang sáng rực, xuống đảnh lễ Đức Phật. Đức Phật lại nghe một cái câu của một vị Thiên nói hơi lạ là sao mà cõi Chư Thiên ồn ào quá, náo nhiệt quá như cái đám ngạ quỷ. Một câu nói rất là lạ, đúng không? Chư Thiên xuống đảnh lễ Phật, chư Thiên là hoan hỉ suốt ngày lo hưởng dục, mà tại sao trong nhóm chư Thiên lại có một câu nói đó? Với trí tuệ của Đức Phật, Đức Phật hỏi chuyện gì xảy ra? Đức Phật biết câu nói đó từ một vị Thiên, mới tức thì đây còn là một người xuất gia, là một vị sư tu tập và ước nguyện đắc Thánh. Bỏ một đời sống thế tục để tu tập tinh cần, cần mẫn theo giáo pháp của

Đức Phật, ước nguyện lớn nhất là đắc Thánh. Và ước nguyện quá lớn như vậy nên vị này tinh tấn hành thiền đến bỏ ăn, bỏ ngủ, tuy vẫn có ăn ngủ, nhưng việc ăn ngủ không còn quan trọng. Cuối cùng chuyện bỏ ăn, bỏ ngủ lâu ngày thì thân thể của vị này bị bệnh, bữa đó đau nhức quá đang đi kinh hành thì vị này chết luôn. Một phần do bị ảnh hưởng bởi sức khỏe, chết với cái tâm đang tu thì vị này mới sanh lên Chư Thiên.

Và khi sanh lên cõi chư Thiên thấy mát, thấy thơm, mùi thơm mát mẻ nhẹ nhàng hoặc có lâu đài, hoặc là thấy có Thiên nữ tới đón mình. Vị này tỉnh ra thấy trước mặt mình có cả ngàn Thiên nữ nói chuyện với nhau cảnh đẹp lắm. Lúc này vị Tỳ-kheo chưa biết mình chết, ngủ dậy thấy vậy cứ tưởng là Phật tử tới thăm. Cung cách của vị Sư kéo y, rất là khiêm cung. Khi đó các vị Thiên nữ mới biết đây là vị thiên Nam mới. Mà phước của vị này là làm Thiên chủ của tòa lâu đài này. Và 1000 Thiên nữ này là đợi để hầu Thiên chủ của mình thì mới báo là Ngài đã chết, giờ Ngài đã là Thiên nam cai quản lâu đài này rồi. Một vị Thiên nữ vào trong lấy cái gương ra cho vị Thiên chủ (Tỳ-kheo) coi thì Ngài mới biết bây giờ mình đã chết và tái sanh cõi chư Thiên. Nhưng Ngài không vào trong lâu đài đó, lúc này Ngài chưa đắc Thánh. Ngài biết vào đó là lo hưởng dục cho nên

Ngài không vào và nhớ lại mình tu tập là vì cái gì? Mình tu tập một đời sống phạm hạnh để đạt được quả A-la-hán, cuối cùng Thánh quả chưa thấy đâu thấy mà lên trên đây. Ngài nói chuyện này là không được, mình bỏ hết để mình đạt đạo quả A-la-hán mà tại sao bây giờ lên tới đây, vừa ồn ào vừa náo nhiệt? Chư Thiên có thể biết được tiền nghiệp, thế là Ngài quay xuống đảnh lễ Đức Phật và lúc đó 1000 Thiên nữ cũng đi theo. Tại vì tâm của Ngài lúc đó là tâm tu, tâm hướng về Đạo quả chứ không phải tâm hưởng dục, đang hành thiền rất là tinh tấn thì Ngài mất luôn, mở mắt ra thấy lên coi của chư Thiên. Ngài thấy được chuyện này và xuống đảnh lễ Đức Phật. Đức Phật nói con hãy tiếp tục hướng về Đạo quả, hướng về Niết-bàn, có chánh kiế,n có chánh niệm, có sự tinh tấn.

Thầy kể câu chuyện này ra cho quý vị thấy là có phước thì tái sanh cõi chư Thiên. Chư Thiên là lo hưởng phước, hưởng dục không có tu được đâu. Cho nên mình hãy nguyện là nếu chưa đắc đạo thì cũng xin cho con được lên cõi Chư Thiên mà ở đó con được gặp bậc Thánh và xin cho con được tu tiếp.

Vậy câu trả lời là ở cõi người và cõi Trời thì ở cõi Trời có bậc Thánh nhiều hơn, nếu lên trên đó thì hãy xin được gặp bậc Thánh.

10. Sự Tiến Triển Phật Giáo Trong Cõi Người Và Cõi Trời

Vậy trong cõi người và cõi Trời thì hiện nay cõi nào đang phát triển hơn? Khi nói đến sự tiến triển của Phật giáo trong cõi người và cõi Trời thì có thể khẳng định rằng Phật giáo trong cõi Trời tiến triển và sáng chói hơn cõi người. Vì đối với Phật giáo muốn được tiến triển lan rộng, điều quan trọng là phải dựa vào Phật giáo đồ, tức là nơi đó phải có những vị đắc Thánh, có chư Tăng hay là có những người thực hành theo giáo pháp của Phật, nơi nào Phật giáo đồ đông thì nơi ấy Phật giáo tăng thịnh. Và khi bậc Thánh trong cõi Trời nhiều hơn cõi người, điều này cho thấy rằng Phật giáo trong cõi Trời hưng thịnh hơn nhiều, chính là vì có bậc Thánh nhiều.

Bây giờ trên đó còn nhiều bậc Thánh sơ quả, nhị quả lắm, không phải tam quả. Nếu mà từ cõi người, tam quả mất là lên cõi Phạm Thiên. Có trường hợp vị đó lên cõi Trời đắc được sơ quả, nhị quả rồi và từ cõi Trời có thể đắc tam quả, tứ quả. Còn cõi người đắc tam quả rồi là phải lên cõi Phạm Thiên Sắc Giới. Nếu một người đắc sơ quả Tu-Đà-Hoàn, vị đó mất vị đó đi đâu? Bậc Thánh sơ quả đó có thể quay lại cõi người một kiếp, hai

kiếp, ba kiếp, bốn kiếp, năm kiếp và nhiều nhất là bảy kiếp hoặc vị đó có thể lên một trong sáu cõi Trời Dục Giới. Đối với bậc Thánh nhị quả Tư-Đà-Hàm thì quay lại cõi người một lần. Vị chứng đắc nhị quả mà ở thân người thì khi mất có thể lên cõi Trời Dục Giới.

11. Tuổi Thọ Cõi Trời Dục Giới

Cõi người có những điều rất đặc biệt, đó là mình có thể sống đời sống phạm hạnh, đời sống xuất gia hay ứng dụng Giới Định Tuệ tu tập và có thể đạt được Đạo quả, đặc biệt mình có thể có đời sống chánh niệm vững mạnh, có thể đạt tới cực thiện, cao tột là đắc Thánh. Cõi người mình có thể xuất gia, việc xuất gia chỉ có ở cõi người, cõi Trời không có chư Tăng. Và nói về sự ác, sự bất thiện thì cũng ở cõi người, nếu nói ác thì cũng rất ác, cực ác.

Cõi Tứ Đại Thiên Vương một ngày một đêm ở bằng 50 năm ở cõi người. Chư Thiên Tứ Đại Thiên Vương sống 9.000.000 năm

Cõi Đao Lợi một ngày một đêm là bằng 100 năm ở cõi người. Một kiếp người của mình chưa bằng một ngày ở cõi Đao Lợi. Cõi Đao Lợi nhân lên 4 là 36.000.000 năm tuổi thọ.

Cứ thế quý vị nhân lên. Cõi Dạ Ma một ngày một đêm ở bằng 200 năm ở cõi người. Tuổi thọ ở cõi Dạ Ma nhân 4 là 144.000.000 năm.

Cõi Đâu Suất một ngày một đêm bằng 400 năm ở cõi người. Từ Dạ Ma lên Đâu Suất nhân 4 nữa tuổi thọ là 576.000.000 năm.

Cõi Hóa Lạc, một ngày một đêm bằng 800 năm ở cõi người. Từ Đâu Suất lên Hóa Lạc tuổi thọ hơn 2 tỷ năm.

Cõi Tha Hóa Tự Tại, một ngày một đêm bằng 1600 năm ở cõi người. Cõi thứ 6 do Ma Vương ở và quản lý, tuổi thọ lên tới 9.216.000.000 năm.

Tuổi thọ của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và cõi người là không cố định, có thể nhiều và có thể ít. Tuổi thọ trung bình của cõi người thấp nhất là 10 tuổi và nhiều nhất là vô số tuổi. Tuy nhiên cũng là một kiếp người, tùy từng biệt nghiệp của mỗi người, người đó có thể sống một vài tuổi thì mất. Tuổi thọ của chúng sanh cõi người hiện nay khoảng hơn 70 tuổi. Đang kiếp giảm, giảm đến 10 tuổi và có thể tăng lên vô số tuổi. Nhưng chúng sanh cõi chư Thiên thì tuổi thọ cố định.

Chúng ta học nên biết tuổi thọ của các tầng Trời Dục Giới, tuổi thọ Chư Thiên bắt đầu tính từ triệu năm trở lên, để mình thấy mấy chục năm của

kiếp người thật rất mong manh. Con muỗi sống được mấy ngày là nó chết rồi, nó mong manh quá, nó ngắn quá! Con người chúng ta thấy đời sống con muỗi ngắn như vậy, còn Chư Thiên thấy tuổi thọ cõi người chúng ta cũng ngắn thật là ngắn, có mấy chục năm.

12. Chánh Kinh Phật Dạy về Tuổi Thọ Của Chư Thiên Dục Giới

Phật dạy cho Visākhā:

"—Năm mươi năm của một đời người, này Visākhā, bằng một đêm một ngày của chư Thiên của Bốn Thiên Vương. Ba mươi đêm như vậy, làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Năm mươi năm chư thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư Thiên của Bốn Thiên Vương. Sự kiện này có xảy ra, này Visàkhà, ở đây có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hiện trai giới đầy đủ cả tám mặt, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên của Bốn Thiên Vương. Chính dựa trên trường hợp này được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên!"

—Một trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một ngày một đêm của chư Thiên ở cõi Trời Ba mươi ba. Ba mươi đêm như vậy, làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Một ngàn năm chư Thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư Thiên ở cõi Trời Ba mươi ba. Sự kiện này có xảy ra, này Visàkhà, ở đây có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hiện trai giới đầy đủ cả tám mặt, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Trời Ba mươi ba. Chính dựa trên trường hợp này được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên!"

—Hai trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một ngày một đêm của chư Thiên ở cõi Trời Yāmā. Ba mươi đêm như vậy, làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Hai ngàn năm chư Thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư Thiên ở cõi Trời Yāmā. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hiện trai giới đầy đủ cả tám mặt, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Trời Yāmā. Chính dựa trên trường hợp này được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên!".

—Bốn trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một ngày một đêm của chư Thiên ở cõi Trời Tusita (Đâu-suất). Ba mươi đêm như vậy, làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Bốn ngàn năm chư Thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư Thiên ở cõi Trời Tusita. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hiện trai giới đầy đủ cả tám mặt, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Trời Tusita. Chính dựa trên trường hợp này được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên!".

—Tám trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một ngày một đêm của chư Thiên ở cõi Trời Hóa lạc. Ba mươi đêm như vậy, làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Tám ngàn năm chư Thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư Thiên ở cõi Trời Hóa lạc. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hiện trai giới đầy đủ cả tám mặt, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Trời Hóa lạc. Chính dựa trên trường hợp này được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên!".

—Mười sáu trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một ngày một đêm của chư Thiên ở cõi Trời Tha Hóa Tự Tại. Ba mươi đêm như vậy, làm thành một tháng, mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Mười sáu ngàn năm chư Thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư Thiên ở cõi Trời Tha Hóa Tự Tại. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hành Uposatha đầy đủ cả tám mặt, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Trời Tha Hóa Tự Tại. Chính dựa trên trường hợp này, được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên".

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương Ba Pháp – Phẩm Lớn – Bài Kinh 70 "Các lễ Oposatha" – Bồ Tát hay Trai Giới)

Tích Truyện Về Ông Phú Hộ Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika)

Ông trưởng giả Cấp-cô-độc tên là Tu-Đạt-Đa, là một đại thí chủ trong giới cấn sự nam. Cả đời của ông làm thiện rất nhiều và ông phụng sự cho Tam Bảo. Cuối đời của ông Cấp-cô-độc được Thầy Xá-lợi-phất *(Sāriputta)*, Thầy A-nan *(Ānanda)* thuyết cho bài Kinh để ông thấy được

sự vô ngã ở nơi thân ngũ uẩn này. Ông Cấp-cô-độc sau khi mất, ông sinh lên cõi Trời Đâu Suất và trở thành một vị Thiên nam.

Vị Thiên nam Anāthapiṇdika là môt trong bảy vị Thánh Nhập Lưu đặc biệt, có lời phát nguyện xin thọ hưởng sự an lạc tuần tự các tầng Trời Dục giới cho đến các tầng Trời Sắc giới tột cùng: cõi Sắc Cứu Cánh Thiên, và sẽ tịch diệt Niết-bàn nơi cõi này. Do đó, vị Thiên nam Anāthapiṇdika, khi tái sanh đến cõi Tha Hoá Tự Tại thiên, tầng Trời thứ 6 tột cùng của cõi Trời Dục giới, vị Thiên nam ấy tiến hành thiền Định chứng đắc Đệ nhất thiền Sắc giới, cho quả tái sanh làm Phạm Thiên cõi Trời Sắc Giới Phạm Chúng Thiên *(Brahmaparisajjā)*; tiếp tục tiến hành thiền định chứng đắc Đệ nhị thiền Sắc giới, cho quả tái sanh lên cõi Trời Sắc Giới đệ nhị thiền; chứng đắc Đệ tam thiền Sắc giới, cho quả tái sanh lên cõi Trời Sắc Giới đệ tam thiền; và tiếp tục chứng đắc Đệ tứ thiền Sắc giới đồng thời chứng đắc Nhất Lai Thánh Đạo – Nhất Lai Thánh Quả, Bất Lai Thánh Đạo – Bất Lai Thánh Quả trở thành bậc Thánh Bất Lai được tái sanh lên tầng Trời Sắc Giới Tịnh Cư Thiên *(Suddhavāsa)* có 5 tầng Trời theo tuần tự Vô Phiền Thiên – Vô Nhiệt Thiên – Thiện Hiện Thiên – Thiện Kiến Thiên và đến tầng Sắc Cứu Sánh Thiên *(Akaniṭṭhā)* tột cùng cõi Trời Sắc

Giới, sẽ chứng đắc A-La-Hán Thánh Đạo – A-La-Hán Thánh Quả trở thành bậc Thánh A-La-Hán, hưởng hết tuổi thọ 16.000 đại kiếp rồi tịch diệt Niết-bàn, chấm dứt tử sanh luân hồi trong Tam giới.

Trích theo Kinh Trung Bộ - Tập III – Bài Kinh số 143: "Kinh Giáo Giới Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍikovāda sutta) như sau:

"Rồi tôn giả Sāriputta và tôn giả Ānanda, tức là Ngài Xá Lợi Phất và Ngài Ānanda sau khi giảng dạy cho cư sĩ Cấp Cô Độc với bài thuyết giảng từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi cư sĩ Cấp Cô Độc, sau khi tôn giả Xá Lợi Phất và Ngài Ananda ra đi không bao lâu, thân hoại mạng chung, và sau khi thân hoại mạng chung, liền sanh lên cõi Đâu Suất".

Rồi thiên tử Cấp Cô Độc, khi đêm đã gần mãn sau khi chói sáng toàn cảnh Kỳ-Đà-Lâm với dung sắc thù thắng đi đến Thế Tôn. Sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn và đứng một bên, thiên tử Cấp Cô Độc nói lên với Thế Tôn bài kệ sau đây:

Rừng Jetavana,
Tốt đẹp phước lành này,
Được chư Thiên, chúng Tăng,
Thường lui tới an trú,

Được Pháp Vương trú trì,
Ban hoan hỷ cho ta.

Nghiệp, minh và Chánh pháp,
Giới, tối thượng sanh mạng,
Chính nhờ các pháp trên,
Khiến chúng sanh thanh tịnh,
Không phải do giai cấp,
Không phải do tài sản.

Do vậy bậc Hiền giả,
Thấy rõ mục đích mình,
Suy tư pháp chân chánh,
Được thanh tịnh ở đây.

Như Sariputta,
Về tuệ, giới, tịch tịnh,
Bất luận Tỷ-kheo nào,
Đã tới bờ bên kia,
Hãy đạt được tối thắng
Trong những pháp kể trên.

Thiên tử Cấp Cô Độc nói như vậy. Bậc Đạo sư tán đồng. Rồi Thiên tử Cấp Cô Độc suy nghĩ: "Bậc Đạo sư tán đồng ta." Sau khi đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ."

Tích Bà Đại Thí Chủ Visākhā

Đức Phật tán dương bà là người cận sự nữ đại thí chủ, xuất sắc nhất về hạnh bố thí trong hàng cận sự nữ đệ tử của Ngài như sau: *"Này chư Tỳ khưu, trong hàng nữ Thanh Văn cận sự nữ của Như Lai, Visākhā Migāramātā là cận sự nữ thí chủ xuất sắc nhất về hạnh hoan hỉ bố thí."*

Bà Visākhā có tuổi thọ sống lâu 120 tuổi, cuộc đời của bà từ thuở ấu niên, trung niên cho đến lão niên đều hưởng sự an lạc, sống trong cảnh giàu sang phú quý; đó là quả của mọi phước thiện, nhất là phước thiện bố thí. Cho nên, trong suốt cuộc đời của bà không phải gặp cảnh khổ cực, thiếu thốn về vật chất. Bà có nhiều tài sản của cải, lại càng hoan hỉ tạo nhiều phước thiện bố thí cho đến ngày cuối cùng cuộc đời của bà. Sau khi bà từ giã cõi người, do năng lực thiện nghiệp cho quả tái sanh làm thiên nữ trong cõi Hoá Lạc Thiên - cõi Trời Dục giới thứ 5, trở thành Chánh cung hoàng hậu của đức vua Trời Sunimmita, hưởng sự an lạc trong cõi Trời này cho đến hết tuổi thọ 80.000 năm (*so với cõi người 2.304 triệu năm, bởi vì 1 ngày 1 đêm nơi cõi Trời này bằng 800 năm cõi người*).

Bà là một trong bảy vị Thánh Nhập Lưu đặc biệt, có lời phát nguyện xin thọ hưởng sự an lạc

tuần tự từ tầng Trời Dục giới cho đến các tầng Trời Sắc giới tột cùng: cõi Sắc Cứu Cánh Thiên, sẽ tịch diệt Niết-bàn trong cõi này.

Do đó, khi tái sanh làm Thiên nữ cõi Tha Hoá Tự Tại Thiên - tầng Trời thứ 6 tột cùng của cõi Trời Dục giới, thiên nữ Visākhā tiến hành thiền Định chứng đắc Đệ nhất thiền Sắc giới, cho quả tái sanh làm Phạm Thiên (không còn nữ tính) cõi Trời Sắc Giới Phạm Chúng Thiên; tiếp tục tiến hành thiền Định chứng đắc Đệ nhị thiền Sắc giới, cho quả tái sanh lên cõi Trời Sắc Giới đệ nhị thiền; chứng đắc Đệ tam thiền Sắc giới, cho quả tái sanh lên cõi Trời Sắc Giới đệ tam thiền; và tiếp tục chứng đắc Đệ tứ thiền Sắc giới đồng thời chứng đắc Nhất Lai Thánh Đạo – Nhất Lai Thánh Quả, Bất Lai Thánh Đạo – Bất Lai Thánh Quả trở thành bậc Thánh Bất Lai được tái sanh lên tầng Trời Sắc Giới Tịnh Cư Thiên có 5 tầng theo tuần tự cho đến tầng Sắc Cứu Cánh Thiên *(Akaniṭṭhā)* tột cùng cõi Trời Sắc Giới, sẽ chứng đắc A-La-Hán Thánh Đạo – A-La-Hán Thánh Quả trở thành bậc Thánh A-La-Hán, hưởng hết tuổi thọ 16.000 đại kiếp rồi tịch diệt Niết-bàn, chấm dứt tử sanh luân hồi trong Tam giới.

Đức Phật tán thán là bà là Đệ nhất về hạnh bố thí trong hàng cư sĩ nữ. Bà Visākhā bây giờ là

chánh hậu ở cõi trời thứ 5 - cõi Hóa Lạc Thiên. Ông Cấp Cô Độc, bà Visākhā đều là những bậc Thánh, và đây là những vị Thánh rất đặc biệt, chứng Thánh rồi đi qua các tầng Trời, đi qua các tầng Sơ, Nhị, Tam, Tứ thiền; sau đó đi qua các quả vị Thánh, rồi vào các cõi Tịnh Cư và đắc Thánh A-la-hán.

Tôn Giả Đệ Nhất Chư Thiên Ái Kính (Đại Trưởng Lão Pilindavaccha)

Vào thời Đức Phật dĩ nhiên có rất nhiều vị Thánh được chư Thiên và nhân loại tôn kính nhưng có một vị Thánh rất đặc biệt, đó là Ngài trưởng lão Pilindavaccha, Ngài được Đức Phật xác tín là Đệ nhất chư Thiên ái kính. Dù đời sống của vị này không có gì quá nổi trội trong cõi người, nhưng vị này lại đặc biệt có chư Thiên rất đông để hâm mộ, tôn kính. Tại sao? Vì những nghiệp quả trong quá khứ như sau:

❖ Công hạnh quá khứ:

- Vào thời Đức Phật Padumuttara (Thắng Liên Hoa), Trưởng lão Pilindavaccha tương lai là một trưởng giả giàu có phát sanh lòng tịnh tín khi nghe Thế Tôn ban danh hiệu Đệ nhất được chư Thiên ái kính cho một vị Tỳ-kheo. Ngài cúng

dường đại thí bảy ngày, phát nguyện thành tựu địa vị ấy trong tương lai và được thọ ký.

- Một tiền kiếp nữa là thời điểm Phật Sumedha nhập Niết-bàn, Ngài là một cận sự nam thuần thành nơi Tam Bảo, đảnh lễ cúng dường bảo tháp Xá Lợi và thực hiện những pháp hội lớn cúng dường chư Tăng.

- Đến một kiếp khác, Ngài tái sanh làm vua Chuyển Luân Vương cai trị quốc độ theo chánh pháp, nhân dân trong nước đều giữ gìn ngũ giới. Nhờ ân đức của nhà vua mà mạng chung họ đều sanh Thiên giới. Và khi đó tuổi thọ của những người này rất dài, có khi là 9.000.000 năm, 36.000.000 năm, 144.000.000 năm, 576.000.000 năm, 2.314.000.000 năm, và cõi của Ma Vương đến 9.216.000.00 năm. (*Nói dễ hiểu, mình sanh vào thời kỳ Đức Phật Thích Ca là không có vua Chuyển Luân Vương, tới thời Đức Phật Di Lặc mới có vua Chuyển Luân Vương. Nếu ai được sống trong thời kỳ của vua Chuyển Luân Vương thì rất là có phước cho những người đó.)*

- Cứ như vậy, trải qua bao nhiêu kiếp luân hồi, Trưởng lão thực hành nhiều thiện sự, có khi làm Vua cõi người, có khi tái sanh cõi Trời. Ngài luôn khuyến hóa và giúp đỡ rất nhiều người cộng trú chư Thiên.

❖ Đời sống hiện tại:

- Trước khi Đức Phật Gotama thành đạo, Trưởng lão Pilinda được sinh ra trong gia đình Bà-la-môn danh giá thuộc dòng họ Vaccha, thành Sāvatthi (Xá Vệ).

- Được cha mẹ cho theo học với các bậc thầy nổi tiếng về chú thuật, sau một thời gian, vị ấy sử dụng thành thạo các thần thông như đọc tâm của người khác, đi lại trên không trung,… và trở thành vị Bà-la-môn có danh vọng nhất thành Rājagaha (Vương Xá) với đông đảo tín đồ.

- Đức Phật du hành đến thành Rājagaha thuyết pháp độ sanh. Oai lực đặc biệt của Đức Phật có thể cảm thắng được thần thông của ông Bà-la-môn khiến nó mất tác dụng. Để học được phép thuật cao siêu hơn nên ông Pilindavaccha quyết định gia nhập Tăng đoàn. Dưới sự hướng dẫn của Đức Phật, ông thành tựu quả vị A-la-hán.

- Sau khi chứng Thánh quả, Trưởng lão Pilindavaccha thường được chư Thiên trên cõi Trời Dục giới đến cúng dường, viếng thăm và hầu hạ Ngài cả ngày lẫn đêm. Họ là những người mang ơn giáo hóa của Trưởng lão từ nhiều kiếp trước.

- Tuy đã đắc Thánh nhưng Ngài vẫn còn thói quen dư sót trong quá khứ không bỏ được, thường gọi người khác là "nhóc con!" Ngài từng trải qua năm trăm kiếp nói lời này, tập khí đã ăn sâu vào tiềm thức. Điểm khác biệt ở đây là lời thô lỗ của

bậc Thánh nhân không hề có ác ý và không dùng nhạo báng người khác. Nó là do tập khí và vô hại.

- Vì biệt hạnh được đông đảo chư Thiên ái mộ tôn kính như vậy nên Đức Thế Tôn đặt Trưởng lão Pilinda vào danh hiệu Đệ nhất giữa hội chúng.

III. PHÂN TÍCH CHI TIẾT SÁU CÕI TRỜI DỤC GIỚI

1. CÕI TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG

Nguồn tham khảo:

- *Kinh Trường Bộ (Dīgha Nikāya) - Bài Kinh số 32. Kinh A-sá-nang-chi (Atānātiya Sutta)*
- *Kinh Tăng Chi Bộ - Chương Tám Pháp – Phẩm "Các Ngày Trai Giới"*

❖ Về cõi Trời Dục Giới đầu tiên và gần nhất với cõi người là cõi Tứ Đại Thiên Vương. Vậy tại sao có tên là Tứ Đại Thiên Vương? Vì cõi này có bốn vị chúa tể cõi Trời, nên được gọi là Tứ Đại Thiên Vương.

1.Đức Dhataraṭṭha (Trì Quốc Thiên Vương) ở hướng Đông núi Tu Di (Sineru), là người cai quản nhóm Gandhabba (Càn Thát Bà).

2. Đức Viruḷhaka (Tăng Trưởng Thiên Vương), ở hướng Nam Núi Tu Di (Sineru), là người cai quản nhóm Kumbhaṇḍa (Chư Thiên bụng to).

3. Đức Virūpakkha (Quãng Mục Thiên Vương), ở hướng Tây núi Tu Di (Sineru), là người cai quản loài Rồng (Nāga).

4. Đức Kuvera hay Đức Vessuvaṇṇa (Đa Văn Thiên Vương), ở hướng Bắc núi Núi Tu Di (Sineru), là người cai quản nhóm Yakkha (Dạ Xoa).

- Bốn vị Thiên vương ấy ngự ở bốn hướng của núi Tu Di (Sineru).

- Bốn vị Thiên vương này cũng là bậc hộ trì nhân giới cho nên được gọi là CatulokApāla - Tứ Hộ Thế.

- Như trong Aṭṭhakathā có ghi rằng: Đối với bậc trí có sự hiểu biết về thế gian, gọi bốn vị hộ thế này là Inda, Yama, Varuna, Kuvera.

Đây là lý do khi mình làm phước, mình hồi hướng cho Chư Thiên Tứ Đại Thiên Vương, Chư Thiên Đế Thích. Vì chính các vị này hộ trì cho Trái đất của chúng ta được bình an, vậy nên để

biết ơn thì mình nên hồi hướng cho Tứ Đại Thiên Vương và chư Thiên Đao Lợi.

❖ Chỗ Tứ Đại Thiên Vương cai quản nằm khoảng giữa núi Tu Di (Sineru) ngang đỉnh Yugandhara trở xuống Đại châu, nơi trú của nhân loại. Và phạm vi cao bằng núi Yugandhara, lan rộng cho đến Cakkavāḷa và núi Sattapabba, cùng khắp cả Đại dương. Phạm vi mà Tứ Đại Thiên Vương cai quản đó gọi là cõi Tứ Đại Thiên Vương.

❖ **Tất cả Chư Thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương được gọi là Chư Thiên Tùy Tùng (Cātumahārājika).** Đó là:

1. Pabbataṭṭhadevatā: Chư Thiên ngự ở núi.

2. Ākāsaṭṭhadevatā: Chư Thiên ngự trên hư không.

3. Khiḍḍāpadosikadevatā: Chư Thiên ở nơi say mê dục lạc, quên dùng vật thực rồi chết.

4.Manopadosikadevatā: Chư Thiên chỗ chết do sự sân hận.

5. Sītavalāhakadevatā: Chư Thiên làm mưa.

6. Uṇhavakāhakadevatā: Chư Thiên làm Trời nóng.

7. Candimadevaputtadevatā: Chư Thiên trú trong mặt trăng.

8. Suriyadevaputtadevatā: Chư Thiên trú trong mặt Trời.

- Tất cả Chư Thiên trong cõi Tứ Đại Thiên Vương này đều là tùy tùng, dưới quyền lực của Tứ Đại Thiên Vương và có nhiệm vụ phục vụ cho Tứ Đại Thiên Vương.

- Chư Thiên Tùy Tùng của Tứ Đại Thiên Vương gồm những vị hầu cận, tùy tùng, làm việc cho các vị Tứ Đại Thiên Vương. Là các vị Thiên ngự ở núi, ngự trong hư không. Họ có những lâu đài của họ, tùy vào phước của mỗi vị mà có lâu đài lớn nhỏ khác nhau.

- Trong những vị hầu chư Thiên Tứ Đại Thiên Vương thì có chư Thiên say mê dục lạc, đắm trong dục lạc xong rồi chết. Có chư Thiên chết do sân hận.

- Chư Thiên làm mưa, chư Thiên làm Trời nóng, chư Thiên trú trong mặt trăng, chư Thiên trú trong mặt Trời. Có những chuyện thời tiết, không có liên quan đến tâm linh, mà chỉ là chuyện của đất nước gió lửa, của thiên nhiên. Nhưng có một

số trường hợp nghiệp của chúng sanh ở đó kết hợp với cộng nghiệp của chúng sanh nơi đó, số trường hợp là chư Thiên họ có thần lực, nó khiến cho nơi đó thường chịu ảnh hưởng của thời tiết. Một vài vị Thiên còn có thần lực, tác động xảy ra dịch bệnh hay thiên tai. Nói đến đây để mình hiểu thêm có những hiện tượng, vấn đề ẩn khuất phía sau.

- Thầy kể quý vị nghe câu một chuyện. Một lần, có một vị Vua thấy trong đất nước của mình không có mưa. Rồi ông cho người đi xét lại tại sao lâu quá rồi trong đất nước của mình lại không có mưa? Khi người ta đi tìm lý do tại sao Trời không mưa, thì đó là do có một vị tiên nhân, gọi là người tu tập, ông tu thiền trên núi. Khi đó ông nhập thiền ở một chòi tranh không được che đầy đủ, mưa sẽ tạt vào. Vậy nên chư Thiên mới thấy được điều đó nên đã bảo hộ làm cho ở chỗ đó không có mưa.

❖ Ba hạng Chư Thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương là:

1. Bhummaṭṭhadevatā: Chư Thiên ở địa cầu.

- Là Chư Thiên nương ngụ theo các nơi khác nhau như núi, sông, đại dương, dưới đất, nhà, tháp, đền, miếu, ngọ môn...

- Tứ Đại Thiên Vương và một số chư Thiên ở quanh khoảng giữa núi Tu Di (Sineru), có thiên

cung riêng. Chư Thiên địa cầu không có thiên cung riêng, nếu vị ấy nương ngụ ở chùa, nhà, núi,...cũng chấp rằng nơi ấy là cung điện của mình.

2. Rukkhaṭṭhadevatā: Chư Thiên ở trên cây. Có hai hạng là:

- Hạng ở trên cây, nhưng không có thiên cung. Như trong Sāratthadīpanīṭīkā có nêu rằng, gọi là Mộc Thiên cung, nghĩa là cung điện hiện khởi trên ngọn cây ấy, gọi là Rukkha|vimāna (vì được gắn liền với cây); còn sākhaṭṭha|vimāna ấy là chỗ cung điện nương an lập trên các cành cây.

- Hạng ở trên cây, nhưng có thiên cung.

Với con mắt của mình, mình không thấy nhưng quý vị hiểu, giống như ai đó vào phá nhà mình, mình sẽ không chịu được thì đây là cung điện của chư Thiên, là nhà của chư Thiên mà mình lại phát cây đó. Nếu vị Thiên đó có đức tin, có pháp thiện thì họ đi qua chỗ khác thì không sao. Nhưng không phải chư thiên Dạ Xoa nào họ cũng có đức tin nơi Tam Bảo. Họ có thể khởi tâm sân là sẽ có chuyện, nên rất nhiều trường hợp chặt phá mấy cây lớn là có chuyện xảy ra rất nhiều.

Có những vị Thiên, ngạ quỷ, Dạ xoa hoặc những phi nhân họ ở trên cây. Cho nên không chỉ trong Phật Pháp mà trong đời sống, ông bà xưa thường dạy những cây lớn mình cũng hạn chế đụng vào, dễ sinh chuyện không tốt. Vì đôi lúc đó là chỗ trú ngụ của một vị Thiên, hay ngạ quỷ, Dạ Xoa hoặc của một Càn-thát-bà, Cưu-bàn-trà nào đó.

Thời Đức Phật, có một câu chuyện và cũng là lý do mà Phật chế giới luật là không cho quý Thầy chặt cây. Chuyện kể có vị Tỳ-kheo dựng một cái thất nên đã chặt những nhánh cây. Lúc chặt nhánh cây thì đụng tới chỗ đó, là chỗ ở của hai mẹ con một vị thiên Dạ Xoa. Điều này làm cho hai mẹ con sân giận lên và đặc biệt là người mẹ khởi tâm sân định não hại vị Tỳ-kheo này. (Não hại tức là dùng thần lực làm cho vị Tỳ-kheo này bị điều gì đó). Khi đó một vị Thiên khác khuyên không nên làm như vậy, sẽ thành cái lệ xấu, có gì tới thưa với Đức Phật. Hai mẹ con của vị dạ xoa này mới tới thưa với Đức Phật về chuyện bị vị Tỳ-kheo chặt cành cây vào đúng chỗ ở trên cái cây của vị này. Sau đó Đức Phật dạy là không cho Tỳ-kheo chặt cây.

Vậy nên ở chùa, mỗi lần cần chặt cây gì, đặc biệt là những cây lớn là phải xin phép, nếu các

vị ở cây này thì các vị nhường cho chùa để làm việc gì đó, xin mời quý vị nương ở qua cây bên cạnh.

3. Ākāsataṭṭhadevatā: Chư Thiên ngự nơi hư không.

- Hạng Chư Thiên này có thiên cung riêng của mình như mặt Trời, mặt Trăng và tất cả những vì sao mà chúng ta thấy, chính là thiên cung của các Ākāsaṭṭhadevata. Cả trong lẫn ngoài, thiên cung ấy đều có liên hệ với bảy loại báu, phát sanh lên do mãnh lực của hạnh nghiệp.

- Bảy loại báu là: ngọc bích, ngọc trai, san hô, ngọc manī, ngọc lưu ly, bạc và vàng. Tùy theo thiên hạnh, phước báu của vị ấy, thiên cung liên hệ với hai báu, hoặc ba báu, hoặc bốn, năm, sáu hay cả bảy báu. Các thiên cung này thường vẫn quanh núi Tu Di (Sineru).

❖ **Chư Thiên Tứ Đại Thiên Vương có tâm hung dữ có 4 loại:**

1. Yakkho, yakkhinī: Dạ Xoa nam, Dạ Xoa nữ.

Có hai loại là:

- Chư Thiên Dạ Xoa là hạng có thân hình xinh đẹp và có hào quang, là loại chúng sanh không phải người.

- Bàng sanh Dạ Xoa là loại Dạ Xoa có thân hình thô xấu, khả ố, không có hào quang.

Chư Thiên Dạ Xoa đôi lúc cũng có tâm bức hại chúng sanh, có tâm vui thích trong sự não hại chúng sanh. Khi ấy liền hóa thành quỷ sứ, đi xuống hành tội chúng sanh địa ngục theo sở thích của mình, hoặc khi khởi tâm muốn ăn thịt chúng sanh địa ngục, liền hóa thành kền kền Dạ Xoa, quạ Dạ Xoa, chó Dạ Xoa đến bắt chúng sanh địa ngục ăn thịt.

Chư Thiên Dạ Xoa ở dưới quyền cai quản của Đức Kuvera hay Vessuvaṇṇa (Đa Văn Thiên Vương).

2. Gandhabbo, gandhabbī: Nam Càn Thát Bà, nữ Càn Thát Bà.

a) Là Chư Thiên sanh ra ở trong cây có mùi hương và nương ngụ tại nơi ấy, khi cây ấy bị hư mục hay bị người đến mang về làm nhà, làm tàu,... cũng mặc kệ, Càn Thát Bà ấy vẫn không chịu rời bỏ trú xứ ấy, vẫn nương mãi cây ấy.

Đôi lúc mình không biết, mình đem một cái cây nào đó, đặc biệt là cây có mùi thơm về, mình làm nhà, làm giường, làm tủ. Và vị Càn Thát Bà này chấp vào đó, vị đó đi theo về nhà là có chuyện. Tối mình ngủ hay bị bóng đè, có thể mình ngủ mình nghe có tiếng cọt kẹt hay tiếng gì đó, hoặc vị này có thần lực hiện ra hoặc phá mình có chuyện lục đục trong nhà. Không phải chuyện bóng đè nào cũng do tâm linh, có những chuyện là do tác động của các vị Càn Thát Bà này. Nó xảy ra đủ thứ chuyện lục đục khi mình đem một cây nào đó mà có mùi thơm về trong nhà, dĩ nhiên là không phải cây nào cũng vậy

Vì thế, nhà nào hay ghe thuyền nào có Gandhabba nương ngụ, thường có sự quấy phá hoặc hiện hình ra cho người sống thấy, mang đến sự tai hại cho những người sống nơi ấy như gây bệnh, gây tổn hại tài sản của những người ấy,...Tức là có một số họ phá hoại, gây bệnh não hại, lục đục...

Có 10 hạng Gandhabba sanh ra từ cây có mùi hương là:

1-Mūlagandhabba: Càn Thát Bà sanh trong rễ cây.

2- Kandagandhabba: Càn Thát Bà sanh trong gốc cây.

3- Sāragandhabba: Càn Thát Bà sanh trong lõi cây.

4- Pheggugandhabba: Càn Thát Bà sanh trong giác cây.

5- Tacagandhabba: Càn Thát Bà sanh trong vỏ cây.

6- Papatikagandhabba: Càn Thát Bà sanh trong vỏ ngoài .

7- Saragandhabba: Càn Thát Bà sanh trong nước thơm.

8-Dannagandhabba: Càn Thát Bà sanh trong lá cây.

9- Pupphagandhabba: Càn Thát Bà sanh trong hoa, bông.

10- Phalagandhabba: Càn Thát Bà sanh trong quả, trái cây.

Sự khác biệt giữa chỗ nương ngụ của Gandhabba và Rukkhattha (Chư Thiên trên cây): Chư Thiên Rukkhattha có sự nương ngụ nơi cây giống như Chư Thiên Gandhabba, nhưng khác

nhau trong việc nương, tức là Chư Thiên Rukkhattha tuy nương ngụ nơi cây, nhưng nếu cây ấy bị gió thổi ngã, hay bị đốn đi, thì Chư Thiên Rukkhattha sẽ dời đi nơi khác, còn Chư Thiên Gandhabba thì sẽ không bỏ trú xứ như đã trình bày. Tùy theo nghiệp lực của chúng sanh, nó dẫn ra đủ thứ chuyện, chuyện gì nó cũng có thể xảy ra trong đời.

b) Hạng Gandhabba sanh lên trong thân nhân loại:

- Có hạng nữ Càn Thát Bà thường tạo nghiệp bất thiện trong quá khứ, nên tái sanh trong thân người nữ. Hạng nữ Gandhabba này, trong kinh Vệ Đà gọi là Yoginī. Người nữ là nơi ngụ của Gandhabba ấy, cũng được gọi là Yoginī, mà người đời gọi là ma nhập (hay đồng cốt).

- Nhóm bị Gandhabba đến nương nhập khi còn trong thai mẹ.

- Nhóm bị Gandhabba đến nương nhập khi phát sanh sự bất bình với người nào đó, khi có dịp thích hợp sẽ nhập vào. Người nữ bị nhập vào đã lớn, trưởng thành rồi, người này có thể khiến Gandhabba đang nương nơi thân mình, đi hãm hại người thù của mình khi có cơ hội thuận lợi. Người

nữ bị Gandhabba nhập vào lúc bình thường thì khác, nhưng nếu nhập vào lúc ngày trăng rằm, do mãnh lực Gandhabba nhập trong thân, nữ nhân ấy ban ngày không đi tìm mà nửa đêm đi tìm vật thực, trong lúc đi tìm vật thực, cũng có ánh sáng phát ra từ thân, do thần lực của Gandhabba. Vì thế, hạng này có tên là Junhā (nghĩa là Chư Thiên có ánh sáng) hay tên là Yoginī, Junhā (nghĩa là ma nhập). Cả ba từ này đều có nghĩa giống nhau, tất cả đều là Càn Thát Bà nói trên.

Chư Thiên Gandhabba ở dưới quyền cai quản của Đức Dhataraṭṭha (Trì Quốc Thiện Vương).

3. Kumbhaṇḍo, kumbhaṇḍī: Nam Cưu Bàn Trà, nữ Cưu Bàn Trà.

Đây là hạng Chư Thiên có bụng to, mắt đỏ lộ to. Chư Thiên Kumbhaṇḍa có hai trú xứ là cõi người và cõi địa ngục.

- Kumbhaṇḍadevatā ở cõi người có nhiệm vụ bảo vệ rừng, núi, cây cối, ao hồ, sông, tháp Phật, ngọc báu, cây thuốc quý, cây có mùi hương như núi Vepulla có ngọc Māṇi, cây xoài chỗ có tên Abhantara. Nơi được Kumbhaṇḍa bảo vệ, nếu có ai xâm nhập vào khu vực không được Tứ Thiên

Vương cho phép, thì Kumbhaṇḍa được quyền bắt lấy ăn thịt mặc dù vô tội. Chư Thiên bảo hộ các báu vật như ngọc Māṇi ... nếu có ai đến lấy thường bắt lấy người ăn thịt gọi là ác quỷ.

- Kumbhaṇḍa ở địa ngục, chính là quỷ sứ cai ngục (NirayApāla), ác quỷ quạ, ác quỷ chó, ác quỉ kền kền, có nhiệm vụ hành tội chúng sanh địa ngục và bắt chúng ăn thịt.

Chư Thiên Kumbhaṇḍa ở dưới sự cai quản của Đức Viruḷhaka (Tăng Trưởng Thiên Vương).

4. *Nāgadevatā (Long Vương): Nāgo (Long vương nam) và Nāgī (Long vương nữ)*

- Chư Thiên này cũng có hai trú xứ là: Ở dưới đất và ở dưới núi. Nāgadevatā nương hai trú xứ này có tên là Pathavīdevatā.

- Các Nāgadevatā này, đôi lúc cũng có sự hân hoan, vui thích với các trò chơi, và trong lúc Nāgadevatā đang đùa giỡn, có khi làm rung chuyển địa cầu. Nhưng không phải quả địa cầu rung động đều là do sự chơi giỡn của Long Vương, vì có nhiều nguyên nhân khiến quả địa cầu rung chuyển. Sau khi Đức Phật đản sanh, thành đạo, Niết-bàn, Phật thuyết những bài Kinh quan trọng thì quả địa cầu cũng có sự rung lắc.

- Các Nāgadevatā này khi du hành trong cõi người, có khi đi nguyên hình Rồng, có khi hóa thân thành người, thành chó, thành cọp, thành sư tử.

- Nāgadevatā cũng có loại thích hành hạ tội nhân như nhóm Yakkhadevatā và Kumbhaṇḍadevatā. Khi đi xuống địa ngục để hành tội chúng sanh địa ngục, Nāgadevatā cũng hiện thành kên kên, quạ, chó rồi bắt chúng ăn thịt.

- Nāgadevatā ở dưới sự cai quản của Đức Virūpakkha (Quãng Mục Thiên Vương).

Chư Thiên Tứ Đại Thiên Vương có tâm hung dữ có bốn hạng, những hạng này không chỉ não hại chúng sanh khác, thậm chí đến đồng loại cũng có sự bức hại lẫn nhau, vì thế Tứ Đại Thiên Vương mới sắp xếp người cầm đầu, để ngăn chặn không cho não hại chúng sanh khác và tranh cãi lẫn nhau.

Đôi khi trong cõi người, có sự chết do bệnh dịch quá nhiều nếu người sắp chết đặt tế lễ cúng dường đến Tứ Đại Thiên Vương thì nơi có tai họa ấy cũng từ từ giảm xuống, như trong Petavatthu có ghi rằng: *"Tứ Đại Thiên Vương là Đức Kuvera, Dhataraṭṭha, Vīrūpakkha, Viruḷhaka này có danh*

tiếng và tùy tùng nhiều, là người hộ trì nhân loại, người nào cúng dường người ấy sẽ được quả an lạc."

Tổng kết lại, Chư Thiên trong cõi Tứ Đại Thiên Vương có nhiều loại, có nhóm có thân hình xinh đẹp, có nhóm thì thân hình thô xấu, có nhóm có đức tin với Phật giáo, có nhóm thì không, có nhóm thích bức hại chúng sanh khác, có nhóm lại hộ trì người, hộ trì Phật giáo, hộ trì thế gian, gìn giữ các chỗ, gìn giữ báu vật,...

Quý Phật tử vào chùa, quý vị có làm gì sai thì Phật, Bồ Tát và các bậc Thánh không ai phạt mình. Cứ nhớ liên quan đến Tam Bảo, Đức Phật, Bồ Tát hay các bậc Thánh Tăng, do các Ngài không còn tâm sân, là thánh thiện, hết phiền não, các Ngài đối với mình bằng tâm từ nên không có chuyện các Ngài phạt mình. Mình làm sai, mình chịu theo luật nhân quả, trong Phật Pháp không có phạt.

Cõi Tứ Đại Thiên Vương không phải chư Thiên nào cũng hiền, có những vị Thiên rất dữ. Nên chuyện gì đụng đến chư thiên hoặc đụng đến các vị Dạ Xoa, mà các vị đó còn cái tâm hung dữ là coi chừng sinh ra đủ thứ chuyện rắc rối.

Đọc tới đây mới thấy cuộc đời này đủ thứ chuyện duyên nghiệp khổ lắm, nó dẫn mình vào tái sanh chỗ này chỗ kia, con này con kia, Dạ Xoa này Dạ Xoa kia, Càn Thát Bà hay Cưu Bàn Trà,….

2. CÕI ĐAO LỢI (CÕI TAM THẬP TAM THIÊN)

Đây là bài Kinh Thầy từng giảng trong bài pháp: ‘‘Niệm Ân Đức Phật’’. Đó là bài Kinh Ngọn Cờ hay còn gọi Kinh Đầu Ngọn Cờ trong Kinh Tương Ưng Bộ Tập 1

“Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇdika. Rồi Thế Tôn gọi các Tỳ kheo:

- Này các Tỷ-kheo!

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, một cuộc chiến dữ dội khởi lên giữa chư Thiên và các Asūra. Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi Chư Thiên ở Tam thập tam thiên: “Này thân hữu, khi các ông lâm chiến, nếu sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên; lúc ấy, các ông hãy nhìn nơi đầu ngọn cờ của ta. Khi các ông nhìn lên đầu

ngọn cờ của ta, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược sẽ tiêu diệt. Nếu các ông không ngó lên đầu ngọn cờ của ta, thời hãy ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Pajāpati. Khi các ông ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Pajāpati, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên, cũng sẽ tiêu diệt. Nếu các ông không ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Pajàpati, hãy ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Varuna. Khi các ông ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Varuna, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên cũng sẽ tiêu diệt. Nếu các ông không ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Varuna, hãy ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Isàna. Khi các ông ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Isàna, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên, cũng sẽ tiêu diệt."

- Này các Tỷ-kheo, khi họ nhìn lên đầu ngọn cờ của Thiên chủ Sakka, hay khi họ nhìn lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Pajāpati, hay khi họ nhìn lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Varuna, hay khi họ nhìn lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Isàna, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược được khởi lên, có thể sẽ biến diệt và sẽ không biến diệt. Vì cớ sao? Này các Tỳ kheo, vì Thiên chủ Sakka chưa đoạn diệt tham, chưa đoạn

diệt sân, chưa đoạn diệt si, còn nhát gan, hoảng hốt, hoảng sợ, hoảng chạy.

- Và này các Tỳ kheo, Ta nói như sau: Này các Tỳ kheo, khi các Ông đi vào rừng, đi đến gốc cây hay đi đến nhà trống, nếu run sợ, hoảng hốt, hay lông tóc dựng ngược có khởi lên, trong khi ấy hãy niệm nhớ đến Ta: "Ngài là Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn". Này các Tỳ kheo, khi các Ông niệm nhớ đến Ta, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên, sẽ được tiêu diệt.

- Nếu các Ông không niệm nhớ đến Ta, hãy niệm nhớ đến Pháp: "Đây là Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, do người trí tự mình giác hiểu." Này các Tỳ kheo, khi các Ông niệm nhớ đến Pháp, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên sẽ tiêu diệt.

- Nếu các Ông không niệm nhớ đến Pháp, hãy niệm nhớ đến chúng Tăng: "Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Thiện hạnh; chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Trực hạnh; chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Chánh hạnh; chúng Tăng đệ tử Thế

Tôn là bậc Như pháp hạnh, tức là bốn đôi, tám chúng. Chúng Tăng đệ tử này của Thế Tôn đáng được cúng dường, đáng được hiến dâng, đáng được bố thí, đáng được chấp tay, là vô thượng phước điền ở trên đời." Này các Tỳ kheo, khi các Ông niệm nhớ đến chúng Tăng, thời sợ hãi, hoảng hốt, hay lông tóc dựng ngược có khởi lên sẽ tiêu diệt.

- Vì sao? Này các Tỳ kheo, Như Lai, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri đã ly tham, ly sân, ly si, không nhát gan, không hoảng hốt, không hoảng sợ, không hoảng chạy. Thế Tôn nói như vậy, Thiện Thệ nói vậy xong, bậc Đạo Sư nói tiếp: Này các vị Tỷ-kheo, Trong rừng hay gốc cây, Hay tại căn nhà trống, Hãy niệm bậc Chánh Giác. Các Ông có sợ hãi, Sợ hãi sẽ tiêu diệt. Nếu không tư niệm Phật, Tối thượng chủ ở đời, Và cũng là Ngưu vương, Trong thế giới loài Người, Vậy hãy tư niệm Pháp, Hướng thượng, khéo tuyên thuyết. Nếu không tư niệm Pháp, Hướng thượng, khéo tuyên thuyết, Vậy hãy tư niệm Tăng, là phước điền vô thượng. Vậy này các Tỳ kheo, Như vậy tư niệm Phật, tư niệm Pháp và Tăng, Sợ hãi hay hoảng hốt, Hay lông tóc dựng ngược, Không bao giờ khởi lên."

(Trích Kinh Tương Ưng Bộ Tập 1– Chương 11: Tương Ưng Sakka - Phẩm Thứ Nhất –Đầu Ngọn Cờ (Dhajaggam))

Đức Phật nói vị phước đức nhất lớn nhất ở cõi người của mình là vua Chuyển Luân Vương, cai trị bằng đạo đức, đời sống không thiếu một cái gì. So với chư Thiên Đao Lợi thì sự an lạc của vua Chuyển Luân Vương chỉ như hạt sạn nhỏ. Nghĩa là ở cõi chư thiên Đao Lợi này rất là an lạc.

Trong Kinh Đại Bát Niết Bàn có một đoạn Đức Phật nói với những thanh niên Licchavi. Hãy nhìn về dân Lichavi để biết về Thiên chúng Đao Lợi, tức là những người dân ở đó có những phước tướng gì khi nhìn trên đó để biết được chư thiên Đao Lợi đẹp như thế nào.

Cõi thứ thứ 2 trong cõi Trời Dục Giới là cõi Đao Lợi, còn gọi là Tettiṃsa, có nghĩa là Chỗ sanh lên của 33 người. Nguyên nhân khiến phát sanh lên cõi Trời ấy là Tāvatiṃsa, có câu chuyện được tóm lược như sau:

Thuở quá khứ có một khu làng tên là Macalagāma. Trong làng này có nhóm người tên là Garasahapuññakārī: Nhóm cùng tạo phước. Nhóm này gồm 33 thanh niên, có thanh niên

Māgha là trưởng nhóm. Ba mươi ba người này cùng nhau tạo con đường tốt đẹp trong khuôn viên làng ấy. Và khi con đường bị hư hoại, họ cùng nhau sửa, đắp lại cho tốt đẹp, mang lại sự thoải mái, an lạc cho những người qua lại, cất một ngôi nhà, chứa đầy nước trong lu để người đi đường có nơi trú, có nước để giải khát, tắm rửa,... cất một Sālā tại ngã tư đường lớn cho những người lỡ đường trú ngụ qua đêm. Về sau, cả 33 chàng lại kiến tạo một phước xá bố thí vật thực đến những người hành khất, kẻ nghèo khó,... Khi mệnh chung, cả 33 người đều thọ sanh lên tầng Trời thứ hai – cõi Đao Lợi

Thanh niên Māgha ấy trở thành Đức Đế Thích, 32 chàng trai trở thành 32 vị Thiên chủ có đại uy lực, tên là Pajāpati, Varuna, Esāna... Do nhân đó, cõi Trời này mới có tên là Tettiṃsa (Chỗ sanh lên của 33 người)

Đế Thích hay gọi là vua Trời Đế Thích, thế gian gọi là Ngọc Hoàng thượng đế, vị này cai quản cõi Đao Lợi, vua Trời Đế Thích có bốn bà vợ. Trong tiền kiếp, tức lúc ông chưa lên cõi Trời, ông làm phước rất nhiều. Ba bà vợ của ông thì ủng hộ ông làm phước, duy chỉ có bà thứ tư là không ủng hộ ông, thiết nghĩ "của chồng công vợ", anh làm cũng như em nên bà không làm, bà suốt ngày lo

trang điểm. Sau khi bà chết thì tái sanh làm con cò. Đế Thích và ba bà vợ kia tái sanh lên cõi Trời Đao Lợi thì ông không thấy bà vợ thứ tư. Ông thương bà vợ thứ tư lắm, ông dùng thần thông xuống, ông nói con cò phải giữ giới. Con cò thì hay ăn cá, cò nói giờ giữ giới chết đói thì sao. Ông nói ăn cá chết đi, thì nó đợi cá chết nó mới ăn. Sau đó tái sanh làm kiếp cô gái rồi lên cung Trời Đao Lợi. Đế Thích là vị có những câu hỏi rất hay trong Kinh Đế Thích Sở Vấn và là bậc Thánh Sơ quả ở cõi Đao Lợi.

❖ Khoảng cách các tầng Trời Dục giới

Từ đỉnh núi Tu Di (Sineru) là cõi Đạo-lợi này đo thẳng xuống đến tầng Tứ Đại Thiên Vương là 42.000 do tuần. Từ tầng Tứ Đại Thiên Vương xuống đến cõi nhân loại cũng là 42.000 do tuần. Tổng cộng chiều cao từ đỉnh núi xuống đến nhân giới là 84.000 do tuần.

Khoảng cách từ Đạo Lợi đến cung Dạ Ma Thiên, từ Dạ Ma Thiên đến Đâu Suất Thiên, từ Đâu Suất Thiên đến Hóa Lạc Thiên, từ Hóa Lạc Thiên đến Tha Hóa Tự Tại Thiên. Cả năm tầng này có khoảng cách như nhau là 42.000 do tuần.

❖ Chu Vi

Trên đỉnh núi Tu Di (Sineru) có hình tròn, rộng 84.000 do tuần, bằng với chiều cao núi, chính giữa đỉnh núi là kinh thành Sudassana (Thiện-kiến), rộng 10.000 do tuần, bốn phía được bao bọc bởi tường thành, mỗi hướng có 250 cửa thành. Tổng cộng có 1000 cửa thành.

Phần đất trên đỉnh núi Tu Di sơn thành tựu với bảy loại ngọc báu, còn bốn mặt của núi Tu Di : hướng Đông là bạc, hướng Bắc là vàng, hướng Tây là ngọc pha lê, hướng Nam là ngọc bích. Cho nên chư Thiên ở tầng này chân không hề chạm đất.

❖ Màu Nước, Lá Cây, Màu Mây

Màu nước trong đại dương, màu mây, màu bầu Trời, màu lá cây của của bốn đại châu sẽ có màu nương từ ánh sáng nơi triền núi Tu Di, tức là do ánh sáng của vật báu nơi hướng núi Tu Di ấy, khiến ảnh hưởng màu đến đại châu đó.

- Nam Thiện Bộ châu là cõi của mình hay còn gọi là cõi Ta Bà, nằm theo hướng Nam của núi Tu Di, triền núi là ngọc bích, nên màu nước đại dương, màu lá cây, bầu Trời do ảnh hưởng ánh sáng ngọc bích này chiếu rọi xuống nên hiện thành màu xanh.

- Bắc Câu Lưu châu thì nước trong đại dương, màu lá cây, màu bầu Trời có màu vàng, vì triền núi hướng Bắc của núi Tu Di (Sineru) bằng vàng.

- Đông Thắng Thần châu có màu nước đại dương, màu bầu Trời, màu lá cây là trắng vì triền núi hướng Đông Tu Di sơn bằng bạc.

- Tây Ngưu Hóa châu, màu nước đại dương, màu bầu Trời, màu lá cây có màu ngọc pha lê, vì triền núi hướng Tây núi Tu Di (Sineru) là ngọc pha lê.

Đây là lý do trả lời cho câu hỏi: " Tại sao ở cõi người của mình, màu nước, lá cây, màu mây là có màu xanh ?" Trả lời theo khoa học thì quý vị đã có cách trả lời, còn đây là cách trả lời theo Phật giáo. Giống như thuyết tiến hóa ngoài đời, con người là tiến hóa từ khỉ lên; còn trong Phật pháp, người xuất hiện đầu tiên ở Trái đất, trong Kinh Khởi Thế Nhân Bổn có nói, những vị xuất hiện đầu tiên ở cõi người đó chính là các vị thiên ở cõi Quang Âm Thiên.

Học Phật giáo có cái nhìn của Phật giáo, còn khoa học có cái nhìn của khoa học. Vậy giải thích theo Phật giáo, tại sao màu nước, màu lá cây, màu mây lại màu xanh? Bởi vì màu nước trong đại dương của 4 đại châu, màu mây, bầu Trời, màu lá cây của đại dương của đại châu đó sẽ có màu nương từ ánh sáng nơi triền núi Tu Di, tức do ánh

sáng của vật báu nơi núi Tu Di ấy, khiến ảnh hưởng đến đại châu đó.

❖ Hai hạng chư Thiên Đao Lợi:

1.Bhummaṭṭhadevatā là Đức Đế Thích, 32 vị Đại Thiên Chủ cùng Thiên chúng tùy tùng trên đỉnh Tu Di (Sineru). Năm hạng Deva asura ở dưới núi Tu Di cũng được xếp vào Bhummaṭṭhadevatā.

2.Ākāsaṭṭhadevatā là Chư Thiên ở trong thiên cung trôi giữa hư không, kể từ đỉnh núi Tu Di suốt đến ranh giới Cakkavāḷa, có một số thiên cung còn trống chưa có vị Thiên tử nào ngự. Số thiên cung và số người hầu hạ tùy thuộc vào phước của mỗi vị.

❖ Thiên Sản

Thiên sản là tài sản của chư Thiên. Còn nhà cửa, xe cộ, vàng bạc,...là tài sản của cõi người.

- *Ở giữa kinh thành Sudassana* có cung điện Vejayanta (Chiến Thắng Điện), là trú xứ của Đức Đế Thích.

- *Hướng Đông thành phố Sudassana* là vườn hoa Nanda, rộng 100 do tuần, trong vườn có hai

hồ nước là Mahānandā và Cūḷanandā. Quanh khuôn viên và ranh bờ hồ được lát đá, đá lát quanh khuôn viên và bờ hồ nào thì đá ấy được gọi tên theo tên hồ ấy. Vườn Nanda tức là Vườn hoan hỉ. Chư thiên Đao Lợi nói với nhau lên tới Đao Lợi mà chưa vào vườn Nanda, coi như chưa vào Đao Lợi.

Sự xinh đẹp đa dạng và sự an lạc thuộc Thiên sản trong cõi Tam thập tam này, không thể kể cho hết được, các tài sản trong nhân giới, dù là tài sản của vua Chuyễn Luân Vương, hoặc vua chúa, Trưởng giả, gia chủ,... không thể so sánh với tài sản Chư Thiên được. Các cảnh khả ái trong cõi Tam thập tam thiên như cảnh khả ái trong vườn Nanda là cảnh tuyệt diệu hơn hẳn các cảnh đẹp khác trong cõi Tam thập tam thiên.

Vì rằng khi vị Thiên nhân nào phát sanh sự sầu muộn do thấy được 5 hiện tượng báo tử phát sanh đến mình, vị Thiên nhân ấy đi vào vườn Nanda, sự ưu bi về cái chết sắp đến không còn nữa. Vì thế, nhân loại hay Thiên nhân nào chưa đi đến vườn Nanda, thì người ấy được xem như chưa biết lạc tối thắng trong cõi Tam thập tam thiên. Nghĩa là những người nào chưa từng đi đến vườn Nanda, là nơi giải trí của tất cả Thiên nam và Thiên nữ, dù là những người có phước, có sự xinh đẹp, có tùy tùng nhiều trong cõi Tam thập tam

thiên này, người ấy được gọi là người chưa tròn đủ với sự hưởng lạc trong ngũ dục, có trong cõi Trời này.

Lại nữa, vườn Nanda này không phải chỉ ở cõi Tam thập tam thiên mới có, mà ở cõi khác cũng có như thế. Và sở dĩ vườn ấy có tên là Nanda, vì rằng chỗ ấy khả hỷ.

- *Hướng Tây thành phố Sudassana* có vườn Cittalatā rộng 500 do tuần, có hai hồ nước là Vicittā và Cūḷacittā. Trong vườn Cittalatā có dây leo tên là Āsāvatī, 1000 năm cõi Tam thập tam thiên mới có trái 1 lần, bên trong là nước gọi là Thiên thủy hay rượu Trời của cõi Tam thập tam thiên. Vị Thiên nào uống nước ấy sẽ khiến cho say sưa, thần lực của loại nước ấy làm cho ngủ suốt thời gian là 4 tháng mới hết say. Nghĩa là dây leo Trời gọi là Āsāvati này có trong vườn Cittalatā. Loại dây leo Trời này một ngàn năm mới có trái một lần. Bông của dây leo này cũng là Thiên hoa.

- *Hướng Nam thành phố Sudassana* có khu vườn tên là Phārusaka rộng 700 do tuần, có hai hồ nước là Bhaddhā và Subhaddā.

Cả bốn khu vườn này là nơi vui chơi khả ý của tất cả Chư Thiên trong tầng Đạo Lợi này.

- *Cạnh phía trên hướng Đông thành phố Sudassana*, có hai khu vườn là Puṇḍarika không

rộng lắm, khu vườn kia là Mahāvana rộng 700 do tuần. Vườn Puṇḍarika có cây Pāricchattaka (hoa tán lọng) với tán cây rộng 50 do tuần. Khi đến mùa trổ hoa, hương thơm tỏa ra đến 100 do tuần.

Sáu khu vườn trong cõi Tam thập tam thiên này đều có Thiên mộc. Mỗi khu vườn có 1000 Thiên mộc. Như trong Pāli có ghi rằng: "Taṃ paha dibbarukkhasahassapaṭimaṇḍitaṃ tathā nandavanaṃ phārusavannañca".

- Dưới cây Pāricchattaka là bảo tọa Paṇḍu kambala, bảo tọa này dài 60 do tuần, rộng 50 do tuần, cao 15 do tuần, có màu đỏ giống như hoa hồng (Japā), có trạng thái co giãn, tức là xọp xuống khi Đức Đế Thích ngự lên, và phồng lên khi Đức Đế Thích đứng dậy.

- Cạnh gần đó là giảng đường Sudhammā (Thiện pháp đường), là nơi Chư Thiên tụ hội nghe giảng Pháp. Vậy nên quý vị lên Đao Lợi thì nên nguyện xin gặp các bậc Thánh. Bởi nơi đây toàn là hưởng dục rất nhiều nhưng bậc Thánh cũng rất nhiều, vậy hãy xin vào được những nơi có chư Thiên nghe pháp, hành thiền, tu tập.

- Có một Bảo tháp tên là Cūḷamaṇi cao 100 do tuần, trong tháp có tôn trí thờ chiếc răng nhọn bên phải của Đức Thế Tôn, và tóc mà Ngài cắt bỏ lúc xuất gia.

Nơi Đức Phật chọn để tịch diệt Niết-bàn không phải là kinh thành hay phố thị phồn hoa, nơi mà có các vị đệ tử cư sĩ là Vua, quan, đại gia đã hộ độ Ngài mà Thế Tôn chọn khu rừng Sāla xứ Kusinārā xa xôi, hẻo lánh, đường xá khó đi. Có ba lý do Ngài chọn Kusinārā là nơi Ngài tịch diệt Niết-bàn:

1/ Đức Phật có cơ hội thuyết bài Kinh *Mahādassanasutta* (Kinh Thiện Kiến). Trước đây Kusinārā là kinh đô phồn hoa, tráng lệ, Thế Tôn thuyết về vô thường để khuyến khích dân chúng có đức tin trong sạch nơi Tam bảo và cố gắng hành thiện pháp.

2/ Đạo sĩ Tu-bạt-đà-la *(Subhadda)* là vị đệ tử cuối cùng của Đức Thế Tôn đang trú tại Kusinārā. Đây là hạng đệ tử mà chỉ có Ngài tế độ được, ngoài ra không có vị Thánh Thanh Văn đệ tử có khả năng tế độ vị đạo sĩ này.

3/ Chỉ có ông Bà-la-môn Doṇa đang ở Kusinārā mới có khả năng đứng ra làm trung gian phân chia Xá-lợi cho các nước lớn mà không gây ra tranh chấp, chiến tranh.

Bởi Phật biết nơi mà Ngài nằm xuống nếu như Ngài không khéo, không đúng chỗ thì các nước sẽ tranh giành Xá-lợi, sẽ diễn ra sự tranh chấp hơn thua, thậm chí là đấu tranh đẫm máu bởi họ đều

thương Phật, quý Phật lắm. Và ông Doṇa này đứng ra chia Xá-lợi làm 8 phần cho 8 nước. Trong lúc chia, ông thấy có một Xá-lợi Răng của Phật, ông mới giấu để trên mái tóc của ông. Lúc này chư thiên Đế Thích mới thấy thì xin được thỉnh Xá-lợi Răng này đem lên thờ trên cõi Đao Lợi. (*Nguồn tham khảo kinh: Đại Bát Niết Bàn – quyển 42: Phân chia Xá Lợi – phẩm Thứ Tư*)

Sau này quý vị nào có duyên được hưởng phước lên đó thì được lễ Xá-lợi Răng và Xá-lợi Tóc của Đức Phật.

- Lại nữa, vườn Mahāvana là nơi ngự hoan hỷ, khả ý của vua Trời Sakka, ở đây có hồ nước rộng 1 do tuần, tên là Sunandā và có đến 100 Thiên cung.

❖ Khả Ái Trong Cõi Tam Thập Tam Thiên

Khả ái trong cõi Tam thập tam thiên, tức là sự an lạc trong cõi Đao Lợi nó như thế nào? Chư Thiên nào sanh vào cõi Tam thập tam, là người được hưởng quả an lạc do tạo được trong đời quá khứ, vì thế các cảnh trong cõi Tam thập tam thiên này đều là các cảnh khả ái, Thiên nam thì có sắc thân trong lứa tuổi 20 cho đến trọn kiếp sống ấy, còn Thiên nữ thì có sắc tướng như lứa tuổi 16.

Sự già, tóc bạc, răng long, mắt mờ, tai lãng, da nhăn, bệnh hoạn. Những thứ này không hề có cho Chư Thiên ấy, chỉ có sự xinh đẹp như trai tơ, gái lứa mà thôi.

Sự bệnh hoạn, đau đớn về thân cũng không có. Sự thọ hưởng vật thực, đều là thượng vị tịnh thực.

Do vậy, sự đại tiện, tiểu tiện cũng không có nơi cõi này. Thiên nữ không có kinh nguyệt, không có thai bào. Riêng địa cư Thiên (ở địa cầu hay cõi Tứ Đại Thiên Vương) có một số vị thì giống như người, tức là giống như nữ nhân loại, cũng có kinh nguyệt, thai nghén.

Phước của chư Thiên nó khiến như vậy. Vậy muốn lên đây thì phải làm phước, có phước lắm mới được lên. Lên đây là đẹp như vậy đó, hưởng nhiều sự an lạc như vậy đó. Nhưng quý vị hãy nhớ mình lên đây mà không chọn vào chỗ có bậc Thánh thì sao mà tu tập được, chỉ có hưởng phước, hưởng xong hết phước rồi lại đi xuống.

❖ Thiên Tử, Hạnh Thê (Vợ Của Thiên Tử), Thiên Tử Phục Vụ

Thông thường thì Thiên nam hay Thiên nữ trong Thiên giới, con trai hay con gái được sanh

ra như nhân loại thì không có, gọi là con của vị Thiên tử ấy, do sanh từ nơi bắp vế của vị ấy.

Thiên nữ nào tái sanh làm vợ vị Thiên tử nào đó, sẽ sanh lên nơi ngủ, gọi là Túc hạnh thê.

Chư Thiên phục vụ cho việc trang điểm thì sanh lên trong phòng ngủ, nếu là người phục vụ thì sanh trong Thiên cung.

❖ Sự Sanh Của Tân Thiên Tử

Khi vị Thiên tử sanh lên trong bất luận Thiên cung của vị Thiên chủ nào, thì Thiên nam, Thiên nữ ấy xem như tùy tùng của Thiên cung chủ ấy, những Thiên cung chủ khác không thể tranh giành được.

Nếu vị tân Thiên tử sanh lên giữa ranh giới hai Thiên cung, thì các Thiên cung chủ sẽ khởi lên sự tranh luận để giành lấy vị tân Thiên tử ấy, làm sở hữu cho riêng mình. Nếu vấn đề không giải quyết được, hai (hay ba) Thiên cung chủ sẽ mang vị tân Thiên nhân mới sanh cùng nhau đi đến Đức Đế Thích, nhờ Ngài phân xử. Bây giờ, tân Thiên nhân ấy ở gần cung nào thì thuộc về vị Thiên chủ cung ấy. Nếu khoảng cách ranh giới đến Thiên cung bằng nhau, thì vị Thiên nhân mới sanh hướng về cung nào, sẽ thuộc về Thiên cung ấy.

Nếu vị tân Thiên nhân không hướng về Thiên cung nào cả, mà ngó lên Trời, Đức Kosiya sẽ phán quyết rằng: đó là của Ngài, để cắt đứt sự tranh chấp của các Chư Thiên.

❖ Chư Thiên và Vợ, Cung Điện

Một số vị Thiên chủ có đến 500 - 700 - 1000 Thiên nữ xinh đẹp là vợ (Túc hạnh thê). Cho nên lâu lâu quý vị cứ nghe vãng sanh lên cõi Trời có cả ngàn Thiên nữ, mình đừng có ngạc nhiên, đó là chuyện bình thường tại vì phước của vị đó ở chỗ đó có cả ngàn Thiên nữ hầu hạ. Có phước là vậy và không phải ai cũng được làm Thiên chủ ở đó. Có những Thiên chúng có khi là tùy tùng, có người là vợ, là con, chứ không phải vị Thiên nào cũng có cả ngàn Thiên nữ.

Như thế cho thấy rằng, có nhiều Thiên nhân cũng không có biệt cung, tức là có nhiều chư Thiên không có cung điện riêng. Chư Thiên cũng có nhiều loại, cũng như cõi người mình, "người ăn cả đời không hết, kẻ lần không ra". Có những người họ ở trong khách sạn một đêm thôi bằng người nghèo làm một đời không ra được. Một đời của người nghèo làm không dư được, không bằng số tiền của những người giàu ngủ một đêm, có

những bữa ăn của người giàu mà người nghèo làm cả một đời.

Từ đó mình suy ra tùy vào phước của mỗi vị mà hưởng lạc nhiều ít khác nhau. Trong Thiên giới cũng tương tự Nhân giới, cũng có sự tranh chấp lẫn nhau và cũng có người phán xử vụ tranh chấp ấy, đó là vua Trời Đế Thích (Đức Kosiya).

❖ Tình Yêu Nam Nữ

Chư Thiên nam, nữ trong cõi này cũng có sự đi tìm tình yêu lẫn nhau, giống như trong cõi người vì còn là cõi Dục giới.

Câu chuyện về vị Thiên tử Pañcasikha (Ngũ Kế đồng tử). Vị Thiên tử này đánh đàn rất hay, cây đàn có tên là Beluva, ca rất hay. Chàng thương yêu nàng Thiên nữ Suriyavacchasā, ái nữ của vị Đại tiên là Timbaru. Một hôm, Thiên tử Pañcasikha đến tìm Thiên nữ Suriyavacchasā và vừa đánh đàn vừa hát có ý nghĩa như vầy: Những phước báu nào mà tôi tạo được chân chánh nơi bậc Ứng-Cúng có đại ân đức. Xin cho những phước báu ấy thành tựu quả đến tôi cùng với nàng Thiên nữ kiều diễm Suriyavacchasā. Nhưng Thiên nữ Suriyavacchasā ấy đã thương yêu Thiên tử Sikhanti, là con trai của Thiên tử Mātali. Và khi

Thiên tử Pañcasikha giúp đỡ Thiên vương Sakka đến yết kiến Đức Thế Tôn. Ông đàn một bài hát rất Phật Pháp, rất hay và cũng rất đời do lúc đó ông đang thất tình. Đức Kosiya được Đức Thế Tôn đoạn nghị, Ngài đắc quả Dự-Lưu, Ngài nghĩ rằng: "*Thiên tử Pañcasikha là người tốt với ta, đã chân chánh tạo nhiều lợi ích đến ta"*. Ngài quyết định đưa nàng Suriyavacchasā đến cho Thiên tử Pañcasikha.

Một số Thiên nữ, mặc dù có Thiên cung riêng, nhưng bạn đời đã mất, khiến phát sanh sự chán nản trong cuộc đời của mình, không có sự hân hoan và tươi vui như những Thiên nữ có đôi bạn. Còn những Thiên nữ có đôi bạn, thường rủ nhau đi tìm khoái lạc trong bốn khu vườn cùng với tùy tùng của mình.

❖ Tùy Phước Báu Mà Thiên Cung Tùy Cảnh Sắc, Xinh Đẹp, Hào Quang Khác Nhau

Lại nữa, tùy tùng, Thiên cung, các cảnh sắc mà là tài sản riêng của những Thiên nhân ấy, cũng có sự sai biệt, xinh đẹp, thù thắng, hơn kém nhau tùy theo phước báu đã tạo trữ. Vì thế, hào quang phát ra từ thân, từ trang phục, từ vật trang điểm luôn cả từ Thiên cung của các Thiên nhân ấy cũng khác nhau. Có vị hào quang chiếu được 12 do

tuần, có vị hào quang sáng rực cả 100 do tuần do có nhiều phước báu.

Cũng là sanh lên làm chư Thiên mà có thiên sản, thiên cung, hào quang khác nhau, tùy vào phước của mỗi vị.

❖ Trong 6 Cõi Này, Chư Thiên Có Nhìn Thấy Nhau Không?

Chư Thiên tầng cao thấy được chư Thiên tầng dưới, chư Thiên tầng dưới không thấy được chư Thiên tầng trên. Thông thường chư Thiên tầng cao thì có thân sắc vi tế hơn chư Thiên tầng dưới. Ngoại trừ khi chư Thiên tầng trên hóa thân thành thô xấu lại thì chư Thiên tầng thấp mới thấy được, và điều này được diễn tiến theo thứ tự mỗi tầng. Ví dụ chư Thiên Tứ Đại Thiên Vương không có thấy chư Thiên Đao Lợi. Chư Thiên Đao Lợi thấy chư Thiên Tứ Đại Thiên Vương

Giữa nhân loại và chư Thiên cũng vậy, tức là nhân loại không thể thấy được chư Thiên vì chư Thiên có sắc thân vi tế, ngoại trừ vị Thiên nhân ấy hóa thân thành sắc thô thì nhân loại mới có thể thấy được.

❖ Khi Chư Thiên Ngửi Mùi Nhân Loại Thì Có Cảm Giác Như Thế Nào?

Lại nữa, như đã nói ở đoạn trước rằng: Các cảnh sắc sai biệt trong cõi Tam thập tam thiên này đều là những cảnh khả ái, mà tất cả Thiên chúng nam hay nữ thọ hưởng đó, là những Thiên sản. Tức là chỉ thọ hưởng Thiên lạc, trang phục, trang sức đều là tịnh sắc, chí đến thân thể cũng là Thiên sắc, tức là không hề có vật uế trược, hôi thối chảy ra từ chín cửa như người nhân loại.

Như vậy, khi Chư Thiên ngửi mùi nhân loại, có cảm giác như thế nào? Đáp rằng tất cả Chư Thiên cõi Tam thập tam thiên khi ngửi mùi hôi từ thân nhân loại, dù ở cách xa trăm Do-tuần trong thời nào, khi ấy có cảm giác như là đang ngửi mùi chó sình đeo trước ngực, dù đó là vị Chuyển Luân Vương mà trong ngày đã tắm hai lần, thay giày ba bận, thoa sức khắp thân thể với vật thơm thượng hạng đi nữa, khi nhận được mùi ấy thì Chư Thiên vẫn có cảm giác như là mùi vật chết đã sình thối đang đeo trên ngực vậy! Có nghĩa là chư Thiên đối với mùi của của nhân loại rất là hôi.

❖ Chuyện Đế Thích Có Danh Hiệu Là Sakka

- Gọi là Sakka do bố thí với tâm cung kính. Hoặc là Asure jetuṃ sakkunātīti = Sakko.

- Gọi là Sakka do có khả năng chiến thắng Asura.

- Đức Thiên vương Sakka, hay gọi là Đức Kosiya, Amriṇḍa này là vị cai quản Chư Thiên cõi Tam thập tam thiên và Chư Thiên cõi Tứ Đại Thiên Vương. Trong hai cõi Trời này, Đức Kosiya Amriṇḍa trú nơi Đạo Lợi Thiên, trong tòa Thiên cung bằng vàng tên là Vejayanta.

- Chung quanh cung Vejayanta có cờ dựng, được trang hoàng bằng bảy loại ngọc báu, cao ba trăm do tuần, có vương xa dành cho Thiên vương Kosiya, cũng mang tên là Vejayanta. Phía trước vương xa là chỗ ngồi của Thiên tử xa phu Mātalī, chỗ ngồi này dài 50 do tuần, phần giữa là nơi ngự của Thiên chúa cũng dài 50 do tuần, phần cuối cũng dài 50 do tuần.

- Tổng cộng chiều dài của vương xa Vejayanta là 150 do tuần, chiều rộng vương xa là 50 do tuần, chu vi vương xa là 400 do tuần. Ngai báu bên trong Vương xa làm bằng bảy loại ngọc báu, cao 100 do tuần, rộng 10 do tuần được che với lộng trắng cao 300 do tuần. Vương xa được kéo đi bởi 1000 con ngựa Sindhava, ngựa Sindhava này không phải là loài bàng sanh mà chính là Chư Thiên Tam thập Thiên hóa thân.

- Đôi khi Thiên vương Sakka đi bằng voi, voi này chính là Thiên tử Erāvaṇa hóa thân thành. Như trong Sāratthādīpanīṭīkā có ghi rằng: Voi Erāvaṇa này có thân to 150 do tuần, có 33 ngà lớn, mỗi ngà lớn có 7 ngà nhỏ, thành ra có 231 ngà. Mỗi ngà nhỏ dài 50 do tuần, mỗi ngà có 7 hồ nước bằng 1.617 hồ nước, mỗi hồ nước có 7 cụm sen bằng 11.319 cụm sen, mỗi cụm sen có 7 đóa hoa sen bằng 792.33 đóa hoa sen, mỗi đóa hoa sen có 7 cánh sen bằng 554.631 cánh sen, mỗi cánh sen có 7 nàng tiên nữ đang múa hát bằng 3.882.417 nàng tiên nữ. Tất cả đều đang múa hát dâng lên Đức Đế Thích ngự lãm.

- Trên đỉnh đầu voi Erāvaṇa, nơi chính giữa là ngà Sudassana có Thiên kiệu Maṇḍapa cao 12 do tuần, bên trong Thiên kiệu là bảo tọa bằng ngọc maṇī rộng 1 do tuần, dành riêng cho Đức Kosiya ngồi. Maṇḍapa này rộng 30 do tuần, chung quanh có cắm cờ, mỗi lá cờ dài 1 do tuần, có chuông lá bồ đề treo ở chuôi cờ, khi có gió những chuông này phát ra âm thanh vi diệu như tiếng đàn.

- Đức Thiên vương Sakka này tuy có mắt giống như mắt Chư Thiên nhưng mắt của vị ấy có khả năng nhìn thấy được các vật ở rất xa tương đương với 1000 con mắt.

❖ Bảy Phước Báu Để Làm Đế Thích:

1. Một là nuôi dưỡng Cha Mẹ,
2. Hai là tôn kính bậc Trưởng thượng,
3. Ba là nói lời dịu ngọt,
4. Bốn là lời nói không đâm thọc,
5. Năm là không bỏn xẻn,
6. Sáu là chân thật,
7. Cuối cùng là Chế ngự được tâm sân hận.

Và ông làm được bảy cái phước này rất là nhiều kiếp, cho nên ông mới tái sanh làm Đế Thích.

❖ Chuyện Liên Quan Với Thiện Pháp Đường

Như phần trước có nêu, cõi Tam thập tam thiên này nhiều chỗ đẹp kỳ diệu khác nhau, như thành Sudassana. Bốn khu vườn phổ thông ở bốn nơi, và hai khu vườn đặc biệt nữa là vườn Puṇḍarika và vườn Mahāvana. Vườn Mahāvana là nơi nghỉ khả ý của Thiên vương Sakka, những nơi này được xem như sự hỗ trợ cho khoái lạc hạnh phúc thuộc hiệp thế mà thôi.

Riêng vườn Puṇḍarika tuy nhỏ nhưng là khu vườn đặc biệt, có tầm quan trọng hơn các khu vườn khác, vì là nơi tọa lạc của chỗ đáng cúng

dường, như có Bảo tháp Cūḷamaṇī, có bảo tọa Paṇḍukambala dưới gốc cây Pāricchattaka (hoa tán lộng), là nơi an tọa của Đức Chánh Đẳng Giác ngự thuyết giảng bảy bộ Diệu pháp. Và có giảng đường Sudhammā (Thiện Pháp đường) là nơi Chư Thiên hội lại nghe pháp.

Sudhammā là nơi tất cả Thiên nam lẫn Thiên nữ có tâm hướng về Pháp, cùng nhau đi đến hội tụ lại nghe Pháp thoại hay Đàm luận Pháp với Thiên đế Amarinda khi Ngài là vị chủ tọa. Sudhammā này được làm bằng 7 loại ngọc báu, cao 500 do tuần, rộng 300 do tuần, dài 300 do tuần, chu vi giảng đường được 500 do tuần. Nền giảng đường được làm bằng ngọc pha lê, cột bằng vàng, những kèo, rui, mè, đòn tay,... được hình thành bằng 7 loại ngọc báu. Nóc lợp bằng ngọc Indanila - Sa-phia xanh. Trần nhà và cột dọc (đứng) được trang hoàng với nhiều hình thức mỹ thuật xinh đẹp, bằng ngọc san hô. Chóp của đỉnh được hình thành bằng bạc, bên trong giảng đường, ngay chính giữa đặt một pháp tòa dành để thuyết pháp, cao 1 do tuần, làm bằng 7 loại ngọc báu, che phía trên là cây lọng trắng cao 3 do tuần. Cạnh pháp tòa là chỗ ngồi của Thiên vương Kosiya, kế tiếp là nơi ngồi của 32 vị Đại Thiên chủ Pajāpai, Varuṇa, Isāna,... theo thứ lớp. Tiếp theo là chỗ ngồi các Đại Chư Thiên, rồi tiểu Chư Thiên tuần

tự theo thứ lớp như thế. Thiện pháp đường này nằm cạnh cội hoa Pāricchattaka.

Cây Pāricchattaka (Hoa tán lọng) này mỗi năm trổ hoa một lần. Khi sắp có hoa, lá cây sẽ có màu vàng úa, Chư Thiên nhìn thấy lá cây Pāricchattaka vàng úa, có sự vui mừng rằng: Không bao lâu nữa, cây Pāricchattaka sẽ trổ hoa, chúng ta sẽ được ngắm hoa Pāricchattaka. Rồi Chư Thiên năng tới lui Sudhammā để xem chừng. Đến lúc trổ hoa, tất cả lá đều rụng cuống, rớt xuống đất cả, chỉ có bông trổ đầy khắp cả cây. Bông hoa tán lọng có màu đỏ, ánh sáng thành tia chiếu sáng khắp chu vi rộng 500 do tuần. Bông hoa tán lọng này không cần phải leo lên cây hái lấy, hay dùng cây hái, mà có một loại gió tên là Kantana (Đoạn hoa phong) có phận sự thổi cho hoa ấy rụng xuống, khi hoa rơi xuống, không cần phải có đồ đựng như tráp,... mà có một loại gió tên là Sampaṭicchana (tTếp thọ phong) có phận sự tiếp nhận hoa ấy không cho rụng xuống nền, kế có một loại gió tên là Pavesana có nhiệm vụ cuốn lấy hoa ấy đem vào Thiện pháp đường, rồi có một loại gió tên là Sammijjana có nhiệm vụ cuốn lấy hoa cũ ra và sau cùng là một loại gió tên là Santhaka có nhiệm vụ sắp xếp hoa ấy đàng hoàng cho đỡ nhìn, không cho gom lại thành cụm, thành chùm.

Qui Ước Tụ Hội Nghe Pháp Trong Thiện Pháp Đường

- Khi đến thời tụ hội nghe Pháp, Đức Thiên Vương Amarinda sẽ thổi tù và, tù và ấy có tên là Vijayuttara - Thượng thắng - tù và dài khoảng 120 hắc tay, tiếng vang dội khắp cả trong và ngoài thành Sudassana, mỗi lần thổi, tù và âm thanh vang suốt cả 4 tháng cõi nhân loại. Thiên nam và Thiên nữ cõi Tam thập tam, khi nghe được tiếng tù và vang lên, mọi người cùng nhau đi đến giảng đường Sudhammā.

- Và hào quang từ thân, từ trang phục, từ vật trang điểm của Chư Thiên đã làm sáng rực SudhammaSālā. Khi Thiên chúa thổi tù và xong, Thiên vương cùng với 4 vị Thiên hậu bèn rời khỏi lâu đài Vejayanta, ngự lên voi Erāvaṇa có khoảng 30 triệu Thiên chúng tùy tùng theo sau, cùng đi đến SudhammaSālā. Vị Pháp sư thường thuyết giảng Pháp nơi Sudhammā là Đại Phạm Thiên Sanaṅkumāra, nhưng đôi lúc đức Kosiya thuyết hoặc có vị Thiên tử nào là người trí tuệ, hiểu biết Pháp cũng trở thành Pháp sư khi ấy.

- Lại nữa, Thiện pháp đường này không phải chỉ có riêng ở cõi Tam thập tam thiên thôi, trong các tầng Trời khác từ cõi Dạ Ma đến Tha

Hóa Tự Tại cũng vẫn có Thiện pháp đường như thế.

❖ Chuyện Đế Thích Tạo Phước Trong Phật Giáo

Đức Đế Thích hoặc Thiên vương Sakka là vị chúa tể của Chư Thiên trong hai cõi Trời Tứ Đại Thiên Vương và Tam thập tam thiên, trước thời kỳ giáo pháp của Sa-môn Gotama sanh khởi trong thế gian. Sự xinh đẹp, hào quang và Thiên cung cũng không tuyệt mỹ bằng mọt số tân Thiên tử mới thọ sanh sau này, Ngài chỉ có được duy nhất là quyền lực cao hơn mà thôi.

Khi giáo pháp của Đức Thế Tôn Gotama hiện khởi thì sự xinh đẹp, hào quang cùng Thiên cung của Đức Đế Thích mới hoàn toàn tuyệt mỹ viên mãn. Điều này là do năng lực thiện nghiệp mà Đức Đế Thích đã ngự xuống cúng dường Trưởng lão Mahā Kassapa (Đại Ca-diếp) như câu chuyện sau:

Thời Thiên vương thọ hưởng Thiên sản trong cõi Tam thập tam thiên, Ngài nhìn thấy một số đại Thiên tử mới tái sanh lên, có hào quang, có Thiên cung mỹ lệ hơn mình nhiều, tuy Ngài vẫn là chúa của những vị ấy. Đức Thiên vương khởi

sự suy nghĩ rằng: *"Do nhân nào mà các tân Thiên tử này, có hào quang, Thiên cung xinh đẹp hơn ta như thế?"*. Đức Đế Thích biết được: *"Sở dĩ có hiện tượng này, là vì những đại Thiên ấy đã tạo phước báu trong Phật giáo, khi Giáo pháp còn đang trụ, cho nên thiện nghiệp nào mà người đã tạo trong Phật giáo, sẽ có quả tối thắng"*. Đối với ta có hào quang kém, có Thiên cung không xinh đẹp bằng, do ta tạo phước trong thời không có Phật giáo vậy.

Sau khi biết được như thế, Đức Đế Thích cố gắng tìm dịp thuận lợi để tạo phước trong Phật giáo. Vào một hôm, Đức Đế Thích nhìn thấy Ngài Mahā Kassapa (Đại Ca-diếp) vừa xuất Thiền diệt và định đang đi tế độ người nghèo tại một xóm nhà. Khi biết được như thế Đức Đế thích vô cùng hoan hỷ vì dịp may này đã chờ đợi từ lâu rồi. Ngài bèn rủ Thiên hậu Sujātā ngự xuống nhân giới, mang tịnh thực theo để cúng dường Trưởng lão.

Bởi vì ông biết cúng dường cho bậc Thánh phước lắm. Mà Ngài Ca Diếp có hạnh là Ngài chỉ nhận vật thực, thức ăn của người nghèo thôi, không nhận của người giàu. Cho nên hai vợ chồng Đế Thích mới hiện thành người già nghèo cúng dường cho Ngài Ca Diếp. Ngài nhận xong nhưng khi Ngài mở ra mới thấy thức ăn này không phải của người thường. Tại vì chư Thiên cúng thì gọi

là mỹ vị chư Thiên. Ngài rầy hai vợ chồng Đế Thích, thì Đế Thích mới giải thích là tụi con tuy là vua Trời nhưng hào quang, sắc đẹp, tuổi thọ, thiên sản của con nhiều cái thua chư Thiên khác lắm, nên con muốn được cúng dường cho Ngài để cho phước của con nó lớn.

Đế Thích mà còn làm phước huống chi là mình! Mình nỡ lòng nào mình nói chừng đó phước đủ rồi. Nghe đọc về câu chuyện Đế Thích chúng ta phải thấy, Đế Thích làm vua cõi Trời bao nhiêu phước báu, bao nhiêu Thiên cung, ông còn đi làm phước nữa, huống chi mình sao đủ được, mà thường thường tâm chư Thiên rộng lớn là như vậy, cả ngày làm phước.

❖ Đức Đế Thích Thành Bậc Dự Lưu Và Sẽ Là Vua Chuyển Luân Trong Nhân Loại

Vua Trời Amarinda, sau thời Pháp thoại được thuyết giảng bởi Đức Thế Tôn nhằm đoạn nghi cho Đức Đế Thích. Ngài chứng đạt Dự Lưu quả và sống trong Thiên giới cho đến khi dứt tuổi thọ. Sau khi mạng chung từ cõi Tam thập tam thiên sẽ được tái sanh vào nhân giới, là vị Chuyển Luân Vương và sẽ chứng đạt quả Nhất Lai. Sau khi mạng chung từ cõi nhân loại được sanh về cõi Tam thập tam thiên và chứng quả Bất Lai tại nơi

ấy. Từ cõi Tam thập tam thiên, khi mệnh chung được tái sanh về cõi Tịnh Cư Vô Phiền, tuần tự sanh lên đến Sắc Cứu Cánh Thiên và Niết-bàn tại cõi ấy. (*Câu chuyện được hiện khởi trong bài Kinh Đế Thích sở vấn, trong Dīghānikaya*.)

❖ Chuyện Asurindarāhu:

Trong cuộc đời này có những cái mình gọi là nhất, trí tuệ nhất đó là trí tuệ của Đức Phật, hào quang sáng nhất là hào quang Đức Phật. To lớn nhất là ai? Trong cõi Tam thập tam thiên, có vị Thiên nam tên là Asurindarāhu. Vị này có thân cao lớn nhất trong cõi Trời Dục giới. Thân của Asurindarāhu cao 4.800 do tuần, khoảng giữa hai sườn vai là 112 do tuần, vòng tròn thân là 600 do tuần, bàn tay bàn chân to 300 do tuần, miệng to 300 do tuần, mỗi ngón tay dài 50 do tuần, vầng trán rộng 300 do tuần, đầu to 900 do tuần, trán rộng 300 do tuần, khoảng giữa hai chân mày là 50 do tuần. Sự cao lớn của Asurindarāhu này nếu đi xuống chỗ sâu của Đại dương, nước của Đại dương chỉ ngập đến đầu gối.

Câu chuyện về sự cao lớn của Asurindarāhu và thần lực của Đức Thế Tôn như vầy: Thiên tử Asurindarāhu được thọ hưởng ngôi vị Thứ vương trong cõi Asura, ở dưới chân núi Tu Di. Khi được

nghe danh truyền tốt đẹp về Đức Thế Tôn, là đấng Đại Bi Chánh Đẳng Giác tại trú xứ của Chư Thiên, vị ấy được thấy Chư Thiên rủ nhau đi đến yết kiến bậc Đạo Sư và nghe Pháp từ nơi Ngài. Asurindarāhu có sự suy nghĩa rằng:

"- Ta đây có thân cao lớn, nếu đi đến nơi ngụ của Sa môn Gotama - là người có thân nhỏ bé, ta phải khom người xuống để xem Ngài. Điều này ta không làm được vậy."

Khi Dạ xoa Rāhu (Thiên tử Asurindarāhu) tới gặp Phật, Ngài nằm xuống để hóa độ tính ngã mạn, tự cao về sắc thân to lớn của mình. Đức Phật nằm mà vị Dạ Xoa này đầu ngước lên hoài không tới do Phật dùng thần thông.

3. CÕI DẠ MA

- Chư Thiên được gọi là Yāma vì đã viễn ly sự nóng bức. Những Thiên nhân nào đã đến, đạt đến thiên lạc, những vị ấy gọi là Chư Thiên Yāma (Dạ Ma). Cõi tức chỗ ở của Chư Thiên đã xả ly sự khổ, đã đến thiên lạc, do vậy cõi ấy gọi là cõi Dạ Ma.

- Cho nên, từ Yāma này ám chỉ cho tất cả Chư Thiên ở tầng Trời thứ ba, vì Chư Thiên này có sự xả ly khổ nóng bức và có thiên lạc. Do vậy,

những Chư Thiên này gọi là Dạ Ma. Chỗ ở của những Chư Thiên gọi là Dạ Ma ấy được gọi theo chính tên của Chư Thiên.

- Lại nữa, chức vị Thiên vương, vị chúa tể cai quản tất cả Chư Thiên ấy không phải chỉ có trong cõi Tam thập tam thiên mà thôi, trong cõi khác cũng vẫn có vị Thiên chúa ấy. Vị Thiên chúa cõi Dạ Ma này có tên là Suyāma hoặc Yāma.

  - Vị Thiên chúa ở cõi Đẩu Suất tên là Santusiya.
  - Vị Thiên chúa ở cõi Hóa Lạc là Sunimmita hay Nimmita.
  - Vị Thiên chúa cõi Tha Hóa Tự Tại tên là Paranimmita.
  - Vì vậy, cõi Trời thứ ba ấy, gọi là Yāma là do gọi theo tên của chúa Yāma.

- Cõi Yāma này nằm trong hư không, nên không có nhóm Bhummaṭṭhadevatā (Địa cư Thiên), mà chỉ có Ākāsaṭṭhadevatā là duy nhất. Thiên cung, Thiên sản, Thiên sắc thân của Chư Thiên cõi này vi tế hơn Chư Thiên cõi Tam thập tam thiên, và tuổi thọ cũng lâu hơn nhiều. Và Thiên cung của các Chư Thiên ở cõi này đầy khắp.

4. CÕI ĐÂU SUẤT

- Gọi là cõi Đâu Suất vì các Thiên nhân nơi cõi này thường có sự hoan hỷ và tươi vui. Cõi Trời tầng thứ tư này là chỗ xả ly sự nhiệt não, mà chỉ mang lại sự hoan hỷ và sự hân hoan cho những người ở trong cõi ấy. Nên cõi này được gọi là cõi thù thắng.

- Lại nữa, Chư vị Bồ Tát trước khi hạ sanh về nhân giới để thành đạt quả vị vô thượng Chánh Đẳng Giác tuệ, là sanh hữu cuối cùng, thường tái sanh về cõi Đâu Suất này. Như Đấng Chánh Đẳng Giác trong vị lai là Bồ Tát Metteyya (Di-lặc) cùng với bậc Thượng Thinh Văn cùng thọ hưởng thiên lạc nơi cõi Đâu Suất này.

- Điều này cũng là nhân nói rằng: Cõi Đâu Suất này thù thắng hơn những cõi Trời khác. (*Trích trong Anāgatavaṃsa aṭṭhakathā*)

- Cõi Đâu Suất này cách xa cõi Dạ Ma 42.000 do tuần, Chư Thiên ở trong cõi này chỉ có một nhóm duy nhất là Ākāsaṭṭhadevatā. Thiên cung, thiên sản và thiên sắc thân của Chư Thiên cõi này cũng vi tế thù diệu hơn Chư Thiên cõi Dạ Ma, tuổi thọ cũng lâu dài hơn.

5. CÕI HÓA LẠC

- Chư Thiên sanh trong cõi này tự hóa ngũ dục theo ý thích của mình, rồi hân hoan thỏa thích

trong các cảnh ấy. Do vậy, cõi ấy gọi là Nimmānarati.

- Chư Thiên được gọi là Nimmānarati ấy, do sự hoan hỷ thỏa thích trong ngũ dục mà tự mình đã hóa tạo.

- Trong thiên giới từ cõi Tứ Đại Thiên Vương, Tam thập tam thiên, Dạ Ma, Đâu Suất, cả 4 cõi này tất cả Chư Thiên đều có tình nhân. Nhưng trong cõi Hóa Lạc và cõi Tha Hóa Tự Tại thì không có tình nhân. Thiên nam, thiên nữ trong cõi này khi nào muốn hưởng dục thì tự hóa hiện ra tình nhân.

- Ở cõi Hóa Lạc này cách xa cõi Đâu Suất là 42.000 do tuần, chỉ có duy nhất một loại Chư Thiên là Ākāsaṭṭhadevatā. Sự vi tế, xinh đẹp của thiên cung và sắc thân của Chư Thiên ấy thì thù thắng hơn Chư Thiên cõi Đâu Suất, tuổi thọ cũng dài hơn.

6. CÕI THA HÓA TỰ TẠI

- Tất cả Chư Thiên sanh trong cõi này thọ hưởng ngũ dục từ nơi Chư Thiên khác biết được ý muốn đã hóa tạo cho. Do vậy, cõi này có tên là Tha Hóa Tự Tại.

- Những vị Thiên gọi là Tha Hóa Tự Tại, do thọ hưởng dục lạc từ nơi Chư Thiên khác hóa tạo cho.

- Thiên nam, thiên nữ trong cõi Tha Hóa Tự Tại này muốn thọ hưởng năm dục khi ấy có Chư Thiên phục vụ, biết được ý sẽ hóa hiện theo như ý. Vì thế, tất cả Chư Thiên trong cõi Tha Hóa Tự Tại không có tình nhân riêng của mình, giống như cõi Hóa Lạc vậy.

- Cõi Tha Hóa Tự Tại này ở cách xa cõi Hóa Lạc 42.000 do tuần. Chư Thiên trong cõi này chỉ là duy nhất Ākāsaṭṭhadevatā. Sự xinh đẹp, sự thù diệu của thiên cung, thiên sản và thiên sắc thân cũng vi tế hơn Chư Thiên cõi Hóa Lạc. Và tuổi thọ cũng lâu hơn.

- Ma Vương ở cõi Trời thứ sáu này.

Người Cai Quản Cả 6 Cõi Trời (Thiên Ma hay Ma Vương)

Vị có đại quyền lực, thù thắng hơn tất cả Chư Thiên trong sáu cõi Trời Dục Giới là Thiên Tử Vasavattīmāra, ở cõi Tha Hóa Tự Tại. Thiên tử Māra là vị tà Chư Thiên, không có tâm tịnh tín với Phật giáo, thường gây trở ngại cho Đấng Chánh Giác.

Từ khi Bồ Tát rời bỏ hoàng cung đi xuất gia cho đến khi Ngài viên tịch. Sau 300 năm, vào thời vua A-Dục (Hoàng đế Dhammāsoka) là đức vua cai trị vương quốc có kinh đô là Pātaliputta, đức vua có tâm tịnh tín với Phật giáo, Ngài đã cho xây tháp và đại tự với số lượng mỗi loại là 84.000 để cúng dường Pháp bảo. Bởi Pháp bảo có số lượng là 84.000, đức vua cho kiến tạo ngôi đại tháp tôn trí Xá-lợi Phật để làm nơi lễ bái, cúng dường. Sau khi xây dựng xong, đức vua đã tổ chức đại lễ khánh thành các ngôi bảo tháp và đại tự với thời gian là 7 tháng, 7 ngày.

Trong lúc hành lễ, Thiên tử Māra (Ma Vương) này đã đến quấy rầy với nhiều cách do thần lực của mình. Nhưng sự quấy rầy của Māra ấy không thành, vì Trưởng lão Upagutta đã ngăn chặn và nhiếp phục được Māra, khiến cho vị ấy từ bỏ sự ương ngạnh. Cuối cùng Māra đã từ bỏ tà kiến, trở lại tịnh tín với Phật giáo và sẽ thành vị Chánh Đẳng Giác trong tương lai.

Trước khi giác ngộ, Ma Vương hay phá người tu sắp đắc đạo. Ma vương có phước rất lớn, quyền lực nhất, đứng đầu trong sáu cõi Trời Dục Giới trong Tam giới. Nhưng sẽ có vị đặt câu hỏi: *"Ma Vương ác như vậy, phá Phật như vậy, phá các vị tu tập như vậy mà vị này lại làm chủ trong*

tam giới?" Quý vị nhìn cuộc đời này, có những người họ có phước, đẹp, giàu, khỏe, thông minh, tất cả đều trong điều kiện rất tốt nhưng lại rất ác. Điều này giống như khuynh hướng tâm lý của mình, cái nào phước là phước, tội là tội, đường là đường, muối là muối, rõ ràng là vậy. Cuộc đời này mình thấy rõ ràng có những điều thiện và bất thiện, có những việc mình dễ thương lắm nhưng cũng có những chuyện mình ương ương khùng khùng! Có những việc mình từ bi lắm nhưng có lúc mình sân si bất ngờ. Cái nào phước nó trổ, cái nào tội, là bất thiện nó cũng trổ. Ma Vương phá Đức Phật và chư Tăng sắp thành đạo nhưng phước Ma Vương cũng rất nhiều nên mới làm chủ cõi Trời.

Nhưng sau cùng, Ma Vương đã quay lại với Phật Pháp vào thời vua A-Dục do Ngài Upagutta độ, tương lai sẽ trở thành Phật Chánh Đẳng Giác như Phật Thích Ca, như Phật Di Lặc hay như vua Ba-tư-nặc *(Pasenadi)* trong tương lai cũng là một vị Phật Chánh Đẳng Giác. Cho nên đi đâu, làm gì thì xin quý vị cũng đừng nghĩ "Ma Vương phá" mà tội nghiệp Ma Vương. Thầy nói Ma Vương không thèm dòm ngó mình, mình có cái vé đâu mà được Ma Vương nhòm ngó. Ma Vương chỉ phá những người tu tập đã và sắp đắc đạo thôi.

Hôm nay Thầy giảng đến đại chúng bài Pháp thoại với chủ đề : Đời Sống Chư Thiên Sáu Cõi Trời Dục Giới. Qua bài Pháp hôm nay, quý vị hiểu thêm một chút về đời sống của cõi Chư Thiên, để mình tu tập, ước nguyện lớn nhất của mình là chấm dứt luân hồi tử sanh, sớm thành đạo quả. Hoặc là mình đắc thiền, mình sanh lên cõi Phạm Thiên, lên Phạm Thiên mình cũng nguyện có bậc Thánh để mình tu tiếp. Hoặc nếu không đắc thiền mà sanh vào các cõi Trời Dục Giới, thì mình nguyện sanh vào những cõi Trời Dục Giới có bậc Thánh để tu tiếp.

Chúng ta được học là trên cõi Trời Dục giới có các vị Thánh đông hơn cõi người mình đang sống. Nói vui giống như trên đó mới là bình minh của Giáo Pháp, còn mình là xuống hoàng hôn rồi. Tính ra thì từ khi Đức Phật nhập Niết-bàn thì trên đó mới có bao lâu đâu, tính theo cõi Đao Lợi thì chưa được một tháng, đúng không? Ở trên Đâu Suất là một ngày một đêm bằng 400 năm ở đây. Đức Phật nhập Niết-bàn là khoảng 2505 năm, vậy tính ra trên Đâu Suất thì chưa tới một tuần. Vậy mình biết rằng trên các cõi Trời còn rất nhiều bậc Thánh. Vậy nên quý vị phải nguyện sanh vào cõi Trời có bậc Thánh để nguyện tu tập, chứ không

phải mình sanh lên cõi Trời thích quá rồi hưởng dục mà quên tu tập.

Hôm nay chúng ta học để biết những nhân để sanh Chư Thiên, những sự an lạc của Chư Thiên, sắc đẹp, thiên sản nó như thế nào để quý vị có phước muốn sanh lên Chư Thiên. Dĩ nhiên Chư Thiên đỡ khổ, không đau nhức, đau bệnh, không có già bệnh như cõi Người nên mình sẽ có sự an lạc của Chư Thiên. Nhưng mình cũng biết rằng hết phước thì Chư Thiên cũng phải đi xuống. Chỉ có học Phật Pháp thì mới đi đến tận cùng của sự rốt ráo, để chấm dứt tham sân si, phiền não, mới chấm dứt được luân hồi sanh tử. Hết phước Chư Thiên cũng có thể tái sanh là một con vật hoặc ngạ quỷ, bàng sanh nào đó. Thầy mong qua bài Pháp này, quí vị học thêm được những điều mới và tu tập càng ngày tinh tấn.

Xin cảm ơn quý Phật tử !

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Có nên hồi hướng Phước đến Chư Thiên?

2). Bốn thái độ đối với Chư Thiên?

3). Trình bày về "Đại hội Chư Thiên"?

4). Nhân nào sinh vào 6 cõi trời dục giới?

5). Chư Thiên dùng vật thực thế nào?

6). Sự chết của Chư Thiên diễn ra thế nào? Tuổi thọ của Chư Thiên 6 cõi trời dục giới?

7). Đời sống dục lạc của Chư Thiên dục giới thế nào?

8). Cõi người và cõi trời dục giới, cõi nào nhiều bậc Thánh hơn?

9). Vị nào quyền lực nhất trong cõi dục giới ? Vua trời Đế Thích là ai, ở cõi trời nào? Tứ Đại Thiên Vương là ai, ở cõi nào?

10). Trình bày tổng quan về 6 cõi trời dục giới?

Bài 23: NHỮNG ĐIỀU CHỈ ĐỨC PHẬT MỚI CÓ

---

* DẪN NHẬP
* TÁM Ý NGHĨA NHƯ LAI
* PHÂN TÍCH
* BỐN ĐIỀU CHỈ PHẬT MỚI CÓ
* VÌ SAO KHÔNG CÓ HAI VỊ PHẬT XUẤT HIỆN CÙNG LÚC?

I. DẪN NHẬP

Bài giảng tối hôm nay nằm trong tuần lễ Phật Đản được tổ chức tại chùa An Lạc. Mỗi tối quý Phật tử được có cơ hội về Chùa tụng Kinh, ôn lại những lời Phật dạy, cũng như là cuộc đời của Đức Phật. Quý vị được nghe quý Thầy giảng sư thuyết Pháp. Hôm nay, là ngày thứ sáu, còn một ngày nữa, là chúng ta trọn vẹn tuần lễ Phật Đản.

Hôm qua và hôm nay là có mưa, nói là cơn mưa nó làm cho mát nhưng mà mưa Pháp nó làm cho mát dịu lòng của mình. Những khổ đau như là sự nóng bức vậy đó và nhờ mình tu tập, nhờ có phước đức cũng như sự tu tập sẽ giúp cho mình

được mát mẻ. Chỉ có ứng dụng Pháp thôi mới đưa cho mình được an lạc lâu dài và bền chắc. Mà cũng vì cơn mưa, mà một số quý vị bận công việc hoặc bị bệnh nên họ không đi tới được. Đó cũng là thử thách, nhất là những Phật tử nào: "*Con nguyện con đi dự tuần Lễ Phật Đản, đi nguyên một tuần luôn!*", nhưng mà bị hai cơn mưa làm là mất hết hai ngày rồi. Quý vị biết là khi chúng ta phát một nguyện lớn thì bao giờ cũng có những sự cản trở hết. Đức Phật dạy trong Kinh là muốn biết một ai đó có trung kiên, có kiên cố với chí nguyện của mình không thì phải trải qua thời gian bất hạnh, khó khăn thì mới biết được là vị đó có trung kiên không? Đó "*Con nguyện Con đi dự tuần Lễ Phật Đản, đi nguyên một tuần luôn*", hai cơn mưa là bắt đầu biết có trung kiên hay không. Thực ra, thì sau đó mình có thể nhân rộng lớn lên, thường khi phát nguyện lớn là chúng ta sẽ có những cản trở không thể nói.

Thông thường trong các lễ lớn của Phật giáo, đặc biệt là lễ Phật Đản sanh, Phật Thành đạo, và Phật nhập Niết-bàn - các lễ lớn nói về cuộc đời, về công hạnh của Đức Phật, Thầy hay thấy trên trang Facebook thường đăng bài Kinh này để nói về Đức Phật, và chỉ Đức Phật mới có thôi. Các bậc Thánh đệ tử của Phật, một là không có, hai là nếu có đi chăng nữa thì dĩ nhiên là không có bằng Đức

Phật. Cho nên thường khi nói về những sự kiện: Phật Đản sanh, Thành đạo, Niết bàn thì quý Thầy, quý Cô hay Phật tử hay trích đoạn Kinh này. Đây là nguyên một phẩm, thuộc **Kinh Tăng Chi, chương Một Pháp, phẩm Một Người**. Nếu nói cho đệ tử hay những người thân thương mà Thầy nói được, Thầy khuyên được, Thầy nói hết lời thì Thầy nói ráng tụng bản Kinh này. Khi mà tụng thì tụng từng từ, từng từ một. Trong lòng mình dâng lên niềm cảm động, cảm kích và dâng lên niềm tôn kính nơi Đức Phật. Muốn để mình cảm động thì mình phải hiểu. Chúng ta hiểu là tại sao những điều này chỉ có Phật mới có.

Thầy mong bài giảng hôm nay, quý vị sẽ hiểu thêm về cuộc đời Đức Phật, mình hiểu để làm gì? Để chúng ta thêm tôn kính Phật, "*Con tin Phật vì con hiểu Phật"*. Nhớ câu nói này không? Đây là câu nói mà Thầy rất là thích, con tin Phật vì con hiểu Phật, chứ không phải con tin Phật vì con sợ Phật. Mình có sợ Phật không? Phật có làm gì đâu mà sợ, phải không? Cũng không phải là con tin Phật vì để Phật ban cho con cái gì. Nếu mà Phật ban cho mình được giàu, đẹp, khỏe là Thầy xin Phật trước quý vị rồi. Nếu mà có cái để mà bàn thì chính là Pháp. Phật ban cho ta chánh pháp - con

đường thoát khổ là cái quý nhất trong cuộc đời này. Là Phật cho, cho mình và cho cuộc đời, Ngài không ban cho con những gì con mong muốn:

"Phật không ban cho con những gì con mong muốn,

Nhưng Phật dạy cho con không còn gì mong muốn".

Phật không ban cho mình những gì mình mong muốn, nhưng Ngài dạy cho chúng ta không còn gì để mà mong muốn nữa. Không còn gì mong muốn là hết tham. Phật có dạy cho mình hết tham không? Có, không còn gì mong muốn có hai trường hợp là hết tham, hết tham dục.

Một là đắc thiền, đắc từ Sơ thiền trở lên là hết tham, nhưng mà đắc thiền thì chỉ hết tham tạm thời.

Hai là hết tham mà tận gốc là quý vị phải đắc Thánh quả A-na-hàm trở lên.

Vậy thì câu: *"Phật dạy cho con không còn gì mong muốn"*. Tức là Ngài dạy cho mình việc đắc Thánh A-na-hàm.

"Phật không giúp con thoát ra ngoài cái chết,

Nhưng Phật dạy cho con, vô uý không sợ chết."

Đức Phật có dạy cho chúng ta cách không sợ chết, chỉ tại mình không chịu tập, không chịu tu cho nên mình còn sợ chết. Chúng ta tu đến một lúc nào đó, cái chuyện sanh tử là chuyện mà mình chấp nhận một cách nhẹ nhàng, không còn sợ chết nữa.

"Phật không đưa con đi khắp nơi trong ba cõi,

Nhưng Phật dạy cho con thoát ra đường tăm tối".

Ngày nào mà mình còn đi trong ba cõi là mình còn luân hồi. Câu mà nếu không có dịch thành thơ là như vầy: *"Phật không đưa con đi mọi nơi, khắp nơi trong các cõi nhưng Phật dạy cho con dù có đi đâu thì cũng thế thôi*". Ý là vậy đó, dù có đi đâu trong vòng luân hồi thì cũng khổ,

trong một ngôi nhà ba tầng, mà ngôi nhà đó cháy - thì vô tầng nào cũng khổ hết. Phật không có đưa mình đi trong các cõi nhưng mà Phật dạy cho mình cách đi ra, phải không? Đại chúng nhớ là khi nào có Phật Pháp thì mới có con đường đi ra. Còn không là mình chỉ có "đi lên, đi xuống, đi tới, đi lui, đi lòng vòng" thôi. Kiếp nào mà ác nghiệp trổ xuống thì bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ hoặc súc sanh. Phước một chút trổ thì vào các cõi Trời hoặc cõi người với những phước báu. Quý vị đắc thiền tái sanh lên cõi Sắc giới hoặc cõi Vô Sắc. Nhưng cũng cứ là đi lên, đi xuống, đi tới, đi lui thôi, chỉ khi nào mình đắc Thánh là mình "đi ra" – đi ra khỏi vòng luân hồi sanh tử, và chỉ có Đức Phật mới dạy cho chúng ta cách đi ra thôi.

"Phật không đưa con đi khắp nơi trong ba cõi,

Nhưng Phật dạy cho con thoát ra đường tăm tối.

Phật không giúp cho con thoát ra ngoài cái chết

Nhưng Phật dạy cho con vô uý không sợ chết

Phật không ban cho con những gì con mong muốn

Nhưng Phật dạy cho con không còn gì mong muốn".

(Thiện Tuệ)

Đại chúng nắm ý bài kệ này, và khi mình hiểu rồi mình mới biết ơn Phật, khi lạy Phật mà lạy với tâm tôn kính như vầy, Thầy nói vui là phước ngút ngàn. Còn lâu nay chưa hiểu Phật là mình cúng bông, trái cây xong là một danh sách cầu nguyện. Bây giờ biết rồi, nếu mà có cái để xin Phật thì là xin Pháp thôi. Nhấn mạnh là chỉ xin Pháp thôi, mà xin Pháp tức là mình nguyện học Pháp. Quý vị phải đặt lại câu hỏi là vì sao mình thờ Phật? Con thờ không phải vì sợ, con cũng không phải vì truyền thống ông bà thờ mà con thờ, không phải bạn bè con thờ mà con thờ. Đó là vì con hiểu rằng con đang thờ một con người vĩ đại, trí tuệ, từ bi, và công đức. Đồng thời, con may mắn được làm đệ tử của Phật, cho nên con thờ Phật để con noi gương Ngài, để con học công hạnh của Ngài. Đó là lý do mình thờ Phật.

Hôm nay chúng ta học bài NHỮNG ĐIỀU CHỈ ĐỨC PHẬT MỚI CÓ, Thầy giảng dựa theo Kinh Tăng Chi, chương Một Pháp, phẩm Một Người. Trong phẩm này có rất nhiều chi pháp, đại chúng có thể ghi chú lại chứ đừng học xong rồi trả hết cho Thầy, ai nhớ được bao nhiêu thì nhớ, còn không nhớ thì học đi học lại. Nghe Pháp có ba hạng người:

-*Một là*, nghe Pháp bằng trí tuệ lộn ngược. Ví dụ có cái ghe, úp lại, mà úp lại thì nó không có chứa nước được. Lúc nghe Pháp không nhớ gì hết rồi xong đi về cũng không nhớ, tại vì nghe ở đây còn không nhớ thì về làm sao nhớ.

-*Hai là,* nghe Pháp bằng trí tuệ bắp vế. Quý vị đang ngồi, bỏ mấy hạt đậu lên đùi của mình nên nó có dính trên đùi nhưng mà khi đứng lên là rớt xuống. Người có trí tuệ bắp vế là lúc nghe Pháp, nghe Thầy giảng thì hiểu, thì nhớ nhưng mà sau khi hồi hướng xong thì: *"Thầy đi đường Thầy, con đi đường con, "tình nghĩa chúng ta chỉ thế thôi".*

-*Ba là,* trí tuệ rộng lớn. Đức Phật nói như cái ghe mà mình ngửa lên chứa nước được trong đó. Lúc mình nghe Pháp là hiểu, nhớ và khi đi về nhà có thể ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày.

Thôi thì đại chúng ráng có trí tuệ bắp vế, mình tập trung nghe giảng rồi suy tư, chứ đừng học bao nhiêu là trả hết cho Thầy. Bài Pháp hôm nay rất hay và ý nghĩa, đặc biệt là trong Tuần lễ Phật Đản này.

"1-7 Như Lai

1. - Một người, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời,

vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Một người ấy là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính một người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

2. Sự xuất hiện của một người, này các Tỷ-kheo, khó gặp được ở đời. Của người nào ? Của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sự xuất hiện của một người này, này các Tỷ-kheo, khó gặp được ở đời.

3. Một người, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, là xuất hiện một người vi diệu. Một người ấy là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính một người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời là xuất hiện một người vi diệu.

4. Sự mệnh chung của một người, này các Tỷ-kheo, được đa số thương tiếc. Của một người nào? Của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sự mệnh chung của một người này, này các Tỷ-kheo, được đa số thương tiếc.

5. Một người, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời là xuất hiện một người, không hai, không có

đồng bạn, không có so sánh, không có tương trợ, không có đối phần, không có người ngang hàng, không có ngang bằng, không có đặt ngang bằng, bậc Tối thượng giữa các loài hai chân. Một người ấy là ai? Chính là Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Một người này, khi xuất hiện ở đời, là xuất hiện một người, không hai, không có đồng bạn, không có so sánh, không có tương trợ, không có đối phần, không có người ngang hàng, không có ngang bằng, không có đặt ngang bằng, bậc Tối thượng giữa các loài hai chân.

6-17. Sự xuất hiện của một người, này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của mắt lớn, là sự xuất hiện của đại quang, là sự xuất hiện của đại minh, là sự xuất hiện của sáu vô thượng, là sự chứng ngộ bốn vô ngại giải, là sự thông đạt của nhiều giới, là sự thông đạt của các giới sai biệt, là sự chứng ngộ của minh và giải thoát, là sự chứng ngộ quả Dự Lưu, là sự chứng ngộ quả Nhất Lai, là sự chứng ngộ quả Bất Lai, là chứng ngộ quả A-la-hán. Của một người ấy là ai? Chính là Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sự xuất hiện của một người này, này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của mắt lớn, là sự xuất hiện của đại quang... là sự chứng ngộ quả A-la-hán.

18. Ta không thấy một người nào khác, này các Tỷ-kheo, có thể chơn chánh chuyển vận Vô thượng Pháp luân do Như Lai chuyển vận, này

các Tỷ-kheo, như Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất, này các Tỷ-kheo, chơn chánh chuyển vận Vô thượng Pháp luân do Thế Tôn chuyển vận."

(Trích Kinh Tăng Chi – Chương Một Pháp – Phẩm Một Người)

II. TÁM Ý NGHĨA NHƯ LAI

Từ đầu tiên chúng ta thấy ở đầu đoạn Kinh là từ "Như Lai" – Tathāgata. Như Lai tức là khi Đức Phật nói chuyện với ai đó, Ngài hay xưng là Như Lai. Bất cứ khi nào muốn nói về bản thân, Đức Phật đã dùng từ này. Trong bản chú giải, "Như Lai" có tám ý nghĩa:

1. Nghĩa thứ nhất: Là Bậc đã đến như vậy.

Tức là khi Ngài thành Phật là đến quả vị Phật như vậy. Điều đầu tiên là bao giờ Ngài cũng phát nguyện. Riêng việc Đức Phật phát nguyện là phát nguyện trong tâm, chưa có ra lời, là 7 A-tăng-kỳ. Ngài tiếp tục hành các Ba-la-mật. Rồi khi mà Ngài phát nguyện ra lời là 9 A-tăng-kỳ - tổng 16 A-tăng-kỳ. Sau khi trải qua 16 A-tăng-kỳ đó xong thì Ngài được thọ kí, là phải trải qua thêm thời gian là 4 A-tăng-kỳ 100 ngàn đại kiếp nữa và vẫn tiếp tục hành các Ba-la-mật cho tròn đầy đến khi đạt

quả vị Phật Chánh Đẳng Giác. Cho nên Như Lai là đã đến như vậy.

Đại chúng biết 1 A-tăng-kỳ là bao lâu không? Nếu mà tính con số toán học là như vầy: 10 luỹ thừa 140, đó là 1 A-tăng-kỳ. Lâu nay vô Chùa mình cứ hay phát nguyện thành Phật, cứ nghĩ đó là đại nguyện. Nay nghe Thầy dạy bài này xong thì ra là "nguyện đại". Ví như mới phát nguyện thành Phật xong ra mất đôi dép, như một vị Thầy có nói: lúc mới vô Chùa phát nguyện là bạch cư sĩ, ra mất đôi dép thành bạch cốt tinh. Mới phát nguyện trên thành Phật cứu độ chúng sanh, ra mất đôi dép là từ bạch cư sĩ ra bạch cốt tinh. Vậy thì ở đây mình thấy quãng đường dài như vậy, Như Lai nghĩa thứ nhất là đã đến như vậy.

2. Nghĩa thứ hai: là Bậc đã đi như vậy.

Tức là sau khi Thái tử Tất-đạt-đa sinh ra tại Ấn Độ, rồi Ngài xuất gia, Ngài hành khổ hạnh, rồi Ngài chứng quả vị Phật Chánh Đẳng Giác *(Gotama Buddha)*. Dĩ nhiên, trước khi thành Phật thì Ngài cũng đoạn trừ những phiền não, cũng đắc đạo, đắc quả, rồi hoằng pháp lợi sanh và Ngài đi với con đường như vậy. "Đã đi như vậy" là tu tập

rồi xuất gia, thành Phật, hoằng pháp, để lại Tam Tạng Kinh điển: Kinh - Luật - Luận, để lại những lời dạy và sau đó Ngài nhập Niết-bàn. Nghĩa thứ hai là Bậc đã đi như vậy.

3. Nghĩa thứ ba: là Bậc đã đến với chân lý bằng con đường trí tuệ.

Tức là Đức Phật giác ngộ, Ngài thành Phật bằng con đường trí tuệ, chứ không phải bằng con đường đức tin.

Quý Phật tử vào Chùa đa phần là bằng niềm tin trước, nhưng mình phải nhớ đạo Phật không dừng ở niềm tin mà cái cốt tủy, cái thâm thúy, cao siêu, vi diệu, mầu nhiệm nhất của Phật Pháp đó chính là trí tuệ. *"Trí tuệ là sự nghiệp"*. Bây giờ quý vị vào chùa, làm đệ tử Đức Phật bằng đức tin là điều tốt thôi nhưng mà mình nhớ là không có dừng ở đức tin. Cả một kho tàng Phật Pháp mà Ngài đã để lại cho chúng ta, Thầy chỉ sợ quý vị không chịu học, không chịu tu thôi.

Phật Pháp lạ như vầy, cũng bài Kinh đó mà hôm nay mình thuộc như cháo nhưng không hiểu

gì. Bắt đầu mình học Phật pháp 3 tháng, 1 năm, 3 năm,… Quý vị đọc bài Kinh đó thì mình sẽ hiểu thêm một chút. Rồi mình tu tập, làm các công đức, tiếp tục học tiếp, vài năm sau mình đọc lại bài Kinh đó, nó sâu hơn một chút, phải không? Rồi vài năm nữa, quý vị tiếp tục học, tiếp tục tu, đọc lại bài Kinh đó thì nó lại sâu thêm một chút nữa. Phật pháp là như vậy. Cho nên trí tuệ của Phật, Phật nói ra rồi đó, phần còn lại là tùy mình hiểu được bao nhiêu thì hiểu. Giống như chúng ta đi xuống biển, mình mò dưới biển vậy, nó mênh mông. Quan trọng là mình thấm tới đâu, tùy phước đức của mình, công đức, trí tuệ, duyên lành của mình tới đâu mà mình hiểu lời Phật tới đâu, chứ chắc chắn không ai hiểu Phật. Nhớ giùm Thầy, không ai hiểu Phật bằng Đức Phật, tức là chỉ có Đức Phật mới hiểu Đức Phật thôi.

Ngài Xá-lợi-phất (Sāriputta) là cánh tay phải của Đức Phật, Ngài là trí tuệ đệ nhất, Ngài có thể đếm được từng hạt mưa trong một kiếp Trái đất. Vậy mà Ngài vẫn không hiểu hết về Đức Phật, vị Thánh đệ tử - cánh tay phải của Đức Phật còn không hiểu hết về Đức Phật thì huống chi là phàm phu mình! Chỉ có Đức Phật mới hiểu về Đức Phật như thế nào thôi. Nhưng mà chúng ta đến với Phật

Pháp, tùy khả năng tu học của mình mà mình hiểu lời dạy của Phật tới đâu và đặc biệt chỗ này nữa, quý vị càng tu tới đâu thì khi mà đọc tới đoạn Kinh đó thì quý vị mới thấm, nhất là chỗ đó mình đã tu tới đó rồi. Đọc tới đó xong là chỉ biết rơi nước mắt thôi. Cái hỷ đó nó khởi lên trong mình từng cơn từng cơn,

Vậy nghĩa thứ ba của Như Lai là Ngài đến với chân lý bằng con đường trí tuệ. Chúng ta đến với đạo Phật, rốt ráo phải là trí tuệ, còn trí tuệ tới đâu thì từ từ mình tu học, và dĩ nhiên trí tuệ cao nhất là trí tuệ của bậc Thánh.

4. Nghĩa thứ tư: là Bậc đã chiến thắng.

Lâu nay, đại chúng khi chụp hình rồi giơ hai ngón tay không? Giờ nghe Thầy giảng đoạn này, cái ý nghĩa số 2. Thầy nhớ cách đây vài chục năm, có vị ở bên Mỹ, ông đọc một bài diễn văn thì đưa số 2 lên là biểu tượng của sự chiến thắng. Cho nên khi quý vị thấy mấy cầu thủ đá banh hay vận động viên của trò chơi thể thao, khi mà thắng thì thường đưa số 2. Bởi vì đó là biểu tượng của người chiến thắng.

Vậy chúng ta là Phật tử, mình đưa số 2 lên ý nói mình là người chiến thắng. Bây giờ Thầy giải thích, nếu mà ở đời mình có cần thắng ai không? Không thắng ai. Còn trong đạo, chẳng lẽ mình tu mà lại muốn hơn người ta? Không có. *"Hơn thua so với chính mình, chính mình thì phải hơn mình hôm qua"*. Trong phương diện tu, ai mới được gọi là bậc chiến thắng? Đó chính là bậc Thánh A-la-hán. Bậc Thánh A-la-hán mới chính thức chiến thắng phiền não.

Cho nên thôi, Phật tử mình khi chụp hình đừng có đưa số 2 nữa vì số 2 là biểu tượng cho người chiến thắng. Vậy thì ở đây, Đức Phật là bậc chiến thắng, Như Lai có nghĩa là người chiến thắng. Chiến thắng đây là chiến thắng mọi kẻ thù là vô minh và phiền não tham sân si.

5. Nghĩa thứ năm: là Bậc hiểu rõ chân lý.

Đây là phương diện trí tuệ của Đức Phật, điều gì Ngài cũng biết. Các bậc Thánh, ví dụ như Ngài Xá-lợi-phất, Ngài Mục-kiền-liên, Ngài A-nan,… các Ngài vẫn có những điều không biết. Về phương diện phiền não thì Đức Phật và bậc thánh A-la-hán là đều thanh tịnh hết rồi, là không còn

phiền não. Nhưng mà về hiểu biết thì chỉ có Đức Phật là điều gì Ngài cũng biết, Ngài đã hiểu rõ các Pháp một cách thấu suốt, trên mọi phương diện.

6. Nghĩa thứ sáu: Là Bậc nói lời chân lý.

Ngài chỉ nói những sự thực, lời nói luôn đúng với sự thực. Từ khi Ngài thành Phật dưới cõi Bồ đề, cho đến khi Ngài nhập Niết-bàn, lời Phật luôn luôn là sự thật, Ngài không bao giờ nói hai lời. Trước số đông thì Ngài nói như vậy và ở một mình thì Ngài cũng như vậy. Có nghĩa là lời của Phật là luôn luôn là sự thật. Ngài nói chân lý chứ Ngài không có nói dối.

7. Nghĩa thứ bảy: Là Bậc có ngôn hành nhất quán.

Đức Phật nói sao làm vậy và làm sao nói vậy, hành động và lời nói đều tương hợp với nhau.

Ngôn hạnh hợp nhất là nói sao làm vậy và làm sao nói vậy, hành động và lời nói đều tương hợp với nhau. Còn phàm phu mình thì sao? Mình nói cho vui thôi. Trước số đông hoặc một mình thì Đức Phật nói như vậy làm như vậy.

8. Nghĩa thứ tám: Là Bậc Vô Thượng Y Vương.

"Vương" là vua. "Y" là Thầy thuốc. Ở đây không phải nói về Ngài là chữa bệnh thân, mà nói về bệnh tâm, Đức Phật là bậc Thầy chữa bệnh tâm cho chúng sanh. Nói tới đây, chúng ta sẽ thấy thế này, tại sao mình nói gặp Phật là hạnh phúc? Là vì khi mình gặp Phật, Phật nhìn vô là Ngài biết tất tần tật, tuốt tuồn tuột. Phật biết hết mình rồi, vấn đề là Ngài sẽ nói lúc nào, Ngài nói nội dung gì và nói dài hay ngắn thôi. Có những người, Ngài nói dài lắm, còn có những người Ngài nói ngắn thôi, có những người lúc 8 giờ Ngài không nói, 8 giờ 5 phút thì mới nói. Tại vì Ngài biết năm phút sau duyên mới đến.

Cho nên mình được gặp Phật là hạnh phúc là như vậy. Thời Đức Phật, là có nhiều vị Thánh, giống như mình nói là điểm hẹn của những người đại phước. Không phải tự nhiên như vậy mà là do nhiều kiếp, các vị đệ tử của Ngài cũng đã làm các công đức, làm các Ba-la-mật rồi. Và đợi đến khi có Phật xuất hiện thôi là các vị đó xuất hiện nghe thêm Phật nói một câu là đắc. Chúng ta thắc mắc vì sao thời Phật có nhiều người nghe là đắc?

Không phải tự nhiên, do nhiều kiếp các vị đó đã tu bồi các hạnh Ba-la-mật rồi, họ đợi khi Đức Phật ra đời, Ngài nói một câu, có người đắc liền, có người phải thời gian sau mới đắc. Và có những người gặp Phật, cả đời vẫn không đắc. Nhưng mà Phật vẫn nói, vẫn độ người đó để làm gì? Đời này không đắc nhưng đời sau sẽ đắc. Mà đời sau đắc là do hôm nay, do đời này có thực tập những điều này.

Chúng ta học trong kinh Đại Bát Niết Bàn có nói đến những lợi ích nhỏ và lợi ích lớn. Lợi ích lớn tức là đắc được đạo quả, Thánh quả A-la-hán, chấm dứt tử sinh. Và lợi ích nhỏ chính là lợi ích hiện tại và tuy không đắc nhưng mà là duyên lành cho đời sau kiếp khác để đắc. Vậy thì ở đây, ý nghĩa thứ 8 của Như Lai đó là Ngài có phương tiện thiện xảo và thuốc chữa đích thực để chữa lành bệnh khổ của chúng sanh, đó là Ngài chỉ cho họ cách đoạn trừ phiền não, những bất tịnh của tâm vốn làm cho họ đau khổ. Chính nhờ sự thiện xảo của lời dạy và sự tích lũy các công đức này mà Ngài đã thống lĩnh thế gian một cách hiệu quả.

II. PHÂN TÍCH

Chúng ta vừa đi qua 8 ý nghĩa của Như Lai *(Tathāgata)*. Bây giờ mình vào phân tích Chánh Kinh.

1. Sinh ra đem lại an lạc cho số đông

"Một người, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Một người ấy là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính một người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người."

(Trích Kinh Tăng Chi – Chương Một Pháp – Phẩm Một Người)

Đoạn này muốn nói có một người xuất hiện ở cuộc đời, khi xuất hiện đem lại lợi ích, an lạc cho chư Thiên và loài người, cho số đông chứ không phải cho tất cả. Lý do là vì: *"Phật tâm vô lượng, Phật chí vô biên, Phật lực vô cùng nhưng Phật vẫn không độ được người không có duyên."* Không phải Phật muốn độ ai là Phật độ. Dĩ nhiên

là trong quá trình Đức Phật hành các Ba-la-mật, Ngài gieo duyên rất nhiều chúng sanh, rất nhiều người được Ngài độ, nhưng không có nghĩa là Ngài độ được tất cả chúng sanh. Rồi chúng sanh mỗi người mỗi nghiệp, mà nhất là những người không có duyên với Ngài, thì đâu có độ được. Thì ở đây, sự xuất hiện của Ngài là lợi ích, an lạc cho Chư thiên và loài người.

Như Thầy nói, ngay tại thời Đức Phật mình gọi là thời Chánh pháp. Thời Chánh pháp là bậc Thánh rất là đông. Thời Chánh pháp người ta có thể bỏ mạng chứ không bỏ đạo. Thời Đức Phật, trong nhà người ta lúc nào cũng sắp xếp một chỗ trang nghiêm nhất, trân trọng nhất, trung tâm nhất trong nhà để đón Phật, dù họ biết rằng có thể một đời này họ cũng không có phước phần để Đức Phật ghé vào. Nhưng mà họ hy vọng vậy đó, hy vọng là sẽ có một lúc Phật ghé, hoặc Phật không ghé đi chăng nữa, cứ nhìn lên chỗ đó là biết chỗ tôn kính nhất dành cho Phật. Cho nên tại sao Thầy hay nói ở nhà mình, mình nên có bàn Phật nho nhỏ cũng được, để làm chi? Để có chỗ mình hướng về, chỗ đó là chỗ sanh phước, là chỗ để cho mình tĩnh tâm, chỗ để cho mình học bao nhiêu bài học. Nhờ chỗ đó mà mình mới có đầy đủ hết, mình có một ngôi nhà lớn, có sức khỏe, có sắc đẹp, có tài sản, có một địa vị,… là nhờ phước của mình. Khi ta

lạy Phật, tu tập theo lời Phật thì nhờ phước đó mình mới có tất cả như vậy. Bây giờ, khi mình làm cái nhà lên rồi, rộng lắm, tiếc là không có cái chỗ thờ Phật. Chỗ ăn có, chỗ ngủ có, chỗ chơi có, chỗ thể thao có, chỗ gì cũng có, riêng có cái chỗ thờ Phật không có. Là không được! Mình là con Phật thì nơi trung tâm nhất là dành cho Phật. Và nếu quý vị thương Phật, tin Phật, kính Phật, thì cái gì quý nhất là chúng ta nghĩ tới Phật. Ở ngoài vườn, trái cây nào chín là mình nghĩ tới Phật liền, Phật có cần gì nơi mình không? Ngài không có cần gì nơi mình hết. Khi quý vị hiểu Phật Pháp rồi, mình nghĩ về Phật là chỉ có thương kính Phật, biết ơn Phật thôi. Và tùy khả năng, cái duyên của mình mà nguyện: "*Con nguyện cả đời của con giống như cây cầu đưa người về với Phật pháp, đưa về với Đức Phật."* Thầy nói ra để tùy mỗi người hiểu Phật tới đâu, mình tin Phật tới đâu, mình biết ơn Phật tới đâu và mình nguyện một đời như vậy đó.

Ở đây, khi Đức Phật xuất hiện là sự an lạc, lợi ích cho số đông, cho chư Thiên và loài người và nếu Thầy nói cả đời này mình chưa đắc đạo, mình chết thì đi đâu? Thầy nói vui là đi đâu còn lâu mới biết. Với bản thân Thầy thì cái nguyện cao nhất là ngày mà giác ngộ giải thoát, chấm dứt luân

hồi, tử sanh, đắc Thánh quả A-la-hán. Dĩ nhiên đó là cái cuối cùng của lý tưởng đời tu. Nhưng mà mình không biết khi nào, vậy thì trong những kiếp mà mình đang tu tập, mình chưa đắc thì mình đi đâu? Vậy thì chúng ta nguyện sanh lên các tầng Trời – nơi còn có bậc Thánh. Nếu mà thương Phật quá, năn nỉ các vị đó cho con thấy được hình ảnh Đức Phật. Rồi các vị đó có thần thông và đã sống vào thời đức Phật, việc đó dễ dàng với các vị lắm. Thầy cũng nguyện như vậy: *"Nếu con chưa có đắc được đạo quả thì cho con sanh lên các tầng trời, mà các tầng trời có bậc Thánh"*. Bởi vì tái sanh cõi Trời là cõi hưởng dục, hưởng an lạc. Nhưng khi hết phước thì sao? Hết phước thì cũng phải lọt xuống lại cõi người hay cõi đọa xứ mà thôi.

Nếu quý vị đời này đắc thiền nữa thì quá tuyệt vời, đắc được Sơ, Nhị, Tam, Tứ thiền thì sanh lên cõi Phạm Thiên. Mình nguyên tái sanh cõi những cõi Phạm Thiên mà có Pháp, có bậc Thánh. Ở đây, quý vị nhớ là trong những giai đoạn càng ngày càng tật bệnh, chúng sinh càng bất thiện, càng phi đạo đức và tuổi thọ đang giảm. Tính theo Phật Pháp, tuổi thọ chúng sanh bây giờ là khoảng hơn bảy mươi, cứ một trăm năm lại

giảm, trăm năm lại giảm, lại trăm năm rồi giảm, giảm mà đến lúc còn mười tuổi! Lúc đó là loạn luân, và bất thiện lắm, chúng sanh thời đó thích chém giết, rồi bệnh tật, rồi đói khổ. Cho nên nếu mà mình sinh vào những giai đoạn đó là mình dễ tà kiến lắm. Thầy nói ra đoạn này, ai mà ham tu, đời này mà đủ duyên đắc thiền, đắc thiền thì mới chắc chắn là chết một cái với tâm Thiền là lên Phạm Thiên. Nếu đắc Sơ, Nhị, Tam, Tứ thiền thì lên Phạm Thiên Sắc giới. Nếu đắc Tứ Không thiền thì tái sanh cõi Phạm Thiên Vô Sắc.

Cái ranh giới để cho chúng ta tái sanh ở cõi lành, tức là chưa lên cõi Phạm Thiên mà chỉ ở cõi người hoặc cõi chư Thiên Dục giới là gì? Đó là giữ giới. Giới tức là ranh giới để cho chúng ta tái sanh ở cõi đọa hay là cõi người, hoặc là cõi chư Thiên Dục giới. Còn lên Phạm Thiên phải là đắc thiền. Tu cái nào đắc cái nào. Còn mình không biết tu, không học, không có vị Thầy hướng dẫn là rất dễ tu sai, tà kiến, dễ sanh cõi đọa xứ.

"*Một người ấy là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.*"

Lâu nay, quý vị hay nghe từ Thế Tôn. Thế Tôn là gì? Thế Tôn là bậc được thế gian tôn sùng và kính trọng. Thế Tôn có nghĩa là bậc đại phước, là các Ba-la-mật đủ đầy, công đức, trí tuệ, từ bi đủ đầy. Thế Tôn là bậc có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp. Thế tôn là bậc đã diệt tận phiền não.

Bậc A-la-hán chính là bậc Thánh, quý vị nhớ là Thánh có bốn quả vị Thánh: Sơ quả Tu-đà-hoàn, Nhị quả Tư-đà-hàm, Tam quả A-na-hàm và Tứ quả A-la-hán. Trong bốn quả vị Thánh thì quả vị cao nhất là quả vị A-la-hán. Khi một người đắc quả A-la-hán là mới xong việc, là mới hoàn toàn chấm dứt vòng luân hồi. Ngài Xá-lợi-phất, Ngài Mục-kiền-liên, Ngài A-nan, Ngài Ca-diếp, Ngài La-hầu-la, Ngài Phú-lâu-na, Ngài A-na-luật,… các vị là đều chứng quả A-la-hán hết nhưng chỉ duy nhất Đức Phật Thích Ca mới được gọi là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Nhớ giùm Thầy chi tiết này: các vị Thánh khác gọi là Thánh A-la-hán thôi chứ không gọi là A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Tại sao? Có hai lý do:

Lý do thứ nhất:

Đức Phật được gọi là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác vì không Thầy tự ngộ. Tức là con đường Ngài tu thành Phật không có Thầy, ai hỏi Đức Phật có Thầy không thì chúng ta trả lời là

"k*hông có Thầy*" chỉ có Thái tử Tất-Đạt-Đa thì có thầy, Ngài có những vị thầy xem tướng, những vị thầy dạy văn, dạy võ. Vậy các vị Thầy dạy cho Ngài đắc thiền thì có mà lúc đó thì Ngài còn là Thái tử Tất-Đạt-Đa, nhưng con đường tu để thành Phật thì Ngài không có Thầy. Đức Phật không Thầy tự ngộ và ngộ rồi dạy lại được con đường và Ngài mở lại con đường Phật pháp đó cho chúng ta tu tập đến ngày hôm nay.

Giờ phút mà Ngài thành Phật, dưới cội Bồ đề, mình nói là giọt nước cuối cùng, chứ không phải Ngài tu sáu năm khổ hạnh là thành Phật. Mà Ngài tu 20 A-tăng-kỳ 100 ngàn đại kiếp. Nếu tính kĩ hơn thì là 7 A-tăng-kỳ phát nguyện trong tâm, 9 A-tăng-kỳ phát nguyện ra lời, 4 A-tăng-kỳ 100 ngàn đại kiếp là tính từ lúc được thọ kí. Ngài tu một khoảng thời gian dài như vậy. Và cách đây hơn 2500 năm ở Ấn Độ nó giống như là giọt nước cuối cùng thôi. Mình phải thấy như vậy, đó là giọt nước cuối cùng và con đường mà Ngài thành Phật là không có Thầy. Trong cuộc đời này chỉ có hai hạng người không Thầy tự ngộ. Một là Đức Phật Chánh Đẳng Giác, hai là Đức Phật Độc Giác.

Lý do thứ hai:

Đức Phật được gọi là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác vì Ngài tìm ra được con đường và Ngài dạy lại con đường ấy cho chúng sanh. Thì ở đây, quý vị phân biệt chỗ này cho Thầy: Đức Phật Chánh Đẳng Giác là bậc không Thầy tự ngộ, tìm ra được con đường và Ngài dạy lại con đường ấy cho chúng sanh. Còn Đức Phật Độc Giác cũng là bậc không Thầy tự ngộ, tìm ra được con đường giác ngộ nhưng không dạy lại, không thuyết Pháp tế độ chúng sinh. Đức Phật Độc Giác chỉ thành Phật khi trong thời kỳ không có Đức Phật Chánh Đẳng Giác và không còn giáo pháp của Ngài. Nếu trong thời kỳ có Đức Phật Chánh Đẳng Giác và còn giáo pháp của Ngài, thì các vị sẽ chứng quả Thánh.

Sẵn đây, ở hội chúng này hiện tại không có nghe một tiếng động nào giữa hội chúng mấy trăm người này (ngoài âm thanh Thầy giảng), Thầy sẽ kể quý vị nghe câu chuyện về Vua A-xà-thế *(Ajātasattu)*. Thời Đức Phật có trường hợp vua A-xà-thế phạm tội giết cha là vua Tần-bà-sa-la *(Bimbisāra)*. Sau khi được Mẫu hậu là bà Vi-đề-hi *(Vaidehī)* kể về tình thương của Vua cha dành cho mình, Vua A-xà-thế cảm thấy rất áy náy, ăn năn và buồn chán. Sau này, khi ông hiểu Phật Pháp rồi, ông biết phạm tội giết cha quá nặng nên ông nói: *"Bây giờ cái vương quyền này có lợi ích*

gì khi mà cha ta không còn nữa?". Mà ông lại chính là người giết cha. Sau đó ông quay lại Phật Pháp và có một chi tiết về vua A-Xà-Thế cảm động lắm. Ông biết đến Phật Pháp lần đầu tiên do sau khi giết cha, ông buồn quá nên được Lương y Jīvaka (thầy thuốc chữa bệnh cho Đức Phật và chư Tăng) hướng dẫn đi gặp Đức Phật. Thầy Jīvaka nói với ông là: *"Đại Vương hãy vào gặp Đức Phật đi, Đức Phật sẽ chỉ cách để cho Đại Vương vượt qua khó khăn này".* Lúc đầu ông sợ nhưng Thầy Jīvaka nói không sao, Đức Phật từ bi lắm. Quý đại chúng biết không, trong lúc Thầy Jīvaka cùng ông đi tới khu vườn xoài, ông nghe im phăng phắc, xung quanh yên tĩnh, không có một tiếng động nào. Do sự yên tĩnh này nên vua A-xà-thế thấy không được thoải mái, và sự nghi ngờ Thầy Jīvaka sinh lên trong tâm ông: *"Jīvaka nói với ta rằng có 1.250 vị Tỳ-kheo trong vườn xoài nhưng ta không hề nghe thấy tiếng hắt hơi, hắn nói dối ta. Muốn chiếm đoạt ngai vàng nên hắn lừa ta, đưa ta ra khỏi thành, sắp đặt mai phục phía trước và sắp bắt ta".* Thầy thuốc Jīvaka biết được nỗi lo của vua nên trấn an: *"Thưa Đại vương, Ngài chớ sợ. Tôi không phản Ngài, tôi không lường gạt Ngài, tôi không nạp Ngài cho kẻ thù. Thưa Đại Vương, hãy đi thẳng tới".* Quý Phật tử biết đi thêm chút nữa chuyện gì xảy ra không? Ông nhìn thấy một

thiền đường lớn với hơn một ngàn vị Tỳ-kheo ngồi bên trong mà không có một tiếng động. Lúc đó vua A-xà-thế mới nói lên câu này: *"Bạch Đức Thế Tôn, nhìn thấy Tăng đoàn của Đức Thế Tôn, con có niềm tin nơi Chánh Pháp của Đức Thế Tôn".*

Đây là một tích truyện mà Thầy rất cảm động và đó cũng là lý do khi mà giảng pháp là không bao giờ Thầy cho quý vị nói chuyện, nếu không nghe Pháp thì mình đi ra, chứ tuyệt nhiên ngồi nghe Pháp là không cho nói chuyện. Đó là biểu hiện của sự tôn trọng Pháp. Khi mà Quý vị ngồi im, nó hay lắm. Thực ra ngồi yên là biểu hiện của gì? Biểu hiện sự định tâm của mình và thường một ngày mà mình không có nói là mình khó chịu lắm, phải không? ***Bậc Thánh chỉ nói khi không thể im, còn phàm phu chỉ im khi không thể nói***. Chúng ta thấy Thánh và Phàm khác nhau không? Nên quý vị hãy tập cho mình sự kham nhẫn, mình chỉ nói đúng lúc, đúng chỗ, đúng thời. Đức Phật dạy: "*Này các Tỷ-kheo, khi các Người hội họp với nhau, có hai việc cần phải làm: luận bàn đạo pháp hay giữ sự im lặng của bậc Thánh."* (Trích Kinh Thánh Cầu, Trung Bộ Kinh số 26).

Chúng ta quay lại bài, vậy một vị được gọi là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác là bởi hai điều. Một là không Thầy tự ngộ; hai là ngộ rồi dạy lại con

đường ấy. Và chỉ có một người duy nhất như vậy. Đó là ai? Chính là Đức Phật.

2. Vì sao gặp Phật là khó?

"Sự xuất hiện của một người, này các Tỷ-kheo, khó gặp được ở đời. Của người nào ? Của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sự xuất hiện của một người này, này các Tỷ-kheo, khó gặp được ở đời."

(Trích Kinh Tăng Chi – Chương Một Pháp – Phẩm Một Người)

Đại ý đoạn Kinh này nói là khó gặp được Đức Phật. Và bây giờ Thầy sẽ cho quý vị biết khó là như thế nào. Có ba điều khó: thời gian, không gian, công hạnh.

Thứ nhất:

Là khó về thời gian: Là một vị Phật Chánh Đẳng Giác thì khoảng thời gian tu thành Phật Chánh Đẳng Giác ít nhất là 20 A-tăng-kỳ 100 ngàn đại kiếp. Như Đức Phật Thích Ca *(Gotama Buddha)* là Ngài nghiêng về trí tuệ, cho nên Ngài tốn khoảng thời gian là 20 A-tăng-kỳ 100 ngàn đại

kiếp. Còn có những vị Phật Chánh Đẳng Giác nghiêng về đức tin thì là 40 A-tăng-kỳ 100 ngàn đại kiếp. Có những vị Phật Chánh Đẳng Giác nghiêng về tinh tấn thì 80 A-tăng-kỳ 100 ngàn đại kiếp. Một khoảng thời gian quá dài như vậy để trở thành một vị Phật.

Vào thời Đức Phật Nhiên Đăng *(Dīpaṅkara)* thì tiền thân của Đức Phật Thích Ca là một du sĩ tên là Thiện Huệ *(Sumedha)* và lúc này Ngài đã đủ duyên để đắc Thánh quả A-la-hán, tức là có đầy đủ Ba-la-mật để đắc được Thánh quả nhưng Ngài không đắc Thánh quả, Ngài đã bỏ qua cơ duyên này, Ngài đóng một chiếc thuyền lớn hơn để có thể đưa nhiều người qua sông, đưa nhiều người qua bể khổ cho nên Ngài phát nguyện thành Phật Chánh Đẳng giác chứ không phải một bậc Thánh Thanh văn A-la-hán. Trong khi Đạo sĩ Sumedha đang lập nguyện thành Phật thì một thiếu nữ Bà-la-môn tên là Sumittā (tiền thân *Yasodharā* tương lai) trên tay cầm 8 đóa hoa sen hòa nhập với đoàn người đi đến để cúng dường Đức Phật Dīpaṅkara. Khi nhìn thấy Đạo sĩ Sumedha nằm sấp lấy thân mình làm chiếc cầu trên đoạn đường ấy, cô liền phát sinh đức tin trong sạch, kính dâng đến vị Đạo sĩ 5 đóa hoa sen, còn 3 đóa hoa sen để lại cho mình và bày tỏ ước muốn: *"Trải qua suốt thời gian dài thực hành viên*

mãn Ba-la-mật để thành đạt đạo quả Phật của Ngài, con nguyện sẽ làm người cộng tác trong cuộc đời của Ngài." Có những kiếp lạc nhau, mà đã gặp là bà cứ đứng phía sau âm thầm hỗ trợ cho Ngài làm nên lịch sử. Và rồi kiếp cuối Ngài thành Phật, bà cũng âm thầm hỗ trợ, và xuất gia đắc Thánh quả A-la-hán. Bà được Đức Phật tán thán là Đệ Nhất Thắng Trí bên Tỳ-kheo Ni.

Vậy chúng ta thấy, vào thời Phật Nhiên Đăng, thì tiền thân Đức Phật Thích Ca đã đủ duyên để đắc Thánh quả A-la-hán nhưng Ngài không đắc vì Ngài muốn đóng một chiếc thuyền lớn hơn để có thể đưa nhiều người qua bể khổ thì cần thêm 4 A-tăng-kỳ 100 ngàn đại kiếp nữa. Và Ngài biết rằng nếu phải đi một khoảng thời gian dài như vậy thì sẽ có nhiều kiếp xuống địa ngục - ngạ quỷ - súc sanh. Vì tình thương, vì muốn tìm đạo và muốn dạy cho chúng sanh một con đường nên Ngài chấp nhận. Học tới chỗ này mình mới thấy thương Phật.

Thứ hai:

Là khó về không gian: Quý vị nhớ không phải lúc nào cũng có Phật xuất hiện. Kiếp của chúng ta đang sống gọi là hạnh phúc lắm, Trái đất của mình đang sống có năm vị Phật, gọi là Hiền kiếp. Năm vị Phật đó là **Phật Câu Lưu Tôn** *(Kakusandha Buddha)*, **Phật Câu Na Hàm Mâu**

Ni *(Koṇāgamana Buddha)***, Phật Ca Diếp** *(Kassapa Buddha)* **và Phật Thích Ca** *(Gautama Buddha)* là vị Phật thứ tư và sắp tới tương lai sẽ có **Đức Phật Di Lặc** *(Metteyya)* nữa. Có những kiếp trái đất không có vị Phật nào. Có kiếp một vị, hai vị và nhiều nhất là năm vị. Chúng ta may mắn là kiếp trái đất của mình là có năm vị. Về không gian là mười ngàn thế giới này, trong một lúc không bao giờ có hai vị Phật xuất hiện một lúc. Lát nữa Thầy sẽ giải thích vì sao lại như vậy. Cho nên về không gian là rất lâu mới có một vị Phật xuất hiện.

Thứ ba:

là về công đức lành: biểu hiện của kiếp cuối cùng của Đức Phật là 32 tướng tốt. Đó chính là những công đức lành của Ngài nó biểu hiện ra tướng đó. Nếu quý vị muốn hiểu về Đức Phật kĩ hơn thì nghe hay đọc lại ba bài: Phật Đạo, Phật Tướng và Phật Nạn (Khóa 1). Phật đạo - con đường Ngài tu thành Phật. Phật tướng - những tướng tốt của Phật. Và Phật nạn - những nạn tai của Phật sau khi thành đạo.

"Kính lạy Đức Thế Tôn!

Điều gì Ngài cũng biết,

Trong tuệ giác vô song,

Của bậc trí nhất thiết.

Kính lạy Đức Thế Tôn!

Ai Ngài cũng đều thương,

Trong tâm từ vô lượng,

Lan tỏa khắp mười phương.

Kính lạy Đức Thế Tôn!

Đức lành Ngài đều có,

Bậc Thầy của chúng con,

Trong đêm dài khốn khó."

(Thiện Tuệ)

Thành Phật khó như vậy, thời gian dài lắm, không gian rộng lắm, mênh mông lắm mới có một vị Phật xuất hiện. Và nữa là công đức, từ bi, trí tuệ của Ngài, vô số kiếp mới tròn đầy. Gặp Phật khó

lắm nhưng mà thời đức Phật, khi mà Phật xuất hiện có những vị ở cạnh Phật, vậy nhưng không có duyên được gặp Phật. Cho nên muốn gặp Phật, quý vị phải tu tập, làm các công đức, điều thiện lành rồi phát nguyện được gặp Phật. Nguyện để có cái tần số, Ngài gặp mình, có duyên để độ mình. '*Phật hóa hữu nhân duyên*', không có duyên Phật độ cũng không có được.

3. Sự xuất hiện một người vi diệu

"Một người, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, là xuất hiện một người vi diệu. Một người ấy là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính một người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời là xuất hiện một người vi diệu."

(Trích Kinh Tăng Chi – Chương Một Pháp – Phẩm Một Người)

Sự xuất hiện của Đức Phật là vi diệu. Khi Phật Đản sanh, Thành đạo, nhập Niết-bàn hay khi Ngài thuyết những bài Kinh quan trọng là Trái đất rung động.

Giống như trên thế giới mình sẽ có những vị mà người ta chỉ kí một chữ kí thôi, viết cái văn bản thôi, nói một câu thôi là trái đất này rung động Quý vị thử mình kí 10 văn bản coi có rung động gì không? Không rung gì hết. Vì sao? Vì Phước của mình nhỏ quá. Ở trong một gia đình năm người thôi mà mình nói bốn người còn lại nghe thì đó là phước của quý vị. Nói cho người ta nghe không phải dễ đâu. Huống chi là vào công ty 50 người, 500 người hoặc là dẫn đầu một đoàn thể nào đó, đứng đầu khó lắm, không phải dễ. Tại vì sao? Muốn đứng hàng đầu là không đầu hàng. Bây giờ quý vị muốn đứng hàng đầu là bất cứ thiện Pháp nào là mình nhảy vô làm trước, dẫn dắt mọi người cùng làm, tạo duyên, ủng hộ, yểm trợ cho người ta làm và dù khó khăn mệt nhọc cũng không thoái lui.

Ở đây, sự xuất hiện của Đức Phật là vi diệu, một con người với những công đức lành xuất hiện làm Trái đất rung động.

4. Sự ra đi của một người được đa số tiếc thương

"Sự mệnh chung của một người, này các Tỷ-kheo, được đa số thương tiếc. Của một người nào? Của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sự mệnh chung của một người này, này các Tỷ-kheo, được đa số thương tiếc."

(Trích Kinh Tăng Chi – Chương Một Pháp – Phẩm Một Người)

Mệnh chung là chết, mất, qua đời. Ở đây chúng ta không dùng từ "Phật mất", mà mình dùng từ Phật nhập Niết-bàn. Niết-bàn có nghĩa là là vô sinh, không còn sinh tử nữa, là chấm dứt vòng sinh tử luân hồi, Niết-bàn là đã đoạn tận vô minh và tham ái. Cho nên phàm phu chúng ta chết thì không được gọi là Niết-bàn đâu. Niết-bàn chỉ dành gọi cho Phật, cho bậc Thánh A-la-hán thôi.

Trong Kinh Đại Bát Niết Bàn có nói về 10 tháng cuối đời của Phật, rồi 3 tháng, sau đó là một ngày và sau cùng là một đêm. Ngày buồn nhất trần gian là ngày Đức Phật nhập Niết-bàn. Trong Kinh kể ngày Đức Phật nhập Niết-bàn không chỉ có loài người khóc mà còn có chư Thiên rơi lệ, chấn động cả địa cầu. Trong Kinh miêu tả ngày Đức Phật đản sanh và thành đạo

giống như hình ảnh *"con voi"* bước xuống thuyền mà thuyền này nhỏ quá nên chiếc thuyền bị chông chênh, chông chênh. Cũng như giờ phút đó làm cho Trái đất rung động, có một con người tuyệt vời, vĩ đại đã đản sanh, đã thành đạo. Và ngày Ngài nhập Niết-bàn cũng là hình ảnh *"con voi"* bước lên lại trên mặt đất, một lần nữa thuyền bị chông chênh, chông chênh (con người tiếc nuối, chư Thiên thương tiếc). Lúc Thầy đọc trong Kinh Đại Bát Niết Bàn đến đây Thầy khóc vì thương Phật. Mình còn là phàm phu nên khóc, còn bậc Thánh đắc A-na-hàm trở lên không khóc, dù thương kính Phật nhưng các Ngài không còn phiền não nữa thì không rơi lệ.

Thầy A-nan (Ānanda) là thị giả của Đức Phật lúc này chỉ mới chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn nên Ngài đã khóc. Trong Kinh diễn tả là Thầy A-nan tối tăm mặt mày như lau sậy, tựa cửa trong tinh xá khóc. Thầy A-nan rất thương Phật, , mỗi tối là 5 đến 6 lần cầm đuốc đi quanh Hương thất của Phật để coi mọi việc ổn chưa. Cho nên Thầy hiểu được từng cử chỉ, lời nói, nụ cười hay việc gì của Phật, Thầy đều hiểu. Khi Đề-bà-đạt-đa *(Devadatta)* lăn đá từ trên đỉnh núi xuống hại Đức Phật không được nên ông thuê 16 sát thủ bắn Ngài nhưng cũng không thành công. Sau đó ông tiếp tục bày mưu

với vua A-xà-thế *(Ajātasattu)* chuốc rượu con voi hung hãn tên Nāḷāgiri *(Đồi lau)* cho nó say mất tâm trí. Hung tượng này có tên là Đồi Lau vì nó có bộ lông như ngọn đồi lau, từng sợi lông như sợi lau, nó lao đến ai là ủi người đó chết, đằng này nó còn bị cho uống thêm 16 hủ rượu nữa nên nó bị điên loạn lên, mất hết tâm trí.

Quý vị biết không, lúc con voi say chạy thẳng đến trước mặt Đức Phật, Thầy A-nan tiến ra phía trước để bảo vệ Ngài. Đức Phật bảo Thầy Ānanda lui ra ba lần mà Thầy không nghe, Thầy không muốn cãi lời nhưng vì quá thương Đức Phật, Ngài là Sư phụ của Thầy, nếu Thầy né ra thì con voi đó sẽ chạy đến gây nguy hiểm cho Đức Phật. Đức Phật nói lần thứ ba nhưng Thầy vẫn không nghe, giống như Đức Phật dùng thần thông làm Thầy đi ra phía sau. Sau đó Đức Phật mới hướng tâm, Ngài rải lòng từ và nhìn voi Nāḷāgiri, Ngài nói thế này:

"Này Nāḷāgiri, ta là Thầy của Trời người, con là chúa tể của các loài Voi, người ta đã cho con uống 16 hũ rượu để con mê loạn tâm trí mà hại Như Lai – Con là Phật sẽ thành. Hãy đến đây với Như Lai".

Với lòng từ, Ngài đã rải tâm từ đến chú voi Nāḷāgiri này. Sau đó con voi sụp xuống lạy Đức

Phật. Voi Nāḷāgiri trở nên hiền như cục bột và từ đó trở đi không còn tâm niệm bất thiện nào nữa, trở thành voi hiền lành, dễ mến cho đến trọn đời của nó. Đức Phật nói: *"Con là Phật sẽ thành"* nghĩa là voi Nāḷāgiri tương lai sẽ thành Phật Chánh Đẳng Giác.

Ý Thầy muốn nói ở đây là tại sao Thầy A-nan thương Phật như vậy? Là vì Thầy A-nan gần gũi với Phật trong thời gian dài làm thị giả và thêm một chi tiết nữa là Thầy đã nhiều kiếp đi với Phật rồi, cho nên là thương vậy đó. Giống như trong đời của mình có những người mình gặp người đó là mình thương. Gặp nhau, thương nhau để để trả nghiệp bất thiện. Và thương là hỗ trợ cho người đó, yểm trợ cho người đó. Vào thời Đức Phật, có hai vợ chồng được Đức Phật tán thán là Đệ nhất chung tình. Hai vợ chồng này (ông Nakulapita và bà Nakulamatā) chính là hai ông bà khi gặp Đức Phật, bà chạy ra nói: *"Ông ơi con về, con về!"* Ông chạy ra nói: *"Bà ơi con về, con về!"* tức là nói Đức Phật. Tại vì sao? Đã có nhiều kiếp hai vị này là mẹ, là cha, là bà,… thương yêu, lo lắng cho Đức Phật. Cho nên khi họ thấy Đức Phật là thương một cách kỳ lạ như vậy. Và cũng hai ông bà này có

2.000 kiếp là thân thuộc của nhau, cho nên họ thương nhau dữ lắm. Đến kiếp cuối họ cũng thương nhau và cũng là cái duyên với Phật nên họ thương Đức Phật. Thương mà đến mức Đức Phật vậy mà cũng coi như con của ông, con của bà, thương một cách lạ kỳ.

Trước khi nhập Niết-bàn, Đức Phật đi bộ về Kusinārā, đoạn đường chỉ còn 6 đến 7 cây số mà Đức Phật ngồi nghỉ đến 25 lần. Ngài đã hứa khả với Ma Vương sẽ nhập Niết-bàn cách đây 3 tháng. Trên đường đi đến Kusinārā thì Ngài tùy duyên hóa độ. Nơi Đức Phật chọn để tịch diệt Niết-bàn không phải là kinh thành hay phố thị phồn hoa, nơi mà có các vị đệ tử cư sĩ là Vua, quan, đại gia đã hộ độ Ngài mà Thế Tôn chọn khu rừng Sāla xứ Kusinārā xa xôi, hẻo lánh, đường xá khó đi. Có ba lý do Ngài chọn Kusinārā là nơi Ngài tịch diệt Niết-bàn:

1/ Đức Phật có cơ hội thuyết bài Kinh Mahādassanasutta (Kinh Thiện Kiến). Trước đây Kusinārā là kinh đô phồn hoa, tráng lệ, Thế Tôn thuyết về vô thường để khuyến khích dân chúng có đức tin trong sạch nơi Tam bảo và cố gắng hành thiện pháp.

2/ Đạo sĩ Subhadda là vị đệ tử cuối cùng của Đức Thế Tôn đang trú tại Kusinārā. Đây là hạng đệ tử mà chỉ có Ngài tế độ được, ngoài ra không có vị Thánh Thanh Văn đệ tử có khả năng tế độ vị đạo sĩ này.

3/ Chỉ có ông Bà-la-môn Doṇa đang ở Kusinārā mới có khả năng đứng ra làm trung gian phân chia Xá-lợi cho các nước lớn mà không gây ra tranh chấp, chiến tranh.

Thầy đọc đến đây mà Thầy khóc luôn đó quý vị. Quãng đường chỉ gần 7 cây số mà Ngài nghỉ đến 25 lần, lúc này cơ thể của Đức Thế Tôn đã mệt mỏi, yếu ớt đến cỡ nào rồi. Thứ nhất là Ngài bị bệnh đau lưng, rồi cuối đời bị bệnh đại tiện ra máu (kiết lỵ) nữa. Trên đường đi đến Kusinārā thì Ngài bị khát nước. Trước đó 3 tháng, Đức Phật còn bị một cơn bạo bệnh, như mình nói hiện nay là bị đột quỵ. Dù vậy nhưng Ngài vẫn dùng thần lực chú nguyện để tạm ổn trong 3 tháng đó để nhập Niết-bàn tại Kusinārā. Khi học những chi tiết này chúng ta mới thấy thương Thế Tôn vô cùng.

Còn với phàm phu mình thì ai khổ cũng kệ, miễn mình không khổ được rồi. Tâm mình, lòng từ của

mình là trái nho; còn tâm của Phật là Trái đất. Cho nên đừng hỏi tại sao mà mình khổ, tại sao mà mình nghèo, bệnh, bị này bị kia. Tại vì mình thiếu phước. Chúng ta là con Phật thì mình không có trách than. Mình phải chấp nhận rồi từ đó cố gắng mình tạo thiện pháp.

"Đừng trách Mẹ, đừng trách Cha,

Đừng trách người sao thay lòng đổi dạ,

Đừng trách gió mùa sa,

Đừng trách lá nơi nào sao cứ hoài rớt vội,

Đừng trách những con người đã một lần lầm lỗi,

Mà hãy tự trách mình sao không đủ thứ tha."

Khi Thế Tôn đã ra đi, đại địa trong mười muôn vũ trụ rung chuyển, lúc đó chư thiên, Phạm thiên, kể cả các vị A-la-hán đều có một câu nói giống nhau: Thế Tôn đã biến mất, Thế Tôn đã viên tịch, ngọn đèn của thế giới đã tắt, ánh mắt của thế giới đã khép lại. Nghĩa là từ đây chúng sanh sống trong mù lòa, bao nhiêu nan giải của mình hỏi ai bây giờ! Đức Phật nói với Thầy A-nan:

"*Này Ānanda, nếu trong các ngươi có người nghĩ rằng: "Lời nói của bậc Đạo sư không còn nữa. Chúng ta không có Đạo sư (giáo chủ)". Này Ānanda, chớ có những tư tưởng như vậy. Này Ānanda, Pháp và Luật, Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo Sư của các Ngươi"* Và lời dạy cuối cùng của Đức Phật trước khi nhập Niết-bàn là: *"Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật".*

Đức Phật vĩ đại như vậy mà Ngài còn phải nằm xuống. Mấu chốt mình thấy là gì? Chúng ta sống sao mà đem lợi ích cho nhiều người, đệ tử Phật là ứng dụng lời Phật dạy trong cuộc sống hàng ngày. Sự mệnh chung của Đức Phật là đau thương, mình gọi là những tháng ngày buồn nhất của thế gian. Cho nên mình học tới đây mới thấy thương Phật, rồi đến lúc Ngài cũng phải nằm xuống, cũng theo quy luật. Vừa rồi la Thầy nói về sự mệnh chung của Ngài được đa số thương tiếc.

5. Một người không có đồng bạn, không có người ngang hàng

"Một người, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời là xuất hiện một người, không hai, không có đồng bạn, không có so sánh, không có tương trợ, không có đối phần, không có người ngang hàng, không có ngang bằng, không có đặt ngang bằng, bậc Tối thượng giữa các loài hai chân. Một người ấy là ai? Chính là Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Một người này, khi xuất hiện ở đời, là xuất hiện một người, không hai, không có đồng bạn, không có so sánh, không có tương trợ, không có đối phần, không có người ngang hàng, không có ngang bằng, không có đặt ngang bằng, bậc Tối thượng giữa các loài hai chân."

(Trích Kinh Tăng Chi – Chương Một Pháp – Phẩm Một Người)

Tức là Đức Phật xuất hiện là không có ai ngang bằng Đức Phật hết. Không ngang bằng về phương diện nào? Đó là về phương diện trí tuệ, về từ bi, về công đức.

Nếu không tính Đức Phật thì vị có trí tuệ đệ nhất là Ngài Xá-lợi-phất, vị có thần thông đệ nhất là Ngài Mục-kiền-liên, vị đa văn đệ nhất là Ngài A-nan, vị Thuyết pháp đệ nhất là Ngài Phú-lâu-na. Nhưng nếu tính Đức Phật thì trên bất cứ phương

diện nào thì Ngài cũng nhất hết. Đó là vì suốt nhiều kiếp Ngài làm quá nhiều thiện pháp rồi. Thế thì không có người nào là ngang bằng với Phật. Cho nên bài Kinh có tên "Một Người" là như vậy.

Và nữa, "*Tối thượng giữa các loài hai chân*". Tối thượng là sao? Là không còn ai trên nữa. Không có người nào là ngang bằng với Phật thì huống chi là có ai hơn Phật! Quý vị mà nghe nói có người đó là tối thượng, mình hỏi ai mà trả lời là không phải Đức Phật thì phải đặt câu hỏi lớn liền. Không ai dám nói mình tối thượng hết. Ngay cả Ngài Xá-lợi-phất, Ngài Mục-kiền-liên còn chưa tối thượng, chỉ có duy nhất Đức Phật mới là tối thượng hay gọi là Vô thượng thôi. Thì ở đây, "Tối thượng giữa loài hai chân" là trong loài hai chân này không ai hơn Đức Phật về phương diện trí tuệ, từ bi, công đức.

6. Sự xuất hiện của mắt lớn, đại quang, đại minh, sáu vô thượng,…

Sự xuất hiện của một người, này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của mắt lớn, là sự xuất hiện của đại quang, là sự xuất hiện của đại minh, là sự xuất hiện của sáu vô thượng, là sự chứng ngộ bốn vô ngại giải, là sự thông đạt của nhiều giới,

là sự thông đạt của các giới sai biệt, là sự chứng ngộ của minh và giải thoát, là sự chứng ngộ quả Dự Lưu, là sự chứng ngộ quả Nhất Lai, là sự chứng ngộ quả Bất Lai, là chứng ngộ quả A-la-hán. Của một người ấy là ai? Chính là Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sự xuất hiện của một người này, này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của mắt lớn, là sự xuất hiện của đại quang... là sự chứng ngộ quả A-la-hán.

(Trích Kinh Tăng Chi – Chương Một Pháp – Phẩm Một Người)

a) <u>Là sự xuất hiện của mắt lớn, là sự xuất hiện của đại quang, là sự xuất hiện của đại minh</u>

Đoạn cuối cùng mới là một kho tàng giáo lý. Mắt lớn ở đây muốn nói gì? Mắt là để nhìn. Thầy hỏi quý vị có thấy cái gì sau bức tường này không? Không thấy vì mắt mình là nhục nhãn, chưa có thiên nhãn. Quý vị nhìn một người đó, mình thấy được tâm của họ nghĩ gì không? Không thể vì mình không có thần thông. Nhưng với Đức Phật thì không có không gian nào cản được Ngài. Ngài muốn nhìn tới đâu thì Ngài qua nhìn biết hết. Đó gọi là mắt lớn

Con mắt là để nhìn nhưng chúng ta phải hiểu cái nghĩa cao nhất của con mắt này là tượng trưng cho trí tuệ. Sự xuất hiện của Ngài là một sự xuất hiện của một người có trí tuệ, có mắt lớn.

Đại quang, đại minhh là ánh sáng. Ý nói là trí tuệ của Phật soi sáng, nhìn thấu tất cả.

b) Là sự xuất hiện của sáu vô thượng

Vô thượng là gì? Là không còn gì hơn hết, không có gì hơn được. Sáu vô thượng tức là sáu điều mà không có thể hơn được. Sáu điều đó là: *Thấy vô thượng, Nghe vô thượng, Lợi đắc vô thượng, Học tập vô thượng, Phục vụ vô thượng và Tùy niệm vô thượng.* Tại sao gọi sáu điều này là vô thượng? Vô thượng chỉ khi nào nó liên quan đến Tam Bảo. **Trong Kinh Tăng Chi - Chương 6 Pháp - Phẩm Trên Tất Cả - Phần Trên Tất Cả,** Đức Phật dạy về sáu pháp vô thượng:

"(X) (30) Trên Tất Cả

Này các Tỷ-kheo, có sáu pháp vô thượng này. Thế nào là sáu?

Thấy vô thượng, nghe vô thượng, lợi đắc vô thượng, học tập vô thượng, phục vụ vô thượng, tùy niệm vô thượng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thấy vô thượng?

❖ THẤY VÔ THƯỢNG

"Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người đi xem voi báu, đi xem ngựa báu, đi xem châu báu, hay đi xem các vật lớn nhỏ, hay đi xem Sa-môn, hay Bà-la-môn có tà kiến, có tà hạnh. Này các Tỷ-kheo, đây có phải là thấy không? Ta nói rằng: Đây là không thấy". Sự thấy ấy, này các Tỷ-kheo, là hạ liệt, là hèn hạ, là phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, ai đi yết kiến Thế Tôn hay đệ tử Thế Tôn, với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhứt hướng thuần tín, thời này các Tỷ-kheo, đây là thấy vô thượng, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là đi yết kiến Như Lai hay đệ tử Như Lai, với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhứt hướng thuần tín. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thấy vô thượng, đây là thấy vô thượng."

Mắt mình thì thấy đủ thứ nhưng thật không có hạnh phúc nào bằng khi mà chúng ta thấy được

Phật và chư Tăng. "Thấy" tức là được gặp Đức Phật, được gặp chư Tăng - các đệ tử của Đức Phật, gọi là Thấy vô thượng.

"Phật tại thế thời ngã trầm luân

Kim đắc nhân thân Phật diệt độ

Áo não tự thân đa nghiệp chướng

Bất kiến Như Lai kim sắc thân"

Dịch:

"Lúc Phật ở đời con trầm luân

Nay được thân người, Phật diệt độ

Đau xót thân mình nhiều nghiệp chướng

Chẳng thấy thân vàng của Như Lai"

❖ NGHE VÔ THƯỢNG

"Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người đi nghe tiếng trống, đi nghe tiếng sáo, đi nghe tiếng ca, hay đi nghe tiếng cao thấp khác nhau, hay đi nghe pháp các Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà hạnh. Này các Tỷ-kheo, đây có phải là nghe không? Ta

nói rằng: "Đây là không nghe". Sự nghe ấy, này các Tỷ-kheo, là hạ liệt, là hèn hạ, là phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, ai đi đến để nghe pháp của Như Lai hay của đệ tử Như Lai, với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhứt hướng thuần tín, thời này các Tỷ-kheo, đây là sự nghe vô thượng, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là đi nghe pháp của Như Lai hay của đệ tử Như Lai, với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhứt hướng thuần tín. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là nghe vô thượng, đây là thấy vô thượng, nghe vô thượng."

Nghe vô thượng là gì? Là không có hạnh phúc nào trong đời bằng nghe Pháp, tức là nghe lời Phật dạy. Lâu nay quý vị hay nghe câu này đúng không? Thì câu này nằm trong phần Sáu Vô Thượng mà chúng ta đang học đây. Đức Phật nói mình có thể nghe rất là nhiều âm thanh, nhưng nghe về nội dung giáo pháp mới là cái số một hạnh phúc nhất trong cuộc đời của mình.

Như chuyện ông Cấp-cô-độc *(Anāthapiṇḍika)* – trưởng giả buôn bán giàu có. Có lần đó khi ông

về thăm nhà vợ, ông thấy lạ vì không có người ra đón như những lần trước. Ông hỏi mọi người thì biết được cả nhà đang nấu ăn cúng dường đến Đức Phật và chư Tăng. Ông nghe tới chữ "Đức Phật", ông run người lên liền. Và trong đêm đó, ông lặn lội đi gặp Phật. Và sau này, ông cũng trở thành một vị Thánh, hộ trì rất nhiều cho Tăng đoàn. Và Phật đã nhập hạ ở chùa Kỳ Viên - nơi mà ông đã cúng dường. Ngày mà Ông Anāthapiṇḍika đo đất để cúng dường thì Ngài Xá-lợi-phất *(Sariputta)* hiện thần thông cho ông thấy các cung trời – đó là những lâu đài cho ông sau này.

❖ LỢI ĐẮC VÔ THƯỢNG

"Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người được con, được vợ, được tài sản, được các vật cao thấp khác nhau, được lòng tin vào các Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà hạnh. Này các Tỷ-kheo, đây có lợi đắc hay không? Ta nói rằng: "Đây là không lợi đắc". Lợi đắc ấy, này các Tỷ-kheo, là hạ liệt, là hèn hạ, là phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, ai được lòng tin vào Như Lai hay của đệ tử Như Lai, với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhứt hướng thuần tín, thời này các Tỷ-kheo, đây

là đắc lợi vô thượng, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là được lòng tin vào Như Lai hay của đệ tử Như Lai, với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhứt hướng thuần tín. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đắc lợi vô thượng, đây là thấy vô thượng, nghe vô thượng, đắc lợi vô thượng."

Chúng ta có rất là nhiều thứ, do văn hóa, khuynh hướng tâm lý, môi trường sống, trình độ tâm thức, chúng ta tự cho mình sỡ hữu nhiều thứ. Lợi đắc ở đây tức là sỡ hữu, sỡ hữu nhan sắc, kiến thức, bằng cấp, học vị, tài sản,… chúng ta sở hữu nhiều cái, sở đắc nhiều cái, nhưng cái sở đắc nào thuộc về thiện pháp, liên quan đến giải thoát thì đó là Lợi đắc vô thượng.

❖ HỌC TẬP VÔ THƯỢNG

"Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người học tập về voi, học tập về ngựa, học tập về xe, học tập về cung pháp, học tập về kiếm pháp, học tập về các nghề cao thấp sai biệt hay học tập theo các Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà hạnh. Này các Tỷ-kheo, đây là có học tập hay không? Ta nói rằng: "Đây là không học tập". Học tập ấy, này các Tỷ-kheo, là hạ liệt, là hèn hạ, là phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục

đích, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, ai học tập Tăng thượng giới, học tập tăng thượng định, học tập tăng thượng tuệ trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhứt hướng thuần tín, này các Tỷ-kheo, đây là học tập vô thượng, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là học tập Tăng thượng giới, học tập tăng thượng định, học tập tăng thượng tuệ trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhứt hướng thuần tín. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là học tập vô thượng, đây là thấy vô thượng, nghe vô thượng, lợi đắc vô thượng, học tập vô thượng."

Học vô thượng ở đây chính là học về Giới - Định - Tuệ. Và quý vị nhớ là chỉ có trong Phật pháp mới có Giới, có Định và có Tuệ thôi.

Giới giúp mình ngăn chặn phiền não thô ở thân và khẩu; Định giúp cho mình đắc thiền Định, đoạn năm triền để sanh lên các cõi Phạm thiên. Và Tuệ giúp cho mình chấm dứt phiền não tận gốc, đoạn 10 kiết sử, đắc được Thánh quả. Vậy học về Giới - Định - Tuệ gọi là Học vô thượng.

❖ PHỤC VỤ VÔ THƯỢNG

"Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người phục vụ Sát-đế-ly, phục vụ Bà-la-môn, phục vụ gia chủ, phục vụ các người cao thấp sai biệt hay phục vụ Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà hạnh. Này các Tỷ-kheo, đây là có phục vụ hay không? Ta nói rằng: "Đây là không phục vụ". Phục vụ ấy, này các Tỷ-kheo, là hạ liệt, là hèn hạ, là phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, ai phục vụ Như Lai hay đệ tử Như Lai, với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhứt hướng thuần tín, này các Tỷ-kheo, đây là phục vụ vô thượng, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là phục vụ Như Lai hay đệ tự Như Lai, với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhứt hướng thuần tín. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là phục vụ vô thượng, đây là thấy vô thượng, nghe vô thượng, lợi đắc vô thượng, học tập vô thượng, phục vụ vô thượng."

Không có hạnh phúc nào bằng phục vụ Tam Bảo. Không phải phục vụ Tam Bảo là hằng ngày quét chùa, lau chùi tượng Phật. Giống như việc thờ Pháp không phải là thỉnh nguyên tủ

Kinh về mỗi ngày nhìn. Thờ pháp đó là hiểu pháp.

Phục vụ Tam Bảo là mình gì làm cái gì đó phải liên quan đến việc càng ngày càng thăng tiến nội tâm: từ bi nhiều hơn, trí tuệ nhiều hơn, công đức nhiều hơn. Thì đó mới gọi là phục vụ Tam Bảo – Phục vụ tối thượng.

❖ TÙY NIỆM VÔ THƯỢNG

"Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tùy niệm được con, tùy niệm được vợ, tùy niệm được tài sản, tùy niệm được cao thấp sai biệt hay phục vụ Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà hạnh. Này các Tỷ-kheo, đây là có tùy niệm hay không? Ta nói rằng: "Đây là không tùy niệm". Tùy niệm ấy, này các Tỷ-kheo, là hạ liệt, là hèn hạ, là phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, ai tùy niệm Như Lai hay đệ tử Như Lai, với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhứt hướng thuần tín, này các Tỷ-kheo, tùy niệm ấy là vô thượng, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là tùy niệm Như Lai hay đệ tử Như Lai, với lòng tin được an trú, với lòng ái mộ được an trú, nhứt

hướng thuần tín. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tùy niệm vô thượng.

Tùy niệm tối thượng là nhớ Phật, nhớ Pháp, nhớ Tăng. Niệm là ghi nhớ. Trong đời của chúng ta có biết bao nhiêu điều để mình, phải không? Nhớ người này, nhớ người kia, nhớ công việc này, nhớ công việc kia, nhớ cảnh này, nhớ cảnh kia,… có rất nhiều cái để mình nhớ. Nhưng Đức Phật dạy là không có hạnh phúc nào bằng nhớ Phật, nhớ Pháp, nhớ Tăng.

c) Là sự chứng ngộ Bốn vô ngại giải

"Sự xuất hiện của một người, này các Tỷ-kheo,…là sự chứng ngộ bốn vô ngại giải."

Tứ vô ngại giải gồm: Nghĩa vô ngại, Pháp vô ngại, Ngữ vô ngại (hay Từ vô ngại) và Biện vô ngại. Thầy hay dùng bốn từ ngắn ngọn là: Pháp - Nghĩa - Từ - Biện.

❖ PHÁP VÔ NGẠI GIẢI

Vị ấy nhìn nhân mà suy ra quả. Chẳng hạn trường hợp vị ấy thấy người này âm thầm, kín đáo, siêng năng, tinh tấn tu tập, hành thiền, thường

xuyên làm phước, thực hành hạnh từ tâm, thường học Pháp,… khi nhìn vào những nhân này thì vị ấy biết người này có quả gì. Còn phàm phu mình nhìn vào thì cũng biết nhưng chỉ biết cái chung chung, biết sơ sơ. Trong những bài trước, Thầy có nhắc đến bốn điều mà phàm phu không thể biết thấu đáo: Phật giới, Thiền giới, Thế giới và Quả dị thục của nghiệp. Ví dụ phàm phu chỉ biết tu tập tâm từ sẽ cho quả đẹp; bố thí sẽ có quả giàu sang; học Pháp và hành Pháp cho quả trí tuệ,.... Nhân và quả thì phàm phu chỉ biết chung. Sự hiểu biết cặn kẽ, tường tận thì chỉ có bậc Thánh mới biết rõ, tùy theo từng bậc Thánh mà biết tới đâu. Như vị Thánh này biết khác, Ngài Xá-lợi-phất biết khác và Đức Phật biết khác.

Chúng ta phải nắm rõ: càng tu tập thì mình càng phải biết khiêm tốn, càng học, càng tu thì phải càng khiêm tốn. Hôm trước Thầy có giảng về hạnh cung kính và hạnh khiêm tốn: cả đời tu chỉ biết cúi đầu học hỏi, biết ơn người đạo đức, trí tuệ. Mình học Phật pháp thì bao giờ câu xin lỗi, sám hối cũng trên miệng, một cách chân thành. Người này luôn biết ơn người khác, nhờ vậy mà trí tuệ tăng trưởng, bậc trí cũng muốn dạy người này, ví như gieo lúa trên đám ruộng tốt vậy. Đối với một người khó dạy thì không bao giờ nhận lỗi, mà nếu không nhận lỗi thì không đi xa được.

- Vị ấy hiểu rõ pháp nào là pháp thiện.

- Vị ấy hiểu rõ pháp nào là pháp bất thiện.

Quý vị có thể hiểu là lấy quy chuẩn căn bản để nương vào. Nếu đi theo các quy chuẩn là thiện, đi ngược lại là bất thiện. Năm giới: giữ đúng năm giới là thiện; phạm Năm giới là bất thiện. Thập thiện: hành Thập thiện là thiện; hành ngược Thập Thiện là Thập ác, bất thiện. Bát Chánh Đạo: hành theo Bát Chánh Đạo là thiện; hành ngược Bát Chánh Đạo là Bát Tà Đạo, bất thiện. 37 Phẩm trợ đạo: hành theo 37 Phẩm trợ đạo là thiện; hành ngược lại là bất thiện. Với một vị có Pháp vô ngại giải thì vị này biết rõ pháp nào là pháp thiện, pháp nào là pháp bất thiện.

-Vị ấy có trí hiểu biết trong Thánh đạo.

-Vị ấy biết cách nói sao cho hiệu quả.

❖ NGHĨA VÔ NGẠI GIẢI

Vị ấy có trí hiểu biết quả sanh từ nhân nào, nghĩa là nhìn vào việc nào cũng hiểu được duyên khởi của nó (nhìn quả thì biết nhân). Ví dụ khi nhìn một người đẹp thì biết nhân vì sao họ đẹp. Hay thấy người này thông minh, học nhanh, hiểu rộng, đa văn thì vị ấy biết nguyên nhân tại sao. Hoặc trường hợp gặp người nếu không tu, làm ác thì không sao, nhưng hễ người này muốn tu tập hay làm thiện là có chuyện không hay gây cản trở. Vị đạt Tứ tuệ phân tích sẽ biết nguyên nhân vì sao, trong tiền kiếp đã từng phá người tu, gặp người tu là phá, gây cản trở nên kiếp này không tu được. Chẳng hạn là vậy.

-Vị ấy có trí hiểu quả của nghiệp: khi tạo nghiệp như thế nào thì cho quả tương ứng.

-Vị ấy hiểu Pháp Duy tác tâm tố: Phàm phu chúng ta khi có tâm thiện giúp ai đó thì gọi là tạo nghiệp thiện, hoặc khi có tâm bất thiện mà dùng ngôn từ chửi người khác gọi là tạo nghiệp bất thiện. Còn Đức Phật hay các bậc Thánh A-la-hán như Ngài Mục-kiền-liên, Ngài Xá-lợi-phất khi hành động hay nói điều gì để giúp người hoặc các Ngài thuyết pháp thì không gọi là tạo nghiệp thiện. Tại sao

vậy? Vì tạo nghiệp thiện cho quả vui tương ứng, tạo nghiệp ác cho quả khổ tương ứng. Mà hễ có nghiệp thiện hay bất thiện là còn luân hồi sanh tử. Với bậc Thánh thì không có tâm thiện hay tâm bất thiện mà là tâm Duy tác (tâm tố). Nói dễ hiểu là chỉ có hành động chứ không tạo quả thiện hay bất thiện.

-Vị ấy có trí hiểu về trạng thái của Niết-bàn: Người có trí vô ngại giải sẽ hiểu về Niết-bàn tùy theo tầng chứng của mỗi vị. Như đã nói, vị nào chứng Thánh thì có trí này. Tùy theo tầng chứng Thánh mà vị này có sự hiểu biết sâu rộng về Tứ vô ngại giải khác nhau. Và không phải vị Thánh nào cũng có Tứ vô ngại giải, vị ấy phải có căn phước sâu dày và phát nguyện.

-Vị ấy có trí hiểu về ý nghĩa Phật ngôn: vị này hiểu sâu rộng về lời Phật dạy. Tùy vào tầng Thánh của vị ấy mà vị ấy hiểu ở mức sâu sắc khác nhau. Một lời dạy của Phật nói ra thì có cả trăm, cả ngàn ý, chỉ có Đức Phật mới hiểu hết ý đó. Đối với phàm phu chúng ta thì tùy theo duyên lành ba-la-mật, trí văn, trí tư, trí tu tới đâu mà hiểu tới đó. Phàm phu không hiểu hết ý của Phật. Chẳng hạn Ngài nói về

tinh tấn, chúng ta không nên hiểu tinh tấn đơn giản chỉ là phước. Nó không đơn giản như vậy, nó có nhiều ý nghĩa. Cũng như vậy, một vị có Tứ tuệ phân tích ở nghĩa phân tích (nghĩa vô ngại giải), một câu Phật ngôn thì các Ngài hiểu rất là sâu sắc.

❖ TỪ VÔ NGẠI GIẢI

Từ vô ngại giải là khả năng dùng từ của vị đó. Vị ấy rất giỏi về khả năng dùng ngôn ngữ, biết nhiều thứ tiếng khác nhau, rành rẽ về ngôn từ. Tất nhiên tiếng mẹ đẻ là rất giỏi. Vị đó biết cú pháp và ngữ pháp rành rẽ, nói cách khác vị ấy có kỹ năng trình bày vấn đề. Có những vị Thánh có khả năng đặc biệt đó. Một vấn đề dù khó nhưng khi đưa qua vị ấy thì vị ấy trình bày sẽ rất dễ hiểu.

Nói đơn giản hơn trong đời thường, có những đoạn Kinh hay những tích truyện đưa qua mình thì khó hiểu và hiểu chưa đúng, giải thích một hồi là rối. Trong đời sống, có những vị có kỹ năng trình bày rất hay, trình bày người ta dễ hiểu. Thầy thấy nói như thế nào để người ta hiểu là khó nhất, dù có nói sâu sắc, nói nhẹ nhàng mà quan trọng là người ta hiểu. Nói cho người hiểu điều mình muốn nói là điều cực kỳ khó. Vậy cho nên, tùy vào đối tượng tiếp xúc mà ngôn từ tiếp cận khác nhau. Ví

dụ: Nói chuyện với Phật tử có học giáo lý thì nói khác, nói chuyện với chư Tăng có học Pháp nói khác, dạy Phật tử lâu lâu nghe Pháp thì nói khác,…

Đối với một vị có Từ vô ngại giải hay Ngữ vô ngại giải thì khả năng dùng nhiều ngôn từ rành rẽ. Đặc biệt là khả năng trình bày hay, mạch lạc, diễn đạt và trao đổi qua ngôn từ thuyết giảng không giới hạn.

Với một giảng sư, muốn có kỹ năng trình bày tốt thì phải cố gắng học hỏi các Thầy khác, vị ấy có điểm ưu nào, cách nói, cách dùng từ, dùng giọng như thế nào, nội dung như thế nào, mình học những điểm ưu đó. Sau đó, mình xem cách nào phù hợp, thuận lợi, có duyên với mình. Mình cũng học những điểm khuyết của các vị ấy để tránh. Khi học rồi, mình biết cách trình bày làm sao cho hay nhất. Về cách học thì ai cũng có thể học, ai cũng học chung trên một dàn bài căn bản nhưng khi lên trình bày thì mỗi người mỗi khác. Người trình bày vài lần là hiện ra phong cách giảng sư, cũng có người giảng hoài không ra

phong cách. Cách trình bày mạch lạc, rõ ràng ngoài việc học hỏi còn là do phước.

❖ BIỆN VÔ NGẠI GIẢI

Nói dễ hiểu thì đó là khả năng ứng khẩu, lợi khẩu. Có những vị học rất giỏi, nội dung rất là sâu nhưng để ứng khẩu thì chưa tốt và khó ứng khẩu một cách dễ dàng. Còn có những vị khi đụng đến là họ ứng khẩu rất tốt, không ai có thể làm khó họ được. Với trí tuệ của Đức Phật thì không ai làm khó được Ngài. Tùy theo các tầng Thánh mà có các mức độ khác nhau. Quay về với phàm phu thì cũng có một số vị có khả năng ứng khẩu rất tốt.

Chúng ta tạm hiểu Biện vô ngại giải là khả năng ứng khẩu, khả năng hùng biện, khả năng bật ra ngôn từ. Nói cách khác, Biện vô ngại giải là:

1. Trí thấu đáo các loại trí;
2. Có trí tuệ thành cảnh;
3. Trí hiểu cách lập luận pháp và nghĩa;
4. Trí ứng đối nhanh lẹ.

Và người nào muốn có đầy đủ Tứ vô ngại giải: Pháp - Nghĩa - Từ - Biện thì cần có năm điều kiện để hỗ trợ.

-Một là, người đó thường nghe Pháp.

-Hai là, người đó học thuộc Pháp, học thuộc các chi pháp.

-Ba là, người đó thường trao đổi Pháp.

-Bốn là, người đó an trú trong Pháp.

-Năm là, tùy tầng Thánh của vị đó đắc.

Ai có được Tứ vô ngại giải là giống như có phương tiện nói là người ta hiểu, trình bày là người ta hiểu. Ngoài năm điều kiện hỗ trợ để có Tứ vô ngại giải ở trên thì quý vị phải nguyện. Bậc Thánh là đích đến cuối cùng nhưng bậc Thánh như thế nào lại là tùy duyên. Ngài Xá-lợi-phất là đệ nhất Trí tuệ; Ngài Ānan là đệ nhất Đa văn, đệ nhất Thị giả, đệ nhất Ức niệm, đệ nhất Kiên trì, đệ nhất Cử chỉ tốt đẹp; Ngài Mục-kiền-liên là đệ nhất Thần thông; Ngài La-hầu-la là đệ nhất Ham học; Ngài Phú-lâu-na đệ nhất Thuyết pháp; Ngài Ca-chiên-diên đệ nhất Luận nghị,… Khi mình nguyện trở thành bậc Thánh có gì đệ nhất là theo nguyện

của mình. Ví dụ, mình nguyện trở thành bậc Thánh có Tứ vô ngại giải. Khi mình nguyện như vậy thì cố gắng làm năm điều như trên, đó là nhân khi đắc Thánh có tứ tuệ phân tích.

III. BỐN ĐIỀU CHỈ PHẬT MỚI CÓ

1. Tánh mạng của Ngài không ai đoạt được.

2. Hào quang của Ngài: khi Ngài ngồi trên mặt đất, hào quang rọi xuyên thấu vô mặt đất, khi đi vào giữa hội chúng của Phạm thiên có hào quang chói lòa, thì quầng hào quang của Ngài vẫn tròn trịa, không có bị ai chọt hay xuyên qua được.

3. Trí tuệ của Ngài không bị ai làm khó dễ được.

4. Lễ phẩm đã được dành riêng không ai có thể sang đoạt được. Hay dù có động đất, núi lửa, thiên tai thì vật phẩm đã tác ý cúng dường lên Đức Phật cũng không bị tiêu hoại, dù là vật phẩm rất nhỏ.

IV. VÌ SAO KHÔNG CÓ HAI VỊ PHẬT XUẤT HIỆN CÙNG LÚC?

Trong cuộc vấn đạo giữa Tỳ-kheo Na Tiên và Đức vua Mi-lan-đà có đoạn Đức vua hỏi Thầy Na Tiên câu hỏi: Tại sao không có hai Đức Phật xuất hiện một lần?

"– Thưa đại đức! Trẫm nghe rằng, các Đức Phật giác ngộ những điều giống nhau, thuyết những pháp giống nhau, giới luật ban hành cũng giống nhau…, có phải thế không ạ?

– Tâu, vâng!

– Một vị Phật xuất hiện ở thế gian như thế, cuộc đời sẽ rất đẹp, hoàn thiện và tươi sáng thêm lên, có phải thế không ạ?

– Tâu, vâng!

– Thế tại sao hai bậc Toàn Giác không xuất hiện một lúc để cùng hỗ trợ cho nhau, tương trợ nhau để xiển dương chánh pháp? Nếu vậy thì cuộc đời này sẽ tốt đẹp gấp đôi, hoàn thiện gấp đôi, và xán lạn tươi đẹp cũng gấp đôi! Và như thế thì đạo Phật sẽ huy hoàng, lan tràn trong hoàn vũ, tế độ được gấp bội chúng sanh trời, người hơn nữa. Xin đại đức chỉ giáo cho điều này?

– Tâu đại vương! Đức Phật dạy rằng, thế gian này có mười ngàn thế giới. Mười ngàn thế giới ấy chỉ có khả năng nâng đỡ một vị Phật mà thôi. Nói cách khác, mười ngàn thế giới chỉ có thể

chịu đựng sự hiện hữu của một vị Phật. Nếu hai vị Phật cùng xuất hiện một lúc thì mười ngàn thế giới này sẽ bị chấn động, bị rung chuyển, bị nghiêng lệch đi, sẽ bị hủy diệt, bị tiêu vong!

Ví như một chiếc thuyền nhỏ chỉ chở được một người, nếu hai người cùng quá giang thì thuyền ấy sẽ không chở nổi, sẽ bị chìm. Chiếc thuyền chính là mười ngàn thế giới, khách quá giang là một vị Phật. Ví dụ này đại vương nên hiểu để tự trả lời và tìm hiểu lý do tại sao cho câu hỏi của mình.

– Thưa, vâng.

– Ví như hai chiếc xe chất hàng hóa với trọng tải vừa đủ để chuẩn bị cho lộ trình xa. Với lý do nào đó, người ta lấy bớt một xe, sớt hàng hóa xe ấy sang xe kia. Đại vương thấy thế nào? Một chiếc xe mà chở nặng một số hàng hóa với trọng tải gấp đôi, thì số phận chiếc xe ấy sẽ như thế nào?

– Bánh xe ấy sẽ gãy hoặc trục xe ấy sẽ vỡ lìa từng đoạn!

– Mười ngàn thế giới này cũng sẽ gãy đổ hoặc vỡ lìa tan nát ra như thế, nếu sức nặng của hai vị Phật đồng ngự đến một lần, tâu đại vương?

– Trẫm đã hiểu nhờ hai ví dụ ấy.

– Ngoài ra, biết bao điều tai hại do tranh chấp, do chia rẽ, do chấp thủ, do bảo vệ, rằng là "đây là Phật của tôi, kia là Phật của anh"; và thế là phân thành hai nhóm, sẽ tranh đấu với nhau bằng binh khí miệng lưỡi, binh khí đao gậy. Nói tóm là những điều nguy hại cho giáo pháp sẽ xảy ra.

– Vâng! Ví như trong triều đình của trẫm đây, nếu trẫm có hai vị quan cận thần có tài đức và công lao ngang nhau, đều được trẫm sủng ái. Quan lại trong triều đều phân làm đôi ủng hộ hai vị quan ấy. Chuyện gì sẽ xảy ra? Dĩ nhiên là sẽ có chuyện tranh chấp cãi cọ lôi thôi, sẽ có sự chia rẽ, mất hòa khí khi "ông quan này của chúng tôi, ông quan kia của các anh!" Thật là khó xử cho trẫm đấy. Trong triều không thể để cho hai ông quan có tài đức ngang nhau, công lao ngang nhau, quyền lực ngang nhau… như thế nào thì mười ngàn thế giới này cũng không nên tồn tại hai vị Phật, thưa đại đức!

– Vâng, mong rằng đại vương đã hiểu. Và có thể có những tế toái, phức nhiễu khác nữa. Ngay chính những hồng ân, danh hiệu, sự tôn xưng của thế gian đối với chư Phật sẽ có cái gì không được ổn cho lắm.

Ví dụ, Đức Phật là bậc tối thượng giữa muôn loài. Chữ tối thượng kia phải xét lại. Tối thượng là chỉ có một người, duy nhất, tại sao ở đây lại có hai người?

Lại ví dụ, Đức Phật là bậc đáng tôn trọng, cao quý nhất trong tam giới. Dùng chữ cao quý nhất ấy không còn thích đáng nữa.

Cũng thế, chẳng hạn, Đức Phật là bậc tiến hóa đệ nhất giữa chốn chư Thiên và loài người. Chữ "đệ nhất" ấy cũng sẽ không còn dùng được. Ngoài ra, tỉ như, Vô thượng sĩ, Thế Tôn, Thiên nhân sư v.v… đều phải sửa đổi lại.

Còn nữa, tâu đại vương! Trên đời này, những cái to lớn, vĩ đại thường chỉ có một: quả đất, mặt trời, mặt trăng, biển cả, hư không, núi Tu di, Hy mã lạp sơn… Còn các giống hữu tình lớn như Ma Vương, Đế thích, đại phạm thiên cũng chỉ có một. Tương tợ thế ấy, giữa thế gian chỉ có một đức Chánh Đẳng Giác mới gọi Ngài là vĩ đại, quý báu, tôn quý, cao thượng, vô thượng, tối thượng v.v… Như thế, trong một thời kỳ nhất định, giữa mười ngàn thế giới này chỉ có một vị Phật đản sanh, không thể có hai vị được, tâu đại vương!"

(Trích MI TIÊN VẤN ĐÁP số 147 – Milindapañha - Dịch giả Hòa Thượng Giới Nghiêm)

Sự xuất hiện của Đức Phật thật hiếm gặp và gặp rồi rất có lợi ích vì vậy khi có duyên gặp Tam Bảo rồi, chúng ta phải tận dụng cơ hội này để ứng dụng lời của Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng thì sẽ được lợi ích và bây giờ chúng ta đang có điều đó.

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Vì sao khó được gặp Đức Phật?

2). Hãy nêu 8 nghĩ của Như Lai?

3). Vì sao sự xuất hiện của Đức Phật là sự xuất hiện vi diệu?

4). Vì sao sự mệnh chung của Đức Phật đa số thương tiếc?

5). Vì sao sự xuất hiện của Đức Phật là không hai, không đồng bạn, không đối phần?

6). Vì sao Đức Phật là bậc Tối Thượng giữa các loài hai chân?

7). 6 vô thượng là gì?

8). 4 vô ngại giải là gì?

9). Sự xuất hiện của Đức Phật là sự xuất hiện của minh và giải thoát, ý nghĩ là gì?

10). Là sự xuất hiện của Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả. Ý nghĩa là gì?

Bài 24: NHỮNG ĐIỀU KHÔNG THỂ XẢY RA

---

* CHẤP NHẬN CÁC HÀNH LÀ THƯỜNG CÒN
* CHẤP NHẬN CÁC HÀNH LÀ LẠC VÀ CHẤP NHẬN CÁC PHÁP LÀ NGÃ
* PHẠM NĂM TỘI NGŨ NGHỊCH VÀ THỐI THẤT NIỀM TIN NƠI ĐỨC PHẬT
* HAI VỊ CHÁNH ĐẲNG GIÁC XUẤT HIỆN CÙNG MỘT LẦN
* HAI VỊ CHUYỂN LUÂN VƯƠNG XUẤT HIỆN CÙNG MỘT LẦN
* NĂM ĐIỀU KHÔNG THỂ XẢY RA VỚI MỘT NGƯỜI NỮ
* QUẢ THỊ DỤC CỦA THÂN, KHẨU, Ý ÁC LẠI KHẢ LẠC, KHẢ HỶ, KHẢ Ý
* QUẢ THỊ DỤC CỦA THÂN, KHẨU, Ý THIỆN LẠI KHÔNG KHẢ LẠC, KHÔNG KHẢ HỶ, KHÔNG KHẢ Ý
* QUẢ THỊ DỤC CỦA THÂN, KHẨU, Ý ÁC LẠI LÀ SANH VỀ CÕI LÀNH
* QUẢ THỊ DỤC CỦA THÂN, KHẨU, Ý THIỆN LẠI LÀ SANH VỀ CÕI DỮ
* TỔNG KẾT

Bài Pháp hôm nay Thầy gửi đến đại chúng có chủ đề là: Những Điều Không Thể Xảy Ra. Tức là có những điều không thể xảy ra trong cuộc đời này. Chúng ta cùng nhau phân tích **phẩm Không Thể Có Được** này để hiểu thêm lời Phật dạy và ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày của mình.

"1-28. Chấp Nhận Các Hành Là Thường Còn

1. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Một người thành tựu chánh kiến có thể chấp nhận các hành là thường còn, sự kiện này không xảy ra. Và sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, kẻ phàm phu có thể chấp nhận các hành là thường còn, sự kiện này có xảy ra.

2. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Một người thành tựu chánh kiến có thể chấp nhận các hành là lạc, sự kiện này không xảy ra. Và sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: Kẻ phàm phu có thể chấp nhận các hành là lạc, sự kiện này có xảy ra.

3. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Một người thành tựu chánh kiến có thể chấp nhận các pháp là ngã, sự kiện này không xảy ra. Và sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, kẻ phàm phu có thể chấp nhận các pháp là ngã, sự kiện này có xảy ra.

4-9. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Một người thành tựu chánh kiến có thể đoạt mạng sống của mẹ... của cha... của vị A-la-hán... có thể với ác tâm làm bậc Như Lai chảy máu...có thể phá hòa hợp Tăng... có thể tuyên bố một vị Đạo Sư khác, sự kiện này không xảy ra. Và sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, kẻ phàm phu có thể đoạt mạng sống của mẹ... có thể tuyên bố một vị Đạo Sư khác, sự kiện này có xảy ra.

10. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Trong một Thế giới, hai vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, không trước không sau, xuất hiện một lần, sự kiện này không xảy ra. Và sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: Trong một Thế giới, chỉ có một vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện, sự kiện này có xảy ra.

11. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Trong một Thế giới, có hai Chuyển Luân Vương, không trước không sau, xuất hiện một lần, sự kiện này không xảy ra. Và sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, trong một thế giới, chỉ có một Chuyển Luân Vương xuất hiện, sự kiện này có xảy ra.

12. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Một phụ nữ có thể là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sự kiện này không xảy ra. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: Người đàn ông có thể là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sự kiện này có xảy ra.

13. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Một phụ nữ có thể là vị Chuyển Luân Vương, sự kiện này không xảy ra. Và sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: Một người đàn ông có thể là vị Chuyển Luân Vương, sự kiện này có xảy ra.

14-16 Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Một phụ nữ có thể là vị Đế Thích (Sakka)... là Ác Ma... là Phạm Thiên, sự kiện này không xảy ra. Và sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, một người đàn ông có thể là Vị Đế Thích... là Ác Ma... là Phạm Thiên, sự kiện này có xảy ra.

17. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: là quả dị thục của thân làm ác có thể là khả lạc, khả hỷ, khả ý, sự kiện này không xảy ra. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là quả dị thục của thân làm ác là không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý, sự kiện này có xảy ra.

18-19. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: là quả dị thục của miệng nói ác... của ý nghĩ ác, có thể là khả lạc, khả hỷ, khả ý, sự kiện này không xảy ra. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là quả dị thục của miệng nói ác... của ý nghĩ ác, là không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý, sự kiện này có xảy ra."

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương I – Một Pháp - XV. Phẩm Không Thể Có Được)

I. CHẤP NHẬN CÁC HÀNH LÀ THƯỜNG CÒN

"1. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Một người thành tựu chánh kiến có thể chấp nhận các hành là thường còn, sự kiện này không xảy ra. Và sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, kẻ phàm phu có thể chấp nhận các hành là thường còn, sự kiện này có xảy ra."

Một vị thành tựu chánh kiến là vị chứng được Sơ quả trở lên hay bậc Thánh Tu-đà-hoàn trở lên. Đức Phật khẳng định không thể có chuyện một vị tu tập đến thành tựu chánh kiến mà chấp nhận các hành là thường còn.

"Các hành là thường còn" là như thế nào? Các hành tức là các pháp hữu vi. Các pháp hữu vi là các pháp do nhân duyên, do điều kiện mà có. Cái gì do điều kiện mà có thì có rồi sẽ mất.

Vậy đại ý chúng ta hiểu ở đây là tất cả các Pháp là vô thường. Đối với một vị thành tựu chánh kiến, tức là với một vị Thánh, chắc chắn không có chuyện các Ngài thấy rằng các hành là thường còn hay các Pháp là thường, mà phải thấy các Pháp là vô thường. Các vị Thánh thấy các pháp là vô thường, nên không có chuyện một vị chứng thánh Sơ quả trở lên mà có tà kiến là các pháp là thường.

II. CHẤP NHẬN CÁC HÀNH LÀ LẠC VÀ CHẤP NHẬN CÁC PHÁP LÀ NGÃ

"2.Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Một người thành tựu chánh kiến có thể chấp nhận các hành là lạc, sự kiện này không xảy ra. Và sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: Kẻ phàm phu có thể chấp nhận các hành là lạc, sự kiện này có xảy ra.

3.Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Một người thành tựu chánh kiến có thể chấp nhận các pháp là ngã, sự kiện này không xảy ra. Và sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, kẻ phàm phu có thể chấp nhận các pháp là ngã, sự kiện này có xảy ra."

Một vị thành tựu chánh kiến không chấp nhận các hành là lạc, và không chấp nhận các pháp là ngã. Chúng ta đã học rằng các pháp hữu vi đều vô thường, khổ và vô ngã. Đó là Tam pháp ấn, hay còn gọi là Tam tướng: vô thường, khổ, vô ngã. Một vị thành tựu chánh kiến, từ vị Thánh Sơ quả trở lên không thấy cuộc đời này, thân tâm này, các pháp này là thường, là lạc, là ngã. Mà các Ngài thấy sao? Các Ngài thấy cuộc đời là vô thường, cuộc đời là khổ, cuộc đời là vô ngã.

Nhưng phàm phu vì tà kiến nên cho rằng cuộc đời này là thường, là lạc, là ngã. Cuộc đời này là vô thường mà mình cho là thường. Cuộc đời này đau khổ mà mình cho là lạc. Và cuộc đời này là vô ngã, mình cho là ngã. Đối với phàm phu chưa thành tựu chánh kiến, chưa đắc Thánh quả, ngày nào còn trong luân hồi thì có thể chúng ta có tà kiến cho rằng cuộc đời này, thân tâm này là thường, là lạc, là ngã.

Ba điều không thể xảy ra đầu tiên là: không có chuyện một vị đã chứng Thánh mà lại thấy rằng cuộc đời này là thường, lạc, ngã. Còn đối với phàm phu thì chuyện đó có thể xảy ra.

III. PHẠM NĂM TỘI NGŨ NGHỊCH VÀ THỐI THẤT NIỀM TIN NƠI ĐỨC PHẬT

Chúng ta qua phần kế tiếp, Đức Phật dạy như thế này:

"4-9.Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Một người thành tựu chánh kiến có thể đoạt mạng sống của mẹ... của cha... của vị A-la-hán... có thể với ác tâm làm bậc Như Lai chảy máu...có thể phá hòa hợp Tăng... có thể tuyên bố một vị Đạo Sư khác, sự kiện này không xảy ra. Và sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, kẻ phàm phu có thể đoạt mạng sống của mẹ... có thể tuyên bố một vị Đạo Sư khác, sự kiện này có xảy ra."

Tức là Đức Phật dạy: đối với một vị thành tựu chánh kiến thì không xảy ra 6 điều với các Ngài, đó là gì? Là không thể phạm vào những tội nặng nhất trong đời (Ngũ nghịch trọng tội) đó là tội: giết Mẹ, giết Cha, giết bậc Thánh, làm thân Phật chảy máu, phá hoà hợp Tăng và có thể tuyên bố một vị đạo sư khác, nghĩa là một vị chứng Thánh rồi thì không bao giờ có tà kiến, không bao giờ thối thất niềm tin nơi Tam Bảo, không bao giờ bỏ Phật.

Nói tới đây, chúng ta thấy một điều là trong cuộc sống này, trong cuộc hành trình sinh tử luân hồi này, ngày nào chúng ta chưa chứng Sơ quả thì không biết chuyện gì có thể xảy ra. Ngày nào chưa

chứng Sơ quả, còn luân hồi là còn hồi hộp, là mình còn có thể phạm tội ác nào đó, thậm chí tội ác tày trời, những tội ác nặng nhất trong đời là năm trọng tội này. Chỉ khi nào và chỉ khi nào, một vị chứng được Sơ quả thì mới không bao giờ phạm vào ngũ nghịch tội và không bao giờ có thể mất niềm tin nơi Tam Bảo thôi. Còn ngày nào chúng ta còn là phàm phu, chưa chứng được Thánh quả thì những điều này có thể xảy ra.

Ví dụ, hôm nay Thầy hỏi quý vị có tin Phật không? Quý vị trả lời là tin Phật. Quý vị tin Phật tha thiết không? Dạ con tin tha thiết. Quý vị có thể tin Phật bất động không bao giờ thối lui không? Nếu quý vị nào mà trả lời là: "Dạ con tin Phật bất động, không thối lui" thì xin thưa, quý vị chứng Sơ quả rồi mới có chuyện đó nha. Hôm nay học tới bài Kinh này, chúng ta biết rằng niềm tin nơi Đức Phật mà không bao giờ thối lui, tịnh tín, chắc chắn, bất động chỉ xảy ra sau khi chứng Sơ quả. Có thể bây giờ mình đang rất tin Phật và tin Phật rất tha thiết, nhưng một lúc nào đó, trong những tháng ngày tới, ngay ở đời này, niềm tin này có thể mất. Giả dụ như sau một tai nạn mà nó ảnh hưởng đến não bộ, có thể mình sẽ suy nghĩ hoặc sẽ nói những điều gì đó bất kính với Tam Bảo. Hoặc sau khi uống một chất kích thích nào đó, chúng ta không làm chủ được não bộ của mình.

Hoặc xa hơn nữa là sau khi mình bỏ cái thân này, trong những kiếp kế tiếp, không biết mình sẽ sinh vào cảnh giới nào và chúng ta có thể lạc vào tà kiến. Và khi lạc vào tà kiến rồi chúng ta có thể phạm vào một trong năm trọng tội này, có thể mất hoặc không có niềm tin nơi Tam Bảo. Đó là những điều trong vô số điều khác, mà ngày nào chúng ta còn phàm phu trong cuộc sanh tử thì đều có thể xảy ra. Nghe tới đây, quý vị có thấy sợ không?

Trong năm tội là giết Cha, giết Mẹ, giết bậc Thánh, làm thân Phật chảy máu và phá hòa hợp Tăng, tội nào nặng nhất? Chính là phá hòa hợp Tăng. Bởi vì Tăng là một đoàn thể tu tập và nhất là đoàn thể tu tập theo Giáo Pháp của Đức Phật. Người làm chia rẽ Tăng đoàn để các vị không làm các Phật sự chung nữa, thì tội rất nặng. Còn đối với đối tượng cá nhân, theo thứ tự tội nặng, thì làm thân Phật chảy máu là tội nặng nhất, kế đó là tội giết bậc Thánh, kế đó là giết Mẹ, giết Cha. Giết Mẹ tội nặng hơn giết Cha nếu Cha Mẹ giới đức như nhau. Còn giữa Cha và Mẹ, ai giới đức nhiều hơn thì người con mà giết người đó là tội nặng hơn.

Trong Ngũ nghịch trọng tội, phá hòa hợp Tăng là tội nặng nhất, kế đó là làm thân Phật chảy máu. Thật ra thì không ai làm thân Phật chảy máu được hết. Trong thời Đức Phật, khi Đề-bà-đạt-đa

(Devadatta) lăn đá xuống để hại Phật, một mảnh đá va vào ngón chân cái của Đức Phật, làm máu bầm thôi. Sau đó Đức Phật cho mổ sống vết thương đó, thì lúc này vết thương mới chảy máu chứ không ai có thể làm thân Phật chảy máu được cả. Thực ra đó là Ngài trả một ác nghiệp trong quá khứ. Đó là Ngài đã từng cầm viên đá ném vào chân một vị Phật Độc Giác và làm chảy máu. Cho nên bây giờ Ngài trả ác nghiệp đó.

Thầy nhắc lại, Đức Phật khẳng định không thể xảy ra sáu điều sau với một vị đã thành tựu Sơ quả. Đó là các vị thành tựu Sơ quả rồi thì không bao giờ có thể giết Cha, giết Mẹ, giết bậc Thánh, làm thân Phật chảy máu, phá hoà hợp Tăng, và mất niềm tin nơi Tam Bảo. Ngoại trừ bậc Thánh, kẻ phàm phu ngày nào còn trôi nổi trong vòng sanh tử luân hồi thì chuyện tệ hại gì cũng có thể xảy ra, kể cả việc phạm vào ngũ nghịch tội. Bây giờ mình đang ngồi đây, mình được làm người, có sáu căn đầy đủ, có trí tuệ, có tài sản, có sắc đẹp, có sức khỏe, có một chút phước đức đang cho quả và cũng đang tạo thêm nhân thiện mới. Nhưng mà rồi ngày mai mình không biết chuyện gì sẽ xảy ra. Một khi chưa chứng Sơ quả thì nhắm mắt rồi không biết mình sẽ đi về đâu, sẽ gặt quả gì và tạo

nghiệp gì trong những kiếp mai sau! Khi chưa chứng Sơ quả nó khủng khiếp như vậy đó.

Thời Đức Phật, ai phạm vào tội phá hòa hợp Tăng? Chính là Đề-bà-đạt-đa *(Devadatta)* và ông phạm thêm một trọng tội nữa là làm thân Phật chảy máu. Cũng thời Đức Phật, ai là người phạm tội giết Cha? Đó là vua A-xà-thế *(Ajātasattu)*. Ông giết Cha là vua Tần-bà-sa-la *(Bimbisāra)*. Vua A-xà-thế còn phạm vào tội giết bậc Thánh vì trước khi mất thì vua Tần-bà-sa-la đã chứng được Thánh quả rồi.

Người nào phạm vào năm tội này là tạo những cực trọng nghiệp. Nghĩa là, vào bất cứ thời nào, ai tạo những nghiệp này thì chắc chắn là ngay trong đời đó, người đó không thể trưởng thành được, không thể chứng Thánh được. Và cũng chắc chắn là kiếp kế tiếp người đó phải đọa địa ngục. Như vậy, điều này cũng tương thích với sự việc là một người chứng Thánh rồi không còn khả năng tái sanh cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh nữa,

Nhân đây, Thầy giải thích một chút về Sơ quả:

Thứ nhất, một vị chứng Sơ quả là nhập vào dòng Thánh rồi. Nhập vào dòng Thánh là sao? Ví dụ, quý vị đặt máng xối để nước mưa chắc chắn chảy vào cái lu thế nào thì một vị Sơ quả cũng chắc chắn xuôi theo dòng Thánh, không thể khác được, không thể trở lui lại làm phàm nhân không có Chánh kiến, không bước đi trên con đường Bát Chánh Đạo.

Thứ hai, chắc chắn không quá bảy kiếp nữa vị ấy sẽ đắc Thánh quả A-la-hán. Nghĩa là trong cuộc hành trình sinh tử, vị ấy đã dừng cái bánh xe sinh tử rồi. Chẳng qua nó còn cái trớn nên nó lăn thêm tối đa bảy đoạn nữa thôi, hay vị ấy chỉ còn luân hồi không quá bảy kiếp nữa thì nó sẽ dừng hẳn, việc cần làm vị ấy sẽ làm xong, tức là đắc Thánh A-la-hán.

Thứ ba, trong 10 kiết sử có 5 hạ phần kiết sử và 5 thượng phần kiết sử. Vị Thánh Sơ quả đã đoạn được 3 kiết sử đầu tiên trong 5 hạ phần kiết sử là thân kiến, hoài nghi, và giới cấm thủ. Trong 3 kiết sử này thì thân kiến chính là những cái phiền não gốc. Cho nên, đoạn được thân kiến, hoài nghi, và giới cấm thủ là giống như có một cái cây và

mình đã chặt được cái gốc cây rồi, thì từ từ cành lá sẽ chết thôi.

IV. HAI VỊ CHÁNH ĐẲNG GIÁC XUẤT HIỆN CÙNG MỘT LẦN

Bây giờ chúng ta qua điều thứ mười mà Phật tuyên bố không thể xảy ra.

"10.Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Trong một Thế giới, hai vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, không trước không sau, xuất hiện một lần, sự kiện này không xảy ra. Và sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: Trong một Thế giới, chỉ có một vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện, sự kiện này có xảy ra."

Tất cả các vị Phật, kể cả Đức Phật Thích Ca *(Gotama Buddha)*, đều là bậc A-la-hán. Các đệ tử của Đức Phật như Thầy Xá-lợi-phất *(Sāriputta)*, Thầy Mục-kiền-liên *(Moggallāna)*, Thầy A-nan *(Ānanda)*, Thầy Đại Ca-diếp *(Mahā Kassapa)*, Thầy Phú-lâu-na *(Puṇṇa)*, Thầy Ca-chiên-diên *(Kaccāyana)*, Thầy Tu-bồ-đề *(Subhūti)*, Thầy La-hầu-la *(Rāhula)*, Thầy Nan-đà (Nanda),… cũng là các vị Thánh A-la-hán. Nhưng chỉ riêng Đức Phật và chỉ duy nhất Đức Phật mới là bậc Thánh A-la-

hán Chánh Đẳng Giác. Các vị tu tập với Ngài, nương nơi Ngài hoặc là nương theo một vị đệ tử khác của Ngài mà đắc Thánh cao nhất cũng là vị thánh A-la-hán.

Vậy bậc Thánh A-la-hán Chánh Đẳng Giác là như thế nào? Chính là Đức Phật, bậc Thánh "không Thầy tự ngộ". Ngài tự ngộ, tự tìm thấy con đường giải thoát giác ngộ, rồi dạy lại con đường đó cho chúng ta. Đó là Giới - Định - Tuệ, là Tứ Diệu Đế, là Tứ Niệm Xứ, là Bát Chánh Đạo, Ngũ căn, Ngũ lực, Tứ Chánh Cần, Tứ Như ý túc, Thất giác chi,... Tất cả đệ tử của Đức Phật là phải nương nơi Giáo Pháp của Ngài, hoặc nương nơi một vị đệ tử nào đó của Đức Phật để tu học thì mới trở thành một bậc Thánh. Tức là phải có thầy.

Một vũ trụ bao gồm Mặt trăng, Mặt trời, … khoảng cách xa nhất trong vũ trụ này là 300 triệu năm ánh sáng. Cứ 1 giây là ánh sáng đi 300 ngàn km. Quý vị thấy vũ trụ rộng cỡ nào, khoảng cách rộng như vậy mà nó chỉ nằm trong một trái lựu thôi, giả dụ một trái lựu gồm 31 cõi. Hôm trước

quý vị học bài 31 Cõi, gọi là Tam giới: Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới.

- Dục giới gồm 11 cõi: sáu cõi trời Dục giới, cõi người, cõi Atula, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

- Sắc giới có 16 cõi: 3 cõi Sơ thiền, 3 cõi Nhị thiền, 3 cõi Tam thiền, 7 cõi Tứ thiền.

- Vô sắc giới có 4 cõi: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Vậy 31 cõi đó quý vị cứ hình dung là **một trái lựu**. 1000 hạt lựu (31 cõi) trong một trái lựu gọi là 1 Tiểu thiên thế giới. 1000 Tiểu thiên thế giới là 1 Trung thiên thế giới. 1000 Trung thiên thế giới là 1 Đại thiên thế giới. Ba cái đó cộng lại gọi là Tam thiên đại thiên thế giới. 10 ngàn thế giới là khu vực hoằng Pháp của mỗi vị Phật Chánh Đẳng Giác. Vậy thì khi một vị Phật ra đời, trong thế giới này, trong phạm vi hoằng pháp 10 ngàn thế giới này, sẽ không có một vị Phật thứ hai, cho nên, không có chuyện có hai vị Phật xuất hiện cùng một lần.

Trong cuộc vấn đạo giữa Tỳ-kheo Na Tiên và Đức vua Mi-lan-đà có đoạn Đức vua hỏi Thầy Na Tiên câu hỏi:

Tại sao không có hai Đức Phật xuất hiện một lần?

"– Thưa đại đức! Trẫm nghe rằng, các Đức Phật giác ngộ những điều giống nhau, thuyết những pháp giống nhau, giới luật ban hành cũng giống nhau…, có phải thế không ạ?

– Tâu, vâng!

– Một vị Phật xuất hiện ở thế gian như thế, cuộc đời sẽ rất đẹp, hoàn thiện và tươi sáng thêm lên, có phải thế không ạ?

– Tâu, vâng!

– Thế tại sao hai bậc Toàn Giác không xuất hiện một lúc để cùng hỗ trợ cho nhau, tương trợ nhau để xiển dương chánh pháp? Nếu vậy thì cuộc đời này sẽ tốt đẹp gấp đôi, hoàn thiện gấp đôi, và xán lạn tươi đẹp cũng gấp đôi! Và như thế thì đạo Phật sẽ huy hoàng, lan tràn trong hoàn vũ, tế độ được gấp bội chúng sanh trời, người hơn nữa. Xin đại đức chỉ giáo cho điều này?

– Tâu đại vương! Đức Phật dạy rằng, thế gian này có mười ngàn thế giới. Mười ngàn thế

giới ấy chỉ có khả năng nâng đỡ một vị Phật mà thôi. Nói cách khác, mười ngàn thế giới chỉ có thể chịu đựng sự hiện hữu của một vị Phật. Nếu hai vị Phật cùng xuất hiện một lúc thì mười ngàn thế giới này sẽ bị chấn động, bị rung chuyển, bị nghiêng lệch đi, sẽ bị hủy diệt, bị tiêu vong!

Ví như một chiếc thuyền nhỏ chỉ chở được một người, nếu hai người cùng quá giang thì thuyền ấy sẽ không chở nổi, sẽ bị chìm. Chiếc thuyền chính là mười ngàn thế giới, khách quá giang là một vị Phật. Ví dụ này đại vương nên hiểu để tự trả lời và tìm hiểu lý do tại sao cho câu hỏi của mình.

– Thưa, vâng.

– Ví như hai chiếc xe chất hàng hóa với trọng tải vừa đủ để chuẩn bị cho lộ trình xa. Với lý do nào đó, người ta lấy bớt một xe, sớt hàng hóa xe ấy sang xe kia. Đại vương thấy thế nào? Một chiếc xe mà chở nặng một số hàng hóa với trọng tải gấp đôi, thì số phận chiếc xe ấy sẽ như thế nào?

– Bánh xe ấy sẽ gãy hoặc trục xe ấy sẽ vỡ lìa từng đoạn!

– Mười ngàn thế giới này cũng sẽ gãy đổ hoặc vỡ lìa tan nát ra như thế, nếu sức nặng của hai vị Phật đồng ngự đến một lần, tâu đại vương?

– Trẫm đã hiểu nhờ hai ví dụ ấy.

– Ngoài ra, biết bao điều tai hại do tranh chấp, do chia rẽ, do chấp thủ, do bảo vệ, rằng là "đây là Phật của tôi, kia là Phật của anh"; và thế là phân thành hai nhóm, sẽ tranh đấu với nhau bằng binh khí miệng lưỡi, binh khí đao gậy. Nói tóm là những điều nguy hại cho giáo pháp sẽ xảy ra.

– Vâng! Ví như trong triều đình của trẫm đây, nếu trẫm có hai vị quan cận thần có tài đức và công lao ngang nhau, đều được trẫm sủng ái. Quan lại trong triều đều phân làm đôi ủng hộ hai vị quan ấy. Chuyện gì sẽ xảy ra? Dĩ nhiên là sẽ có chuyện tranh chấp cãi cọ lôi thôi, sẽ có sự chia rẽ, mất hòa khí khi "ông quan này của chúng tôi, ông quan kia của các anh!" Thật là khó xử cho trẫm đấy. Trong triều không thể để cho hai ông quan có tài đức ngang nhau, công lao ngang nhau, quyền lực ngang nhau… như thế nào thì mười ngàn thế giới này cũng không nên tồn tại hai vị Phật, thưa đại đức!

– Vâng, mong rằng đại vương đã hiểu. Và có thể có những tế toái, phức nhiễu khác nữa. Ngay chính những hồng ân, danh hiệu, sự tôn xưng của thế gian đối với chư Phật sẽ có cái gì không được ổn cho lắm.

Ví dụ, Đức Phật là bậc tối thượng giữa muôn loài. Chữ tối thượng kia phải xét lại. Tối thượng là chỉ có một người, duy nhất, tại sao ở đây lại có hai người?

Lại ví dụ, Đức Phật là bậc đáng tôn trọng, cao quý nhất trong tam giới. Dùng chữ cao quý nhất ấy không còn thích đáng nữa.

Cũng thế, chẳng hạn, Đức Phật là bậc tiến hóa đệ nhất giữa chốn chư Thiên và loài người. Chữ "đệ nhất" ấy cũng sẽ không còn dùng được. Ngoài ra, tỉ như, Vô thượng sĩ, Thế Tôn, Thiên nhân sư v.v… đều phải sửa đổi lại.

Còn nữa, tâu đại vương! Trên đời này, những cái to lớn, vĩ đại thường chỉ có một: quả đất, mặt trời, mặt trăng, biển cả, hư không, núi Tu di, Hy mã lạp sơn… Còn các giống hữu tình lớn như Ma Vương, Đế thích, đại phạm thiên cũng chỉ có một. Tương tợ thế ấy, giữa thế gian chỉ có một đức Chánh Đẳng Giác mới gọi Ngài là vĩ đại, quý báu, tôn quý, cao thượng, vô thượng, tối thượng v.v… Như thế, trong một thời kỳ nhất định, giữa mười ngàn thế giới này chỉ có một vị Phật đản sanh, không thể có hai vị được, tâu đại vương!"

(Trích MI TIÊN VẤN ĐÁP số 147 – Milindapañha - Dịch giả Hòa Thượng Giới Nghiêm)

Đức vua Mi-lan-đa hỏi Thầy Na Tiên là: khi một vị Phật ra đời, các Ngài làm lợi ích cho chúng sanh rất nhiều, vậy tại sao không có hai Đức Phật xuất hiện cùng một lần? Thầy Na Tiên trả lời thế này: sự kiện mà một vị Phật có mặt ở cuộc đời là rất khó có và rất lâu mới có một lần. Không phải kiếp Trái đất nào cũng có Phật ra đời. Trong khoảng thời gian dài có những kiếp Trái Đất không có vị Phật nào hết, có những kiếp Trái Đất có 1 vị Phật, 2 vị Phật, 3 vị Phật, 4 vị Phật, và nhiều nhất có những kiếp Trái Đất có 5 vị Phật, và chúng ta may mắn ở trong kiếp Trái Đất có 5 vị Phật. Bốn vị Phật quá khứ là Đức Phật Kakusandha *(Câu Lưu Tôn)*, Đức Phật Koṇāgamana *(Câu Na Hàm Mâu Ni)*, Đức Phật Kassapa *(Ca Diếp)* đã xuất hiện. Trong kiếp hiện tại của chúng ta có Đức Phật Gotama *(Thích Ca)* xuất hiện và đã nhập Niết-bàn. Một vị Phật trong thời vị lai sẽ xuất hiện là Đức Phật Metteyya *(Di Lặc)*. Sau thời Phật Di Lặc, kiếp Trái Đất này sẽ **không còn** vị Phật nào nữa hết.

Khi một vị Phật xuất hiện, sự kiện Ngài đản sanh, Ngài xuất gia, Ngài thành Đạo, Ngài Niết-bàn và những lúc Ngài thuyết những bài Kinh quan trọng trong những tháng năm mà Ngài hoằng Pháp thì Trái Đất đều rung động. Sự xuất hiện của một vị Phật, của một con người quá phước đức, từ bi, trí tuệ như vậy, và khi mỗi sự kiện quan trọng trong đời Ngài xảy ra, Trái Đất đều rúng động như vậy, nên thế giới này không thể nâng đỡ, không thể chịu đựng được hai vị Phật xuất hiện cùng một lần.

Giả sử nếu hai vị Phật xuất hiện cùng một lần ở thế giới này thì chuyện gì xảy ra? Trái Đất có thể bị nghiêng ngã, rúng động và nứt vỡ ra. Để dễ hiểu, các ngài lấy ví dụ thế này. Sức chứa của một cái thuyền chỉ được vậy thôi, mà con voi bước xuống thuyền, chiếc thuyền đó sẽ bị chòng chành. Giống như hai con voi bước xuống thuyền một lượt, thì chiếc thuyền có thể bị chìm ngay, chứ không đợi đến khi hai con voi xoay người, hay di chuyển tới lui. Một ví dụ khác, giống như một cái xe chỉ chở được 1 tấn thôi, nếu mình chất lên cái xe 5 tấn thì chuyện gì xảy ra? Có phải là cái xe không chịu nổi và nó sẽ bị gãy không? Tương tự như vậy, Trái Đất này một lúc chỉ có thể nâng đỡ một vị Phật thôi, nên trong thế giới không bao giờ có hai vị Phật xuất hiện cùng một lần.

Lý do thứ hai là như vầy. Với cái tâm phàm của mình, nhiều khi quý vị hay nghĩ: một vị Phật xuất hiện đem lợi ích cho chúng sanh thì hai vị sẽ đem lợi ích nhiều hơn, nhưng không phải vậy! Giống như trong một đất nước không thể nào có hai vị vua cai trị cùng một lúc. Nếu có, người ta sẽ chia phe ra, đây là vua của tôi, đây là vua của bên này và đây là vua của bên kia. Cũng vậy, nếu như có hai vị Phật xuất hiện một lần thì người ta cũng sẽ chia ra, đây là Phật của tôi, đây là Phật của anh, đúng không? Rồi sao nữa? Đây là Giáo Pháp của vị Phật này, đây là Giáo Pháp của vị Phật kia. Và với cái tâm phàm của chúng sanh, sự chia rẽ sẽ xuất hiện, và như vậy, không có lợi cho Giáo Pháp, không có lợi cho chúng sanh. Chính vì thế không có chuyện hai Đức Phật xuất hiện cùng một lần, mà chỉ có một vị thôi.

Lý do thứ ba đó là trong các Ân đức của Phật, duy nhất chỉ có Phật A-la-hán Chánh Đẳng Giác có đầy đủ chín Ân đức hay chín Hồng danh là: Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ - Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nếu mình nói mười Ân đức thì thêm Ân đức Như

Lai. Các bậc Thánh khác không có đầy đủ mười Ân đức này. Trong mười Ân đức của Đức Phật có Ân đức Vô Thượng Sĩ. Vô Thượng Sĩ nghĩa là sao? Là không có ai trong Tam giới này, trong cuộc đời này, trong ba giới bốn loài này mà có thể hơn Đức Phật về phương diện từ bi, trí tuệ, công đức, phẩm hạnh. Không ai hơn Đức Phật. Ai Ngài cũng thương, điều gì Ngài cũng biết, và công đức lành nào Đức Phật cũng có. Thế gian xưng tôn Ngài là bậc Vô Thượng Sĩ, cho nên nếu có một vị Phật xuất hiện nữa thì danh hiệu đó đâu còn đúng nữa đâu. Vì vậy đây cũng là một lý do không có hai vị Phật xuất hiện cùng một lần.

Và đây là lý do thứ tư. Quý vị để ý đi, thường lớn nhất trong đời này là cái gì? Là mặt Trăng, mặt Trời, biển cả, hư không, núi Tu di,…Và những cái lớn đó thường chỉ có một thôi. Đây cũng là lý do mà không có hai vị Phật xuất hiện cùng một lần.

V. HAI VỊ CHUYỂN LUÂN VƯƠNG XUẤT HIỆN CÙNG MỘT LẦN

"11.Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Trong một Thế giới, có hai Chuyển Luân Vương, không trước không sau, xuất hiện một lần, sự kiện này không xảy ra. Và sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, trong một thế giới,

chỉ có một Chuyển Luân Vương xuất hiện, sự kiện này có xảy ra."

Điều thứ mười một không thể xảy ra là hai vị Chuyển Luân Vương xuất hiện một lần. Chuyển Luân Vương là ai? Chuyển Luân Vương là vị vua cai trị đất nước bằng đạo đức, bằng chánh pháp, và có rất nhiều phước báu. Trong cõi nhân loại, người đầy đủ quyền lực, uy quyền, hạnh phúc, đầy đủ nhất của cõi Người có thể nói đó chính là Vua Chuyển Luân. Và trong Kinh nói, một vị Chuyển Luân Vương sẽ có được bảy thứ báu.

Bảy báu đó là: Thứ nhất là **xe báu**, tức là mỗi lần vị Vua Chuyển Luân cần đi đâu, có bánh xe báu, ông chỉ cần quay bánh xe đó thì muốn đi tới đâu là đi tới đó, đó giống như là phước của ông vậy, gọi là xe báu. Thứ hai là **tượng báu**, là ông có những con voi quý rất quý hiếm. Thứ ba là **mã báu** (con ngựa quý). Ông có **mani báu**, là những hạt ngọc, hạt châu như ý, đó là bốn. Thứ năm là **nữ báu** - những người nữ trung thành, xinh đẹp, hiền thục và rất hiểu ý của Vua. Thứ sáu là những vị quan, mà mình gọi là những vị gia chủ, những vị quan coi những kho tàng cho ông và có thể giúp ông tìm kiếm những kho báu, kho tàng trên núi, dưới biển, ông có người đi tìm cho ông những kho

báu. Những người ấy gọi là **gia chủ báu**. Thứ bảy là **binh báu**, tức là ông có những vị tướng giúp cho ông nắm binh quyền và giúp ông chinh phục thiên hạ. Vị Vua Chuyển Luân đặc biệt là ông có bảy báu như vậy, đó là: mã báu, tượng báu, xe báu, ngọc báu, nữ báu, những vị tướng báu và những vị gia chủ đi tìm kho tàng cho ông. Phước của ông Vua này là như vậy đó.

Vua có hơn một ngàn Thái tử - những bậc anh hùng chiến thắng, thân thể dõng kiện, nhiếp phục địch quân. Vua chinh phục quả đất cho đến hải biên và trị nước bằng chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Vì vậy, ai có phước đức sanh vào thời của vua Chuyển Luân Vương thì dễ được sanh về các cõi lành, cõi nhân thiên.

VI. NĂM ĐIỀU KHÔNG THỂ XẢY RA VỚI MỘT NGƯỜI NỮ

"12.Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Một phụ nữ có thể là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sự kiện này không xảy ra. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: Người đàn ông có thể là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sự kiện này có xảy ra.

13.Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Một phụ nữ có thể là vị Chuyển Luân Vương, sự kiện này không xảy ra. Và sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: Một người đàn ông có thể là vị Chuyển Luân Vương, sự kiện này có xảy ra.

14-16.Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Một phụ nữ có thể là vị Đế Thích (Sakka)... là Ác Ma... là Phạm Thiên, sự kiện này không xảy ra. Và sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, một người đàn ông có thể là Vị Đế Thích... là Ác Ma... là Phạm Thiên, sự kiện này có xảy ra."

Tức là không có người nữ nào là Phật Chánh Đẳng Giác, là vua Chuyển Luân Vương, là vua trời Đế Thích, Ác Ma (hay Ma Vương), và là vị Phạm Thiên. Có thể quý vị nghĩ rằng Phật Pháp không phân biệt phân biệt nam nữ, vậy tại sao ở đây Đức Phật lại nói là người nữ không làm được năm vị này? Ở đây, không phải là phân biệt mà đó là quy luật. Trên thực tế, có vị Phật lịch sử nào, Phật Chánh Đẳng Giác nào là nữ không? Dạ không! Cái kiếp cuối cùng thành Phật luôn luôn là

thân nam chứ không phải thân nữ. Người nữ có thể tu đắc được Thánh quả A-la-hán, nhưng thành Phật Chánh Đẳng Giác là không có. Tại sao? Ví dụ như Đức Phật Thích Ca, từ khi Ngài được Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký sẽ thành Phật Chánh Đẳng Giác cho đến khi Ngài thành Phật cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm tại Ấn Độ, là đã trải qua thời gian 4 A-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp. Trong suốt thời gian dài như vậy, Ngài luôn luôn làm các thiện pháp với cái tâm của một bậc trượng phu, nghĩa khí, rộng lớn, hào sảng, với sự dũng cảm, trí tuệ. Quá trình hành Bồ Tát đạo của một vị Phật tương lai là bi, trí, dũng và những đặc tánh này thường là ở trong thân nam, thuộc về tính nam, bậc trượng phu. Cho nên, kiếp cuối một vị Phật đương nhiên cũng là thân nam chứ không thể là thân nữ. Lý do thứ hai là yếu tố vật lý. Đó là một vị Phật luôn luôn có 32 tướng tốt. Trong 32 tướng tốt này, có một tướng mà thân nữ không bao giờ có được là tướng Mã âm tàng. Người nữ tu học thành tựu cao nhất là một vị thánh A-la-hán thôi. Nếu người nữ nguyện tu thành Phật thì kiếp cuối cùng phải là thân nam. Tóm lại, không phải là phân biệt mà do quy luật.

Người nữ cũng không được làm Chuyển Luân Vương - vị vua cai trị bằng đạo đức, bằng chánh pháp. Người nữ không làm vua trời Đế

Thích *(Sakka)*, tức là vị vua cõi trời Đao Lợi cũng có hình tướng là thân nam. Rồi Ma vương *(Māra)* cũng phải là thân nam. Các vị Phạm Thiên không có phân biệt giới tính, nhưng cũng luôn luôn hiện trong thân nam khi các vị xuống đảnh lễ Đức Phật hoặc nghe Giáo Pháp của Đức Phật.

Như Thầy đã giải thích, lý do Phật Chánh Đẳng Giác không bao giờ là người nữ đó là do những tính cách của sự vĩ đại, trượng phu, của bi, trí, dũng không hợp ở thân nữ, nên là không có chuyện người nữ làm được năm điều này, không phải phân biệt mà là quy luật.

VII. QUẢ THỊ DỤC CỦA THÂN, KHẨU, Ý ÁC LẠI KHẢ LẠC, KHẢ HỶ, KHẢ Ý

Tiếp theo, Phật khẳng định có ba điều nữa không thể xảy ra.

"17. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: là quả dị thục của thân làm ác có thể là khả lạc, khả hỷ, khả ý, sự kiện này không xảy ra. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là quả dị thục của thân làm ác là không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý, sự kiện này có xảy ra.

18-19. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: là quả dị thục của miệng nói ác... của ý nghĩ ác, có thể là khả lạc, khả hỷ, khả ý, sự kiện này không xảy ra. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là quả dị thục của miệng nói ác... của ý nghĩ ác, là không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý, sự kiện này có xảy ra."

Tức là không có chuyện thân mình làm ác, khẩu mình nói ác, ý mình nghĩ ác mà lại cho quả vui. Cái gì cũng phải có nhân quả, đó là quy luật của cuộc đời này. Muôn đời làm thiện cho quả vui, muôn đời làm ác cho quả khổ. Dù Đức Phật có xuất hiện ở cuộc đời hay không, thì anh làm lành, làm thiện là anh được quả vui, nhưng anh làm ác là anh chịu quả khổ- đau khổ ở cả hiện tại và tương lai. Một người nói ác, làm ác, nghĩ ác, là ngay đó họ khổ rồi. Đến lúc đủ nhân duyên, quả bất thiện sẽ trổ, và họ sẽ khổ nữa. Quý vị coi phải không?

Ví dụ, hôm nào đó mình tức quá, mình mắng nhiếc một người với cái tâm sân, mình có thể làm cho người đó quê, hay hạ nhục họ. Mình nghĩ nói được như vậy là hả hê lắm, nhưng nếu quan sát kỹ, tâm sân không phải là một tâm an vui, mát mẻ,

và các phản ứng trên thân khi sân cũng đầy căng thẳng, bức bối, như hơi thở dồn dập, tim dập nhanh, mặt đỏ bừng, nhăn nhúm, căng cứng, cổ họng khô, giọng nói có thể run rẩy, the thé, hoặc to khác thường… Khoa học đã chứng minh là tức giận sản sinh độc tố trong người. Như vậy không phải khổ ngay khi sân giận hay sao? Rồi sao nữa, mình đang gieo cái nhân bất thiện. Và cái nhân bất thiện đó sẽ cho quả đau khổ thôi. Cho nên quý vị nhớ giùm, không có chuyện trong đời này, thân làm ác, miệng thì nói ác, ý thì nghĩ ác, mà lại cho quả vui. Cho nên quý Phật tử yên tâm, chúng ta cứ thấy cái gì thiện thì làm thôi, trong khả năng của mình, tại vì mình biết rằng lời nói thiện cho quả vui, thân làm thiện cho quả vui, ý nghĩ thiện cho quả vui, còn chuyện thân hành ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác là không hề có chuyện cho quả vui được. Không thể có!

VIII. QUẢ THỊ DỤC CỦA THÂN, KHẨU, Ý THIỆN LẠI KHÔNG KHẢ LẠC, KHẢ HỶ, KHẢ Ý

"Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: là quả dị thục của thân làm thiện… của khẩu nói điều thiện… của ý nghĩ thiện có thể là không khả lạc, không khả hỷ, không khả

ý, sự kiện này không xảy ra. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là quả dị thục của thân làm thiện … của khẩu nói điều thiện… của ý nghĩ thiện là khả lạc, khả hỷ, khả ý, sự kiện này có xảy ra."

Tức là một người mà thân làm thiện, miệng nói điều thiện và ý nghĩ điều thiện thì cho quả không khả lạc, không khả hỷ, hay là cho quả khổ là không có, là không xảy ra. Mà thân hành thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện chắc chắn cho quả vui, cho quả lành.

IX. QUẢ THỊ DỤC CỦA THÂN, KHẨU, Ý ÁC LẠI SANH VỀ CÕI LÀNH

"Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: là người đầy đủ thân làm ác… miệng nói ác… ý nghĩ ác do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh cõi lành, cõi Trời, cõi đời này, sự kiện này không xảy ra. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là người đầy đủ thân làm ác… miệng nói ác… ý nghĩ ác do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, sự kiện này có xảy ra."

Tức là một người mà sống với thân, khẩu, ý đều ác, đều bất thiện, sau khi mất mà sanh về cõi lành, cõi Trời, cõi người là chuyện không thể xảy ra. Mà ngược lại, cõi dữ đang chờ đợi họ khi thân hoại mạng chung.

X. QUẢ THỊ DỤC CỦA THÂN, KHẨU, Ý THIỆN LẠI SANH VỀ CÕI DỮ

"Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: là người đầy đủ thân làm thiện… miệng nói thiện… ý nghĩ thiện, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, sự kiện này không xảy ra. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là người đầy đủ thân làm thiện,… miệng nói thiện… ý nghĩ thiện, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh cõi lành, cõi Trời, cõi đời này, sự kiện này có xảy ra."

Ba sự kiện cuối là không có chuyện một người mà thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, sau khi mất lại đọa xuống đọa xứ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Mà ngược lại, việc người thân, khẩu, ý đều thiện lành thì sẽ được sanh về cõi lành.

XI. TỔNG KẾT

Hôm nay, Thầy gởi đến quý vị bài Pháp với chủ đề: Những Điều Không Thể Xảy Ra, hay những điều không thể có mặt ở cuộc đời. 28 điều Thầy vừa giảng và trích dẫn là từ trong **Kinh Tăng Chi, Chương Một Pháp, Phẩm Không Thể Có Được.** Những điều này có quy luật, nằm trong quy luật nhân quả, trong quy luật của cuộc đời. Thầy xin tóm tắt 28 điều không thể xảy ra.

- Sự kiện 1 - 3: l đối với một vị Thánh thành tựu chánh kiến hay vị thánh Sơ quả, không có trường hợp các vị Thánh đó thấy cuộc đời này là thường, là lạc, là ngã.

- Sự kiện 4 -9: sáu sự kiện kế tiếp này cũng liên quan đến một vị thành tựu chánh kiến, không thể xảy ra trường hợp một vị đã chứng Sơ quả lại giết Cha, giết Mẹ, giết bậc thánh, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng và thối thất niềm tin nơi đức Phật.

- Sự kiện 10: không có hai vị Phật xuất hiện cùng một lần.

- Sự kiện 11: không có hai vị Chuyển Luân Vương xuất hiện cùng một lần.

- Sự kiện 12 - 16: năm trường hợp không thể xảy ra với người nữ là làm Phật Chánh Đẳng Giác,

làm Chuyển Luân Vương, làm Đế Thích, làm Ác Ma, làm Phạm Thiên.

- Sự kiện 17 - 19: không có chuyện thân, khẩu, ý làm ác mà cho quả vui.

- Sự kiện 20 - 22: không có chuyện thân, khẩu, ý thiện mà cho quả khổ.

- Sự kiện 23 - 25: không có chuyện thân, khẩu, ý ác mà có thể sanh lên cõi lành, cõi Trời, cõi người.

- Sự kiện 26 - 28: không có trường hợp thân, khẩu, ý thiện mà sanh về cõi xấu.

Thầy mong rằng qua những điều Thầy vừa gửi đến quý vị, mình học ra được một vài bài học để ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày.

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Với người thành tựu Chánh kiến thì điều gì không thể xảy ra?

2). Trình bày vì sao không có 2 vị Phật xuất hiện cùng lúc?

3). Trình bày vì sao không có 2 vị Chuyển Luân Vương xuất hiện cùng lúc?

4). Vì sao không có trường hợp thân khẩu ý bất thiện mà cho quả an lạc?

5). Vì sao không có người nữ làm Phật Chánh Đẳng Giác?

6). Vì sao không có người nữ làm Đế Thích?

7). Vì sao không có người nữ làm Ma Vương?

8). Vì sao không có người nữ làm Chuyển Luân Vương?

9). Vì sao không có người nữ làm Phạm Thiên?

10). Bài học rút ra?

Bài 25: HỘ NIỆM

---

* NHỮNG BÀI KINH VỀ SỰ HỘ NIỆM
* SỰ QUAN TRỌNG CỦA GIỜ PHÚT CẬN TỬ
* BA HIỆN TƯỢNG TRƯỚC KHI CẬN TỬ
* NÓI GÌ VỚI NGƯỜI SẮP MẤT?

Chủ đề tối nay Thầy gửi đến Đại chúng là "Hộ niệm". Lâu nay, chúng ta hay nghĩ hộ niệm tức là khi một người sắp mất rồi mình đến hộ niệm cho người đó. Hộ niệm là một điều rất tốt, cần hộ niệm, trợ duyên cho những người ở giây phút cận tử. Nhưng có hiểu lầm ở đây là chúng ta nghĩ mình niệm Phật, mình trợ niệm cho người đó thì tự người đó sẽ sinh được về cõi lành, là mình niệm giùm luôn cho người đó, thì không phải như vậy.

Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ hiểu "Hộ niệm" là gì? Đức Phật dạy về vấn đề hộ niệm như thế nào? Chúng ta cần chuẩn bị những gì trong cuộc sống này để khi đến những giây phút cận tử mình có được sự hộ niệm cho tốt.

**Hộ niệm là gì?*

"Hộ": là giống như thấy ai đó đang xách một thùng nước nặng quá, mình đến và nói để mình xách hộ cho. Vậy "xách hộ" ở đây là giúp cho, "hộ" là giúp.

"Niệm": là nhớ, như Chánh niệm là thường nhớ, niệm Phật là thường nhớ Phật.

Hộ niệm là giúp cho nhớ, giúp cho đương sự mà lâu nay chúng ta nghĩ là người sắp mất. Nhưng hộ niệm không chỉ là giúp cho người sắp mất có duyên lành sanh về cảnh giới tốt, mà còn giúp cho người sống, cho chính mình. Cuộc sống của mình, mình có hay thất niệm không? Có hay vọng tưởng không? Mình có hay tập trung vào điều ác không? Vậy có ai tới hộ niệm cho mình là giúp cho mình nhớ tu tập sống tốt, quên điều ác đi để tập trung vào điều thiện, như vậy cũng gọi là "hộ niệm".

I. NHỮNG BÀI KINH VỀ SỰ HỘ NIỆM

Trong bài *Kinh Bị bệnh* trong *Tương Ưng Bộ,* có một vị tên là Mahànàma thưa với Đức Phật rằng khi một người cư sĩ có trí (tức là người có học Phật pháp, có tu học) mà bị đau đớn, bị trọng bệnh thì cần phải giáo giới như thế nào. Nói dễ hiểu là những giờ phút cuối cùng của

người đó cần phải hộ niệm như thế nào, cần phải hướng dẫn khuyến khích cho người đó như thế nào? Đức Phật trả lời thế này:

"*Này Mahànàma, một cư sĩ có trí bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh, cần phải được an ủi với bốn pháp an ủi như sau (assàsaniya dhamma):*

- Tôn giả hãy yên tâm, với lòng tịnh tín bất động của Tôn giả đối với đức Phật: "Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".

- Tôn giả hãy yên tâm, với lòng tịnh tín bất động của Tôn giả đối với Pháp: "Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu".

- Tôn giả hãy yên tâm, với lòng tịnh tín bất động của của Tôn giả đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính,

đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời".

- Tôn giả hãy yên tâm, với các giới của Tôn giả được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiền định.

6) Một cư sĩ có trí bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh, này Mahànàma, phải được một cư sĩ có trí giáo giới với bốn Pháp an ủi này. Cần phải nói như vậy".

(Trích Kinh Bị Bệnh, Tương Ưng Bộ)

"Hãy an trú niềm tin vào Phật, an trú niềm tin vào Pháp, an trú niềm tin vào Tăng, an trú niềm tin vào Thiền Định", nghĩa là khi một người bị trọng bệnh hay trong giây phút cận tử thì phải nên hướng dẫn người đó tập trung niệm Phật. Họ không nhớ Phật thì hướng dẫn nhớ Pháp, không nhớ Pháp thì hướng dẫn nhớ Tăng, hay hướng dẫn nhớ đến cái đề mục Thiền Định họ đang tu tập. Chứ lúc đó mà nhớ chồng vợ, con, Cha Mẹ, anh em, nhớ tiền, nhớ xe, nhớ xâu chuỗi, nhớ áo lam, nhớ cái nhà,... là rồi luôn, mà thường chúng ta là như vậy. Cái này không phải

chỉ học cho người sắp mất mà còn học cho chính mình.

Bây giờ khi còn sống, chúng ta phải nên tập cho mình những thói quen, một đời sống nội tâm tu tập trước. Cái giờ phút cận tử nó đến bất ngờ lắm, đâu biết được lúc nào mình đi. Nghe trong bài "Niệm Chết" thì chúng ta biết có nhiều lý do để mình đi lắm, cho nên cố gắng sắp xếp có một cái cận tử cho tốt để dễ tái sanh về cảnh giới lành. Giờ phút đó phải thương mình, cái cận tử quan trọng lắm.

Sau đó Đức Phật nói tiếp, nếu vị đó đang nhớ về Cha Mẹ, lưu luyến Cha Mẹ, không nhớ Phật, Pháp, Tăng, Thiền Định, thì sao:

7) Tôn giả ấy có lòng thương nhớ cha mẹ. Nếu vị ấy nói: "Tôi còn có lòng thương nhớ Cha Mẹ", thời nên nói với vị ấy như sau: "Thưa Tôn giả, Tôn giả thế nào cũng phải chết. Dầu Tôn giả có lòng thương nhớ Cha Mẹ, Tôn giả cũng sẽ chết. Dầu Tôn giả không có lòng thương nhớ Cha Mẹ, Tôn giả cũng sẽ chết. Vậy tốt hơn là Tôn giả hãy từ bỏ lòng thương nhớ đối với Cha Mẹ của Tôn giả".

8) Nếu vị ấy nói như sau: "Lòng thương nhớ của tôi đối với cha mẹ, lòng thương nhớ ấy

đã được đoạn tận", vị ấy cần phải được nói như sau: "Tôn giả có lòng thương nhớ vợ con hay không?" Nếu vị ấy nói: "Tôi có lòng thương nhớ vợ con", thời vị ấy cần phải được nói như sau: "Tôn giả thế nào cũng chết. Dầu Tôn giả có lòng thương nhớ vợ con, Tôn giả cũng sẽ chết. Dầu Tôn giả không có lòng thương nhớ vợ con, Tôn giả cũng sẽ chết. Vậy tốt hơn là Tôn giả hãy từ bỏ lòng thương nhớ đối với vợ con của Tôn giả".

Đây là chính Phật nói, tại vì sao như vậy? Vì lúc đó mình mà nhớ Cha Mẹ, vợ con, nhà cửa, xe... thì dễ dính vô Tham luyến chỗ đó và dễ cản trở sự tái sanh. Như vậy thì sẽ tái sanh vô cảnh giới bất thiện hay dễ làm Ngạ quỷ, ví dụ thương nhớ cái nhà, lưu luyến nhớ cái nhà thì dễ làm Ngạ quỷ lắm. Giờ phút đó có thể gọi là ngã ba, ngã rẽ quan trọng trong đời, hay còn gọi là giờ vàng, là cơ hội cuối cùng của một kiếp người. Lúc đó phải nên an trú vào niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, vào đề mục Thiền Định. Có nhớ Cha Mẹ, nhớ vợ con thì cũng chết, không nhớ cũng chết, nhưng nếu nhớ và chết trong tâm trạng lưu luyến thì dễ đọa xuống cõi giới xấu, cản trở quá trình tái sanh về cảnh giới tốt.

Và Đức Phật khuyến khích nên hướng dẫn cho vị đó từ bỏ và hướng tâm về những cõi cao

hơn là cõi Chư Thiên, cõi Phạm Thiên và cuối cùng nếu có tu tập thì hướng cho người đó đoạn trừ Thân kiến, tức là chứng được Thánh quả, Sơ quả Tu-đà-hoàn:

9) Nếu vị ấy nói như sau: "Lòng thương nhớ của tôi đối với vợ con, lòng thương nhớ ấy đã được đoạn tận", vị ấy cần phải được nói như sau: "Tôn giả có lòng thương tiếc năm dục công đức của loài Người không?" Nếu vị ấy nói như sau: "Tôi có lòng thương nhớ năm dục công đức của loài Người", vị ấy cần phải được nói như sau: "Các Thiên dục đối với nhân dục, còn hấp dẫn hơn, còn thù diệu hơn. Vậy tốt hơn Tôn giả hãy từ bỏ tâm khỏi các nhân dục, và hướng tâm đến Tứ Đại Thiên Vương Thiên".

10) Nếu vị ấy nói như sau: "Tâm tôi đã từ bỏ nhân dục và hướng đến Tứ Đại Thiên Vương Thiên", vị ấy cần được nói như sau: "Chư Thiên ở cõi Ba mươi ba còn hấp dẫn hơn, còn thù diệu hơn Tứ Đại Thiên Vương Thiên. Tốt hơn Tôn giả hãy từ bỏ tâm khỏi Tứ Đại Thiên Vương Thiên và hướng tâm đến chư Thiên ở cõi Trời Ba mươi ba".

11-16) Nếu vị ấy nói như sau: "Tâm tôi đã từ bỏ Tứ Đại Thiên Vương Thiên và hướng đến chư Thiên ở cõi Trời Ba mươi ba", vị ấy cần

được nói như sau: "Chư Thiên Yamà, chư Thiên Tusità, chư Thiên Hóa Lạc Thiên, chư Thiên Tha Hóa Tự Tại Thiên còn hấp dẫn hơn, còn thù diệu hơn chư Thiên ở cõi Trời Ba mươi ba...".

17) ... "Chư Thiên ở Phạm thế còn hấp dẫn hơn, còn thù diệu hơn chư Thiên ở Tha Hóa Tự Tại Thiên. Tốt hơn Tôn giả từ bỏ tâm khỏi chư Thiên Tha Hóa Tự Tại Thiên và hướng tâm đến Phạm thế, Phạm Thiên giới".

18) Nếu vị ấy nói như sau: "Tâm tôi đã từ bỏ chư Thiên Tha Hóa Tự Tại Thiên và hướng tâm về chư Thiên ở Phạm thế", thời vị ấy cần phải được nói như sau: "Này Tôn giả, Phạm Thiên giới là Vô thường, không thường hằng, bị Thân kiến giới hạn. Tốt hơn là Tôn giả hãy từ bỏ tâm khỏi Phạm Thế và hướng tâm đến đoạn diệt Thân kiến (Sakkàya)".

19) Nếu vị ấy nói như sau: "Tâm tôi đã từ bỏ Phạm Thế và hướng đến đoạn diệt Thân kiến", vị cư sĩ nói như vậy, này Mahànàama, và với Tỷ-kheo có tâm giải thoát khỏi các lậu hoặc, Ta nói rằng không có gì sai biệt, tức là về phương diện giải thoát.

Tóm lại, một người lâm trọng bệnh thì nên hướng dẫn họ nhớ Phật, nhớ Pháp, nhớ Tăng và

nhớ vào đề mục Thiền Định họ đang tu tập. Nếu người đó nhớ Cha Mẹ, vợ con, nhớ tất cả, thì phải nhắn nhủ là dù có lưu luyến thì cũng chết, mà không lưu luyến cũng chết. Nhưng Thầy dặn trước, cái này đừng đợi đến lúc đó mới thực tập mà phải thực tập ngay từ bây giờ, chứ tới lúc đó thực tập thì cũng khó, giống như đợi tới lúc khát nước rồi mới đào giếng thì đào không kịp đâu. Bây giờ phải thực tập là sống hết lòng với cuộc đời, thương được thì thương, tha được thì tha, buông được thì buông, bỏ được thì bỏ. Sống cuộc sống hết lòng bao dung, có hiếu với Cha Mẹ, giúp đỡ bạn bè, biết ơn những người trong cuộc đời này, và làm nhiều nhất những gì có thể làm với cái tâm "che mặt chỉ đường", giúp được gì thì giúp chứ không phải giúp để người ta trả ơn. Nếu giúp để được trả ơn thì đến lúc ngáp ngáp rồi chợt nghĩ: *"Sao tui giúp anh quá trời mà lúc tui ngáp ngáp không thấy anh tới giúp tui!*" thì tự nhiên nó lại khác, phải biết chính việc làm tốt đó đã là sự tưởng thưởng cho mình, có nhân quả cả. Cho nên không cần ai phải công nhận, làm tốt giúp cho người đó là đã xong, không nên cần người ta phải biết ơn hay tán thán. Giống như quý vị vô Chùa dọn nhà vệ sinh mà nghĩ: *"Con chùi nhà vệ sinh mà không ai khen con tiếng nào, không ai công nhận con gì hết, không ai nói,*

không ai cho quà con gì hết" thì Thầy nói: *"Chính cái việc chùi nhà vệ sinh là sự tưởng thưởng cho quý vị, cái đẹp lại không chịu mà tự nhiên đi cần cái nhỏ bé kia làm gì phải không?"*.

Ở đây, Đức Phật dạy thì mình mặc định hiểu và lo thực tập, chứ đợi tới lúc đó rồi không kịp đâu. Lúc đó mà kêu: thôi đừng nhớ Cha Mẹ, vợ con là không có đâu, suốt ngày mình nhớ thì tới lúc đó làm sao bỏ được? Nên bây giờ sống phải có hiếu với cha mẹ, lo cho chồng vợ, con, lo cho mọi người hết, nhưng duyên đến là buông. Mọi cái trên đời này là do duyên mà có, và có rồi sẽ mất, mình không bỏ nó thì nó cũng bỏ mình. Giống như bữa nào có cái điện thoại đẹp hơn là mình bỏ cái cũ, đó là mình bỏ nó, còn dùng lâu ngày quá nó hư nghĩa là nó bỏ mình, vấn đề là ai bỏ trước thôi. Bây giờ Thầy và quý Phật tử trong lớp học ở đây có duyên mà gặp, mà đã gặp thì cũng có lúc phải chia tay, có hợp thì sẽ có lúc tan. Thầy bỏ quý vị trước hoặc quý vị bỏ Thầy trước, chỉ không biết ai bỏ ai trước thôi, đến một ngày phải có chuyện đó, coi như vậy mà thấm trong đời sống thường ngày. Tư duy, tu tập được điều này thì đụng chuyện mới đỡ khổ, cần phải thấy một sự thật là như vậy. Ví dụ Thầy thích cái ly nước này, quý lắm, Thầy trân trọng nó nhưng đến một lúc nào đó bể ly, nếu Thầy không có tu

thì Thầy lưu luyến, buồn mấy ngày rồi giận qua người làm bể. Thì bây giờ Thầy sẽ nói thôi ráng trân quý, giữ gìn cái ly này, đến một lúc nào đó nó không có duyên ở với Thầy nữa thì nhờ câu Thần chú "nó không bỏ mình thì mình cũng bỏ nó". Từ đó mà nghĩ ra những chuyện lớn, phải thực tập trước như vậy.

Hộ niệm là vậy, phải biết tu từ bây giờ là hộ cho mình. *"Đường sanh tử hồn ai nấy giữ",* học Phật pháp mới càng thấy sự phũ phàng của cuộc đời. Đến lúc nào đó chúng ta cũng sẽ cô đơn cô độc mà bước đi trên hành trình luân hồi sanh tử. Cứ đêm khuya, mỗi lần Thầy nằm mà nghe tiếng ếch kêu tự nhiên Thầy lại hình dung về hành trình luân hồi thăm thẳm kinh khủng, giống như mình cứ lủi thủi đi trong vòng luân hồi hết kiếp này qua kiếp nọ, hết thân này qua thân nọ, đi vòng vòng qua những kiếp luân hồi. Và học Phật pháp đến một lúc nào đó tiến bộ, quý vị sẽ thấy nó có cái chuyện nhàm chán. Nhàm chán ở đây không phải là sự chán nản, mà nhàm chán đây là nhàm chán cái vòng luân hồi sinh tử đắng cay mỏi mệt. Sẽ tới lúc đó, lúc đó có nhàm chán thì quý vị cũng đừng nghĩ là mình bị chán nản, nó có trí tuệ nhàm chán. Chúng ta sẽ thấy cuộc đời này không phải là để cho mình bám víu, nắm giữ, rồi bắt đầu buông bỏ từ từ mà lo tu học.

Bài Kinh kế tiếp cũng nói về hộ niệm. Có một lần ông Mahànàma trên đường đi đến gặp Phật thì thấy có một con voi đến mùa động dục, nó bung ra chạy nhảy. Khi thoát nạn thì ông mới thưa với Phật là lỡ mà ông chết trong lúc đó thì chuyện gì xảy ra? Nói dễ hiểu là con đang tu tập đây nếu có chuyện gì đó bất ngờ đến mà con chết thì con sẽ đi đâu. Câu này quá quan trọng, trường hợp này ông gặp con voi say, Đức Phật dạy cho Mahànàma:

4) "Chớ có sợ, này Mahànàma! Chớ có sợ, này Mahànàma! Không ác sẽ là cái chết của Ông! Không ác là cái chết của ông!

Này Mahànàma, với ai đã lâu ngày tâm tu tập trọn vẹn về tín, tâm tu tập trọn vẹn về giới, tâm tu tập trọn vẹn về sở văn, tâm tu tập trọn vẹn về thí xả, tâm tu tập trọn vẹn về trí tuệ; với người ấy, dầu thân có sắc này, do bốn đại hợp thành, do Cha Mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, có bị vô thường phá hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; dầu cho thân này ở đây bị quạ ăn, chim kên ăn, chim ưng ăn, chó ăn, hay giả-can ăn, hay các loại chúng sanh sai khác ăn; nhưng nếu tâm của vị ấy được lâu ngày tu tập trọn vẹn về tín, tu tập trọn vẹn về giới, tu tập trọn vẹn về sở văn, tu tập

trọn vẹn về thí xả, tu tập trọn vẹn về trí tuệ, thời tâm của vị ấy thượng thặng, đi đến thù thắng".

(Trích Kinh Mahànàma, Tương Ưng Bộ)

Tức là Đức Phật nói đến một ngày nào đó cái thân mình có rã tan, có bị con này con kia ăn, nói dễ hiểu là có chết đi chăng nữa, nhưng vị đó có tu tập, có Tín – Thí – Văn – Giới – Tuệ thì cũng đi đến thù thắng, tức là không bị đọa lạc. Và Đức Phật có lấy một ví dụ rất hay:

5) "Ví như, này Mahànàma, một người nhận chìm một ghè sữa bơ, hay một ghè dầu vào trong một hồ nước sâu và đập bể ghè ấy. Ở đây, các mảnh ghè hay mảnh vụn chìm xuống nước; nhưng sữa, bơ hay dầu thời nổi lên, trồi lên trên.

Cũng vậy, này Mahànàma, với ai đã lâu ngày, tâm được tu tập trọn vẹn về tín, tâm được tu tập trọn vẹn về giới, tâm được tu tập trọn vẹn về sở văn, tâm được tu tập trọn vẹn về thí xả, tâm được tu tập trọn vẹn về trí tuệ; với người ấy, thân có sắc này, do bốn đại hợp thành, do Cha Mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, có bị vô thường phá hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, đoạn diệt; dầu cho thân này ở đây bị quạ ăn, chim kên ăn, chim ưng ăn, chó ăn, giả-can ăn hay các sanh loại sai khác ăn; nhưng nếu tâm của vị ấy được lâu ngày tu tập trọn vẹn về tín, tu tập trọn

vẹn về giới, tu tập trọn vẹn về sở văn, tu tập trọn vẹn về thí xả, tu tập trọn vẹn về trí tuệ; thời tâm của vị ấy thượng thặng, đi đến thù thắng".

Mình lấy dầu bỏ xuống nước thì nó sẽ nổi lên, dù có nhấn nó xuống, đập bể cái gè thì cái gè chìm nhưng dầu vẫn nổi lên. Thì trong đời nếu mình có niềm tin nơi Tam Bảo; có bố thí, làm phước, cúng dường, sẻ chia; mình có tu tập năm giới, tám giới, giữ những điều đạo đức; mình có nghe, học, đọc; mình có trí tuệ, có Chánh kiến thì dù có chuyện Vô thường đến đi chăng nữa cũng không bị đọa lạc. Như dầu vậy, có bỏ xuống nước thì nó vẫn nổi, dù có nhấn cỡ nào nó cũng nổi, quý vị yên tâm chưa? Vấn đề là mình có tín không, có thí không, có văn không, có giới không, có tuệ không? Có mấy điều này rồi thì lỡ có Vô thường thì cũng đi về cõi lành.

Sau đó Đức Phật mới nói cái cây nghiêng về hướng nào thì nó sẽ ngã về hướng đó, cũng là dạy cho ngài Mahànàma trong bài Kinh này:

6) "Ví như, này Mahànàma, một cây thiên về phía Đông, hướng về phía Đông, xuôi về phía Đông, nếu bị chặt đứt từ gốc rễ, nó sẽ ngả về phía nào?

- Bạch Thế Tôn, về phía nào nó thiên, về phía nào nó hướng, về phía nào nó xuôi.

- Cũng vậy, này Mahànàma, do thành tựu bốn Pháp này, vị Thánh đệ tử thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn".

Thầy có giảng riêng một bài là *"Nước bay về Trời",* nước ở thể khí nó luôn tìm cách bốc lên, nước ở thể lỏng thì nó tìm cách chảy xuống. Vấn đề là chúng ta sống như nước ở thể nào, có Tín - Giới - Văn - Thí - Tuệ là yên tâm, giống như là mình là nước ở thể khí, mình là dầu rồi thì có nhấn xuống nó cũng nổi lên, bốc lên. Bây giờ ai có trù ẻo mình chết cho đọa xuống thì đó là chuyện của người đó, có ghét là chuyện của người đó, vấn đề mình là dầu chứ không phải là đá, vấn đề mình là nước ở thể khí chứ không phải là nước ở thể lỏng.

Cho nên ai tu giỏi mà người đó có đi thì quý vị nói họ là *"nước bay về Trời",* dĩ nhiên là cũng chia buồn với họ, nhưng mà yên tâm là nước đã bay về Trời: " Mấy mươi năm sống trong cuộc đời chị có niềm tin nơi Tam Bảo: Phật, pháp, Tăng, tin giới, mấy mươi năm chị sống với tấm lòng hào sảng, với bàn tay rộng mở, đã giúp rất nhiều người, chị đã cúng dường, làm phước, chia sẻ, chị giữ năm Giới, tám Giới, thân khẩu của chị

được thanh tịnh bởi những điều đạo đức, chị có học Pháp, nghe Pháp, chị có văn, chị có Chánh kiến, chị tin Nghiệp và Quả của nghiệp, tin rằng cuộc đời Vô thường, khổ, vô ngã... em tin rằng mấy mươi năm đó tuổi thọ, duyên nghiệp của chị hết, nước đã bay về Trời".

Đó là con đường đi rõ ràng, yên tâm, mình nghe lời Phật dạy rồi. Chỉ sợ rằng lúc đó mình là nước ở thể lỏng thôi. Cho nên, thể lỏng hay thể khí thì bây giờ phải chuẩn bị chứ lúc đó mà tìm tín, tìm thí, tìm giới, tìm văn, tìm tuệ thì ở đâu ra?

Cho nên, hộ niệm là không phải đợi đến lúc đó mới được hộ niệm, mà chính mình hộ niệm cho mình trong cuộc sống này. Chính quý Phật tử phải tự "cầu siêu" cho mình lúc còn sống. "Cầu" là mong, "siêu" là thoát, mình còn sống đây nhưng mình có muốn thoát phiền não không? Quý vị tu tập vượt qua phiền não thì có phải là đã cầu siêu cho mình không? Cầu siêu là cầu mong cho thoát khỏi cái phiền não. Đối với người mất thì cầu siêu là mong cho họ thoát cảnh giới xấu, thì ngay cả bây giờ chúng ta đang Tham - Sân - Si thì mình cầu siêu cho mình thoát ra cái Tham - Sân - Si đó.

Tiếp theo là một bài Kinh quan trọng trong Trung Bộ Kinh, "*Kinh Giáo Giới Cấp-Cô-Độc"*. Cấp-Cô-Độc là một trong những cư sĩ nổi tiếng thời Phật, ông là vị Thánh Sơ quả và cả đời lo cho Phật pháp. Những ngày tháng cuối đời ông bị bệnh và lúc này ngài Xá-lợi-phất với ngài A-nan tới thăm ông, quý vị nghe các ngài hộ niệm như thế nào:

"Tôn giả Sāriputta im lặng nhận lời. Rồi Tôn giả Sāriputta đắp y, cầm y bát, cùng với Tôn giả Ānanda là thị giả, đi đến trú xứ của cư sĩ Cấp Cô Độc, sau khi đến liền ngồi lên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Tôn giả Sāriputta nói với cư sĩ Cấp Cô Độc.

- Này Cư sĩ, ta mong rằng Ông có thể Kham nhẫn; Ta mong rằng Ông có thể chịu đựng. Ta mong rằng khổ thọ được giảm thiểu, không gia tăng, sự giảm thiểu được rõ rệt, không có gia tăng.

- Thưa Tôn giả Sāriputta, con không có thể Kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Sự khổ thống của con gia tăng, không có giảm thiểu; sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sāriputta, ví như một người lực sĩ chém đầu (một người khác) với một thanh kiếm sắc bén; cũng vậy, thưa Tôn giả Sāriputta, những ngọn

gió kinh khủng thổi lên đau nhói trong đầu con. Thưa Tôn giả Sāriputta, con không có thể Kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khổ thống của con gia tăng, không có giảm thiểu; sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sāriputta, như một người lực sĩ lấy một dây nịt bằng da cứng quấn tròn quanh đầu rồi siết chặt; cũng vậy, thưa Tôn giả Sāriputta, con cảm thấy bị đau đầu một cách kinh khủng. Thưa Tôn giả Sāriputta, con không có thể Kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khổ thống của con gia tăng, không có giảm thiểu; sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sāriputta, như một người đồ tể thiện xảo hay đệ tử người đồ tể cắt ngang bụng với một con dao cắt thịt bò sắc bén; cũng vậy, thưa Tôn giả Sāriputta, một ngọn gió kinh khủng cắt ngang bụng của con. Thưa Tôn giả Sāriputta, con không có thể Kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khổ thống của con gia tăng, không có giảm thiểu; sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sāriputta, ví như hai người lực sĩ, sau khi nắm cánh tay của một người yếu hơn, nướng người ấy, đốt người ấy trên một hố than hừng; cũng vậy, thưa Tôn giả Sāriputta, một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân con. Thưa Tôn giả Sāriputta, con không có thể

Kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những thống khổ của con gia tăng, không có giảm thiểu; sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu.

- Do vậy, này Cư sĩ hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ con mắt, và tôi sẽ không có thức y cứ vào con mắt". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ tai, và tôi sẽ không có thức y cứ vào tai". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy ... không chấp thủ mũi ... y cứ vào mũi ... hãy học tập như vậy. Do vậy ... không chấp thủ lưỡi ... y cứ vào lưỡi ... hãy học tập như vậy. Do vậy ... không chấp thủ thân ... y cứ vào thân ... hãy học tập như vậy. Do vậy ... không chấp thủ ý ... y cứ vào ý ... hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ hình dạng, và tôi sẽ không có thức y cứ vào hình dạng". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy ... không chấp thủ tiếng ... y cứ vào tiếng ... hãy học tập như vậy. Do vậy ... không chấp thủ hương ... y cứ vào hương ... hãy học tập như vậy. Do vậy ... không chấp thủ vị ... y cứ vào vị ... hãy học tập như vậy. Do vậy ... không chấp thủ xúc ... y cứ vào xúc ... hãy học tập như vậy. Do vậy, này Cư sĩ,

hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ Pháp, và tôi sẽ không có thức y cứ vào Pháp". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ nhãn thức, và tôi sẽ không có thức y cứ vào nhãn thức". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy ... "Tôi sẽ không chấp thủ nhĩ thức ... Tôi sẽ không chấp thủ tỷ thức ... Tôi sẽ không chấp thủ thiệt thức ... Tôi sẽ không chấp thủ thân thức ... Tôi sẽ không chấp thủ ý thức, và tôi sẽ không có thức y cứ vào ý thức". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ nhãn xúc, và tôi sẽ không có thức y cứ vào nhãn xúc". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy ... "Tôi sẽ không chấp thủ nhĩ xúc ... Tôi sẽ không chấp thủ tỷ xúc ... Tôi sẽ không chấp thủ thiệt xúc ... Tôi sẽ không chấp thủ thân xúc. Tôi sẽ không chấp thủ ý xúc, và tôi sẽ không có thức y cứ vào ý xúc". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ thọ do nhãn xúc sanh khởi, và tôi sẽ không có thức y cứ vào thọ do nhãn xúc sanh khởi". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy ... "Tôi sẽ không chấp thủ thọ do nhĩ

xúc sanh khởi ... Tôi sẽ không chấp thủ thọ do tỷ xúc sanh khởi ... Tôi sẽ không chấp thủ thọ do thiệt xúc sanh khởi ... Tôi sẽ không chấp thủ thọ do thân xúc sanh khởi ... Tôi sẽ không chấp thủ thọ do ý xúc sanh khởi và tôi sẽ không có thức y cứ vào thọ do ý xúc sanh khởi". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ địa giới, và tôi sẽ không có thức y cứ vào địa giới". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy ... "Tôi sẽ không chấp thủ thủy giới ... Tôi sẽ không chấp thủ hỏa giới ... Tôi sẽ không chấp thủ phong giới ... Tôi sẽ không chấp thủ hư không giới ... Tôi sẽ không chấp thủ thức giới, và tôi sẽ không có thức y cứ vào thức giới". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ sắc, và tôi sẽ không có thức y cứ vào sắc". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy ... "Tôi sẽ không chấp thủ thọ ... Tôi sẽ không chấp thủ tưởng ... Tôi sẽ không chấp thủ hành ... Tôi sẽ không chấp thủ thức và tôi sẽ không có thức y cứ vào thức giới". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ Hư không vô biên xứ, và

tôi sẽ không có thức y cứ vào Hư không vô biên xứ". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy ... "Tôi sẽ không chấp thủ Thức vô biên xứ ... Tôi sẽ không chấp thủ Vô sở hữu xứ ... Tôi sẽ không chấp thủ Phi tưởng phi phi tưởng xứ, và tôi sẽ không có thức y cứ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ thế giới ở đây và tôi sẽ không có thức y cứ vào thế giới ở đây". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy ... "Tôi sẽ không chấp thủ thế giới khác, và tôi sẽ không có thức y cứ vào thế giới khác". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ những gì được thấy, được nghe, được cảm thọ, được nhận thức, được hy cầu, được tư sát với ý, và tôi sẽ không có thức y cứ vào các Pháp (nói trên)". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Khi nghe nói vậy, Cư sĩ Cấp Cô Độc khóc và chảy nước mắt".

(Trích Kinh Giáo Giới Cấp-Cô-Độc)

Tức là các ngài hướng dẫn cho ông Cấp-Cô-Độc trước lúc ông mất rằng đừng có chấp vào cái

thân Ngũ uẩn này, đừng có chấp vào sáu căn Sáu trần, đừng có chấp vào ta và của ta. Có phải do mình lưu luyến cái thân này rồi thành ra sợ hãi không? Từ lưu luyến mà mình muốn sống thêm, đủ thứ cái sợ cho nên mới sinh đủ thứ chuyện. Thầy cho rằng đây là sự hộ niệm tuyệt vời nhất với người có trí: đừng chấp vào cái thân này, đến lúc nó phải đi rồi.

Là con Phật, mình cố gắng làm những gì tốt nhất có thể. Nếu lâm trọng bệnh hoặc biết sống không bao lâu nữa thì khấn nguyện với Tam Bảo: *"Con tên gì, Pháp danh gì, bao nhiêu tuổi, nếu như cái thân con còn đủ duyên để có thể sống thêm nữa, còn được thọ mạng nữa thì xin Tam Bảo chứng minh gia hộ cho con. Còn nếu như thân con không còn đủ duyên nữa thì con cũng hoan hỷ con đi".* Mạnh mẽ, can đảm như vậy, nhưng những cái này không phải một ngày một buổi, mà là con Phật thì phải luôn sẵn sàng, chấp nhận đối diện với cái chết hằng ngày, đó gọi là pháp môn niệm chết. Niệm chết quan trọng lắm, khi mà cái chết quý vị còn không sợ nữa thì ít có cái gì để cho quý vị sợ lắm. Dù chuyện đó không ai muốn, nhưng rồi đến lúc chúng ta cũng phải đối diện nó, bây giờ quý vị tập niệm chết đi, nghe lại bài Thầy giảng "Niệm chết". Ý thức được Vô thường như vậy thì chúng ta sống

những tháng ngày còn lại rất ý nghĩa. Nghĩ rằng cái chết nó sẽ đến bất cứ lúc nào, bất cứ thời gian nào, có rất nhiều lý do để mình chết, khi đó muốn lười thì cũng ráng ngồi dậy lo làm công đức, có những tháng ngày của mình trôi qua vô ích lắm. Hay nhiều khi chúng ta muốn hơn thua, cãi cọ với ai đó, nhưng hãy nghĩ đến bữa nào người đó sẽ thăm thẳm đi trong vòng luân hồi, rồi mình cũng đi trong vòng luân hồi là tự nhiên hết muốn hận thù. Biết niệm chết rồi sẽ có đủ thứ lợi ích, sẽ sống được một cuộc đời ý nghĩa.

"Cuộc đời là vở kịch dài

Mà ta đóng cả vai hài lẫn bi

Kịch xong đôi ngã chia ly

Nghiệp riêng ai nấy nẻo đi luân hồi"

Cuộc đời này như vở kịch, có những tháng ngày vui, những tháng ngày buồn. Hết duyên ở cuộc đời rồi thì người A đi người A đi, người B đi người B đi, Cha Mẹ đi đường Cha Mẹ, anh chị đi đường anh chị, vợ con đi đường vợ con, anh em đi đường anh em, mạnh ai nấy đi. Phải dám đối diện, phải tin rằng mình có thể chết bất cứ lúc nào. Và học Phật Pháp thì mình biết mình đã sống như vậy, tu tập như vậy, chết với tâm như vậy thì mình sanh ở cõi nào và mình đi đâu, hay

là mình nguyện chết rồi đi đâu đó, phải có đường đi nước bước cho rõ. Quý vị sống với tâm thập thiện thì đó là cõi trời Dục giới hoặc là cõi người có phước. Sống với những cái tâm thiền, hay là những cái tâm định thì sẽ là cõi Phạm Thiên Sắc giới hoặc là cõi Phạm Thiên Vô sắc. Còn nếu sống với tâm niệm, tâm tuệ, đoạn tận phiền não thì đó là Thánh quả. Còn khát khao, chiếm hữu, gom vô thì rất dễ là Ngạ quỷ. Cứ hưởng thụ, cứ si mê thì rất dễ vô Súc sanh. Sống trong hận thù, tạo ác nghiệp thì rất dễ vào Địa ngục. Mà suốt ngày cứ hận thù, hơn thua thì A-tu-la.

Cho nên, Thầy cho rằng cái chuyện hộ niệm là đến nói với người đó đừng chấp vào cái thân nữa, đừng chấp ta và của ta nữa. Cái chuyện đừng chấp vào cái thân nữa đó không phải là tới lúc nằm trên giường đâu, mà phải thực tập cả một kiếp người. Khi mà quý vị nhẹ nhàng cái thân của mình, hiểu được đường đi nước bước thì sẽ nhận ra sự có mặt của mình ở cuộc đời này là một cái gì đó nó nhỏ bé, mong manh vô cùng, đến rồi đi. Chết tức là sự chấm dứt của sắc Pháp này, không còn hơi nóng nữa, gọi là không còn hơi thở, tim ngừng đập, không còn hơi ấm. Nếu nói kỹ ra là không có chết gì đâu, mình sẽ tiếp tục qua cái cõi kế tiếp mà tùy theo cái nghiệp của mình, dưới hình tướng nào. Mình sẽ mặc vào

một chiếc áo mới mà không biết chiếc áo đó là chiếc áo nào thôi. Cái tâm cận tử nó quyết định cảnh giới kế tiếp nên lúc này phải cẩn thận, nó rất quan trọng.

Thêm một bài Kinh nữa trong "*Kinh Tăng Chi Bộ, Chương Mười Pháp, Phẩm Tâm Của Mình", bài Kinh Girimananda*, đó là khi Thầy Girimànanda lâm trọng bệnh Đức Phật dạy thầy A-nan Mười Pháp quán tưởng để đi đến thăm bệnh và đọc lại cho Thầy ấy nghe. Sau khi nghe xong Thầy này đã vượt qua cơn trọng bệnh. Nội dung của mười Pháp quán tưởng là: tưởng về Vô thường, tưởng vô ngã, tưởng bất tịnh, tưởng nguy hại, tưởng đoạn tận, tưởng từ bỏ, tưởng đoạn diệt, tưởng nhàm chán đối với tất cả thế giới, tưởng vô thường trong tất cả hành, tưởng niệm hơi thở vô hơi thở ra. Tức là, các bậc Thánh gọi là hộ niệm thì các Ngài dạy cho mình quán về Vô thường, khổ, vô ngã, đừng có chấp vào thân này, đó mới là hộ niệm mà mình gọi là trí tuệ của bậc trí tuệ. Còn mình cả đời này có biết Phật Pháp đâu, có tu tập đâu, mình chấp hết cái này đến cái khác. Bởi vậy lúc đó khó lắm, giống như là đá vậy. Cho nên phải biết tu lúc còn sống, nó là cái trớn, chứ đến lúc đó không phải dễ đâu.

II. SỰ QUAN TRỌNG CỦA GIỜ PHÚT CẬN TỬ

Quý vị có thể nghe lại bài *"Sự quan trọng của cận tử nghiệp"* để biết giờ phút cận tử nên làm gì. Hồi nhỏ ai chơi lô tô thì biết khi đang quay cái vòng quay lô tô như vậy thì mình có biết con số nào sẽ ra không? Không. Trong đời của mình có vô số nghiệp, và sẽ chẳng biết được cái nghiệp nào nó trổ, giống như cái vòng quay lô tô mình không biết sẽ lấy ra con số nào.

Thầy lấy ví dụ có một con ngựa nó phải chạy 100 vòng. Vòng nào nó cũng chạy về nhất, vòng 95, 96, 97, 98, đến vòng 99 nó cũng chạy về nhất, nhưng đến vòng cuối cùng nó lại bị sụn chân. Vậy là xong, vì quan trọng là cái đích đến cuối cùng của nó là phải về đến đích. Cũng như vậy, trong một kiếp người của mình sống đến 50 - 70 năm, cả đời sống đạo đức, tin tưởng Tam Bảo, tu tập tốt, thường như vậy thì cái cận tử sẽ lành, nhưng ai ngờ cái cận tử vào ngay lúc tiền bạc chi chưa xong, nhà cửa chưa xong. Mấy đứa con thay vì hộ niệm cho mẹ: *"Mẹ ơi mẹ nhớ niệm Phật. Mẹ bỏ, Mẹ yên tâm, tụi con lớn hết rồi, con đường đi của Mẹ, đừng lo gì cho tụi con hết",* thì lại là: *"Má ơi, cái nhà này má cho ai, xe này của ai vậy má, anh ba đòi lấy tiền của con kìa má, cái đứa em út nó đòi lấy hết luôn kìa*

mẹ". Nằm đây thân thể thì đau mà cứ vậy, tâm sân nổi lên, tâm bực nổi lên mà đi luôn lúc đó, 99 vòng ngon lành mà tới vòng cuối cùng có chuyện, ngay lúc cận tử.

Thầy ví dụ cái chuồng bò, trong cái chuồng bò đó nếu con bò nào đứng cạnh cửa thì nó sẽ đi ra trước. Thì ở đây nếu trong cuộc đời nếu phạm vào một trong năm tội trọng nghiệp: giết Cha, giết Mẹ, giết bậc Thánh, thân Phật chảy máu, phá hoà hợp Tăng thì nhắm mắt xong chắc chắn kiếp sau phải là Địa ngục. Trường hợp thứ hai, nếu đắc thiền tâm từ Sơ thiền đến Bát thiền mà mất với tâm đó, thì chắc chắn là sanh lên cõi Phạm thiên. Đắc từ Sơ đến Tứ thiền là Phạm thiên Sắc giới, Tứ không thiền là Phạm thiên Vô sắc. Còn nếu chứng từ Sơ quả trở lên là chắc chắn không bị đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh.

Bây giờ, chúng ta coi lại mình có mấy cái chắc chắn?

Con không phạm vào Năm trọng tội; con chưa Đắc thiền, lúc đó con chắc chắn không lên Phạm thiên. Con cũng chưa đắc Thánh, không chắc chắn sẽ không bị đọa xuống Ngạ quỷ, Súc sanh. Vậy thì còn lại đi đâu? Cho nên nó bất định, lúc này nó phụ thuộc vào cái tâm cận tử. Tâm cận tử là cái nghiệp cận tử trước lúc mất.

Chúng ta nhớ hình ảnh cái chuồng bò, khi mở cửa ra con bò nào đứng cạnh cái cửa thì nó sẽ đi ra trước. Nếu không Đắc thiền, không đắc Thánh, không phạm vào bất thiện nghiệp trọng tội, thì cái tâm cận tử này nó sẽ quyết định cảnh giới kế tiếp. Giả dụ như khi đó đang niệm ân Phật, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, đang hoan hỷ với phước thiện thì dễ đi Chư thiên Dục giới hoặc là quay lại làm người với những phước báu. Lúc đó mà lưu luyến thì dễ làm Ngạ quỷ, hôn mê là dễ làm Súc sanh, hận thù là dễ xuống Địa ngục.

Mấu chốt của Phật Pháp là tu tập làm sao để đoạn phiền não, cho nên phải biết thương mình trong giờ phút đó. Ở đây giống như cơ hội cuối trong đời của mình, quý vị có thể phạm những sai lầm và có cơ hội để sửa, nhưng cơ hội cuối cùng trong đời là cận tử nếu sai lầm nữa là không có cơ hội sửa. Dù mình có làm rất nhiều thiện nghiệp nhưng lúc cận tử mà sân giận hay lưu luyến gì đó thì vẫn sanh về cõi xấu.

"- Thầy ơi, ông bà con mấy chục năm làm Thiện nghiệp, mà cận tử từ sáng đến trưa sống trong giận hờn rồi ra đi với cái tâm đó là vẫn xuống cõi xấu hả Thầy? Nhân quả công bằng chỗ nào?".

- Cái cận tử quyết định cảnh giới kế tiếp, đây là nhiệm vụ của nó. Một ngàn điều tốt kia của ông bà không bị mất, nó còn đó cho đến khi nào đủ duyên nó trổ. Có những trường hợp họ làm ác, dĩ nhiên là không phạm vào tội ngũ nghịch, nhưng cuối đời gặp được cái thuận duyên nào đó thì họ vẫn sanh cảnh giới lành.

"Vậy một ngàn điều ác của họ sao họ không trả quả?".

- Dạ không phải, cái nhân còn đó đủ duyên nó sẽ trổ quả. Phải hiểu như vậy chứ không phải là không công bằng.

Có câu chuyện về một người mấy chục năm làm nghề đánh cá, có một vị Thánh biết hôm nay là ngày cuối cùng của ông nên mới đến cho ông Quy y, thọ Năm Giới. Ông đọc: *"Với lòng tôn kính cung kính con xin Quy y Phật. Với lòng cung kính con xin Quy y Pháp. Với lòng cung kính con xin Quy y Tăng"*, chưa kịp thọ Năm Giới thì ổng đã ra đi trong cái tâm cung kính. Rồi Hoàng hậu Mạt-lợi vợ Vua Ba-tư-nặc, cả đời làm thiện vậy mà cuối đời vào cái cận tử bà lại nhớ một điều bất thiện mà đi với tâm áy náy, cắn rứt nên bà bị đi xuống. May là bà chỉ đi xuống bảy ngày.

Còn trong Kinh Pháp Cú tích truyện số 2, có anh thanh niên bị bệnh nằm trước nhà. Hôm đó Phật đi ngang, không đứng dậy lễ Phật được nên anh nằm đó hướng tâm về Đức Phật với tâm cung kính rồi đi ngay lúc đó. Anh được sanh lên Chư thiên, khi có Thần thông rồi anh quán xét vì sao mình được lên Chư thiên, thì mới biết là do lòng cung kính Phật. Lúc này anh thấy người cha đang thiêu cái xác của mình, anh hiện xuống và nói *"Cha ơi cha nên quy y Tam Bảo đi, Cha đang thiêu cái xác của con đó".* Cái cận tử quan trọng như vậy, quý vị có nhớ câu chuyện vị Tỳ-kheo vì lưu luyến tấm y mà bị đọa làm con rệp không? Quý Thầy định chia tấm y nhưng Phật nói bảy ngày sau mới chia, tại vì nếu chia trong bảy ngày đó con rệp này sẽ giận và nó sẽ bị đọa sâu hơn. Phật biết nó chỉ đọa làm rệp bảy ngày thôi, cái chuyện đó chỉ có Phật biết chứ bây giờ mình đâu có duyên gặp Phật.

Cho nên, tự mình thương lấy mình, sống một cuộc sống giúp ai được thì giúp, lo ai được thì lo, và có Pháp tu cho mình. Tinh túy của Phật Pháp, kim cương của Phật Pháp chính là những Pháp tu. Ráng nắm cho được những Pháp tu như: hành Thiền Tứ Niệm Xứ, hành Thiền niệm ân Đức Phật, hành Thiền rải Tâm Từ, hành Thiền đề mục hơi thở….

Đi bố thí không? - Dạ con đi. Đi làm phước không? - Dạ con đi. Vậy mà vô học để lấy kim cương thì không học, chưa nói đến tu, học để lấy cái tinh túy nhất là "dội" rồi. Học vô là buồn ngủ, nó lạ vậy, phải hiểu là vị đó không có duyên! Có đôi lúc, dù cho quý vị muốn học cũng không có thầy dạy, hoặc quý vị muốn thực tập cũng không có thầy dạy, hoặc khi có thầy dạy thì lại không có duyên độ cái người đó. Cho nên trong tiền nghiệp của ngài A-nậu-lâu-đà, ngài nói *"Khi con gặp bậc Thánh thì con không có vật thí, khi con có vật thí thì con không gặp bậc Thánh. Hôm nay, con đủ cái duyên cả hai, có bậc Thánh, con có vật thí, có tấm lòng cung kính của con",* ngài dốc túi cúng hết và nguyện là *"con nguyện cái buổi cúng dường của con hôm nay cho con trong những kiếp luân hồi, con không lâm vào hoàn cảnh dốc túi như vậy nữa".* Cúng một lần luôn mà không còn dốc túi cũng nữa, có nghĩa là con đã lâm vào hoàn cảnh cùng cực, khó khăn như vậy rồi, hôm nay con có và con cúng hết bằng cả tấm lòng để trong vòng luân hồi không phải lâm vào cái cảnh cùng cực như vậy nữa.

Nhiều người nói, lúc đến đi chùa không biết nguyện gì, cúng thì cúng thôi chứ có biết nguyện gì đâu. Vậy thì cái phước có không? Cúng hoa

cho Phật, tin Phật mà không nguyện gì hết vậy thì có phước không? Có chứ, thường thường phước cúng hoa sau này nó trổ quả là đẹp, nhưng không có nguyện học Phật Pháp, hành Thiền thì không nên. Bây giờ có nguyện về Phật Pháp, nguyện gặp Thầy lành, bạn tốt, minh sư thì nó vẫn được trổ quả đẹp và lúc tu thì còn có duyên tu, có được cái duyên gặp thầy lành bạn tốt. Quý vị mà không nguyện gặp Thầy lành bạn tốt thì vòng luân hồi này rất dễ gặp Thầy tà bạn xấu. Mà một khi gặp Thầy tà bạn xấu thì dính vô cái Tà kiến kinh khủng lắm. Đức Phật giác ngộ rồi, các vị Thánh giác ngộ rồi, việc của các Ngài xong rồi, vậy tại sao Phật phải đi nhiều nơi để hóa độ chúng sanh? Nghiệp ai nấy gánh phước ai nấy hưởng, đúng là như vậy, nhưng nhờ Ngài thuyết pháp, nhờ Ngài hóa độ như vậy thì mới là duyên lành kết nối cho ai được có duyên với Ngài. Giống như chúng ta muốn làm phước mà không biết chỗ nào để làm, không có ai đứng lên mở phong trào học Pháp, phong trào làm phước, phong trào tu tập, phong trào giữ Giới, phong trào hành Thiền... mỗi người cũng có nhưng lẻ tẻ. Nhưng nếu có một người đứng lên khuyến khích, làm đầu tàu, làm cầu nối thì thường thường những người đó sau này sẽ hay đứng hàng đầu, làm gì cũng thuộc top đầu. Còn mình

cũng có phước nhưng sau này phút cuối cùng mới trổ, làm phước phút cuối thì phước trổ phút cuối, chuyện gì cũng có nhân, có quả. Cho nên trong điều kiện, khả năng của mỗi người, nếu có phong trào nào làm phước, tu tập, khuyến khích người khác làm được thì cứ cố gắng khuyến khích.

III. BA HIỆN TƯỢNG TRƯỚC KHI CẬN TỬ

Trước khi cận tử thường xảy ra ba điều: nghiệp, nghiệp tướng, và thú tướng.

- Nghiệp: có bốn cái nghiệp lúc mất sẽ theo thứ tự:

1/ Cực trọng nghiệp: nếu trong đời phạm cực trọng nghiệp, năm tội bất thiện nghiệp: giết Cha, giết Mẹ, giết bậc Thánh, làm thân Phật chảy máu, phá hoà hợp Tăng; hoặc nếu đắc Thiền, đắc Thánh - là cực trọng thiện nghiệp; thì vị đó sẽ tái sanh theo cảnh giới tương ưng với các nghiệp này.

2/ Nếu không có những điều trên thì cực trọng nghiệp không có, "*cận tử nghiệp"* sẽ quyết định cảnh giới tái sanh. Tức là những cái nghiệp mà làm mình trước lúc mất, như hình ảnh con bò mà đứng sát cái cửa nó sẽ chạy ra trước.

3/ Còn không thì sẽ là "*tập quán nghiệp"*, tức là những cái nghiệp mình thường làm trong đời thường này, ví dụ thường ngày hay niệm Phật, cứ rảnh là niệm Phật thì thành cái nghiệp lành. Cái tập quán nghiệp như thế nào thì thường nó dễ cho cận tử nghiệp như vậy, ví dụ thường ngày mình hay niệm Phật thì cận tử cũng dễ nhớ câu niệm Phật. Còn thường ngày hay chửi, hay giận, hay buồn, hay bực thì lúc cận tử đâu nhớ niệm Phật, mà thường thì cận tử cũng sẽ dễ hơn thua hận thù. Nếu không có cận tử nghiệp thì cái tập quán nghiệp quyết định.

4/ Nếu không có tập quán nghiệp quyết định thì cái "*tích lũy nghiệp"* sẽ quyết định. Tích lũy nghiệp là cái nghiệp vô số kiếp, cái nào đủ duyên nó sẽ trổ. Chính một trong bốn cái nghiệp này sẽ quyết định cảnh giới tái sanh kế tiếp.

- Nghiệp tướng: sau đó trong tâm của người sắp mất sẽ có "*nghiệp tướng"*. Nghiệp tướng là tướng của nghiệp, nói dễ hiểu là trong đời sống của người đó thường tiếp xúc với cái gì nhiều thì hình ảnh đó sẽ hiện lên nhiều trong tâm. Giống như nếu làm cô giáo thường hay viết phấn trên bảng thì có thể nó hiện lên viên phấn hay cái bảng, hay nếu thường sát sanh chặt đầu con này con kia thì nó hiện lên máu, hình ảnh dao búa,

hay nếu làm Bác sĩ thì thường hiện lên những cây kim, viên thuốc...

- Thú tướng: cái này quan trọng nhất, "thú" là chỗ đi về, hay là cảnh giới tái sanh. Tức là cái tướng này nó cho biết kiếp tới sẽ tái sanh đi đâu, và chỉ có người sắp mất mới thấy trong cái tưởng của mình, thấy trong cái tâm thức của vị đó thôi. Ví dụ như họ nói: sao con ơi có hai con chó nó tới nó dí ông quá vậy con, hay là sao có ngôi nhà đẹp quá vậy con, ông thấy khu rừng đó con... Chỉ người đó thấy chứ mình không thấy, nếu ai không biết thì nói chắc già hay trước khi mất bị lẫn, nhưng coi chừng đó có thể là thú tướng. Cái thú tướng đó nó biểu hiện vị đó chuẩn bị sanh về đâu. Lúc này người nào có kinh nghiệm thì sẽ biết thú tướng của người này tốt hay không tốt, hay biết được nghiệp tái sanh của người đó về đâu. Ví dụ như có người cứ la lên "cứu tôi cứu tôi, nó quăng tôi vào nhà lửa", thì đó là thú tướng của Địa ngục; cứ thấy một mình đi lủi thủi lủi thủi vào rừng thì dễ làm ma đói; thấy có những con chó đen lớn, lửa bao quanh thì rất dễ là cái thú tướng xuống Địa ngục; hay có những chúng sanh dị hình tới kéo đi hãi hùng, tròng trắng trợn, chết trong hình tướng đó rất dễ xuống Địa ngục; thấy thú tướng đi chung với mấy con thú thì dễ xuống Bàng sanh; thấy có những ngôi nhà, vườn

tược đẹp thì dễ sanh làm người nhà giàu, còn thấy cái túp lều tranh sanh làm người nhà nghèo; rồi thấy quang cảnh tuyệt đẹp thì có thể làm Chư Thiên... Đây là những dấu hiệu về thú tướng cho biết sẽ tái sanh về đâu.

Lúc này, nếu có tu tập thì phải chuẩn bị cột tâm vào đề mục mình tu. Nếu đề mục hơi thở thì cột tâm vào hơi thở, Chánh niệm vào hơi thở, hoặc niệm ân Phật thì cột tâm vào đề mục niệm ân Phật…. mà lâu nay không tu thì không biết đâu mà cột. Cho dù thành tỷ phú thì quý vị cũng phải để lại, đẹp cỡ nào cũng để lại, giàu cỡ nào cũng để lại, cái gì cũng phải để lại hết. Có ông Vua kia rất thương hoàng hậu nhưng nàng lại chết trẻ quá, và Vua ướp xác Hoàng hậu để nhìn mỗi ngày. Một vị Thánh tới và ngài thấy Hoàng hậu đã tái sanh làm con bọ hung đang vui vẻ với bạn tình của nó. Hoàng hậu thì làm kiếp bọ hung trong khi Vua thì lại đang ngắm nhìn cái xác, thương cái xác. Nhắm mắt rồi đi đâu không biết được, chúng ta thấy sự thật cuộc đời như vậy, vòng luân hồi như vậy mới nhàm chán, mới lo tu. Muốn thương người thân hay thương mình thì niệm ân Đức Phật đi, rải Tâm Từ đi, phải có cái pháp để tu chứ không thì tới lúc đó phó mặc cho bèo dạt mây trôi, trôi đi đâu thì trôi thì thường sẽ trôi vào cảnh giới xấu. Vì lúc cận tử nghiệp mà

không biết tu thường dễ nổi nóng, dễ bực, dễ tham luyến. Hiểu được điều này thì chúng ta mới yên tâm, cái đức tin mới chắc chắn, tập trung vào câu niệm ân Phật.

Bản thân Thầy cũng muốn trước khi mất Thầy được nghe niệm ân Phật rồi đi. Trong phòng Thầy để niệm ân Phật cả ngày, nửa đêm mà tỉnh dậy nghe máy niệm ân Phật thì Thầy nhiếp tâm vô câu niệm ân Phật, Thầy niệm tiếp. Thay vì ngủ không được, băn khoăn lo lắng chuyện này chuyện kia thì Thầy cột tâm vào "Arahant, Arahant, Arahant..." rồi chìm vào giấc ngủ, hễ tỉnh dậy cứ niệm tiếp. Biển học thì mênh mông, học để thay đổi Chánh kiến nhưng phải nắm một số Pháp tu. Trong cuộc đời phong ba bão tố, nghiệp duyên, đủ thứ chuyện, phải có cái phao để mình nắm. Nhắm mắt rồi đi đâu thì không biết được, và mọi cái trong đời đều có duyên. Là con Phật thì sống cho tốt, ráng tạo những công đức để nhắm mắt là có đường đi rõ ràng, cái này không nói gì đến chuyện giàu sang, đẹp xấu, khỏe ốm mà là công đức, Pháp tu của mỗi người. Phải có đường đi nước bước cho mình, phải có những lời nguyện để cái phước nó hướng đến, nó nâng mình theo lời nguyện đó. Nguyện ước cao lớn của Thầy là chấm dứt luân hồi, mà giả dụ chưa đủ duyên thì nguyện tiếp tục

sanh lên các tầng Trời có bậc Thánh để gặp các Ngài tu tập tiếp.

IV. NÓI GÌ VỚI NGƯỜI SẮP MẤT?

Nếu là Cha Mẹ, thì ví dụ biết Cha Mẹ mình sắp mất rồi thì nên hỏi Cha Mẹ lo nhất là chuyện gì. Nhiều khi khổ là Cha Mẹ không chịu niệm Phật, cả đời không niệm Phật mà chỉ thương con thôi thì lúc đó nên khuyến khích Cha Mẹ yên tâm, con cái lớn hết rồi đừng lo cho con nữa. Cha Mẹ mà chấp vào cái nhà thì phải nói vô chỗ đó. Còn nếu là Phật tử hiểu đạo thì dễ, ví dụ như là: Cha Mẹ mệt rồi thì Cha Mẹ tập trung niệm ân Phật đi, Cha Mẹ đừng lo cho con cái, đừng lo cho nhà cửa; hay: Cha Mẹ có muốn tụng Kinh không thì mở Kinh cho Cha Mẹ nghe; hay: Cha Mẹ muốn niệm Phật thì con niệm hay mở máy niệm Phật cho Cha Mẹ nghe; hay: Cha Mẹ buông đi, đừng chấp vào thân xác, đừng lo chuyện gì cả...

Ở đây Thầy dẫn câu chuyện trong Kinh kể về hai vợ chồng ông Nakulapitā, lúc này ông lâm trọng bệnh thì người vợ nói với chồng sáu việc sau đây:

1/ "Ông ơi, ông hãy yên tâm, đừng có lưu luyến gì hết, hãy yên tâm tôi có thể lo cho gia đình".

2/ "Ông yên tâm đi, tôi không có đi bước nữa đâu".

3/ "Ông yên tâm đi, ông đừng có lo, tôi không lìa bỏ Tam Bảo đâu".

4/ "Ông đừng có lo, ông nghĩ là ông đi rồi tôi không còn đức hạnh nữa phải không, ông yên tâm đi không có điều đó đâu".

5/ "Ông yên tâm đi, ông đừng có nghĩ ông đi rồi tôi không tu tập Thiền Định nữa, ông đừng nghĩ như vậy, ông yên tâm đi tôi không bỏ Thiền Định đâu".

6/ "Ông yên tâm đi tôi không có thối lui niềm tin về Tam Bảo đâu, ông yên tâm đi".

Bà nói với ông sáu câu đó xong thì ông khỏe luôn. Cho nên, việc nói gì với người sắp mất thì điều đầu tiên nếu người đó có tu tập thì nên khuyến khích tập trung vào đề mục tu. Còn không thì như Phật dạy, nói với người đó đừng lưu luyến, đừng chấp vào cái thân này, đừng lo lắng chuyện này chuyện kia.

Còn bản thân chúng ta thì mỗi người phải chuẩn bị, ưu tiên một là phải có Pháp tu như là cái phao trong đời mình. Pháp tu đó có thể là niệm ân Đức Phật, rải Tâm Từ, Pháp hành Thiền Tứ Niệm Xứ, đề mục hơi thở, Thiền Định hay

Thiền tuệ... Còn hàng ngày làm phước, bố thí, cúng dường, sống với tâm Thập Thiện... đó là những cái tu tập. Song song đó là sự Đa Văn, học hỏi Phật pháp để buông bỏ những Tà kiến, để biết cái nào cần nắm, cái nào cần bỏ. Có thể nói được học Pháp là cái gì đó phước đức của đời mình.

Hôm nay Thầy gửi đến Đại chúng bài pháp "Hộ niệm". Hãy nhớ hộ niệm này không chỉ dành cho người mất mà trước nhất là hộ cho bản thân mình, bằng cách ráng tu tập cho có phước. Có phước thì mới bước qua nạn tai, có phước nó mới nâng mình trong vòng luân hồi, giữ được Ngũ giới như là có chiếc xe để chạy ở trong cõi Người đó. Hộ niệm là tự mình biết làm phước, biết tu tập, tự mình biết cầu siêu cho mình, giúp an trú trong thiện Pháp. Như Đức Phật nói, cái cây nghiêng về hướng nào thì khi ngã nó sẽ ngã về hướng đó, dầu mà dìm xuống nước thì nó vẫn sẽ nổi lên. Quý vị có công đức, có tu rồi thì nhắm mắt là đi lên thôi, hộ niệm cho mình là như vậy.

Thứ hai là hộ niệm cho người mất, đừng nghĩ là: tui tới tui tu dùm người mất, đó là hiểu sai. Hộ niệm cho người mất là giúp cho người đó nhớ Phật, nhớ Pháp, nhớ Tăng, nhớ về những điều lành, nhớ về những cái người đó tu tập, và

với cái tâm nhớ về cái đó mà họ đi về cõi lành. Hộ niệm nghĩa là như vậy. Thầy chia sẻ một vài điều như vậy, mong quý Phật tử học được một vài điều để thực tập trong đời sống hàng ngày của mình./.

Phần câu hỏi ôn tập:

1). Định nghĩa hộ niệm?

2). Khi người cư sĩ có trí bị bệnh, Phật dạy hãy an trú họ vào 4 điều gì?

3). Khi Cấp Cô Độc bị bệnh, Ngài Xá Lợi Phất và Ngài A Nan đã dạy cho Ông điều gì?

4). Sự quan trọng của giờ phút cận tử?

5). Nghiệp nào đưa chúng sanh đi tái sanh cảnh giới kế tiếp?

6). Hãy trình bày 3 điều xảy ra trước khi mất: Nghiệp, nghiệp tướng, thú tướng?

7). Hãy kể câu chuyện về cận tử của Hoàng Hậu Mạt Lợi, Chư Thiên Ếch, Vị Tỳ Kheo và con rệp?

8). Chúng ta nên nói gì với người sắp mất?

9). Nêu một vài hiểu lầm về hộ niệm?

10). Bài học rút ra?